#1 NEW YORK TIMES BESTSELLING AUTHOR

STEPHEN KING

MISERY

CHIẾC MÁY ĐÁNH CHỮ ĐẪM MÁU
Ở VÙNG NÚI TUYẾT

Diệu Anh *dịch*

1980 NOVEL

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

PHẦN I:

Annie

"Khi bạn nhìn vào vực thẳm,
vực thẳm cũng nhìn vào bạn."

-Friedrich Nietzsche

1

uỳnh uỳnh

két uỳnhhh

uỳnhhhh.

Vẫn là những âm thanh ấy: ngay cả trong cơn mê man.

2

Thế nhưng đôi khi những âm thanh ấy – hệt như cơn đau – nhòa dần, để lại độc một màn mờ đục. Anh nhớ được màn đen đặc quánh ập đến trước khi chìm vào hôn mê. Phải chăng điều đó có nghĩa là anh đã khá hơn? Cứ để màn đen tăm tối ấy le lói chút ánh sáng (dẫu chỉ lờ mờ), và có sáng là tốt rồi, đúng không? Những âm thanh kia liệu có từng tồn tại trong bóng tối không? Anh không biết đáp án của chừng đó câu hỏi. Mà liệu đặt ra mấy câu hỏi đó thì có nghĩa lý gì chứ? Câu này anh cũng không biết nốt.

Cơn đau lẩn đâu đó dưới những lớp âm thanh. Nó ở phía Đông mặt trời, phía Nam hai tai anh. Đó là tất cả những gì anh từng biết.

Trong khoảng thời gian tưởng như rất dài (và dài thật, kể từ khi cơn đau và trận bão khói là hai điều cuối cùng còn tồn tại), những âm thanh ấy là thực tại ngoại vi duy nhất. Anh không biết mình là ai hay đang ở đâu, và chẳng màng muốn biết. Anh ước mình chết đi cho rồi, nhưng giữa cơn mê man ứ đầy đau đớn đang chiếm trọn não anh như một đám mây giống mùa hạ, anh còn chẳng biết mình từng ước như thế.

Qua thời gian, anh bắt đầu nhận thức được sự tồn tại của những giai đoạn đau đớn như tiêu biến, và chúng có tính chu kỳ. Lần đầu tiên kể từ khi thoát khỏi một cảnh đen kịt luôn mở màn cho cơn mê man, anh có một ý nghĩ tồn tại biệt lập hoàn toàn với tình trạng của mình hiện tại. Anh nghĩ về một cái cọc vỡ nhô lên trên bãi biển Revere. Hồi bé, anh thường được bố mẹ đưa đến bãi Revere, và

anh luôn đòi họ phải trải thảm nằm ở nơi mà chiếc cọc trông như răng nanh của một con quái vật bị chôn vùi đó còn ở trong tầm mắt. Anh thích ngồi ngắm nước dâng lên tới khi chiếc cọc như chìm nghỉm. Thế rồi, vài giờ sau, khi tất cả bánh mì kẹp và salad khoai tây đã được ăn sạch sẽ, khi những giọt Kool-Aid cuối cùng được chắt chiu từ bình giữ nhiệt Thermos cỡ đại của bố, ngay trước khi mẹ bảo đã tới lúc thu dọn để về nhà, đỉnh của cái cọc vỡ lại lần nữa nhô lên – ban đầu chỉ chấp chới giữa những con sóng ập tới, sau mỗi lúc một rõ ràng hơn. Vào lúc rác của họ được chất vào thùng phuy lớn có khắc chữ GIỮ GÌN BÃI BIỂN SẠCH ĐẸP, đồ chơi đi biển của Paulie được nhặt gọn

(*đó là tên mình đó Paulie chính mình là Paulie và tối nay mẹ mình sẽ bôi dầu Johnsons Baby lên chỗ da bị cháy nắng của mình* anh chợt tưởng ra trong đám mây vũ tích mà anh đang trú ngụ) và tấm thảm đã được gặp lại như cũ, chiếc cọc gần như hoàn toàn hiện hình, các mặt đen nhẵn thín của nó phủ đầy những lớp bọt biển còn sủi tăm. Là do thủy triều, bố anh từng thử lý giải, nhưng anh thì luôn biết rằng chiếc cọc mới là nhân vật chính. Thủy triều lên rồi xuống; chiếc cọc vẫn ở đó. Chỉ là đôi khi bạn không nhìn thấy nó. Không có chiếc cọc thì cũng chẳng có thủy triều. Ký ức đó quay mòng mòng, hỗn loạn, như một con ruồi lờ đờ. Anh mò mẫm xem bất kể nó mang nghĩa gì, nhưng trong một khoảng thời gian dài, nó cứ bị những âm thanh kia cắt ngang.

uỳnh uỳnh
két uỳnhhh
uỳnhhhh.

Có lúc âm thanh này ngưng bặt. Đôi khi *chính anh* như ngưng bặt.

Ký ức rõ nét đầu tiên của anh về hiện tại, cái hiện tại nằm ngoài trận bão mù, là về sự ngưng bặt, là đột ngột nhận ra anh không thể thở thêm được nhịp nào nữa, và điều đó ổn cả, như vậy cũng tốt, mà thực ra còn khá thỏa mãn; đau một chút thì được, nhưng tới nấc này là đủ rồi và anh hoan hỉ được dừng cuộc chơi.

Thế rồi một cái miệng kẹp lấy miệng anh, cái miệng rõ ràng là của phụ nữ dù có đôi môi cứng ngắc, hơi gió từ miệng người phụ nữ này xộc qua khoang miệng anh rồi luồn xuống họng, bơm đầy hai lá phổi, và khi cặp môi vừa rụt lại anh liền ngửi thấy mùi vị giảm ngục, mùi hơi thở hắt ra mà ả ta gắn vào trong anh như cái cách người đàn ông cương một bộ phận cơ thể vào cô gái dạng kháng cự, hỗn hợp mùi kinh tởm của bánh quy vani cộng kem sô cô la cộng nước cốt gà cộng bơ đậu phộng.

Anh nghe thấy tiếng gào, "Thở đi, mẹ kiếp! Thở mau, Paul” Cặp môi ngoạm xuống lần nữa. Hơi thở của ả ta thốc vào cổ họng anh lần nữa. Cuộn vào hệt như những cột gió ẩm thấp chạy theo đuôi tàu điện siêu tốc, cuốn theo đủ thứ giấy báo cùng vỏ kẹo ngậm, và khi đôi môi đó vừa bung ra, anh thầm nghĩ *Vì Chúa, dừng để thứ gì xộc ra đường mũi của mày,* nhưng anh không nhịn được và ôi nó *hôi*, nó *hôi* mà *THỐI UM* lên.

“Thở đi, đồ chiết tiệt này!” giọng nói vô hình lại cất lên, và anh nghĩ *Tôi sẽ thở, hoặc gì cũng được, chỉ xin đừng làm vậy nữa, đừng đổ bệnh cho tôi thêm nữa*, rồi anh gắng sức, nhưng trước khi anh kịp bắt đầu, môi người phụ nữ lại chồm lên môi anh lần nữa, cặp

môi khô cứng đơ như những dải da ngâm nước muối, và ả ta nghiên hơi thở của mình lên anh lần nữa.

Lần này khi ả ta gỡ môi, anh không nhả hơi thở của ả ra mà *gắn* xuống, tự hít lấy một hơi khổng lồ. Thở hắt ra. Chờ cho lồng ngực đang khuất tầm mắt anh lần nữa tự phồng lên được, giống như nó vẫn luôn như vậy mà chẳng cần anh phụ giúp gì. Khi nó bất động, anh lại hít một hơi lớn, rồi sau đó anh tự thở lại được, và thở nhanh hết sức có thể để tống khử mùi và vị của người đàn bà ra khỏi mình.

Khi trời chưa bao giờ có vị ngon lành đến vậy.

Anh lại chìm dần vào cơn mê man, nhưng trước khi thế giới mịt mùng biến mất hoàn toàn, anh nghe thấy giọng ả ta lẩm bẩm: “Phù! Suýt thì chết đấy!”

Chưa đủ suýt, anh nghĩ, và thiếp đi.

Anh mơ về chiếc cọc, chân thực đến mức anh cảm thấy mình có thể đưa tay và trượt trên những đường nứt nẻ xanh đen của nó.

Khi trở lại trạng thái nửa mê nửa tỉnh, anh có thể kết nối được chiếc cọc và tình cảnh hiện tại của mình – nó dạt vào tay anh. Cơn đau không chấp chới như thủy triều. Đó là bài học mà ký ức khoác áo cơn mơ dạy anh. Cơn đau *hồ như* chỉ đến rồi sẽ đi. Cơn đau giống như chiếc cọc, đôi khi bị khuất lấp và đôi khi rõ rành rành, nhưng nó luôn ở đó. Khi cơn đau không len lỏi qua lớp xám nhợt sâu thẳm trên tầng mây của anh, anh thầm biết ơn, nhưng anh chẳng bao giờ bị lừa nữa – nó vẫn ở đó, đợi lúc trở về. Chẳng những chỉ có một cái cọc mà có tận hai cái; cơn đau là hai cái cọc, và đâu đó trong anh đã biết điều đó trước cả khi phần lớn tâm trí anh nhận thức được đôi cọc vỡ vụn kia chính là đôi chân gãy nát của chính anh.

Nhưng phải rất lâu sau anh mới có thể tự tách được lớp váng nước bọt đã dán chặt hai môi mình với nhau để thốt ra “Tôi đang ở đâu thế?” với người phụ nữ đang ngồi kế giường cùng cuốn sách trên tay. Tên gã tác giả viết cuốn sách đó là Paul Sheldon. Anh nhận ra đó là tên mình chẳng chút ngỡ ngàng.

“Sidewinder, Colorado,” ả ta trả lời sau khi để anh hỏi trót câu. “Tên tôi là Annie Wilkes. Và tôi là...”

“Tôi biết,” anh nói. “Cô là người hâm mộ số một của tôi.”

“Vâng,” ả ta đáp, cười mỉm. “Chính tôi đây.”

3

Bóng tối. Đến đau đớn và li bì. Đến nhận thức được rằng, dù cơn đau chẳng bao giờ dứt, đôi khi nó bị chôn vùi dưới một thỏa hiệp chẳng mấy dễ dàng mà anh thấy thật nhẹ nhõm. Ký ức thực đầu tiên: ngừng thở, bị hơi thở tanh hôi của một người phụ nữ cưỡng bách quay lại cuộc đời.

Ký ức thực tiếp theo: ngón tay ả ta nhét gì đó vào miệng anh sau các khoảng ngắt quãng đều đặn, một thứ gì như viên nhộng Contac, bất động trong miệng anh, tan dần vì không có chút nước nào và sinh ra một vị đắng ngắt hao hao giống aspirin. Nếu nhổ được vị đắng đó ra thì cũng tốt, nhưng anh biết không thì tốt hơn. Bởi chính thứ đắng nghét đó sẽ mang lại con sóng trào cao trùm lên cái cọc.

(NHỮNG CÁI CỌC, là NHỮNG CÁI CỌC, có tận HAI, ừ có tận hai cái được chưa giờ thì suỵt, bạn biết đấy suỵt)

và khiến chúng tạm tiêu biến một lúc.

Những xoa dịu này đến với anh trong các khoảng thời gian ngắt quãng thưa thớt, nhưng rồi tự thân cơn đau bắt đầu bị hao mòn thay vì nguôi bớt (như cái cọc trên biển Revere hẳn phải tự ăn mòn, vì anh nghĩ, đâu có gì là mãi mãi – dù chính anh hồi nhỏ sẽ thấy nực cười trước lý thuyết phản tôn giáo này), những thứ bên ngoài bắt đầu diễn tiến nhanh chóng hơn cho đến khi thế giới khách quan, với tất cả ký ức, kinh nghiệm, và thành kiến của nó, gần như được tự thiết lập lại. Anh là Paul Sheldon, người chỉ viết hai loại tiểu thuyết, những cuốn hay và những cuốn bán chạy nhất. Anh từng kết hôn và

ly dị hai lần. Anh hút quá nhiều thuốc (hoặc đã từng như vậy trước khi mọi chuyện xảy ra, bất kể “mọi chuyện” có là gì). Một điều gì đó cực kỳ tồi tệ đã ập đến với anh nhưng anh vẫn còn sống. Đám mây xám đó bắt đầu tan ngày một nhanh. Phải còn lâu nữa người hâm mộ số-một của anh mới mang đến cho anh chiếc máy đánh chữ Royal cũ há ngoác miệng và kêu lạch cạch như tiếng Vịt Daddles, nhưng suốt thời gian dài trước đó Paul đã hiểu rằng mình đã mắc kẹt trong một tình cảnh ngặt nghèo.

4

Phần linh tính trong tâm trí anh nhìn thấy người đàn bà đó trước khi anh nhận thức được mình nhìn thấy ả ta, và chắc chắn đã hiểu ả ta trước khi biết là mình hiểu được – nếu không thì tại sao anh lại cứ gán những hình ảnh ảm đạm và đầy nghi ngại như vậy với ả ta? Hễ người đàn bà bước vào phòng, anh lại nghĩ đến hình ảnh những nấm mồ mà các bộ lạc châu Phi cuồng tín tôn thờ trong tiểu thuyết của H. Rider Haggard, và những tảng đá, và sự diệt vong.

Hình ảnh của Annie Wilkes như một vị thần châu Phi bước ra từ *She* hay *King Solomons Mines* vừa lố bịch lại vừa hợp lý một cách lạ lùng. Ở người đàn bà đô con này, ngoài phần ngực phình rộng nhưng không hề mời gọi dưới lớp áo khoác len mỏng xám ả ta mặc suốt thì dường như chẳng có chút đường cong nữ tính nào cả – chẳng có sự tròn trịa đâu ra đó của hông, mông hay thậm chí là bắp chân dưới tuyển tập vô tận những chiếc chân váy len mặc nhà (ả ta lui về phòng ngủ kín để mặc thêm đồ jeans trước khi làm công việc ngoài trời). Thân hình ả ta tuy to lớn nhưng không phúc hậu. Ở ả ta phảng phất cảm giác của những cục máu đông và rào chắn đường hơn là những lỗ thoáng hoặc thậm chí là các không gian mở hay khu vực gián đoạn.

Trên tất thảy, ả ta khiến anh có một cảm tưởng đầy bức bối về *sự nguyên khối*, cứ như người đàn bà này chẳng có mạch máu hay thậm chí là chút nội tạng nào; cứ như ả ta chỉ là khối Annie Wilkes thuần nhất từ trái sang phải và từ trên xuống dưới. Anh càng tin vào

điều đó khi đôi mắt của ả ta, dù có vẻ chuyển động, thực ra chỉ được tô vẽ lên, và chúng chuyển động cũng chẳng nhiều hơn so với mắt của mấy bức chân dung mà bạn có cảm giác đang liếc theo mình khi bạn đi lại trong phòng. Anh nghĩ nếu anh để hai ngón tay thành hình chữ V và thử chọc vào lỗ mũi ả ta, chúng sẽ chẳng vào sâu được quá nửa phân trước khi đụng phải vật cản đặc khít (có thể hơi nhũn); rằng kể cả cái áo len xám, mấy chiếc váy mặc nhà tuềnh toàng và đồ jeans lao động bạc phếch cũng là một phần của cơ thể dạng vải sợi thô lậu đó. Bởi vậy, trực cảm của anh cho rằng người đàn bà này giống một thánh tượng trong truyện xuyên không cũng chẳng có gì bất ngờ. Như một thánh tượng, ả ta ban phát chỉ một điều duy nhất: cảm giác khó chịu ngày càng lún sâu vào nỗi khiếp sợ. Như một thánh tượng, ả ta tước đoạt tất cả những thứ còn lại.

Không, khoan đã, nói vậy thì hơi quá đáng. Ả ta thực có cho anh thứ khác. Ả ta ban cho anh những viên thuốc giúp sóng lại trào lên được quá đỉnh cột.

Thuốc như thủy triều; còn Annie Winkles là mặt trăng lồ lộ kéo chúng tới miệng anh tựa rác tàu trôi dạt theo con sóng. Cứ sáu tiếng ả ta mang cho anh hai viên, trước nhất tuyên bố sự hiện diện của mình bằng cặp ngón tay chọc thẳng vào miệng anh (và anh sớm biết cách hăng hái mút hai ngón tay đó dù đắng), sau lọt vào tầm mắt anh với áo len xám mỏng cùng một trong số nửa tá váy của mình, và thường trực dưới cánh tay ả ta luôn kẹp bản bìa mềm của một cuốn tiểu thuyết anh sáng tác. Tối đến, anh thấy ả ta mặc áo choàng màu hồng nhờ nhờ, mặt bóng loáng do bôi loại kem nào đó (anh có thể dễ dàng gọi tên thành phần chính của loại kem đó dù chưa từng nhìn thấy cái lọ ả ta bôi lần nào; mùi “hoi hoi” của lanolin nồng nặc

và có tính tuyên ngôn); ả ta hất văng anh khỏi giấc ngủ mơ màng đầy âu lo bằng những viên thuốc nép mình trong lòng tay và mảnh trăng lẹm ngoài cửa sổ lấp ló sau một trong hai bả vai rắn chắc.

Sau một thời gian – kể từ khi niềm hoang mang trong anh đã lớn đến mức không thể phớt lờ – anh đã tìm ra được thứ mà người đàn bà đó đã nhét vào miệng anh. Nó là một loại thuốc giảm đau liều cao gốc codeine tên là Novril. Cứ thi thoảng ả ta phải mang cho anh cái bô dẹt không chỉ là vì anh đang trong chế độ ăn toàn chất lỏng và gelatine (trước đó, khi anh còn hôn mê, ả ta đã bón cho anh ăn bằng đường tĩnh mạch), mà còn vì bệnh nhân dùng Novril thường có nguy cơ bị táo bón. Một tác dụng phụ khác, còn nghiêm trọng hơn nữa, là gây ra ức chế hô hấp ở những bệnh nhân nhạy cảm. Paul không hẳn là người nhạy cảm, dù anh đã nghiện thuốc lá gần mười tám năm, nhưng dù sao thì hơi thở của anh đã tắt ít nhất một lần (có thể còn có những lần khác nữa, trong cơn mê, mà anh không nhớ). Đó là lần ả ta hô hấp nhân tạo cho anh. Đây có thể chỉ là chuyện tình cờ xảy ra, nhưng về sau anh đồ rằng người đàn bà đó đã suýt kết liễu anh do vô ý dùng quá liều. Ả ta không thuần thục những gì ả ta đang làm như ả ta nghĩ. Đó chỉ là một trong những điều về Annie làm anh khiếp sợ.

Anh khám phá ra ba điều gần như cùng lúc, khoảng mười ngày sau khi tỉnh lại từ cơn hôn mê sâu. Điều đầu tiên là Annie Wilkes có rất nhiều Novril (thực ra, ả ta có cơ man thuốc đủ các loại). Điều thứ hai là anh đã nghiện Novril. Điều thứ ba là Annie Wilkes điên cuồng một cách nguy hiểm.

5

Bức màn đen vén lên cơn đau và đám mây bão; để rồi anh bắt đầu nhớ lại thứ đã mở màn cho bóng tối khi người đàn bà kể cho anh điều đã xảy ra với anh. Chuyện diễn ra không lâu sau khi anh cất tiếng hỏi câu truyền thống của người-hôn-mê-vừa-tỉnh-lại và nhận được câu trả lời rằng anh đang ở thị trấn nhỏ Sidewinder, bang Colorado. Ả ta còn bảo đã đọc tám cuốn tiểu thuyết của anh mỗi cuốn ít nhất hai lần, và với *Misery* – cuốn ả ta đặc biệt yêu thích, con số là bốn, năm, có thể là sáu lần. Ả ta chỉ ước ao rằng anh có thể viết chúng nhanh hơn. Người đàn bà nói rằng ả ta khó có thể tin nổi được rằng bệnh nhân của mình thực sự *chính là Paul Sheldon đó* ngay cả khi đã kiểm tra thẻ trong ví của anh.

“Nhân tiện thì, ví của tôi đâu ấy nhỉ?” anh hỏi. “Tôi đã cất kỹ cho ngài rồi,” ả ta trả lời. Nụ cười của ả ta đột nhiên đổ sụp thành vẻ đề phòng nhỏ nhen mà anh không ưa lắm – cảm giác giống như khám phá ra một *kẽ nứt* gần như bị che khuất bởi những bông hoa mùa hạ giữa đồng cỏ xanh tươi mơn mởn. “Ngài nghĩ tôi trộm gì trong đó đấy à?”

“Không, dĩ nhiên là không. Chỉ là...” *Chỉ là phần còn lại của cuộc đời tôi đang ở trong đó*, anh nghĩ. Cuộc sống của tôi bên ngoài căn phòng này. *Bên ngoài sự đau đớn này. Bên ngoài khoảng thời gian tựa hồ bị kéo dài thượt như dây kẹo cao su thổi bóng màu hồng mà đứa trẻ nào đó lôi ra khỏi miệng khi buồn chán. Bởi đó chính là cảm*

giác trong khoảng một giờ cuối cùng trước khi những viên thuốc đến nơi.

"Chỉ là *gì*, thưa Quý Anh?" ả ta ngoan cố, và anh nhìn thấy dấu hiệu báo động rằng ánh nhìn chật hẹp đó cứ mỗi lúc một tối sầm lại. *Khe nứt* đang ngoác rộng ra, như thể một trận động đất đang diễn ra sau trán ả ta. Anh nghe được tiếng gió rít gắt và mau ở bên ngoài, rồi đột nhiên hình dung ra cảnh ả ta bế thốc anh lên rồi vắt anh qua bờ vai rắn chắc của mình, nơi anh sẽ nằm như một chiếc bao bố vắt vẻo trên tường đá, đưa thốc anh ra ngoài và cột anh vào xe trượt tuyết. Anh sẽ chết cóng, nhưng trước đó, hai chân anh sẽ đau nhói và gào thét.

"Chỉ là bố tôi luôn dặn tôi phải để mắt đến ví tiền của mình" anh nói, ngạc nhiên vì lời nói dối này có thể trôi ra trơn tuột như vậy. Bố của Paul quen thói không để ý đến anh hơn mức phận sự của ông, và theo như những gì Paul có thể nhớ, ông chỉ cho anh một lời khuyên duy nhất trong suốt cuộc đời mình. Vào ngày sinh nhật thứ mười bốn của Paul, bố đã tặng anh một chiếc bao cao su Quỷ Đỏ đựng trong phong bì giấy bạc. "Bỏ cái này vào ví đi con," Roger Sheldon nói, "và nếu con cảm thấy rạo rực khi đang chim nhau trong bãi xe, hãy dành ra một khoảnh khắc giữa lúc đủ phấn khích để làm tới và quá hừng hực đến mức bất cần để đeo nó vào. Thế gian đã thừa mứa mấy thằng khốn rồi, và bố không muốn thấy con mười sáu tuổi đầu đã phải lo đi lính."

Đoạn Paul nói tiếp: "Tôi đoán bố tôi đã nhắc tôi để ý túi ví nhiều đến mức điều đó mắc kẹt vĩnh viễn bên trong đầu tôi. Nếu đã xúc phạm đến cô, tôi thực lòng xin lỗi."

Ả ta dịu xuống. Mỉm cười. *Khe nứt* khép lại. Những bông hoa mùa hạ lại vui vẻ gật gù. Anh tưởng tượng mình đưa tay xuyên qua nụ cười đó và đụng phải không gì khác ngoài màu đen bất định. “Có xúc phạm gì đâu. Tôi đã cất nó cẩn thận. Khoan đã – Tôi có cái này mời ngài.”

Ả ta quay ra và trở vào với một tô xúp bốc khói. Trong bát có rau củ lềnh phềnh. Anh không ăn được nhiều nhưng anh đã ăn nhiều hơn mình tưởng tượng. Người đàn bà có vẻ hài lòng. Trong khi anh ăn xúp, cô kể cho anh về những gì đã xảy ra, nhờ thế anh nhớ lại tất cả và trộm nghĩ thật tốt khi biết được bằng cách tình cờ nào mà chân mình gãy nát, nhưng bộ dạng anh lúc tiếp thu kiến thức này lại đầy bất an – cứ như thể anh là nhân vật trong một màn kịch nghệ, kiểu nhân vật mà hành trạng thay vì được thuật lại như sử ký lại bị đơm đặt như trong tiểu thuyết giả tưởng.

Người đàn bà đang lái xe bốn bánh đến Sidewinder để mua thức ăn gia súc và chút đồ tạp hóa... cũng để xem các bản sách bìa mềm tại Trung tâm Thuốc Wilson – hôm thứ Tư cách đây gần hai tuần, và các tựa bìa mềm mới luôn lên kệ vào thứ Ba.

“Thật sự là tôi còn *đang nghĩ* tới ngài,” ả nói, bón xúp vào miệng anh sau đó dùng một góc khăn ăn lau đi giọt vương vãi một cách thành thạo. “Điều đó khiến mọi chuyện trở nên quá là trùng hợp, ngài có thấy vậy không? Tôi đã mong sao cuốn *Đứa Con của Misery* sẽ ra bản bìa mềm, nhưng không được may mắn như vậy.”

Trời sắp có bão, ả ta kể, nhưng mãi đến trưa ngày hôm đó, các kênh dự báo thời tiết vẫn tự tin tuyên bố rằng nó sẽ chệch hướng về phía nam, đổ bộ vào New Mexico và Sangre di Cristos.

“Đúng vậy,” anh đáp và nhớ ra ngay khi dứt lời: “Bọn họ bảo nó sẽ đổi hướng. Đó là lý do tại sao tôi quyết định đi.” Anh cố gắng cử động hai chân. Kết quả của hành động đó là một cơn đau khủng khiếp khiến anh rên rỉ.

“Đừng có làm như thế,” người đàn bà nói. “Nếu ngài cho cặp giò của mình được lên tiếng, Paul, chúng sẽ không câm miệng... và nội hai tiếng nữa tôi không thể cho ngài thêm viên thuốc nào đâu. Như tôi đang cho ngài cũng là quá nhiều rồi.”

Tại sao tôi không ở trong bệnh viện? Đây rõ ràng là câu cần hỏi, nhưng anh không chắc đó là câu mà một trong hai người muốn bị hỏi. Ít nhất là chưa.

“Khi tôi đến cửa hàng thức ăn chăn nuôi, Tony Roberts bảo nếu có ý định quay lại đây trước khi cơn bão đến thì tốt hơn hết là đi nhanh lên, và tôi nói...”

“Chúng ta đang ở *cách* thị trấn đó bao xa?” anh thắc mắc.

“Xa lắm,” ả ta mơ hồ nói, mắt hướng ra phía cửa sổ. Kế đến là một quãng im lặng đến kỳ quái, và Paul bị rợn ngợp trước những gì anh nhìn thấy trên khuôn mặt người đàn bà, bởi anh tuyệt nhiên chẳng thấy gì cả; sự trống rỗng đen kịt của một *khe nứt* bị gập thành lãnh nguyên núi cao, một màu đen chẳng hoa cỏ nào mọc nổi và hễ có gì rơi vào cũng phải miên man mới chạm đáy. Đó là khuôn mặt người đàn bà mà trong chốc lát đã thoát ly khỏi mọi dấu mốc và vị trí trọng yếu của đời mình, người đàn bà đã quên béng không chỉ đoạn ký ức mà ả ta đang thuật dở mà còn quên luôn cả khả năng ghi nhớ. Anh từng đi tham quan một trại tâm thần nhiều năm về trước khi đang tìm tư liệu để viết *Misery*, tựa đầu tiên trong số bốn cuốn sách là nguồn thu nhập chính của anh suốt tám năm qua – và anh đã bắt

gặp ánh nhìn này... hoặc, chính xác hơn là ánh không-nhìn này. Thuật ngữ chuẩn để miêu tả nó là *chứng căng trương lực*, nhưng không có từ nào có thể đặc tả được điều làm anh kinh hãi – nó gần hơn với một phép so sánh mơ hồ: trong khoảnh khắc đó, anh nghĩ rằng suy nghĩ trong đầu người đàn bà đã thành ra giống với tưởng tượng của anh về thân thể ả ta: đặc khít, xác xơ, xộc xệch, không một kẽ hở.

Rồi, từ từ, mặt ả ta tỉnh táo trở lại. Ý nghĩ lại theo dòng tràn vào. Rồi anh nhận ra *luồng chảy* chỉ là một sai lầm tí xíu. Ả ta không được làm đầy, giống một cái ao hay hồ thủy triều; ả ta *nóng máy* lên. *Đúng vậy... ả ta ấm dần lên, như mấy loại thiết bị điện nhỏ. Một cái máy nướng bánh mì, hoặc có thể là miếng dán giữ nhiệt.*

"Tôi nói với Tony, *Cơn bão hướng xuống phía nam rồi*." Lúc đầu ả ta nói chậm, gần như chếnh choáng, nhưng sau đó lời nói bắt đầu bắt kịp nhịp điệu bình thường và có đủ độ sáng của một cuộc trò chuyện bình thường. Đến đây anh lại bắt đầu đề phòng. *Mọi thứ ả* ta nói đều phảng phất sự kỳ lạ, dị thường. Nghe Annie nói chuyện chẳng khác nào đang nghe một bài hát bị đánh lạc tông.

"Nhưng anh ta bảo, *Nó đổi ý rồi*."

"*Ôi chết tiệt*! Tôi nói thế. *Thế thì tôi phải leo lên con chiến mã và cưỡi về thôi.*"

" *Nếu cô làm được thế, tôi sẽ ở lại thị trấn, Quý cô Wilkes ạ*, anh ta nói. Giờ thì họ đang phát biểu trên đài phát thanh rằng cơn bão sẽ quậy đến nơi đến chốn và chưa ai chuẩn bị gì."

"Nhưng tất nhiên là tôi *phải* quay về – không thì không có ai cho mấy con vật ăn. Gần đây nhất chỉ có nhà Roydman, nhưng họ cũng

cách đến hàng dặm. Chưa kể, mấy người nhà Roydman đó không ưa tôi.”

Nói xong ý đó, ả ta ném về phía anh một ánh nhìn sắc lẹm, và khi anh không trả lời, ả ta gõ cái thìa vào vành bát theo kiểu cách chuẩn mực.

“Xong rồi sao?”

“Ừ, tôi no rồi, cảm ơn cô. Xúp ngon lắm. Chắc cô nuôi nhiều gia súc lắm nhỉ?”

Bởi, anh đã nghĩ, *nếu cô nuôi nhiều, chắc phải có ai phụ giúp một tay chứ. Một ông làm thuê, ít ra là thế*. “Phụ giúp” là từ có tính gợi mở. Nó hứa hẹn là từ khóa gợi chuyện, vì trước đó anh thấy người đàn bà này không đeo nhẫn cưới.

“Không có mấy,” ả ta đáp. “Nửa tá gà mái đẻ. Hai con bò. Và Misery.

Anh chơm chớp mắt. Ả ta cười. “Ngài sẽ cho là tôi không được tử tế lắm khi đặt tên một con lợn nái theo tên của người phụ nữ kiên gan và xinh đẹp mà ngài đã sáng tạo ra. Nhưng con lợn tên vậy thật, và tôi không có ý thiếu tôn trọng” Sau một hồi suy nghĩ, ả ta bồi thêm: “Nó thân thiện lắm đó.” Người đàn bà chun mũi và tự nhiên biến thành con lợn nái, thậm chí giống từ cả mấy cọng râu cứng ngắc đâm ra dưới cằm. Ả ta làm tiếng lợn kêu: *"Ụt ịt! Ụt ịt! Út-Út-ỤT ỊT!”*

Paul mắt tròn mắt dẹt nhìn ả ta.

Người đàn bà không hay biết; ả ta lại trôi dạt tận đâu, ánh mắt mịt mùng và tư lự. Trong mắt ả ta không có gì hắt lên ngoài hình phản chiếu cái đèn đặt trên bàn ăn tại giường, mỗi bên một bóng, yếu ớt lồng vào nhau.

Sau cùng, ả ta cất giọng khinh khỉnh: “Tôi đi được chừng năm dặm thì tuyết bắt đầu rơi. Tuyết rơi nặng hạt luôn được – vùng này cứ có tuyết là y rằng như thế. Tôi bật đèn xe và đi lò dò thì thấy xe của ngài bên vệ đường, đổ chỏng kềnh.” Ả ta nhìn anh vẻ chê bôi. “Ngài có bật đèn xe *của ngài* đâu.”

“Tôi bị giật mình đấy,” anh đáp, chỉ nhớ được bản thân đã giật thót người vào khoảnh khắc đó. Anh vẫn chưa nhớ ra rằng lúc ấy anh đã ngà say.

“Tôi dừng lại,” ả ta kể. “Nếu lúc đó tuyết rơi nặng hơn, có khi tôi chẳng làm thế. Hơi trái khoáy so với một tín đồ của đấng Christ, tôi biết chứ, nhưng trên đường tuyết đã dày ba inch, và kể cả dùng loại xe hệ dẫn động bốn bánh, ngài cũng không thể chắc sẽ đi tiếp được một khi đã mất đà tiến về phía trước. Sẽ dễ dàng hơn nếu ngài tự nhủ với chính mình, *Ồ có lẽ họ đã chui ra được, và bắt xe đi rồi*... Phải cái đó là đoạn đỉnh đồi lớn thứ ba ngang qua ngọn đồi nhà Roydman và cái xe đã nằm chết dí ở đó được một lúc. Thế nên tôi tấp vào lề, và vừa bước ra tôi đã nghe thấy tiếng rên rỉ. Là *ngài* đó, Paul à.”

Ả ta ngoác miệng cười với anh một nụ cười mẫu tử kỳ lạ.

Lần đầu tiên, một cách rõ ràng, đầu Paul Sheldon nảy ra suy nghĩ: *Mình gặp chuyện ở đây rồi. Người đàn bà này sai sai.*

6

Ả ta ngồi xuống bên cạnh giường anh nằm, nơi đáng lẽ là căn phòng ngủ trống, nội chừng 20 phút gì đó và bắt đầu trò chuyện. Khi cơ thể anh xử lý bát xúp, hai cái chân đau anh cũng bị đánh thức. Anh cố gắng tập trung vào câu chuyện của ả ta đang nói, nhưng vẫn không sao chú tâm được hoàn toàn. Tâm trí anh đã bị phân đôi. Ở một phía, anh đang nghe người đàn bà kể chuyện ả ta đã kéo anh ra khỏi đống đổ nát của chiếc Camaro đời 74 anh chạy ra sao – đó là bên mà cơn đau nhói lên và nhức nhối như vài chiếc cột cũ kỹ bắt đầu chấp chới ẩn hiện giữa tầng tầng lớp lớp thủy triều rút. Ở phía còn lại, anh nhìn thấy mình ở khách sạn Boulderado, viết nốt cuốn tiểu thuyết mới của mình, mà may sao – cảm ơn Chúa vì những ân huệ bé nhỏ – không có bóng dáng Misery Chastain.

Để thôi viết về Misery thì có đủ loại lý do, nhưng có lý do đè bẹp tất cả số còn lại, không thể lay chuyển hay bàn cãi gì. Misery – tạ ơn Chúa tràn tuôn ân huệ *lớn* – cuối cùng cũng đã chết. Cô ấy chết trong năm trang cuối phần *Đứa Con của Misery*. Trong căn nhà nơi cô ấy ra đi, chẳng có ai kiềm được nước mắt, cả Paul cũng vậy – duy chỉ một giọt sương đọng tuột khỏi hốc mắt anh, sau tràng cười như loạn trí.

Khi hoàn thành cuốn sách mới là tiểu thuyết đương đại về một tên trộm xe hơi, anh nhớ lại lúc mình gõ câu cuối cùng cho phần *Đứa Con của Misery*: “Thế là, Ian và Geoffrey cùng nhau rời khỏi nghĩa trang nhà thờ Little Dunthorpe, chia sớt đau thương cho nhau

và quyết tâm làm lại cuộc đời.” Trong khi viết dòng này, anh cười khùng khục tới nỗi phải chật vật mới gõ được đúng phím – anh phải viết đi viết lại tới mấy lần. Cảm ơn Chúa vì cuộn băng xóa còn dùng tốt trong máy (đánh chữ) IBM. Anh đề HẾT bên dưới và nhảy cẫng lên trong phòng – vẫn chính căn phòng ở khách sạn Boulderado đó – và hét toáng lên *Cuối cùng cũng được tự do! Cuối cùng cũng được giải thoát! Lạy Chúa toàn năng, cuối cùng thì con đã được tự do! Con ả ngu ngốc này cuối cùng đã tèo đời!*

Cuốn tiểu thuyết mới có tên là *Fast Cars*, viết xong anh không cười cợt gì. Anh cứ thế ngồi trận trước máy đánh chữ một lúc, tự nhủ rằng *Có khi ông bạn vừa ẵm luôn cải Giải thưởng Sách Mỹ năm sau đấy, bạn của tôi*. Và sau đó anh nhấc...

“...có một vết bầm nhỏ trên thái dương bên phải của ngài, nhưng trông chẳng ra hình thù gì. Vấn đề là đôi chân của ngài.... Tôi có thể nhìn thấy chúng ngay tắp lự, ngay cả khi trời cứ tối dần, thì đôi chân của ngài vẫn không…”

…ống nghe điện thoại và gọi cho dịch vụ phòng để lấy một chai Dom Pérignon. Anh nhớ mình đợi chai rượu, đi đi lại lại trong căn phòng nơi anh hoàn tất số sách của mình kể từ năm 1974; anh nhớ đã boa thêm cho người phục vụ một tờ năm mươi đô-la và hỏi anh ta đã nghe dự báo thời tiết chưa; anh nhớ người phục vụ khoái chí, bối rối, cười toe toét nói với anh rằng cơn bão chuẩn bị ập vào chỗ họ được dự báo sẽ đổi hướng xuống phía nam, hướng tới New Mexico; anh nhớ lại cảm giác ớn lạnh của cái chai, âm thanh dè dặt của nút bần khi anh dần nới lỏng nó; anh nhớ đến vị chua chát, khô khan của ly đầu tiên và mở túi du lịch ra xem vé máy bay trở về New York; anh chợt nhớ ra, ngay lúc đó, anh quyết định...

“...tốt hơn hết là tôi nên ngay lập tức đưa ngài về nhà! Đưa ngài lên xe tải thực sự chật vật, nhưng tôi cũng đô con – như ngài thấy đó – và tôi có một đống chăn ở phía sau. Tôi đỡ ngài vào xe rồi phủ chăn lên người ngài, và mãi sau đó, với ánh sáng tù mù và đủ thứ hết cả, tôi mới nhận ra trông ngài *quen quen*! Tôi nghĩ có thể là...”

...anh định leo lên chiếc Camaro cũ trong gara và lái luôn xe về phía Tây thay vì đi máy bay. Cơ mà ở New York thì có cái quái gì? Căn nhà phố liền kề, trống rỗng, ảm đạm, không hoan nghênh, dễ chừng đã bị bẻ khóa. *Dẹp giùm cái*! Nghĩ đoạn, anh uống thêm sâm-panh. *Về miền Tây, các bạn trẻ, hãy Tây tiến đi!* Ý tưởng này điên rồ tới mức trở nên có lý. Anh không mang gì ngoài một bộ quần áo để thay và...

“...cái túi tôi tìm được. Tôi bỏ nó vào xe luôn, nhưng tôi chẳng tìm được gì khác và tôi sợ lỡ đâu ngài chết ra đó, vậy nên tôi nổ máy Bessie Già và tôi lấy được...”

...bản thảo của *Fast Cars* và lên đường tới Vegas hay Reno hoặc thậm chí có thể là Thành phố của Những thiên thần. Anh nhớ là ban đầu ý tưởng này chừng như thật ngớ ngẩn – một chuyến phượt mà anh trong vai cậu chàng hai mươi bốn tuổi vừa bán được cuốn tiểu thuyết đầu đời có thể sẽ lên đường, chứ không phải chuyến đi dành cho người đàn ông qua ngưỡng tứ tuần được hai Thêm một vài ly sâm-panh và ý tưởng đó chẳng còn ngớ ngẩn chút nào. Nó có vẻ, thực ra, suýt thì cao cả. Nó tựa hồ Cuộc Hồi hương của Odyssey Vĩ đại, như một cách bản thân làm quen lại với thực tại sau khi khép lại địa hình hư cấu của cuốn tiểu thuyết. Và thế là anh lên đường...

“...vụt đi như tia chớp! Tôi đinh ninh là ngài sắp chết rồi... Ý tôi là, tôi *chắc* luôn đó! Vì thế, tôi rút cái ví khỏi túi quần sau của ngài, xem

bằng lái xe và thấy tên, *Paul Sheldon*, tôi bèn nghĩ, *Ồ, chắc là trùng hợp thôi,* nhưng ảnh thẻ trên bằng lái trông cũng giống hệt ngài, thế là tôi hết hồn tới mức ngồi thụp xuống bàn bếp. Lúc đầu tôi nghĩ mình sẽ ngất xỉu luôn được. Nhưng sau một hồi, tôi bắt đầu nghĩ có lẽ ảnh thẻ cũng là trùng hợp thôi – vì ảnh trên bằng lái của ai trông cũng lạ hoắc – rồi tôi tìm thấy thẻ Hội nhà văn của ngài, và một cái thẻ của PEN, thế là tôi biết ngài..."

...gặp rắc rối khi tuyết bắt đầu rơi, nhưng trước đó rất lâu anh đã dừng ở quán bar Boulderado, boa cho George hai mươi đô-la để lấy thêm chai Dom thứ hai, và anh đã uống cạn nó trong khi rẽ từ Xa lộ liên tiểu bang 70 vào dãy núi Rockies dưới nền trời màu đồng điếu, rồi ở đâu đó phía đông của Đường hầm Eisenhower, từ trạm thu phí anh đã rẽ hẳn sang hướng khác vì đường sá quang thoáng, còn cơn bão đang di chuyển về phía nam, như bọn họ nói, và cả vì cái đường hầm chết tiệt khiến anh thấy căng thẳng. Anh đang mở một cuốn băng nhạc Bo Diddley cũ bằng máy cassette ở dưới táp lô mà không hề bật đài phát thanh cho đến khi chiếc Camaro bắt đầu bị trơn trượt nghiêm trọng, và anh bắt đầu nhận ra đó không chỉ là một cơn mưa phùn tuyết lất phất mà là một trận bão tuyết thật sự. Có lẽ cuối cùng cơn bão đã không chệch hướng về phía nam; thay vào đó đang ập thẳng vào anh và anh có thể đang chìm trong một đống rắc rối

(y như cách mà lúc này bạn chìm nổi với khó khăn trăn trở)

nhưng anh đã say đến mức nghĩ rằng mình có thể lái xe thoát khỏi nó. Vì thế, thay vì dừng xe ở Cana và tìm chỗ trú ẩn, anh tiếp tục lên đường. Anh nhớ ra buổi chiều biến thành thấu kính crom xám mờ. Anh nhớ ra rượu sâm-panh cứ thế cạn dần. Anh nhớ ra

mình đã cúi người về phía trước để lấy điếu thuốc từ bảng điều khiển và chính lúc đó cú trượt cuối cùng bắt đầu diễn ra, anh cố gắng ghìm bánh lái để vượt qua nó nhưng xe chỉ càng trượt tợn; anh nhớ một âm thanh nặng nề mờ đục, và rồi trật tự trên dưới của thế giới bị đảo ngược hoàn toàn. Anh đã...

"...*hét lên*! Và khi tôi nghe được tiếng ngài hét, tôi biết rằng ngài sẽ sống. Người sắp chết chẳng mấy khi la hét. Họ đã cạn kiệt năng lượng. Cái đó tôi biết. Tôi quyết định *sẽ giữ mạng* cho ngài. Thế nên tôi lấy ít thuốc giảm đau của mình và bắt ngài phải uống. Rồi ngài thiếp đi. Khi ngài trở dậy và lại bắt đầu la hét, tôi đã cho ngài uống thêm một ít nữa. Ngài có râm ran sốt, nhưng tôi cũng đã lo hạ sốt xong. Tôi cho ngài uống Keflex. Ngài có một đôi lần nguy kịch đấy, nhưng giờ thì không có chuyện đó nữa đâu. Tôi hứa." Người đàn bà đứng dậy. "Còn giờ đến lúc ngài nghỉ ngơi rồi, Paul. Ngài phải nhanh khỏe lại."

"Chân tôi đau."

"Vâng, chắc chắn là phải đau rồi. Một tiếng nữa là tới giờ ngài có thể dùng thêm chút thuốc."

"Bây giờ luôn đi. Làm ơn đi." Xin xỏ thì anh cũng thấy mất mặt, nhưng anh không thể ngừng làm như thế được. Thủy triều đã xuống hẳn và những cái cọc vỡ vụn đang đứng trần trụi, lởm chởm như thật, rặt những thứ xử không đành, tránh không xong.

"Một tiếng nữa. Cương quyết. Người đàn bà tiến về phía cửa, cầm thìa và bát xúp bằng một tay.

"À đợi đã!"

Ả ta quay lại, nhìn anh với biểu cảm khó ở vừa nghiêm khắc vừa yêu thương. Anh không thích vẻ mặt đó. Không thích một chút nào.

“Đã hai tuần kể từ khi cô lôi tôi ra ư?”

Trông ả ta lại mơ hồ, và khó chịu. Rồi anh sẽ nhận ra ả ta nắm bắt thời gian không hề tốt. “Chắc tầm đó.”

“Tôi đã bất tỉnh à?”

“Hầu như lúc nào cũng vậy.

“Thế tôi đã ăn những gì?”

Người đàn bà soi xét.

“IV,” ả ta trả lời cộc lốc.

“IV á?” anh đáp, và ả ta nhầm vẻ ngạc nhiên đến sửng sốt của anh với sự thiếu hiểu biết.

“Tôi đã cho ngài ăn qua đường tĩnh mạch,” ả ta trả lời. “Bằng mấy cái ống. Đống vết trên cánh tay ngài chính là nó đó.” Người đàn bà nhìn anh với đôi mắt bất chợt phẳng lặng và đầy cân nhắc. “Ngài nợ tôi một mạng, Paul ạ. Tôi mong ngài nhớ là như thế. Tôi hy vọng ngài giữ điều đó trong đầu.”

Rồi ả ta bỏ đi.

7

Một giờ trôi qua. Bằng cách nào đó, cuối cùng một giờ đã trôi qua.

Anh nằm trên giường, vừa rùng mình vừa ướt đẫm mồ hôi. Từ phòng bên văng vẳng tiếng của Hawkeye và Hot Lips, sau đó là tiếng mấy gã DJ trong WKRP, cái đài phát thanh Cincinnati rồ dại đó. Giọng một phát thanh viên cất lên, khen ngợi mấy con dao Ginsu, đưa ra con số 800, và thông báo với tất cả bạn nghe đài Colorado, những người chỉ đơn giản là đang khát khao sở hữu một bộ dao Ginsu tốt, rằng Tổng Đài Viên Đang Trực Sẵn Máy.

Paul Sheldon cũng Đang Trực Sẵn.

Người đàn bà nhanh chóng xuất hiện trở lại khi đồng hồ phòng kế bên điểm tám giờ, cùng hai viên con nhộng và một cốc nước.

Anh háo hức chống khuỷu tay lên khi ả ta ngồi xuống giường.

"*Cuối cùng* thì cách đây hai hôm tôi cũng đã nhận được cuốn sách mới của ngài," ả ta nói với anh. Nước đá leng keng trong cốc. Đó là âm thanh dễ làm người ta nổi điên. "*Đứa Con của Misery*. Tôi thích nó lắm... Nó cũng hay như mọi cuốn trước đó. Hay hơn! Hay nhất luôn!"

"Cảm ơn cô," anh kiềm chế. Anh cảm nhận được mồ hôi rịn ra trên trán mình. "Làm ơn chân tôi đau lắm."

"Tôi *biết ngay* cô ấy sẽ cưới Ian," ả ta nói và mỉm cười mơ màng, và tôi tin rằng Geoffrey và Ian dần dà sẽ lại làm bạn với nhau. Phải vậy không? Nhưng ngay lập tức ả ta bảo: "Thôi, ngài đừng có nói!

Tôi muốn tự mình tìm hiểu. Tôi đang kéo dài thời gian. Tôi thường sẽ ngâm cực kỳ lâu trước khi có tập mới.”

Cơn đau nhói lên ở hai chân và tạo thành một vòng thép tròn sâu quanh đũng quần anh. Anh đã sờ thử vùng dưới đó, và anh thấy xương chậu của mình vẫn còn nguyên vẹn, nhưng cảm giác nó vặn vẹo và kỳ lạ. Từ đầu gối trở xuống lại có cảm giác như thể không còn chút gì là nguyên vẹn. Anh không muốn nhìn. Anh nhìn thấy áo đệm cộm lên những hình thù lổm nhổm, vặn xoắn, và thế là đủ.

“Làm ơn? Cô Wilkes? Nó đau”

“Hãy gọi tôi là Annie. Bạn bè tôi đều gọi như thế.

Ả ta đưa anh ly nước. Cái cốc lạnh và đọng nước xung quanh. Ả ta giữ những viên thuốc. Thuốc trong tay ả ta là thủy triều. Người đàn bà ấy là mặt trăng, và ả ta đã kéo thủy triều khuất lấp đi những cái cọc. Ả ta đưa thuốc về phía miệng anh, anh chỉ chờ có thể để mở miệng ngay tắp lự... và rồi sau đó ả ta rụt tay lại.

“Tôi đã tự cho mình quyền xem xét cái túi nhỏ của ngài. Chắc ngài không phiền đâu nhỉ?”

“Không. Không, dĩ nhiên là không. Thuốc.”

Cảm giác những hạt mồ hôi trên trán anh luân phiên nóng lạnh. Liệu anh có hét lên không? Anh nghĩ có lẽ anh suýt thì làm vậy.

“Tôi thấy có một bản thảo trong đó,” ả ta nói. Người đàn bà cầm những viên thuốc trong tay phải, chầm chậm nghiêng. Chúng rơi hết vào tay trái. Mắt anh đuổi theo chuyển động của mấy viên thuốc. “Tựa đề là *Fast Cars.* Không viết về Misery, cái đó tôi biết.” Ả ta nhìn anh với vẻ không tán thành – nhưng, như trước đó, vẫn trộn lẫn với tình yêu. Đó là ánh nhìn của tình mẫu tử. “Thế kỷ 19 làm gì có ô tô, nhanh chậm gì cũng vậy!” Ả ta cười sượng khi nghe câu đùa nhỏ

này. “Tôi cũng đã tự cho mình quyền xem qua nó một lượt... Chắc ngài không phiền đâu nhỉ?”

“Làm ơn đi mà,” anh rên rỉ. “Không, nhưng làm ơn.”

Người đàn bà nghiêng tay trái. Các viên nang lăn tròn, ngập ngừng, rồi rơi trở lại vào tay phải ả ta, phát ra tiếng chóc chách li ti.

“Còn nếu tôi đọc nó? Ngài sẽ không phiền nếu tôi đọc nó đâu nhỉ?”

“Không...” Xương của anh gãy nát, chân anh đầy những mảnh thủy tinh vỡ mưng mủ. “Không…” Anh trưng ra một vẻ mà anh hy vọng là một nụ cười. “Không, đương nhiên là không rồi.”

“Bởi tôi sẽ không bao giờ mạo muội làm vậy nếu ngài không cho phép,” người đàn bà nghiêm túc nói. “Tôi rất mực kính trọng ngài. Mà thực ra, Paul à, tôi yêu ngài.” Mặt ả ta bỗng đỏ lựng lên một cách đáng báo động. Một viên thuốc tuột khỏi tay người đàn bà, rơi xuống tấm phủ giường. Paul chộp luôn, nhưng ả ta đã nhanh tay hơn. Anh rên rỉ, mà ả ta không để ý; sau khi vồ được viên thuốc, ả ta lại mơ hồ, nhìn về phía cửa sổ. “ *Trí óc* của ngài,” người đàn bà khoan thai, “*Sự sáng tạo* của ngài, tôi bảo yêu chính là yêu cái đó.”

Trong cơn tuyệt vọng, anh nói điều duy nhất anh có thể nghĩ được: “Tôi biết. Cô là người hâm mộ số một của tôi.”

Lần này ả ta không chỉ nóng máy; ả ta cháy bừng bừng. “Chuẩn luôn đó!” Ả ta hét lên. “Chuẩn *không cần chỉnh* luôn! Và ngài sẽ không phiền nếu tôi đọc bản thảo với tinh thần đó, phải không? Kiểu tinh thần của... của tình yêu đến từ người hâm mộ? Kể cả khi tôi không thích những tựa khác của ngài như bộ *Misery*?”

“Không” anh nói, và nhắm mắt. *Không, nếu cô thích cứ gập bản thảo thành mũ giấy luôn cũng được... nhưng... làm ơn... Tôi chết đến*

nơi rồi...

“Ngài thật *tốt*” người đàn bà thỏ thẻ. “Tôi *biết ngay* là ngài tốt mà. Chỉ cần đọc sách ngài viết, tôi liền biết chính là như vậy. Người có thể nghĩ ra được Misery Chastain, đầu tiên nghĩ đến cô ấy rồi thổi vào cô ấy hơi thở của cuộc sống, không thể nào mà khác được.”

Các ngón tay ả ta đột nhiên ở trong miệng anh, thân mật đáng kinh ngạc, chào mời đầy bẩn thỉu. Anh ngậm mấy viên thuốc từ giữa những ngón tay và nuốt chửng ngay khi còn chưa mò mẫm được cốc nước tràn lên miệng.

“Cứ như một em bé vậy,” ả ta nói, nhưng anh không thể nhìn thấy ả ta vì mắt vẫn nhắm nghiền, và giờ anh thấy lòng đau nhói. “Nhưng mà ngoan. Còn rất nhiều điều tôi muốn hỏi ngài... thật nhiều điều mà tôi muốn biết.”

Lò xo kêu cót két khi ả ta đứng dậy.

“Chúng ta sẽ ở đây thật hạnh phúc,” ả ta nói, và mặc dù một tia kinh hoàng xé toạc trái tim anh, Paul vẫn không mở mắt.

8

Anh thiếp đi. Thủy triều lên và anh ngủ được. TV phòng bên xập xòe một hồi rồi lại tắt. Thỉnh thoảng đồng hồ kêu vang, anh cố đếm những tiếng chuông nhưng toàn lỡ mất nhịp giữa chừng.

IV. Bằng mấy cái ống. Đống vết trên cánh tay ngài chính là nó đó.

Anh nhổm dậy bằng một khuỷu tay và mò tìm cái đèn, mãi mới bật được nó lên. Anh nhìn vào cánh tay mình và từ trong các nếp gấp khuỷu tay, anh thấy các lớp màu tím và thổ hoàng mờ nhạt chồng lên nhau, và ngay chính giữa mỗi vết bầm có một lỗ đen đầy máu tụ.

Anh nằm xuống, nhìn trân trân lên trần nhà, lắng nghe tiếng gió. Anh đang ở gần đỉnh của Dải Chia Cắt Lục Địa Lớn giữa độ đông chí, với một người đàn bà đầu óc không bình thường, người đã cho anh ăn uống bằng IV khi anh bất tỉnh, người dường như là nguồn cung chất gây nghiện bất tận, người không hé với ai về việc anh đang ở đây.

Mấy chuyện này rất quan trọng, nhưng anh bắt đầu nhận ra điều khác còn quan trọng hơn: thủy triều lại rút. Anh bắt đầu đợi tiếng đồng hồ báo thức của người đàn bà trên lầu. Phải một lúc lâu nó mới kêu một lần, nhưng đã đến lúc anh nên bắt đầu chờ đợi khoảnh khắc đó.

Ả ta bị điên nhưng anh cần ả ta.

Ồ, mình đang đang gặp cả mớ phiền phức, anh nghĩ, và nhìn chằm chằm lên trần nhà khi những giọt mồ hôi lại bắt đầu túa ra trên trán.

9

Sớm hôm sau, người đàn bà mang thêm xúp cho anh và bảo anh rằng mình đã đọc bốn mươi trang của cuốn mà ả ta gọi là "bản thảo". Ả ta nói ả ta không nghĩ cuốn này hay như những cuốn khác mà anh từng viết.

"Cuốn này khó theo dõi. Phông thời gian cứ nhảy tới nhảy lui."

"Kỹ thuật đấy," anh đáp. Anh đang ở đâu đó giữa tổn thương và không tổn thương, và vì vậy có thể suy nghĩ kỹ hơn một chút về những gì ả ta đang nói. "Kỹ thuật, tất cả chỉ có thể. Chủ đề... chủ đề quyết định hình thức." Theo một cách mơ hồ nào đó, anh cho rằng những mánh khóe nhà nghề như vậy có thể gây hứng thú, thậm chí mê hoặc người đàn bà. Chúa mới biết mấy cây viết đã rù quến người tham dự hội thảo của mình, những người mà anh đôi khi thỉnh giảng khi còn trẻ. "Tâm trí của cậu trai, như cô thấy đó, đang bối rối, và vì thế..."

"Vâng! Cậu ấy *rất* bối rối, và vì thế cậu ấy trở nên kém thú vị hơn. Nhưng không phải là không thú vị – tôi chắc chắn chẳng nhẽ nào ngài lại tạo ra một nhân vật không thú vị – chỉ là *kém* thú vị hơn. Và mấy lời tục tằn! Đâu đâu cũng thấy cái từ Đờ đó! Nó đã..." Ả ta ngẫm nghĩ, tự động đút xúp cho anh, lau miệng khi anh chảy nước miếng mà gần như không cần nhìn, y như cái cách một người soạn thảo thạo việc hiếm khi nhìn bàn phím; vì vậy anh tự nhiên hiểu ra người đàn bà từng làm y tá. Không phải bác sĩ, ồ không; các bác sĩ

sẽ không biết nước dãi chảy ra khi nào, hoặc có khả năng dự báo đường hướng của mỗi giọt với độ nhạy tuyệt vời như vậy.

Nếu gã dự báo thời tiết phụ trách cơn bão đó làm công việc của anh ta tốt bằng một nửa Annie Wilkes lo việc mình, thì tôi sẽ không phải ở trong cảnh khốn đốn này, anh cay đắng nghĩ.

"Nó không có chút *cao khiết* nào!" người đàn bà đột nhiên la toáng, nhảy dựng lên và suýt đổ ụp cả bát xúp thịt bò đại mạch lên khuôn mặt hênh hếch, trắng bệch của anh.

"Đúng thế," anh nhẫn nại trả lời. "Tôi hiểu ý cô, Annie ạ. "Đúng là Tony Bonasaro chẳng ra chút bộ cao quý nào. Cậu chàng là một đứa trẻ khu ổ chuột đang cố gắng thoát ly một môi trường sống tệ hại, cô thấy đó, và lời lẽ kiểu đó... ai cũng nói năng như thế ở."

"Họ *không* hề!" người đàn bà đáp, ném vào anh một ánh nhìn vẻ cấm đoán. "Thế ngài nghĩ tôi làm giống gì khi tôi đến cửa hàng thức ăn chăn nuôi trong thị trấn. Ngài nghĩ tôi ăn nói làm sao? *Giờ thì Tony, đưa ngay cho bà đây cái túi thức ăn lợn thối hoẵng đó và một bịch cám ngô khốn kiếp cho bò, với cả tẹo thuốc nhỏ ve tai Christing kia đi?* Rồi ngài nghĩ anh ta đáp tôi ra làm sao? *Cái đờ theo ý mày tất, Annie, tao mang mẹ nó ra luôn đây?*"

Ả nhìn anh, khuôn mặt tựa hồ một vòm trời có thể lồng lên một cơn vòi rồng bất kỳ lúc nào. Anh rơi trở lại giường, khiếp vía. Bát xúp tròng trành trong tay người đàn bà. Một, rồi hai giọt rơi trên tấm khăn phủ.

"Thế rồi tôi có đi xuống phố, tới ngân hàng và nói với bà Bollinger, *Cái chi phiếu siêu chó đẻ đây, và mày khôn hồn thì kiếm cho tao năm con mẹ nó chục đô-la và đờ mờ nhanh cái tay chân*

lên? Ngài có nghĩ lúc ấy mấy người đó sẽ đưa thẳng tôi lên đài xử án ở Den không?"

Một dòng nước xúp thịt bò như bùn loãng rớt xuống tấm phủ giường. Ả đảo mắt nhìn nó, rồi nhìn anh, và cau mặt. "Đấy. Nhìn xem ngài làm tôi ra cái nỗi này!"

"Lỗi của tôi."

"Tất! Nhiên! Rồi!" người đàn bà gào lên, ném phắt cái bát vào góc, vỡ tan tành. Xúp bắn văng lên tường. Anh thở hổn hển.

Rồi ả ngưng bặt. Ả cứ ngồi đơ trong vòng đâu đó 30 giây. Trong khoảng đó, quả tim của Paul Sheldon dường như không nảy nổi một nhịp.

Ả khựng lại một hồi, và đột nhiên cười gượng gạo.

"Tôi *nóng tính* thật chứ," ả nói.

"Tôi xin lỗi," anh khào khào bằng cổ họng khô khốc.

"Ngài *nên* như thế." Mặt ả lại chùng xuống và ủ rũ nhìn vào tường. Anh tưởng cô sẽ lại ngây ra, nhưng thay vào đó, người đàn bà thở dài và nhấc người khỏi giường.

"Ngài không cần dùng ngôn ngữ kiểu đó trong truyện *Misery*, bởi hồi đó người ta không dùng mấy từ ngữ như vậy. Có khi còn chưa ai nghĩ ra mà dùng. Thời súc sinh đẻ ra ngôn từ súc sinh, tôi đoán vậy, nhưng như thời đó thì tốt hơn. Ngài nên tập trung viết tiếp truyện *Misery*, Paul ạ. Tôi khuyên thật. Với tư cách người hâm mộ số một của ngài."

Ả ra đến cửa và ngoái lại nhìn anh. "Tôi sẽ để lại sách bản thảo vào túi của ngài và đọc nốt *Đứa Con của Misery*. Khi nào xong rồi tôi sẽ quay lại đọc tiếp."

“Đừng làm vậy nếu cuốn đó làm cô tức giận,” anh nói. Anh cố gượng cười. “Tôi không muốn làm cô giận. Tôi còn phải nhờ cậy vào cô, cô biết mà.”

Ả không buồn đáp lại nụ cười của anh mà bảo: “Vâng, ngài phụ thuộc thật. Ngài như thế thật, phải không, Paul?”

Người đàn bà rời đi.

10

Thủy triều đã rút. Những chiếc cọc lại lồ lộ trên biển. Anh bắt đầu chờ đồng hồ kêu. Hai tiếng chuông. Chuông điểm. Anh nằm tựa vào gối, nhìn ra cửa. Người đàn bà bước vào. Ả đang mặc tạp dề bên ngoài áo khoác len và một trong mấy cái váy của mình. Một tay ả cầm bộ lau sàn.

“Tôi đoán ngài muốn liều thuốc giẻ rách của mình,” ả bảo.

“Đúng, cho tôi xin.” Anh ép mình cười với ả đầy mãn nguyện và lại thấy cảm giác xấu hổ đó trào lên – anh ghê tởm chính mình, một kẻ xa lạ.

“Tôi có nó đây” ả nói, “nhưng phải đợi tôi dọn cái đống nhộm nhoạm trong góc đã. Cái đống *ngài* bày ra. Ngài sẽ phải đợi cho đến khi tôi xong xuôi.”

Anh nằm trên giường, chân co quắp thành hình như cành cây gãy dưới tấm phủ, mồ hôi lạnh trên mặt lã chã giống những con lạch nhỏ; anh nằm và nhìn ả đi vào góc, đặt cái xô xuống và hót mảnh bát vỡ và đổ đi và quay lại quỳ bên cái xô và nhúng đẫm giẻ lau và mang ra một cái giẻ xà phòng, vắt nó và bắt đầu lau xúp khô két trên tường. Anh nằm và quan sát, cuối cùng anh bắt đầu rùng mình và cơn rùng mình khiến anh càng đau tợn, nhưng anh không cách nào kìm được. Ả có quay lại một lần, thấy anh run rẩy và nhúng ga gối đẫm mồ hôi, rồi ban cho anh một nụ cười ranh mãnh với suy nghĩ dễ chắc anh dám giết chết mình.

“Nó khô rồi,” ả nói, đoạn quay lại vào góc. “Sợ là sẽ tốn thời gian đó, Paul ạ”

Ả kỳ cọ. Vết bẩn từ từ biến mất khỏi lớp vữa trát nhưng ả vẫn tiếp tục nhúng miếng giẻ, vắt kiệt, chà sạch, sau đó lặp lại toàn bộ quy trình. Anh không nhìn được mặt người đàn bà, nhưng ý tưởng – *sự quả quyết* – rằng ả đã trở nên rỗng tuếch và sẵn sàng tiếp tục cọ rửa bức tường hàng giờ để hành hạ anh.

Cuối cùng – ngay trước lúc đồng hồ kêu một lần, lúc hai giờ ba mươi — ả đứng dậy và thả giẻ vào nước. Ả xách xô ra khỏi phòng mà không nói một lời. Anh nằm trên giường, nghe tiếng cót két của lớp ván lát lối đi ngoài hành lang chắc chắn, nặng trịch, tiếng ả đổ nước (ra khỏi xô – và, thật lạ kỳ, tiếng vòi nước như đang xả thêm. Anh bắt đầu gào thét không thành tiếng. Thủy triều chưa bao giờ rút tới mức đó; anh không thể nhìn thấy gì ngoài vài bãi bùn đang khô dần, và mấy cái cọc vỡ nát không ngừng soi xuống những cái bóng hư hao.

Người đàn bà quay lại và đứng chững bên trong bậu cửa một hồi, quan sát khuôn mặt ướt đẫm của anh với cùng tổ hợp của sự nghiêm khắc và tình mẫu tử đó. Đoạn mắt ả lướt về phía góc phòng, nơi chẳng còn dấu vết của món xúp văng tung tóe.

“Bây giờ tôi phải giũ giẻ,” ả nói, “không thì xà phòng sẽ két lại thành vết xỉn màu. Tôi phải làm hết đó; tôi cần khiến mọi thứ ổn trở lại. Tôi sống một mình thật, nhưng đó không phải cái cớ để qua quýt công việc. Mẹ tôi dạy vậy, Paul ạ, và tôi sống theo y như thế. Bà ấy thường bảo: “Đã tuềnh toàng, khỏi mơ gọn gàng.”

“Làm ơn,” anh rên rỉ. “Làm ơn, tôi đau, tôi sắp chết mất.”

“Không. Ngài chết thế nào được.”

“Tôi sắp hét lên mất,” anh nói, bắt đầu gào lớn hơn. Càng la ó càng đau. Đau cả chân và tim. “Tôi không thể nào nhịn nổi đâu.”

“Thế thì hét lên,” ả bảo. “Nhưng nhớ là cái đống lộn xộn này do *chính ngài* gây ra. Không phải tôi. Chính lỗi của ngài chứ chẳng vấy vá cho ai khác được.”

Bằng cách nào đó anh nuốt tiếng hét ngược vào trong. Anh nhìn ả nhúng giẻ và vò và giũ, nhúng và vò và giũ. Cuối cùng, vào đúng thời khắc cái đồng hồ mà anh đồ là ở phòng khách bắt đầu điểm ba tiếng, người đàn bà đứng phắt dậy và xách theo cái xô.

Giờ ả sẽ đi ra ngoài. Giờ ả sẽ đi ra ngoài và mình sẽ nghe thấy tiếng đổ nước xả xuống bồn rửa, rồi có lẽ ả sẽ không quay lại trong nhiều giờ vì chưa trừng phạt mình xong.

Nhưng thay vì bỏ đi, ả lại đi tới giường và lục trong túi tạp dề. Người đàn bà lấy ra không phải hai viên mà là ba viên thuốc.

“Đây,” ả nói dịu dàng.

Anh nuốt tọt chúng vào miệng, và khi anh ngước lên, anh thấy ả đang nâng cái xô sàn nhựa màu vàng về phía mình. Nó choán tầm mắt của anh như một vầng trăng rơi. Nước xám đục chom qua vành xô vãi xuống tấm phủ giường.

“Dùng nước này mà nuốt thuốc xuống,” ả nói. Giọng người đàn bà vẫn nhẹ tênh.

Anh chòng chọc nhìn ả, như không muốn bỏ lỡ một gợn nào.

“Làm đi” ả bảo. “Tôi biết ngài nhai sống nuốt khan chúng được, nhưng khi tôi bảo tôi có thể làm ngài ọc ngược thuốc lên thì xin ngài cũng phải tin tôi. Sau cùng, cũng chỉ là nước giặt giẻ lau thôi mà. Làm gì tổn hại đến ngài được đâu.”

Ả ngả người về phía anh như một tảng đá nguyên khối, cái xô hơi đổ theo. Anh có thể nhìn thấy cái giẻ đang từ từ xoắn lại trong vực sâu tối tăm đó như một thứ bị dìm chết; anh thấy một lớp xà phòng mỏng nổi ở trên. Một phần trong anh rên xiết nhưng số còn lại không biết chần chừ. Anh uống gấp, nuốt tuột mấy viên thuốc, và mùi vị trong miệng chẳng khác gì những lần mẹ anh bắt đánh răng bằng xà phòng.

Bụng anh hóp lại và anh phát ra âm thanh dày cộm.

“Nếu là tôi, tôi sẽ không nôn chúng ra đâu, Paul ạ. Từ giờ đến chín giờ tối nay không có thêm thuốc đâu.”

Người đàn bà nhìn anh một lúc bằng ánh mắt trống rỗng, rồi khuôn mặt chợt sáng lên và ả mỉm cười.

“Ngài sẽ không làm tôi nổi rồ lên nữa đâu, phải không?”

“Không đâu,” anh lí nhí. Mặt trăng mang tên cuồng nộ đã mang thủy triều đến? Không hiểu ý tưởng kiểu gì luôn! Thật là một ý tưởng *tồi*.

“Tôi yêu ngài,” ả nói và thơm lên má anh. Người đàn bà bỏ đi, không ngoảnh lại, mang theo cái xô lau sàn như cái cách một phụ nữ thôn quê lực điền xách một thùng sữa, tất nhiên phải cách xa người một chút để không có chút gì bị sánh ra ngoài.

Anh nằm xuống, nếm vị đất đá cùng vôi vữa trong miệng và cổ họng. Nếm vị xà phòng.

Mình sẽ không nôn... sẽ không nôn... sẽ không nôn.

Sau cùng suy nghĩ này cũng bớt thít lên dồn dập và anh ngộ ra mình sẽ đi ngủ. Anh đã giữ mọi thứ đủ lâu trong người để thuốc bắt đầu phát huy tác dụng. Anh đã chiến thắng. Lần này.

11

Anh mơ thấy mình bị chim ăn thịt. Đó không phải là một giấc mơ tốt lành. Có một tiếng nổ và anh nghĩ trong đầu, *Vâng, hay lắm, được lắm! Bắn nó đi! Bắn bỏ cái thứ chết tiệt đó đi!*

Rồi anh tỉnh lại, nhận ra đó chỉ là tiếng Annie Wilkes đóng sập cửa sau. Ả đã ra ngoài làm việc vặt. Anh nghe loáng thoáng tiếng ả bước trên tuyết. Ả đi ngang qua cửa sổ phòng anh, mặc áo lót lông và đội mũ trùm đầu. Hơi thở ả thoát ra rồi đứt quãng trên khuôn mặt đang chuyển động. Ả không nhòm vào nhìn anh, chỉ chăm chú làm việc trong nhà kho, anh cho là vậy. Cho gia súc ăn, dọn dẹp chuồng, hoặc giả có thả vài quẻ bói – thì anh cũng chẳng lấy làm bất ngờ. Nền trời là một buổi hoàng hôn tím đang thẫm dần. Năm giờ ba mươi, có lẽ sáu giờ.

Thủy triều vẫn đang lên và đáng ra anh đã có thể ngủ tiếp – hay còn *muốn* ngủ tiếp – nhưng anh phải nghĩ về tình huống kỳ lạ này trong khi anh vẫn còn khả năng như tư duy bằng lý trí.

Điều tệ nhất là, anh phát hiện ra, anh không muốn nghĩ đến nó ngay cả khi có thể, ngay cả khi anh biết nếu không động não về nó thì chừng nào anh kết thúc được chuyện này. Tâm trí anh cứ cố gắng xua đuổi nó đi, như cách một đứa bé đùn đẩy phần ăn của mình dù bị cấm rời bàn cho đến khi ăn hết.

Anh không muốn nghĩ về tình thế này vì chỉ sống sót được với nó thôi cũng đã đủ chật vật rồi. Anh không muốn tư duy về nó vì hễ anh bắt đầu là những hình ảnh khó chịu lại xen vào – cách người đàn bà

ngây người, cách ả khiến anh mường tượng về các tượng thần và đá tảng, và giờ đây là cách cái xô lau sàn nhựa màu vàng lao thẳng vào mặt anh như một vầng đọa nguyệt. Nghĩ về những điều đó cũng chẳng giúp tình hình của anh có biến chuyển gì, mà trên thực tế còn tệ hơn là không nghĩ ngợi gì, nhưng một khi anh đã định thần vào Annie Wilkes và tình thế rằng anh còn đang trong nhà ả, thì những ý tưởng đó cứ đến, lấn át hết tất cả. Tim anh bắt đầu đập dồn dập, phần nhiều vì sợ hãi, nhưng cũng vì cả ê chề. Tự anh nhìn thấy mình đang đặt môi lên vành chiếc xô lau sàn màu vàng, thấy nước giũ có màng xà phòng đỡ giẻ lau trôi lềnh bềnh trong đó, nhìn thấy hết thảy thế mà vẫn uống được, chẳng một gợn chần chừ. Anh sẽ không bao giờ kể cho ai về điều đó, giả như anh thoát được khỏi đây, và anh cho rằng mình có thể lừa dối cả với chính mình, nhưng anh sẽ không bao giờ làm được.

Thế nhưng, khổ sở hay không (và anh thực đã bị đày đọa rồi), anh vẫn còn tham sống.

Nghĩ về điều đó đi, mẹ kiếp! Chúa ơi, mày đã mệt tã tượi đến mức chẳng còn sức đâu mà gắng gượng đấy à?

Chưa – nhưng cũng *gần* mệt đến nấc đó.

Sau đó, trong anh nảy ra một ý niệm kỳ quặc và cáu kỉnh: *Người đàn bà không thích cuốn sách mới vì ả quá ngu ngốc để hiểu nó hàm nghĩa gì.*

Suy nghĩ đó không chỉ là kỳ quặc; trong hoàn cảnh đó, cảm thụ của ả về *Fast Cars* thực chẳng có nghĩa lý gì. Nhưng nghĩ về mấy lời của ả ít nhất cũng là đại lộ mới mẻ, và cảm giác phẫn nộ với ả còn dễ chịu hơn là chăm chăm sợ sệt, thế nên anh chạy xuôi con đường đó với chút niềm háo hức.

Ngu ngốc quá à? Không. Xác quyết quá. Không còn chỉ là thiếu thiện chí thay đổi, mà đối nghịch với chính ý tưởng về sự thay đổi.

Ừ. Và ví như người đàn bà có bị điên thật, thì lời bình phán của ả về tác phẩm của anh có khác gì với hàng trăm hàng ngàn người khác trên khắp đất nước này – chín mươi phần trăm trong số họ là phụ nữ – những người chờ đợi đến đứng ngồi không yên từng phần truyện dày năm trăm trang về cuộc đời trầy trật của người thợ rèn mà tôi nuôi nấng để kết hôn với một người cùng tầng lớp? Không, chẳng khác chút nào. Họ muốn Misery, Misery, Misery. Hễ anh cứ nghỉ dăm ba năm để viết một trong những cuốn tiểu thuyết khác — thứ anh nghĩ là nghệ thuật "chân chính" mà anh bắt đầu với sự quả quyết trước nhất, rồi hy vọng và cuối cùng là tuyệt vọng chua chát – anh nhận được một tràng thư phản đối từ những người phụ nữ này, và rất nhiều trong số đó ký tên mình là "người hâm mộ số một của ngài". Giọng điệu của những lá thư dàn trải từ sự hoang mang (mà bằng cách nào đó lại khiến anh tổn thương nhất), đến trách móc, rồi tức giận đùng đùng, nhưng thông điệp lại luôn nhất quán: *Cuốn sách không phải là điều tôi mong đợi, cuốn sách không phải những gì tôi muốn. Làm ơn viết tiếp Misery. Tôi muốn biết Misery đang ra sao. Dù anh có viết ra những Under the Volcano, Tess of the D"Urbervilles, The Sound and the Fury* bản hiện đại, thì cũng chẳng sá gì. Họ vẫn đòi Misery, Misery, Misery.

Cuốn này khó theo dõi... cậu chàng không thú vị... và mấy lời tục tĩu!

Cơn giận lại lóe lên. Tức giận với thói ngu lâu dốt bền của người đàn bà, tức giận vì ả dám bắt cóc anh – giữ anh ở đây làm tù binh, buộc anh phải lựa chọn giữa uống nước bẩn từ xô nước lau sàn

hoặc chịu đựng cơn đau đôi chân gãy – và sau cùng, trên tất thảy, móc đâu ra đủ can đảm để *phê bình* thứ hay nhất mà anh từng viết ra.

“Tổ sư cái thứ ngu dốt tưởng mình hay hớm,” anh văng ra, và đột nhiên lại thấy tốt hơn, thấy được là mình, dù chính anh cũng biết sự nổi loạn này là lom dom, nhỏ mọn và vô nghĩa – người đàn bà đang ở trong kho và chẳng nghe thấy gì, còn thủy triều đang bình an tràn cao hơn những chiếc cọc. Vẫn đang như vậy...

Anh nhớ là ả đã vào đây, giữ mấy viên thuốc, ép anh cho phép đọc bản thảo của *Fast Cars*. Anh cảm nhận được nỗi xấu hổ và nhục nhã đang rần rần trên mặt mình, nhưng giờ chúng còn được trộn thêm với cơn tức giận *thực sự*: từ một tia le lói đơm ngọn lửa tí hon âm ỉ. Anh *chưa từng* cho ai xem bản thảo trước khi tự tay hiệu đính và đánh máy lại. *Chưa bao giờ*. Kể cả người đại diện của anh, Bryce, cũng không được. *Không bao giờ được*. Tại vì sao, anh thậm chí còn không...

Trong một khoảnh khắc, suy nghĩ của anh tự dưng bay biến sạch. Anh lờ mờ nghe thấy tiếng rên rỉ của một con bò.

Tại vì sao, anh thậm chí còn không sao thêm một *bản sao* cho đến khi bản nháp thứ hai hoàn thiện.

Bản thảo chép tay của *Fast Cars* đang nằm trong tay Annie Wilkes, trên thực tế, là bản duy nhất hiện có trên toàn thế giới. Mấy ghi chú kèm theo anh thậm chí cũng đốt luôn rồi.

Hai năm làm việc cật lực, ả không thích, và rồi ả phát điên.

Ả chỉ thích Misery; *Misery mà ả thích* không phải một tên trộm xe hơi mồm loa mép giải đến từ Spanish Harlem.

Anh nhớ ra mình từng nghĩ: *Nếu thích thì cứ gập bản thảo thành mũ giấy luôn cũng được... nhưng... làm ơn...*

Sự tức giận và nhục nhã lại dâng lên, đánh thức tiếng hồi đáp mờ đục đầu tiên từ hai chân anh. Ừ. Tác phẩm, niềm tự hào của mày về tác phẩm, giá trị của tự thân tác phẩm... chừng đó thứ nhòa dần thành ảo ảnh hắt ra từ hộp chiếu bóng khi cơn đau chạm ngưỡng chịu đựng. Việc người đàn bà làm vậy với anh – việc ả *nỡ lòng* làm thế, trong khi anh dành phần lớn thời gian trong những năm tháng trưởng thành cho rằng từ nhà văn là định nghĩa quan trọng nhất về mình — khiến ả có vẻ như hoàn toàn quái dị, biến ả thành điều mà anh *buộc phải* trốn tránh. Người đàn bà thực sự là một thánh tượng, và nếu ả không giết anh, ả có thể sẽ xuống tay với những gì thuộc về nội tại của anh.

Giờ thì anh lại nghe thấy tiếng kêu khoan khoái của con lợn – ả còn tưởng anh sẽ phiền lòng, nhưng cũng nghĩ dùng Misery mà đặt tên cho lợn thì quả là tuyệt vời. Anh nhớ cách người đàn bà nhại vẻ con lợn thế nào, cách môi trên của ả chun về phía mũi, làm hai má bẹt phẳng ra và trong giây lát trông ả chẳng khác con lợn ra sao: *Ụt ịt! ỤT ỊT*!

Từ trong kho vang lên giọng ả: *“Xùy xùy, lợn-lợn-lợn!”*

Anh nằm xuống, vắt tay lên trán và cố kìm chế cơn giận, bởi cơn giận khiến anh cảm thấy mình ngoan cường. Một đấng nam nhi dũng cảm có thể động não tư duy. Kẻ hèn thì không thể. Người đàn bà này từng là y tá – anh chắc chắn. Ả có còn là một y tá không? Không, vì ả không đi làm. Tại sao ả không hành nghề nữa? Điều đó có vẻ hiển nhiên. Không phải thiết bị nào của ả cũng được sắp xếp tử tế; rất nhiều trong số đó còn lăn lộn trong các ô chứa. Nếu điều

này hiển nhiên với anh bất chấp màn sương dày của những cơn đau đang ôm trùm lấy anh, thì chắc chắn các đồng nghiệp của ả cũng dễ thấy ngay được.

Và chắc anh phải có thêm chút thông tin để đánh giá xem có *bao nhiêu* vật dụng của ả không được sắp xếp đàng hoàng chứ nhỉ? Người đàn bà đó đã lôi anh khỏi xác xe, và thay vì gọi cảnh sát hoặc xe cấp cứu, ả bố trí để anh nằm trong phòng khách nhà mình, cắm những ống IV nhỏ giọt vào cánh tay anh và truyền cả đống thuốc mê vào người anh. Đủ để anh ít nhất một lần rơi trạng thái mà ả gọi là suy hô hấp. Ả không hé nửa lời với ai chuyện anh đang ở đây, và nếu đến giờ ả vẫn chưa nói, có nghĩa là ả không định nói.

Liệu người đàn bà đó có cư xử theo lối này nếu người ả lôi ra từ đống đổ nát là một gã vô danh tiểu tốt nào đó không. Không. Không, anh không nghĩ vậy. Ả giữ *anh* lại vì anh là Paul Sheldon, *và ả*...

"Ả là người hâm mộ số một của mình," Paul lẩm bẩm và vắt tay lên che mắt.

Giữa màn tăm tối trổ ra một ký ức tồi tệ: mẹ anh đã đưa anh đến Sở thú Boston, và anh được ngắm nhìn một con chim siêu to. Nó có trên mình những chiếc lông kỳ tuyệt nhất – màu đỏ, tím và xanh hoàng gia – mà anh từng nhìn thấy trong đời... và cặp mắt buồn thảm nhất. Anh hỏi mẹ con chim đến từ đâu và khi bà trả lời *Châu Phi*, anh hiểu nó sẽ rục xác trong cái lồng mà nó đang bị nhốt, cách xa bất cứ nơi nào Chúa dự liệu cho nó, thế là anh òa lên và mẹ mua cho anh một cái kem ốc quế, trong giây lát anh ngừng khóc, nhưng chốc lại nhớ ra và i ỉ không ngừng, vì vậy bà phải cho anh về nhà, bảo anh thật là một đứa trẻ mít ướt và quấy quả khi cả hai trên chuyến xe khách trở về Lynn.

Lông của nó. *Đôi mắt* của nó.

Cơn nhói thót ở chân anh bắt đầu mau hơn. *Không. Không, không*.

Anh ấn cùi chỏ chặt hơn vào mắt mình. Từ trong nhà kho, anh nghe được những tiếng ồn ào nhộn nhạo. Anh chịu không biết đó là tiếng gì, tất nhiên là thế, nhưng trong tưởng tượng của anh

(TÂM TRÍ của ngài SỰ SÁNG TẠO của ngài là tất cả những gì tôi kể đến)

anh mường tượng ra cảnh ả dùng gót giày đẩy những kiện cỏ khô ra khỏi gác xép, cảnh ả đổ ụp chúng xuống nền kho.

Châu Phi. Quê hương của con chim đó là châu Phi. Từ...

Sau đó, tiếng ả khuấy động không gian, cắt ngang ngọt lịm như một lưỡi dao sắc, gần như đang hét lên: *Ngài có nghĩ lúc người ta đưa tôi lên đài xử án ở Den...*

Ngay trên cái bục đó. Khi họ đưa tôi lên đài ở Denver.

Cô có tuyên thệ chỉ nói sự thật, toàn bộ sự thật, không gì ngoài sự thật, xin Chúa che chở không?

(“Tôi không biết thằng bé lấy ý tưởng từ đâu.”)

Tôi tuyên thệ.

(“Thằng bé LUÔN LUÔN viết ra những thứ như thế này.”)

Xin cô cho biết tên.

("Không ai trong gia đình tôi có trí tưởng tượng như thế.”)

Annie Wilkes,

("Thật sống động!")

Tên tôi là Annie Wilkes.

Anh mong mẹ nói nhiều hơn; bà không nói. “Nào,” anh lẩm bẩm, tay vẫn che mắt – đây là tư thế giúp anh suy nghĩ tốt nhất, *tưởng*

tượng được tốt nhất. Mẹ anh thích kể với bà Mulvaney ở phía bên kia hàng rào về trí tưởng tượng kỳ diệu mà anh có, rất sống động và những câu chuyện nhỏ tuyệt hay mà anh viết ra (tất nhiên là ngoại trừ khi bà gọi anh là đứa trẻ quấy quả và mít ướt). “Tiếp tục đi, nào, nào.”

Anh thấy phòng xử án ở Denver, thấy Annie Wilkes trên đài, lúc này không mặc quần jeans mà khoác một chiếc váy tím đen lỗi thời cùng một cái mũ xấu tệ hại. Anh thấy phòng xử án chật ních người xem, cả vị thẩm phán đầu trọc mang kính cận. Vị thẩm phán có bộ ria mép màu trắng. Dưới bộ ria trắng có một vết bớt. Bộ ria che gần hết cái bớt nhưng còn một chút lộ ra ngoài.

Annie Wilkes.

(Thằng bé biết đọc từ lúc lên ba! Bà có tưởng tượng nổi không!”)

Kiểu tinh thần của... của tình yêu đến từ người hâm mộ...

(“Thằng bé cứ thế viết ra, sáng tạo ra mọi thứ.”)

Giờ tôi còn phải giũ đã.

(Châu Phi. Con chim đó đến từ...”)

“*Tiếp* đi nào,” anh thì thầm, nhưng chẳng thêm được gì. Thẩm phán lại yêu cầu người đàn bà cho biết tên của mình, và ả cứ nói đi nói lại là Annie Wilkes, nhưng ả không nói thêm gì nữa cả; người đàn bà ngồi đó choán hết khoảng không khí với cơ thể đặc khít kỳ quái như đồ dệt, liên tục nhắc lại tên mình và tuyệt nhiên chỉ có vậy.

Trong khi cố gắng tưởng tượng xem tại sao cựu y tá đang giam giữ anh lại có ngày bị đưa lên bục xử án ở Denver, Paul chìm vào giấc ngủ.

12

Anh đang ở trong một phòng bệnh viện. Cảm giác nhẹ nhõm quét qua anh – tuyệt đến mức anh muốn hét lên. Có chuyện gì đó đã xảy ra khi anh đang ngủ, ai đó đã đến, hoặc có lẽ Annie thay đổi suy nghĩ hay tâm ý. Chẳng quan trọng gì. Anh đã thiếp đi trong căn nhà của người đàn bà quỷ quái và giờ thì thức dậy trong bệnh viện.

Nhưng chắc họ sẽ không xếp anh vào phòng bệnh dài đến thế này chứ nhỉ? Nó phải to bằng cả căn nhà chứa máy bay! Lấp đầy không gian là hàng hàng những người đàn ông giống nhau (với những chai dinh dưỡng y hệt được treo trên các khay IV chẳng khác gì nhau bên cạnh giường). Anh nhổm dậy và thấy chính những người đàn ông cũng y như nhau – tất cả họ đều là *anh*. Thế rồi, anh nghe văng vẳng tiếng chuông đồng hồ, và hiểu rằng âm thanh đó phát ra từ phía bên kia bức tường của giấc ngủ. Đây là một giấc mơ. Nỗi buồn tiến vào thay thế cho sự nhẹ nhõm.

Cánh cửa ở phía cuối xa phòng bệnh lớn bật mở và Annie Wilkes bước vào – mặc độc một chiếc váy yếm dài và đội mũ trùm đầu; ả ăn vận hệt như Misery Chastain trong phần *Tình yêu của Misery*. Trên một cánh tay, ả cầm chiếc giỏ đan bằng liễu gai. Có một chiếc khăn phủ trên đồ đạc bên trong. Người đàn bà gấp chiếc khăn lại khi anh chăm chú nhìn. Ả thò tay vào lấy đầy tay một thứ gì đó và phóng thẳng tay về phía mặt gã Paul Sheldon đầu tiên đang ngủ. Đó là cát, anh thấy đây là Annie Wilkes giả làm Misery Chastain giả làm người cát. *Nữ* người cát. Sau đó, anh thấy khuôn mặt của

Paul Sheldon đầu tiên biến thành màu trắng dã ngay khi cát vừa va vào nó, nỗi sợ hãi đã đánh văng anh ra khỏi giấc mơ mà bay vào phòng ngủ, nơi Annie Wilkes đang đứng lừng lững cạnh anh. Người đàn bà đang cầm cuốn *Đứa Con của Misery* bản bìa mềm dày sụ bằng một tay. Miếng đánh dấu trang cho thấy ả đã đi được khoảng 3/4 chặng đường.

“Ngài vừa rên rỉ,” ả nói.

“Tôi vừa mơ thấy ác mộng”

“Ngài mơ cái gì vậy?” Anh chọn trả lời bằng ý niệm không thật đầu tiên nảy ra trong đầu mình:

“Châu Phi.”

13

Sáng hôm sau ả đến trễ, mặt xám ngoét màu tro tàn. Anh đang thiu thiu ngủ, nhưng tỉnh dậy ngay tắp lự; hai khuỷu tay giật thót.

“Cô Wilkes? Annie? Cô có ổ.”

“Không.”

Chúa ơi, ả bị đau tim, anh nghĩ thế, và trong tích tắc cơn báo động bỗng nhường chỗ cho niềm vui. *Xin* hãy để ả bị *một cơn đau tim*! Cơn *ra vấn đề* vào! Một quả bung lồng ngực ả ra đi! Anh sẽ hơn cả vui sướng mà bò ra phía điện thoại bàn, mặc cho có đau đớn ra sao. Anh sẽ bò qua cả mảnh kính vỡ đến chỗ điện thoại bàn, nếu cần phải thế.

Và đó *quả là* một cơn đau tim... nhưng không phải loại đau tim mà anh mong đợi.

Ả nhào về phía anh, không hẳn là loạng choạng mà như trào lên *cuồn cuộn*, như cách một thuỷ thủ bước xuống từ con thuyền sau chuỗi ngày dài vượt trùng dương.

“Gì thế...” Anh gắng gượng rụt người tránh ả, nhưng không còn chỗ nào để di chuyển. Sau lưng anh tuyệt chỉ có đầu giường, và tiếp sau là bức tường.

“*Không*!”Người đàn bà tới thành giường, húc vào đó, làm nó rung lên bần bật và trong khoảnh khắc suýt đã ngã đè lên người anh. Đoạn ả ngồi xuống đó, nhìn xuống vẻ mặt trắng bệch như tờ giấy của anh, nhìn sợi gân nổi mồn một giữa cổ cùng mạch máu còn

đang đập thình thịch nơi đỉnh trán. Ả bẻ tay ra, rồi nắm lại thành hai nắm đấm rắn như đá, rồi lại bẻ cho mở ra.

“Ngài... ngài… cái *thứ chim bẩn thỉu* này!”

“Hả sao – tôi không…” Nhưng bất chợt khi anh vừa định lùi lại, phần trung thể trước như hóa ra trống rỗng, sau tựa hồ đã biến mất hoàn hoàn. Anh nhớ lại vị trí đánh dấu trang của người đàn bà lúc tối qua, khoảng ba phần tư cuốn sách. Ả đọc xong rồi. Ả đã biết tất cả những gì cần biết. Ả biết rằng, hóa ra người hiếm muộn không phải Misery; chuyện là do *Ian*. Liệu ả có ngồi trong phòng khách mà anh còn chưa được nhìn thấy, tròn mắt, há hốc miệng khi cuối cùng Misery đã nhận ra sự thật mà quyết định lén gặp Geoffrey? Liệu mắt ả có ngấn lệ khi nhận ra Misery và Geoffrey dẫu không hề vụng trộm sau lưng người đàn ông mà cả hai đều yêu thương, lại có thể dành tặng anh ta món quà trân quý nhất – một đứa trẻ mà anh ta tin là con mình? Và liệu rằng trái người đàn bà có lại khi Misery nói với Ian rằng cô đang mang thai, rồi Ian hủy hoại cô trong làn nước mắt túa ra từ mắt anh ta và lẩm bẩm “Em yêu à, ôi, em yêu của tôi ơi!” liên hồi? Anh chắc chắn, trong thời khắc đó, tất cả những điều anh vừa kể đã diễn ra. Thế nhưng thay vì khóc lóc nhòe nhoẹt vì buồn thương tột độ khi Misery mắc cạn vì hạ sinh đứa bé trai mà có lẽ Ian và Geoffrey sẽ cùng nhau nuôi nấng, người đàn bà lại rồ dại lên.

“Cô ấy không thể nào chết được!” Annie Wilkes hét vào mặt anh. Tay ả đóng mở với nhịp điệu mỗi lúc một nhanh hơn. *“Misery Chastain KHÔNG THỂ NÀO CHẾT ĐƯỢC!”*

“Annie – Annie, làm ơn... .” Trên bàn có một bình đựng nước bằng thủy tinh. Ả chộp lấy và vung lên trước mặt anh. Nước lạnh tạt

khắp mặt anh. Một cục nước đá đậu xuống bên tai trái và trượt theo chiếc gối rơi vào hõm vai anh. Trong tâm trí mình

("Sống động thật đấy!")

anh thấy người đàn bà nện bình nước xuống mặt mình, thấy anh chết vì vỡ hộp sọ và xuất huyết não nặng giữa một trận lũ lạnh cóng toàn nước đá, ngay khi hai cánh tay anh còn đang áo một lớp da gà lộm cộm.

Ả toan làm vậy; chẳng còn gì phải nghi ngờ về điều đó.

Vào phút cuối, người đàn bà xoay người rời khỏi hướng anh nằm và ném bình nước ra cửa, nó vỡ tan tành hệt như bát xúp hôm trước. Ả quay lại nhìn anh, hất mớ tóc đang lòa xòa trên mặt – hai chỏm cứng trên cái mũ đỏ thành ra màu trắng – chính do hai mu bàn tay của người đàn bà.

“Con chim bẩn thỉu này nữa!” ả hổn hển mắng. “Ôi chú chim bẩn thỉu ơi, sao mày *dám*!”

Anh nói nhanh, gấp gáp, mắt sáng rực lên, nhìn chăm chăm vào người đàn bà – chính khoảnh khắc đó anh không chút ngờ vực rằng mạng sống của anh phụ thuộc vào những gì anh có thể phân bua nội trong hai mươi giây tới.

“Annie à, hồi 1871 phụ nữ thường chết khi sinh con. Misery đã hy sinh tính mạng mình cho chồng, người bạn thân nhất và đứa bé của mình. Linh hồn của Misery sẽ luôn...”

“Tôi đếch cần *linh hồn* của cô ấy!” ả gào lên, móc những ngón tay của mình thành móng vuốt và cào về phía anh, như thể ả sẽ xé toạc đôi mắt anh. “Tao muốn chính cô ấy! Mày đã giết chết cô ấy! Chính tay mày *giết* cô ấy!” Tay ả đàn bà lại nắm chặt thành nắm đấm và đẩy chúng xuống như những cái piston, mỗi cái ở một bên đầu

anh. Chúng thụi sâu xuống gối và anh nảy tung lên như một con cào cào. Chân anh ngoạc ra và anh hét toáng lên.

"Tôi không hề giết cô ấy!" anh gào lên.

Người đàn bà sững người, nhìn anh chòng chọc bằng chính cái biểu cảm của *khe nứt* hẹp đen hun hút đó.

"Tất nhiên là không rồi," ả đáp, giọng mỉa mai chua chát. "Ừ, nếu không phải ngài, Paul Sheldon, thì ai vào đây nào?"

"Không ai cả," anh nhỏ giọng. "Cô ấy cứ thế mà chết thôi." Giờ anh mới biết điều này là thật cơ đấy. Nếu Misery Chastain thực sự là một con người, anh biết rất có thể anh đã bị triệu lên đồn cảnh sát để "hỗ trợ điều tra", như người ta vẫn quen mồm gọi thế. Sau rốt, anh có động cơ gây án – anh từng thù ghét ả. Kể từ cuốn thứ ba, anh đã ghét ả rồi. Vào ngày Cá tháng Tư bốn năm về trước, anh có xuất bản độc lập một tập sách nhỏ và gửi cho cỡ chục người quen thân. Tên nó là *Sở thích của Misery.* Trong cuốn sách đó, Misery đã hạ gục con chó săn giống Setter Ai-len của Ian trong một ngày cuối tuần ở vùng ngoại ô xinh đẹp. Anh có cơ hội giết cô ấy... nhưng không làm vậy. Cuối truyện, dù có thêm nhiều phần khinh miệt Misery, cái chết của cô vẫn là điều gì đó gây bất ngờ cho anh. Anh vẫn giữ đủ cốt cách cá nhân nghệ thuật của anh còn phản ánh đời sống, dù hời hợt – cho đến tận cuối cuộc phiêu lưu đầy gian nan của Misery. Cô ấy đã chết một cái chết khôn lường. Mấy lời lí nhí hân hoan của anh chẳng thay đổi chút nào sự thật.

"Dối trá nó vừa," Annie thì thầm. "Tôi còn tưởng ngài tử tế lắm, nhưng thật cũng chẳng ra gì. Ngài chỉ là một con chim già bẩn thỉu dối trá."

“Cô ấy qua đời, chỉ thế thôi. Đôi khi chuyện xảy ra như thế. Đời là vậy mà, khi mà ai đó chỉ...”

Người đàn bà lật ngược cái táp đầu giường. Một ngăn kéo nông trượt ra ngoài. Đồng hồ đeo tay cùng tiền lẻ anh giắt túi cũng trượt theo. Anh thậm chí còn không biết chúng đang nằm trong đó. Anh rụt người tránh ả.

“Chắc ngài nghĩ tôi là thứ ranh con nhỉ,” ả hầm hè. Cặp môi người đàn bà quặp ngược lại vào răng. “Khi làm nghề, tôi đã chứng kiến cả tá người ngỏm – cả trăm ấy, và giờ tôi ngẫm về điều đó. Đôi khi họ trở chứng la hét om sòm và đôi khi họ cứ thể chìm vào giấc ngủ – họ cứ thế mà đi, theo cách ngài nói đó, hẳn là thế rồi.”

“Nhưng nhân vật trong truyện KHÔNG THỂ NÀO cứ thế mà đi! Chúa đón chúng ta đi vào thời khắc mà Ngài cho là đến số, và nhà văn chính là Chúa đối với nhân vật trong câu chuyện của anh ta, anh ta tạo ra họ như cách Chúa tạo ra con người, và chưa ai từng chạm được tới Chúa để xin Ngài một lời giải thích, được rồi, ổn thôi, nhưng khi Misery ra đi, để tôi nói với ngài điều này, ngài là thứ chim bẩn thỉu, tôi bảo ngài rằng Chúa vô tình có một cặp giò què và Chúa vô tình ăn dầm nằm dề ở nhà TÔI.. và…. và…”

Rồi người đàn bà rơi vào trạng thái trống rỗng. Ả đứng thẳng, hai tay buông thõng bên hông, nhìn lên bức tường có treo một bức ảnh cũ chụp Khải Hoàn Môn. Ả đứng đó còn Paul nằm trên giường với những vết tròn trên gối đoạn ngay bên cạnh tai, hướng mắt theo ả. Anh nghe được tiếng nước từ bình chóc chách nhỏ lên sàn, và từ đó anh nghĩ anh có thể gây án mạng. Câu này anh đã tự hỏi suốt, hoàn toàn vì mục đích học thuật, tất nhiên, duy chỉ có lần này là không và anh đã có được cho mình một câu trả lời. Nếu ả không quăng cái

bình, anh sẽ tự ném nó xuống sàn và cố sức nhồi một mảnh vỡ thủy tinh vào giữa họng ả khi ả đang đứng đó, trơ như phỗng.

Anh nhòm xuống đống đồ bị đổ ra từ ngăn kéo, nhưng chỉ có ít tiền lẻ, một cây bút, một chiếc lược và cái đồng hồ. Không thấy ví. Quan trọng hơn là, không thấy cả con dao Quân đội Thụy Sĩ.

Ả hồi lại chút một, và cơn cuồng nộ, ít ra, đã biến mất. Người đàn bà buồn bã hạ ánh nhìn xuống chỗ anh.

“Tôi nghĩ giờ tôi nên ra ngoài. Tôi không nghĩ mình nên ở gần ngài thêm lúc nữa. Tôi không cho đó là việc... khôn ngoan.

“Ra ngoài? Đi đâu thế?”

“Đi đâu thì quan trọng gì. Một chỗ tôi biết. Nếu tôi cứ nấn ná lại đây, tôi sẽ cả giận mất khôn. Tôi cần suy nghĩ. Tạm biệt, Paul.” Ả sải bước băng qua căn phòng.

“Liệu cô có về và cho tôi thuốc không?” anh hoảng hốt hỏi.

Người đàn bà túm tay nắm cửa, đóng sập lại, chẳng nói chẳng rằng. Đó là lần đầu tiên anh nghe thấy tiếng lạch cạch của chiếc chìa khóa.

Anh nghe thấy tiếng ả bước xuống hành lang; anh cau mặt khi ả giận dữ thét lên – những lời anh không hiểu nổi và âm thanh thứ gì đó bị ném xuống đất vỡ tan tành. Một cánh cửa đóng sầm lại. Một động cơ rít lên và rồi khởi động. Tiếng lốp xe lạch cạch, trầm đục trên nền tuyết dày. Giờ thì tiếng động cơ bắt đầu xa dần. Nó giảm xuống còn như tiếng ngáy, sau là tiếng lè về của bầy ong và cuối cùng biến mất hẳn.

Anh còn lại một mình.

Một mình trong nhà của Annie Wilkes, bị khóa trái trong căn phòng này. Kẹt trên chiếc trên giường này. Khoảng cách từ đây đến

Denver giống như… à, như khoảng cách giữa Sở thú Boston và châu Phi.

Anh duỗi ra trên giường, mắt nhìn trần nhà, cổ họng khô khốc và tim đập gấp gáp.

Lúc sau đồng hồ phòng khách báo giữa trưa và thủy triều bắt đầu rút.

14

Năm mươi mốt giờ đồng hồ.

Anh đếm được thời gian nhờ vào cây bút, chiếc Flair FineLiner mà anh để trong túi vào thời điểm xảy ra tai nạn. Anh đã với xuống và chụp được nó. Mỗi khi nghe tiếng đồng hồ, anh gạch một dấu trên cánh tay mình – bốn gạch thẳng và rồi một gạch chéo để đủ một nhóm năm. Khi người đàn bà quay lại, trên tay anh có mười nhóm năm và một gạch lẻ bên ngoài. Những nhóm nhỏ mới đầu thẳng thớm, sau mỗi lúc một lởm chởm khi tay anh bắt đầu run rẩy. Anh tin là mình không đếm sót dù chỉ một khắc. Anh đã thiếp đi, nhưng chưa lúc nào thực sự ngủ được. Cứ một giờ trôi, tiếng chuông đồng hồ lại đánh thức anh.

Sau một hồi anh bắt đầu thấy đói khát – ngay cả khi đang đau đớn. Mọi thứ diễn ra cứ như một cuộc đua ngựa. Mới đầu, Vua Đau dẫn trước rất xa và Tôi Đói theo sau chừng một dặm rưỡi. Hơi Khát gần như đã hoàn toàn hít khói. Sau đó, vào khoảng gần sáng của cái ngày sau khi người đàn bà rời đi, Tôi Đói đã thực sự khiến Vua Đau phải căng giò mà vẫn bị bám sát.

Anh đã dành hầu như tất cả thời gian để luân phiên thiếp đi hoặc tỉnh dậy, ướt đẫm mồ hôi lạnh, chắc mẩm mình chết đến nơi. Lát sau, anh *ước* mình sắp chết thật. Bất cứ giá nào để thoát khỏi tình trạng này. Anh không nghĩ nổi cơn đau có thể tồi tệ đến mức nào. Những chiếc cọc cứ trồi lên, rồi trồi lên cao hơn. Anh thấy cả những thanh sắt giữ móng của chúng, thấy cả những sinh vật chết đuối

nhợt nhạt nằm sõng soài trong khe gỗ. Chúng quả là những sinh vật may mắn. Đối với chúng, đau thương là chuyện đã rồi. Khoảng ba giờ anh chìm vào một cơn la ó vô ích. Đến giữa trưa của ngày thứ hai — *Giờ thứ Hai mươi tư* — anh nhận ra ngoài cơn đau khủng khiếp ở chân và xương chậu, có một thứ gì đó đồng thời cũng khiến anh khổ sở. Sự thoái lui. Bạn có thể gọi con chiến mã này là *Đói Thuốc*. Anh cần rất nhiều thuốc chứ không phải chỉ một viên. Anh nghĩ đến việc cố rời khỏi giường, nhưng nghĩ đến bị dập, ngã và cơn đau bám riết không buông, anh nản lòng. Anh có thể dễ dàng tưởng tượng ra tất cả

("Thật là sống động!")

những cảm giác đó. Lẽ ra anh cũng bất chấp thử, nhưng ả đàn bà đã khóa trái cửa. Anh có thể làm gì ngoài bò tới đó như một con ốc sên, và nằm bẹp ở đó?

Trong cơn tuyệt vọng, lần đầu tiên anh dùng tay kéo chăn ra xem, với hy vọng tình trạng chân anh không tệ như những hình thù dưới lớp chăn biểu thị. Nó không tệ tới vậy; nó tệ hơn. Anh kinh hoàng nhìn chằm chằm vào hình thù anh đã thành ra từ phía dưới đầu gối. Anh nghe thấy trong đầu giọng nói của Ronald Reagan trong King's Row, hét lên rằng *"Phần còn lại của tôi đâu?"*

Phần còn lại của anh còn đây, và anh có thể thoát được; dù cơ hội làm điều có có xa vời hơn bao giờ hết, nhưng anh cho rằng về lý vẫn là khả thi... dù anh có thể chẳng bao giờ đi lại bình thường được nữa – và càng chắc chắn khi mỗi chân anh gãy càng thêm gãy, phải thêm đến vài chỗ, rồi bị ghim bằng thép, thăm khám một cách tàn nhẫn, và chia nhau chịu đựng hàng trăm lần đọa đày đau đớn đến chói tai.

Ả đàn bà đã nẹp chúng lại – tất nhiên anh biết điều đó, cảm nhận được những hình thù cứng nhắc không thể tháo rời, nhưng cho đến giờ anh không biết ả dùng dụng cụ gì để làm được chuyện đó. Phần dưới của cả hai chân được khoanh tròn bằng những thanh thép mảnh trông giống như vừa cưa ra từ một chiếc nạng nhôm. Các thanh nẹp đã được gia cố cẩn thận, đến mức từ đầu gối trở xuống, trông anh chẳng khác gì Im-Ho-Tep khi người ta tìm thấy ông trong lăng mộ của mình. Tự đôi chân co lên đến đầu gối một cách kỳ lạ, chỗ này quay ngắt ra, chỗ kia lại ngo ngoe vào. Đầu gối trái là tâm điểm của cơn đau nhói – dường như chẳng còn tồn tại nữa. Có bắp chân, và bắp đùi, và rồi ở giữa có một đám kinh tởm lồi lên trông như một vòm muối. Phần chân trên của anh bị sưng nặng và dường như hơi chúi ra ngoài. Đùi, háng, thậm chí cả hạ bộ anh, tất cả vẫn còn lốm đốm những vết bầm tím đang mờ dần.

Anh cứ tưởng hai chân dưới đã gãy nát. Hóa ra không phải vậy. Chúng đã bị *nghiền nhuyễn*.

Rên rỉ, khóc lóc, rồi anh lại kéo chăn lên. Thôi không lăn xuống giường nữa. Tốt hơn hết là cứ nằm đây, chết luôn ở đây, tốt hơn hết là chấp nhận mức độ đau đớn này, khủng khiếp như nó vốn có, cho đến khi tất cả đau đớn biến mất. Khoảng bốn giờ của ngày thứ hai, *Hơi Khát* đã điểm mặt. Anh đã nhận thức được tình trạng khô rát ở miệng và cổ họng mình từ lâu, nhưng tới giờ nó có vẻ như đang dần gấp gáp hơn. Anh cảm giác lưỡi mình quá dày, quá lớn. Cứ nuốt vào lại đau. Anh bắt đầu nghĩ đến bình nước mà người đàn bà quăng đi.

Anh thiếp đi, tỉnh lại, thiếp đi.

Ngày trôi qua. Màn đêm buông xuống.

Anh buồn tiểu. Anh đặt tấm phủ ga giường lên trên dương vật của mình với hy vọng tạo ra một bộ lọc thô, tiểu qua đó vào đôi tay khum khum run rẩy của mình. Anh thuyết phục mình đó là tái chế rồi húp lấy những gì anh hứng và giữ được trong lòng tay. Đây tiếp tục là chuyện mà anh nghĩ sẽ không hé răng với bất kỳ ai, ví như anh sống được đủ lâu để kể lể với họ điều gì. Anh bắt đầu tin rằng người đàn bà đã chết. Ả cực kỳ chập cheng, và những người bất ổn thường tự kết liễu đời mình. Anh tưởng tượng ra ả

("Thật là sống động")

tấp vào lề đường ở Old Bessic, rút một khẩu 44 ly từ dưới ghế ngồi ra, tọng họng súng vào họng mình, và bóp cò. *"Misery chết rồi tôi cũng chẳng thiết sống nữa. Tạm biệt, cái thế giới tàn độc này!" Annie gào lên trong màn nước mắt như mưa, và bóp cò.*

Anh khúc khích, rồi rên rỉ, rồi hét lên. Gió gào thét cùng anh... nhưng anh chẳng để ý.

Hay bị tai nạn nhỉ Sao có thể thể được? Ồ, được chứ, quý ngài! Anh tưởng tượng ra cảnh người đàn bà lái xe một cách hùng hổ, phóng nhanh vượt ẩu, và rồi sau đó

("Thằng bé không được thừa hưởng điều đó từ họ NGOẠI NHÀ TÔI")

rơi vào trạng thái trống rỗng và tông thẳng vào vệ đường. Cứ cắm đầu cắm cổ đi. Đâm sầm một nhát rồi bung thành quả cầu lửa, chết lúc nào cũng không hay.

Nếu ả chết, anh cũng sẽ bỏ mạng ở đây, như con chuột trong một cái bẫy trống không.

Anh cứ tưởng sự bất tỉnh sẽ đến và giải cứu anh, nhưng cơn bất tỉnh từ chối; thay vào đó, *Giờ Ba Mươi* rồi *Giờ Bốn Mươi* đến; tới lúc

này *Vua Đau* và *Hơi Khát* nhập vào làm một cỗ ngựa đua duy nhất (*Tôi Đói* đã hít khói từ lâu) và anh bắt đầu cảm thấy mình chẳng khác gì một lát mô sống trên kính hiển vi hoặc một con sâu trên móc câu thứ gì đó, đại loại là, quằn quại không ngừng và chỉ chờ được chết.

15

Khi ả bước vào, mới đầu anh cho rằng đó hẳn phải là một giấc mơ, nhưng sau đó thực tại — hoặc đơn giản là sự tồn tại đơn thuần – chiếm lấy và anh bắt đầu rên rỉ, van nài và cầu xin, tất cả đều vụn vỡ, như vọng lên từ đáy giếng sâu của những mơ hồ. Một điều mà anh thấy rõ là người đàn bà đang mặc chiếc váy màu xanh dương đậm và đội một chiếc mũ lỗi mốt — hệt như bộ trang phục ả mặc trong trí tưởng tượng của anh trên bục nhân chứng ở Denver.

Da ả hồng hào và cặp mắt lấp lánh sự sống cùng vẻ hoạt bát. Lúc đó Annie Wilkes tiệm cận với sự vừa mắt, nhưng về sau tưởng tượng lại cảnh này, hình ảnh rõ ràng nhất anh có thể phục chế được là đôi má ửng đỏ và cái mũ nham nhở. Từ thành trì cuối cùng của sự tỉnh táo và sáng suốt để phân tích thiệt hơn, Paul Sheldon còn-lý-trí trộm nghĩ: *Trông ả ta như một góa phụ vừa được đàn ông tưới tắm sau chục năm thiếu thốn hơi trai.*

Ả cầm trên tay một ly nước – một ly nước lớn.

“Uống đi,” ả nói, đoạn đỡ một bàn tay còn hơi lạnh ngoài trời vào gáy anh để anh có thể ngồi dậy uống nước mà không bị sặc. Anh phồng má hớp nhanh ba ngụm đầy, lỗ chân lông và chối vị giác trong lưỡi anh nở rộng, ngoe nguẩy khi nước thốc vào, một ít nước tràn xuống cằm và chảy xuống áo phông anh mặc, rồi người đàn bà nhấc cái cốc ra. Anh đâm hoảng, đưa đôi tay còn run lẩy bẩy lên níu kéo.

“Thôi,” ả bảo. “Thế thôi, Paul ạ. Uống chút một thôi không lại ói ra.” Nghỉ một chút, ả lại đưa cốc về miệng anh và cho phép anh uống thêm hai ngụm nữa.

“Thứ đó,” anh nhắc, sặc sụa lên. Anh tự mút môi mình, liếm qua một lượt rồi lại tự mút môi. Anh mơ hồ nhớ ra mình đã uống nước tiểu của chính mình, nong nóng thế nào, mằn mặn ra sao. “Mấy viên thuốc – đau quá – làm ơn, Annie, làm ơn, vì Chúa xin hãy cứu tôi *tôi đau quá*...”

“Tôi biết là đau, nhưng ngài phải nghe tôi đã,” ả nói, nhìn anh với vẻ mặt nghiêm khắc nhưng vẫn còn tình mẫu tử. “Tôi phải tạm lánh đi và suy nghĩ. Tôi đã nghĩ kỹ rồi, và mong là tôi nghĩ được sâu tỏ. Tôi không chắc hoàn toàn đâu; suy nghĩ của tôi thường bầy nhầy, tôi biết chứ. Tôi chấp nhận luôn mà. Đó là lý do tại sao tôi không thể nhớ được mình đã ở đâu trong mấy lần chúng dồn lên hỏi tôi. Vậy nên tôi đã cầu nguyện. Ngài biết đó, Đức Chúa Trời ở trên cao, và Ngài phúc đáp những lời cầu nguyện. Ngài luôn trả lời. Vậy nên tôi cầu nguyện. Tôi nói, *Lạy Chúa, lúc con quay lại có khi Paul Sheldon đã chết queo rồi.* Nhưng Chúa dạy, *Anh ta sẽ không chết đâu. Ta đã tha thứ cho anh ta, để con có thể trợ đỡ cho anh ta trên con đường anh ta phải đi.*

Ả phát âm sai từ *trợ đỡ*, nhưng dù sao Paul cũng hầu như chẳng nghe thấy gì; mắt anh dán chặt vào cốc nước. Người đàn bà lại cho anh uống thêm ba ngụm nữa. Anh thở dốc như một con ngựa, ợ lên, rồi kêu thành tiếng khi những cơn rùng mình chạy dọc thân người.

Suốt diễn biến đó, ả nhìn anh bằng ánh mắt nhân từ.

“Tôi sẽ cho ngài thuốc để ngài khỏi đau,” ả nói, “nhưng trước tiên ngài cần làm một việc. Tôi sẽ quay lại ngay.” Ả đứng dậy và tiến ra

phía cửa.

"*Không*!"anh gào lên.

Người đàn bà chẳng thèm để ý. Anh nằm lại, cơn đau bó chặt toàn thân anh như tổ kén, dù đã cố không rên rỉ nhưng tiếng ư ử vẫn cứ bật ra.

16

Mới đầu anh còn tưởng mình đang mê sảng. Những gì anh thấy quá kỳ quặc so với chuẩn tỉnh táo. Khi quay lại, ả đẩy ra trước mặt anh một vỉ nướng than.

“Annie à, tôi đau kinh khủng” Nước mắt chảy dài trên má anh.

“Tôi biết, cục cưng à.” Ả hôn lên má anh, môi chạm nhẹ như lông hồng.

“Ngay đây.” Ả lại rời đi và anh ngẩn ngơ nhìn cái lò nướng than thiết kế cho sân vườn mùa hè mà nay lại sừng sững trong phòng mình, không ngừng gợi lên những hình ảnh của các thánh tượng và sự hy sinh.

Và đức hy sinh trúng phóc là những gì ả nghĩ trong đầu – khi trở lại, một tay ả cầm bản thảo của *Fast Cars*, thành quả còn tồn tại duy nhất suốt hai năm làm việc của anh. Tay kia ả cầm một hộp diêm gỗ hiệu Diamond Blue Tip.

17

“Không,” anh nói, vừa khóc vừa run.

Một ý nghĩ nhảy vọt ra trong đầu anh, thiêu đốt anh như axit: chỉ với chưa đầy một trăm đô-la, anh đã có thể có một bản sao ở Boulder. Mọi người – Bryce, hai người vợ cũ, thậm chí cả mẹ anh – cũng luôn bảo anh rằng anh thật dở người khi không làm một bản sao và để đó dự phòng; suy cho cùng, biết đâu Boulderado hoặc ngôi nhà phố ở New York bốc cháy; hoặc có thể có lốc xoáy, lũ lụt hay đại loại một thảm họa thiên nhiên nào đó khác. Anh nằng nặc từ chối, chẳng vì một lý do nào chính đáng: chỉ vì anh mê tín nghĩ làm thể có vẻ xúi quẩy. Chà, đây chính là điềm gở và thảm họa thiên nhiên ập đến cùng lúc; ở đây có Bão Annie. Trong đầu óc ngây ngô của ả hẳn nhiên chẳng từng mảy may nghĩ có thể còn một bản sao *Fast Cars* ở đâu đó, và giá như anh từng *nghe lời*, giá như anh từng đầu tư một trăm đô-la lẻ bé mọn đó...

“Có chứ,” ả đáp, chìa mấy que diêm cho anh. Bản thảo, xấp giấy Hammermill Bond trắng tinh tươm với trang tiêu đề trên cùng, đang nằm trên đùi người đàn bà. Gương mặt ả vẫn trong sáng và bình lặng.

“Không,” anh nói, quay mặt đi hướng khác.

“Có đấy. Thứ này dơ dáy quá. Chưa kể, cũng chẳng ích lợi gì cho đời.”

“Ích lợi phải nhổm dậy đợp đứt mũi cô thì cô mới biết nó có tồn tại chắc!” anh hét lên, không thiết gì nữa. Người đàn bà cười khẽ.

Sự hừng hực của ả chừng như đã đi nghỉ mát. Thế nhưng, Paul nghĩ, bằng hiểu biết về Annie Wilkes, sự hừng hực có thể thình lình cắp giỏ trở về mà rằng: *Đi xa chút mà chịu không nổi đó! Bạn khỏe không đấy?*

"Trước hết," ả ôn tồn, "ích lợi sẽ *chẳng* đợp đứt mũi tôi. *Cái ác* có thể, nhưng sự tốt lành thì không. Sau là, tôi thấy điều lành là tôi *biết ngay* – ngài tốt đẹp còn gì hả Paul. Tất cả những gì ngài cần là được trợ giúp một chút. Còn giờ thì, cầm lấy diêm đi." Anh lắc đầu qua lại một cách khó khăn. "Không!"

"Có chứ."

"Không!"

"Có."

"Không, *mẹ kiếp*!"

"Cứ văng tục thoải mái đi. Có dạng gì mà tôi chưa từng nghe đâu."

"Tôi không làm đâu." Anh nhắm nghiền mắt.

Khi anh mở mắt, ả đang chìa ra một tấm bìa cứng hình vuông in chễm chệ chữ NOVRIL màu thiên thanh. MẪU DÙNG THỬ, dòng chữ đỏ ngay dưới nhãn hiệu thương mại có ghi KHÔNG SỬ DỤNG NẾU KHÔNG CÓ ĐƠN THUỐC CỦA BÁC SĨ. Bên dưới cảnh báo là bốn viên nang còn trong vỉ. Anh chộp lấy. Ả đưa tấm bìa ra khỏi tầm với của anh.

"Khi nào ngài đốt bản thảo," ả nói. "Thì tôi đưa cho ngài số thuốc này – cả bốn viên luôn, tôi nghĩ vậy – và cơn đau sẽ bay biến. Ngài sẽ lại cảm thấy than thản, và khi ngài tự ỏn rồi, tôi sẽ thay chăn ga cho ngài – tôi thấy ngài làm ướt hết cả, và nằm thế chắc cũng khó chịu – tôi sẽ thay đổi *chính ngài* luôn. Tới lúc đó ngài sẽ thấy đói và

tôi có thể mang cho ngài ít xúp. Có lẽ là vài lát bánh mì không. Nhưng ngài cứ chần chừ không đốt, Paul ạ, thì tôi chẳng làm gì được. Tôi rất lấy làm tiếc."

Lưỡi anh chực bảo *Ừ! Ừ, được thôi!* và vì thế anh cắn lấy nó. Anh lại xoay người vào phía ngược lại – tránh xa tấm bìa cứng hình vuông đầy ma mị với những viên nang trắng trong vị trong suốt hình thoi. "Mày đúng là loài quỷ dữ," anh nói.

Anh tưởng người đàn bà sẽ nổi điên nhưng chỉ nhận được một tràng cười ha hả xếp tầng trên nền buồn bã.

"Ô hẳn rồi. *Vâng*! Đó là suy nghĩ của một đứa trẻ khi mẹ nó vào bếp và bắt được nó chúi xuống dưới bồn rửa vày dung dịch vệ sinh. Đứa trẻ không thốt ra như vậy, hẳn rồi, vì nó đâu được giáo dục như ngài. Nó chỉ bảo, *Mẹ ơi, sao mẹ xấu tính vậy.*

Bàn tay người đàn bà vuốt mấy sợi tóc khỏi vùng lông mày đang nóng hôi hổi của anh. Những ngón tay lướt dọc trên má, ngang qua cổ anh, rồi siết chặt vai anh một cách đầy bi thương trước khi bỏ ra.

"Người mẹ có thể buồn lòng khi con mình bảo mình xấu tính, hoặc giả như nó ngoạc ra ăn vạ vì trò nghịch ngợm bị giằng khỏi tay, hệt như ngài bây giờ đây. Nhưng người mẹ biết cô ấy làm đúng, và làm tròn thiên chức của mình. Như tôi đang làm việc của tôi."

Annie thả đốt tay xuống bản thảo tạo thành ba âm thanh mờ nhạt và tẻ ngắt – 190.000 từ và năm số phận mà Paul Sheldon khi khỏe khoắn và không đau đớn quan tâm sâu sắc, 190.000 từ và năm số phận mà cứ mỗi thời khắc qua đi anh lại càng thấy chẳng thiết gì. Những cái cọc. Những cái cọc. Anh phải có được những viên thuốc chết tiệt đó. Mấy số phận đó chỉ là ảo ảnh. Những cái cọc thì không. *Chúng* là thật.

"Paul ơi?”

"*Không*!"anh òa lên nức nở.

Tiếng lách cách yếu ớt của những viên nang trong vỉ của chủng – im lặng sau đó là tiếng gỗ xáo trộn của que diêm trong hộp của chúng.

"Paul ơi?”

“Không!”

“Tôi đang đợi đấy, Paul ạ.”

Ồ, mắc gì mà nhân danh Chúa mày làm ra hành động kiểu Honatius cảm tử bảo vệ cây cầu này, và nhân danh Chúa mày đang cố màu mè cho ai xem đây? Mày tưởng đây là một bộ phim hay chương trình truyền hình, và đang có khán giả ngồi dưới chấm điểm cho sự quả cảm của mày đấy chắc? Mày có thể làm những gì ả đàn bà muốn hoặc mày cứ cầm cự. Giả như mày cầm cự, mày sẽ tiêu đời và thế là ả ta sẽ đốt phéng cải bản thảo. Vậy mày sẽ làm gì, nằm đây đau khổ vì một cuốn sách mà lượng bản ra chắc chỉ phân nửa so với tập Misery thành công nhất mà mày từng viết, cuốn sách mà Peter Prescott sẽ bị bôi bằng giọng ý nhị đều giả tột cùng trên đền đài vĩ đại của văn chương, tờ Newsweek? Nào, cố lên, khôn ngoan lên! Ngay cả Galileo cũng phải khuất phục trước những gì người ta định làm với mình!

“Paul à? Tôi đang đợi đấy. Tôi có thể đợi cả ngày. Dù tôi khá chắc là ngài sẽ chìm vào hôn mê trước đó từ lâu rồi; tôi nghĩ ngài đang trong trạng thái tiền hôn mê đấy, và tôi có rất nhiều.”

Giọng người đàn bà nhỏ dần.

Được! Đưa diêm cho tôi! Đưa tôi cái đèn xì! Đưa tôi cái trực thăng Baby Huey và đống bom napal luôn đi! Tôi sẽ dội luôn một

quả bom chiến thuật vào bản thảo nếu đó là điều cô mong muốn, thứ nặc nô!

Kẻ chớp lấy thời cơ, người may mắn sống sót đã nói như thế. Dẫu vậy còn một phần diễn ngôn đã tự tiền hôn mê chính nó, bị thả lửng vào bóng tối: *Một trăm chín mươi ngàn từ! Năm số phận Công sức làm việc suốt hai năm.* Và mấu chốt ở đây là gì: *Sự thật! Những gì mà mày từng biết về SỰ THẬT!*

Có tiếng cót két khi người đàn bà đứng dậy.

“Hừm! Phải nói ngài đúng là một cậu bé bướng bỉnh, và tôi không thể cứ ngồi chực cạnh giường ngài cả đêm được, dù tôi rất muốn thế. Dù sao tôi đã lái xe mất cả tiếng để vội vàng về đây. Tôi sẽ quay lại xíu xem ngài có đổi ý...”

“Thôi sao *cô* không đốt luôn đi!” anh hét vào ả.

Ả xoay người, nhìn anh. “Không được,” ả nói, “tôi không thể làm chuyện đó được, dù tôi muốn vậy và cũng muốn ngài khỏi chịu đau đớn.”

“Sao lại không?”

“Bởi,” người đàn bà nghiêm khắc nói, “hành động đó phải xuất phát từ chính ý chí tự do của ngài.”

Nghe tới đó anh cười phá lên, mặt ả tối sầm lại lần đầu tiên kể từ khi quay về, đoạn cầm theo bản thảo dưới cánh tay và rời khỏi căn phòng.

18

Một giờ sau khi ả quay lại, anh đã cầm sẵn mấy que diêm. Ả đặt trang tiêu đề trên vỉ nướng. Anh cố đốt một que Blue Tips mà không được, bởi chúng cứ trượt khỏi vỏ bao diêm hoặc trượt khỏi tay anh.

Thể là Annie lấy hộp diêm và châm, rồi đặt que diêm đã cháy vào tay anh, anh đưa diêm vào mép giấy, rồi ném cả que vào bình và quan sát, say mê, khi ngọn lửa nhấm nháp và cuối cùng liếm trọn. Lần này người đàn bà còn mang theo cả một cái dĩa nướng, và khi trang giấy bắt đầu quăn queo lại, ả chọc chọc vào nó qua các khe hở trên vỉ nướng.

“Thế này thì đến khuya mới xong,” anh nói. “Tôi không thể...”

“Không, chúng ta sẽ làm nhanh thôi,” ả ngắt lời. “Nhưng ngài phải đốt vài trang một, Paul à – để cho thấy ngài đã hiểu chuyện rồi.”

Nói đoạn ả đặt trang đầu của *Fast Cars* lên vỉ nướng, những chữ nghĩa mà anh nhớ đã viết cách đây hai mươi bốn tháng tại ngôi nhà phố ở New York: *“Tôi không có phương tiện,” Tony Bonasaro nói, bước tới gần thanh phao chạy dọc cầu thang, “và dẫu học hành chậm chạp, nhưng tôi lái xe thì nhanh thoăn thoắt.”*

Ôi, ngày hôm đó trở lại trong tâm trí anh giống như một bản nhạc hay bộ phim từng đình đám trên đài phát thanh. Anh nhớ mình đã đi lại khắp nhà từ phòng này tới phòng khác, rất hào hứng về cuốn sách, mà không chỉ hào hứng không thôi, đó là sự hoài thai, và tiếp đây chính là những cơn đau trở dạ. Anh còn nhớ hôm đó mình đã tìm thấy áo ngực của Joan dưới đệm ghế sofa, trong khi cô đã bỏ đi

tròn ba tuần trăng, và chừng đó đủ để bạn biết dịch vụ dọn dẹp đã hoàn thành công việc thế nào; anh nhớ mình nghe thấy tiếng xe cộ ở New York, và, xa xa, tiếng chuông rệu rã từ nhà thờ kêu gọi các tín hữu đến tham dự thánh lễ.

Anh nhớ mình đã ngồi xuống.

Vẫn là sự cứu rỗi thanh thản của việc khởi sự, cảm giác như được đắm mình một cái hố ngập tràn ánh sáng, như mọi khi.

Vẫn là sự lo lắng vụn vặt rằng anh không viết cho thoát những gì anh ấp ủ, như mọi khi.

Vẫn là nỗi sợ hãi không thể kết thúc được câu chuyện, sợ dốc lòng vào thứ xôi hỏng bỏng không, như mọi khi.

Vẫn là cảm giác hồi hộp diệu kỳ trên hoan lộ của *hành trình vừa mới chớm*, như mọi khi.

Anh ngước nhìn Annie Wilkes và nói, rõ ràng nhưng nhẹ giọng: “Annie à, làm ơn đừng ép tôi phải làm thế này.”

Ả cầm bất động những que diêm trước mặt anh và nói: “Ngài cứ làm như những gì ngài chọn lựa.”

Và thế rồi, anh đốt sạch cuốn sách của mình.

19

Ả đàn bà bắt anh phải đốt trang đầu trước, rồi trang cuối, và chín cặp trang từ các chương khác nhau của bản thảo, bởi ả bảo, chín là con số quyền lực, và hai lần số chín là điềm may. Anh quan sát được ả dùng bút nhớ để bôi đen những lời tục tĩu, ít nhất là ở những đoạn ả đã đọc qua.

“Giờ thì,” ả nói, khi cặp thứ chín đã thành tro. “Ngài quả là một chú bé ngoan và chính trực, tôi cũng biết điều này làm ngài đau chẳng kém cặp giò đâu, thế nên tôi sẽ không rề rà thêm nữa.”

Ả rút vỉ nướng và đặt phần còn lại của bản thảo vào bình, ụp lên trên những tờ quăn queo đen xì mà anh đã đốt. Căn phòng nồng nặc mùi diêm sinh và giấy cháy. Anh nghĩ mê man, *tủ quần áo của ác quỷ cũng chỉ bốc mùi đến thế này,* và nếu như có chút gì trong vỏ quả óc chó nhăn nheo từng lọt vào bụng anh, anh đoán mình sẽ ọc ra bằng sạch.

Ả châm một que diêm nữa rồi dúi vào tay anh. Bằng cách nào đó anh có thể nghiêng người và thả que diêm vào bình. Chẳng còn nghĩa lý gì nữa. Chẳng đáng gì nữa.

Ả giục anh.

Mệt mỏi, anh mở mắt.

“Diêm bị tắt rồi.” Ả châm một que nữa rồi lại dúi vào tay anh. Thế là bằng một cách nào đó anh lại cố nghiêng người một lần nữa, đánh thức những chiếc cưa tay gỉ sét ở chân và dí que diêm vào

phía mép của đống bản thảo. Lần này ngọn lửa lan rộng thay vì co lại và tắt ngúm ngay thân diêm.

Anh ngả người ra sau, mắt nhắm nghiền, lặng nghe tiếng lửa lép bép, cảm nhận nhiệt độ nóng rát và buồn nản.

“Ôi trời ơi!” ả ta la lên, thảng thốt.

Anh mở mắt ra và thấy những mẩu giấy cháy khét lẹt đang bốc lên trong màn khí nóng từ vỉ nướng.

Annie khệ nệ bước ra khỏi phòng. Anh nghe thấy tiếng nước từ vòi bồn tắm dội vào thùng lau sàn. Anh ngẩn ngơ nhìn theo một mẩu bản thảo đen lửng khắp phòng và hạ cánh chấp chới trên bộ rèm mỏng. Trên nó còn một ánh lửa nhỏ lóe lên và anh tự hỏi liệu căn phòng này có bén lửa không – nhưng nó chỉ nháy một cái rồi vụt tắt, để lại một lỗ nhỏ như vệt tàn thuốc. Tro bụi rơi xuống giường. Vài mảnh đáp xuống cánh tay anh. Dù thế anh cũng chẳng quan tâm lắm. Annie quay lại, đôi mắt láo liên tứ phía, cố gắng theo dõi đường đi của từng mẩu giấy đã hóa than mỗi khi chúng bay lên chấp chới. Ngọn lửa bùng lên và mon men bên thành bình.

“Ôi trời ạ!” ả nói lại, rồi cầm xô nước và nhìn quanh, cố nghĩ xem mình nên hắt nước vào đâu, hay có thực sự cần hắt không. Môi ả run rẩy và đẫm nước bọt. Khi Paul bắt gặp, ả thè lưỡi liếm môi ngọt xớt. “Ôi trời ạ! Trời ạ!” Dường như ả chẳng nói được gì hơn thế.

Ngay cả khi đang bị cơn đau siết chặt, Paul vẫn cảm nhận được một khắc dễ chịu tột cùng – là khi Annie Wilkes trông có vẻ như đang sợt sệt. Bộ dạng này khéo anh còn đâm ra yêu thương được. Một trang khác bay lên, với ngọn lửa nhỏ màu xanh lam còn đang lục bục cháy, và điều này khiến ả đưa ra quyết định. “Ôi trời ơi!” thêm cái nữa, ả cẩn thận dội thẳng xô nước vào bình nướng. Sau

tiếng rít quái dị, một luồng hơi nước bốc lên. Mùi bốc lên vừa ẩm ướt vừa kinh tởm, vừa khét mù nhưng lại hơi ngầy ngậy.

Khi ả đàn bà rời đi, anh cố nhổm lên bằng khuỷu tay một lần cuối. Anh nhìn vào bình nướng và trông thấy thứ như cục củi cháy đen nổi lên giữa một cái ao nước đọng.

Lát hồi, Annie Wilkes quay lại.

Hơi kinh ngạc, ả húng hắng.

Ả đỡ anh ngồi dậy và đẩy mấy viên nang vào miệng anh.

Anh nuốt chửng và nằm lại, với suy nghĩ: *Mình sẽ giết con ả này*.

20

"Ăn đi," ả đàn bà nói vọng từ đằng xa, và anh lại bắt đầu cảm thấy đau nhói. Anh mở mắt ra và ả đang ngồi ngay cạnh – lần đầu tiên anh thực sự ngang hàng với ả, mặt đối mặt với ả. Anh nhận ra cùng sự ngạc nhiên xa xăm và mơ hồ rằng lần đầu tiên trong không biết bao nhiêu niên đại mà kể, anh cũng đang ngồi... thật sự là đã ngồi dậy được.

Ai thèm quan tâm chứ? anh nghĩ, mắt lại nhắm nghiền. Thủy triều dâng ào lên. Mấy cái cọc đã được phủ lấp. Cuối cùng thì thủy triều đã lên và lần tới khi nó rút, biết đâu nó lại rút vĩnh viễn, vì thế anh sẽ cưỡi sóng khi vẫn còn sóng ngoài kia để cưỡi, anh sẽ nghĩ về chuyện ngồi dậy sau...

"*Ăn đi*!" ả nhắc lại, và tiếp sau cơn đau lại tái phát. Nó vo ve bên nửa trái đầu anh, khiến anh rên rỉ và cố gắng lùi ra xa.

"Ăn đi Paul! Ngài phải cố mà ăn hoặc.." *Zzzzzing*! Dái tai của anh. Ả đàn bà đang véo nó.

"Ờ," anh lẩm bẩm. "*Ờ*! Vì Chúa, đừng bứt luôn nó ra." Anh cố mở mắt, mỗi bên đều nặng như đeo một khối bê tông lủng lẳng. Cái thìa lập tức chui tót vào miệng anh, đổ xúp nóng hổi xuống cổ họng. Anh nuốt vội để xúp không túa ra.

Đột nhiên, không biết từ đâu – *sự trở lại tuyệt vời nhất mà xướng ngôn viên tôi đây từng được thấy, thưa quý ông quý bà!* – Tôi Đói vụt trở lại tầm nhìn. Cứ như thể thìa xúp đầu tiên đã đánh thức ruột gan anh khỏi trạng thái thôi miên. Ả đút tới đâu anh ăn thun thút tới đó,

cứ như càng húp càng nuốt lại càng đói hơn chứ không giảm. Anh có ký ức mơ hồ về việc người đàn bà đẩy cái lò nướng đang nghi ngút sát khí ra ngoài và đẩy một thứ khác vào, mà trong tình trạng ngấm thuốc và dần mê man, anh cho là một chiếc xe đẩy siêu thị. Điều đó chẳng làm anh động một chút băn khoăn hay ngạc nhiên nào; rốt cuộc thì anh đang viếng thăm Annie Wilkes cơ mà. Vỉ nướng, xe đẩy siêu thị; mai kia có thể là máy tính tiền đỗ xe hoặc đầu đạn hạt nhân gì đó. Bạn mà đã sống trong nhà cười thì những trò vui thú chẳng bao giờ dừng lại cả.

Lúc ấy anh đã chìm vào giấc ngủ, nhưng giờ thì anh nhận ra cái xe đẩy siêu thị thực ra là một chiếc xe lăn gấp gọn. Anh đang chễm chệ trên xe lăn, đôi chân vỡ nát căng cứng trước mặt, vùng xương + có cảm giác sưng tấy khó chịu và chẳng lấy làm vui vẻ gì với tư thế mới.

Ả đàn bà ấy đã đặt mình vào đó khi mình đang hôn mê, anh nghĩ. Nâng bổng mình lên. Nặng muốn chết. Chúa ơi, ả phải khỏe tới mức nào.

“Xong!” ả nói. “Tôi rất hài lòng vì ngài đã ăn món xúp ngon lành, Paul ạ. Tôi tin là ngài sẽ dần hồi phục. Chúng ta sẽ không nói là *Như chưa hề có cuộc chia ly* được — than ôi, sao mà được – nhưng nếu giữa chúng ta không xảy ra thêm những… những *trớ trêu* này... Tôi tin là ngài sẽ hồi phục ngon lành thôi. Giờ tôi sẽ thay bộ chăn ga cũ dơ dáy cho ngài, xong xuôi tôi sẽ thay luôn cả sự cũ kỹ dơ dáy của ngài luôn, và sau đó, nếu ngài không quá đau và vẫn cảm thấy đói, tôi sẽ cho ngài ăn một ít bánh mì nướng”

“Cảm ơn cô, Annie,” anh đáp từ tốn, và nghĩ: *Cuống họng của mày. Nếu có thể, tao sẽ cho mày một cơ hội được tự liếm môi mình*

và thốt lên "Ôi trời ơi!" Nhưng chỉ một lần thôi, Annie.

Một lần duy nhất thôi.

21

Bốn giờ sau anh trở lại giường và anh đã dám đốt *hết* cuốn sách của mình chỉ để đổi lấy một viên lẻ Novril. Việc ngôi dậy chẳng rầy rà tới anh chút nào khi anh đang làm thế – nhất là khi dư lượng của thứ thuốc chết tiệt trong máu anh đủ khiến một nửa Quân đội Phổ mê man bất tỉnh – nhưng giờ anh cảm thấy như có cả bầy ong đang lùng nhùng trong phần thân dưới của mình.

Anh hét ầm lên – đồ ăn hẳn đã mang lại cho anh gì đó, bởi anh không nhớ mình có thể hét to vậy kể từ khi tỉnh lại từ đám mây đen. Anh có cảm giác ả đã đứng ngay chỗ hành lang ngoài cửa phòng ngủ một lúc lâu trước khi thật sự bước vào, đứng im như phỗng, bất động, tắt nguồn, đứt phích cắm, cứ ngây ra nhìn tay nắm cửa hoặc chính đường nét trên bàn tay mình.

“Đây.” ” Ả cho anh thuốc – lần này là hai viên.

Anh nuốt chửng, giữ cổ tay ả để cố định ly nước.

“Tôi mới mua cho ngài hai món quà trên thị trấn” ả nói, bừng tỉnh.

“Vậy ư?” anh co rúm người.

Ả chỉ vào cái xe lăn nằm trong góc với phần gác chân bằng thép chia ra cứng ngắc.

“Cái còn lại mai tôi sẽ cho ngài xem. Giờ thì ngủ chút đi, Paul.”

22

Nhưng suốt một quãng dài chẳng có giấc ngủ nào bén mảng tới với anh. Anh bồng bềnh mê man và nghĩ ngợi về tình thế mà mình đang gặp phải. Việc suy nghĩ giờ có vẻ dễ dàng hơn. Ngẫm về cuốn sách anh đẻ ra và rồi nhét nó vào lại cũng không khó khăn như trước.

Đủ thứ chuyện... từng chuyện một như những mảnh vải có thể ráp lại với nhau để làm chăn bông.

Họ cách xa hàng xóm nhiều dặm – mấy người mà Annie bảo không hề ưa ả. Tên người đó là gì nhỉ? Boynton. Không, Roydman. Đúng nó rồi. *Roydman*. Và cách thị trấn bao xa nhỉ? Chắc chắn không quá xa. Anh đang ở trong một đường tròn có đường kính nhỏ thì cỡ mười lăm, lớn thì cỡ bốn mươi lăm dặm. Nhà của Annie Wilkes nằm trong vòng tròn đó, nhà Roydman nữa, thị trấn Sidewinder nữa, sao nó có thể nhỏ đến mức đáng thương vậy...

Và xe của mình. Con Camaro của mình cũng ở đâu đó trong cái vòng tròn đó. Cảnh sát tìm thấy nó chưa nhỉ?

Anh nghĩa là chưa. Anh là người nổi tiếng; nếu chiếc xe đăng ký dưới tên anh được tìm thấy, hẳn một cuộc kiểm tra sơ bộ cũng đủ cho thấy anh từng ở Boulder và rồi mất dạng. Chuyện tìm thấy cái xác xe rỗng không và hỏng bét của anh sẽ dãy lên một cuộc tìm kiếm và loạt tin bài trên các báo...

Ả không bao giờ theo dõi tin trên TV, chẳng bao giờ nghe đài – hoặc giả ả phải có một cái nút tai hoặc điện thoại.

Chuyện cứ hao hao con chó trong truyện Sherlock Holmes – con chưa sủa lên tiếng nào. Xe của anh chưa được tìm ra bởi cảnh sát chưa tới. Chứ nếu thấy rồi, họ sẽ kiểm tra mọi người trong vòng tròn giả định của anh chứ nhỉ?

Và vòng tròn đó thì có bao nhiêu người được, trong khi đây là khu gần đỉnh Western Slope rồi? Gia đình Roydman, Annie Wilkes, và giỏi lắm thì chừng mười hay mười hai người nữa?

Vả lại, cho đến giờ người ta chưa tìm thấy cái xe, không có nghĩa nó sẽ vĩnh viễn vô danh nằm đó.

Trí tưởng tượng sống động của anh (thứ năng khiếu mà phía *ngoại* nhà anh chẳng ai có được) giờ đã chiếm thế thượng phong. Người cảnh sát cao ráo, bảnh bao theo kiểu lạnh lùng, và tóc hai bên mai có vẻ dài hơn một chút so với điều lệnh nội vụ. Anh ta đeo một chiếc kính râm tối màu để những kẻ bị thẩm vấn tự thấy bóng mặt mình đến hai lần. Anh ta có chất giọng Trung Tây đều đều.

Chúng tôi phát hiện một chiếc ô tô bị lật ở lưng chừng núi Humbuggy, là tài sản của một nhà văn trứ danh tên là Paul Sheldon. Trên ghế và bảng điều khiển có vài vết máu, nhưng không tìm thấy chủ xe. Có thể ông ấy đã bò ra ngoài, thậm chí có thể đã đi lang thang trong cơn choáng váng...

Chuyện đó thật tức cười, với tình trạng chân cẳng của anh như hiện tại, nhưng tất nhiên, mấy người đó sao mà biết anh đã bị thương ra sao. Họ sẽ chỉ phán đoán được rằng, nếu anh không ở đây, chắc hẳn anh còn đủ sức để ít nhất là đi được một đoạn đường. Quá trình suy luận của họ thường sẽ không dẫn tới một khả năng khó xảy ra như bắt cóc, ít nhất đó sẽ không phải hướng điều tra đầu tiên, và có thể sẽ là không bao giờ.

Bà có nhớ đã nhìn thấy ai trên đường hôm bão về không? Một người đàn ông cao, chừng bốn hai tuổi, tóc màu vàng sáng? Có lẽ đang mặc trên người quần jeans xanh, áo sơ mi dệt kẻ ô dày và áo khoác lót lông có mũ. Và có thể trông như vừa bị bắn tung ra ngoài? Chết tiệt, nhẽ nào lại không biết ông ấy là ai ư?

Rồi Annie sẽ vào bếp pha cà phê cho cảnh sát; Annie sẽ lưu ý để mọi cánh cửa ngoài đó và phòng ngủ dự phòng này phải được khép kín. Trong trường hợp anh rên rỉ.

Sao cơ, không, thưa sĩ quan – Tôi chẳng thấy ma nào. Sự thật là lúc Tony Roberts trên thị trấn bảo tôi cơn bão sẽ không chệch hướng xuống phía nam nữa, tôi phi về đây như ma đuổi.

Cảnh sát đặt tách cà phê xuống và đứng lên: *Thế thì, nếu bà có vô tình thấy ai đó giống với mô tả, thưa bà, bà vui lòng liên hệ với chúng tôi ngay. Ông ấy là Nhân vật có tiếng lắm. Đã từng lên tạp chí People đấy. Với cả mấy tờ khác nữa.*

Tất nhiên tôi sẽ làm vậy, thưa sĩ quan!

Thế rồi anh ta rời đi.

Có thể chuyện như thế đã xảy ra rồi và anh chỉ không hề hay biết. Có thể một hoặc vài đồng chí thực sự của anh cảnh sát giả tưởng đó đã viếng thăm Annie khi anh đang hôn mê. Có Chúa mới biết anh hôn mê lâu chừng nào. Nghĩ thêm thì tin là chuyện đó khó có thể xảy ra được. Anh có phải gã vô danh tiểu tốt đâu, mà chỉ kiểm tra qua quýt như thế được. Anh từng lên tờ *People* (cuốn sách bán chạy nhất đầu tiên) và tờ *Us* (khi ly hôn lần đầu); trên mục *Đồn đoán Đời tư* của Walter Scott trên tờ *Sunday* cũng đã có người hỏi về anh. Chắc sẽ phải có những cuộc tái điều tra, có thể chỉ là qua điện thoại, nhẽ là bởi chính những vị cảnh sát đó. Khi một người nổi tiếng –

thậm chí một người gần nổi tiếng như một nhà văn biết mất, dư luận sẽ sôi sục lên.

Anh bạn chỉ được cái đoán mò.

Kể cả là đoán, hoặc suy luận gì đó. Dù thế nào thì vẫn tốt hơn nằm bẹp đây và chẳng được tích sự gì. Còn lan can phòng hộ thì sao nhỉ?

Anh cố mà chẳng nhớ được gì. Anh chỉ nhớ được tới đoạn mình với tay lấy điếu thuốc, rồi cách đất trời đổi chỗ đầy ngoạn mục, và sau đó là bóng tối. Nhưng một lần nữa, suy luận (hoặc đoán mò kiểu có học, nếu bạn muốn làm bộ làm tịch một chút) giúp anh nghiêng về niềm tin là trên đường không hề có hộ lan. Hộ lan vỡ hoặc các thanh chắn đứt gãy chắc sẽ đánh động tới đội bảo vệ các tuyến đường.

Vậy chính xác thì điều gì *đã* xảy ra?

Anh đã mất lái ở chỗ không hẳn là dốc đứng – chỉ vừa đủ độ để xe ô tô của anh lật một vòng trong không trung. Nếu ở đoạn mà anh ngã cắm thẳng xuống được, chắc chắn ở đó phải có hộ lan. Nếu ở đoạn dốc đứng như thế, hẳn Annie Wilkes cũng khó lòng hoặc không tài nào tìm thấy anh, chứ nói gì tới chuyện tự tay kéo anh về lại đường đi.

Vậy xe của anh đâu nhỉ? Bị vùi trong tuyết, tất nhiên rồi. Paul gác tay lên trán và thấy một chiếc xe ủi tuyết của thị trấn đi về phía con đường mà chỉ hai tiếng trước anh bị tai nạn. Cái xe là một đốm màu cam mờ dưới màn mưa tuyết dày đặc vào buổi cuối ngày. Người đàn ông lái xe bị hạn chế tầm nhìn; trên đầu anh ta đội một chiếc mũ lưỡi trai lái tàu kiểu cũ sọc xanh trắng thủy thủ. Phía bên phải anh ta, dưới đáy một con dốc nông, ngay gần đó, sâu vào một hẻm núi

ra dáng vùng cao hơn, chiếc Camaro của Paul Sheldon nằm đó, với hình dán ỦNG HỘ HART TRỞ THÀNH TỔNG THỐNG màu lam nhạt trên ốp cản sau mà suýt đã trở thành thứ bắt sáng nhất dưới đó. Người lái xe không nhìn thấy chiếc ô tô, hình dán trên cản sau quá mờ lướt để va vào tầm mắt anh ta. Lưỡi ủi tuyết chặn hết tầm nhìn hai bên của anh ta, và hơn nữa, trời gần tối nên anh ta thua keo này. Anh ta chỉ muốn nhanh kết thúc vòng cuối rồi đánh xe ủi trở lại cho rảnh nợ rồi làm chút cà phê cà pháo cho ấm bụng. Anh ta qua, lưỡi ủi rẽ tuyết thành đụn đẩy xuống rãnh núi. Chiếc Camaro vốn đã khuất đến cửa xe, giờ bị chôn sát nóc. Xong đâu đó, giữa phần sâu thẳm nhất của buổi hoàng hôn giông bão, khi cả những thứ ngay trong tầm mắt cũng hóa ra huyền ảo, anh lái xe ca tối tới giao ban, quay đầu theo hướng ngược lại, đắp nốt cho nó một nấm mồ.

Paul bừng mở mắt và nhìn lên trần thạch cao. Trên đó có vài vết nứt trông như ba chữ W lồng vào nhau. Anh đâm ra thân thuộc với chúng trong suốt chuỗi ngày đằng đẵng nằm đó kể từ khi tỉnh lại khỏi đám mây mờ, và giờ anh lại tiếp tục lần theo, vẩn vơ nghĩ về những từ bắt đầu bằng chữ W như *wicked* (độc ác), *wretched* (khốn nạn), *witchlike* (quỷ dị) và *wriggling* (quằn quại).

Ừ.

Có thể là thế lắm. Có thể vậy.

Liệu ả đàn bà đó có lường trước được chuyện sẽ ra sao khi người ta tìm thấy xe của anh không?

Dám lắm. Ả rồ dại thật, nhưng không cứ rổ dại là phải đần độn.

Nhưng ả còn chưa nghĩ được đến đoạn anh có thể lưu một bản sao *Fast Cars* cơ mà.

Ờ. Thế mà ả lại đúng. Con mụ đó đoán trúng phóc luôn được. Mình không có bản sao dự phòng nào.

Hình ảnh của những tờ giấy bết màu đen phất phơ, ngọn lửa, âm thanh, mùi của sự phản kiến tạo – anh nghiến răng kìm chặt chừng đó dạng hình và cố đưa tâm trí mình chạy trốn; sống động lắm lúc cũng hại thân.

Không, mày không có bản sao, nhưng chín trên mười người cầm bút hẳn là có – chí ít họ sẽ làm vậy nếu nhuận bút của họ ngang số mày kiếm được cho mấy cuốn bình thường chứ chưa cần đến bộ Misery. Ả chưa từng nghĩ tới điều đó.

Ả có viết lách gì đâu.

Và ả cũng không ngu, bởi tôi nghĩ chúng ta đều đã thống nhất như vậy. Tôi nghĩ ả đàn bà đó thật tự phụ – ả không đơn giản là có cái tôi lớn mà là cái tôi to tổ bố. Đối với ả ta, thiêu bản thảo dường như là chuyện nghĩa hiệp phải làm, và ý niệm của người đàn bà đó về một hành vi nghĩa hiệp hẳn sẽ đoản mạch bởi mấy chuyện cỏn con như in dăm ba cuộn giấy bọc tiền xu bằng máy Xerox của nhà băng... đốm le lói đó đơn giản là chưa từng vụt qua màn hiển thị của ả, bạn tôi ạ.

Mấy suy luận khác của anh có thể như nhà xây trên cát lún, nhưng riêng ý này về Annie Wilkes, với anh, chắc như Tảng Gibraltar. Do từng mày mò khi viết *Misery*, anh có hiểu biết hơn người thường về rối loạn thần kinh và rối loạn tâm thần, anh hiểu dù người mắc rối loạn nhân cách ranh giới có thể đi kèm với các giai đoạn trầm cảm sâu và vui vẻ cười đùa đến mức quá khích xen kẽ nhau, nhưng gốc sâu nhất vẫn là cái tôi ngạo mạn và ô nhiễm, đinh ninh rằng mọi con mắt đều đang đổ dồn vào anh ta hoặc ả, tự suy ra

mình đang tham gia một vở tuồng vĩ đại; cái kết của vở tuồng chính là điều hàng triệu người không kể là ai đang nín thở đợi chờ.

Bản ngã ở tầng bậc đó chỉ đơn giản là cấm cản một vài dòng tư duy. Những dòng này không khó đoán vì chúng trải theo cùng một khuynh hướng: từ chính người bất ổn định đó tới vật, tình huống, hoặc người khác nằm ngoài lĩnh vực kiểm soát của đối tượng (hoặc trong tưởng tượng: với người rối loạn thần kinh hai khái niệm này có thể khác đôi chỗ, nhưng với người rối loạn tâm thần, kiểm soát được và tưởng tượng ra là một và như nhau).

Annie Wilkes đã muốn phá hủy *Fast Cars*, và vì vậy, đối với ả, trên đời chỉ có một bản duy nhất.

Biết đâu mình đã có thể cứu thứ chết tiệt đó bằng cách bảo ả rằng còn có bản sao. Còn ả sẽ thấy việc hủy bản thảo là chuyện tào lao. Ả...

Hơi thở của anh, vốn đã chậm dần để chìm vào giấc ngủ, đột nghiên như bị bóp nghẹt nơi cổ họng khiến anh choàng mở mắt.

Phải, hẳn ả sẽ nghĩ đó là chuyện rỗi hơi. Ả sẽ buộc phải thừa nhận một trong những dòng tư duy dẫn đến một nơi ngoài tầm kiểm soát của mình. Bản ngã sẽ bị tổn thương mà hét lên...

Bà mày nóng rồi nhé!

Nếu ả từng phải đối mặt với sự thật rằng mình không thể tiêu hủy "cuốn sách bẩn thỉu" của anh, nhẽ nào ả lại không quyết định tiêu diệt luôn *kẻ tạo ra* cuốn sách bẩn thỉu đó? Sau rốt, đào đâu ra bản sao của chính Paul Sheldon.

Tim anh dội trống liên hồi. Trong căn phòng khác, đồng hồ bắt đầu kêu, và tiếng chân người đàn bà huỳnh huỵch xuyên qua trần,

nghe như ngay trên đầu anh. Tiếng nước tiểu xa mờ. Xối bồn cầu. Bàn chân nặng nề của ả lê trở lại giường. Tiếng lò xo cót két.

Ngài sẽ không làm tôi nổi rồ lên nữa đâu, phải không?

Tâm trí anh đột nhiên gắng sức bứt lên một cú phi nước đại, kẻ chuyên nhẩn nha nước kiệu cố vươn ra một bước dài. Mấy thứ phân tích tâm lý ba xu này liệu có liên quan dù là chỉ chút xíu nào đến ô tô của anh không? Đến thời điểm mà người ta tìm thấy nó? Với *chính anh*, nó có nghĩa lý gì?

"Xin giữ máy một chút," anh thì thầm trong bóng tối. "Chỉ một chút thôi, xin đợi cho một phút, đừng cúp máy vội. Từ từ đã."

Anh lại choàng tay qua mắt và lại một lần nữa liên tưởng đến người quân nhân với chiếc kính râm đen và tóc mai dài hơi quá trớn. *Chúng tôi đã tìm thấy một chiếc ô tô bị lật ở lưng chừng Núi Humbuggy*, anh quân nhân nói, và *bla bla bla*.

Duy có *lần này* Annie không mời anh ta nán lại uống cà phê. Lần này ả sẽ thấy bồn chồn cho đến khi anh ta bước ra khỏi căn nhà và khuất dạng trên đường. Kể cả có ở trong bếp, kể cả hai cánh cửa có đóng kín ngăn cách họ và phòng khách, kể cả khi tạp âm đủ loại đổ đầy lỗ tai, người quân nhân vẫn nghe được tiếng rên rỉ.

Nếu chiếc xe của anh được tìm thấy, chắc Annie Wilkes sẽ biết mình đang gặp rắc rối chứ nhỉ?

"Ừ," Paul thì thầm. Chân anh bắt đầu đau trở lại, nhưng trong sự kinh hoàng tột độ khi nhận ra điều này, anh gần như không nhận ra.

Ả đàn bà đó gặp phiền phức không phải vì đã đưa anh đến nhà ả, nhất là nếu chỗ này gần hơn Sidewinder (và Paul tin là gần hơn thật); vì nếu thế họ có thể sẽ trao cho ả một tấm huy chương và thẻ thành viên trọn đời của Câu lạc bộ Người hâm mộ Misery Chastain

(thực sự có thứ như vậy tồn tại, trong nỗi thất vọng đến cùng cực của Paul). Vấn đề ở đây là, ả đã đem anh đến nhà mình, bố trí cho anh nằm trong phòng khách và giấu bặt không nói với ai. Không có cuộc điện thoại nào đến dịch vụ xe cấp cứu địa phương: “Tôi là Annie, tôi đang ở đường Núi Humbuggy và có một ông bạn ở đây, trông nát như kiểu vừa bị King Kong dùng làm giàn nhún.” Vấn đề ở đây là, ả đã tống đầy loại chất gây nghiện mà chắc chắc ả không nên tiếp cận vào cơ thể anh – và anh chỉ bị phụ thuộc đến một nửa so với tình hình hiện tại cũng đủ nên chuyện rồi. Vấn đề là, ả đã duy trì liều giảm đau theo một kiểu điều trị kỳ lạ, chọc kim tiêm vào tay anh, nẹp chân anh bằng những miếng nạng nhôm tự chế. Vấn đề là, Annie Wilkes từng hầu toà ở Denver... nhưng *không phải với tư cách nhân chứng hỗ trợ điều tra,* Paul nghĩ. *Mình dám cược cả nhà cả cửa cho điều đó.*

Bởi thế, ả nhìn theo người cảnh sát rời đi trong chiếc xe tuần tra sạch sẽ của anh ta (ngoại trừ những khối tuyết đóng bánh với muối làm tổ trong ốp chắn bánh xe và dưới thanh cản trước sau, thì đúng là sạch thật), rồi mới lại cảm thấy an toàn... nhưng không an toàn *quá*, bởi giờ đây ả như con thú chột dạ. Cực kỳ, cực kỳ chột dạ.

Cảnh sát sẽ liên tục tìm, tìm và rồi lại tìm, bởi anh đâu phải một gã vô danh tiểu tốt cho cam; anh là Paul Sheldon, vị thần Zeus của văn chương với đôi lông mày mọc ra nàng Misery Chastain, con cưng của những chiếc thùng trưng bày giữa sảnh và là bé yêu của loạt siêu thị. Có thể khi họ không tìm thấy anh, họ sẽ ngưng tìm kiếm, hoặc chí ít là cũng lục lọi ở một nơi nào khác, nhưng có thể ai đó nhà Roydman trông thấy ả đàn bà đi qua trong đêm đó và thấy cả thứ gì vui mắt ở lưng Bessie Già, thứ gì đó được bọc trong một

chiếc chăn bông, tựa hồ như hình dáng con người. Ngay cả khi mấy người nhà đó chẳng nhìn thấy gì, chắc ả cũng chẳng ngỡ ngàng nếu họ ăn đứng dựng ngược một câu chuyện đẩy mình vào chỗ rắc rối; họ đâu có ưa ả.

Cảnh sát có thể sẽ quay lại, và lần tới vị khách-thăm-nhà biết đâu lại không yên tĩnh cho lắm. Anh nhớ đôi mắt ả đảo quanh một cách vô hồn khi ngọn lửa trong bình nướng đang chực vượt tầm kiểm soát. Anh thấy ả thè lưỡi liếm môi. Anh thấy ả đi tới đi lui, hai tay đóng mở liên hồi, thỉnh thoảng liếc trộm vào phòng dành cho khách, nơi anh đang nằm mê man trong đám mây của mình. Chốc chốc ả lại thốt lên "Ôi trời ơi!" về những căn phòng rỗng lặng.

Ả đàn bà đã đánh cắp một con chim hiếm với bộ lông tuyệt đẹp – một con chim quý đến từ tận châu Phi.

Và họ sẽ làm gì nếu họ phát hiện ra?

Hà cớ gì, tất nhiên là dựng ả lên bục thêm lần nữa rồi. Dựng ả lên bục xử án ở Denver thêm một lần nữa. Và lần này ả đàn bà đó sẽ không thể nhởn nhơ đi lại được nữa.

Anh buông cánh tay đang che mắt. Anh nhìn chữ W lồng vào nhau đang lảo đảo như say xỉn trên trần nhà. Anh không cần đặt khuỷu tay đè lên mắt để thấy được phần còn lại. Ả có thể đeo bám anh trong một ngày hoặc một tuần. Hẳn phải tốn thêm một cuộc gọi hay một cuộc viếng thăm tiếp sau nữa mới đủ khiến ả từ bỏ con chim quý. Nhưng sau cùng thì ả sẽ làm vậy, giống như những con chó hoang bắt đầu đào hố chôn giấu những cuộc giết chóc trái phép của mình sau khi bị săn đuổi suốt một khoảng thời gian.

Ả sẽ cho anh năm viên thuốc thay vì hai viên, hoặc dùng gối nghiến anh ngạt chết, hoặc đơn giản là tặng anh một viên kẹo đồng.

Chắc chắn đâu đó quanh đây có một khẩu súng trường - hầu như ai sống ở vùng cao cũng đều có súng – và điều đó sẽ giải quyết được vấn đề.

Không – không phải súng.

Quá lộn xộn.

Có thể để lại bằng chứng.

Từng đó chuyện chưa xảy ra, vì chưa có ai tìm được chiếc xe. Họ có thể đang tìm kiếm anh ở New York hoặc LA, nhưng không ai tìm kiếm anh ở Sidewinder, Colorado.

Nhưng khi mùa xuân đến.

Chữ W nằm chênh vênh trên trần nhà. *Washed* (gột rửa). *Wiped* (bôi xóa). *Wasted* (bỏ đi).

Chân anh tê buốt, nhức nhối hơn; lần tới khi đồng hồ điểm, ả sẽ đến, nhưng anh hơi sợ ả sẽ đọc được suy nghĩ trên mặt mình, như phần tiền đề trơ trọi của một câu chuyện ghê rợn đến mức không tài nào viết được tiếp. Mắt anh trôi sang trái. Có một tờ lịch trên tường in hình một cậu bé đang cưỡi xe trượt tuyết xuống đồi. Theo lịch là tháng Hai, nhưng theo tính toán của anh thì đã đầu tháng Ba rồi. Annie Wilkes quên xé lịch. Phải mất bao lâu nữa tuyết mới tan để lộ chiếc Camaro có biển số New York và giấy đăng ký mang tên Paul Sheldon trong ngăn đựng găng tay? Phải mất bao lâu nữa người quân nhân mới gọi điện cho ả đàn bà, hoặc tới khi ả đọc được tin tức trên báo? Phải thêm bao lâu nữa mới đến mùa xuân?

Sáu tuần? Năm?

Chừng đó có thể là khoảng thời gian tôi còn được ở trên trần thế này, Paul nghĩ và bắt đầu rùng mình. Đến lúc đó chân của anh đã

thức giấc hoàn toàn, và mãi đến khi ả vào và cho anh thêm một liều thuốc nữa, anh mới có thể chìm vào giấc ngủ.

16

Buổi tối hôm sau ả đưa anh chiếc Royal. Đó là mẫu mã từ thời máy đánh chữ điện, TV màu và điện thoại cảm ứng chỉ là khoa học viễn tưởng. Nó đen và đứng dáng như một đôi giày cổ cao đóng nút. Các tấm kính được đặt vào các cạnh, để lộ cần gạt, lò xo, trục lăn và đòn bẩy của máy. Một cái cần gạt bằng thép, xỉn màu do lâu không sử dụng, nhô ra một bên như ngón tay cái của người bộ hành xin quá giang. Con lăn bám đầy bụi, búa cao su cứng lấm tấm sẹo rỗ. Mấy chữ ROYAL chạy ngang mặt trước máy theo hình bán nguyệt. Ả càu nhàu đặt nó xuống phía cuối giường giữa hai chân anh sau một hồi giữ trên tay để anh kiểm tra. Anh nhìn nó chằm chằm.

Nó đang nhăn răng cười à?

Chúa ơi, *trông* nó giống vậy thật.

Dù sao thì, nó cũng đã mang dáng hình của sự phiền phức đây rồi. Dải vải tẩm hai loại mực hơi bợt, đỏ tên đen dưới. Anh đã quên béng sự *tồn tại* của mấy dải mực kiểu này. Cảnh tượng này moi ra trong anh một nỗi hoài niệm không mấy dễ chịu.

"Sao nào?" Ả đàn bà mỉm cười háo hức. “Ngài thấy sao?”.

"Nó đẹp đó!” anh đáp ngay tắp lự. "Một món đồ cổ thứ thiệt." Nụ cười của ả nhòe nhoẹt. “Tôi có mua đồ cổ đâu. Tôi mua đồ đã qua sử dụng. Đồ si *còn dùng tốt*.

Anh ngay lập tức văn vở đáp lại. "Ơ cô này! Không có gì gọi là máy đánh chữ cổ cả – nếu cô ngắm cho sâu sắc một chút. Một chiếc

máy đánh chữ tốt gần như sẽ trường tồn. Những cục cưng công sở già cõi này thực sự là *xe thiết giáp* đấy!"

Cứ như thể nếu anh có một cái thì anh sẽ cưng nựng nó vậy. Nếu anh có một cái thật, anh chắc hẳn sẽ xoắn lên *hôn hít* nó.

Nụ cười của ả trở lại. Nhịp tim anh giãn ra một chút.

"Tôi mua nó ở Đồ Mới Đã qua Sử dụng (Used News) đó. Tên cửa hàng như thể nghe có ngáo ngơ không? Nhưng Nancy Dartmonger, bà chủ cửa hàng đó, thì đúng là một con mụ ởm ơ thật đấy." Mặt Annie tối đi một chút, nhưng ngay lập tức anh nhận ra ả không sầm mặt vì *anh* – bản năng sinh tồn, anh còn đang khám phá, có thể đó chỉ là bản năng, nhưng nó thực đã tạo ra những lối tắt tuyệt vời để thấu cảm. Anh thấy mình trở nên hòa hợp hơn với tâm trạng của ả, với chu kỳ của ả; anh lắng nghe tiếng ả tích tắc như thể người đàn bà đó là một chiếc đồng hồ bị thương.

"Không chỉ dấm dớ đâu, con mụ đó còn *xấu xa* nữa. Dartmonger cái gì! Tên con mụ đó phải là *Đĩmonger*! Đã xong hai đời chồng rồi giờ lại cặp với một thằng pha chế rượu. Vì thế nên lúc ngài bảo nó là đồ cổ..."

"Trông được mà," anh nói.

Ả ngúc ngắc một hồi rồi mới nói, cứ như đang thú tội: "Nó bị thiếu phím chữ n."

"Thế à?"

"Vâng – đây này?" Ả nghiêng cái máy đánh chữ lên để anh nhìn được rãnh phím hình bán nguyệt và thấy nan gõ hụt mất như hõm sún giữa hàm răng dù mòn vẹt nhưng còn đủ đội hình.

"Tôi thấy rồi!"

Ả đặt nó trở lại. Giường hơi rung lên. Paul đoán máy đánh chữ phải nặng quá hai mươi cân. Hẳn nó phải ra đời từ cái hồi chưa có hợp kim, chưa có nhựa. thời chưa có tiền ứng trước bản quyền sách đến sáu chữ số, chưa có ấn bản thiết kế theo phim, không có *USA Today*, không có *Entertainment Tonight*, không có người nổi tiếng nào đi quảng cáo thẻ tín dụng hoặc rượu vodka.

Chiếc Royal nhăn nhở nhìn anh, hứa hẹn sẽ gây chuyện.

"Con mụ đó đòi bốn lăm đô, nhưng vì thiếu mất chữ n nên bớt cho tôi năm đô." Ả cười tinh ranh. *Đừng có lừa bà mày*, ý nụ cười đó là vậy.

Anh cười đại bôi. Thủy triều tràn vào. Vì thế cả mỉm cười hay giả là đều có vẻ dễ dàng hơn. "*Bớt luôn* cho có hả? Tức là có còn chưa mặc cả luôn?".

Annie làm dáng một chút. "Tôi bảo mụ ta n là phím quan trọng," ả thừa nhận,

"Vậy tốt quá! *Thế có chết không!*" Đây là một phát hiện mới. Trò bợ đỡ này một khi biết kiểu thì chẳng có gì khó nữa.

Nụ cười ả đàn bà trở nên ranh mãnh, mời gọi anh để mách cho một bí quyết ngon lành.

"Tôi bảo mụ ta, n là chữ cái trong tên tác giả tôi yêu thích."

"Tên nữ y tá yêu thích của tôi cũng có đến hai chữ n."

Nụ cười ả rạng rỡ hẳn. Trên đôi má đặc khít của ả đàn bà ửng lên một vệt hồng đến khó tin. *Đó chính xác là những gì sẽ lọt vào đồng tử của bạn, anh nghĩ, nếu bạn xây một cái lò bên trong miệng một thành tượng bước ra từ truyện H. Rider Haggard. Đó chính xác là những gì bạn nhìn thấy khi trời tối.*

" *Nỡm* thế chứ lại!" ả hềnh hệch.

“Tôi mà nỡm gì!” anh đáp. “Không hề luôn đó.”

“Ờm!” Ả ngoảnh đi một lúc, không phải trống rỗng như mọi khi mà vì hài lòng, còn có chút bối rối, như cần thêm thời gian để tập hợp suy nghĩ của mình. Lẽ ra Paul cũng có thể thả lỏng một chút theo bầu không khí xung quanh, nếu không có cân nặng của cái máy đánh chữ chắc nịch như người đàn bà kia và còn bị hỏng; nó ngồi đó cười toe toét với chiếc răng sún, hứa hẹn sẽ mang đến cho anh lắm phiền hà.

“Xe lăn đắt hơn thế nhiều,” ả kể. “Chỗ bán hậu môn nhân tạo đã biến đi đâu kể từ khi tôi...” Ả bỏ lửng câu, cau mày, hắng giọng. Rồi ả nhìn lại anh, mỉm cười.

“Nhưng đã đến lúc ngài ngồi dậy rồi, nên tôi chẳng lăn tăn tí nào về tiền nong cả. Vả lại, ngài cũng đâu thể nằm mà đánh máy được, phải không?”

“Đúng…”

“Tôi có một tấm ván... Tôi đã cắt nó theo kích thước... và còn giấy nữa... chờ xíu!”

Ả lao ra khỏi phòng như một bé gái, để lại Paul và cái máy đánh chữ gườm nhau. Sự nhăn nhở của anh vụt biến mất khi người đàn bà quay lại. Máy Royal xưa nay chỉ có vậy. Về sau anh cho là anh hiểu khá rõ tất cả những chuyện này có ý nghĩa gì, cũng như anh đinh ninh mình biết tỏng âm thanh của máy đánh chữ, tiếng kêu của nó sẽ ra sao qua nụ cười ngoác miệng như nhân vật truyện tranh Vịt Daddles hồi xưa. Ả quay lại với một gói Corrasable Bond bọc màng co và một tấm ván rộng độ 90 x 120cm.

“Nhìn này!” Người đàn bà đặt tấm ván lên tay xe lăn ở cạnh giường anh trang nghiêm như du khách xem xương hóa thạch. Anh

nhìn thấy luôn bóng ma của chính mình đằng sau tấm ván đó, bị o ép như một tù nhân. Ả đặt máy đánh chữ lên tấm ván, ngay trước mặt bóng ma, và đặt gói Corrasable Bond – loại giấy mà anh ghét nhất trên đời vì chỉ cần trộn các trang lên là chữ mờ hết cả – bên cạnh đó. Giờ thì ả vừa bố trí xong một kiểu nghiên cứu của người tàn tật.

“Ngài thấy sao?”

“Nhìn được đấy”, anh nói, lời dối trá lớn nhất trong đời trôi tuột khỏi miệng lưỡi anh như không, sau đó đặt câu hỏi mình đã thừa biết câu trả lời. “Cô nghĩ tôi sẽ viết gì ở đó?”

“Ôi, nhưng Paul ơi,” ả đáp, quay sang anh, đôi mắt nhảy múa trên khuôn mặt đỏ bừng. “Không phải tôi nghĩ, mà tôi biết! Ngài sẽ dùng máy đánh chữ này để viết cuốn tiểu thuyết mới! Cuốn tiểu thuyết hay nhất ngài từng viết ra! *Sự trở lại của Misery!*”

24

Sự trở lại của Misery. Anh không cảm thấy gì. Anh đồ là một người vừa bị cưa đứt lìa bàn tay chắc cũng có cùng kiểu không-cảm-thấy-gì này khi đứng nhìn về cổ tay đang tóe máu bằng nỗi ngỡ ngàng tẻ ngắt.

“Được!” Khuôn mặt người đàn bà sáng bừng như đèn pha. Đôi tay rắn rỏi của ả tự túm chặt vào giữa hai bầu ngực. “Đây sẽ là cuốn sách dành riêng cho tôi, Paul à! Khoản thù lao dành cho tôi vì đã săn sóc ngài tới khi khỏe lại! Bản sao chỉ có một trên đời của tập *Misery* mới nhất! Tôi sẽ có thứ mà không ai khác trên thế giới này có được, dù họ có khát khao nó đến đâu! Thử *nghĩ* mà xem!”

“Annie à, Misery chết rồi.” Nhưng vừa xong, một cách khó tin, anh lại đang nghĩ, mình có thể đem cô ấy trở về. Ý nghĩ đó khiến anh ghê tởm chán chường nhưng chẳng có nổi một tia ngạc nhiên. Sau cùng, thằng đàn ông có gan uống nước từ xô lau sàn thì cũng nên có khả năng viết lách dắt mũi một chút.

“Không, cô ấy chưa đâu,” Annie mơ màng đáp. “Dù là khi tôi... khi tôi rất giận ngài, tôi vẫn biết cô ấy chưa chết thật. Tôi biết ngài không thể thực sự xuống tay với cô ấy được. Vì ngài *tốt bụng* mà.”

“Tôi có như vậy à?” anh đáp, và nhìn vào máy đánh chữ. Nó toét miệng cười với anh. *Chúng ta sẽ cùng khám phá xem ông tốt bụng thế nào nhé, bạn già,* nó thì thầm.

“Đúng thế.”

“Annie à, tôi không biết liệu mình có thể ngồi trên chiếc xe lăn đó không. Lần trước...”

“Lần trước đau thật, tôi cá chắc là thế. Và lần sau cũng sẽ đau vậy thôi. Hoặc thậm chí là đau hơn. Nhưng sẽ đến một ngày – và chắc sẽ không lâu nữa đâu, dù đối với ngài thời gian có thể sẽ kéo dài hơn so với thực tế. . ngày nó bớt đau đi một chút. Và bớt một chút. Thêm bớt thêm chút nữa”

“Annie, cô có thể nói với tôi điều này được không”

“Tất nhiên rồi, Paul thân mến!”

“Nếu tôi viết câu chuyện này cho cô.

"*Tiểu thuyết*! Một cuốn dày dặn đẹp đẽ như tất cả các tập khác — hoặc đồ sộ hơn càng tốt!”

Anh nhắm mắt lại một chút, rồi mở ra. “Được rồi — nếu tôi viết cuốn *tiểu thuyết* này theo ý cô, thì khi hoàn thành có có để tôi đi không?”

Trong một khắc, sự khó chịu thoáng qua trên khuôn mặt người đàn bà, đoạn ả nhìn anh cẩn thận, chăm chú. “Ngài nói như kiểu tôi đang giam ngài như *tù nhân* đấy, Paul ạ.

Anh không nói gì, chỉ nhìn ả.

“Tôi nghĩ khi ngài viết xong, ngài nên được... gặp gỡ mọi người,” ả nói. “Đấy là điều ngài muốn nghe phải không?”

“Điều tôi muốn nghe đó, ừ.”

“Chà, thành thật mà nói! Tôi biết các nhà văn thường có cái tôi lớn, nhưng tôi đoán điều đó không đồng nghĩa với sự vô ơn!”

Anh tiếp tục nhìn người đàn bà sau một hồi, ả nhìn đi chỗ khác, mất kiên nhẫn và hơi bối rối.

Cuối cùng anh nói: “Tôi cần tất cả các tập *Misery*, nếu như cô có chúng, bởi tôi không có *sách dẫn* của mình ở đây.”

“Tất nhiên là tôi có!” ả nói. Và rồi: “*Sách dẫn* là cái gì thế?”

“Một cuốn giấy rời ghép gáy chứa mọi thông tin về *Misery* của tôi.” anh đáp. “Chủ yếu là nhân vật và địa điểm, nhưng lập chỉ mục chéo theo ba hoặc bốn cách khác nhau. Dòng thời gian. Sự kiện lịch sử.”

Anh thấy ả hầu như không lắng nghe. Đây là lần thứ hai người đàn bà tỏ ra chẳng buồn quan tâm đến mánh khóe nghề nghiệp mà lý ra sẽ khiến cả một lớp những nhà văn tương lai say mê không ngớt. Lý do, theo anh, chính là sự *đơn thuần*. Annie Wilkes là một độc giả hoàn hảo, một phụ nữ yêu thích những câu chuyện mà không màng đến cơ chế tạo ra chúng. Ả là hiện thân của nguyên mẫu thời Victoria đó, *Độc giả trung thành*. Ả không muốn nghe anh nói về sách dẫn hay chỉ mục vì đối với ả, Misery và các nhân vật quanh quẩn đó hoàn toàn có thật. Mấy thứ chỉ mục đối với ả đàn bà này chẳng có nghĩa lý gì. Nếu anh kể về một cuộc điều tra dân số làng ở Little Dunthorpe, hẳn ả đã tỏ ra hứng thú hơn.

“Chắc chắn tôi sẽ mang sách cho ngài. Sách hơi bị quăn mép đôi chỗ, nhưng đó là dấu hiệu chứng tỏ nó đã được đọc và được yêu thích, phải không?”

“Đúng vậy,” anh đáp. Lần này không cần nói dối nữa. “Đúng như vậy rồi.”

“Tôi sẽ nghiên cứu vụ đóng sách,” ả mơ màng nói. “Tôi sẽ tự tay đóng cuốn *Sự trở lại của Misery*. Trừ cuốn Kinh Thánh của mẹ, đó sẽ là cuốn sách duy nhất tôi *thực sự* sở hữu.”

“Hay đó,” anh nói chỉ để có gì đó để nói. Anh cảm thấy hơi buồn nôn.

“Giờ tôi sẽ đi ra để ngài rộng đường suy nghĩ,” ả bảo. “Thú vị thật đấy! Ngài có nghĩ vậy không?”

“Có chứ, Annie. Tất nhiên là tôi cũng nghĩ như thế.”

“Nửa giờ nữa tôi sẽ mang đến cho ngài một ít ức gà, khoai tây nghiền và đậu Hà Lan. Có thể là một chút thạch rau câu nữa vì ngài thực sự là một cậu bé ngoan. Và tôi đảm bảo ngài sẽ nhận được thuốc giảm đau đúng giờ. Nếu cần, tôi sẽ cho ngài thêm một viên nữa để dành cho buổi tối. Tôi muốn chắc chắn rằng ngài ngủ được, bởi ngày mai ngài phải trở lại làm việc rồi. Tôi cá ngài sẽ hồi phục nhanh hơn khi ngài lao động!”

Người đàn bà đi đến cửa, dừng lại ở đó một lúc, và sau đó, thật lố bịch, ném về phía anh một nụ hôn gió.

Cánh cửa đóng lại sau lưng ả. Anh không muốn nhìn vào cái máy đánh chữ và đã cự nự một lúc, nhưng cuối cùng anh vẫn bất lực trợn mắt lên nhìn nó. Nó ngồi ngay ngắn trên tủ tài liệu, cười toe toét. Nhìn vào nó hao hao việc nhìn vào một công cụ tra tấn – ủng, giá treo, dây trói – đang đứng im không hoạt động, nhưng chỉ là trong thời điểm này.

Tôi nghĩ khi ngài viết xong, ngài nên được... gặp gỡ mọi người.

Á à, Annie ạ, cô đã lừa dối cả hai ta. Tôi biết điều đó, và cô cũng đâu lạ.

Tôi nhìn thấy điều đó trong mắt cô. Khoảng thời gian sống hữu hạn giờ đây mở đuôi ve vẩy trước mặt khiến anh khó chịu cực độ: sáu tuần của cuộc đời mà anh nằm gai nếm mật với đống xương gãy và lại lần nữa bắt quàng với Misery Chastain, nhũ danh

Carmichael, theo đuôi là một cuộc can thiệp vội vàng ở sân sau. Hoặc ả đàn bà đó sẽ nghiền xương anh cho con lợn Misery của ả – *thứ* có vẻ sẽ có chút đạo lý, dù hơi đen và thô thiển.

Thế thì đừng làm vậy. Cứ làm ả rồ lên Ả cứ như một lọ thuốc nổ di động. Dồn nén ả một chút. Làm ả nổ bung ra. Còn hơn nằm đây đau khổ.

Anh cố nhìn vào chữ W lồng vào nhau, nhưng chỉ lát sau anh lại nhìn vào máy đánh chữ. Nó đứng trên nóc tủ, câm lặng, nặng trịch và đầy những chữ nghĩa anh không hề muốn viết, cười nhăn nhở với một cái răng bị mất.

Tôi không nghĩ là ông cho là vậy đâu, bạn già. Tôi nghĩ ông vẫn muốn sống dù có phải chịu đau đớn. Nếu điều đó có nghĩa là đem Misery trở lại như một màn đãi riêng để chiều lòng độc giả, ông sẽ làm thế. Dẫu ông cũng sẽ gồng lên thôi – nhưng trước mắt ông sẽ phải qua mặt được tôi đây... và tôi không nghĩ mình ưa cái giao diện của ông.

“Làm như tao cũng ưa cái mặt mày lắm ấy,” Paul càu nhàu.

Lần này anh cố gắng nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi tuyết vừa rơi. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, anh lại chòng chọc nhìn cái máy đánh chữ bằng niềm say mê bị kịch liệt cự tuyệt, thậm chí còn không nhận thức được ánh mắt mình đã đổi hướng tự lúc nào.

25

Việc ngồi lên ghế không nhức nhối như anh sợ, và thế thật tốt, vì trải nghiệm trước đó đã cho thấy rồi đây anh sẽ cực kỳ đau đớn.

Người đàn bà đặt khay thức ăn lên tủ tài liệu, đoạn đẩy xe đến cạnh giường. Ả đỡ anh ngồi dậy – một tia đau âm ẩm và cục mịch lóe lên ở vùng xương chậu nhưng nguôi ngay – rồi ả nghiêng người, phần cổ áp vào vai anh như cổ một con ngựa. Trong khoảnh khắc, anh cảm nhận được nhịp mạch ả đập, và mặt anh rúm lại vì kinh hãi. Rồi cánh tay phải người đàn bà ôm chắc lưng anh, tay trái đỡ dưới mông.

“Cố gắng đừng ngọ nguậy phần từ gối hắt xuống khi tôi đang thao tác nhé,” ả nói, đoạn bẫng cái trượt anh vào ghế. Ả làm điều đó với sự thư thái của một phụ nữ nhét cuốn sách vào khe trống trên tủ sách của mình. Quả vậy, ả khỏe như vâm. Ngay cả khi bình thường khỏe mạnh, anh cũng hồ nghi chuyện mình ăn thua được với Annie. Còn trong tình trạng hiện tại, thật chẳng khác nào Wally Cox đấu với Boom Boom Mancini.

Ả đặt tấm ván trước mặt anh, “Nhìn nó vừa khít luôn không?” ả nói, và tiến đến phía tủ tài liệu để lấy thức ăn.

"Annie?”

“Có tôi.”

“Cô có thể giúp tôi xoay cái máy đánh chữ lại được không. Quay mặt nó vào tường ấy.”

Người đàn bà cau mày. “Mắc giống gì mà ngài lại nhờ tôi làm việc đó?”

Bởi tôi không muốn nó toét miệng nhăn nhở với tôi cả đêm.

“Một kiểu tín tâm của tôi xưa giờ,” anh nói. “Tôi luôn quay máy đánh chữ của mình vào tường trước khi bắt tay vào viết.”

Anh ngừng lại rồi nói thêm: “Thực ra là cả trong quá trình viết, đêm nào cũng vậy.”

“Nó giống như *giẫm phải vết nứt, làm gãy lưng mẹ của bạn*,” ả nói. “Hễ tôi còn tránh được thì tôi chẳng bao giờ giẫm lên vết nứt.” Người đàn bà quay cái máy đánh chữ để nó toe toét với bức tường trống. “Ổn hơn chưa?”

“Rất nhiều.”

“Ngài *ngớ ngẩn* thật đấy,” ả nói, rồi bước đến và bắt đầu cho anh ăn.

26

Anh mơ thấy Annie Wilkes trong vương cung của những khalip Ả Rập đầy kinh diễm, phù phép ra các thần và linh vật từ những cái chai rồi bay quanh điện bằng một chiếc thảm phép. Khi tấm thảm lướt qua anh (tóc người đàn bà xõa sau lưng; đôi mắt sáng và long lanh như đôi mắt của một thuyền trưởng đang định hướng giữa các tảng băng trôi), anh thấy nó được dệt toàn bộ bằng màu xanh lá cây và trắng; cái thảm tạo thành một biển số xe Colorado.

Ngày xửa ngày xưa, Annie mời gọi. *Ngày xửa ngày xưa chuyện đó xảy ra. Câu chuyện diễn ra từ thời ông nội của ông nội tôi còn là một cậu bé. Đây là câu chuyện về một cậu bé tội nghiệp. Tôi được một người đàn ông sang tai. Ngày xửa ngày xưa. Xưa thật là xưa.*

27

Anh tỉnh giấc khi Annie lay lay và ánh nắng ban mai rực rỡ chiếu xiên qua cửa sổ – tuyết đã ngừng rơi.

“Dậy đi, đồ ngủ ngày!” Annie nói gần như luyến láy. “Tôi mang cho ngài sữa chua và một quả trứng luộc ngon lành, ăn xong là đến lúc ngài bắt tay vào công việc.”

Anh nhìn khuôn mặt háo hức của người đàn bà và cảm thấy một cảm xúc mới lạ – hy vọng. Anh đã mơ thấy Annie Wilkes chính là nàng Scheherazade, cơ thể đặc khít của ả khoác tấm áo choàng lộng lẫy, bàn chân thô kệch nhét vào đôi dép lê đính cườm hồng lộ ra những ngón chân cong vẹo, nàng cưỡi trên tấm thảm ma thuật và niệm chú mở ra cánh cửa của những câu chuyện hay nhất. Nhưng dĩ nhiên Annie không sắm vai nàng Scheherazade. *Chính anh cơ*. Và nếu anh viết ra được những thứ đủ hay hớm, nếu ả đàn bà đó nhịn được mà không xuống tay giết anh trước khi biết được câu chuyện sẽ ra sao, bất chấp bản năng động vật trong ả có gào thét om sòm hay rền rĩ đòi ả làm vậy, rằng ả *phải* làm vậy...

Liệu có còn cơ hội nào cho anh không?

Anh nhìn qua người và thấy ả đã xoay máy đánh chữ lại trước khi đánh thức anh; nó cười nhăn nhở đầy rạng rỡ với anh để lộ cái răng sún, ôn tồn với anh rằng hy vọng là điều đúng đắn và nỗ lực quả là cao cả lắm, nhưng sau cùng, chỉ duy có sự diệt vong là có giá trị.

28

Người đàn bà đẩy anh ra phía cửa sổ để ánh mặt trời chiếu vào anh lần đầu tiên sau nhiều tuần, và anh dường như cảm nhận được làn da trắng mịn của chính mình, lấm tấm những vết trầy nhỏ, đang rầm rì âm thanh hoan hỉ và cảm tạ. Các mép cửa sổ được viền bên trong bằng một lớp sương giá, và khi đưa tay ra, anh có thể cảm thấy một bong bóng lạnh giống như mái vòm bao quanh cửa sổ. Cảm giác đó vừa tươi mới lại có chút hoài cổ, giống như lời nhắn của một người bạn cũ. Lần đầu tiên sau nhiều tuần – mà cảm giác dài như mấy năm – anh có thể nhìn vào một vùng địa lý khác với căn phòng với những đặc tính xác định bất biến của nó – giấy dán tường màu xanh lam, tranh Khải Hoàn Môn, tháng Hai dài như vô tận cùng biểu tượng cậu bé trượt xuống sườn đồi bằng xe trượt tuyết (anh nghĩ tâm trí mình sẽ nhảy ra hình ảnh khuôn mặt và cái mũ len có đuôi dài nhiều màu của cậu dịp tháng Giêng trườn sang tháng Hai, kể cả khi anh có sống được mà chứng kiến sự đổi tháng đó đến năm mươi lần nữa). Anh háo hức ngắm nhìn thế giới mới này như lần đầu được xem phim *Bambi* – hồi còn nhỏ.

Chân trời gần lại; nó luôn là dãy Rockies – nơi tầm nhìn xa hơn ra thế giới bị các mảng địa chất cao tầng cắt một đường ngọt lịm. Bầu trời xanh trọn vẹn vẻ tinh mơ cùng những đám mây trinh trắng. Bên sườn ngọn núi gần nhất là một thảm rừng xanh mướt cheo leo. Ngôi nhà cách bìa rừng chừng bảy mươi mẫu đất – tuyết phủ lấp khoảng trống đó bằng một màu trắng rực lên không tì vết. Không thể

đoán định dưới lớp áo tuyết là đồng cỏ trống hay đất đã khai hoang. Khung cảnh của khoảng vuông rộng này chỉ bị ngắt quãng bởi tạo vật duy nhất: một nhà kho màu đỏ ngăn nắp. Lúc nghe người đàn bà kể về đàn gia súc hoặc thấy ả lê bước nặng nhọc, mặt bơ phờ và thở đứt đoạn qua cửa sổ nơi anh nằm, anh đã tưởng tượng ra một công trình phụ xiêu vẹo như tranh minh họa từ cuốn truyện ma cho trẻ con – mái nhà cụp đầu và võng xuống sau bao năm tuyết dày, cửa sổ trống hoác và đầy bụi, đôi chỗ bị vỡ phải vá bằng bìa cứng, cửa đôi dài đã lệch ren và bung phất phơ ra ngoài. Cấu trúc ngăn nắp với nền sơn đỏ sẫm và đường viền màu kem thẳng thớm này trông như gara chứa đủ năm chiếc xe của một trưởng thôn khá giả cố làm ra vẻ chỉ là nhà kho. Đậu ngay trước cửa là một chiếc jeep Cherokee, dùng chừng nửa thập niên nhưng rõ ràng là đã được bảo dưỡng cẩn thận. Một bên có lưỡi cày Fisher đặt trong khung gỗ tự đóng. Để gắn lưỡi cày vào xe Jeep, ả chỉ cần khéo léo lái chiếc Jeep lên đến khung gỗ để móc trên khung khớp với các chốt trên lưỡi cày và ném cần khóa lên bảng điều khiển. Đây quả là phương tiện hoàn hảo cho người phụ nữ sống một mình và không có hàng xóm láng giềng gì để lúc cần còn hô hoán (mấy gã chim cò bẩn thỉu nhà Roydman tất nhiên chẳng tính làm gì, và chắc có chết đói Annie cũng không thèm ngửa tay nhận đĩa sườn heo từ nhà đó). Lối xe ra vào được xới thẳng tắp, một minh chứng cho việc ả thực có sử dụng lưỡi cắt, nhưng anh không nhìn thấy được con đường – ngôi nhà đã cắt mất tầm nhìn.

“Tôi thấy ngài có vẻ ngưỡng mộ cái kho của tôi, Paul nhỉ.”

Anh giật mình nhìn quanh. Chuyển động nhanh và thiếu tính toán đã đánh thức cơn đau của anh khỏi cơn mê ngủ. Nó gầm gừ thảm

thiết trong những gì còn sót lại trên ống chân và trong vòm muối lồi lên thế chỗ cho đầu gối trái của anh. Nó trở mình, cuốn lấy anh từ hang xương nơi nó nằm trong cảnh cầm tù, rồi lại nhẹ nhàng chìm vào giấc ngủ.

Người đàn bà có một khay thức ăn. Đồ ăn nhẹ, đồ ăn cho người ốm... nhưng mới vừa trông thấy bụng anh đã réo lên. Khi ả tiến lại gần, anh thấy ả đang đi một đôi giày màu trắng với đế crepe.

“Đúng vậy,” anh đáp. “Trông nó tươm tất lắm.”

Người đàn bà đặt ván lên xe lăn rồi đặt khay thức ăn lên ván. Ả kéo một chiếc ghế sang bên cạnh và ngồi xuống, nhìn anh bắt đầu ăn.

“Bố khỉ! Tươm tất mà chỉ được cái mã thì cũng vứt, mẹ tôi suốt ngày nói thế. Tôi giữ cho nó gọn gàng bởi tôi mà ngơi ra, bọn hàng xóm sẽ khua môi múa mép ngay. Bọn nó luôn kiếm cách tiếp cận tôi, hoặc xì xào thất thiệt về tôi. Thế nên tôi giữ cho mọi thứ được tươm tất. Giữ gìn vẻ bề ngoài cực kỳ, cực kỳ quan trọng. Về cái nhà kho, thực ra công việc cũng chẳng có mấy, miễn là ngài đừng để đồ đạc chồng đống lên nhau. *Phởn nhất* là giữ cho tuyết không lọt xuống mái.”

Phởn nhất, anh nghĩ. *Nhớ từ đó để cho vào bộ từ vựng Annie Wilkes trong hồi ký của mày nhé — đó là nếu mày còn có cơ hội để tự viết hồi ký. Cùng với chim cò bẩn thỉu, bố khỉ và cả mấy từ khác mà tao chắc là sẽ chui khỏi miệng ả sớm thôi.*

“Hai năm trước, tôi đã thuê Billy Haversham đặt băng nhiệt trên mái nhà. Ngài chỉ cần gạt công tắc, chúng sẽ nóng lên và làm tan băng. Mùa đông năm nay tôi chẳng cần đến chúng nữa, xem tuyết tự tan ra sao chứ nhỉ?”

Anh đang đưa cái dĩa đầy trứng được nửa đoạn đường đến miệng. Nó dừng lại giữa không trung khi anh nhìn ra nhà kho. Có một hàng băng giá dọc theo cái hang. Đầu những thanh băng này đang nhỏ giọt – nhỏ liên hồi. Từng giọt lấp lánh rơi xuống một con kênh băng hẹp nằm bên cạnh nền kho.

“Nhiệt độ giờ là 7 độ rồi mà còn chưa đến chín giờ sáng!” Annie tiếp tục hớn hở trong khi Paul tưởng tượng về tấm cản sau chiếc Camaro nổi lên qua lớp tuyết tan lấp lánh dưới ánh mặt trời. “Tất nhiên là chẳng ấm thế này được mấy nữa – chúng ta còn dăm ba đợt rét nữa, có khi còn cả một trận bão to – nhưng mùa xuân đang đến rồi, Paul ạ, và mẹ tôi thường bảo niềm hy vọng mà mùa xuân ấp ủ chính là nguyện ước của thiên đường”

Anh đặt dĩa xuống đĩa vẫn còn trứng.

“Không thèm ăn miếng cuối đó hả? Xong bữa rồi à?”

“Xong bữa rồi,” anh đồng ý, và đầu anh hiện ra hình ảnh nhà Roydman đang lái xe từ Sidewinder lên, một tia sáng chói hắt trúng mặt bà Roydman, khiến bà nhăn mặt và phải đưa tay che – *Cái gì ở dưới đó thế Ham?... Đừng có bảo tôi dở hơi à, ở dưới kia có cái gì đó đấy! Ánh sáng phản chiếu suýt làm mù cả mắt tôi luôn đây này! Quay xe đi, tôi muốn xem lại lần nữa*.

“Thế để tôi dọn cái khay” ả nói, “còn ngài thì bắt đầu làm đi thôi.” Người đàn bà ưu ái dành cho anh một cái nhìn ấm áp. “Tôi không tả nổi tôi đang háo hức thế nào, Paul à.”

Ả ra ngoài, để anh ngồi trên xe lăn và nhìn dòng nước chảy từ những thanh băng bám vào mép chuồng.

29

“Nếu cô kiếm được, tôi muốn được sử dụng một loại giấy khác,” anh nói khi ả quay lại đặt máy đánh chữ và giấy lên ván.

“Không phải loại này à?” ả hỏi lại, tay chạm vào màng bóng kính bọc giấy Corrasable Bond. “Nhưng đây là loại đắt nhất trong các *loại* đấy! Lúc vào Paper Patch tôi đã *hỏi* người ta rồi!”

“Không phải mẹ cô từng nói với cô là đắt chưa chắc đã xắt ra miếng à?”

Chân mày Annie tối sầm lại. Sự phòng thủ ban đầu của ả đã bị phẫn nộ choán chỗ. Paul đoán tiếp sau sẽ là cơn lôi đình.

“Không, mẹ tôi *không* bảo thế. Bà ấy *bảo* với tôi, thưa Quý Ngài Thạo Đời, là *tiền nào của đó*.”

Khí hậu bên trong người đàn bà này, theo anh thì hệt như mùa xuân ở miền Trung Tây. Ả chất chứa đầy những cơn lốc xoáy chực chờ, và nếu anh là một nông dân quan sát thiên tượng và thấy biểu hiện như khuôn mặt Annie lúc này, anh sẽ ngay lập tức tập hợp gia đình và đưa họ vào hầm trú bão. Lông mày của ả quá trắng. Lỗ mũi ả bập bùng đều đặn, như lỗ mũi một loài động vật đánh hơi được lửa. Hai tay ả bắt đầu mở ra từ từ và bất thình lình nắm lại, bắt lấy không khí và rồi bóp nghẹt nó.

Việc anh cần người đàn bà này và tình cảnh mong manh của anh gào lên bắt anh phải thụt lại, để xoa dịu ả trong khi giả như anh còn đủ thời gian để làm việc đó – như một bộ tộc trong tiểu thuyết

của Rider Haggard xoa dịu nữ thần của họ khi bà ta nổi cơn thịnh nộ, bằng cách cúng tế cho hình nộm của bà ta.

Nhưng có một phần khác trong anh, tính toán và bớt hèn hơn, nhắc nhở anh rằng anh không thể đóng vai Scheherazade nếu cứ đâm ra sợ sệt và nhũn nhặn bất cứ khi nào ả nổi cơn giông giật. Anh càng như vậy, ả sẽ càng chăm giông giật. *Nếu mày không có trong tay thứ ả thèm khát*, vẫn là phần đó trong anh lý sự, *ả có lẽ đã đưa ngay mày đến bệnh viện hoặc giết phăng mày để bảo vệ bản thân khỏi nhà Roydman – bởi với Annie, thế giới đâu đâu cũng chỉ toàn người nhà Roydman, với Annie họ đang rình rập trong mọi bụi cây. Và nếu chính lúc này mày không thức tỉnh con ả khốn kiếp này, thì Paulie bé bỏng của tao, mày sẽ có thể sẽ vĩnh viễn không bao giờ làm được.*

Ả bắt đầu thở gấp hơn, gần đến độ bị tăng thông khí; nhịp điệu hai tay đóng mở cũng nhanh hơn tương tự, và anh biết chỉ trong giây lát nữa, người đàn bà đó sẽ vượt xa anh.

Nhặt nhạnh nốt chút can đảm còn sót lại, cố gắng triệu hồi đến tuyệt vọng những nốt chuẩn xác nhất của sự cáu kỉnh gay gắt mà lại gần như hờ hững, anh nói: “Và cô cũng nên thôi kiểu đó đi. Cáu lên chẳng giải quyết được vấn đề gì.”

Ả sững người như thể vừa bị anh giáng một cái tát vào mặt và đứng nhìn anh, đau đớn.

“Annie,” anh kiên nhẫn nói, “chuyện này không có gì to tát cả.”

“Đó là một trò bịp bợm,” ả nói. “Ngài không muốn viết cuốn sách của tôi, vì vậy ngài đang bịa ra mấy trò bịp để nấn ná. Tôi đoán y rằng. Ôi nhóc ơi. Mấy trò đó chẳng ăn thua đâu. Mấy...”

“Chuyện đó thật ngớ ngẩn,” anh nói. “Tôi đã nói tôi không viết à?”

“Chưa... Không, nhưng...”

“Đúng thế đấy. Bởi đúng là tôi không viết đâu. Và nếu cô đến đây và xem cái này, tôi sẽ cho cô biết vấn đề nằm ở đâu. Làm ơn mang cái ấm Webster đó lại đây luôn”

“Cái gì cơ?”

“Cái ống nhỏ cắm bút mực và bút chì ấy,” anh nói. “Trên báo, đôi khi người ta gọi loại ống đó là Ấm Webster. Đặt theo tên của Daniel Webster.” Đây là lời nói dối anh vừa mới nghĩ ra, nhưng đã mang lại hiệu quả như mong muốn – người đàn bà trông bối rối hơn bao giờ hết, lạc lõng trong thế giới của các chuyên gia mà ả chẳng hay biết gì. Sự bối rối đã làm lan tỏa (và do đó giảm nhẹ) cơn thịnh nộ của ả; giờ anh thấy ả còn không biết mình có quyền gì mà nổi nóng.

Ả mang ống cắm bút và bút chì đến, đặt phịch xuống tấm phản và anh nghĩ: *Chết tiệt! Tôi đã thắng!* À không – điều đó không đúng. *Misery* đã thắng.

Nhưng điều đó cũng không đúng nốt. Chính là Scheherazade. Scheherazade đã thắng.

“Gì đây?” ả gắt gỏng nói.

“Nhìn này.” Anh mở gói Corrasable và lấy ra một tờ giấy. Anh lấy một cây bút chì mới mài và vẽ một đường trên giấy. Rồi anh lấy bút bi và vẽ một đường thẳng khác song song với đường đầu tiên. Sau đó, anh lướt ngón tay cái trên bề mặt hơi gợn sóng của tờ giấy. Cả hai đường kẻ đều nhòe nhoẹt theo hướng tay anh di chuyển, đường bút chì nhòe hơn đường bút bi một chút.

“Thấy không?”

“Thế thì sao?”

“Mực ruy-băng cũng sẽ bị mờ,” anh nói “Không đến nỗi mờ hẳn như bút chì, nhưng mờ hơn mực bút bi.”

“Rồi ngài định ngồi đó lấy ngón tay quẹt từng trang hay sao?”

“Mấy trang giấy cọ vào nhau trong vài tuần hay vài ngày là cũng bị mờ rồi,” anh nói, “và trong khi khi hoàn thiện bản thảo, giấy cũng phải đảo quanh đấy. Cô sẽ luôn phải xem lại để tìm một cái tên hay ngày nào đó. Chúa ơi, Annie, một trong những bài học đầu tiên khi bước vào *ngành* này, là các biên tập viên ghét đọc bản thảo đánh máy trên giấy Corrasable Bond không kém bản thảo viết tay.”

“Đừng có gọi như thế. Tôi ghét ngài gọi nó như thế.”

Anh nhìn người đàn bà, thành thực băn khoăn. “Gọi cái gì là cái gì?”

“Ngài bôi bác tài năng Chúa dành cho ngài bằng cách gọi đó là một *ngành*. Tôi ghét điều đó.”

“Tôi xin lỗi.”

“Ngài nên như thế,” ả nghiêm nghị nói. “Ngài cũng nên tự gọi mình là một con điếm đi.”

Không, Annie, anh nghĩ, đột nhiên cực kỳ giận dữ. *Tôi chẳng đàng điếm gì. Fast Cars không viết về một con điếm. Đấy là chủ đề của tập giết chết ả điếm khốn kiếp Misery, giờ tôi đang nghĩ về chuyện đó đây. Tôi đang lái xe đến Bờ Tây để ăn mừng được giải thoát khỏi cõi đàng điếm đó. Còn cô lại lôi tôi ra khỏi xác xe khi tôi gặp tai nạn và tống tôi trở lại cái cũi đó một lần nữa. Thêm hai đô-la đi, chỉ bốn đô-la thôi và tôi sẽ đưa cô đi khắp thế gian. Và thi thoảng tôi nhìn thấy trong cái thoảng chớp mắt của cô bảo tôi rằng một phần nào đó bên trong cô cũng thừa hiểu điều đó. Bồi thẩm đoàn có*

thể đưa cô ra tòa với lý do rằng cô bị mất trí, chứ không phải tôi, Annie ạ. Không phải đứa trẻ này.

"Ý hay đấy," anh nói. "Giờ quay trở lại chủ đề giấy..."

"Tôi sẽ kiếm cho ngài cái thứ giấy giẻ rách mà ngài yêu cầu," ả ủ rũ nói. "Cần loại nào cứ nói đi để tôi đi kiếm về."

"Miễn cô hiểu là tôi ở cùng phe với cô...

"Đừng chọc cười tôi. Chẳng có ai đứng về phía tôi kể từ khi mẹ tôi mất cách đây hai mươi năm."

"Thế muốn sao thì cứ tin là vậy đi," anh nói. "Nếu cô bất an đến nỗi không dám tin vào lòng biết ơn của tôi vì cô đã cứu mạng tôi, thì đó là chuyện của cô."

Anh tinh ý quan sát người đàn bà, và lần nữa anh lại thấy một tia bất định, của sự muốn tin, trong mắt ả. Tốt. Rất tốt. Anh nhìn ả bằng tất cả sự chân thành mà anh thu vén được, và một lần nữa anh tưởng tượng ra trong đầu cảnh cắm một mảnh thủy tinh vào cổ họng ả, để rút cạn một lần và mãi mãi dòng máu nuôi dưỡng bộ não điên cuồng đó.

"Ít nhất cô có thể tin rằng tôi đứng về phía cuốn sách. Cô từng nói về việc sẽ tự đóng nó. Tôi đoán rằng ý cô là đóng quyển y như bản thảo nhỉ? Các trang giấy đánh máy nhỉ?"

"Tất nhiên ý tôi là thế."

Ừ, cá là vậy. Bởi nếu cô mang bản thảo đến một cơ sở in, người ta sẽ nghi ngờ. Cô có thể ngây ngô về thế giới xuất bản và sách vở, nhưng cô đâu có khờ khạo đến mức đó. Paul Sheldon đang mất tích, và nhà in có thể sẽ mang mảng việc nhận được một bản thảo dài cỡ một cuốn sách, viết về nhân vật nổi tiếng nhất của Paul Sheldon ngay trong khoảng thời gian người đàn ông đó biến mất,

phải không? Và chắc chắn anh ta sẽ nhớ được các yêu cầu – mấy yêu cầu kỳ quặc đến nỗi nhà in nào cũng ấn tượng. Bản in của một bản thảo dài cỡ tiểu thuyết.

Chỉ một bản duy nhất thôi.

"Ả trông như thế nào, thưa sĩ quan? Chà, một người đàn bà lực lưỡng. Trông bao bao một thánh tượng bằng đá trong truyện của H. Rider Haggard. Chờ một chút, tôi có có hồ sơ lưu tên và địa chỉ của ả ở đây... Để tôi xem các bản giấy than sao hóa đơn..."

"Cô định đóng thế thì cũng ổn thôi" anh nói. "Bản thảo đóng bìa lên trông cũng chỉn chu lắm rồi. Nhìn sẽ giống một phiên bản ghép trang loạt tốt. Nhưng sách thì nên bền một chút, Annie ạ, và nếu tôi viết cuốn sách này trên giấy Corrasable, thì sau cỡ chục năm cô sẽ chẳng còn gì trong tay ngoài một đống giấy trắng. Trừ phi, đương nhiên, nếu cô chỉ đặt nó trên giá và không đụng chạm vào."

Nhưng ả không làm thế đâu, phải không? Chúa ơi, không. Ả muốn lấy nó xuống mỗi ngày, có khi là vài giờ một lần. Lấy cuốn sách xuống và hân hoan với nó.

Một ánh nhìn lạnh lùng kỳ lạ hiện lên trên khuôn mặt người đàn bà. Anh không thích sự ương ngạnh này, vẻ ngoài gần như phô trương của sự ngoan cố ấy khiến anh lo lắng. Anh có thể tính toán được cơn thịnh nộ của ả, nhưng có điều gì đó trong sắc mặt mới này mờ đục như thể nó đang còn bé bỏng.

"Ngài không cần phải nói gì nữa," ả nói. "Tôi đã bảo là tôi sẽ đi kiếm đúng giấy cho ngài. Loại gì đây?"

"Hãy đến cửa hàng bán đồ văn phòng phẩm cô từng đến..."

"Tiệm Paper Patch."

“Đúng rồi, tiệm Paper Patch. Hãy nói với họ là cô cần mua hai ram – ram là một gói có năm trăm tờ giấy...

“Cái đó tôi biết. Tôi không ngu, Paul ạ.”

“Tôi biết cô không mà,” anh nói, đâm ra lo lắng hơn. Cơn đau lại bắt đầu làu bàu dọc chân anh, và nó còn cằn nhằn không ngớt – oang oang ở đoạn xương chậu – anh đã ngồi dậy được gần một giờ, và chuyện đó khiến các khớp trật ở phần thân dưới ca cẩm oán thán.

Bình tĩnh nào, vì Chúa – đừng đánh mất tất cả những gì mày đã đạt được!

Nhưng mình đã đạt được gì chưa nhỉ? Hay đó chỉ là huyễn tưởng thôi?

“Hãy hỏi mua hai ram giấy in reneo trắng loại có thớ song song với cạnh dài. Giấy hiệu Hammermill Bond tốt đó; Triad Modem cũng vậy. Hai ram giấy in reneo giá còn thấp hơn một bịch Corrasable này, và chừng đó là đủ để thực hiện toàn bộ công việc, cả viết và viết lại.”

“Tôi đi luôn giờ đây,” ả nói, đứng phắt dậy.

Anh nhìn ả, thảng thốt khi nhận ra ả định bỏ anh lại mà không cho thuốc, lần này còn trong trạng thái ngồi. Ngồi không đã đau rồi; tới lúc ả về chắc sẽ đau khủng khiếp lắm, kể cả ả có đi chóng về gấp.

“Cô không cần đi luôn đâu, anh nói nhanh. “Bắt đầu viết bằng giấy Corrasable cũng tốt rồi – đằng nào tôi cũng phải viết lại mà...”

“Chỉ kẻ ngớ ngẩn mới cố bắt đầu một tác phẩm tốt bằng một công cụ tồi.” Ả lấy gói Corrasable Bond, đoạn giật tờ giấy có hai dòng lem nhem và vò nó thành một quả bóng. Ả ném cả hai vào sọt

rác và quay lại phía anh. Vẻ mặt cứng đờ, đáng ghét đó trùm lên khuôn mặt ả như một chiếc mặt nạ. Đôi mắt ả lập lòe như những đốm lờ đờ.

“Giờ tôi lên thị trấn đây,” ả nói. “Tôi biết ngài muốn bắt tay viết ngay khi có thể, vì ngài *ở phía tôi*...” người đàn bà ném lại mấy lời cuối với sự mỉa mai gắt gao bóng gió (và, theo Paul thấy, mang nhiều nỗi tự thù địch với chính mình hơn ả tưởng) “thế nên tôi không mất thời gian đưa ngài trở lại giường đâu.”

Ả khẽ cười, một cái nhếch môi vô hồn đầy kỳ quái, rồi lướt đến cạnh anh trong đôi giày y tá câm lặng của mình. Ngón tay người đàn bà chạm vào tóc anh. Anh rùng mình. Anh cố nhịn nhưng không được. Nụ cười chết chóc của ả ngoác rộng.

“Dù tôi nghĩ là chúng ta sẽ phải hoãn việc thực sự bắt đầu *Sự trở lại của Misery* trong một... hai... hoặc có thể là ba ngày. Ừ, khéo phải mất đến ba hôm ngài mới lại ngồi dậy được đấy. Vì đau. Tệ quá nhỉ. Tôi đã chuẩn bị rượu sâm-panh trong tủ lạnh. Tôi phải đặt lại nó lại vào nhà kho thôi.”

“Annie, thực sự đấy, tôi có thể viết luôn chỉ cần cô...”

“Không, Paul.” Người đàn bà đi ra cửa rồi quay lại, nhìn anh bằng vẻ mặt cứng đờ đó. Chỉ còn đôi mắt, hai cái đốm lờ đờ, là còn sống động dưới vạch ngăn là đường chân mày. ”Tôi có suy nghĩ này muốn ngài biết. Chắc ngài nghĩ ngài có thể phỉnh tôi, gạt tôi; tôi biết trông tôi có ù lì và ngu ngốc. Nhưng tôi không ngu, Paul ạ, và tôi không hề ù lì.” Đột nhiên mặt ả vỡ ra. Vỏ bọc cứng như đá vỡ vụn và những gì lọt qua là khuôn mặt của một đứa trẻ đang tức giận điên cuồng. Trong khoảnh khắc, Paul nghĩ nỗi kinh hoàng tột độ thôi cũng khiến anh đủ chết. Anh nghĩ anh đã trên cơ được đấy à? Anh nghĩ

thế thật à? Liệu một người có thể đóng vai Scheherazade trong khi kẻ bắt giữ họ bị mất trí không?

Người đàn bà lao qua căn phòng về phía anh, chân căng phồng, đầu gối gập lại, khuỷu tay quặt quẹo qua lại trong không khí phòng bệnh hôi hám như pít-tông. Tóc ả bung ra và rối tung quanh mặt sau khi tuột khỏi những chiếc ghim cài tóc. Bước chân ả đi lại không khẽ khàng nữa; giờ nó giống như Goliath sải bước vào Thung lũng Xương. Bức ảnh Khải Hoàn Môn trên tường hoảng hốt nứt ra.

”Hây-daaaa!” ả hét lên, đoạn thụi nắm tay thẳng vào vòm muối kết thành chùm ở đầu gối trái của Paul Sheldon.

Anh ngửa đầu ra sau và rú lên, tĩnh mạch cổ và trán nổi rõ mồn một. Cơn đau bùng phát từ đầu gối và nuốt trọn lấy anh, sáng trắng, giữa trung tâm một vì tân tinh.

Ả bứt cái máy đánh chữ ra khỏi tấm ván và nện nó xuống lò sưởi, nâng khối kim loại nặng chết khiếp đó cứ như cách anh nâng một cái hộp các-tông rỗng.

“Thế nên ngài cứ ngồi đó,” ả nói, môi vén vào trong cái nhe răng đe dọa, “và ngài ngẫm xem ai mới là người có quyền ở đây, cũng như những thứ tôi có thể làm để ngài nếm mùi đau khổ nếu cứ hành xử hỗn hào và cố lừa phỉnh tôi. Ngài cứ việc ngồi đó và hét lên nếu thích, bởi cũng chẳng ai nghe thấy đâu. Chẳng mống nào dừng xe ở khu này vì họ đều biết Annie Wilkes bị điên, họ đều biết cô ta đã làm gì, kể cả khi họ đã thấy tôi trắng án.”

Ả đàn bà bước ra cửa và quay lại, thấy thế anh lại hét lên, để phòng một vụ tấn công như con bò mộng khác, và điều đó khiến miệng ả ngoạc rộng thêm ra.

“Để tôi nói thêm cho ngài biết một điều nữa này,” ả thẽ thọt. “Họ nghĩ tôi đã thoát tội, và họ đúng đấy. Thử nghĩ xem, Paul, trong khi tôi vào thị trấn kiếm cái loại giấy giẻ rách của ngài.” Ả đàn bà bỏ đi, đóng sập cửa phòng ngủ đủ mạnh để làm rung chuyển cả căn nhà. Sau đó là tiếng bấm ổ khóa.

Anh dựa lưng vào ghế, cả người run lên, cố gắng không run vì đau nhưng không được. Nước mắt chảy dài trên má. Anh hết lần này tới lần khác thấy lại cảnh ả đàn bà đó phi ngang qua phòng, thấy cảnh ả hạ nắm đấm xuống phần còn lại của đầu gối anh bằng tất cả sức mạnh của một kẻ nát rượu giận dữ quấy rối bằng một thanh gỗ sồi, hết lần này đến lần khác anh bị nuốt chửng trong tân tinh của cơn đau khủng khiếp màu trắng xanh.

“Làm ơn, Chúa ơi, làm ơn,” anh rên rỉ khi chiếc Cherokee khởi động bên ngoài kèm một tiếng nổ và tiếng gầm. “Làm ơn, Chúa ơi, làm ơn – hãy giúp con thoát ra khỏi chuyện này hoặc giết con đi... hãy giúp con thoát khỏi chuyện này hoặc giết con đi.” Tiếng gầm rú của động cơ nhạt nhòa trên đường và Chúa cũng vậy, anh bị bỏ lại với nước mắt cùng cơn đau vốn đã tỉnh dậy hoàn toàn và đang hoành hành khắp cơ thể.

30

Về sau anh nghĩ, thế giới, trong thời thế nghịch cảnh không ngừng, có lẽ sẽ bồi đắp nên những điều mà anh sắp làm sau đây như nghĩa cử của chủ nghĩa anh hùng. Và anh có lẽ sẽ để quá trình đó diễn ra – nhưng thực tế thứ anh làm chẳng có gì hơn một cú cắn càn tự vệ.

Lờ mờ anh nghe thấy tiếng một bình luận viên thể thao cuồng nhiệt nào đó – Howard Cosell, Warner Wolf hoặc có thể là Johnny Most đầu-luôn-nóng – mô tả cảnh này, như thể chuyện anh nỗ lực tìm được nguồn cung thuốc giảm đau trước khi cơn đau giết chết anh là một sự kiện thể thao kỳ lạ – một màn chạy thử thay thế cho chương trình *Bóng đá đêm thứ Hai*, có lẽ vậy. Vì như có môn thể thao đó thật thì bạn định sẽ gọi nó là gì? *Đường tới thuốc giảm đau.*

“Tôi không thể tin nổi sự dũng cảm mà đứa trẻ Sheldon này thể hiện ngày hôm nay!”, bình luận viên thể thao trong đầu Paul Sheldon đang say mê. “Tôi không tin bất cứ ai ở Sân vận động Annie Wilkes – hoặc khán giả đang ngồi trước màn hình nhỏ – nghĩ rằng anh ta có cơ hội nào dù nhỏ nhất để điều khiển được chiếc xe lăn đó di chuyển sau cú đánh đau đớn mà anh nhận, nhưng tôi tin... vâng, thực sự là vậy! Nó đang di chuyển. Hãy cùng xem cảnh quay chậm!”

Mồ hôi chảy ròng ròng trên trán khiến khóe mắt anh cay xè. Anh liếm hỗn hợp muối và nước mắt trên môi. Cơn rùng mình sẽ không dừng lại. Đau như tận thế. Anh nghĩ trong đầu: *Sẽ đến lúc mọi sự nghĩ bàn về cơn đau này thành ra thừa thãi. Chưa ai trên thế giới*

từng trải qua cơn thống khổ đến mức này. Không một ai. Cảm giác cứ như bị quỷ ám.

Duy chỉ có suy nghĩ về những viên thuốc, mấy viên Novril ả cất đâu đó trong nhà, thôi thúc được anh di chuyển. Cửa phòng ngủ khóa trái... có khả năng thuốc giảm đau không để ở nhà tắm dưới tầng như anh phỏng đoán mà giấu ở đâu đó... khả năng ả quay lại và tóm được anh... những thứ đó chẳng có nghĩa lý gì, từng đó chuyện chỉ là muỗi so với cơn đau. Vấn đề tới đâu anh lo tới đó hoặc anh sẽ chết. Chỉ có thể thôi.

Di chuyển khiến dải lửa dưới thắt lưng và chân anh lún sâu hơn, bóp lấy chân anh như dây nịt gắn đinh gai nóng hổi hướng vào trong. Nhưng xe lăn có di chuyển. Rất chậm, xe lăn bắt đầu di chuyển. Anh đã xoay xở được khoảng mười hai mét trước khi nhận ra mình chỉ có thể lăn xe qua cửa và tiến thẳng trừ khi anh có thể quay người.

Anh nắm lấy bánh xe bên phải, rùng mình,

(nghĩ về những viên thuốc, nghĩ về những viên thuốc giúp giảm đau)

và cố gắng hết sức mình. Cao su kêu ken két trên sàn gỗ, như tiếng chuột rít. Anh cúi xuống, cơ bắp từng rắn chắc giờ nhão như thạch, môi mím lại sau hàm răng nghiến chặt, và chiếc xe lăn từ từ quay.

Anh lại nắm cả hai bánh xe để điều khiển xe lăn di chuyển. Lần này anh lăn một mét rưỡi trước khi dừng để ngồi thẳng lại. Sau khi làm xong, anh xám ngoét.

Năm phút sau anh bơi trở lại thực tại, nghe thấy giọng nói mơ hồ, buồn bã của bình luận viên thể thao đó trong đầu: “Anh ấy đang

cố gắng đi tiếp! Tôi thật không thể ti...in nổi sự can đảm của đứa trẻ Sheldon này!”

Phía trước tâm trí anh chỉ biết đến nỗi đau; chính phần sau mới dẫn hướng cho đôi mắt anh. Anh thấy đã gần đến cửa ra vào và lăn về hướng đó. Anh với tay xuống, nhưng đầu ngón tay anh dừng lại ở độ cao cách sàn nhà khoảng chục phân, đoạn thấy một trong số hai hoặc ba chiếc ghim tăm cài tóc văng khỏi tóc ả đàn bà khi ả tấn công anh ngã ngửa. Anh cắn chặt môi, không màng đến mồ hôi đã ròng rã khắp mặt và cổ, thấm đẫm áo ngủ.

“Tôi không nghĩ cậu ấy có thể lấy được chiếc ghim tóc đó, thưa quý vị – đó quả là một nỗ lực *tuyệt-cú-mèo*, nhưng tôi e rằng mọi chuyện chỉ dừng ở đó thôi.”

Chà, chưa chắc.

Anh buông mình xuống phía phải xe lăn, mới đầu còn cố tảng lờ cơn đau khắp thân phải – cơn đau giống như một bong bóng chứa đầy áp lực mỗi lúc lại căng thêm, sau như răng đập mạnh vào nhau – và rồi kiên cường cũng buộc phải nhường đường cho tiếng hét sổ lồng. Ả ta đã nói rồi, dẫu sau cũng chẳng ma nào nghe thấy.

Đầu ngón tay anh vẫn còn cách sàn hơn hai phân, lướt qua lướt lại ngay phía trên cái ghim, trong khi phần hông phải của anh cảm tưởng như có thể nổ tung thành thứ xương trắng nhũn toét tởm lợm.

Chúa ơi xin hãy giúp con...

Anh rướn xa hơn bất chấp cơn đau. Ngón tay anh sượt qua cái ghim nhưng chỉ đẩy được nó ra độ nửa phân. Paul trườn xuống trên ghế, vẫn đó người sang phải và lại hét lên vì cơn đau dưới cẳng chân. Mắt anh trợn ngược, miệng anh há hốc, lưỡi anh duỗi thẳng

giữa hai hàm răng như cái chốt kéo trên rèm cửa xếp. Đầu lưỡi nhể ra vài giọt nước bọt và văng lên sàn nhà.

Anh kẹp chặt cái ghim tăm trong kẽ tay... gắp được nó... suýt thì trượt mất... rồi kẹp chặt nó trong nắm tay.

Ngồi thẳng dậy đem đến một loại đau mới, và sau khi xong việc, anh chẳng làm được gì ngoài ngồi nghệt ra thở hổn hển hồi lâu, đầu ngả hết nấc cuối mà phần tựa lưng xe lăn có thể đỡ được, cái ghim tăm đặt trên tấm phản nằm ngang tay ghế. Suốt một lúc anh đinh ninh mình sắp nôn, nhưng không nôn.

Mày đang làm gì thế? một phần tâm trí của anh yếu ớt quở trách sau một hồi. *Mày còn định đợi đến lúc hết đau à? Còn khuya. Ả đàn bà đó cứ luôn mồm nhắc lời mẹ ả, nhưng mẹ mày cũng có mấy lời cửa miệng mà, không phải chứ?*

Ừ. Mẹ anh cũng có.

Cứ ngồi như vậy, đầu ngửa ra sau, mặt lấp loáng mồ hôi, tóc bết vào trán, Paul nhắc thành tiếng một trong những câu nói của mẹ, gần như một câu thần chú: “Trên đời có thần tiên, trên đời có yêu tinh, nhưng Chúa dang tay cứu đỡ những kẻ tự biết cứu lấy chính mình”

Đúng. Thế thì đừng chần chờ nữa Paulie – con yêu tinh có thể nhảy bổ ra ngay đây là con hạng nặng nhất mọi thời đại, Annie Wilkes.

Anh lại di chuyển, từ từ lăn bánh xe về phía cửa. Ả đã khóa trái cửa, nhưng anh tin mình có thể mở được. Tony Bonasaro, kẻ mà giờ chỉ còn là muôn vàn mảnh bụi tro đen, đã từng là một tên trộm xe hơi. Trong quá trình chuẩn bị tư liệu viết Fast Cars, Paul đã nghiên cứu cơ chế chế tạo ô tô với một cựu cảnh sát già khó tính

tên là Tom Twyford. Tom đã chỉ cho anh cách nổi dậy nóng cho bộ đánh lửa, cách sử dụng dải kim loại mỏng và mảnh của những tên trộm xe hơi có tên là Slim Jims để giật khóa cửa xe, và cả cách ngắt chuông báo trộm.

Hoặc, theo lời Tom nói vào một ngày mùa xuân ở New York cách đây hai năm rưỡi, *hãy bảo tôi là ngài không mảy may định chôm chỉa cái xe nào đi. Ngài có xe rồi, nhưng sắp cạn xăng. Ngài có sẵn một cái vòi bơm, nhưng chiếc xe ngài được tặng lại bị khóa nắp xăng. Chuyện đó có thành vấn đề không? Chẳng nhằm nhò gì nếu ngài biết mình đang làm gì, bởi hầu hết ổ khóa nắp xăng rặt toàn là trò trẻ con. Tất cả những gì ngài thực sự cần là một cái ghim tăm cài tóc.*

Paul đã mất năm phút lùi và nhồi liên tục để bánh xe lăn đến được vị trí anh mong muốn, bánh bên trái gần như chạm vào cửa.

Lỗ khóa là loại lỗi thời, cổ đến mức làm Paul nhớ đến các bức vẽ *Alice ở xứ sở thần tiên* của John Tenniel, đặt ở giữa một cái nắp ổ khóa hoen rỉ. Anh hơi trườn xuống một chút trên xe lăn – phát ra tiếng rên giật cục – và nhòm qua lỗ khóa. Anh nhìn thấy một hành lang ngắn dẫn xuống nơi hẳn là phòng khách: một tấm thảm màu đỏ sẫm trên sàn, một chiếc đi văng kiểu cũ được bọc bằng chất liệu tương tự, một chiếc đèn có tua được treo lên từ chụp đèn.

Phía bên trái anh, ở nửa hành lang, là một cánh cửa đang khép hờ. Trống ngực Paul đập nhanh hơn. Đó khá chắc chắn là phòng tắm ở tầng dưới – anh đã nghe thấy tiếng ả đàn bà xả đủ nước nôi trong đó (cả lần ả đổ đầy thùng lau nhà làm anh say ngất ngưởng), và chẳng phải ả luôn bước ra từ đó trước khi mang thuốc đến cho anh sao?

Anh nghĩ là thế.

Anh tóm lấy cái ghim tăm. Nó trượt khỏi các ngón tay anh, rơi xuống tấm phản rồi trượt về phía mép.

"*Không*!" anh gào đến khản cổ, đoạn đập một tay lên giữ nó lại trước khi nó rơi mất.

Anh siết chặt nó trong một nắm tay, mặt cắt không còn giọt máu. Dù chẳng có cách nào để nói chính xác, nhưng anh nghĩ lần thứ hai này mình đã vươn ra lâu hơn. Cơn đau – ngoại trừ cơn nhức nhối đến huyết lệ ở đầu gối trái – dường như đã dịu đi một chút. Cái ghim tăm đang nằm trên tấm phản đặt ngang tay xe lăn. Lần này anh nắm bàn tay phải vài lần trước khi nhấc nó lên.

Bây giờ, anh nghĩ, duỗi cái ghim tóc ra và giữ nó trong tay phải. *Mày không được run đâu. Khoan đã. MÀY KHÔNG ĐƯỢC RUN*.

Tay cầm cái ghim, anh vươn người luồn nó vào lỗ khóa, lắng nghe bình luận viên thể thao trong tâm trí anh mô tả hành động này.

(thật sống động!)

Mồ hôi túa ra trên mặt anh như bôi mỡ. Anh lắng tai nghe... nhưng hơn cả nghe, anh cảm nhận.

Cái lẫy trong mấy ổ khóa rẻ tiền chỉ như ván bập bênh, Tom Twyford từng nói vậy, tay ông ta còn lướt qua lại để diễn tả. *Ngài muốn lật nhào cái ghế bập bênh? Chuyện dễ nhất trên đời còn gì nữa, nhỉ? Cứ nắm cái ghế và lật chồng kềnh lên... có gì đâu. Và đó cũng là tất cả những gì ngài cần làm với một ổ khóa kiểu này. Trượt cái lẫy lên và mở nhanh nắp bình xăng trước khi nó bập trở lại.*

Anh chạm được cái lẫy hai lần, nhưng cả hai lần ghim tăm đều trượt ra và cái lẫy bập lại trước khi anh kịp làm gì hơn là xê dịch nó.

Cái ghim tăm bắt đầu bị cong. Anh nghĩ chỉ hai ba lần như vậy nữa nó sẽ gãy.

“Xin Chúa,” anh nói, và lách nó vào trong một lần nữa. “Con xin Chúa, Ngài sẽ đáp lại điều gì? Con chỉ xin Ngài cho đứa trẻ này được nghỉ ngơi một chút, con chỉ thỉnh cầu có vậy thôi.”

(“Thưa quý vị, Sheldon đã có màn thể hiện thật oanh liệt cho ngày hôm nay, nhưng đây hẳn là cơ hội cuối cùng của cậu ấy. Đám đông lặng đi...”)

Anh nhắm mắt, tiếng nói của bình luận viên nhỏ dần khi anh mải mê lắng tai nghe từng tiếng lách cách tí hon của cái ghim bên trong ổ khóa. Ngay đây! Vật cản đây rồi! Cái lẫy! Anh cảm nhận được nó nằm trong đó như cái chân cong của ghế bập bênh, đè lên lưỡi gà của ổ khóa, giữ cho nó cố định, giữ cho *anh* cố định luôn.

Đúng là trò trẻ con, Paul ạ. Cứ bình tĩnh đi.

Khi bạn bị đau tới mức này, không phải cứ nói bình tĩnh là bình tĩnh được.

Anh túm tay nắm cửa bằng tay trái, luồn dưới cánh tay phải để chạm được tới đó và bắt đầu ấn nhẹ vào cái ghim tóc. Mạnh hơn một chút... Mạnh hơn một chút...

Trong tâm trí, anh có thể thấy cái ghế bập bênh bắt đầu di chuyển trong hốc tường nhỏ đầy bụi; anh có thể thấy lưỡi khóa bắt đầu rụt lại. Nó không cần thiết phải rút hẳn vào trong đâu, Chúa ơi, không – không cần phải lật nhào cả cái ghế bập bênh, nói như ẩn dụ của Tom Twyford. Ngay khi nó chạm tới khung cửa — một cú đẩy...

Cái ghim tóc đồng thời bắt đầu cong và trượt. Anh cảm nhận được điều đó và trong cơn tuyệt vọng, anh dùng hết sức bình sinh đẩy mạnh, xoay tay nắm và xô vào cửa. Ghim tóc gãy làm đôi, có

một tiếng cạch nhẹ, phần bên trong ổ khóa tuột vào trong, và anh chìm vào khoảnh khắc xem xét thất bại của bản thân đầy ủ ê trước khi thấy cánh cửa từ từ trôi ra với cái lưỡi gà gắn trên nắp ổ như một ngón tay bằng thép.

“Chúa ơi,” anh thì thầm. “Chúa ơi, tạ ơn Ngài.”

Xin hãy đến với cảnh quay chậm! Trong tâm trí anh, Warner Wolf hét lên trong sung sướng khi hàng ngàn người hâm mộ ở Sân vận động Annie Wilkes – chưa kể hàng triệu khán giả đang theo dõi qua màn ảnh nhỏ – vỡ òa trong tiếng hò reo như sấm rền.

“Không phải bây giờ, Warner ạ,” anh cựa quậy và bắt đầu công việc lâu la và cực nhọc là lùi và nhồi bánh xe lăn để có thể tiến thẳng vào cửa.

31

Anh đã có một khoảnh khắc tồi tệ – không, tồi tệ không đủ; khủng khiếp, khoảnh khắc khủng khiếp – khi bánh xe lăn có vẻ sẽ không lọt được qua. Nó chỉ to hơn độ năm xăng-ti-mét, nhưng năm xăng-ti-mét đó thôi cũng là quá thể rồi. *Ả đàn bà gấp nó lại rồi mới mang vào phòng, bảo sao lúc mới đầu mày còn tưởng đó là xe đẩy hàng,* thần trí anh ủ dột bắn thông tin đến anh.

Cuối cùng anh cũng lách qua được – vừa đủ lọt – bằng cách đặt mình vuông vắn trước cửa, sau đó ngả về phía trước đủ để dùng tay bám được vào cả hai cái tay nắm cửa. Nắp trục của bánh xe va vào gỗ, nhưng anh vẫn lọt qua.

Vừa xong, trông anh lại lần nữa xám ngoét.

32

Giọng nói của anh kéo anh ra khỏi sự bàng hoàng. Anh mở mắt ra và thấy ả đàn bà đó đang chĩa khẩu súng ngắn vào anh. Đôi mắt ả long lên đầy giận dữ. Nước bọt lấp loáng trên răng.

“Nếu ngài muốn tự do đến thế, Paul a,” Annie nói, “Tôi rất vui lòng ban nó cho ngài.”

Ả kéo lại cả hai cây búa.

33

Anh giật bắn người, tưởng súng đã nổ. Nhưng ả đàn bà không có ở đó, đương nhiên; và đầu óc anh đã nhận ra đó chỉ là một giấc mơ.

Không hẳn là mơ – một cảnh báo. Ả có thể quay lại bất cứ lúc nào. Bất cứ khoảnh khắc nào.

Ánh sáng hắt ra từ cánh cửa nhà tắm khép hờ đã thay đổi, trở nên sáng sủa hơn. Thứ ánh sáng đó trông giống như ánh trăng. Anh ước đồng hồ sẽ kêu để anh biết được đã gần đến đêm chưa, nhưng nó ngoan cố im bặt.

Lần trước ả đã ra khỏi nhà đến năm mươi tiếng.

Chắc lần này cũng vậy. Mà lần này có thể đi đến tám mươi ấy chứ. Hoặc mày sẽ nghe thấy tiếng chiếc Cherokee kéo đến trong vòng năm giây tiếp theo. Trong trường hợp mày còn lơ ngơ, anh bạn ạ, Cục Dự báo Thời tiết có thể đưa ra cảnh báo lốc xoáy, nhưng hỏi chính xác là xoáy ở đâu và vào lúc nào, họ tuyệt nhiên chẳng biết cái thá gì.

“Hẳn rồi,” anh nói, và lăn xe xuống phòng tắm. Nhìn vào trong, anh thấy một căn phòng giản tiện lát gạch lục giác trắng. Bồn tắm với những chiếc quạt hoen gỉ nằm trải ra dưới vòi nước loại có chân nâng cong. Ngay cạnh nó là một cái tủ quần áo bằng vải lanh. Đối diện với bồn tắm là một bồn rửa. Bên trên bồn rửa là một tủ thuốc.

Cái xô lau sàn nằm trong bồn tắm – anh có thể nhìn thấy phần chóp nhựa của nó.

Hành lang đủ rộng để anh xoay cái xe lại và quay mặt ra cửa, nhưng giờ cánh tay anh đang run lên vì kiệt sức. Anh từng là một thằng bé ẻo lả nên khi trưởng thành anh đã cố gắng chăm sóc bản thân thật tốt, nhưng giờ đây anh sở hữu cơ bắp của một phế nhân và đứa trẻ ẻo lả đã trở lại, cứ như tất cả thời gian anh ăn nằm, chạy bộ và tập luyện trên máy tập Nautilus chỉ là một giấc mơ.

Ít ra thì cánh cửa này cũng rộng hơn – không nhiều, nhưng đủ để khiến đường đi của anh bớt dựng tóc gáy. Paul vượt qua bậc đá, và sau đó bánh xe bằng cao su cứng lăn trơn tru trên gạch. Anh ngửi thấy thứ gì đó có mùi chua mà anh lập tức liên tưởng tới các bệnh viện – có lẽ là Lysol. Trong phòng này không có bồn cầu, nhưng anh từng nghi ngờ việc này rồi – tiếng xả nước chỉ phát ra duy nhất ở tầng trên, và giờ anh nghĩ lại, một trong những tiếng xả nước ở tầng trên luôn phát ra sau khi anh sử dụng cái bố dẹt. Ở đây chỉ có bồn tắm, chậu rửa và tủ đựng đồ vải lanh với cánh cửa đang mở.

Anh nhìn thoáng qua đống khăn tắm và khăn lau màu xanh dương buộc gọn gàng – anh đã trông thấy cả hai loại khi ả tắm cho anh tại giường – và rồi chuyển sự chú ý sang tủ thuốc trên bệ rửa mặt.

Cái tủ nằm ngoài tầm với.

Dù anh có cố gắng thế nào đi nữa, nó vẫn cao hơn đầu ngón tay anh chừng hai mươi xăng-ti-mét. Anh nhìn thấy mà không thể chạm tới, không tin được Số mệnh, Chúa hay Bất Kỳ Ai lại có thể tàn nhẫn đến vậy. Trông anh như một cầu thủ sân ngoài đang tuyệt vọng đuổi theo một quả home-run mà anh ta hoàn toàn không có cơ hội bắt được.

Paul phát ra một âm thanh bi thương khó hiểu, hạ tay xuống, rồi ngả người ra sau, thở hổn hển. Đám mây xám hạ xuống gần hơn. Anh phủi đám mây đi và nhìn quanh để tìm thứ gì đó có thể sử dụng để mở cửa tủ thuốc, và anh thấy trong góc cây lau nhà O-Cedar đang nghiêng mình cứng nhắc trên một chiếc cọc dài màu xanh lam.

Mày định dùng cái đó ấy hả? Thật ấy hả? Chà, tao đoán là mày dùng được đấy. Cạy toang cửa tủ thuốc rồi bắt một đống đồ ra chậu rửa. Nhưng chai lọ sẽ vỡ tung và kể cả là không có chai lọ gì đi, thì phần lớn, mọi người đều có ít nhất một chai Listerine hoặc Scope hoặc gì đó trong tủ thuốc của mình, mày chẳng có cách nào xếp lại đống đồ mày làm rơi đâu. Thế khi ả đàn bà đó quay lại và nhìn thấy đống hỗn độn đó, rồi sao?

“Tao sẽ nói với ả là Misery làm đó,” anh nói. “Tao sẽ nói với ả là Misery ghé qua và tìm một loại thuốc bổ để cải tử hoàn sinh.”

Rồi anh bật khóc... nhưng ngay cả khi nhập nhèm nước mắt, anh vẫn đảo quanh phòng tìm kiếm một thứ gì đó, bất cứ thứ gì, cảm hứng, một khoảng nghỉ ngơi, chỉ một phút nghỉ ngơi chết tiệt...

Anh nhìn lại tủ quần áo vải, và hơi thở đang gấp gáp của anh bỗng ngưng bặt lại. Mắt anh giãn ra.

Anh lướt nhìn và dừng lại ở cái giá đựng ga trải giường gấp gọn, vỏ gối, quần áo và khăn tắm. Rồi anh nhìn xuống sàn và thấy một vài thùng các-tông hình vuông. Một vài thùng dán nhãn UPJOHN. Một vài thùng dán nhãn LILY. Một số có nhãn CAM PHARMACEUTICALS.

Anh hùng hục quay xe lăn, tự làm mình bị thương mà không thèm để ý.

Xin Chúa đừng để chúng là hộp trữ sữa tắm chưa dùng tới, hoặc băng vệ sinh dạng ống, hoặc tranh ảnh của người mẹ thiện lương quá cố của ả…..

Anh lần mò tìm một trong những chiếc hộp, lôi nó ra và mở nắp. Không có dầu gội, không có mẫu thử Avon. Ngược lại là khác. Có một mớ thuốc men lộn xộn trong thùng carton, phần lớn được đựng trong các hộp nhỏ đánh dấu HÀNG MẪU (SAMPLES). Ở dưới cùng có một vài viên thuốc và viên nang, màu sắc khác nhau, lăn lóc khắp nơi. Vài viên, như Motrim và Lopressor, loại thuốc tăng huyết áp mà cha anh đã dùng trong ba năm cuối đời, anh biết. Còn những viên khác anh chưa bao giờ nghe qua.

“Novril,” anh lẩm bẩm, điên cuồng lục tung trong thùng, mồ hôi anh vã ròng ròng khắp mặt còn chân giật thình thịch và đau nhói. “Novril, *Novril* chết tiệt ở đâu thế?”

Không có Novril. Anh đẩy tay đóng nắp thùng các-tông và nhét nó trở lại tủ vải, làm như đang nỗ lực đưa nó vào đúng chỗ cũ. Chắc là ổn thôi, đống này trông có khác gì đống rác hổ lốn đâu.

Nghiêng người về bên trái, anh giật được thùng các-tông thứ hai. Anh mở nó ra và hầu như không tin nổi những gì anh đang nhìn thấy.

Darvon. Darvocet. Darvon Tổng hợp. Morphose và Morphose Tổng hợp. Librium. Valium. Và Novril. Hàng tá, hàng tá và hàng tá những hộp hàng mẫu. Những chiếc hộp xinh xắn. Những chiếc hộp thân yêu. Ôi những chiếc hộp khả ái thiện lương. Anh mở một cái hộp ra và trông thấy – những viên nang ả đàn bà cho anh uống cứ sáu giờ một lần, bọc trong vỉ nhựa trong.

Vỏ hộp có ghi KHÔNG SỬ DỤNG KHI KHÔNG CÓ CHỈ DẪN CỦA BÁC SĨ.

“Ôi Chúa ơi, bác sĩ ở đây rồi!” Paul nức nở. Anh dùng răng xé tấm giấy bóng kính ra và nhai liền ba viên, hầu như không cảm nhận được vị đắng chát. Anh dừng lại, nhìn chằm chằm vào năm viên vẫn còn nằm trong vỉ bóng kính, và ngấu nghiến viên thứ tư.

Anh nhanh chóng nhìn xung quanh, cằm chống xuống xương ức, đôi mắt xảo quyệt và sợ sệt. Dù anh biết còn quá sớm để cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng anh đã cảm nhận được sự nhẹ nhõm đó rồi – có vẻ như việc có được những viên thuốc ấy còn quan trọng hơn cả việc uống chúng. Cảm giác như thể anh đã được trao quyền kiểm soát mặt trăng và thủy triều – hoặc chỉ cần đưa tay lên là nắm được nó. Đó là một suy nghĩ lớn lao, tuyệt hảo... và cũng thật đáng sợ, với cảm giác tội lỗi và báng bổ.

Nếu bây giờ ả quay lại...

“Được rồi — được rồi. Tôi hiểu rồi.”

Anh nhìn vào thùng giấy, cố tính toán xem mình có thể lấy bao nhiêu hộp mẫu mà ả không nhận ra một con chuột nhỏ tên Paul Sheldon đang nhấm nháp trong kho lương thực.

Anh cười khúc khích trước điều này, một âm thanh lanh lảnh, nhẹ nhõm, và anh nhận ra thuốc không chỉ có tác dụng với chân của mình. Anh đã tự chơi thuốc chính mình, nếu bạn muốn nói toạc hẳn ra.

Di chuyển đi, tên đần độn này. Mày không có thời gian ở đó tận hưởng việc bị ném đá đâu.

Anh lấy năm hộp – tổng cộng là ba mươi viên thuốc. Anh phải kiềm chế bản thân để không nhai thêm viên nào. Anh khuấy tung

hộp và chai còn lại xung quanh, hy vọng kết quả trông sẽ không kém hoặc lố hơn sự hỗn độn khi anh nhìn vào hộp lần đầu tiên. Anh gập nắp lại và nhét chiếc hộp trở lại tủ đựng đồ.

Có tiếng ô tô đi tới.

Anh nhổm hẳn dậy, mắt trố ra. Tay anh thả thõng xuống tay xe lăn rồi nắm chặt chúng với vẻ hoảng sợ. Nếu đó là Annie, anh coi như bỏ và thế là hết. Anh không đời nào có thể di dịch cái thứ quá khổ và trì trệ này về kịp phòng ngủ. Chắc anh có thể đánh ả một nhát bằng cây lau nhà O-Cedar hoặc thứ gì đó trước khi ả vặn cổ anh như một con gà.

Anh ngồi trên xe lăn cùng những hộp mẫu Novril trong lòng, với đôi chân gãy nát cứng đờ ra trước mặt, chờ xem xe chạy qua hay lùi vào.

Âm thanh văng vẳng không dứt... rồi bắt đầu nhỏ dần.

Được rồi. Mày có cần thêm cảnh báo đập vào mắt không hả bé Paul?

Đương nhiên, anh không cần. Anh liếc mắt nhìn mấy thùng giấy lần cuối. Chúng nhìn anh bằng ánh mắt như anh nhìn chúng lần đầu tiên – dù lúc đó anh nhìn chúng qua một lớp màn đau đớn và cũng không thực chắc chắn, nhưng anh biết đống thùng hộp này trông không tự nhiên như vị trí lúc trước, ồ, không giống chút nào. Ả đàn bà đó nhận thức mạnh mẽ hơn do chứng loạn thần nặng, và có thể đã ghi nhớ kỹ vị trí của mỗi chiếc hộp. Ả có thể nhìn thoáng qua và ngay lập tức nhận ra chuyện gì đã xảy ra theo một cách bí ẩn nào đó. Kiến thức này không khiến anh sợ hãi mà mang lại cảm giác cam chịu – anh cần thuốc, và bằng cách nào đó anh đã thoát được khỏi phòng của mình và lấy chúng. Nếu có phải trả giá, phải chịu

trừng phạt, ít nhất anh cũng có thể đối diện với chúng khi biết anh chẳng thể làm gì khác ngoài những gì anh đã thực sự làm. Và trên tất thảy những thứ ả đàn bà đó đã gây ra cho anh, nỗi nhẫn nhục này hẳn là biểu hiện của điều tồi tệ nhất – ả biến anh ta thành một con thú đau đớn và chẳng chừa lấy một lựa chọn đạo đức nào.

Anh từ từ lùi xe lăn qua phòng tắm, thỉnh thoảng liếc nhìn về phía sau để chắc rằng mình không đi chệch hướng. Nếu là lúc trước, một cử động như vậy có thể khiến anh hét lên đau đớn, nhưng bây giờ cơn đau đã ẩn mình dưới một lớp kính tuyệt đẹp. Anh lăn xe vào hành lang rồi khựng lại khi một ý nghĩ khủng khiếp ập đến: lỡ như sàn nhà tắm hơi ẩm, hoặc thậm chí hơi bẩn...

Anh nhìn chằm chằm xuống sàn, và trong giây lát ý nghĩ rằng mình hẳn đã để lại dấu vết trên những viên gạch trắng phau kia trở nên thuyết phục tới mức anh thực sự đã trông thấy chúng. Anh lắc đầu và nhìn lại lần nữa. Chẳng có vết tích gì. Nhưng cánh cửa thì đã trôi ra xa hơn vị trí ban đầu của nó. Anh lăn về phía trước, xoay nhẹ chiếc xe lăn sang bên phải để có thể nghiêng người nắm lấy nắm đấm, đoạn kéo cánh cửa khép hờ. Anh ngắm lại, rồi kéo nó về gần rầm cửa hơn một chút. Chính chỗ này. Trông có vẻ đúng.

Anh toan với lấy bánh xe, định xoay ghế để có thể lăn trở lại phòng của mình thì nhận ra anh đang ít nhiều hướng về phía phòng khách, mà hầu hết mọi người đều lắp điện thoại ở phòng khách và...

Ánh chớp bùng lên trong tâm trí anh như một ngọn lửa trên đồng cỏ sương mù.

“Alô, Sở cảnh sát Sidewinder đây, Tôi là cảnh sát Humbuggy.”

“Xin hãy nghe tôi nói, Cảnh sát Humbuggy. Xin lắng nghe thật cẩn thận và đừng ngắt lời, vì tôi không biết mình còn bao nhiêu lâu

nữa. Tên tôi là Paul Sheldon. Tôi đang gọi cho ngài từ nhà của Annie Wilkes. Tôi đã là tù nhân của ả ở đây ít là hai tuần, mà lâu có thể là cả tháng. Tôi..."

"Annie Wilkes á!"

"Hãy tới đây ngay lập tức. Gọi xe cứu thương đi. Và vì Chúa, hãy đến đây trước khi ả quay trở lại.."

"Trước khi ả quay trở lại" Paul rên rỉ. "À ừ. Xàm xí."

Điều quái gì khiến mày nghĩ ả đàn bà đó có cả điện thoại? Mày nghe ả gọi bao giờ chưa? Rồi gọi thì gọi cho ai? Bạn thân yêu của ả, nhà Roydman à?

Nhưng chỉ vì ả chẳng có ai để nấu cháo buôn dưa điện thoại cả ngày không có nghĩa ả mất luôn năng lực nhận thức rằng lỡ đâu sẽ có bất trắc; ả có thể lộn cổ xuống cầu thang què chân gãy tay, hoặc là đâu nhà kho bốc cháy...

Mày đã nghe thấy tiếng chuông điện thoại giả định đó reo lên rồi?

Giờ còn có cả yêu cầu kiểu đó nữa hả? Điện thoại của quý khách phải đổ chuông ít nhất một lần mỗi ngày hoặc Mountain Bell sẽ đến và gỡ nó đi luôn? Hơn nữa, mày thậm chí còn mê man trong hầu hết thời gian.

Mày đang liều ăn nhiều đấy. Mày đang được ăn cả ngã về không và mày hiểu là thế.

Ừ. Anh biết chứ, nhưng ý niệm về cái điện thoại đó, cảm giác tưởng tượng về lớp nhựa đen mát lạnh dưới ngón tay anh, tiếng lách cách của mặt đồng hồ quay hoặc âm thanh bíp bíp khi anh chạm vào số 0 – chừng đó có sức quyến rũ quá lớn mà anh chẳng cách nào cưỡng lại được.

Anh xoay xe lăn cho đến khi nó quay thẳng ra phòng khách, rồi anh lăn về phía đó.

Căn phòng này có mùi ẩm mốc, bí bách, đặc vẻ uể oải. Dù mấy tấm rèm cửa sổ hình cánh cung chỉ khép một nửa — mở ra khung cảnh núi non hùng vĩ, thì không gian vẫn có vẻ quá tối tăm – bởi, cách bài trí màu sắc ở đây quá mù mịt, anh nghĩ. Màu đỏ sẫm chiếm ưu thế, như thể ai đó đã xả một lượng lớn máu tĩnh mạch vào đây.

Bên trên lò sưởi là bức chân dung màu mè của một người đàn bà trông hãm tài với đôi mắt tí hin như bị thụt luôn vào giữa khuôn mặt bủng beo da thịt. Khuôn miệng dáng nụ hoa hồng nhum nhúm lại. Bức ảnh được đặt trong khung phong cách rococo dát vàng, có kích thước bằng ảnh Tổng thống tại sảnh của một bưu điện thành phố lớn. Chẳng cần thông cáo công chứng, Paul cũng biết đây là vị mẫu thân thánh thiện của Annie.

Anh lăn sâu hơn vào căn phòng. Phía trái xe lăn chạm vào một chiếc bàn nhỏ trưng bày tượng gốm tiểu cảnh. Những tượng này trò chuyện cùng nhau và một trong số chúng – một con chim cánh cụt bằng gốm ngồi trên một khối băng cũng bằng gốm – chực rơi sang bên cạnh.

Không kịp suy nghĩ, anh đưa tay ra chộp lấy. Cử chỉ đó gần như chẳng có gì đặc biệt... và rồi phản ứng xảy ra. Anh giữ chặt con chim cánh cụt trong nắm tay cuộn tròn, cố gắng kìm cơn run bần bật. *Mày đã bắt được nó rồi, không một giọt mồ hôi, hơn nữa, trên sàn còn trải thảm, có rơi cũng chẳng vỡ được...*

Nhưng nếu nó VỠ! tâm trí anh gào lên mắng lại. *Nếu nó VỠ thì sao! Làm ơn, mày phải trở về phòng trước khi để lại một cái gì đó... Một dấu vết...*

Không. Chưa. Chưa về được, dù anh có sợ đến thế nào cũng chưa thể được. Bởi anh đã phải trả giá quá nhiều để đến được đây. Nếu có phần thưởng nào ở đây, anh sẽ được nhận lấy.

Anh nhìn quanh căn phòng chất đầy những đồ nội thất thô thiển. Choán lấy phối cảnh đáng ra nên là cửa sổ hình cánh cung và cảnh quan tuyệt đẹp của dãy núi Rockies bên ngoài là bức ảnh của người đàn bà bùng nhùng thịt da bị giam cầm trong một cái khung hình chói lọi ghê người với những đường uốn lượn và vặn xoắn cùng lớp áo mạ vàng cứng đờ.

Trên bàn ở cuối ghế dài, nơi ả ngồi xem tivi, là một chiếc điện thoại quay số màu trơn.

Khẽ khàng, hầu như không dám thở, anh đặt con chim cánh cụt bằng gốm (VÀ GIỜ LÀ LÚC TRUYỀN THUYẾT VỀ TA ĐƯỢC LƯU TRUYỀN! huyền thoại khắc trên băng biết) trở lại bàn trưng bày và lăn qua căn phòng về phía điện thoại.

Trước ghế sô-pha còn có một cái bàn nhỏ nữa, và anh để cho nó hẳn một khoảng rộng. Trên đó có một bình xịt hoa khô đựng trong vỏ bình màu xanh lá cây xấu mù, và mọi thứ đều trông có vẻ chao đảo, sẵn sàng lật nhào ngay khi anh kịp lướt qua.

Ngoài cửa không có xe nào xịch đến – chỉ có tiếng gió.

Anh nắm chặt ống điện thoại trong một tay và từ từ nhấc nó lên.

Cảm thức thất bại kỳ quái như được định trước tràn ngập tâm trí anh trước cả khi anh đưa điện thoại lên tai và chẳng nghe thấy gì. Anh từ từ đặt ống nghe xuống, một câu trong bài hát cũ của Roger Miller hiện ra trong đầu anh và dường như tạo ra thứ tri giác phi nghĩa lý nào đó: *Không điện thoại, không bể bơi, không thú cưng... Tôi còn không có cả thuốc lá...*

Anh đưa mắt dò tìm sợi cáp điện thoại, nhìn thấy mô-đun hình vuông nhỏ trên bàn chân đế, thấy giắc cắm đã được cắm vào. Mọi thứ đều có vẻ được xếp đặt hoàn hảo.

Như cái kho và băng nhiệt lắp ở đó.

Giữ gìn bề ngoài là cực kỳ, cực kỳ quan trọng.

Anh nhắm mắt lại và thấy Annie đang tháo giắc cắm rồi đổ keo Elmer's vào lỗ trên mô-đun. Thấy cả cảnh ả đàn bà đó nhúng giắc cắm trong lớp keo trắng chết chóc, nơi nó sẽ cứng lại và đóng băng vĩnh viễn. Công ty viễn thông sẽ không hay biết có chuyện gì xảy ra trừ khi có người gọi cho Annie và báo cáo về đường dây ngừng hoạt động, nhưng làm gì có ai gọi cho ả, nhỉ? Ả sẽ nhận được hóa đơn điện thoại đều đặn hàng tháng theo gói cước và thanh toán ngay tắp lự, còn cái xác điện thoại chỉ là đạo cụ sân khấu, một phần trong cuộc chiến không hồi kết của ả để duy trì vẻ bề ngoài, chẳng hạn như nhà kho là phải tươm tất với sơn màu đỏ thẫm, dải trang trí màu kem và có lắp băng nhiệt để làm tan băng mùa đông. Liệu có phải ả đã triệt luôn cái điện thoại để đề phòng một cuộc thám hiểm như thế này? Ả tiên liệu được chuyện anh có khả năng sẽ ra khỏi phòng à? Anh nghi ngờ điều đó. Cái điện thoại – cái điện thoại còn *đang hoạt động* – sẽ khiến ả đàn bà đó lo lắng từ lâu trước khi anh đến. Hẳn ả sẽ thức trắng đêm, nhìn chòng chọc lên trần phòng ngủ, tai nghe tiếng gió rít vùng cao, đầu tưởng tượng ra những kẻ mà ả chắc mẩm đang nghĩ về mình với vẻ không ưa hoặc đầy ác ý – tất cả người mang họ Roydman trên toàn thế giới – những người có thể, bất kỳ ai trong số họ, vào bất chợt lúc nào, có ý định gọi điện thoại cho ả và hét lên: *Cô thực sự đã làm chuyện đó, Annie ạ! Người ta đưa cô lên tận Denver, và chúng tôi thừa biết cô đã làm thế?*

Chẳng ai đưa cô lên tận đó nếu cô vô tội! Ả đàn bà đó hẳn đã yêu cầu và nhận được một số điện thoại không công khai, tất nhiên – bất cứ ai đã ra tòa và được tha bổng tội lớn (và nếu là Denver, hẳn phải là tội lớn) đều sẽ làm thế – nhưng kể cả một số điện thoại không công khai cũng không đủ an ủi kẻ loạn thần nặng như Annie Wilkes được bấy lâu. Tất cả lũ người đó đều liên minh chống lại ả, họ có thể kiếm được số điện thoại nếu muốn, biết đâu những tên luật sư chống lại ả sẽ vui lòng đưa nó cho bất cứ ai vừa ướm hỏi, và hẳn lũ người đó phải hỏi rồi, ồ vâng – vì ả đàn bà đó xem thế giới là nơi tối tăm đầy những khối người đang vần vũ như biển cả, là vũ trụ hiểm ác cuộn quanh duy nhất một sân khấu nhỏ mà trên đó chỉ có độc một tâm điểm sáng gay gắt rọi vào... môi ả. Thế nên, tốt nhất vẫn là triệt hạ luôn cái điện thoại, khiến nó câm họng, bởi ả sẽ *diệt khẩu* anh luôn nếu biết anh đã tiến xa đến mức này.

Sự hoảng sợ bùng lên trong tâm trí anh, nói với anh rằng anh *phải* ra khỏi đây và trở về phòng, giấu những viên thuốc ở đâu đó, trở lại chỗ của mình bên cửa sổ để khi quay lại, ả *sẽ không nhận ra chút gì khác biệt, tất cả mọi thứ đều không có gì khác biệt,* và lần này anh thỏa hiệp với giọng nói đó. Anh tận tụy đồng ý.

Anh cẩn thận lùi ra xa cái điện thoại, và sau khi chiếm được một khu vực hợp lý của căn phòng, anh bắt đầu công việc xoay xe lăn vất vả, cẩn thận không để va vào bàn trưng bày như trước. Lúc gần quay xong, anh nghe thấy tiếng xe ô tô đang đến gần, và anh biết, chỉ đơn giản biết rằng chính là ả, vừa từ thị trấn trở về.

34

Anh gần như ngất đi, giữa gọng kìm của nỗi kinh hoàng lớn nhất mà anh từng biết, một nỗi kinh hoàng chứa đầy cảm giác tội lỗi sâu sắc và yếu nhược. Anh đột nhiên nhớ lại sự cố duy nhất từng xảy ra trong đời mình mà xét về chất lượng của những cảm xúc tuyệt vọng, tiệm cận với những gì anh đang trải qua. Khi đó anh mười hai tuổi. Lúc đó đang trong kỳ nghỉ hè, cha anh đang đi làm, còn mẹ anh đã dành cả ngày ở Boston với bà Kaspbrak nhà bên kia đường. Anh nhìn thấy gói thuốc lá của mẹ và châm một điếu. Anh hút điếu thuốc một cách nhiệt tình, cảm giác vừa nôn nao lại vừa khoan khoái, chính như tưởng tượng của anh về cảm giác của những tên cướp khi chúng cướp ngân hàng. Vừa hút được nửa điếu, khói nghi ngút khắp căn phòng, anh đã nghe thấy tiếng mẹ mở cửa trước. *"Paulie con à? Mẹ để quên cái ví rồi!"* Anh bắt đầu điên cuồng vẫy vùng trước làn khói, dù biết chẳng có ích gì, biết mình sẽ bị bắt quả tang, biết mình sẽ bị đánh đòn.

Còn lần này sẽ không chỉ là đánh đòn không.

Anh nhớ lại giấc mơ mà anh gặp trong những lần đầu óc xám xịt: Annie kiểm tra nòng đôi của khẩu súng ngắn và nói *Nếu ngài muốn tự do đến thế, Paul ạ, tôi rất vui lòng ban nó cho ngài.*

Tiếng động cơ bắt đầu nhỏ dần khi chiếc xe giảm tốc độ. Chính là ả đàn bà đó.

Paul đặt chắc đôi tay mà anh không còn cảm nhận được nhiều lên trên bánh xe và lăn về phía hành lang, mắt còn liếc nhìn con

chim cánh cụt bằng gốm trên khối băng của nó. Nó có ở đúng nơi nó đã từng không nhỉ? Ai mà biết được. Anh chỉ đành hy vọng là thế.

Anh lăn xuống hành lang về phía cửa phòng ngủ, càng lúc càng nhanh. Anh hy vọng sẽ ngắm trúng đích, nhưng mục tiêu của anh hơi lệch. Chỉ hơi thôi... nhưng sự vừa vặn quá khít khao nên một chút cũng là quá nhiều. Xe lăn đập vào ngưỡng cửa bên phải và hơi văng ra sau.

Mày làm tróc sơn rồi à? tâm trí anh gào lên. *Ôi Chúa ơi, mày làm tróc sơn rồi à, mày để lại dấu vết rồi à?*

Chẳng có dấu vết gì. Có một vết lõm nhỏ nhưng sơn không tróc. Tạ ơn Chúa! Anh lùi lại phía sau và nhồi điên cuồng, cố gắng điều hướng để trót lọt qua sự vừa vặn khít khao đó.

Động cơ ô tô cuộn lên, tiến lại gần, vẫn giảm dần tốc độ. Giờ thì anh có thể nghe thấy tiếng lạo xạo của bánh xe đi tuyết chuyên dụng.

Dễ mà... dễ mà phải không.

Anh lăn về phía trước, rồi sau đó các trục bánh xe kẹt cứng vào hai bên cửa phòng ngủ.

Anh đẩy mạnh hơn, dù biết sẽ chẳng có tác dụng gì, anh bị mắc kẹt ở ngưỡng cửa như nút chai trong cổ chai rượu, lùi không được mà tiến cũng chẳng xong…

Anh dốc hết sức bình sinh, bắp thịt trên cánh tay run lên như dây đàn vi-ô-lông bị lên quá căng, và xe lăn lọt qua với cùng một tiếng gắn nhỏ đó.

Chiếc Cherokee rẽ vào đường đỗ xe.

Ả đàn bà đó sẽ mang theo những gói hàng, tâm trí anh quay cuồng, *giấy đánh máy, có thể là một vài thứ khác nữa, và ả phải đi*

bộ cẩn thận vì trời tuyết, mày đang ở đây rồi, điều tồi tệ nhất cũng đã vượt qua rồi, còn thời gian, vẫn còn thời gian...

Anh lăn sâu hơn vào phòng, rồi vụng về xoay người theo hình bán nguyệt. Khi xe lăn vừa song song với cánh cửa phòng ngủ còn đang mở, anh nghe thấy tiếng động cơ Cherokee tắt.

Anh nghiêng người, túm lấy tay nắm cửa và cố gắng sập cửa lại. Lưỡi gà của ổ khóa vẫn thè ra như ngón tay thép cứng, va vào rầm cửa. Anh dùng phần đệm thịt trong lòng tay đẩy cái lưỡi. Nó bắt đầu di chuyển... rồi ngừng khựng lại. Chết di, không cho cửa đóng lại.

Anh sững sờ nhìn nó một lúc, nghĩ đến câu châm ngôn cũ của Hải quân: *Bất cứ cái gì CÓ THỂ hỏng bét, SẼ hỏng bét.*

Xin Chúa, đừng để điều gì xảy đến với con nữa, con ả đó đã thủ tiêu cái điện thoại rồi còn chưa đủ sao?

Anh buông cái lưỡi gà. Nó lại bung ra như cũ. Anh tiếp tục đẩy nó vào và cũng đến đoạn đó lại gặp vật cản. Từ trong ruột ổ khóa, anh nghe thấy tiếng lạo xạo kỳ lạ và đã hiểu ra. Đó chính là nửa cái ghim tăm bị gãy. Nó rơi vào trong theo một cách nào đó khiến lưỡi gà không thể rụt lại hoàn toàn.

Anh nghe thấy tiếng cửa xe Cherokee bật mở. Anh thậm chí còn nghe được tiếng càu nhàu của ả khi vừa bước ra ngoài. Anh nghe thấy tiếng túi giấy lục cục lúc ả vơ lấy gói hàng.

“Thôi nào,” anh thì thầm, bắt đầu nhẹ nhàng điều khiển lưỡi gà ra vào. Mỗi lần nó vào được khoảng 1 mi-li-mét rồi kẹt lại. Anh còn nghe được tiếng cái ghim đang lạch cạch trong đó. “Nào... Nào... Thôi nào...”

Anh khóc mà còn chẳng nhận ra mình đang khóc, mồ hôi và nước mắt giàn giụa đầy hai má; anh lờ mờ nhận ra anh còn đau quá

dù đã nhai ngần đó thuốc, rằng anh sẽ phải trả một cái giá đắt cho hành động cỏn con này.

Cái giá đó sẽ chẳng thấm tháp gì so với thứ ả đàn bà đó sẽ bắt mày phải trả nếu không đóng nổi cánh cửa khốn kiếp này lại, bé Paulie ạ.

Anh nghe thấy ả đi lên lối vào, bước chân lao xao và thận trọng. Lạch cạch tiếng túi ví... lạch cạch tiếng chùm chìa khóa khi ả đàn bà thò tay vào ví móc nó ra.

“Nào... Nào... Thôi nào…”

Lần này khi anh đẩy lưỡi gà vào, trong ổ khóa có tiếng cạch ngắn và phần gài kim loại trượt hơn nửa xăng-ti-mét vào cánh cửa. Chưa chạm tới rầm cửa... nhưng suýt.

“Làm ơn đấy... nào...”

Anh bắt đầu cút bắt cái lưỡi gà nhanh hơn, lựa tay đẩy nó, tai lắng nghe tiếng ả mở cửa bếp. Đoạn, như một cảnh hồi tưởng quái ác về cái ngày khi mẹ anh bắt được anh hút thuốc, Annie hân hoan gọi: “Paul ơi? Tôi về đây rồi! Tôi mua được giấy cho ngài rồi!”

Bị bắt rồi! Con bị bắt rồi! Làm ơn Chúa ơi, không Chúa ơi, xin đừng để con ả đó làm đau con Chúa ơi...

Ngón tay cái anh co giật ấn chặt vào lưỡi khóa, rồi một tiếng tách nghèn nghẹn vang lên và cái ghim tăm đã gãy. Lưỡi gà luồn trọn vẹn vào khe cửa. Trong bếp, anh nghe thấy tiếng kéo khóa khi ả mở áo khoác.

Anh đóng cửa phòng ngủ. Tiếng chốt lách cách

(ả có nghe thấy không nhỉ? hắn phải nghe thấy chứ nhỉ!)

nghe đùng đoàng như phát súng nổ khởi động đường đua.

Anh lùi xe lăn về phía cửa sổ. Anh không ngừng lùi và nhồi khi bước chân ả đàn bà đi dọc hành lang.

“Tôi mua được giấy cho ngài rồi đây này, Paul ơi! Ngài tỉnh rồi đấy à?”

Không thể nào... chẳng có lý nào... Ả phải nghe thấy chứ nhỉ...

Anh giật mạnh cái lẫy khóa một lần cuối và lăn xe vào vị trí bên cạnh cửa sổ ngay khi chìa khóa của ả lục cục kêu trong ổ khóa.

Không mở được đâu... cái ghim tăm... ả sẽ nghi ngờ mất...

Nhưng mảnh kim loại lạ kiểu đó chắc đã rơi xuống tận đáy ổ khóa, bởi chìa của ả mở trơn như bơn. Anh ngồi trên ghế, mắt nhắm hờ, điên cuồng hy vọng là mình đã để cái xe lăn về đúng vị trí cũ (hoặc ít nhất là quanh quẩn đó để ả không nhận ra), hy vọng ả đàn bà đó sẽ nghĩ khuôn mặt ướt đẫm mồ hôi và cơ thể đang run lẩy bẩy của anh chỉ đơn giản là phản ứng khi thiếu thuốc, mà hơn cả là hy vọng mình không để lại dấu vết gì...

Chính khi cánh cửa mở ra, anh nhìn xuống với ánh mắt dò dẫm xem còn dấu vết gì không, bằng sự tập trung nhuốm trong đau đớn, anh đã bỏ bằng cả một con trâu mộng: mấy hộp Novril còn nằm nguyên trong lòng anh.

35

Ả có hai gói giấy, mỗi tay giữ một gói, mỉm cười. “Đúng loại ngài muốn nhỉ? Triad Modem. Ở đây có hai ram, và tôi còn có hai ram nữa để trong bếp, phòng hờ thôi. Đây ngài xem...”

Ả khựng lại, cau mày, nhìn anh. “Mồ hôi ngài đổ ra *như tắm*... và sắc mặt trông nhác nhác *lắm*” Ả ngắt lời. “Ngài vừa làm gì đấy?”

Và dù giọng nói bạc nhược yếm thế bên trong anh lại lần nữa hoảng hồn mà kêu lên anh đã bị bắt sống, rằng anh bỏ cuộc đi, hoặc khôn hồn khai ra và trông cậy vào lòng vị tha của ả đàn bà đó, anh vẫn cố gắng đáp lại ánh mắt nghi ngờ của ả với vẻ mệt mỏi mỉa mai.

“Tôi nghĩ cô thừa biết tôi vừa làm gì đấy,” anh đáp. “Tôi đau khổ đau sở.”

Từ trong túi váy, ả lấy một tờ Kleenex và lau lông mày cho anh. Tờ Kleenex ướt sũng. Ả mỉm cười với anh bằng vẻ mẫu tử giả lả tệ hại đó.

“Chắc đau lắm phải không?”

“Ừ. Ừ, đau lắm. Bây giờ tôi có thể.”

“Tôi đã nói với ngài về chuyện đừng làm tôi cáu lên rồi. Càng sống phải càng khôn ra, người ta vẫn nói thế mà, nhỉ? Chà, nếu ngài mà sống thì tôi đoán ngài sẽ khôn ra thôi.”

“Tôi có thể uống thuốc luôn bây giờ được không?”

“Một chốc nữa thôi,” ả bảo. Đôi mắt ả đàn bà không phút nào ngơi khỏi khuôn mặt đẫm mồ hôi, xanh lét như sáp với mấy vết đỏ như phát ban. “Trước tiên, tôi muốn chắc chắn ngài không đòi hỏi

thêm gì nữa. Chẳng còn gì khác mà con già dốt nát Annie Wilkes này quên mất bởi mụ chẳng biết Quý Ngài Sáng Láng đây viết ra một cuốn sách thế nào. Tôi muốn chắc chắn ngài không đòi tôi trở lại thị trấn và kiếm cho ngài cái máy ghi âm, hay đôi dép lê đặc biệt của đám nhà văn, hoặc mấy thứ kiểu kiểu thế. Vì nếu ngài mà đòi, tôi sẽ đi. Sở cầu của ngài là mệnh lệnh đối với tôi. Tôi thậm chí còn chẳng kịp đưa thuốc cho ngài. Tôi sẽ lại nhảy tọt vào essie Già và đi mất dạng. Thế giờ ngài sẽ nói gì nhỉ, Quý Ngài Sáng Láng? Ngài sẵn sàng hết rồi chứ?"

"Tôi sẵn sàng rồi mà," anh nói. "Annie à, làm ơn đi..."

"Và ngài sẽ không làm tôi nổi điên nữa chứ?"

"Không. Tôi sẽ không làm cô nổi điên nữa."

"Bởi hễ cáu lên, tôi không còn là chính mình." Đôi mắt ả đàn bà cụp xuống. Ả nhìn xuống chỗ hai tay anh đang đan chặt vào nhau trên những hộp mẫu Novril. Ả nhìn chăm chăm.

"Paul?" ả hỏi nhẹ nhàng. "Paul ơi, sao ngài cứ túm chặt tay thế?"

Anh bắt đầu khóc. Anh thực sự đã khóc vì cảm giác tội lỗi, và đó là điều anh căm ghét nhất: ngoài mọi thứ ả đàn bà quái dị này đã làm với anh, ả còn khiến anh thấy tội lỗi. Thế là, anh bật khóc từ cảm giác hối lỗi... và từ cả sự mệt nhọc trẻ thơ rất đỗi đơn sơ.

Anh ngước nhìn người đàn bà, nước mắt chảy dài trên má, đoạn đánh ra lá bài duy nhất còn trên tay.

"Tôi muốn có thuốc," anh nói, "và tôi cần cả cái bô nữa. Tôi nhịn suốt lúc cô đi, Annie ạ, nhưng tôi không nhịn được nữa đâu, tôi không muốn lại bị ướt người lần nữa."

Ả cười khoan thai, rạng rỡ và vén mái tóc rối bù trên trán anh. "Tội ngài quá. Annie làm ngài khổ quá đi mất, phải không? Quá khổ

rồi! Annie già xấu tính này nữa. Tôi đi lấy cho ngài ngay đây.”

36

Anh không dám đặt những viên thuốc dưới tấm thảm dù anh nghĩ mình kịp làm vậy trước khi ả đàn bà đó quay lại — vỏ thuốc nhỏ, nhưng những chỗ lồi lên trông vẫn sẽ quá lộ. Vừa nghe thấy tiếng ả đi vào phòng tắm ở tầng dưới, anh cầm đống thuốc, đau đớn đưa tay quanh người và nhét vào lưng quần lót. Góc bìa cứng nhọn chọc vào khe mông anh.

Ả quay lại với cái bồn tiểu, một thiết bị bằng thiếc kiểu cũ mà vô lý sao lại trông giống máy sấy tóc, trong một tay. Ả cầm hai viên nang Novril và một ly nước bằng tay còn lại.

Thêm hai viên đè lên số thuốc mà mày mới ngấu nghiến nửa tiếng trước có thể sẽ đẩy mày vào hôn mê, rồi giết mày, anh nghĩ, và giọng nói thứ hai nhanh nhảu đáp ngay: *Thế cũng được*.

Anh lấy thuốc và nhai chúng kèm nước.

Ả đàn bà chìa cái bồn tiểu ra. “Ngài cần tôi giúp không?”

“Tôi tự đi được,” anh đáp.

Ả trầm ngâm quay đi khi anh lần mò hướng dương vật của mình vào cái bồn lạnh ngắt và đi tiểu. Tình cờ anh nhìn ả khi những âm thanh bắn tóe bắt đầu phát ra, và anh thấy ả cười.

“Xong rồi à?” chốc sau ả hỏi.

“Xong rồi.” Đáng ra anh đã phải buồn tiểu lắm – nhưng trong từng ấy phấn khích, anh chẳng kịp nghĩ được những chuyện như thế.

Ả nhấc bồn tiểu khỏi người anh và cẩn thận đặt nó lên sàn. “Giờ để tôi đưa ngài về giường nhé,” ả bảo. “Chắc là ngài đuối lắm rồi... và cặp giò của ngài khéo đã phải gào cả một vở ca kịch hoành tráng.

Anh gật đầu, dù sự thật là anh chẳng cảm thấy gì – đợt thuốc này bọc ép ngoài số thuốc anh tự uống, cuốn anh vào trạng thái bất tỉnh với tốc độ đáng báo động, và anh bắt đầu nhìn căn phòng qua những lớp xám xịt. Anh bám vào một suy nghĩ – a đàn bà đó nhấc anh lên giường, và khi ả làm điều đó, chỉ có nước ả vừa mù vừa tê dại mới không thấy lưng quần lót của anh tự nhiên phồng đầy những hộp nhỏ.

Ả đẩy anh đến bên giường.

“Chỉ một phút nữa thôi, Paul à, rồi ngài có thể đánh một giấc khò khò.”

“Annie à, cô có thể cho tôi năm phút được không?” anh xoay xở. Ả nhìn anh, ánh mắt hơi nheo lại. “Tôi tưởng là đau lắm mà, anh giai?”

“Đúng thế,” anh trả lời. “Đau... cực kỳ. Đầu gối của tôi, chủ yếu là chỗ đó. Chỗ mà cô... à, chỗ cô trút giận ấy. Tôi chưa sẵn sàng để cô đỡ dậy. Tôi có thể xin năm phút để... để...”

Anh biết những gì mình định nói nhưng nó đã trôi tuột khỏi miệng anh. Trôi mất và lạc vào màu xám xịt. Anh bất lực nhìn người đàn bà, biết rồi rốt cuộc mình sẽ bị bắt quả tang.

“Để thuốc ngấm à?” ả hỏi, và anh gật đầu biết ơn.

“Tất nhiên rồi. Tôi sẽ đi loanh quanh thu dọn và quay lại ngay.”

Ngay khi ả ra khỏi phòng, anh vòng người ra sau, lấy từng chiếc hộp ra và nhét chúng xuống dưới đệm. Màng khói trước mắt anh cứ

dày lên, chuyển dần từ xám sang đen.

Nhét vào càng sâu càng tốt, anh mù quáng nghĩ. Phải chắc là nhét sâu, để khi ả thay chăn ga và kéo tấm lót đệm, chúng cũng không bị rơi ra. Đẩy chúng ra càng xa hết mức mày có... có...

Anh nhét gói cuối cùng vào dưới đệm, rồi ngả người ra sau và nhìn lên trần nhà, nơi chữ W đang say sưa nhảy múa trên tấm thạch cao.

Châu Phi, anh nghĩ.

Giờ tôi phải giũ đã, anh nghĩ.

Ôi, mình đã gặp đủ thứ rắc rối ở đây rồi, anh nghĩ. *Dấu vết*, anh nghĩ. *Liệu mình có để lại dấu vết gì không? Mình có...*

Paul Sheldon bất tỉnh. Khi anh tỉnh dậy, đã mười bốn giờ trôi qua và ngoài trời, tuyết lại đang rơi.

PHẦN II

MISERY

“Sự viết không gây ra đau khổ, nó được sinh ra từ đau khổ.”

- MONTAIGNE

1

SỰ TRỞ LẠI CỦA MISERY
Tác giả: Paul Sheldon
Dành tặng Annie Wilkes

CHƯƠNG 1

Dù Ian Carmichael sẽ chẳng bao giờ rời khỏi vùng Little Dunthorpe dẫu có được tất thảy bạc vàng trong kho báu của Nữ Hoàng, anh vẫn phải tự tán đồng với bản thân rằng hễ trời xối mưa xuống Cornwall, khó nơi nào ở nước Anh có thể bì kịp.

Trên cái móc ở lối vào có mắc một dải khăn cũ, sau khi treo chiếc áo khoác còn tong tỏng nước vào đó và tháo ủng, anh dùng nó để quấn khô mái tóc vàng sẫm của mình.

Đằng xa, từ phòng khách, anh nghe thấy những làn giai điệu chảy trôi của Chopin, và anh lặng người với dải khăn vẫn còn trên tay trái, đứng lắng tai.

Hơi ẩm trôi xuôi má anh lúc này không phải là nước mưa mà là nước mắt.

Anh nhớ Geoffrey từng nói Ông nhất định không được khóc trước mặt cô ấy đâu, ông cụ ạ - đó là điều mà ông không bao giờ được làm!

Geoffrey tất nhiên đã đúng - Geoffrey già dặn khả kính hiếm khi sai - nhưng thỉnh thoảng khi anh ở một mình, cuộc đào tẩu Tay Không thoát khỏi Tử thần của Misery lại xộc đến tìm anh, và chẳng

mấy khi anh cầm nổi nước mắt. Anh yêu cô thực nhiều; không có cô thì anh chết mất. Nếu không còn Misery, cuộc đời đơn giản là chẳng còn chút gì với anh, hoặc bên trong anh.

Bà đỡ quả quyết quá trình chuyển dạ của cô kéo dài và vất vả, nhưng không lâu hơn và cũng không khó hơn nhiều phụ nữ trẻ khác mà bà ta từng thấy. Chỉ tới nửa đêm, khoảng một giờ sau khi Geoffrey lo lắng sốt sắng tìm gặp bác sĩ, bà đỡ mới tá hỏa lên. Khi đó máu bắt đầu chảy.

"Geoffrey già khả kính"" Lần này anh nói to điều đó khi bước vào căn bếp vùng West Country rộng rãi và ấm cúng.

"Tiếng ngài phải không, cậu chủ?" Bà Ramage, quản gia già gàn dở nhưng dễ mến của nhà Carmichael cất tiếng hỏi anh khi bà từ phòng chứa đồ ăn đi ra. Như thường lệ, cái mũ trùm đầu của bà đã xộc xệch cả và đang ngửi thấy mùi tàn thuốc mà bà vẫn đinh ninh, sau chừng ấy năm, là một thói xấu chưa bị lật tẩy.

"Không phải cố ý đâu, bà Ramage ạ," Ian nói.

"Nghe tiếng áo mưa của cậu nhỏ nước ngoài cửa vào, chắc cậu suýt phải ngụp giữa mấy cái nhà kho và cửa nhà!"

"Ây dà, tôi cũng suýt thật" Ian đáp và nghĩ bụng: Nếu Geoffrey đưa bác sĩ tới trễ chỉ độ mười phút thôi. chắc cô ấy chẳng còn trên đời nữa. Đây là suy nghĩ anh cố lý trí mà gạt đi nó vừa vô nghĩa lại vừa ác độc - nhưng tưởng tượng về cuộc đời không có Misery khủng khiếp đến mức đôi khi nó len lỏi trong anh và khiến anh ngỡ ngàng.

Giờ đây, xé tan những trầm ngâm u ám ấy là tiếng khóc to rõ của một đứa trẻ - con trai anh, tỉnh táo và hơn cả sẵn sàng cho bữa

chiều của nó. Lờ mờ anh nghe được tiếng Annie Wilkes, y tá giỏi của Thomas, khi cô ấy bắt đầu dỗ dành và thay yếm cho thằng bé.

"Hôm nay giọng thằng bé nghe khỏe đấy" bà Ramage quan sát. Ian lại mất một khắc để nghĩ lại, cùng sự ngạc nhiên tột độ, rằng anh là cha của một đứa con trai, và vợ anh vừa cất lời từ ngưỡng cửa:

"Xin chào, anh yêu."

Anh ngước lên, nhìn Misery, người anh yêu dấu. Cô ấy đứng nhẹ nhàng đĩnh đạc ở bậu cửa, mái tóc hạt dẻ với mấy nếp óng lên màu đỏ thẫm như những viên than hồng chực tắt chảy trên vai cô một vẻ lộng lẫy tuyệt đẹp. Nước da cô vẫn còn thật nhợt nhạt, nhưng trên má cô, Ian đã có thể nhận ra những dấu hiệu đầu tiên của màu sắc đang hồi dần. Đôi mắt cô sẫm và sâu, và ánh đèn bếp lấp lánh soi vào, chẳng khắc những viên kim cương quý giá nằm trên miếng nhung tối màu nhất ở các tiệm kim hoàn.

"Em yêu dấu của tôi" anh đã khóc, và chạy đến bên cô, giống như ngày hôm đó ở Liverpool khi anh ngỡ cô đã bị bọn cướp biển bắt đi, vì gã điên Jack Wickersham đã thề sẽ làm vậy.

Bà Ramage chợt nhớ ra mình còn đang dở tay gì đó ngoài sảnh và để họ được bên nhau - bà khẽ cười rồi rời đi. Chính bà Ramage cũng có lúc không dừng được mà tự hỏi cuộc sống sẽ ra sao nếu Geoffrey và bác sĩ không đến kịp trong một tiếng sau đó, giữa đêm tối tăm bão bùng của hai tháng trước, hoặc nếu thử nghiệm truyền máu mà cậu chủ dũng cảm đưa máu của chính mình vào huyết mạch đang dần cạn kiệt của Misery không may thất bại.

"Ối, cô gái ơi" bà tự nói thầm với mình khi bước xuống hành lang. "Có những chuyện thật chẳng đáng nghĩ ngợi." Một lời khuyên hay hớm - đó cũng là điều Ian luôn tự răn mình. Nhưng cả bà và anh

đều từng phát hiện ra rằng, đôi khi buông ra một lời khuyên tốt dễ hơn việc tiếp nhận nó.

Trong bếp, Ian ôm siết Misery vào lòng, cảm thấy tâm hồn mình sinh sôi, chết ngất và lại tái sinh trên làn da ấm êm thoảng hương ngọt lịm của cô.

Anh chạm vào bầu ngực cô và cảm nhận được nhịp đập trái tim cô mạnh mẽ và ổn định.

"Nếu em ra đi mãi mãi, chắc anh cũng sẽ đi theo em luôn" anh thì thầm.

Cô vòng tay ôm cổ anh, để bầu ngực săn chắc lọt vào tay anh tròn trịa hơn, "Suỵt, anh yêu" Misery thủ thỉ. "Đừng có nói những lời ngốc nghếch nữa. Em ở đây.. ngay đây mà. Giờ thì hôn em đi! Em mà chết, lo là anh mong cũng chẳng được nữa”

Anh áp môi mình lên miệng cô và luồn sâu bàn tay vào suối tóc màu hạt dẻ, thế là trong vài khoảnh khắc, tứ bề chẳng còn gì ngoài hai người.

2

Annie đặt ba trang bản đánh máy trên táp đầu giường cạnh anh, và anh đợi xem ả sẽ nói gì về chúng. Anh có tò mò nhưng không thực sự lo lắng – chính anh đã sửng sốt, thật sự, về độ dễ của việc đảo qua lại thế giới của Misery. Thế giới của ả ta thật ngô nghê và sến lố, nhưng chuyện đó chẳng thay đổi sự thật là việc trở lại nơi ấy chẳng ghê tởm như anh vẫn tưởng – thực ra, còn thiên về dễ chịu, như thọc chân vào một đôi dép lê cũ. Bởi thế, miệng anh trễ xuống há hốc, anh chân thành và thành thực ngỡ ngàng khi ả buông một lời:

"Nó cứ sai sai."

"Cô – cô không thích ấy hả?" Anh khó lòng tin nổi. Làm sao có chuyện ả thích những cuốn *Misery* khác mà lại không thích cuốn này? Nó thực sự rất *đúng chất Misery*, nó gần như một bức tranh biếm họa, chuyện bà Ramage già điều tra mùi thuốc lá trong phòng chứa thức ăn, Ian và Misery chim chuột nhau như một cặp trẻ ranh hứng tình vừa quay về nhà sau một buổi nhảy nhót tối thứ Sáu ở trường trung học, và rồi...

Giờ đến lượt *ả* trông hoang mang.

"Thích không hả? Tất nhiên là tôi thích chứ. Chuyện thật *diễm lệ*. Khi Ian ôm cô ấy vào lòng, tôi đã khóc. Tôi không kìm nổi." Đôi mắt của ả thực sự hơi đỏ. "Và ngài dùng tên tôi đặt cho cô y tá hộ sinh của Thomas... điều đó thật ngọt ngào."

Anh nghĩ bụng: *Thông minh nữa – ít nhất là tôi mong vậy. À tiện thì, tút tút, tên của em bé mới đầu là Sean cơ, nếu cô quan tâm; tôi đổi vì tôi thấy có quá nhiều chữ n cần phải điền thêm*.

“Thế thì tôi e là tôi không hiểu...”

“Đúng, ngài không hiểu đâu. Tôi có nói gì là tôi không *thích* nó đâu, tôi chỉ nói nó sai sai. Đấy là gian lận. Ngài phải sửa đi.”

Anh từng nghĩ ả là một độc giả hoàn hảo cơ mà nhỉ? Ôi cậu bé ơi. *Phải khi nhận công lao của mày, Paul ạ – mỗi khi mày sai, mày sai tới bến luôn.* Độc giả Trung thành vừa hóa thành Biên tập Nhẫn tâm.

Ngay cả khi Paul không cố tình, mặt anh đã tự thu xếp thành biểu hiện của sự tập trung chân thành mà anh luôn trưng ra khi lắng nghe các biên tập viên. Anh đến biểu cảm Tôi Giúp Gì Được Cho Cô, Thưa Cô?. Đó là bởi hầu hết các biên tập viên đều giống như mấy bà mấy chị lái xe đến các trạm sửa và bảo thợ sửa tuốt những gì gây ra tiếng lọc cọc dưới mui xe hay ụt ụt trong bảng điều khiển. Nên nhìn họ bằng vẻ mặt tập trung chân thành, bởi biên tập viên sẽ thấy được o bế, và khi họ được o bế, đôi khi họ sẽ chịu từ bỏ vài ý tưởng điên rồ của mình.

“Gian lận là gian lận thế nào được?” anh hỏi.

“Chà, Geoffrey đi tìm bác sĩ,” ả nói. “Ổn thôi. Chương 38 tập *Đứa Con của Misery* có nhắc tới chuyện này. Nhưng ngài biết rõ là bác sĩ chưa từng đến mà, vì con ngựa của Geoffrey vấp phải thanh chắn cao nhất ở trạm thu phí thiu thối của ông Cranthorpe lúc anh ta định thúc ngựa nhảy qua mà – tôi cầu cho con chim bẩn thỉu đó sẽ bị nghiệp quật trong tập *Sự trở lại của Misery*, Paul ạ, tôi mong thế lắm – rồi Geoffrey gãy cả xương vai lẫn mấy cái xương sườn, nằm bẹp

đó suốt cả đêm mưa cho đến khi một chú bé chăn cừu đến và tìm thấy anh ta. Thế nên bác sĩ không đến được đâu. Ngài thấy chưa?"

"Ừ." Đột nhiên anh thấy mình không thể nào rời mắt khỏi khuôn mặt của ả.

Anh đã nghĩ ả cố ra vẻ một biên tập viên – thậm chí có thể sắm vai đồng tác giả luôn, chuẩn bị bảo anh viết cái gì và phải viết ra sao. Nhưng chuyện không phải thế. Như ông Cranthorpe chẳng hạn. Ả *hy vọng* ông Cranthorpe sẽ gặp quả báo, chứ ả không yêu cầu. Ả coi quá trình sáng tạo câu chuyện là thứ gì đó nằm ngoài tầm tay, mặc cho ả rõ rành rành là đang kiểm soát anh. Nhưng có những điều đơn giản là không thể làm được. Sáng tạo hay nghèo sáng tạo chẳng liên quan gì đến những thứ này; làm vậy thì thật dốt nát như ban một điều luật bác bỏ luật hấp dẫn hoặc cố gắng chơi bóng bàn bằng một viên gạch. Ả thực sự là một Độc giả Trung thành, nhưng Độc giả Trung thành không có nghĩa sẽ là Khờ khạo Trung thành.

Ả cấm anh giết Misery thật đấy... nhưng cũng không cho anh lập lờ đưa Misery trở lại thế gian.

Nhưng Chúa ơi, con ĐÃ giết ả rồi, anh ủ dột nghĩ. *Giờ phải làm gì mới vừa đây?*

"Hồi tôi còn bé," người đàn bà kể, "họ thường chiếu những vở kịch chương hồi ở rạp chiếu bóng. Mỗi tuần một đoạn. *The Masked Avenger* và *Flash Gordon*, hay thậm chí là một bộ về Frank Buck, người đàn ông đến châu Phi bắt động vật hoang dã và có thể thuần phục cả sư tử lẫn hổ mà chỉ cần nhìn chằm chằm vào chúng. Ngài có nhớ các vở kịch chương hồi không?"

"Tôi nhớ chúng chứ, nhưng *cô* không thể nào già tới vậy được, Annie ạ – hẳn cô đã xem chúng trên TV hoặc được anh chị em kể

cho nghe.”

Nơi khóe miệng đặc thịt của ả thoáng chốc nhếch lên đôi vệt nhăn rồi biến mất. “Thôi đủ rồi đấy, đồ điều trác! Dù đúng thật là tôi có anh trai và chúng tôi thường đi xem chiếu bóng mỗi chiều thứ Bảy. Bakersfield, California là nơi tôi lớn lên. Và dù tôi luôn yêu thích các mẩu tin tức và phim hoạt hình màu hay điểm nóng, điều mà tôi thực sự mong đợi chính là phần kế tiếp của các vở kịch chương hồi. Tôi bắt gặp mình vẩn vơ về nó vào những khoảnh khắc kỳ lạ suốt cả tuần trời. Khi lớp học tẻ ngắt, hoặc khi tôi phải trong bốn đứa ranh con nhà bà Krenmitz ở tầng dưới. Tôi từng ghét cái bọn quỷ yêu đó.”

Annie chìm vào một khoảng im bặt rầu rĩ, mắt dán chặt vào góc nhà. Ả đàn bà đã bị sập nguồn. Vài ngày rồi ả mới lại bị thế, và anh băn khoăn đầy khó nhọc liệu thế có phải là ả đang trượt xuống phần trầm hơn trong chu kỳ của mình hay không. Nếu vậy, tốt hơn hết là anh nên sập hết cửa hầm trú ẩn xuống.

Mãi sau ả cũng thoát khỏi trạng thái đó, như mọi khi, cùng một biểu cảm ngạc nhiên yếu nhược, cứ như ả chẳng lường được cả thế giới vẫn còn nguyên ở đó.

“*Người Tên Lửa* là vở tôi yêu thích. Anh ấy mắc kẹt ở đó vào cuối Hồi 6, Chết giữa Không trung, bất tỉnh nhân sự trong khi máy bay cắm xuống không kiểm soát. Hay ở cuối Hồi 9, Phán quyết Rực lửa, anh ấy bị trói vào một cái xe giữa nhà kho đang bốc cháy. Đôi khi tình huống là xe mất phanh, khí độc hay điện.”

Annie nói về những điều này bằng thứ cảm tình vì thật thà đến không thể nhầm lẫn mà hóa ra lại quái dị.

“Kết thúc mở, người ta gọi như thế,” anh đánh bạo.

Ả cau mày nhìn anh. “Cái đó tôi biết, thưa Quý ngài Thông thái. Trời, lắm lúc tôi nghĩ trong mắt ngài tôi phải ngu dốt thậm tệ lắm!”

“Không đâu, Annie, thật đấy.”

Ả phủi tay gạt lời anh, và anh hiểu ra – ít nhất là hôm nay – đừng có nhảy vào mồm ả đàn bà ấy. “Thật thú vị khi cố gắng tư duy xem anh ấy sẽ thoát ra như thế nào. Thỉnh thoảng tôi đoán trúng, thỉnh thoảng thì chịu. Tôi chẳng quan tâm lắm, miễn là họ làm sao cho hợp lý, mấy người tạo ra câu chuyện ấy.”

Ả nhìn anh sắc lạnh để chắc chắn anh nắm được vấn đề. Paul nghĩ anh đã hiểu rõ.

“Như khi anh ấy bất tỉnh trên máy bay. Anh ấy tỉnh lại, và dưới chỗ anh ấy ngồi có một chiếc dù. Anh ấy mặc nó vào, nhảy ra khỏi máy bay và điều đó là đủ hợp lý rồi.”

Hàng ngàn giáo viên môn Anh Văn sẽ bất đồng với cô đấy, cưng ạ, Paul nghĩ. Điều cô đang nhắc tới là deus ex machina, hay vị thần từ cỗ máy, ban đầu được sử dụng trong các rạp hát ở Hy Lạp. Khi các biên kịch đẩy nhân vật người hùng vào tình thế ngàn cân treo sợi tóc, chiếc ghế kết hoa này sẽ được thả từ trên cao xuống. Người anh hùng sẽ ngồi lên đó, được kéo lên cao và thoát khỏi cảnh hiểm nguy. Ngay cả kẻ tiện nô xuẩn ngốc nhất cũng sẽ nắm bắt được biểu tượng đằng sau – chính Chúa đã dang tay cứu lấy người hùng. Nhưng deus ex machina – đôi khi còn được biết đến trong biệt ngữ nhà nghề là “trò lừa dù-dưới-ghế-máy-bay cổ lỗ”, đã hết thời từ khoảng những năm 1700. Ngoại trừ, tất nhiên, cho những sự nhào nặn cỡ series Người Tên Lửa hay đám sách của Nancy Drew. Tôi đoán cô không cập nhật kịp tin tức rồi, Annie ạ.

Trong một khoảnh khắc kinh hoàng và không bao giờ quên, Paul tưởng mình sắp sửa phá lên một tràng cười sảng khoái. Với tâm trạng của ả sáng nay, điều đó hẳn sẽ dẫn đến một hình phạt khó chịu và đau đớn. Anh vội đưa một tay lên miệng, dán đè lên tiếng cười đang chực chờ chui ra từ đó, và chế nó thành một cơn ho.

Ả đàn bà vỗ lưng anh mạnh tới mức anh thấy đau.

"Đỡ hơn không?"

"Có đỡ, cảm ơn cô."

"Tôi nói tiếp được chưa Paul, hay ngài lại định phọt ra một tràng hắt hơi nữa? Cần tôi đi lấy cái sọt luôn không? Ngài có cảm thấy lợn cợn buồn nôn mấy bận không?"

"Không, Annie. Xin hãy nói tiếp đi. Cô nói hay lắm."

Trông ả có chút cải biến – không nhiều, nhưng có chút. "Khi anh ấy tìm thấy dù dưới ghế máy bay, thì thế là hợp lý. Có lẽ cũng chẳng *sát với thực tế* lắm đâu, nhưng hợp lý."

Anh nghĩ về điều đó, giật mình – những hiểu biết sâu sắc giật cục của ả chưa bao giờ ngừng khiến anh phải nảy lên thon thót – và công nhận là ả nói đúng. *Hợp lý và sát thực tế* có thể là hai từ đồng nghĩa với nhau nhất trong số những từ liên quan, nhưng kể cả vậy, chúng vẫn không phải là một.

"Nhưng ngài viết thêm hồi tiếp," ả nói, "và đó *chính xác* là vấn đề của những gì mà ngài viết ra ngày hôm qua, Paul ạ, nên là nghe tôi đây."

"Tôi xin nghe."

Ả đàn bà nhìn anh kỹ càng xem có phải anh đang nói đùa không. Mặt anh, thay vào đó, lại nhợt nhạt và chăm chú – rất đúng bộ dạng

một học sinh nghiêm cẩn. Cơn buồn cười đã tắt lịm khi anh nhận ra Annie có vẻ biết mọi thứ về *deus ex machina* chỉ trừ cái tên.

"Được rồi," ả đáp. "Đây là hồi về xe không phanh nhé. Mấy gã xấu xa đã đặt Người Tên Lửa – một mình Người Tên Lửa với danh tính bí mật – vào một cái xe không phanh, rồi bọn chúng hàn tất cả các cửa và để xe trượt xuống dốc núi ngoằn ngoèo. Hôm ấy tôi suýt thì bắn khỏi ghế ngồi, phải nói là thế."

Ả đang ngồi trên mép giường anh – còn Paul ngồi trên xe lăn ở bên kia căn phòng. Đã năm ngày kể từ cuộc thám hiểm phòng tắm và phòng khách, và sau trải nghiệm đó anh lại người nhanh hơn anh tưởng tượng. Chỉ riêng chuyện không bị tóm sống có vẻ như đã là một sự phục hồi nhiệm màu.

Người đàn bà mơ hồ nhìn vào tờ lịch nơi cậu bé đang mỉm cười trên xe trượt tuyết trong suốt cả tháng Hai tưởng dài như vô tận.

"Thế là Người Tên Lửa già tội nghiệp, bị mắc kẹt trong xe mà chẳng có túi tên lửa hay thậm chí là chiếc mũ bảo hiểm đặc biệt với phần kính mắt một chiều của mình, cố gắng bẻ lái, dừng xe và mở cửa bên, chừng ấy thử cùng lúc. Anh ấy còn tất bật hơn cả người ta làm giấy dán tường bằng một tay, tôi phải nói với ngài là vậy."

Ừ, Paul đột nhiên có thể thấy cảnh đó – và bằng một cách bản năng anh hiểu chính xác làm thế nào mà một cảnh khoa trương lố lăng như thế, lại bị vắt kiệt để tạo sự hồi hộp. Cảnh vật, tất cả đều đổ nghiêng xuống dốc một góc nguy ngập, lao qua vun vút. Chuyển cảnh sang đến bàn đạp phanh lún hẳn xuống thảm khi bàn chân người đàn ông (anh thấy rõ cả bàn chân đang xỏ đôi giày có lỗ thoáng đặc trưng của những năm 40) đạp lên nó. Cắt đến cảnh vai anh ta, huých vào cánh cửa. Cắt tiếp cảnh phía bên ngoài bổ nhào,

để ta thấy một mối hàn bất thường chỗ cánh cửa bị cố định lại. Ngu ngốc, hẳn rồi – chẳng có tí tính văn chương nào – nhưng nó vẫn có tác dụng. Bạn có thể làm mạch người ta đập nhanh hơn. Ở đây không có Chivas Regal; chỉ có thứ hư cấu tương đương với loại rượu chưng cất ẩu ở mấy chốn khỉ ho cò gáy.

“Thế rồi sau đấy ngài thấy vách đá ở cuối con đường,” ả kể, “và ai trong rạp cũng biết nếu Người Tên Lửa không thoát kịp khỏi cái xe Hudson cũ rích đó trước khi nó lao vào vách đá, anh ấy sẽ lên chầu ông bà. Ôi trời! Và rồi chiếc xe lao tới, Người Tên Lửa thì vẫn cố đạp phanh hoặc phá cửa ra, rồi cái... nó bay bổng lên! Nó vụt lên không trung rồi rơi xuống. Nó tông vào vách đá nửa chừng rồi bốc cháy ngùn ngụt, xong rơi thẳng xuống biển, và trên màn hình hiện ra một dòng thông điệp cuối thế này HỒI II VÀO TUẦN TỚI, RỒNG THĂNG THIÊN.”

Ả ngồi trên mép giường của anh, hai tay đan chặt, bộ ngực lớn phồng lên rồi lại nhanh chóng xẹp xuống.

“Chà,” ả nói, không nhìn anh, mà chỉ nhìn lên tường, “sau đấy tôi gần như chẳng xem phim. Một tuần sau đó tôi không còn thỉnh thoảng mới nghĩ đến Người Tên Lửa nữa. Tôi lúc nào cũng nghĩ đến anh ấy luôn. Anh ấy thoát ra kiểu gì nhỉ? Tôi chẳng thể nào đoán ra được.”

“Thứ Bảy tuần sau, tôi đứng đợi trước rạp chiếu bóng từ trưa, dù mãi một giờ mười lăm mới mở bán vé và hai giờ phim mới chiếu. Nhưng Paul ạ... chuyện gì đã xảy ra... ôi, ngài chả đoán được đâu!”

Paul im lặng, nhưng anh đoán được. Anh hiểu tại sao ả từng thích những gì anh viết và giờ vẫn có thể nhận ra nó sai sai – thi thoảng một biên tập viên với thói xuyên tạc văn chương bất tín sẽ

nhận thấy mà không chỉ ra điều đó, chỉ có sự xác quyết nhất quán và không thể bài bác của Độc giả Trung thành mới làm được như vậy. Anh hiểu ra, và anh ngạc nhiên khi tự thấy thẹn với mình. Ả nói đúng. Anh đã viết ra một trò lừa phỉnh.

"Hồi mới luôn bắt đầu bằng phần kết của phần trước. Họ chiếu cảnh anh ấy lao xuống dốc, cảnh anh ấy huých cửa xe để cố mở nó. Sau đó, ngay trước khi cái xe lao vào vách đá, cửa bên bật mở và anh ấy văng xuống đường. Xe lao vào vách đá, và tất thảy những đứa trẻ trong rạp đều hò reo vì Người Tên Lửa đã thoát ra, trừ mỗi tôi là không mừng vui, Paul ạ. Tôi cáu loạn lên. Tôi bắt đầu la ó, *Tuần trước có phải như thế đâu! Tuần trước có phải như thế đâu!*"

Annie nhảy dựng lên rồi bắt đầu đi đi lại lại nhanh thoăn thoắt trong phòng, đầu ả cúi gằm, tóc tai rối bù lòa xòa trên mặt, liên tục đấm một tay vào tay còn lại, mắt rực lên.

"Anh trai tôi đã cố kiềm tôi lại và lúc tôi không chịu, anh ấy còn đưa tay bịt miệng tôi, tôi ngoạm luôn tay anh ấy và tiếp tục hét lên câu *Tuần trước có phải như thế đâu! Các người ngu quá nên không nhớ à? Các người bị mất trí nhớ hết rồi đấy hả?* Rồi anh tôi bảo *Mày điên rồi Annie ạ*, nhưng tôi biết tôi không hề. Lão quản lý đến và bảo nếu tôi không im thì tôi phải biến đi, thế là tôi bảo *Không phải đuổi, tôi sẽ cuốn xéo ngay bởi đây là trò gian lận bẩn thỉu, tuần trước rõ ràng không phải như thế!*"

Ả đàn bà nhìn sang Paul và anh thấy sát khí đằng đằng trong mắt ả.

"Anh ấy có thoát ra khỏi cái xe giẻ rách đó đâu. Nó lao khỏi vách núi khi anh ấy vẫn còn ở trong đó! Ngài có hiểu không hả?"

"Có," Paul đáp.

“NGÀI CÓ HIỂU ĐIỀU ĐÓ KHÔNG HẢ?”

Ả đàn bà bỗng nhảy bổ vào anh với tất cả sự hùng hổ đó, và dù anh cảm nhận chắc chắn ả định làm đau anh như ả đã từng, có lẽ bởi ả không thể trút lên con chim biên kịch bẩn thỉu, kẻ đã gian lận để Người Tên lửa kịp thoát khỏi cái xe Hudson trước khi nó lao vào vách đá, anh đờ ra không nhúc nhích – anh nhìn thấy những mầm mống sự bất ổn định hiện tại của ả thông qua cánh cửa quá khứ vừa được mở ra trước anh, và anh cũng bị kinh hãi vì điều đó – sự bất công mà ả từng trải qua, bất chấp sự trẻ con trong đó, hoàn toàn có thật, không có gì để bàn cãi.

Ả đàn bà không đánh anh; ả túm lấy vạt trước cái áo choàng anh đang mặc và lôi anh về phía trước tới khi mặt suýt đã chạm mặt.

“HIỂU KHÔNG HẢ?”

“Hiểu rồi, Annie a, hiểu mà.”

Ả nhìn anh chằm chằm, ánh nhìn đen kịt hằn lên giận dữ, và hẳn đã thấy được lẽ chân thật trên mặt anh, bởi hồi sau ả khinh khỉnh quẳng anh lại xe lăn.

Anh rúm mặt vì cơn đau dày thô và nghiến chặt, song một hồi nó cũng dịu dần đi.

“Thế thì ngài biết vấn đề nằm đâu rồi đấy,” ả nói.

“Tôi chắc là tôi hiểu.” *Dù tôi mà biết tôi sẽ sửa chúng kiểu gì thì tôi chết luôn được đấy.*

Và giọng nói kia lại đáp lại: *Tao không biết mày sẽ bị Chúa nguyền rủa hay được Ngài cứu rỗi, Paulie ạ, nhưng tao biết chắc một điều: nếu mày không kiếm được cách nào để hồi sinh Misery mà ả đàn bà đó có thể tin được – ả sẽ giết mày.*

“Hiểu thì làm đi,” ả nói cụt lủn rồi rời phòng.

3

Paul nhìn vào máy đánh chữ. Máy đánh chữ nằm đó. Chữ N! Anh chưa từng nhận ra có trung bình bao nhiêu chữ n trong một dòng đánh máy.

Tôi tưởng ngài phải ngon lắm cơ, cái máy đánh chữ nói – trí não anh đã tặng cho nó một chất giọng khó nghe nhưng đầy giễu cợt của một tay súng tuổi teen ở miền viễn Tây Hollywood, một đứa trẻ tham vọng nổi tiếng nhanh ở vùng Deadwood[1E] này. *Ngài chẳng ngon đến thế. Mẹ kiếp, ngài thậm chí còn không thể làm vừa lòng một ả điên khùng và thừa cân từng làm y tá. Nhẽ ra ngài đã gãy béng cái xương chủ về viết lách trong tai nạn đó rồi... chỉ là cái xương đó chưa lành thôi.*

Anh ngả người hết mức về phía sau, mắt nhắm nghiền. Chuyện ả chối bỏ những gì anh viết chắc sẽ dễ chấp nhận hơn nếu anh có thể đổ lỗi cho cơn đau, nhưng sự thực là cơn đau đã dịu đi một chút.

Những viên thuốc anh lấy trộm được giấu an toàn giữa đệm và khung lò xo. Anh chưa lấy viên nào từ đó – chỉ cần biết anh đã nhét chúng vào đó, một loại bảo hiểm-Annie, đã là đủ. Ả đàn bà đó sẽ tìm thấy nếu ả thọc đầu vào để thay đệm, anh đoán là vậy, nhưng đó là sự xui rủi mà anh sẵn sàng nhận lấy.

Giữa hai người không có sự vụ gì kể từ cơn bùng nổ liên quan đến giấy đánh máy. Thuốc của anh đến đều đặn, và anh uống. Anh băn khoăn liệu ả có biết anh bị nghiện thứ này không.

Này, giờ thì thôi đi, Paul, như thế có hơi chuyện bé xé ra to đấy, phải không?

Không, không hề đâu. Ba đêm trước, khi biết chắc ả đàn bà ở trên lầu, anh đã lén lấy một hộp mẫu ra và đọc hết chữ trên nhãn, dẫu anh đinh ninh anh đã đọc qua tất cả những gì mình cần khi thấy thành phần chính của Novril. Lỡ đâu bạn lại đánh vần thuốc giảm ợ hơi, khó tiêu R-O-L-A-I-D-S thành Novril C-O-D-E-I-N-E[2E].

Thực tế là mày đang phục hồi, Paul à. Dù thì từ đầu gối trở xuống, chân mày trông như tranh vẽ hình que của đứa trẻ con bốn tuổi, nhưng mày đang phục hồi. Giờ mày chỉ cần aspirin hay Empirin thôi là được. Thực ra mày không cần Novril đâu; mày dùng để vã cơn nghiện thôi.

Lẽ ra anh đã phải giảm liều, bỏ bớt vài viên thuốc. Cho tới khi anh làm được điều đó, ả đàn bà kia chắc hẳn đã phải trói được anh vào một sợi dây xích cũng như lúc đưa anh lên một cái xe lăn rồi – sợi dây xích kết bằng thuốc viên Novril.

Được thôi. Mình sẽ bớt xén một viên mỗi lần ả mang cho mình bai viên. Mình sẽ ngậm nó dưới lưỡi trong khi nhai viên còn lại, rồi dính nó vào dưới đệm với mấy viên khác khi ả cất cốc nước. Chỉ chưa phải là hôm nay thôi. Hôm nay mình chưa sẵn sàng để bắt đầu. Mai mình sẽ bắt đầu.

Giờ trong tâm trí anh văng vẳng tiếng Nữ hoàng Đỏ đang lên lớp Alice: *Ở dưới này, chúng ta đã tu thân ngày hôm qua, và chúng ta định bụng sẽ sửa mình vào ngày mai, chỉ là chúng ta chẳng tu sửa gì vào hôm nay.*

Hố hố, Paulie à, chú em đúng là đứa nhiễu sự thứ thiệt, cái máy đánh chữ nói bằng giọng của tay súng rắn rỏi mà anh tạo cho nó trong đầu.

"Bọn chim chóc bẩn thỉu chúng tao chẳng bao giờ hài hước đến thế, nhưng chúng tao sẽ không ngừng cố gắng – mày phải công nhận thế đi," anh lầm bầm.

Chà, tốt hơn hết là mày nên bắt đầu nghĩ về đống thuốc mày đã ngốn đi Paul. Mày nên bắt đầu nghĩ về điều đó một cách thực nghiêm túc vào.

Anh đột nhiên quyết định, ngay trong khoảnh khắc đó, rằng anh sẽ lận bớt thuốc ngay khi cho ra chương đầu tiên mà Annie thích – chương mà Annie cho rằng đó không phải là trò bịp.

Một phần trong anh – phần lắng nghe mọi đề xuất biên tập dù là thỏa đáng nhất, có lợi nhất bằng vẻ cấm cảu – biện hộ rằng ả đàn bà này bị điên, rằng chẳng đường nào mà biết ả sẽ chấp nhận hay không chấp nhận cái nào; rằng cố gắng của anh chỉ là trò đánh cược.

Nhưng một phần khác – phần khôn khéo hơn nhiều – lại phản đối. Anh sẽ biết đâu là thứ đúng đắn khi anh tìm thấy nó. Thứ đúng đắn đó sẽ khiến đống chất thải anh đưa Annie đọc tối qua, đống chất thải đã ngốn của anh ba ngày và không đếm nổi bao nhiêu lần khởi động giả để viết, trông như cục phân chó nằm cạnh một đồng bạc lẻ. Nhẽ nào chính anh lại không biết văn chương như thế là dở lắm? Nào có phải anh lao động trong khi đau đớn gì cho cam, sọt rác của anh cũng đâu đã lưng lửng bản phác ẩu hoặc dăm trang viết dở kết thúc bằng mấy dòng dạng "Misery quay sang nhìn anh, mắt long lanh, môi thì thầm những lời màu nhiệm *Ôi đồ đầu đất đặc ơi VIẾT*

THẾ NÀY KHÔNG ĐƯỢC ĐÂU!!!" Anh từng đổ lỗi cho cơn đau và cảnh ngộ mà anh không chỉ viết vì bữa tối mà còn vì cả tính mạng. Những ý niệm này chẳng là gì khác ngoài những lời biện hộ chính đáng. Sự thật là, mọi chuyện trở nên tệ hại vì anh gian lận và tự anh cũng biết như thế.

Chà, ả đàn bà đó đi guốc trong bụng ngài rồi, đồ đần độn ạ, máy đánh chữ lên tiếng bằng cái giọng khó nghe, xấc xược của nó. *Không phải sao? Thế giờ ngài tính xử trí sao nào?*

Anh không biết, nhưng anh đồ rằng mình sẽ phải làm gì đó, và làm gấp gáp. Sáng nay anh đã không để ý đến tâm trạng của ả đàn bà đó. Anh nghĩ anh nên cho đó là may mắn khi ả không nện gãy chân anh bằng gậy bóng chày lần nữa, hoặc tặng bàn tay anh màn săn sóc bằng axit ắc quy hay gì đó tương tự để thể hiện sự phật lòng với cách anh mở đầu cuốn sách của ả – những phản ứng gay gắt như vậy luôn khả dĩ, xét theo quan điểm độc đáo của Annie về thế giới. Nếu anh còn sống mà thoát khỏi đây, anh nghĩ mình sẽ viết cho Christopher Hale một ghi chú. Hale thẩm định sách cho *Thời báo New York.* Nội dung của ghi chú sẽ như thế này: "Hễ biên tập viên của tôi gọi và bảo ngài đang định đánh giá một trong những cuốn sách của tôi trên nhật báo, hai đầu gối tôi lại đập cầm cập vào nhau – ngài từng viết cho tôi vài cái tử tế rồi, bạn già Chris ạ, nhưng ngài cũng từng hơn một lần đập tôi tơi tả, như ngài vẫn biết đó. Dẫu sao thì, tôi chỉ muốn nói xin ngài cứ tiến lên và tận lực viết những lời xát muối đi – tôi vừa khám phá ra một quy cách phê bình hoàn toàn mới, bạn của tôi ạ. Chúng ta có thể gọi nó là trường phái tư tưởng Đồ nướng Colorado hoặc Bộ Lau nhà. Nó khiến thứ mà các ngài làm trông hung hiểm cỡ một vòng đu quay ở Central Park."

Chuyện này thú vị đấy Paul a, tự thảo trong đầu dăm ba bức thư tình ngắn ngủi cho mấy gã phê bình luôn khiến người ta cười khúc khích, nhưng thật sự là ngài nên kiếm cho mình một cái nồi và đun sôi lên, ngài có nghĩ vậy không?

Ừ. Ừ hẳn rồi.

Cái máy đánh chữ ngồi đó, nhếch mép cười với anh.

“Tao ghét mày,” Paul nghiêm nghị nói, đoạn nhìn ra ngoài cửa sổ.

4

Đã qua hai ngày kể từ khi Paul thức dậy từ trận bão tuyết sau hôm thám hiểm nhà tắm – tuyết đã dày thêm cũng gần năm chục phân, và đóng thành nhiều đụn lớn. Cho tới khi mặt trời lại ló rạng qua những đám mây, chiếc Cherokee của Annie trống không khác gì một cái bướu mờ trên lối ra vào.

Thế nhưng giờ đây, mặt trời đã xuất hiện trở lại và bầu trời cũng lần nữa chói chang. Đi kèm với độ chói, mặt trời mang lại cả sức nóng – anh ngồi đó và cảm thấy điều đó trên cả mặt và hai tay. Mấy tảng băng giá dọc theo nhà kho lại nhỏ giọt. Anh thoáng nghĩ đến chiếc xe của mình đang bị vùi dưới tuyết, rồi nhặt một tờ giấy và cuộn nó vào máy Royal. Anh gõ dòng *Sự trở lại của Misery* ở phía trên bên trái, thêm số 1 ở góc trên bên phải. Anh đập cần xuống dòng khoảng bốn năm lần, căn giữa cần gạt và gõ CHƯƠNG 1. Anh ấn phím mạnh hơn mức cần thiết, để chắc chắn ả đàn bà kia nghe thấy anh đang gõ gì đó, ít nhất là vậy.

Giờ còn cả khoảng trắng trơn dưới CHƯƠNG 1, trông như một hố tuyết mà anh có thể ngã vào rồi chết, vùi thây trong sương giá.

Châu Phi.

Miễn là họ làm cho hợp lý.

Quê hương của con chim đó là châu Phi.

Có một chiếc dù dưới chỗ anh ấy ngồi.

Châu Phi.

Giờ tôi còn phải giữ đã.

Anh vừa trôi đi và biết là anh không nên như vậy – lỡ ả bước vào đây và bắt gặp anh đang thẩn thơ mà không viết, ả sẽ nổi điên – nhưng dù sao thì anh cũng đã để mình trôi đi. Anh không chỉ gà gật; anh vừa, theo một cách kỳ lạ, suy nghĩ. Dò xét. *Tìm tòi.*

Tìm gì thế, Paulie?

Nhưng chuyện đó hiển nhiên mà. Máy bay đang chết máy bổ nhào. Anh đang tìm cái dù dưới ghế ngồi. Được chưa? Hợp lý chưa?

Hợp lý rồi. Anh ấy tìm thấy cái dù dưới ghế ngồi, thế là hợp lý. Có thể không sát thực tế lắm, nhưng hợp lý.

Trong mấy kỳ nghỉ hè hồi xưa, mẹ từng gửi anh đến những trại hè ban ngày ở Trung tâm Cộng đồng Malden. Và ở đó người ta đã tổ chức chơi trò này... họ ngồi thành vòng tròn, trò chơi giống với những vở kịch chương hồi của Annie, và hầu như anh lúc nào cũng thắng... Tên của trò chơi là gì nhỉ?

Tâm trí anh hiện ra chừng mười lăm hoặc hai mươi cô cậu nhóc ngồi thành vòng tròn ở một góc sân chơi, tất cả đều mặc áo phông của Trung tâm Cộng đồng Malden, chăm chú lắng nghe người quản trò giải thích luật chơi. Bạn có thể không?, tên của trò đó là *Bạn có thể không?, và nó không là gì ngoài cái kết bị bỏ lửng trong Republic, trò mày từng chơi hồi đó là Bạn có thể không?, Paulie ạ, và giờ trò mày đang chơi tên cũng y như thế, không phải sao?*

Ừ, anh đoán nó chính là thể.

Ở trò Bạn có thể không?, người quản trò sẽ bắt đầu kể một câu chuyện về người đàn ông tên Careless Corrigan. Ông Careless bị lạc trong những cánh rừng Nam Phi hoang vắng. Bất chợt, ông nhìn quanh và thấy mấy con sư tử đang rình sau lưng mình... ở hai bên

ông, sư tử cũng kéo đến... và Chúa ơi sư tử còn nhảy bổ ra trước mặt ông luôn. Bốn bề quanh Careless Corrigan đều là sư tử... và chúng bắt đầu tiến về phía ông. Chỉ mới năm giờ chiều, nhưng đám mèo rừng này cũng chẳng kiêng dè gì; bọn sư tử Nam Phi chỉ cần biết, trò bữa-tối-tám-giờ là trò của mấy gã đần.

Người quản trò có một chiếc đồng hồ bấm giờ, và thần trí ngẩn ngơ của Paul Sheldon mường tượng ra nó một cách rõ nét lạ thường, dù lần cuối anh chính tay cầm khối bạc nặng đó đã quá ba thập kỷ. Anh có thể nhìn thấy những con số bằng đồng mịn, cái kim ngắn ở phía dưới đo từng mười giây một, anh còn thấy tên thương hiệu in bằng mấy chữ cái tí hin: ANNEX.

Quản trò sẽ nhìn quanh vòng tròn và chọn một trại viên. “Daniel,” chú ấy gọi. “Bạn có thể không?” Vào khoảnh khắc Bạn có thể không? vuột khỏi miệng, quản trò sẽ ấn đồng hồ giờ để nó bắt đầu chạy.

Daniel có chính xác mười giây để kể tiếp câu chuyện. Nếu cậu ấy không lên tiếng trong vòng mười giây đó, cậu ấy sẽ phải rời vòng tròn. Nhưng nếu cậu ấy giúp Careless thoát khỏi bầy sư tử, quản trò sẽ lại nhìn quanh vòng tròn và đặt ra một câu đố khác, câu hỏi gợi nhắc rõ ràng trong đầu anh về tình cảnh hiện tại. Câu hỏi ở đây là *Cậu ấy đạt chưa?*

Luật cho phần này của trò chơi chính xác là luật của Annie. Chủ nghĩa hiện thực không phải cái cốt yếu; tính hợp lý mới là vấn đề. Ví như, Daniel có thể nói: “Thật may, Careless có mang theo khẩu Winchester đã được nạp căng đạn bên mình. Thế rồi anh bắn hạ ba con sư tử và đám còn lại chạy biến.” Trong trường hợp này, Daniel đạt. Cậu ấy trả lời trong thời gian cho phép và tiếp nối câu chuyện,

kết thúc phần mình với việc Careless sa chân vào vùng cát lún hay gì đó, rồi cậu ấy sẽ hỏi người khác xem họ có thể hay không, đoạn đập tay xuống nút trên đồng hồ bấm giờ.

Nhưng mười giây không dài và dễ làm người ta cuống... cũng dễ gian lận luôn. Đứa trẻ con tiếp theo có thể dễ dàng nói mấy thứ kiểu "Ngay sau đó có một con chim đại tướng – em nghĩ là một con thần ưng Andes – sà xuống. Careless túm lấy cổ nó và để nó kéo ra khỏi nơi cát lún."

Lúc quản trò hỏi *Cậu ấy đã đạt chưa*, nếu bạn thấy cô bé đó đạt thì giơ tay, nếu thấy nó quá phét lác thì không giơ. Trong trường hợp con thần ưng Andes, gần như chắc chắn đứa trẻ sẽ được mời rời vòng tròn.

Bạn có thể không, Paul?

Dạ có. Đấy là cách tôi sinh tồn. Đó là lý do tôi đủ sức duy trì nhà ở cả New York với LA, và nhiều cục sắt biết đi hơn cả mấy bãi đỗ xe đã qua sử dụng. Bởi tôi có thể, và chuyện đó chẳng có gì đáng hổ thẹn cả, mẹ kiếp. Có cả ối gã viết văn xuôi hay hơn tôi và lại còn thấu triệt hơn tôi chuyện con người phải ra làm sao, nhân sinh nên trông thế nào – quái thật tôi lạ gì. Nhưng khi quản trò hỏi Cậu ấy có đạt không? về mấy gã đó, đôi khi chỉ có lác đác vài bóng tay giơ lên. Thế cơ mà họ lại giơ tay cho tôi... bay cho Misery... và nghĩ rất ráo tôi cho rằng hai cái đó là một. Tôi có thể không à? Dạ có. Chắc kèo là được. Có chán vạn thứ trên đời tôi không làm được. Tôi không đỡ được một đường bóng xoáy[3E], kể cả từ hồi học phổ thông. Không sửa được vòi nước rò. Không biết trượt patin hoặc bấm hẳn hoi được hợp âm Fa trưởng trên guitar để nghe đỡ rè như khỉ. Tôi còn

thử kết hôn đến hai lần và cả đôi lần đều đổ bể. Nhưng nếu bạn muốn tôi cuốn bạn theo, hù dọa hay khiến bạn đồng cảm hoặc khiến bạn khóc cười thì, ừ. Tôi có thể. Tôi có thể cho bạn từng đó thứ và làm dồn dập đến khi bạn xin hàng. Tôi đây làm được. TÔI CÓ THỂ.

Chất giọng tay súng xấc xược của cái máy đánh chữ rầm rì tới tận cơn mơ sâu thẳm.

Thực tế những gì chúng ta đang có ở đây, bạn à, độc mỗi hai thứ này thôi – lời hay như vẹt còn giấy vẫn trắng phớ.

Bạn có thể không?

Có. Có chứ!

Anh ta có đạt không?

Không. Anh ta đã gian lận. Ở phần Đứa Con của Misery, bác sĩ chưa từng đến. Có thể tất cả các bạn đã quên béng diễn biến tuần trước thế nào, nhưng thạch thánh tượng không bao giờ quên. Paul phải rời vòng rồi. Tôi xin phép là thế. Giờ tôi phải giũ đã Giờ tôi phải…

5

"... giũ đã," anh lẩm bẩm, đoạn trượt sang bên phải. Chân trái anh cũng bị xê dịch nhẹ theo, và cơn đau nhói ở đầu gối vỡ nát cũng đủ để khiến anh tỉnh hẳn. Chưa đầy năm phút vừa trôi qua. Anh nghe thấy tiếng Annie đang rửa bát trong bếp. Thường thì khi làm việc nhà, ả đàn bà đó sẽ hát. Hôm nay ả không hát; chỉ có tiếng bát đĩa kêu lục cục và thi thoảng nước rửa rít lên. Một điềm xấu nữa. *Đây là bản tin thời tiết đặc biệt dành cho cư dân của Hạt Sheldon – một cảnh báo lốc xoáy sẽ có hiệu lực cho đến 5 giờ chiều tối nay. Tôi xin nhắc lại, một cảnh báo lốc xoáy...*

Nhưng đã đến lúc ngừng làm trò để bắt tay vào công chuyện. Ả muốn Misery trở về từ cõi chết, nhưng nó phải hợp lý. Không cần thiết phải chân thực lắm, chỉ cần hợp lý thôi. Nếu anh làm được điều đó trong sáng nay, may ra anh có thể làm lệch hướng cơn trầm uất mà anh dự cảm được trước khi nó thực sự xảy ra.

Paul nhìn ra ngoài cửa sổ, chống cằm vào lòng bàn tay. Giờ anh đã tỉnh như sáo, nghĩ ngợi nhanh và nhiều, nhưng không thực sự nhận thức được quá trình này. Hai hoặc ba lớp trên cùng trong tầng nhận thức của anh vốn đang xử lý những chuyện kiểu như lần cuối anh gội đầu là khi nào, hay lần tới liệu Annie có thuốc thang kịp thời không, dường như đã hoàn toàn thoát ly khỏi cảnh trí này. Phần tâm trí đó của anh đã lẳng lặng rời đi để đánh một phần ức bò ướp hun khói với tiêu đen, hoặc thứ gì đó. Giác quan của anh vẫn truyền tín

hiệu vào, nhưng anh thây kệ – không nhìn được những gì mắt thấy, chẳng nghe được tiếng gì lọt tai.

Phần khác trong anh đang điên cuồng thử các ý tưởng, chối bỏ chúng, gắng kết hợp chúng, rồi lại chối bỏ tất cả sự kết hợp. Anh thấy biết những gì đang diễn ra nhưng chẳng có lấy một liên hệ trực tiếp nào hay thiết tha gì với nó. Những xí nghiệp bóc lột dưới đó thật dơ dáy.

Anh hiểu bản thân đang CỐ TÌM Ý TƯỞNG. CỐ TÌM Ý TƯỞNG không giống với BẮT ĐƯỢC Ý TƯỞNG. BẮT ĐƯỢC Ý TƯỞNG là cách khiêm nhường hơn để nói *Tôi được truyền cảm hứng*, hoặc *Eureka! Nàng thơ của tôi đã cất tiếng rồi*.

Ý tưởng về *Fast Cars* đến với anh ở Thành phố New York vào một ngày nọ. Anh đi ra ngoài mà chẳng chú tâm gì ngoài mua một chiếc VCR cho căn nhà phố trên đường 83. Anh đi qua một bãi đậu xe và trông thấy một gã lơ xe đang cố phá khóa xe ô tô. Chỉ vậy thôi. Anh không biết liệu những gì mình thấy hợp pháp hay phi pháp, và chỉ sau khi rảo thêm độ đôi ba dãy phố, anh cũng chẳng buồn bận tâm. Gã lơ xe đã trở thành Tony Bonasaro. Anh nắm chẳng sót gì về Tony ngoại trừ tên của gã ta, về sau phải lấy danh bạ điện thoại để chọn lấy một cái. Một nửa câu chuyện đã sẵn ở đó, đầy ắp trong tâm trí anh, và phần còn cũng đang dần đâu vào đó. Anh cảm thấy lâng lâng, sung sướng, tựa hồ như đang say. Nàng thơ đã đến, được chào đón chẳng khác gì một tấm séc thình lình xuất hiện trong hòm thư. Anh chỉ định lắp đặt một cái máy ghi hình mà lại bắt được thứ tốt hơn rất nhiều. Anh đã BẮT ĐƯỢC Ý TƯỞNG.

Quá trình này thì khác – CỐ TÌM Ý TƯỞNG – chẳng có gì gọi là diễm lệ hay cao siêu, nhưng ẩn chứa nhiều bí ẩn... và cũng thật cần

thiết. Bởi khi viết một cuốn tiểu thuyết, chắc chắn bạn sẽ bị bí văn ở đoạn nào đó, và việc đợi đến khi BẮT ĐƯỢC Ý TƯỞNG mới viết tiếp đúng là chuyện phi lý.

Thường thì thủ tục anh cần để CÓ Ý TƯỞNG là khoác áo lên và đi dạo. Khi không cần CÓ Ý TƯỞNG, anh sẽ mang theo một cuốn sách khi ra ngoài tản bộ. Anh công nhận đi bộ là bài tập thể dục tốt, nhưng tẻ ngắt. Nếu không có ai để nói chuyện cùng khi đi bộ thì sách là thứ cần thiết. Còn nếu bạn cần CÓ Ý TƯỞNG, nỗi nhàm chán sẽ có tác dụng với một cuốn tiểu thuyết đang bí như hóa trị với bệnh nhân ung thư.

Vừa quá nửa truyện *Fast Cars*, Tony đã giết Trung úy Gray khi ông ra sức bập còng vào tay hắn trong một rạp chiếu phim ở Quảng trường Thời đại. Paul muốn Tony thoát được khỏi vụ giết người này – tạm thời là thế – vì Tony mà bị tóm thì truyện lấy đâu ra hồi ba. Tony cũng không thể cứ để Gray ngôi sờ sờ trong rạp chiếu phim với cái cán dao găm trên nách trái, bởi ít nhất đã có ba người biết Gray đi gặp Tony.

Vứt xác là vấn đề nan giải và Paul không biết phải giải quyết thế nào. Đó là một rào cản. Đó chính là trò chơi. Đó chính là *Careless vừa giết chết một gã trong rạp phim Quảng trường Thời đại và anh ta phải đem được cái xác về xe ô tô của mình mà không ai gọi "Này ông ơi, trông như gã đó ngỏm rồi hả, hay gã chỉ vừa nổi điên lên gì đó thôi?" Nếu hắn đưa được xác của Gray trở vào ô tô, hắn có thể chở nó đến Queens và quăng nó vào công trường xây dựng bị bỏ hoang mà bắn biết. Paulie ơi? Anh có thể không?*

Tất nhiên anh không phải nghĩ ra nội trong mười giây - anh chưa làm hợp đồng cho cuốn sách này, viết đã rồi mới tính chuyện bán

bản thảo, và thế có nghĩa là anh chẳng cần màng tới ngày hoàn thiện. Dù đúng là luôn có hạn chót đấy, một khoảng thời gian mà bạn buộc phải rời vòng tròn, và cây viết nào cũng hiểu điều đó. Nếu một cuốn sách bị ứ đọng đủ lâu, nó sẽ bắt đầu bị phân hủy, bị rã nát; từng mảng miếng bắt đầu lộ trơ trơ và những miếng vải thưa bị lật tẩy.

Khi ấy anh đi dạo, đầu không gợn suy nghĩ, tĩnh lặng y như anh của hiện tại. Anh đi được chừng ba dặm thì có ai đó đốt pháo hiệu dưới khu xí nghiệp dơ dáy: *Hay là anh phóng hỏa đốt luôn cái nhà hát nhỉ?*

Xem ra ý tưởng này khả dĩ. Không thưởng thức được chút say mê, không hề cảm nhận được niềm hứng khởi; anh ngỡ mình là gã thợ nề trông vào một miếng gỗ xẻ có vẻ được việc.

Hắn châm lửa đốt đệm ghế bên cạnh mình, được không nhỉ? Mấy cái ghế chết tiệt trong rạp hát lúc nào cũng rách toạc. Và có thuốc lá. Nhiều là khác. Hắn cứ ở lì trong đó lâu nhất có thể, rồi đưa Gray ra cùng mình. Hắn có thể giao Gray ra như một nạn nhân bị ngạt khói. Mày nghĩ thế nào?

Anh nghĩ là ổn. Không tuyệt lắm, và còn bao nhiêu chi tiết phải tỉa tót, nhưng có vẻ ổn. Anh ĐÃ CÓ Ý TƯỞNG. Sách có thể được viết tiếp rồi.

Anh chẳng bao giờ cần CÓ Ý TƯỞNG để bắt tay vào viết một cuốn sách, nhưng bằng bản năng anh hiểu nó có thể hoàn thành được.

Anh lặng ngồi trên ghế, tay chống cằm, trông ra ngoài nhà kho. Anh mà đi bộ được chắc giờ đã phải ra tới ngoài đồng. Anh ngồi im, gần như đang ngủ gật, chờ đợi một điều gì xảy ra, hoàn toàn không

nhận thức được gì ngoại trừ những điều đang diễn tiến ở tầng sâu, quần thể những tòa hư cấu được dựng lên, bị phê phán, bị phát giác thiếu sót và rồi bị tháo dỡ một lần nữa, vỏn vẹn trong chớp mắt. Mười phút trôi qua. Rồi mười lăm phút. Bây ả đàn bà đó - máy hút bụi trong phòng khách (nhưng vẫn không hát). Anh nghe thấy nhưng chỉ nghe để đó; âm thanh rời rạc chạy vào tai này rồi lại lọt qua tai kia như nước chảy qua máng.

Mãi rồi mấy gã bị bóc lột cũng bắn pháo hiệu, như cách mà sau cùng họ luôn làm. Những kẻ phá bĩnh đáng thương dưới đó không bao giờ ngừng nhặng xị, và anh chẳng đố kỵ với họ dù chỉ một chút.

Paul ngồi im, bắt đầu CÓ Ý TƯỞNG. Thần trí tỉnh táo của anh đã trở về – BÁC SỸ *Ở TRONG* – và nhặt lấy ý tưởng như một lá thư được đẩy qua khe thư trên cửa. Anh bắt đầu xem xét nó. Anh suýt từ chối nó (có phải tiếng rên xiết yếu ớt phát ra từ dưới những xí nghiệp kia không nhỉ?), xem xét lại, quyết định sẽ giữ lại một nửa.

Phát pháo hiệu thứ hai, cái này sáng sủa hơn cái trước.

Paul bắt đầu gõ ngón tay không ngừng nghỉ trên bệ cửa sổ.

Khoảng mười một giờ anh bắt đầu đánh máy. Mới đầu anh làm rất chậm – theo sau từng tiếng lách cách đều là những khoảng im lặng, thi thoảng dài đến cả mười lăm giây. Mật độ âm thanh này giống với việc quan sát một quần đảo từ không trung – một chuỗi các cục bướu lùn bị xé nhỏ bởi những dải xanh lam rộng lớn.

Khoảng trống im lặng cứ từng chút được thu ngắn lại, và giờ thỉnh thoảng lại có những tràng gõ liên hồi – nếu là trên máy đánh chữ điện của Paul nghe sẽ êm tai hơn, nhưng âm thanh lạch cạch của cái Royal này nặng trịch, nhức nhối.

Nhưng sau một hồi, Paul không nghe thấy giọng nói Vịt Daddles của cái máy đánh chữ. Cuối trang đầu anh còn đang khởi động. Cuối trang sau anh đã vào guồng viết.

Lúc sau Annie tắt máy hút bụi và đứng ở ngưỡng cửa quan sát anh. Paul chẳng hề hay biết ả ở đó – thực ra anh còn chẳng nhận ra sự hiện diện của chính mình. Cuối cùng anh đã tẩu thoát được. Anh đang ở trong sân nhà thờ vùng Little Dunthorpe, hít thở khí đêm ẩm mướt có mùi rêu, đất và sương; anh nghe thấy đồng hồ trên tháp nhà thờ Giáo hội Trưởng lão điểm hai tiếng và hòa vào mạch truyện mà chẳng hề trật một nhịp. Khi chạm trúng mạch viết, anh thấy văn bày sẵn trên giấy. Anh thấy văn bày sẵn trên giấy ngay lúc này.

Annie quan sát anh một lúc lâu, khuôn mặt ả không cười, không động đậy, nhưng phảng phất nét hài lòng. Hồi sau ả bỏ đi. Bước chân ả nặng nề, nhưng Paul cũng chẳng nghe thấy. Chiều đó anh làm một mạch đến ba giờ, đến tám giờ tối anh lại nhờ ả đưa mình trở lại xe lăn. Anh viết thêm ba tiếng nữa, dù đến chừng mười giờ chân anh trở đau nặng. Mười một giờ Annie vào. Anh xin ả thêm mười lăm phút nữa.

“Không được, Paul, thế thôi. Trông ngài nhợt nhạt như sắp chết rồi.”

Ả đỡ anh về giường và anh lăn ra ngủ chỉ sau ba phút. Lần đầu kể từ khi thoát khỏi đám mây xám anh ngủ được trọn vẹn một đêm mà tuyệt đối chẳng mộng mị gì.

Anh mơ từ giữa ban ngày rồi.

6

SỰ TRỞ LẠI CỦA MISERY
Tác giả: Paul Sheldon
Dành tặng Annie Wilkes

CHƯƠNG 1

Trong một khoảnh khắc, Geoffrey Alliburton không chắc người đàn ông lớn tuổi ở cửa là ai và điều này không hoàn toàn là do tiếng chuông vừa đánh thức anh khỏi cơn mê sâu. Anh nghĩ cuộc sống thôn quê khó chịu ở chỗ không có đủ nhiều dân cư để một ai có thể trở nên tuyệt đối xa lạ, nhưng lại có đủ nhiều dân cư để chẳng ai có thể ngay lập tức nhận ra tất cả người làng. Đôi khi người ta chỉ có thể dựa vào nét giống nhau của người cùng một nhà - và nỗi chẳng lông thì cánh đó, tất nhiên, chẳng bao giờ loại trừ trường hợp hiếm nhưng không phải không thể xảy ra là con rơi con vãi. Thường người ta có thể xử lý được những khoảnh khắc như vậy - dù họ có cảm giác như mình vừa lọt xuống hố lẩm cẩm khi gắng duy trì một cuộc hội thoại bình thường với người đáng ra mình phải nhớ tên nhưng lại không sao nhớ nổi; sự sống sượng sẽ chạm tới các cảnh giới kỳ vĩ hơn khi có tận hai khuôn mặt trông quen quen cùng viếng thăm một lúc, thúc giục người ta phải lên tiếng giới thiệu.

"Mong là tôi không phiền hà tới ngài thưa ngài" người viếng thăm nói. Ông ta không ngừng vặn cái mũ vải rẻ tiền trong tay, và trong ánh sáng hắt từ chiếc đèn mà Geoffrey giơ lên, khuôn mặt ông trông

như loang lổ, vàng vọt và lo lắng cực độ - thậm chí là hoảng hốt. "Tôi chỉ là không muốn đến gặp Cha sở Bookings, cũng không dám quấy nhiễu Đức Giám mục. Chí ít là cho tới khi tôi thưa chuyện với ngài đây, nếu như ngài hiểu được ý tôi, thưa ngài"

Geoffrey không hiểu, nhưng đột nhiên biết được một điều - danh tính của vị khách đến lúc khuya khoắt này. Việc ông ta nhắc tới Cha sở Bookings và Mục sư Nhà thờ Anh giáo đã cho anh biết. Ba ngày trước, Cha Bookings đã cử hành một vài nghi thức cuối cùng cho Misery ở sân sau nhà xứ, và người này đã ở đó - nhưng giấu mình kỹ càng trong hậu cảnh nên ít ai để ý.

Tên ông ta là Colter. Ông ta là một trong số người trông nom nghĩa trang nhà thờ. Thành thực đến độ ác khẩu thì ông lão này làm nghề đào huyệt.

"Ông Colter" anh nói. "Tôi có thể giúp gì cho ông?"

Colter đáp ngập ngừng. "Thưa ngài, có tiếng động. Tiếng động ở sân sau nhà xứ. Đức phu nhân ra đi không thanh thản lắm, thưa ngài, nên tôi e là phu nhân còn chưa an nghỉ. Tôi."

Geoffrey cảm tưởng như thể vừa bị ai đó thui vào phần trung thân. Anh hít vội một hơi ngắn và cơn đau nóng rẫy ập đến hai bên mạng sườn, chỗ đã được Bác sĩ Shinebone bó chặt lại. Chẩn đoán xấu của Shinebone là gần như chắc chắn Geoffrey sẽ bị viêm phổi sau khi nằm dưới mương cả đêm giữa trời mưa lạnh giá, nhưng đã ba ngày trôi qua mà anh không hề có dấu hiệu sốt hay ho. Tự anh đã biết trước là anh sẽ không bị; Chúa không bỏ qua tội lỗi dễ dàng như vậy. Anh tin Chúa sẽ để anh sống để ký ức về người thân yêu tội nghiệp đã xa rời trần thế còn đeo đẳng thật lâu, thật lâu nữa.

"Thưa ngài, ngài ổn cả chứ?" Colter hỏi. "Tôi nghe nói đêm ấy ngài bị ngã văng nặng lắm." Ông ta ngừng lại. "Đêm mà phu nhân mất"

"Tôi không sao" Geoffrey đáp chậm rãi. "Colter, những âm thanh mà ông nghe thấy. ông biết chỉ là tưởng tượng thôi phải không?"

Trông Colter có vẻ sốc.

"Tưởng tượng?" ông hỏi lại. "Thưa ngài! Kế đây chắc ngài định bảo tôi ngài không có đức tin vào Chúa và đời sống vĩnh hằng! Tại sao vậy, không phải Duncan Fromsley từng nhìn thấy lão Patterson hai ngày sau đám tang của lão ấy, sáng trắng như ma trơi à (chuyện chắc gì đã là thật, Geofrey nghĩ, ma trơi hay bất cứ thứ gì bay ra từ nốt-chai-này của lão già Fromsley)? Và chẳng phải một nửa thị trấn này đã nhìn thấy vị tu sĩ Papist già lang thang khắp các chiến trường Ridgeheath Manor sao? Người ta thậm chí còn cử hai bà từ Hiệp hội Ngoại cảm London quái gì đến để xem xét việc chôn cất người đó!"

Geoffrey biết hai người phụ nữ mà Colter nhắc; một Cặp phù thủy loạn trí đang phải chống chọi với những luân phiên tĩnh lặng và giông giật bất thường của tuổi trung niên, nhất loạt ẩm ương như trò Vẽ hình Đoán tên của trẻ con.

"Hồn ma cũng thực như tôi hay là ngài, thưa ngài." Colter nghiêm túc nói. "Tôi không bận tâm đến ý niệm về sự tồn tại của chúng - nhưng những tiếng động này thật đáng sợ và ma quái, vì vậy, chúng có thật đó, thậm chí tôi sợ cả bén mảng đến sân nhà thờ - mà mai tôi phải đào một lỗ huyệt cho đứa bé nhà Roydman, nên tôi phải ra đó."

Geoffrey thầm cầu nguyện một câu để có thêm kiên nhẫn. Niềm thôi thúc anh hét vào mặt người quản trang tội nghiệp gần như

không thể nén nổi nữa. Anh vừa bình yên thiếp đi trước lò sưởi cùng một cuốn sách trong lòng thì Colter đến lôi anh dậy… và anh thấy càng lúc mình càng tỉnh hơn, cứ mỗi giây trôi qua, nỗi buồn âm ỉ đọng lại trong anh càng sâu sắc hơn, càng ý thức được người anh yêu dấu đã đi xa mãi mãi. Cô nằm trong huyệt lạnh đã được ba ngày, sớm sẽ là một tuần- một tháng một năm mười năm. Anh trầm tư rằng nỗi buồn giống như một tảng đá trên bờ biển. Khi ai đó chìm vào giấc ngủ, cũng như thủy triều đang dâng, họ sẽ thấy đôi chút nhẹ nhõm. Cơn ngủ tựa như thủy triều phủ lên tảng đá đau buồn. Thế nhưng, khi người đó tỉnh dậy cũng là lúc thủy triều rút đi và chẳng bao lâu thì tảng đá lại xuất hiện, xác tín như được nạm quanh bằng sự thật, vĩnh viễn sẽ ở đó, hoặc phải chờ đến khi Chúa chọn gột rửa nó đi.

Thế mà lão già ngu ngốc này dám đến tận đây và hù ma dọa quỷ!

Nhưng khuôn mặt đau khổ của ông lão khiến Geoffrey kiềm được lại.

"Cô Misery - Đức phu nhân - muôn vàn kính yêu" Geoffrey nói khẽ.

"Vâng, thưa ngài, phu nhân quả là vậy" Colter nhiệt thành đồng ý. Ông chuyển mũi vải sang chỉ cầm bằng tay trái, còn tay phải rút từ túi ra một cái khăn tay lớn màu đỏ. Ông bấm chặt cái khăn, mắt ầng ậng nước.

"Tất cả chúng ta đều xót thương cho sự ra đi của cô ấy!" Geoffrey đưa tay lên áo sơ mi và bồn chồn xoa nắn những lớp vải dạ dày bên dưới.

"Vâng, chúng ta thương tiếc lắm, thưa ngài, thương tiếc lắm" Lời của Colter bị bóp nghẹt trong chiếc khăn tay, nhưng Geoffrey nhìn được mắt của ông lão; ông thực sự đã chân thành rơi lệ. Chút tàn dư của thịnh nộ ích kỷ trong anh hoàn toàn biến thành sự thương hại. "Phu nhân là một quý cô đức hạnh, thưa ngài! Vâng, phu nhân quả là quý cô tuyệt vời lắm, và chuyện Đức Giám mục xử lý lễ tang mới thật kinh khủng"

"Vâng, cô ấy thực toàn mỹ" Geoffrey nhẹ nhàng đáp, và thấy đau đớn bàng hoàng đến độ chực khóc, như đám mây đen dọa mưa trong một buổi chiều cuối hè. "Đôi khi, Colter a, khi một người toàn mỹ qua đời - người đặc biệt thân thương đối với tất cả chúng ta - chúng ta thấy thật sự khó khăn để chấp nhận họ đã ra đi. Thế thì chúng ta có thể tưởng tượng họ vẫn ở quanh đây. Ông sẽ làm như thế cùng tôi chứ?"

"Vâng, thưa ngài!" Colter nói chắc nịch. "Nhưng những âm thanh này… thưa ngài, giá mà ngài chính tai nghe được!"

Geoffrey kiên nhẫn nói: "ý ông là kiểu âm thanh nào?"

Anh nghĩ rồi đây Colter sẽ kể ra mấy tiếng động mà có thể chẳng là gì hơn ngoài tiếng gió xào xạc, bị khuếch đại lên bởi chính vọng tưởng của ông già, hẳn là thế - hoặc cùng lắm là tiếng con lửng trôi xuôi dòng xuống Little Dunthorpe và nằm ở sân sau nhà xứ. Vì thế, anh không hề chuẩn bị tinh thần khi Colter thì thầm bằng giọng khiếp đảm: "Tiếng cào, thưa ngài! Nghe như thể phu nhân còn sống ở dưới đó và đang cố quay trở lại cõi người, là như vậy đó!"

CHƯƠNG 2

Mười lăm phút sau khi chỉ còn một mình, Geoffrey lại gần tủ bên trong phòng ăn. Anh quay cuồng từ bên này sang bên kia giống như người đàm phán chính trên sàn một con tàu trong trận bão. Anh thấy chính mình đang ở ngay trong trận bão. Lẽ ra anh đã có thể tin cơn sốt mà bác sĩ Shinebone gần như đã hân hoan dự đoán là sớm muộn cũng sẽ tìm đến anh, cùng với sự báo thù, nhưng đó không phải cơn sốt đã liên hồi đem hoa dại đỏ lên hai má anh, cũng không phải cơn sốt khiến tay anh run đến mức suýt đánh rơi cả chai rượu mạnh vừa lấy từ trong tủ.

Nếu có một cơ hội - dù là nhỏ nhất - mà ý tưởng quái dị Colter vừa gieo vào đầu anh là có thật, thì anh chẳng còn chần chờ ở đây làm gì cả. Thế nhưng anh cảm thấy nếu không có đồ uống, có thể anh sẽ té xỉu xuống sàn.

Geoffrey Alliburton đã làm một việc vô tiền khoáng hậu trong đời mình; một việc sáng suốt mà anh đã lặp lại. Anh nâng bình rượu lên miệng và tu thẳng từ cổ chai.

Sau đó anh lùi lại, và thì thầm: "Chúng ta sẽ làm việc này. Thiên thượng dẫn lối, chúng ta sẽ làm việc này. Và nếu ta làm điều điên rồ này để cuối cùng vỡ ra chuyện chẳng có gì hơn ảo tưởng của một lão đào huyệt già, ta sẽ lấy dái tai Colter làm dây đồng hồ, bất kể niềm kính ngưỡng của lão với Misery.”

CHƯƠNG 3

Anh lên xe ngựa, đánh lái dưới nền trời chập choạng tối và có phần kỳ quặc với vầng trăng lẹm ngụp lặn không ngừng giữa những rặng mây đuổi bắt. Anh vừa dừng lại để khoác vội thứ đầu tiên từ tủ

quần áo ở sảnh dưới tầng rơi vào tay anh - hóa ra là một cái áo khoác hút thuốc[4E] màu hạt dẻ sẫm. Vạt đuôi áo tung lên sau lưng mỗi lần anh quất vào Mary. Con ngựa cái già không thích tốc độ anh yêu cầu; Geoffrey không thích những cơn đau ngày càng sâu ở vai và bên hông… thế nhưng cơn đau của cả hai đều là chuyện không thể đừng.

Tiếng cào thưa ngài! Nghe như thể phu nhân còn sống ở dưới đó và cố gắng quay trở lại cõi người!

Chỉ vậy thì chưa thể đẩy anh vào tình trạng cận khủng bố - nhưng anh còn nhớ chuyện đến Trang viên Calthorpe sau hôm Misery mất một ngày. Anh và Ian nhìn nhau, Ian cố gượng cười, dù mắt anh long lanh như ngọc với những giọt nước mắt nén rơi.

"Đâu đó chắc sẽ dễ chấp nhận hơn" Ian nói, "trông cô ấy giống đã chết hơn. Tôi biết là nói vậy nghe..”

"Bậy" Geoffrey đáp, cố gắng mỉm cười. "Quả nhiên là bên dịch vụ hậu sự đã sử dụng tất cả trí khôn của mình và…”

"Dịch vụ hậu sự" Ian gần như gào lên, và đó là lần đầu tiên Geoffrey thực sự hiểu được bạn mình đang chông chênh nơi bờ vực của sự điên loạn. "Dịch vụ hậu sự! Quỷ tha ma bắt! Tôi chẳng nhờ đến dịch vụ hậu sự nào và sẽ không mượn dịch vụ hậu sự đến tô son điểm phấn rồi vẽ vời người dấu yêu của tôi như một con búp bê!”

"Ian! Bạn thân mến của tôi! Thực sự, bạn không được." Geoffrey định làm như thể vỗ vai Ian và bằng cách nào đó hành động này lại biến thành một cái ôm. Hai người đàn ông khóc trong vòng tay nhau như những đứa trẻ mệt mỏi trong khi ở một phòng khác, con của

Misery, một cậu bé gần một ngày tuổi và vẫn chưa được đặt tên, đã thức dậy và bắt đầu khóc. Bà Ramage, với trái tim nhân hậu đã vỡ vụn, bắt đầu hát ru thằng bé một bài hát thôi nôi bằng giọng rưng rưng và đầy nước mắt.

Vào thời điểm đó, vì quá lo cho sự tỉnh táo của Ian, anh đã quan tâm đến cách anh ấy nói hơn là những gì Ian nói - tới tận bây giờ, khi quất Mary nhanh hơn bao giờ hết để tiến về phía Little Dunthorpe bất chấp nỗi đau ngày một găm sâu, từng lời nói đó mới trở lại, ám ảnh trong câu chuyện của Colter: Nếu cô ấy trông giống đã chết hơn. Nếu cô ấy trông giống đã chết hơn. lão bạn già này.

Nhưng đó chưa phải tất cả. Cuối buổi chiều hôm đó, khi những người làng đầu tiên bắt đầu rảo bước lên Đồi Calthorpe để tham gia tang lễ và bày tỏ lòng thành kính, Shinebone đã quay trở lại. Trông ông có vẻ mệt mỏi và uể oải; điều này cũng chẳng có gì bất ngờ đối với người đàn ông từng tuyên bố mình đã bắt tay Wellington - hay Công tước Sắt[5E] - khi ông (Shinebone, không phải Wellington) còn là một cậu bé. Geoffrey nghĩ câu chuyện Wellington dễ là có phần phóng đại, nhưng Shinny Già, theo như cách Ian gọi ông thời niên thiếu, đã chứng kiến Geoffrey trải qua mọi tật bệnh thuở thơ ấu, và thậm chí là với anh của những ngày tháng đó, Shinny dường như đã rất già rồi. Với con mắt trẻ thơ coi tất cả những ai trên hai lăm là người lớn, anh nghĩ giờ Shinny phải cỡ bảy lăm tuổi rồi.

Anh cũng già rồi anh vừa trải qua hai mươi bốn giờ đồng hồ kinh khủng và tất bật và liệu có phải ông già rệu rã vừa phạm một sai lầm không?

Một sai lầm khủng khiếp, không sao kể xiết?

Đây mới chính là suy nghĩ lớn nhất khiến anh lao ra ngoài màn trời tối lạnh và nhiều gió, dưới một vầng trăng lấp ló bất định giữa những đám mây.

Anh mà có thể phạm sai lầm như vậy ư? Một phần trong anh, phần yếu nhược và hèn nhát thà mất Misery mãi mãi còn hơn là phải đối mặt với những kết quả tất yếu của một lỗi lầm như vậy, chối bỏ điều đó. Nhưng khi Shinny bước vào...

Khi ấy Geoffrey ngồi cạnh Ian, người đang chắp nối những đoạn hồi ức đứt đoạn, không đầu đuôi chuyện anh cùng giải cứu Misery khỏi ngục tối trong cung điện của tử tước Leroux người Pháp điên cuồng, chuyện họ trốn thoát trong một toa tàu cỏ khô, và cách Misery đánh lạc hướng một cảnh vệ của tử tước vào khoảnh khắc sống còn bằng cách thò cái chân tuyệt đẹp ra khỏi đám cỏ khô và ý nhị mời gọi. Geoffrey đã khắc khoải trong ký ức của chính mình về cuộc phiêu lưu, hoàn toàn chìm đắm trong buồn thương kể từ đó, bởi với anh (và với cả Ian nữa, anh đồ là vậy), Shinny hầu như không hiện diện ở đó.

Không phải Shinny có vẻ xa cách, sốt sắng một cách kỳ lạ sao? Đó chỉ là mệt mỏi thôi, hay còn vì một lý gì đó khác... gì đó đáng nghi…?

Không, chắc chắn là không, tâm trí anh bất an phản đối. Xe ngựa phóng như bay lên đồi Calthorpe. Bản thân dinh thự trang viên đã tối, nhưng - à, may quá! - đèn trong phòng bà Ramage còn sáng.

"Nhanh nào, Mary"" anh hét lên, quật roi, nhăn mặt. "Một đoạn nữa thôi, rồi mày sẽ được nghỉ ngơi một chút.”

Chắc chắn, chắc chắn không phải những gì người đang nghĩ đâu”

Thế nhưng việc Shinny khám xương sườn gãy và vai bong gân của Geoffrey dường như chỉ là chiếu lệ, và ông ta chẳng được một lời với Ian, bất chấp nỗi buồn thương sâu sắc và tiếng anh chốc chốc lại khóc nấc lên. Không hề - sau cuộc viếng thăm không kéo dài hơn chuẩn tối thiểu nhất của quy ước xã hội Shinny khẽ hỏi: "Cô ấy…?”

"Vâng, nằm trong phòng khách" Ian dàn xếp. "Người dấu yêu tội nghiệp của tôi nằm trong phòng khách. Hôn cô ấy thay tôi nhé Shinny, và nói với cô ấy rằng tôi sẽ ở bên cô ấy sớm thôi”

Đoạn Ian lại bật khóc, và sau khi lẩm bẩm vài lời chia buồn câu được câu chăng, Shinny đi vào phòng khách. Giờ nhớ lại, Geoffrey nhận ra lão bác sĩ có vẻ ở đó khá lâu… hoặc có thể chỉ là anh nhớ nhầm. Nhưng khi bước ra, trông ông ấy khá vui vẻ, và chuyện này thì anh nhớ chắc - biểu hiện đó quá lạc lõng trong căn phòng đau buồn và đẫm nước mắt đó, giữa bốn bề rèm tang lễ đen mà bà Ramage treo lên.

Geoffrey đã đi theo ông bác sĩ và ngập ngừng nói chuyện với ông trong nhà bếp. Anh bảo, anh hy vọng bác sĩ kê cho Ian một loại thuốc ngủ, vì trông anh ấy có vẻ tiều tụy.

Thế mà Shinny lại có vẻ rất phân tâm. "Trông không giống Quý cô Evelyn-Hyde xíu nào," ông đáp. "Tôi chắc chắn chuyện đó.”

Rồi ông ấy trở ra cỗ xe song mã của mình mà chẳng mảy may hồi đáp lời nhờ cậy của Geoffrey. Geoffrey quay vào trong, quên luôn lời nhận xét kỳ quặc của bác sĩ, cho rằng những hành vi cũng kỳ quặc không kém của Shinny là do tuổi tác, sự mệt mỏi và phong cách đau buồn của riêng ông. Suy nghĩ của anh lại hướng về Ian, và anh xác định là sắp tới chẳng thuốc ngủ nào có tác dụng thì anh chỉ

cần trút whisky xuống cổ họng lan cho đến khi ông bạn tội nghiệp bất tỉnh.

Quên.. bỏ ngoài tai. Cho đến tận lúc này.

Trông không giống Quý cô Evelyn-Hyde xíu nào. Tôi chắc chắn chuyện đó.

Chuyện gì cơ?

Geoffrey không biết, nhưng anh quyết tìm cho ra, dẫu có phải trả giá bao nhiêu cho sự tỉnh táo của chính mình - và anh nhận ra mình có thể sẽ phải trả giá đắt.

CHƯƠNG 4

Bà Ramage vẫn còn thức khi Geoffrey bắt đầu đập cửa, dù lúc này đã trễ hơn giờ đi ngủ bình thường của bà hai giờ. Kể từ khi Misery qua đời, bà Ramage thấy mình càng lúc càng lùi giờ nghỉ ngơi. Nếu không thể thôi trằn trọc, chí ít bà cũng có thể trì hoãn thời điểm bà bắt đầu nó.

Dù bà là người thực tế và điềm đạm nhất so với mọi phụ nữ nhưng tiếng gõ cửa đột ngột bùng lên vẫn làm bà giật mình hét lên một tiếng, sẩy tay làm đổ sữa nóng đang trút từ nồi ra cốc và bị bỏng. Dạo này hầu như lúc nào bà cũng căng thẳng, cũng sẵn sàng hét lên. Cảm giác này không chỉ là nỗi đau buồn đơn thuần, dù bà gần như đã không chứa nổi niềm tiếc thương bên trong nữa - nó mang màu sắc kỳ lạ và giông bão mà suốt đời dài bà chưa từng trải qua. Lắm lúc với bà, việc cứ để yên không cố rạch ròi những suy nghĩ đó còn tốt hơn là để chúng vần vũ quanh bà, thoát ra khỏi vòng kiểm soát mỏi mệt của tâm trí đã thấm đẫm bi thương.

"Mười giờ rồi mà ai còn gõ cửa đấy?" bà hét vào cửa. "Dù có là ai, tôi không lấy làm biết ơn vì vết bỏng tôi vừa tự gây cho mình.”

"Tôi Geoffrey đây, thưa bà Ramage! Geoffrey Alliburton! Bà mở cửa cho, vì Chúa!”

Miệng bà Ramage há hốc và đi được nửa đường ra cửa bà mới nhớ ra mình đang mặc áo ngủ và đội mũ lưỡi trai. Bà chưa bao giờ nghe Geoffrey phát ra âm thanh như vậy, và giả như có ai buôn với bà chuyện đó hẳn bà sẽ chẳng tin. Nếu khắp nước Anh có người đàn ông nào mang trái tim hào sảng hơn cả ông chủ của bà, thì đó chính là Geoffrey - thế mà giọng nói của anh lại run rẩy như giọng một mụ đàn bà chuẩn bị đâm ra cuồng loạn.

"Tôi ra ngay đây, ngài Geoffrey! Trang phục tôi đang không được chỉnh tề!"

"Quan trọng gì đâu!" Geoffrey hét lên. "Bà không mặc tôi còn chẳng quan tâm, thưa bà Ramage! Xin mở cửa ra đi! Mở nó ra nhân danh Chúa!”

Bà chững lại một giây duy nhất, rồi tiến đến phía cánh cửa, mở khóa và đẩy nó ra. Bộ dạng của Geoffrey không chỉ làm bà choáng váng, một lần nữa bà lại nghe thấy tiếng sấm mờ mịt của những suy nghĩ đen tối đâu đó tìm lại trong đầu.

Geoffrey đứng trên ngưỡng cửa ngôi nhà của người quản gia trong một tư thế nghiêng người kỳ lạ, như thể cột sống của anh đã bị biến dạng sau nhiều năm mang theo bao tải của người bán rong. Tay phải của anh bị ép vào giữa cánh tay trái và thân trái. Tóc anh xơ xác. Đôi mắt nâu đen của anh nổi rõ trên khuôn mặt trắng bệch. Cách anh ăn mặc nhìn cũng thật ngoại lệ so với người cẩn thận phần trưng diện, đó là cách người ta hay miêu tả về phục sức của

Geoffrey Alliburton, bởi anh thường xuất hiện như vậy thật. Giờ anh mặc áo khoác hút thuốc cũ với thắt lưng lệch, sơ mi trắng phanh cổ cùng cái quần ống rộng tuềnh toàng thường dễ gặp trên đôi chân của một người làm vườn lưu động hơn là chân của người giàu có nhất Little Dunthorpe. Bàn chân anh mang độc một đôi dép lê sờn cũ.

Trang phục của bà Ramage cũng khác xa đồ vũ hội với chiếc váy ngủ dài màu trắng, đầu đội mũ ngủ lông xạ hương cùng những dải ruy băng buông thõng treo quanh mặt như viền chụp đèn. Bà nhìn anh chằm chằm với vẻ lo lắng. Phần xương sườn bị gãy khi anh cưỡi ngựa đi tìm bác sĩ ba đêm trước nay lại tái đau, điều đó là rõ ràng, nhưng đó không phải nguyên nhân duy nhất khiến mắt anh đỏ sọc và mặt thì trắng bệch ra như vậy. Nguyên nhân chính là nỗi kinh hoàng, hầu như không thể kiểm soát được.

"Ngài Geoffrey! Chuyện gì...”

"Đừng hỏi gì" anh khàn giọng đáp. "Từ từ - bà trả lời giúp tôi một câu này đã.”

"Câu gì?" Giờ thì bà kinh hãi tột độ, tay trái bà siết lại thành một nắm đấm thật chặt đặt trên phần ngực đầy đặn.

"Cái tên Quý cô Evelyn-Hyde có ý nghĩa gì với bà không?”

Đột nhiên bà nhận ra uyên nguyên của cảm giác bão tố trong bà kể từ đêm thứ Bảy. Một phần nào đó trong tâm trí bà hẳn đã có ý nghĩ khủng khiếp này và cố nén nó lại, vì bà chẳng cần anh phải giải thích gì. Chỉ cái tên của Quý cô Charlotte Evelyn-Hyde vắn số, người quá cố ở Storping-on-Firkill, ngôi làng nằm ở phía tây của Little Dunthorpe, là đủ để bà thét lên một tiếng xé lòng.

"Ôi. lạy các Thánh tôi! Ôi lạy Chúa tôi! Phu nhân đã bị chôn sống chưa? Phu nhân đã bị chôn sống à? Misery yêu quý của tôi đã bị chôn sống à?"

Và giờ đây, chẳng đợi Geoffrey kịp trả lời, đến lượt bà Ramage già rắn rỏi phải làm điều mà trước đêm đó bà chưa từng làm, cũng như sẽ chẳng bao giờ làm lại nữa: bà lăn ra ngất xỉu.

CHƯƠNG 5

Geoffrey không còn thời gian để tìm muối ngửi chữa ngất. Anh không chắc một người lính già cứng cỏi như bà Ramage lại tích trữ loại thuốc đó ở nhà. Nhưng bên dưới bồn rửa của bà, anh tìm thấy một miếng giẻ thoang thoảng mùi amoniac. Anh không chỉ đưa cái giẻ vào dưới mũi bà mà còn ấn nhẹ nó vào nửa mặt dưới. Khả năng mà Colter nêu ra, tuy mờ nhạt nhưng lại quá gớm ghiếc để xem xét một cách tử tế.

Bà giật bắn người, rên lên và mở mắt. Trong một khoảnh khắc, bà nhìn anh với vẻ bàng hoàng, hoang mang không thể hiểu nổi. Rồi bà ngồi dậy.

"Không" bà nói. "Không, ngài Geoffrey, xin hãy nói rằng ý ngài không phải, xin hãy nói điều đó không đúng sự thật"

"Tôi không biết chuyện này có đúng hay không" anh đáp. "Nhưng chúng ta phải tự mình kiểm chứng ngay lập tức. Ngay lập tức, bà Ramage à. Một mình tôi không tự đào được, nếu mà phải đào." Bà nhìn anh với ánh mắt kinh hoàng, hai tay ấn chặt miệng đến mức móng tay trắng bệch. "Bà sẽ giúp tôi chứ, nếu tôi cần giúp đỡ? Thực sự không còn ai khác đâu."

"Ông chủ của tôi" bà đáp một cách tê tái. "Quý ngài Ian, ông chủ của tôi..."

"... tuyệt đối không được biết chuyện gì cho đến khi chúng ta nắm được nhiều hơn!" Anh nói. "Nếu Chúa tốt lành, ông ấy không cần biết gì cả." Anh sẽ không nói với bà về niềm hy vọng không thành lời trong tâm trí anh, niềm hy vọng mà đối với anh dường như cũng quái dị y như nỗi sợ hãi. Nếu Chúa hết sức tốt lành, Ian sẽ được biết về chuyện đêm nay. khi người vợ và tình yêu duy nhất của anh ấy lại được trả về với anh ấy, và sự trở về của cô từ cõi chết sẽ màu nhiệm như Lazarus hồi sinh.

"Ôi, thật khủng khiếp... kinh khủng quá!" bà nói với một giọng lanh lảnh, yếu ớt. Bà bám chặt tay vào bàn, cố gượng dậy. Bà đứng dậy, lảo đảo, mấy lọn tóc nhỏ lòa xòa trên mặt xen giữa những chiếc tua lông xạ hương trên mũ lưỡi trai.

"Bà ổn chứ?" anh hỏi giọng nhẹ nhàng hơn. "Nếu không, thì tôi phải cố tự mình làm tốt nhất có thể."

Bà hít một hơi sâu rùng mình và thở ra. Bà ngừng lảo đảo. Bà quay lưng và đi về phía tủ đựng thức ăn "Trong nhà kho phía sau có hai cái xẻng" bà nói, "tôi nghĩ cũng là một lựa chọn. Hãy cứ ném chúng vào xe ngựa của ngài. Còn nửa chai rượu gin trong phòng chứa thức ăn. Nó đã nằm đây chẳng ai đụng tới kể từ khi Bill qua đời cách đây 5 năm, vào đêm Lammas. Tôi sẽ đi làm một ngụm và rồi sẽ tham gia cùng ngài, ngài Geoffrey"

"Bà là một người phụ nữ dũng cảm, thưa bà Ramage. Xin hãy nhanh chóng cho."

"Vâng, đừng dọa tôi" bà nói, đoạn nắm lấy chai rượu gin với bàn tay run nhẹ. Trên chai rượu không có lấy một hạt bụi - thậm chí cái

hộp đựng cũng không yên với cái phủi bụi không thương tiếc của bà Ramage - nhưng dòng chữ CLOUGH & POOR BOOZIERS trên nhãn đã ố vàng. "Xin ngài cũng chóng lên."

Bà luôn ghét rượu mạnh và dạ dày bà muốn tống rượu gin với mùi táo khó chịu và vị dầu ra ngoài. Bà giữ lại nó trong người. Đêm nay bà sẽ cần đến nó.

CHƯƠNG 6

Dưới những vầng mây thẫm hơn cả nền trời đen kịt đang mải miết đua nhau từ tây sang đông và mặt trăng giờ đang chạy dần về đường chân trời chiếc xe ngựa phi nhanh về phía sân nhà thờ. Lúc này bà Ramage đang điều khiển xe, quất roi vào Mary hoang mang, và nếu ngựa nói được tiếng người, nó sẽ bảo, thật sai lầm hết cả - lý ra khuya khoắt thế này tôi phải được gà gật trong cái chuồng ấm áp của mình rồi chứ. Rìu phá băng và xẻng lập cập vào nhau khô khốc, và bà Ramage nghĩ rằng ai trông thấy chúng cũng sẽ hoảng hồn - nhìn hai người họ giống như một cặp trộm mộ trong truyện của Dickens... hoặc là một kẻ trộm mộ đang ngồi trên xe ngựa điều khiển bởi một hồn ma. Bởi bà mặc nguyên cây trắng - thậm chí còn không kịp buộc lại dây áo choàng. Chiếc váy ngủ của bà bung quanh cổ chân mập mạp, đầy gân guốc, và phần đuôi mũ lưỡi trai xoè ra sau lưng.

Đã đến nhà thờ. Bà hướng Mary bẻ lái vào con đường bên mạn nhà thờ, rùng mình khi nghe âm thanh ma quái của gió thổi dọc mái hiên. Đã có lúc bà tự hỏi tại sao nơi linh thiêng như nhà thờ lại có vẻ đáng sợ như vậy khi màn đêm buông xuống, rồi bà nhận ra không

phải nhà thờ đáng sợ, mà chính chuyến đi này mới làm người ta khiếp vía.

Vừa tỉnh dậy khỏi cơn ngất xỉu, việc đầu tiên bà nghĩ là Ông chủ của bà hẳn sẽ giúp đỡ họ - chẳng phải ngài đã luôn ở đó trong mọi hoàn cảnh, từ nhỏ nhặt đến ngặt nghèo mà chẳng hề mảy may dao động đó sao? Một lúc sau bà nhận ra ý tưởng này mới thật điên rồ. Vấn đề ở đây không phải ông chủ của bà dũng cảm ra sao, mà là mức độ tỉnh táo của ngài.

Chưa cần quý ngài Geoffrey nói với bà; ký ức về Quý cô Evelyn-Hyde đã làm điều đó.

Bà nhận ra cả ngài Geoffrey và ông chủ đều không ở Little Dunthorpe khi sự tình xảy ra. Chuyện này đã từ gần nửa năm trước, vào mùa xuân. Misery vừa bước vào những tháng đầu của thai kỳ, theo cùng là ốm nghén, bụng nhô lên rõ và bao sự khó nhọc còn đang chờ phía trước, cô ấy còn vừa vui vẻ tiễn hai người đàn ông đi Oak Hall ở Doncaster chơi bời suốt cả tuần trời với nào là săn gà gô, đánh bài, bóng đá và mấy thứ ngu ngốc khác của phái nam mà chỉ trời mới biết. Ông chủ có chút phân vân, nhưng Misery đảm bảo với ngài rằng cô ấy sẽ ổn, và chỉ thiếu nước đẩy ngài ra khỏi cửa. Chuyện Misery ổn thì bà chẳng nghi ngờ gì. Thế nhưng mỗi khi Ông chủ và ngài Geoffrey đi Doncaster, bà tự hỏi liệu một trong số họ - hoặc có lẽ là cả hai - biết đâu sẽ không lành lặn trên xe kéo mà lại nằm duỗi trở về.

Oak Hall là tài sản thừa kế của Albert Fossington, bạn học của Geoffrey và Ian. Bà Ramage tin Bertie Fossington là kẻ mất trí. Ba năm trước, lão đã ăn thịt luôn con ngựa chơi Mã Cầu yêu thích của mình sau khi nó bị gãy hai chân và cần tiêu hủy. Đó là cử chỉ thể

hiện tình cảm, lão biện bạch. Lão nói thêm: "Học được từ chỗ bọn mọi ở Capetown đấy. Người Griquas[6E]. Bạn bầy kỳ khôi thật. Cứ nhét que với đủ thứ liểng xiểng vào miệng thật đấy? Vài gã trông cứ như có thể đeo tất cả mười hai tập của Hải đồ Hoàng gia trên môi dưới ha ha! Đã dạy tôi rằng mỗi người đều phải đem thứ anh ta yêu mà bỏ bụng. Khá thơ mộng theo cách rùng rợn, thật nhỉ?"

Bất chấp hành vi kỳ lạ đó, ngài Geoffrey và ông chủ vẫn giữ một niềm yêu kính lớn đối với Bertie. (Không biết điều đó có nghĩa là hai vị sẽ phải ăn thịt lão ta khi lão chết không nhỉ? Bà Ramage từng tự hỏi sau chuyến thăm Bertie, khi lão cố chơi bóng cửa với một con mèo nhà, làm vỡ toét cái đầu nhỏ tội nghiệp của nó), và họ đã dành gần mười ngày tại Oak Hall vào mùa xuân năm ngoái.

Không quá một hoặc hai ngày sau khi họ rời đi, Quý cô Charlotte Evelyn-Hyde vùng Storping-on-Firkill được tìm thấy đã tử vong trên bãi cỏ sau nhà mình, dinh thự Cove o'Birches. Gần cánh tay cô đang dang rộng còn có một bó hoa vừa hái. Bác sĩ của làng là một người đàn ông tên Billford - với đầy đủ năng lực để xử lý mọi chuyện. Thế nhưng ông vẫn vời bác sĩ già Shinebone đến để hỏi ý kiến. Billford chẩn đoán nguyên nhân tử vong là một cơn đau tim, mặc dù cô gái còn rất trẻ - mới vừa mười tám - và dường như còn đang khỏe mạnh sung sức. Billford bối rối.

Có điều gì đó không hề ổn. Shinny Già rõ ràng cũng bối rối nhưng cuối cùng thì ông cũng đồng tình với chẩn đoán này. Hầu như người làng cũng vậy, về chuyện đó - trái tim của cô gái trẻ sinh ra đã không giống với mọi người chỉ vậy thôi những chuyện như vậy rất hiếm nhưng ai cũng có thể mang máng nhớ ra một trường hợp

đáng buồn tương tự. Có lẽ chính sự đồng tình mang tính phổ quát này đã cứu rỗi việc hành nghề của Billford - nếu không phải là cái đầu của ông ta - sau cái kết ghê rợn của câu chuyện. Dù ai ai cũng đồng tình rằng cái chết của cô gái thật khó hiểu, nhưng chẳng ai lường được có thể cô ấy chưa chết.

Bốn ngày sau khi mai táng, một người phụ nữ lớn tuổi tên là Soames - bà Ramage có biết sơ sơ người này - đã thấy thứ gì đó màu trắng trên mặt nền đất của nghĩa trang nhà thờ Congregational khi bà vào đặt hoa lên mộ của chồng mình, người vừa mất mùa đông năm ngoái. Hoa không thể to vậy được, nên bà ấy chắc mẩm là một con chim chết. Càng tiến lại gần, bà càng chắc chắn vật thể màu trắng không chỉ nằm trên mà đang nhô ra khỏi mặt đất. Bà ngập ngừng bước thêm hai ba bước, rồi trông thấy một bàn tay vươn ra từ lớp đất của một ngôi mộ mới, những ngón tay đông cứng ngắc lại ở tư thế cầu xin gớm ghiếc. Các đoạn xương rớm máu lộ ra từ tất cả các đốt ngón tay cái.

Bà Soames chạy khỏi nghĩa trang trong tiếng hét thất thanh, chạy thẳng đến đường cao tốc của Storping - suốt gần một dặm rưỡi - và báo tin cho bác thợ cắt tóc, cũng đồng thời là cảnh sát địa phương. Báo xong bà gục xuống ngất xỉu. Chiều muộn hôm đó bà lên giường và nằm liệt suốt cả tháng. Chẳng ai trong làng nặng nhẹ bà lấy một lời.

Tất nhiên, thi thể của Quý cô Evelyn-Hyde bất hạnh đã được khai quật, và khi Geoffrey Alliburton giữ Mary dừng lại trước cánh cổng dẫn vào Khu nhà thờ Anh Giáo vùng Little Dunthorpe, bà Ramage thấy bản thân tha thiết ước ao mình chưa từng nghe gì về vụ khai quật. Mấy người họ đã được một phen kinh hồn bạt vía.

Bác sĩ Billford, rúng động đến từng chút của sự tỉnh táo, đã chẩn đoán chứng bắt thế[7E]. Người phụ nữ tội nghiệp dường như đã rơi vào trạng thái mê man chết chóc nào đó, giống cách các thầy tu Ấn Độ dòng Hồi giáo Mật tông tự nguyện khắc chế thân thể trước khi bị chôn sống hoặc để kim nhọn đâm xuyên da thịt. Có lẽ cô ấy đã rơi vào trạng thái xuất thần này trong bốn mươi tám hoặc sáu mươi giờ. Đủ lâu để, dù thế nào đi nữa, tỉnh dậy và nhận ra mình đang chẳng nằm ở nơi mình vừa hái hoa, mà bị chôn sống trong quan tài của chính mình.

Cô ấy đã chiến đấu một cách kiên cường vì mạng sống của mình, chính cô gái ấy, và giờ đây, khi bà Ramage theo Geoffrey đi qua các cánh cổng để chìm vào màn sương mỏng đã biến bia mộ nghiêng thành như các ốc đảo, bà nhận ra rằng thứ gì càng nên được cứu chuộc bằng sự cao khiết, tự nó càng muôn phần kinh khủng.

Cô gái ấy đã đính hôn và chỉ chờ đến lễ cưới. Trên tay trái cô - không phải cái đóng băng trên mặt đất như tay của một người phụ nữ chết đuối - là chiếc nhẫn đính hôn bằng kim cương. Cô đã dùng nó để rạch lớp vải sa tanh của quan tài và chỉ Chúa biết cô đã dùng nó để cạy nắp quan tài bằng gỗ suốt bao nhiêu giờ. Cuối cùng không khí cũng cạn kiệt, có vẻ như cô ấy đã sử dụng chiếc nhẫn trên tay trái để cắt xói và tay phải để đào. Như thế vẫn chưa đủ. Da cô ấy tím ngắt và từ đó đôi mắt đỏ máu trợn chòng chọc với cơ mặt kinh hãi tột độ.

Đồng hồ trong tháp nhà thờ bắt đầu điểm mười hai giờ - mẹ bà từng bảo đây là lúc cánh cửa ngăn giữa trần gian với cõi chết sẽ hé

mở, và người chết có thể theo đó mà đi ngược trở lại cõi người - thời khắc này tất cả những gì bà Ramage có thể làm là giữ cho mình đừng hét lên rồi chạy trốn trong cơn hoảng loạn, thứ không những không giảm mà còn lớn dần theo từng bước chân bà; nếu bà mà chạy, bà biết chắc mình sẽ chạy miết đến khi không còn thiết trời trăng gì nữa.

Thứ đàn bà đầu nhỏ còn gan thỏ! bà tự trách mình sau đó sửa lại thành: Người đàn bà đầu nhỏ gan thỏ lại chỉ nghĩ đến thân mình! Giờ bà phải nghĩ đến Ông chủ chứ không phải nỗi sợ sệt của riêng bà! Ông chủ và nếu có một cơ hội dù là nhỏ nhoi mà Phu nhân...

À, không đâu - thật là điên rồ khi nghĩ đến một điều như vậy. Đã quá lâu, quá lâu, quá lâu rồi.

Geoffrey đưa bà đến bia mộ của Misery, và hai người họ đứng nhìn xuống đó như thể bị thôi miên. Trên tảng đá viết: LỆNH BÀ CALTHORPE. Ngoài ngày sinh và ngày mất của cô chỉ có một dòng chữ duy nhất: NHIỀU NGƯỜI KÍNH YÊU.

Bà nhìn Geoffrey và nói, như người vừa tỉnh khỏi cơn mê: "Ngài chưa lấy dụng cụ”

"Không... chưa" anh trả lời, đoạn ném mình xuống và áp tai vào nền đất, nơi đám cỏ nhổ rối đã lấm tấm chồi mới.

Trong một khoảnh khắc, biểu cảm duy nhất bà nhìn thấy bằng chiếc đèn bà mang theo chính là vẻ mặt của Geoffrey khi bà mở cửa đón anh - ánh mắt sợ hãi đau đớn. Sau đó, một biểu cảm mới bắt đầu xuất hiện. Biểu cảm mới này là kinh hoàng tột cùng xen lẫn hy vọng đến loạn trí.

Anh ngước nhìn bà Ramage, mắt cứng đờ chỉ miệng là mấp máy. "Tôi tin cô ấy còn sống" anh thều thào. "Ôi, bà Ramage..”

Đột nhiên anh lật người và gào vào trong đất - trong hoàn cảnh khác, bộ dạng đó hẳn sẽ thật khôi hài "Misery! MISERY! CHÚNG TÔI TỚI RỒI! CHÚNG TÔI BIẾT RỒI! ĐỢI ĐÓ! ĐỢI Ở ĐÓ EM YÊU QUÝ!"

Anh đứng phắt dậy, chạy ngược trở lại về phía xe ngựa để lấy dụng cụ đào xới đôi chân xỏ dép lê của anh biến đường hơi trơn thành các rãnh trượt nhỏ đầy phấn khích.

Đầu gối bà Ramage bung ra và bà khuyu người về phía trước, gần như ngất xỉu một lần nữa. Đầu bà dường như tự cho phép chính nó trượt sang một bên khiến tại phải của bà ép xuống đất - bà đã nhìn thấy những đứa trẻ ở tư thế tương tự bên đường tàu khi chúng lắng nghe tiếng tàu hỏa.

Và bà nghe được - những âm thanh cào xé đau đớn trong lòng đất - đây không phải là âm thanh của một con vật đang đào hang; đây là âm thanh những ngón tay bất lực cào trên gỗ.

Bà hít vào một hơi mạnh như cơn co giật, cảm giác như xốc lại tim mình. Bà gằn giọng: "CHÚNG TÔI TỚI ĐÂY, THƯA PHU NHÂN! ƠN CHÚA TRỜI VÀ LẠY CHÚA JESUS LÒNG LÀNH LÀ CHÚNG CON ĐÃ ĐẾN KỊP - CHÚNG TÔI TỚI NGAY ĐÂY!"

Bà bắt đầu bởi những cuộn cỏ vừa bám đất ra bằng những ngón tay run rẩy của mình, và dù Geoffrey gần như quay lại ngay tắp lự, bà đã tự cào được một cái hố sâu quá hai chục phân.

7

Khi Annie bước vào phòng, anh đã viết được chín trang của Chương 7 – Geoffrey và bà Ramage cố đưa Misery ra khỏi mộ trong thời gian ngắn nhất chỉ để nhận ra người phụ nữ ấy hoàn toàn không biết họ là ai, hay bản thân mình là ai. Lần này Paul nghe được tiếng ả. Anh ngừng gõ, hơi tiếc vì bị đứt mạch giấc mơ văn.

Người đàn bà giữ sáu chương đầu tiên ở bên váy. Ả chỉ mất chưa đầy hai mươi phút để đọc hết cú nhấp đầu tiên của anh vào câu chuyện; đã cả tiếng đồng hồ kể từ khi ả lấy xấp giấy hai mươi mốt trang này. Anh chăm chăm nhìn người đàn bà, quan sát với chút hứng thú khiến Annie Wilkes có hơi tái mặt.

“Sao nào?” anh hỏi. “Hợp lý rồi chứ?”

“Vâng” ả lơ đãng đáp, như thể đây là một kết luận tất lẽ – và Paul cho là vậy. “Nó hợp lý. Và nó *hay*. Thật thú vị. Nhưng cũng thật khủng khiếp! Cuốn này chẳng hề giống bất kỳ tựa sách *Misery* nào khác. Người phụ nữ tội nghiệp đó đã cào nát các đầu ngón tay của mình...” Ả lắc đầu và lặp lại: “Nó không giống như bất kỳ cuốn Misery nào.”

Gã viết ra mấy trang này còn đang ở trong trạng thái tinh thần khủng khiếp hơn thế, người yêu dấu ạ, Paul nghĩ.

“Tôi viết tiếp nhé?” anh hỏi

“Ngài không viết tôi giết ngài ngay!” ả đáp lại, mỉm cười. Paul không cười đáp lại. Lời nhận xét này, những câu từ mà anh từng nhận được và xếp vào cùng một giuộc tầm thường với *Trông em*

ngon quá anh có thể chén em luôn được, nay lại có vẻ không tầm thường chút nào.

Thế nhưng, có điều gì đó trong thái độ của người đàn bà khi ả nép bên ngưỡng cửa đã kích thích niềm hân hoan trong anh. Cứ như thể ả hơi sợ hãi khi tiến gần lại – cứ như thể ả nghĩ ở anh có gì đó chực chờ thiêu rụi mình. Nguyên nhân của thái độ đó không phải do cuộc mai táng vội vã, và anh đủ khôn ngoan để biết điều đó. Không phải — vấn đề nằm ở sự khác biệt giữa bản thảo lần trước và lần này. Bản cũ hàm chứa đủ muôn trạng của chủ đề "Em đã làm gì trong kỳ nghỉ hè?" của một cậu học sinh lớp Tám. Bản này thì khác. Lò nung đã lên lửa. Ôi, chẳng phải văn anh đã lên tầm trác tuyệt – câu chuyện có sốt dẻo thật, nhưng các nhân vật vẫn rập khuôn và dễ đoán như mọi khi — dù ít ra lần này anh đã có thể tạo ra chút nhiệt lượng; lần này giữa luống những ngôn từ đã có sức nóng tỏa ra.

Khoái chí, anh nghĩ: *Ả cảm nhận được hơi nóng. Mình nghĩ ả sợ đến quá gần bởi lỡ đâu mình sẽ thiêu rụi ả mất.*

"Chà," anh nhẹ nhàng nói, "cô sẽ không phải giết tôi đâu, Annie ạ. Tôi *muốn* tiếp tục. Thế nên việc gì mà tôi không hoàn thiện nó?"

"Được rồi," người đàn bà đáp. Ả đưa xấp giấy cho anh, đặt chúng lên tấm ván, rồi bước nhanh về phía sau.

"Cô có muốn tôi viết tới đâu thì đọc luôn tới đó không?" anh hỏi.

Annie mỉm cười. "Có chứ! Như thế gần giống những vở kịch chương hồi tôi xem khi còn bé!"

"Chà, tôi không hứa trước là cuối mỗi chương đều sẽ có cái kết bỏ ngỏ được," anh nói. "Thể loại này không thể được."

“Với tôi thì có,” ả đáp một cách nhiệt thành. “Tôi muốn biết điều gì sẽ xảy ra trong Chương 18 ngay cả khi Chương 17 kết thúc với cảnh Misery, Ian và Geoffrey ngồi đọc báo trên ghế bành ngoài hiên. Tôi nóng lòng được biết các diễn biến tiếp theo - đừng có hé ra với tôi!” ả gay gắt nói thêm như thể Paul đã đề nghị làm thế.

“Chà, thường thì tôi không đưa ai bản thảo của mình cho đến khi hoàn thành tất cả,” anh nói, rồi mỉm cười với ả. “Nhưng vì đây là một tình huống đặc biệt, tôi sẽ rất vui khi để cô đọc từng chương một như vậy.” *Và ngàn lẻ một đêm của Paul Sheldon bắt đầu từ đó,* anh nghĩ trong đầu. “Nhưng không biết cô có thể giúp tôi việc này được không?”

“Việc gì thế?”

“Điền mấy chữ n chết tiệt này vào,” anh đáp.

Người đàn bà cười với anh rạng rỡ. “Đó là niềm hân hạnh của tôi. Giờ tôi sẽ để ngài được an tĩnh làm.”

Ả trở ra cửa, ngập ngừng ở đó, rồi quay lại. Sau đó, với sự bẽn lẽn sâu sắc và gần như đau đớn, ả đưa ra lời đề nghị biên tập đầu tiên và duy nhất. “Có lẽ đó là một con ong. ""

Anh đã đổ trọn sự chăm chú vào tờ giấy trên máy đánh chữ, tìm kiếm cái lỗ huyệt. Anh muốn đưa Misery trở lại ngôi nhà của bà Ramage trước khi dừng tay, và anh quay lại nhìn Annie với vẻ mất kiên nhẫn được ngụy trang cẩn thận. “Làm ơn nhắc lại?”

“Một con ong” người đàn bà nói, và anh thấy một vết ửng hồng lấp ló trên cổ và má ả. Chẳng mấy chốc cả tai ả cũng bừng đỏ. “Cứ mỗi mười người thì có một người bị ứng với nọc ong. Tôi gặp nhiều trường hợp lắm rồi... hồi còn làm y tá *có giấy phép hành nghề*. Triệu chứng dị ứng rất đa dạng. Có trường hợp vết đốt gây ra tình trạng

hôn mê... tương tự như những gì mọi người thường gọi là... ừm... chứng bắt thế.”

Giờ thì mặt mày ả đã đỏ đến ngả dần sang tím.

Paul lướt qua ý tưởng đó trong đầu, sau đó ném nó vào đống phế liệu. Một con ong có thể là nguyên nhân dẫn đến việc cô Evelyn-Hyde bị chôn sống đầy đáng tiếc; việc này thậm chí còn hợp lý, vì tình huống xảy ra vào giữa mùa xuân; đã thế còn ở trong vườn. Tuy nhiên, anh đã chủ trương để tính xác tín phụ thuộc vào việc hai vụ chôn cất có liên quan bằng cách nào đó, mà Misery thì ra đi trong phòng ngủ của mình. Thực ra chuyện cuối thu hầu như không phải là mùa ong không phải vấn đề chính yếu. Điều quan trọng là triệu chứng bắt thế hiếm khi xảy ra. Anh nghĩ Độc giả Trung thành sẽ không nuốt nổi chuyện hai người phụ nữ không liên quan ở hai thị trấn lân cận bị chôn sống trong vòng sáu tháng với cùng lý do bị ong đốt.

Tuy nhiên, anh không thể nói với Annie điều đó, và sợ làm ả giận không phải lý do duy nhất. Anh không thể làm vậy vì điều đó sẽ khiến ả tổn thương nặng nề, và dẫu ả đàn bà đó đã gây cho anh bao nhiêu tủi nhục, anh tự nhận thấy bản thân không thể làm tổn thương ả theo cách đó. Bản thân anh cũng từng vì chuyện tương tự mà bị tổn thương.

Anh lại dựa vào phép uyển ngữ thường gặp nhất trong các hội thảo của giới viết văn: “Có khả năng đó, được thôi. Tôi sẽ cất nhắc sau, Annie ạ, nhưng tôi đã có sẵn vài ý tưởng trong đầu. Không rõ có khớp không”

“Ồ, tôi hiểu mà – ngài mới là nhà văn, không phải tôi. Xin bỏ ngoài tai mấy lời của tôi đi. Tôi xin lỗi.”

“Đừng có...”

Nhưng ả đã kịp rời đi, lê bước nặng nề dọc hành lang ra đến phòng khách. Ánh mắt anh đọng lại giữa một khoảng vô định. Mắt anh chùng xuống – rồi lại mở to. Ở hai bên cánh cửa, cách mặt sàn cỡ hai chục phân là một vệt đen – đó là vết tích của... anh lập tức nhận ra ngay... các chốt xe lăn lúc anh cố ép nó chui lọt vào trong. Đến giờ mà ả chưa trông thấy chúng. Đã ngót cả tuần trời, và việc ả chưa trông thấy hẳn là một phép màu nhỏ. Nhưng sớm thôi – ngày mai, có khi là chiều nay luôn, ả sẽ thấy khi vào hút bụi.

Ả sẽ thấy.

Từ đó đến hết ngày Paul chẳng viết được bao nhiêu.

Lỗ huyệt đã biến mất khỏi tờ giấy.

8

Sáng hôm sau, Paul ngồi trên giường, lưng tựa vào một đống gối, uống một tách cà phê, và nhìn chú mục không rời khỏi các vết ở hai bên cánh cửa như một kẻ sát nhân trông thấy vài thứ quần áo đẫm máu mà hắn sơ ý không phi tang. Đột nhiên Annie lao vào phòng, mắt trợn trừng. Một tay ả cầm khăn lau bụi, tay còn lại cầm một cái còng tay.

“Chuyện gì...”

Anh chỉ kịp thốt lên có thể. Người đàn bà giật thốc anh và kéo anh vào tư thế ngồi thẳng. Cơn đau – cơn đau tồi tệ nhất suốt nhiều ngày – dồn dập qua chân anh, và anh hét lên. Ly cà phê văng ra khỏi tay anh và vỡ tan tành trên sàn. *Đồ đạc ở đây cứ vỡ hết cả*, anh nghĩ, và rồi: *Ả đàn bà đó đã thấy mấy cái vết rồi. Hẳn là thế. Mà có khi là từ lâu rồi.* Đó là lý giải duy nhất của anh về chuỗi hành vi kỳ lạ này – cuối cùng thì ả đã trông thấy các vết, và đây mới chỉ là khởi đầu của những hình phạt mới mẻ, rực rỡ thôi.

“*Im đi, đồ ngu*,” ả rít lên, sau đó hai tay anh bị kẹp ra phía sau, và ngay khi anh nghe được tiếng lạch cạch của cái còng, tiếng ô tô rẽ vào đường đỗ cũng lọt tới tai anh.

Anh mở miệng, toan nói hoặc có lẽ là định hét lên, thì ả đã nhét ngay chiếc giẻ vào đó trước khi anh kịp ho he. Miếng giẻ có vị tởm chết. Hãng Pledge[8E], anh đoán, hoặc Endust[9E], hay gì đó tương tự.

“Câm mồm,” ả nói, ngả người về phía anh, một tay còn đặt trên phía đối diện đầu anh, tóc lòa xòa xuống má và trán anh. “Tôi cảnh cáo ngài, Paul. Nếu có ai thấy động – hoặc *tôi* nghe thấy tiếng gì đó và *nghĩ* là lão ta cũng nghe thấy – tôi sẽ giết lão ta, hoặc bọn họ, sau đó giết ngài, rồi đến lượt tôi.”

Ả đứng dậy. Hai mắt chỉ thiếu nước lồi ra khỏi tròng. Mặt ả lã chã mồ hôi và môi còn dính vụn trứng muối.

“*Liệu hồn đấy*, Paul.”

Anh gật gật đầu nhưng ả không thấy. Ả đã chạy tuốt ra ngoài.

Có một chiếc Chevy Bel Air cũ nhưng được bảo quản tốt đã rướn lên sau chiếc Cherokee của Annie. Paul nghe thấy tiếng cửa mở ở đâu đó ngoài phòng khách và sau đó đóng sập lại. Nó phát ra tiếng kỳ quặc và khả nghi giúp anh nhận ra đó là cái tủ ả dùng đựng đồ đạc ngoài trời.

Người đàn ông bước ra khỏi xe cũng cũ kỹ và được chăm chút tốt như chính chiếc xe – một chiếc Colorado Type nếu Paul từng nhìn thấy. Ông ta trông chừng sáu mươi lăm nhưng tuổi thực có thể đã tám mươi; ông ta có thể là đối tác cấp cao của một công ty luật hoặc một chủ thầu đã nghỉ hưu của một công ty xây dựng, nhưng nhiều khả năng ông ta là một chủ trang trại hoặc một người môi giới. Ông ta có vẻ sẽ theo Đảng Cộng hòa, nhưng không dán gì trên cản xe ô tô hay xỏ một đôi giày Ý mũi nhọn; hẳn ông ta cũng là quan chức thị trấn nào đó, và đến đây vì công vụ thị trấn, bởi chỉ có việc chung của thị trấn là cái cớ duy nhất khiến một người đàn ông thể này và một người đàn bà ẩn dật như Annie Wilkes có dịp gặp gỡ.

Paul nhìn ả đàn bà tất tả bước ra đường đỗ xe, định chặn ông ta chứ chẳng niềm nở tiếp đón gì. Đoạn này giống như một phần

tưởng tượng của anh đã một mạch bước ra đời thực. Đối tượng tìm đến nhà Annie không phải cảnh sát, mà là vị nào đó có CHỨC SẮC. CHỨC SẮC mà tìm đến đây thì chẳng được bộ gì ngoài khiến anh đoản thọ.

Tại sao cô không mời ông ấy vào hả Annie? anh nghĩ, cố để không bị nghẹt thở vì giẻ rách đầy bụi. *Sao không mời ông ấy vào nhà và khoe con chim châu Phi của cô?*

Ôi thôi. Ả đàn bà ấy mà mời Quý Ngài Chức Sắc Núi Rocky vào nhà thì chẳng thà bảo ả chở Paul đến Sân bay Quốc tế Stapleton, dúi vào tay 'anh tấm vé hạng nhất, rồi tiễn anh thẳng về New York.

Chưa kịp đến nơi ả đã cất lời, hơi thở bập bùng từ miệng ả trông hệt như những bong bóng thoại trong phim hoạt họa mà bên trong chẳng có lấy một chữ. Người đàn ông chìa một bàn tay đeo găng da đen sang trọng ra. Ả khinh khỉnh liếc qua, đoạn vung vẩy một ngón tay vào mặt ông ấy, bong bóng thoại trắng tủa ra thêm từ miệng ả. Ả đàn bà đã thôi chật vật mặc áo khoác và ngừng vung vẩy ngón tay đủ lâu để cào được cái khóa kéo lên.

Người đàn ông thò tay vào túi áo khoác ngoài và lấy ra một tờ giấy. Ông ta chìa nó ra với vẻ gần như ăn năn. Dù Paul không thể biết chính xác đó là gì, nhưng anh chắc chắn Annie có một tính từ cho nó. *Giẻ rách*, có lẽ vậy.

Ả dẫn người đàn ông đi dọc đường đỗ xe, vẫn không ngừng nói chuyện. Họ vượt ra khỏi tầm nhìn của anh. Anh nhìn thấy bóng họ đổ trên tuyết như mô hình giấy thủ công. Ả cố tình làm thế, anh cay đắng nhận ra. Nếu như anh, Paul, không nhìn thấy họ, thể thì chẳng có nhẽ nào Quý ngài Rancho Grande lại nhìn xuyên cửa sổ phòng ngủ cho khách mà thấy được anh.

Hai cái bóng in trên lớp băng tuyết đang tan chảy phủ đoạn đường đỗ xe độ năm phút. Có lúc Paul nghe được Annie hét lên một tiếng giận dữ và phách lối. Với Paul, năm phút đó dài đằng đẵng. Vai anh đau nhói. Anh nhận ra mình không thể cử động cho đỡ đau. Còng hai tay anh vào với nhau xong, bằng cách nào đó ả còn buộc chúng vào ga giường.

Nhưng cái giẻ lau trong miệng anh mới là thứ tồi tệ nhất. Mùi hôi của nước đánh bóng đồ đạc làm anh nhức đầu và mỗi lúc một lợm giọng. Anh tập trung tối đa vào việc kiểm soát nó; anh chẳng hứng thú với việc bị nghẹt thở tới chết, khí quản lụt chất nôn, trong khi Annie tranh cãi với một vị quan chức thị trấn già đời – người tỉa tóc hằng tuần tại tiệm tóc lớn trong vùng và có thể sẽ mang ủng cao su bảo vệ đôi giày oxford đen suốt cả mùa đông.

Đôi giày của người đàn ông vừa lấp ló xuất hiện, mồ hôi lạnh túa đầy trên trán anh. Giờ thì Annie đang cầm tờ giấy. Ả đi theo sau ngài Rancho Grande, lắc lắc ngón tay sau lưng ông ta, và loạt bong bóng thoại rỗng đó phát ra từ đằng miệng. Ông Rancho Grande sẽ không nhìn ngang liếc dọc. Khuôn mặt ông ta trống rỗng đầy cẩn trọng. Duy chỉ có đôi môi ông ta mím chặt vào nhau đến mức gần như chẳng thấy đâu nữa là thể hiện một chút cảm xúc bên trong. Giận dữ à? Có thể lắm. Không ưa ư? Đúng vậy. Có lẽ cái đó trúng hơn.

Ông nghĩ ả là ả điên. Ông và cả hội cùng chơi poker của ông – đám người có lẽ đang kiểm soát toàn bộ sân bóng cỡ nhỏ của cả thị trấn – hoặc giả có thể chơi một ván bài Louball hay gì đó để xem ai sẽ làm việc công quyền vớ vẩn này. Chẳng ai thích báo tin dữ cho kẻ điên. Nhưng than ôi, ngài Rancho Grande ơi! Nếu ngài biết ả ta điên

tới mức nào, tôi nghĩ ngài sẽ chẳng dám quay lưng về phía ả như vậy đâu!

Ông ta đã yên vị trên chiếc Bel Air. Ông ta đóng được cửa xe. Lúc này người đàn bà đứng bên cạnh xe, lắc ngón tay trước cửa kính đã đóng, và Paul lờ mờ nghe thấy giọng ả: "... nghĩ mình thôô-ông minhhh lắ-ắm đấy!"

Chiếc Bel Air bắt đầu lùi dần xuống đường đỗ xe. Ông Rancho Grande ra vẻ không nhìn Annie đang nhe răng.

Ả vẫn lớn giọng: *"Lão nghĩ mình ghê gớm lắm đấy hả!"*

Đột nhiên, ả đàn bà sút thẳng vào cản trước trên xe của ông Rancho Grande, mạnh đến mức làm long cả mấy khối tuyết đóng trên hõm bánh xe. Ông già nhìn qua lưng phải của mình, đánh xe xuống đường đỗ. Giờ ông mới ngoái lại nhìn ả, buông bỏ sự trung lập cẩn trọng mình đã duy trì suốt cả cuộc viếng thăm.

"Ôi, để tôi nói cho lão biết nhé, đồ chim bẩn thỉu! *ĐỒ RÙA RỤT CỔ CHỨ GHÊ GỚM NỖI GÌ! Lão nghĩ sao hả? Hả?*"

Bất kể Rancho Grande nghĩ sao, ông ta cũng không để Annie được hả dạ khi chứng kiến nó – biểu cảm trung tính lại phủ lên trên mặt ông ta như tấm vải che bên ngoài áo giáp. Ông ta lùi khỏi tầm mắt Paul.

Người đàn bà đứng đó chừng một chốc, hai tay chống nạnh, rồi lững thững đi vào nhà. Anh nghe thấy tiếng cửa bếp mở ra và đóng sập lại.

Chà, ông ta đi rồi, Paul nghĩ. Ngài Rancho Grande đã khuất dạng nhưng tôi vẫn ở đây. Ô vâng, tôi vẫn ở đây.

9

Thế mà lần này ả đàn bà đó không trút giận lên anh.

Ả bước vào phòng anh, vẫn mặc áo khoác nhưng đã phanh khóa. Ả bắt đầu đi đi lại lại gấp gáp, thậm chí còn chẳng nhìn về phía anh. Mảnh giấy vẫn nằm trong tay ả, và thỉnh thoảng ả lại gần nó trước mũi mình như đang tự phạt.

“Tăng thuế mười phần trăm, lão bảo vậy! Đang đợt truy thu, lão bảo vậy! Đồ dối trá! Luật sư! Phải thanh toán hằng quý, lão bảo vậy! Quá hạn rồi! *Giẻ rách! Rác rưởi! Thứ Rác rưởi – Cứt đái – Giẻ rách!*”

Anh hừ một cái vào giẻ lau, nhưng ả không nhìn quanh. Người đàn bà này như thể đang ở trong phòng một mình. Ả đi tới đi lui nhanh hơn, phân mảnh không khí bằng thân hình đặc khít của mình. Anh cứ tưởng ả sẽ xé tan tờ giấy thành từng mảnh, nhưng có vẻ ả không dám làm thế.

“*Năm trăm lẻ sáu đô-la!*” người đàn bà hét lên, tới lần này thì khua khua tờ giấy ngay mũi anh. Ả hấp tấp giật cái giẻ trên miệng đang sắp làm anh nghẹt thở và ném xuống sàn. Anh gục đầu sang một bên, thở dốc. Cánh tay anh thõng xuống như đang tự tách mình khỏi khớp vai. “Năm trăm lẻ sáu đô-la *và mười bảy xu!* Đám đó biết tỏng tôi không muốn ai lảng vảng quanh đây mà! Tôi đã bảo bọn chúng rồi đấy chứ. Và xem đi! *Hãy xem đi!*”

Anh lại thở dốc, từ cổ họng phát ra một tiếng ợ tuyệt vọng.

“Ngài mà nôn ra thì chuẩn bị tinh thần nằm trên bãi mửa đấy. Xem ra tôi lại có một tên khốn khác cần xử lý rồi. Lão ta nói gì đó về

quyền thế chấp căn nhà này. Thế là ý gì?

“Còng tay,” anh cựa quậy.

“Rồi, rồi,” người đàn bà nói một cách thiếu kiên nhẫn. “Lắm lúc ngài cứ như trẻ con vậy.” Ả thò vào túi váy, rút chìa khóa ra đoạn đẩy anh sang trái, tới khi mũi anh bị lún vào tấm trải giường. Một tiếng lách cách, một tiếng lạch cạch, và rồi tay anh được trả tự do. Anh ngồi dậy hổn hển thở, rồi từ từ trượt xuống gối, cố đẩy thẳng chân về phía trước như anh từng làm. Cổ tay gầy guộc của anh gấp lên vài nếp nhăn nhợt nhạt. Khi anh quan sát, chúng bắt đầu chuyển sang đó.

Annie lơ đễnh nhét cái còng vào túi váy, như thể ở khắp các căn nhà đạt chuẩn, người ta đều có thể tìm thấy dụng cụ cưỡng chế của cảnh sát như tìm Kleenex hoặc móc treo áo khoác.

“Quyền thế chấp là gì?” ả hỏi lại. “Có phải họ sở hữu nhà của tôi không? Có phải thế không?”

“Không” anh đáp. “Thế nghĩa là cô...” Anh hằng giọng và vị khét của cái giẻ lau lại xộc lên. Lồng ngực anh hóp lại khi anh tiếp tục thở dốc. Người đàn bà chẳng để tâm; ả chỉ đơn giản là đứng nhìn anh chằm chằm một cách thiếu kiên nhẫn cho đến khi anh nói chuyện được. Một lát sau, anh mới nói chuyện được. “Chỉ là cô không thể bán nó thôi.”

“Chỉ á? *Chỉ ấy hả?* Quan niệm về *chỉ* của ngài hay thật đấy, ngài Paul Sheldon ạ. Nhưng thiết nghĩ mấy rắc rối của một góa phụ nghèo như tôi thì có nhằm nhò gì với Quý ông Sáng láng giàu sang như ngài.”

“Ngược lại thì đúng hơn. Tôi nghĩ rắc rối của cô cũng là rắc rối của tôi, Annie. Tôi chỉ muốn nói rằng thế chấp chưa là gì so với

những gì họ có thể làm nếu cô bị nợ thuế nghiêm trọng. Cô có nợ không?"

"Nợ thuế. Tức là nợ nhiều phải không?"

"Nợ thuế, xù thuế, bùng thuế. Đúng vậy."

"Tôi không phải bọn Ai-len ăn bám khố rách áo ôm đâu," ả hếch môi trên nói, và anh trông thấy hàm răng mỏng bong bóng. "Tôi thanh toán các hóa đơn của mình. Tôi chỉ... lần này tôi chỉ."

Cô quên, đúng chứ? Cô đã bằng bắn đi, y như cái cách cô cứ liên tục quên thay cái tờ lịch chết tiệt mãi dừng ở tháng Hai đó. Quên nộp thuế tài sản hằng quý là vấn đề nghiêm trọng hơn rất nhiều việc quên bóc lịch, và cô khó chịu vì đây là lần đầu tiên cô quên khuấy đi một chuyện lớn như vậy. Sự thật là, cô đang trở nên tồi tệ hơn, Annie à, phải vậy không? Cứ mỗi ngày lại tệ hơn một chút. Người có vấn đề về thần kinh có thể đương đầu với thế giới – một cách bình thức – và đôi khi, như tôi nghĩ cô cũng biết, họ sẽ bỏ trốn vì vài thứ đặc biệt khó chịu. Nhưng luôn tồn tại một lằn ranh giữa địa hạt của chứng rối loạn tâm thần kiểm soát được và không thể kiểm soát được. Cô đang tiến dần tới ranh giới đó mỗi ngày... và phần nào đó trong cô nhận thức được điều đó.

"Tôi còn chưa lo được tới đó," Annie ủ rũ đáp. "Có ngài ở đây làm tôi bận bịu hơn cả thợ dán tường một tay."

Một ý tưởng nảy ra trong anh – một ý thực hay. Tiềm năng mang lại điểm brownie[10E] của ý tưởng này gần như là vô hạn. "Tôi biết mà," anh nói bằng vẻ rất chân thành. "Tôi nợ cô cái mạng này, và tôi đúng là gánh nặng của cô. Tôi có đâu chừng bốn trăm đô trong ví. Tôi mong cô dùng số đó mà trả tiền thuế.

“Ôi, Paul...” người đàn bà nhìn anh, vừa bối rối vừa hài lòng. “Tôi không lấy tiền *của ngài* được đâu...”

“Đấy đâu phải của tôi,” anh đáp. Anh cười toe toét với ả, nụ cười *Ai yêu em nào bé ơi?* số một của anh. Còn trong đầu anh thì nghĩ: *Điều tôi muốn, Annie, là cô cứ nhớ nhớ quên quên vậy đi khi tôi tiếp cận được một trong số mấy con dao của cô, và tôi biết chắc tôi sẽ thao tác đủ khéo để sử dụng nó. Cô sẽ bị nướng trong lửa địa ngục mười giây trước khi nhận ra mình đã vong mạng.* “Đó là tiền của cô. Nếu muốn, cô cứ coi đó là khoản tôi trả trước.” Anh dừng lại, rồi liều lĩnh tính toán: “Nếu cô nghĩ tôi không hiểu tôi sẽ chết nếu không gặp được cô, thì cô dở thật rồi đấy.”

“Paul à... Tôi không biết...”

“Tôi nói thật mà.” Anh cho phép nụ cười của mình giãn ra thành cơ mặt chân thành trên thế thắng (hoặc là anh mong vậy, *Chúa ơi, xin hãy để nó được là thế thắng*). “Chuyện cô làm không chỉ là cứu mạng tôi đâu, cô biết mà. Cô đã cứu hai mạng – bởi nếu không có cô, Misery chắc vẫn đang nằm trong mồ.”

Đến đây, ánh mắt người đàn bà nhìn anh trở nên rạng rỡ, tờ giấy trên tay như đã bị quên khuấy.

“Và cô đã đưa đường chỉ lối cho tôi. Chỉ riêng việc đó thôi thì tôi đã nợ cô quá bốn trăm đô đó rồi. Nên nếu cô không chịu nhận tiền là tôi buồn đó.”

“Chà, tôi... được rồi. Tôi... cảm ơn ngài.”

“Tôi mới là người phải cảm ơn cô. Cho tôi xem tờ giấy đó được không?”

Người đàn bà đưa nó cho anh không hề cự nự. Đó là một tờ hóa đơn thuế quá hạn. Quyền thế chấp quanh quẩn chỉ là hình thức. Anh

lướt nhanh, rồi đưa lại.

“Cô có tiền trong ngân hàng chưa?”

Ả đánh mắt sang hướng khác. “Tôi có chút để dành, nhưng không gửi ngân hàng. Tôi không tin đám ngân hàng”

“Tờ giấy ghi nếu tới 25 tháng Ba cô không đóng thì mới bị mất quyền thế chấp. Thế hôm nay là bao nhiêu rồi?”

Người đàn bà cau mày nhìn tờ lịch. “Ôi trời ạ! Lịch sai rồi.”

Ả tháo nó xuống, và cậu bé trên xe trượt tuyết cũng biến mất theo. Paul thấy cảnh này, trong lòng dấy lên một sự tiếc nuối vô lý. Tranh lịch tháng Ba là một dòng nước trắng xóa ào ạt chảy giữa những bờ tuyết.

Ả nhìn chằm chằm vào tờ lịch một lúc và nói: “*Hôm nay* là ngày 25 tháng Ba”

Chúa ơi, muộn quá, muộn quá rồi, anh nghĩ.

“Chắc chắn rồi – thế nên hôm nay ông ta mới tới đây.” *Ý ông ta không phải là họ đã áp quyền thế chấp lên căn nhà của cô, Annie ạ – ông ta bảo họ sẽ làm vậy vào thời điểm các văn phòng thị trấn đóng cửa tối nay nếu không thấy cô ho he gì. Người đàn ông đó đang cố giúp cô*. “Nhưng nếu cô thanh toán năm trăm sáu đô-la này trước khi...”

“Và mười bảy xu,” người đàn bà quyết liệt. “Đừng quên cái mười bảy xu giẻ rách đó.”

“Được rồi, và mười bảy xu. Nếu cô không trả đủ trước khi họ đóng cửa các văn phòng thị trấn vào chiều nay, quyền thế chấp cũng mất luôn. Nếu người trong thị trấn thực sự ác cảm với cô, Annie...”

“Đám đó ghét tôi! Tất cả bọn họ đều chống lại tôi, Paul ạ!”

thì thuế là một trong những cách để họ moi tiền của cô mà. Việc giữ quyền thế chấp đúng là có chút kỳ lạ. Nó bốc mùi. Chà – nó bốc mùi thật. Nếu cô khất vài khoản thanh toán hằng quý, người ta có thể thu luôn nhà của cô – bằng cách tổ chức một cuộc đấu giá. Đây đúng là ý tưởng điên rồ, nhưng tôi đoán về lý mà nói, những động thái đó thuộc quyền hạn của họ."

Người đàn bà bật ra một tiếng cười giật cục và bốp chát. "Cứ thử xem đám đó dám không! Tôi sẽ rút ruột vài đứa trong số đó ngay! Tôi dám lắm đấy. Vâng, thưa ngài! Vâng, hẳn rồi!"

"Cuối cùng thì họ mới là người rút ruột cô," anh nói khẽ. "Nhưng đó không phải vấn đề."

"Thế vấn đề là gì?"

"Annie ạ, có khi ở Sidewinder còn có người chậm đến đôi ba năm tiền thuế. Thế mà có ai lấy nhà hoặc gia sản của họ đi đấu giá đâu. Điều tệ nhất xảy ra với mấy người đó hầu như chỉ là họ bị cắt nước. Như nhà Roydman đấy." Anh sắc sảo nhìn người đàn bà. "Cô nghĩ nhà đó đóng thuế má đúng hạn chứ?"

"Đám rác da trắng đấy hả?" ả gần như hét lên. "Ha!"

"Tôi nghĩ họ đang đâm chọc cô, Annie a." Thực ra anh cũng tin như vậy thật.

"Tôi sẽ không đi! Tôi sẽ ở lỳ đây để chọc lại đám đó. Tôi sẽ ở đây và moi mắt chúng!"

"Cô có lo được một trăm lẻ sáu đô để góp cùng bốn trăm đô trong ví tôi không?"

"Có." Trông người đàn bà bắt đầu nhẹ nhõm một cách cẩn trọng.

"Ổn rồi," anh nói. "Thế thì tôi nghĩ cô nên thanh toán cái hóa đơn thuế quái quỷ đó luôn hôm nay đi." *Và trong khi cô vắng nhà, tôi sẽ*

xem xem mình có thể xoay xở thế nào với mấy dấu vết trên cửa. Xong xuôi, tôi nghĩ là mình sẽ xem xem có cách nào để thoát khỏi đây không, Annie ạ. Tôi hơi mệt với sự hiếu khách của cô.

Anh cố gắng nở một nụ cười.

“Tôi nghĩ trong hộc tủ đầu giường thế nào chẳng có mười bảy xu,” anh nói.

10

Annie Wilkes có bộ quy tắc nội tại của riêng mình; theo cách của riêng mình, ả nghiêm trang một cách kỳ lạ. Người đàn bà đó từng bắt anh uống nước từ thùng lau nhà; từng cấm thuốc khi anh đau đớn; đã ép anh đốt bản sao duy nhất của cuốn tiểu thuyết mới; đã còng tay và nhét giẻ thấm nước đánh bóng đồ đạc vào miệng anh; nhưng ả không lấy tiền từ ví của anh. Ả mang cái ví Lord Buston cũ trầy xước anh dùng từ hồi đại học và đặt nó vào tay anh.

Toàn bộ giấy tờ tùy thân đã biến mất. Cái đó thì ả không hề đắn đo. Anh không hỏi người đàn bà về chuyện đó. Có lẽ không hỏi thì khôn ngoan hơn.

Giấy tờ tùy thân đã không cánh mà bay nhưng tiền thì còn nguyên, mấy tờ hóa đơn – khéo phải đến năm chục cái – còn sắc nét và mới nguyên. Anh nhớ như in – với sự rõ nét vừa đáng ngạc nhiên nhưng đâu đó lại đáng ngại – cảnh mình chạy chiếc Camaro đến cửa sổ tiếp lái xe của Ngân hàng Boulder trước hôm hoàn thành *Fast Cars* một ngày, bỏ tờ séc bốn trăm năm mươi đô-la vào và được thanh toán tiền mặt với xác nhận ở mặt sau trong một cái khay (có lẽ cả mấy gã dưới xí nghiệp tối tăm cũng từng nói chuyện về những kỳ nghỉ? – anh nghĩ có khả năng là thế). Người đàn ông làm điều đó từng được tự do, khỏe mạnh và phấn khởi lắm, và chẳng đủ trí tuệ để biết trân trọng bất kỳ chuyện tốt đẹp nào. Người đàn ông làm điều đó đã rạo rực nhìn cô giao dịch viên bằng ánh mắt thích thú – cô ấy cao ráo, tóc vàng, mặc bộ đầm tím nhẹ nhàng tôn dáng như

cái chạm của một nhân tình. Và cô ấy đáp lại ánh nhìn của anh... Anh tự hỏi, cô gái đó sẽ nghĩ gì về người đàn ông của bây giờ, sụt gần hai chục cân và già sọm đi hơn mười tuổi, cặp giò lại còn cong queo vô dụng đến phát tởm?

"Paul ơi?"

Anh ngước nhìn người đàn bà, một tay cầm tiền. Có bốn trăm hai mươi đô, tất cả.

“Cô gọi tôi?”

Ả đang nhìn anh bằng vẻ mặt bối rối đầy tình mẫu tử và sự dịu dàng – bối rối bởi vì có một lớp màu đen đặc khít nằm bên dưới nền.

“Ngài đang khóc hả Paul?”

Anh vuốt má mình bằng bàn tay còn lại và, đúng, có hơi ẩm ở đó. Anh mỉm cười và đưa tiền cho người đàn bà. “Một chút thôi. Tôi đang nghĩ đến chuyện cô đã đối xử tốt với tôi ra sao. Ôi, tôi đoán ngoài kia chẳng mấy ai hiểu được... nhưng tôi nghĩ tôi hiểu được.”

Đôi mắt ả sáng lấp lánh khi nghiêng người về phía trước và nhẹ nhàng chạm vào môi anh. Anh ngửi thấy mùi gì đó trong hơi thở người đàn bà, thứ mùi từ căn phòng tối và chua bên trong ả, thứ mùi như mùi cá chết. Nó còn tệ hơn giẻ lau bụi gấp ngàn lần cả về mùi và vị. Nó móc một đoạn ký ức về hơi thở chua lét lên

(thở đi, mẹ kiếp THỞ ĐI!)

thứ đã chạy dọc cổ họng anh như một đợt gió dơ bẩn từ địa ngục. Bụng anh quặn lên, nhưng anh đáp lại ả bằng một nụ cười.

“Tôi yêu ngài, ngài thương mến,” ả nói.

“Cô có thể đặt tôi lên xe lăn trước khi đi không? Tôi muốn viết.”

“Tất nhiên rồi.” Ả ôm chầm lấy anh. “Tất nhiên rồi, ngài thương mến.”

11

Sự dịu dàng ấy chưa đến được mức ả cứ để cửa không khóa, nhưng thế cũng chẳng có vấn đề gì. Lần này cơn đau và cơn đói thuốc chẳng dằn vặt gì anh. Anh đã nhặt nhạnh được bốn cái ghim tóc của người đàn bà, hăng hái như cách một con sóc gom góp các loại hạt cho mùa đông, rồi giấu biến chúng dưới đệm cùng mấy viên thuốc.

Khi chắc chắn ả đã đi hẳn thay vì quanh quẩn rình xem anh có "giở trò con bò" không (một thuyết Wilkesism khác dành cho việc mở mang vốn từ của anh), anh lăn xe lăn xuống cuối giường, lấy mấy cái ghim tăm ra, cùng bình nước và hộp Kleenex trên tủ đầu giường. Điều khiển xe lăn trong khi cái máy đánh chữ Royal vẫn chễm chệ trên tấm ván trước mặt cũng không khó lắm – hai cánh tay anh giờ đã có lực hơn nhiều. Annie Wilkes hẳn sẽ phải ngạc nhiên khi biết giờ chúng khỏe thế nào – và anh thật lòng hy vọng một ngày nào đó sớm thôi ả sẽ được nếm thử.

Máy đánh chữ Royal là một công cụ viết cực tệ, nhưng lại là công cụ tập thể dục tuyệt vời. Anh bắt đầu nâng lên hạ xuống cái máy đánh chữ mỗi khi anh ngồi vào ghế lăn đằng sau nó và người đàn bà rời phòng. Mới đầu anh chỉ nhấc được độ cách mặt bàn chừng mười lăm phân. Giờ anh làm được mười tám đến hai chục cái liền. Kể cũng không tệ so với cái máy của nợ nặng ít nhất hai chục cân.

Anh xoay xở mở ổ khóa bằng một cái ghim tăm, ngậm hai chiếc chưa dùng tới trong miệng như cô thợ may đang chạy viền váy. Anh nghĩ trong ổ khóa vẫn còn mảnh ghim tóc và biến công anh thành công cốc, nhưng không. Anh gần như chạm trúng cái lẫy ngay lập tức và đẩy nó lên, kéo lưỡi gà của ổ khóa ra cùng. Anh chỉ có một khoảnh khắc để tự hỏi liệu có phải ả đàn bà đó cũng không đóng chốt phía bên ngoài luôn không – anh đã phải cố tỏ vẻ ốm yếu hơn cảm giác thật sự của mình, nhưng loại nghi hoặc của người thực sự bị hoang tưởng lan rộng và chạy sâu. Rồi cửa mở ra.

Cùng lúc cảm giác tội lỗi lo lắng ập đến và thôi thúc anh phải nhanh tay lên. Tai anh nghe được tiếng Bessie Già trở về – dù ả mới chỉ đi được chừng bốn mươi lăm phút – anh lấy một chút Kleenex, nhúng miếng bông vào bình đựng, đoạn lúng túng củi xuống một bên với khối ẩm ướt trên tay. Nghiến răng và phớt lờ cơn đau, anh bắt đầu cọ các vết ở phía bên phải của cánh cửa.

Trước sự nhẹ nhõm mãnh liệt của anh, cái vết bắt đầu mờ đi gần như ngay lập tức. Trục bánh xe lăn không rạch hẳn lớp sơn, như anh từng lo sợ, mà chỉ làm xước nó.

Anh lùi ra xa cánh cửa, xoay xe lăn và lùi lại để cọ nốt cái dấu còn lại. Chừng đã làm tất cả những gì mình có thể, anh lại quay lại và nhìn cánh cửa, cố gắng xem xét bằng đôi mắt tỉ mỉ đầy nghi kỵ của Annie. Mấy cái vết vẫn còn – nhưng mờ tịt, gần như không thể phát hiện. Anh nghĩ mình sẽ không sao đâu.

Anh *hy vọng* mình sẽ không sao.

“Những căn hầm trú bão,” anh nói, liếm môi và cười khan. “Cái quái gì vậy, bạn bè với bà con khối phố.”

Anh tiến lại gần cánh cửa và nhìn ra hành lang – nhưng giờ đây khi mấy cái vết biến mất, anh không cảm thấy thôi thúc phải đi xa hơn mà cũng chẳng dám đi nhiều hơn vào ngày hôm nay. Để hôm khác, ừ. Khi ngày đó đến, anh sẽ nhận ra nó.

Điều anh muốn làm bây giờ là viết.

Anh đóng cửa lại, và ổ khóa lạch cạch kêu lớn.

Châu Phi.

Quê hương của con chim đó là châu Phi.

Nhưng mày không được khóc vì con chim đó, Paulie, vì chỉ một thời gian sau nó đã quên mất âm thanh của thảo nguyên vào buổi trưa, tiếng linh dương đầu bò bên nguồn nước, và mùi chua của đám cây ieka-ieka vùng phía bắc rộng lớn và quang thoảng của Big Road. Chỉ một thời gian sau, nó quên mất ánh sáng của mặt trời gục xuống sau dãy Kilimanjaro. Chỉ một thời gian sau, hoàng hôn duy nhất mà nó biết đến là cảnh mịt mù sương khói của Boston, đó là tất cả những gì nó nhớ và tất cả những gì nó muốn nhớ. Chỉ một thời gian sau, nó không còn muốn quay trở lại nữa, và nếu có ai đưa nó về rồi thả nó ra, nó sẽ chỉ thu mình lại một chỗ, sợ hãi, đau đớn và nhớ nhà theo hai hướng vô định và kinh khủng, cho đến khi thứ gì đó ập đến và giết chết nó.

“Ôi, châu Phi, ôi, chết tiệt,” anh run rẩy nói.

Khóc xong, anh lăn xe lăn đến sọt rác của mình và chôn đống giấy ướt Kleenex dưới lớp giấy vụn. Anh di chuyển lại xe lăn về bên cửa sổ và cuộn một tờ giấy vào cái máy Royal.

Và nhân tiện, Paulie ơi, tấm cản xe của mày đã lộ ra khỏi lớp tuyết chưa? Có phải nó đang nhô ra, lấp lánh rực rỡ dưới ánh mặt

trời, chỉ chờ ai đó đi qua và trông thấy trong khi mày ngồi đây lãng phí những gì có thể là cơ hội cuối cùng của mày?

Anh nghi hoặc nhìn tờ giấy trắng trơn trong máy đánh chữ.

Dù sao giờ tôi cũng không thể viết được. Viết bây giờ thì hỏng mất.

Nhưng xưa nay chưa có thứ gì từng hủy hoại việc viết. Bằng cách nào đó, nó có thể không còn lành lặn, anh biết thế, nhưng bất chấp sự mong manh mà ai cũng biết của sự sáng tạo, viết vẫn luôn là việc mạnh mẽ nhất, kiên trì nhất, trong cuộc đời anh – chưa từng có thứ gì làm ô nhiễm được cái giếng điên rồ của những mộng mơ đó: không rượu, không thuốc, không cả cơn đau. Giờ anh trốn chạy đến bên cái giếng đó, như con thú khát tìm ngụm nước mát lúc chạng vạng, và anh uống cạn nó; có nghĩa là anh đã tìm được lỗ thỏ trên tờ giấy và may mắn rơi qua nó. Khi Annie trở về nhà lúc sáu giờ kém mười lăm, anh đã viết được gần năm trang.

12

Trong ba tuần tiếp theo, Paul Sheldon thấy mình bị bủa vây bởi sự bình yên kỳ quái và năng suất. Miệng anh lúc nào cũng khô. Âm thanh nào cũng to quá trớn. Có ngày anh cảm giác mình có thể bẻ cong mấy cái thìa chỉ bằng cách nhìn vào chúng. Có ngày, anh lại cảm thấy muốn khóc lóc điên cuồng.

Ngoài mặt, tách biệt với bầu không khí và mặc kệ vết ngứa ran khó chịu ở đôi chân anh đang lành, điều thanh thản của riêng nó, thì công việc vẫn tiếp diễn. Xấp giấy bên phải chiếc Royal cứ cao dần đều. Trước khi trải nghiệm kỳ lạ này xảy đến, anh đã nghĩ mỗi ngày mình viết được bốn trang là nhiều nhất (với *Fast Cars* thường là ba trang – và trong suốt nhiều ngày chỉ có hai trang – trước khi chạy nước rút hoàn thành cuối cùng). Nhưng trong chừng ba tuần năng suất đánh dấu kết thúc bằng cơn mưa ngày 15 tháng Tư, Paul viết trung bình được mười hai trang một ngày – bảy trang vào buổi sáng, năm trang nữa vào buổi tối. Lúc trước nếu có ai (vì anh từng nghĩ về điều đó mà còn không nhận ra) đề nghị anh làm việc với tốc độ như vậy, hẳn Paul sẽ phá lên cười. Khi cơn mưa bắt đầu rơi, anh có hai trăm sáu mươi bảy trang trong cuốn *Sự trở lại của Misery* – đây chắc chắn chỉ là bản nháp đầu, nhưng anh đã xem qua và nghĩ nó sạch sẽ một cách đáng kinh ngạc so với một bản đầu tiên.

Lý do một phần là vì anh đang sống nghiêm chỉnh một cách đáng kinh ngạc. Không còn những đêm dài mông lung la cà quán bar, không còn những ngày dài luẩn quẩn ngồi cà phê, nước cam và

ngấu nghiến viên vitamin-B (những ngày mà nếu liếc nhìn quá nhiều vào máy đánh chữ, anh sẽ rùng mình quay đi). Không còn những tinh mơ thức dậy cạnh một cô nàng tóc đỏ hay vàng hoe anh bắt cặp đâu đó vào đêm hôm trước – một cô ả mà trước nửa đêm trông còn như nữ hoàng, đến mười giờ sáng hôm sau nhìn chẳng khác một con yêu tinh. Không còn cả thuốc lá. Anh từng thử xin người đàn bà bằng giọng rụt rè và ngập ngừng, rồi ả ném cho anh một cái nhìn tăm tối đến mức anh ngay lập tức bảo ả thôi bỏ đi. Anh là Quý ngài Sạch sẽ. Không có thói quen xấu (ngoại trừ chứng nghiện codeine, tất nhiên, mà vẫn chưa cải thiện được chút gì, đúng không, Paul?), không bị sao nhãng. Có lần anh nghĩ, m*ình đúng là gã duy nhất trên thế gian mang nét tu tập vào đường nghiện ngập.* Bảy giờ dậy. Làm hai viên Novril với cốc nước ép. Tám giờ đồ ăn sáng lên, phục vụ tại giường theo cung cách *quý ông*. Một quả trứng, luộc hoặc bác, tuần ba bữa. Bốn ngày còn lại là ngũ cốc bổ sung chất xơ. Rồi lên xe lăn. Lăn ra cửa sổ. Tìm lỗ trên giấy. Du hành đến thế kỷ XIX, khi đàn ông còn là đàn ông và phụ nữ mặc váy bustle[11E]. Ăn trưa. Ngủ trưa. Lại dậy, thỉnh thoảng chỉnh sửa chỗ này chỗ kia, thỉnh thoảng chỉ đọc sách. Người đàn bà đó có không thiếu thứ gì mà Somerset Maugham từng viết (một lần Paul hoang mang tự hỏi liệu ả có tiểu thuyết đầu tay của John Fowles trên kệ không và quyết định là không hỏi thì hơn), và Paul bắt đầu đọc sạch hai mươi tập sách toàn truyện tình của Maugham, rồi đâm ra mê những thấu suốt khiêm cung của tác giả về giá trị câu chuyện. Nhiều năm nay, Paul ngày càng chấp nhận sự thật rằng anh không thể đọc truyện như hồi còn nhỏ; bằng cách tự mình trở thành người viết truyện, anh đã tự

gắn mình vào một cuộc đời phê bình mổ xẻ. Nhưng Maugham đã quyến rũ anh trước rồi lần nữa biến anh thành một đứa trẻ, và điều đó thật tuyệt vời. Đến năm giờ, người đàn bà sẽ phục vụ anh một bữa tối nhẹ, và sẽ đẩy anh về phía cái TV đen trắng để cả hai cùng xem *M * A *S * H *** với *WKRP ở Cincinnati*. Khi hết mấy chương trình đó, Paul sẽ viết. Xong việc rồi, anh sẽ lăn từ từ về giường (đáng ra anh có thể đi nhanh hơn nhiều, nhưng cũng vì thế mà Annie không nên biết điều đó). Người đàn bà nghe thấy tiếng đó sẽ bước vào và dìu anh lên giường. Lại thêm thuốc. Bùm. Đặt lưng xuống là ngủ luôn. Ngày hôm sau lại thế. Sau nữa cũng thế. Sau nữa nữa vẫn thế.

Việc sống thẳng tắp như mũi tên là một phần nguyên do dẫn đến sự mắn viết đáng kinh ngạc này, nhưng chính Annie mới là nguyên do to hơn. Sau tất cả, chính gợi ý ngập ngừng của ả về vết ong đốt đã định hình cuốn sách và khiến nó trở nên cấp thiết trong khi Paul từng rốt ráo tin rằng mình chẳng bao giờ thấy cấp thiết cần viết về Misery nữa.

Mới đầu anh đã rất chắc chắn về một điều: thực sự sẽ không có phần *Sự trở lại của Misery*. Anh chỉ tập trung thần trí vào việc đưa ả điếm ra khỏi nấm mồ mà không lập lờ gian lận trước khi Annie quyết định truyền cảm hứng cho anh bằng một viên thuốc xổ với một nắm dao Ginsu. Những vấn đề nhỏ nhặt khác chẳng hạn như cuốn sách chết tiệt này sẽ kể cái quái gì thì cứ để tính sau cũng được.

Trong hai ngày sau khi Annie vào thị trấn để thanh toán hóa đơn thuế, Paul cố quên đi việc anh đã không tận dụng được cơ hội vàng để trốn thoát, mà thay vào đó là tập trung đưa Misery trở lại nhà bà Ramage. Đưa cô ả đến nhà Geoffrey thì không ổn. Đám người hầu

– nhất là người quản gia hay đưa chuyện nhất của Geoffrey, Tyler – sẽ trông thấy và lan truyền tin tức. Chưa kể, anh cũng cần thiết lập tình trạng mất trí nhớ hoàn toàn do cú sốc bị chôn sống. Mất trí nhớ? Chết tiệt, con ả gần như chẳng nói được gì. Vẫn còn nhẹ chán so với những trắc trở bình thường của Misery.

Thế... giờ viết gì tiếp nhỉ? Con ả đã chui ra khỏi mồ, rồi giờ chuyện chết tiệt gì sẽ xảy ra tiếp? Geoffrey và bà Ramage có nên nói với Ian rằng Misery vẫn còn sống không? Paul nghĩ là không nên nhưng anh cũng không chắc – việc không chắc chắn về tình tiết, anh biết, là góc luyện ngục tẻ ngắt dành riêng cho mấy tay viết phóng nhanh nhưng chẳng biết mình đang đi về đâu.

Không phải Ian, anh nghĩ, đoạn nhìn ra ngoài nhà kho. Không phải Ian, chưa phải. Phải là bác sĩ trước. Thằng khốn già mà tên có cả đống chữ n, Shinebone.

Ý nghĩ về bác sĩ làm anh lại nghĩ đến nhận xét của Annie về vết ong đốt, mà đây cũng không phải lần đầu tiên. Nó cứ trở đi trở lại vào những khoảnh khắc kỳ quặc. *Cứ chục người thì có một người...*

Nhưng không trùng hợp vậy được. Hai người phụ nữ không liên quan, ở hai thị trấn cạnh nhau, bị dị ứng với vết ong đốt giống hệt nhau?

Ba ngày sau cuộc Bảo lãnh Thuế Vĩ đại của Annie Wilkes, Paul đang ngủ trưa thì mấy gã ở dưới vùng khổ sai bắt đầu gây chuyện, và gây ra chuyện lớn. Lần này không phải là pháo sáng nữa mà là một vụ nổ bom H.

Anh ngồi thẳng trên giường, phớt lờ cơn đau nhói đang bùng lên ở hai chân.

"*Annie ơi!*" anh gọi thất thanh. "*Annie, vào đây đi!*"

Anh nghe thấy tiếng người đàn bà huỳnh huỳnh xuống cầu thang hai cái cùng lúc rồi chạy dọc hành lang. Mắt ả mở to và sợ hãi chạy vào.

“Paul! Sao thế? Ngài bị chuột rút à. Ngài có...”

“Không,” anh nói, nhưng tất nhiên anh có bị; *đầu óc* anh bị chuột rút. “Không. Annie, tôi xin lỗi nếu làm cô hoảng, nhưng cô phải đỡ tôi vào xe lăn. Bà mẹ nhà nó trời đất! Tôi bắt được rồi.” Từ tục đáng sợ đã phóng ra ngoài trước khi anh kịp kìm lại, nhưng lần này đó không phải vấn đề – ả nhìn anh đầy kính cẩn, và chẳng có lấy chút ngạc nhiên. Đây là phiên bản thể tục của ngọn lửa Ngũ Tuần, đang bùng cháy ngay trước mắt người đàn bà.

“Tất nhiên rồi, Paul.”

Ả đưa anh vào xe lăn nhanh nhất có thể. Ả bắt đầu đẩy xe lăn về phía cửa sổ và Paul lắc đầu sốt ruột. “Việc này sẽ không mất nhiều thời gian đâu,” anh nói, “nhưng rất quan trọng”

“Có phải là về cuốn sách không?”

“Về cuốn sách. Trật tự đi. Đừng có nói chuyện với tôi.” Bỏ qua máy đánh chữ – anh không bao giờ dùng máy đánh chữ để ghi chú – anh với lấy một cái bút bi và nhanh chóng viết đầy tờ giấy bằng nét nguệch ngoạc mà chắc chỉ có anh chứ chẳng ai đọc được.

Hai người đó có liên quan. Chính những con ong và nọc độc đã gây độc cho họ cùng một kiểu là bởi hai người có liên hệ máu mủ. Misery là trẻ mồ côi và đoán xem? Cô em Evelyn Hyde chính là CHỊ EM GÁI CỦA MISERY! Hoặc có thể là chị em cùng cha khác mẹ Ý đó có lẽ sẽ hợp lý hơn. Ai là người nhận ra được ý đó đầu tiên? Shinny c? Không. Shinny là gã ngu xuẩn Bà R Bà ta có thể đi gặp Charl. Mẹ của E-H và

Và giờ anh bị hạ gục bởi sự đang yêu cực độ đó – ít nhất là về mặt cốt truyện – đến mức anh ngước lên, miệng hả, mắt mở to.

“Paul ơi?” Annie lo lắng hỏi.

“Bà ấy *biết*,” Paul thì thầm. “*Dĩ nhiên* là bà ấy biết. Ít nhất cũng đầy ngờ vực. Nhưng…”

Anh lại cúi xuống ghi chép.

Bà R ngay lập tức nhận ra bà E-H đã biết M. có liên quan đến ngai bài Tóc giống nhau hay gì đó. Nhớ là mẹ của E-H sẽ bắt đầu trở thành nvật trung tâm. Mình sẽ cần xây dựng về bà tại Bà R bắt đầu nhận ra Bà E-H THẬM CHÍ CÓ THỂ ĐÃ BIẾT MISERY ĐÃ BỊ CHÔN SỐNG RỒI! ĐỈNH CỦA CHÓP! MÊ QUÁ Giả sử bà già đoán Misery là tàn dư của những ngày chơi xong bỏ của bà ta và Anh đặt bút xuống, nhìn vào tờ giấy, rồi lại từ từ cầm bút lên và viết nguệch ngoạc thêm vài dòng.

Ba điểm cần thiết

1. Bà E-H phản ứng như thế nào trước những nghi ngờ của bà R? Bà ta sẽ bừng bừng sát khí hoặc sợ rúm Mình thích sự hơn nhưng A.W chắc thích sát khí hơn, nên ok sát

2. Làm thế nào để lan tham gia được vào chuyện này?

3. Misery mất trí nhớ?

Ồ, và đây là một điểm để phát triển lên. Liệu Misery có phát hiện ra mẹ mình sống với khả năng không chỉ một mà hai con gái của mụ bị chôn sống mà không lên tiếng?

Tại sao không lên tiếng?

“Giờ cô có thể cho tôi về giường luôn nếu cô muốn,” Paul nói. “Nếu cô phải nghe tôi cáu kỉnh, tôi xin lỗi. Tôi chỉ mừng quá thôi.”

“Ổn cả mà Paul.” Giọng người đàn bà nghe vẫn còn sợ hãi.

Kể từ đó, tác phẩm này được phát triển theo hướng rất hay. Annie đã đúng; câu chuyện thành ra lại hay hơn tất cả những tập *Misery* khác – chương đầu tiên không phải một vận may mà là một điềm báo. Nhưng cốt truyện của cuốn này cũng phong phú hơn bất kỳ tiểu thuyết *Misery* nào kể từ phần đầu tiên, và các nhân vật cũng sống động hơn. Ba tập *Misery* gần đây giống những câu chuyện phiêu lưu đơn giản với lắm đoạn giao hoan được mô tả táo bạo để vuốt ve các quý cô hơn một chút. Cuốn sách này, anh bắt đầu hiểu ra, là một tiểu thuyết gothic, vì thế dựa nhiều vào cốt truyện hơn là vào tình tiết. Thử thách vẫn luôn còn đó. Đó không chỉ là câu hỏi *Bạn có thể không?* để bắt đầu viết nữa – lần đầu tiên sau nhiều năm, *Bạn có thể không?* trở thành chuyện mỗi ngày... và anh đang nhận ra mình *có thể.*

Rồi cơn mưa đến và mọi thứ thay đổi.

13

Từ ngày 8 đến ngày 14 tháng Tư, họ liên tiếp được tận hưởng thời tiết đẹp. Từ bầu trời không một gợn mây, mặt trời chiếu xuống và sưởi không gian xung quanh họ lên chừng mười lăm độ. Những mảng màu nâu bắt đầu xuất hiện trên cánh đồng phía sau chuồng trại màu đỏ gọn gàng của Annie. Paul vùi mình vào việc viết và cố gắng không nghĩ về chiếc xe của mình, thời hạn phát hiện ra chiếc xe đã quá mất. Công việc của anh không bị ảnh hưởng gì, nhưng tâm trạng của anh thì có; càng ngày anh càng thấy mình đang sống trong một buồng mây, hít thở bầu không khí đặc quánh bởi dòng điện vô song. Bất cứ khi nào chiếc Camaro đánh cắp ý tưởng của anh, ngay lập tức anh sẽ gọi cho Cảnh sát Não và suy nghĩ đó bị còng cả tay lẫn chân. Khó chịu ở chỗ, thứ rắc rối đó cứ tìm cách trốn được ra hết lần này tới lần khác, với đủ mọi dạng thức.

Một đêm anh mơ thấy Ngài Rancho Grande quay lại chỗ Annie. Ông ta ra khỏi chiếc Chevrolet Bel Air được giữ gìn cẩn thận, một tay giữ mảnh cản của chiếc Camaro và tay kia cầm vô lăng. *Những thứ này có phải của cô không?* ông ta hỏi Annie trong giấc mơ.

Paul đã tỉnh dậy với tâm trạng không mấy vui vẻ.

Trái lại, tinh thần Annie chưa bao giờ tốt đến vậy trong suốt cả tuần đầu xuân đầy nắng đó. Người đàn bà dọn dẹp; ả nấu những bữa ăn đầy đặn hơn (dẫu món nào món đấy đẫm vị công nghiệp một cách kỳ lạ, như thể nhiều năm ăn trong nhà ăn bệnh viện bằng cách nào đó đã làm hỏng tài nấu nướng mà ả có thể từng có); mỗi buổi

chiều, ả cuốn Paul trong một chiếc chăn lớn màu xanh lam, đội mũ lưỡi trai màu xanh lá cây vào đầu anh, và lăn xe đưa anh ra hiên sau.

Vào những dịp đó, anh thường dẫn Maugham đi cùng, nhưng hiếm khi đọc – việc được ra ngoài lần nữa lại là một trải nghiệm quá tuyệt vời để anh cho phép mình tập trung nhiều vào những việc khác. Hầu như anh chỉ ngồi đó, ngửi không khí mát dịu thay vì thứ mùi bí rì, hôi thối của phòng ngủ, lặng lẽ với làn da xanh của người bệnh, lắng nghe tiếng nhỏ giọt của những viên băng, và lặng nhìn những bóng mây cuộn chầm chậm và đều đặn trên cánh đồng đang tan chảy. Đấy là điều tuyệt nhất.

Annie đã hát bằng giọng hát đúng nhịp nhưng sai điệu đến lạ lùng của mình. Ả cười khúc khích như một đứa trẻ trước những câu chuyện cười trên *M *A *S * H *** và *WKRP*, đặc biệt cười ngặt nghẽo trước những câu đùa hơi lạc quẻ (mà trong trường hợp của WKRP, phần lớn toàn những câu đùa như thế). Ả điền chữ *n* không mệt mỏi khi Paul hoàn thành Chương 9 và 10.

Buổi sáng ngày 15 đầy gió và mây mù mịt, và Annie đã thay đổi. Có lẽ, Paul nghĩ, phong vũ biểu đang tụt rồi. Đó là lời giải thích hợp lý như mọi lời giải thích.

Đến tận chín giờ ả mới mang thuốc cho anh, và tới lúc đó anh thấy cần kíp lắm rồi – cần đến mức anh đã nghĩ đến chuyện dùng đồ dự trữ. Không có bữa sáng. Chỉ có độc mấy viên thuốc. Khi người đàn bà bước vào, ả vẫn còn mặc chiếc áo choàng chần bông màu hồng. Anh nhận ra cùng một mối nghi ngại sâu sắc về những vết đỏ như vết thương trên má và cánh tay ả. Anh cũng thấy thức ăn vương vãi trên tấm lót chuồng, và ả chỉ kịp xỏ một chiếc dép. *Thình*

thịch, tiếng chân Annie khi ả tiến về phía anh. *Thình thịch, thình thịch, thình thịch.* Tóc người đàn bà xõa dài trên mặt. Đôi mắt ả đờ đẫn.

“Đây.” Ả ném những viên thuốc vào anh. Tay ả cũng dính đầy những vệt nhớp nháp đủ màu. Cái đỏ, cái nâu, cái trắng. Paul không biết chúng là gì. Anh không chắc mình muốn biết. Mấy viên thuốc đập vào ngực và dội vào lòng anh. Người đàn bà quay người định đi. *Thình thịch, thịch thịch, thịch thịch.*

"Annie?”

Ả dừng lại, nhưng không quay lại. Ả trông đồ sộ hơn với cái áo choàng hồng khoác hờ trên vai, tóc tai bù xù như một chiếc mũ bảo hiểm bị đập nát. Bộ dạng của ả không khác gì một người phụ nữ Piltdown đang nhìn chằm chằm ra khỏi hang động của mình.

“Annie à, cô không sao chứ?”

“Không” ả thờ ơ đáp, và quay lại. Người đàn bà nhìn anh với biểu cảm của một kẻ si độn khi ả tự kẹp môi dưới của mình vào giữa ngón cái và ngón trỏ của bàn tay phải. Ả kéo nó ra và sau đó xoắn nó, đồng thời vặn xéo vào trong. Đầu tiên máu chảy ra từ giữa môi và sau đó chảy xuống cằm. Ả quay lưng bỏ đi mà không nói một lời nào, trước khi tâm trí choáng váng của anh có thể thuyết phục bản thân rằng anh đã thực sự thấy ả làm vậy. Ả đã đóng cửa... và khóa nó. Anh nghe thấy tiếng ả lê bước xuống hành lang đến phòng khách. Anh nghe thấy tiếng cạch cạch trên chiếc ghế yêu thích của ả khi ả ngồi xuống. Không có thêm gì nữa. Không TV. Không hát. Không có tiếng *lách cách* của bạc trên đồ sành sứ. Không gì cả, người đàn bà ấy chỉ ngồi đó. Chỉ ngồi thôi là không ổn rồi.

Sau đó, một âm thanh phát ra. Nó không lặp lại, nhưng nó hoàn toàn đặc biệt. Đó là một cái tát. Một cái tát cực mạnh. Và vì anh ở đây với một phía của cánh cửa bị khóa và ả ở phía bên kia của nó, anh không cần phải là Sherlock Holmes để nhận ra ả đã tự tát mình. Đanh và mạnh, nghe tiếng là biết. Anh tưởng tượng ả kéo môi ra, cắm móng tay ngắn ngủn vào thịt hồng mỏng manh trên môi.

Anh chợt nhớ đến một ghi chú về căn bệnh tâm thần mà anh đã lưu lại cho cuốn sách *Misery* đầu tiên, trong đó phần lớn các cảnh hành động được lấy bối cảnh tại bệnh viện Bedlam ở London (Misery đã bị một tên ác nhân ghen tuông điên cuồng giải đến đó). *Khi một nhân cách hưng cảm bắt đầu trượt sâu vào giai đoạn trầm cảm, anh từng viết, một triệu chứng mà anh ta hoặc cô ta có thể biểu hiện là các hành vi tự trừng phạt: tát, đấm, véo, đốt bản thân bằng tàn thuốc, v.v.*

Anh đột nhiên rùng mình.

14

Paul nhớ đến một bài luận của Edmund Wilson, trong đó Wilson đã nói, bằng cử chỉ miễn cưỡng đặc trưng, rằng tiêu chí của Wordsworth về việc viết ra một bài thơ hay – gợi được cảm xúc mạnh mẽ trong quãng thời gian an yên – cũng áp dụng được cho hầu hết các tiểu thuyết kịch tính. Điều đó chắc là đúng. Paul từng biết có những nhà văn không còn viết nổi văn sau mấy cuộc chồng vợ cãi cọ chuyện lông gà vỏ tỏi, bởi anh ta thường không thể viết nổi khi đang buồn. Nhưng có những lúc, một loại hiệu ứng ngược lại xảy ra – có những lúc anh đi làm không chỉ bởi cần hoàn thành công việc mà vì đó là cách để thoát khỏi bất cứ điều gì đang khiến anh khó chịu. Có những dịp mà xử lý chính nguyên nhân gây ra khó chịu nằm ngoài khả năng của anh.

Đây là một trong những dịp như thế. Khi người đàn bà vẫn chưa quay lại để đặt anh vào xe lăn lúc mười một giờ sáng hôm đó, anh quyết tâm tự mình lên xe. Anh không thể tự bê máy đánh chữ ra khỏi lò sưởi, nhưng anh có thể với tay ra viết. Anh chắc chắn mình có thể tự nhấc mình lên xe lăn, dù anh biết nếu Annie biết chuyện đó thì chẳng hay ho gì, nhưng anh có chỗ cần sửa, chết tiệt, mà anh đâu thể nằm đây mà viết được.

Anh lao người về mép giường, kiểm tra chắc chắn rằng phanh xe lăn đã bật, sau đó nắm lấy tay vịn và từ từ kéo mình vào ghế. Chỉ đoạn kéo lần lượt hai chân lên giá đỡ là anh bị đau. Anh lăn xe ra cửa sổ và nhặt bản thảo lên.

Chìa khóa kêu lục cục trong ổ khóa. Annie đang nhìn anh, đôi mắt ả bừng lên những lỗ đen trên khuôn mặt. Má phải ả sưng vù, và có vẻ sáng đó sẽ thành vết bầm tím. Quanh miệng và trên cằm của ả đầy vệt đỏ. Trong một khoảnh khắc, Paul còn nghĩ đó là máu chảy ra từ môi dưới bị xoắn rách, rồi anh nhìn thấy những hạt nhỏ trong. Đó là mứt mâm xôi hoặc nhân mâm xôi, không phải máu. Người đàn bà nhìn anh. Paul nhìn lại. Suốt một hồi không ai nói gì. Bên ngoài, những giọt mưa đầu tiên rơi tí tách đáp vào khung cửa sổ.

“Nếu ngài tự ngồi được lên ghế xe lăn, Paul,” cuối cùng ả lên tiếng, “thì tôi nghĩ ngài có thể tự điền luôn cái đống chữ chết tiệt của mình rồi.”

Nói đoạn ả đóng cửa và khóa luôn lại. Paul ngồi nhìn nó một lúc lâu, như thể có điều gì đó để xem thật. Anh quá bối rối để làm bất cứ điều gì khác.

15

Anh không gặp lại ả cho đến tận chiều muộn. Sau chuyến thăm của người đàn bà, anh chẳng viết được chữ nào. Anh đã thử vài lần nhưng vô ích, cứ lật giấy rồi bỏ cuộc. Thật là bất lực. Anh lăn mình từ bên này sang bên kia căn phòng. Trong quá trình bước ra khỏi ghế và lên giường, một tay của anh bị trượt và anh suýt ngã. Anh đưa chân trái của mình xuống, dù đã đỡ được sức nặng của mình và cứu được cú ngã, nhưng cơn đau vẫn nhói buốt – cảm giác như thể có hàng chục chiếc bu lông đột nhiên đâm vào xương. Anh hét lên, quờ quạng tìm đầu giường và kéo mình lên giường một cách an toàn, chân trái tê buốt của anh cũng theo sau phần còn lại.

Ả sẽ thấy thế và chạy vào, anh lùng bùng nghĩ. *Người đàn bà đó sẽ muốn xem liệu Sheldon có thực sự biến thành Luciano Pavarotti hay chỉ mỗi tiếng là giống.*

Nhưng ả không vào và không đời nào anh có thể chịu được cơn đau kinh hoàng ở chân trái. Anh vụng về lăn trên giường, vùi sâu một cánh tay xuống đệm và lấy ra một thẻ mẫu Novril. Anh nuốt khan hai viên, rồi trôi đi một lúc.

Khi tỉnh lại, mới đầu anh còn nghĩ mình đang mơ. Cảm giác quá kỳ quái, như cái đêm ả lăn cái bếp nướng vào phòng. Annie đang ngồi bên giường. Ả đặt một cốc nước chứa đầy viên nang Novril trên tủ đầu giường anh. Chưa kể, ả có một cái bẫy chuột Victor. Có cả một con chuột trong đó – con chuột to với bộ lông màu nâu xám lốm đốm. Cái bẫy đã làm gãy lưng con chuột. Hai bàn chân sau của

nó treo lơ lửng trên thành ván của bẫy, chốc chốc lại giật giật. Máu còn đọng trên râu nó.

Đây không phải là mơ. Chỉ là một ngày nữa lạc trong ngôi nhà vui vẻ với Annie. Hơi thở ả có mùi một cái xác đang phân hủy giữa đống thức ăn thiu.

“Annie?” Anh ngồi thẳng dậy, mắt di chuyển giữa ả và con chuột. Bên ngoài trời đã chạng vạng – một thứ hoàng hôn trong xanh kỳ lạ giăng đầy mưa. Mưa áp sát cửa sổ. Gió giật mạnh làm rung chuyển ngôi nhà, làm cửa kêu cót két.

Tối nay, điều đã xảy ra với người đàn bà ban sáng trở nên tồi tệ hơn rất nhiều. Anh nhận ra mình đang thấy bộ mặt thật của Annie khi không còn những chiếc mặt nạ tô vẽ – đây là Annie thật, Annie bên trong. Da mặt người đàn bà, trước đây có vẻ săn chắc một cách đáng sợ, giờ như cục bột vô hồn. Đôi mắt ả trống rỗng. Ả đã mặc quần áo, nhưng váy bị mặc ngược. Da thịt ả đầy vết thương, đồ ăn vương khắp áo quần. Khi người đàn bà di chuyển, chúng phát ra quá nhiều loại mùi đến mức Paul không đếm nổi. Gần như toàn bộ tay áo len khoác ngoài bị tẩm mùi âm ẩm của thứ có vẻ là nước xốt thịt.

Ả giữ cái bẫy. “Cứ mưa là bọn này lại chạy vào hầm.” Con chuột bị ghim rít lên yếu ớt, và bắn tung vào không khí. Đôi mắt đen của nó trợn tròn, sống động hơn nhiều lần đôi mắt của kẻ bắt giữ nó. “Tôi đã đặt bẫy đấy. Tôi phải đặt thôi. Tôi bôi mỡ thịt xông khói lên khay chia ba. Tôi luôn bắt được chừng tám hoặc chín con. Đôi khi tôi thấy cả những thứ khác...”

Sau đó ả ngây người. Để trống gần ba phút, giữ con chuột trong không khí, một trường hợp hoàn hảo của chứng căng trương

lực[12E]. Paul nhìn người đàn bà chằm chằm, nhìn con chuột chằm chằm khi nó kêu lên và vùng vẫy, rồi nhận ra anh đã thực sự tin rằng mọi thứ sẽ không thể tồi tệ hơn. Không phải. Không đời nào phải.

Cuối cùng, khi anh bắt đầu nghĩ người đàn bà đã bơi vào tình trạng mất trí mà không hề ồn ào hay phô trương, ả hạ bẫy và nói tiếp như thể chưa bao giờ ngừng nói.

"… bị chết chìm trong các góc. Những sinh vật tội nghiệp"

Ả nhìn xuống con chuột và một giọt nước mắt rơi xuống bộ lông mịn màng của nó.

"Những sinh vật cực kỳ tội nghiệp."

Một tay người đàn bà siết quanh con chuột, trong khi tay kia kéo lại lò xo. Nó phản kháng, đầu ngoẹo đi khi cố cắn ả. Tiếng kêu của nó mỏng và khủng khiếp. Paul ấn lòng bàn tay vào khuôn miệng nhăn nhó của mình.

"Xem tim nó đập kìa! Thoát ra mới khó làm sao! Như chúng ta vậy, Paul ạ. Chúng ta nghĩ mình biết nhiều thứ, mà thật ra chẳng biết nhiều hơn một con chuột trong bẫy là bao – con chuột với cái lưng gãy gập nghĩ nó vẫn còn được sống"

Tay cầm chuột trở thành nắm đấm. Đôi mắt của người đàn bà không bao giờ mất đi vẻ trống rỗng, xa xăm. Paul muốn nhìn đi chỗ khác nhưng không thể. Những đường gân bắt đầu nổi rõ trên mặt trong cánh tay của ả. Máu đột nhiên chảy ra từ miệng con chuột thành một dòng loãng. Paul nghe thấy tiếng xương nó gãy, rồi ả dùng những ngón tay dày siết vào cơ thể nó, gập lại cho đến đốt ngón tay đầu tiên. Máu loang lổ trên sàn nhà. Đôi mắt đờ đẫn của sinh vật kia lồi ra.

Ả quăng xác nó vào góc rồi hờ hững lau tay vào tấm trải giường, để lại những vệt đỏ dài.

“Bây giờ nó đã được bình yên.” Người đàn bà nhún vai, rồi bật cười. “Tôi sẽ lấy súng, Paul nhỉ, phải vậy không? Có lẽ kiếp sau sẽ tốt hơn. Cho cả chuột và người – không có nhiều sự khác biệt giữa hai giống loài này.”

“Đợi tôi xong đã,” anh đáp, cố nói rõ từng từ. Điều này thật khó, bởi anh cảm giác như thể ai đó đã bơm đầy Novocain vào miệng anh. Trước đây anh từng thấy ả bồn chồn, nhưng đến mức này thì chưa; anh tự hỏi liệu người đàn bà này đã xuống sâu đến vậy bao giờ chưa. Đây là trạng thái của người mắc trầm cảm trước khi bắn chết tất cả các thành viên trong gia đình mình, rồi tự sát; đây là nỗi tuyệt vọng tinh thần của người phụ nữ mặc cho con mình bộ quần áo đẹp nhất, đưa chúng đi ăn kem, dắt chúng xuống cây cầu gần nhất, mỗi tay ôm một đứa, rồi nhảy xuống. Người trầm cảm tự giết chính mình. Những người có vấn đề về tâm thần, bị rung lắc trong chiếc nồi độc hại tạo ra bởi cái tôi của riêng họ, muốn giúp đỡ mọi người một tay và mang họ theo cùng.

Mình đang gần cửa tử hơn bất kỳ khoảnh khắc nào trong đời, anh nghĩ, bởi người đàn bà định như vậy thật. *Ả điếm này định vậy thật.*

“Misery?” ả hỏi, cứ như chưa bao giờ từng nghe thấy từ này — nhưng đã có một tia sáng lóe lên trong mắt ả, phải không? Anh cho là thế.

“Misery, đúng vậy.” Anh tuyệt vọng nghĩ về việc mình nên tiếp tục như thế nào. Những cách tiếp cận khả thi hầu như anh đã khai thác

cả. “Tôi đồng ý là thế giới này, hầu như mọi lúc, đều là nơi khá tồi tàn,” anh nói, và rồi nói thêm: “Đặc biệt là khi trời mưa.”

Ôi, đồ ngốc, đừng lảm nhảm nữa.

“Ý tôi là, tôi đã rất tổn thương trong vài tuần gần đây, và...”

“Tổn thương ư?” Người đàn bà nhìn anh với ánh mắt chán nản và khinh bỉ. “Ngài thì biết tổn thương là gì. Ngài chả biết cái quái gì luôn ấy, Paul.”

“Không... Tôi đoán là không. Chẳng là gì so với cô cả.”

“Đúng rồi đấy.”

“Nhưng….. tôi muốn hoàn thành cuốn sách này. Tôi muốn biết rồi mọi chuyện sẽ đi đến đâu.” Anh ngừng lại. “Và tôi cũng muốn cô ở lại và xem cùng tôi. Chẳng ai viết sách làm gì nếu xung quanh không có người nào đó đọc nó. Cô có hiểu ý tôi không?”

Anh nằm đó nhìn khuôn mắt như đá tảng kinh khủng đó, tim đập thình thịch.

“Annie? Cô có hiểu ý tôi không?”

“Đúng..” Người đàn bà thở dài. “Tôi muốn biết cuốn sách sẽ ra đời như thế nào. Đấy chắc là điều *duy nhất* trên đời tôi còn muốn làm, tôi đoán thế.” Một cách chậm rãi, dường như không biết mình đang làm gì, ả bắt đầu mút máu con chuột còn vương trên ngón tay của mình. Paul nghiến răng vào nhau và dứt khoát tự nhủ rằng anh sẽ không nôn, không nôn, không nôn. “Giống như chờ đợi đoạn kết thúc của một vở kịch chương hồi.”

Người đàn bà chợt nhìn xung quanh, vết máu trên miệng như vết son.

“Hãy để tôi đưa ra đề nghị một lần nữa, Paul. Tôi có thể lấy súng. Tôi có thể giải thoát cho cả hai chúng ta khỏi tất cả những điều này.

Ngài không phải người ngu ngốc. Ngài thừa biết tôi sẽ không bao giờ để ngài rời khỏi đây. Ngài biết điều đó từ lâu rồi, phải không?"

Đừng để mắt mày dao động. Ả mà thấy, ả sẽ giết mày ngay.

"Đúng vậy. Nhưng cái gì mà chẳng có kết thúc, phải không Annie. Rồi cuối cùng thì chúng ta cũng xong đời cả."

Khóe miệng người đàn bà nhoẻn lên một nụ cười ma mị; ả thoáng chạm mặt anh, cùng chút cảm mến.

"Tôi nghĩ ngài cũng tính chuyện trốn thoát. Một con chuột trong bẫy cũng vậy, tôi chắc chắn là thế, theo cách của riêng nó. Nhưng ngài không trốn được đâu. Nếu đây là câu chuyện ngài viết ra thì ngài có thể, nhưng không phải. Tôi không thể để ngài đi.. nhưng tôi có thể đi cùng ngài."

Đột nhiên, chỉ trong giây lát, anh nghĩ đến câu: *Được rồi, Annie – cứ làm vậy đi. Chấm dứt tất cả đi.* Sau đó, mong muốn và ý chí sống của anh – thứ vẫn còn chảy dào dạt trong anh – trỗi dậy và truy đuổi sự yếu đuối nhất thời. Chính xác là sự yếu nhược. Yếu nhược và hèn nhát. Thật may mắn hoặc thật không may, anh đã không có căn bệnh tâm thần nào để chống lại và giành giật mạng sống.

"Cảm ơn cô," anh đáp, "nhưng tôi muốn hoàn thành những gì tôi đã bắt đầu."

Ả thở dài và đứng dậy. "Được rồi. Tôi đoán tôi hẳn đã biết ngài sẽ làm vậy, vì tôi thấy mình mang cho ngài vài viên thuốc, dù tôi chẳng nhớ đã làm như thế." Ả cười – một tiếng khúc khích khẽ khàng và khập khiễng phát ra từ khuôn mặt đờ đẫn như thể đang dùng tiếng bụng. "Tôi phải đi xa một lúc. Nếu tôi không làm vậy, ngài muốn gì sẽ không còn là vấn đề nữa. Bởi tôi sẽ làm hết. Có một nơi

tôi sẽ đến những lúc như thế này. Nó ở trên những ngọn đồi. Ngài từng đọc những câu chuyện Chú Remus chưa, Paul?"

Anh gật đầu.

"Ngài có nhớ Thỏ Brer kể cho Cáo Brer về Vùng Đất Cười của nó không?"

"Có chứ."

"Đó là tên tôi dùng để gọi địa điểm của mình. Vùng Đất Cười của tôi. Nhớ lúc tôi bảo tôi đang đi từ Sidewinder về thì thấy ngài không?"

Anh gật đầu.

"Chà, tôi bốc phét đấy. Tôi nói dối vì lúc đó tôi chưa biết gì về ngài. Thực ra lúc ấy tôi đang trên đường đi từ Vùng Đất Cười về. Ở đó có một tấm bảng thông báo. VÙNG ĐẤT CƯỜI CỦA ANNIE, bảng đề như vậy. Đôi khi đến đó tôi cười thật. Nhưng chủ yếu là tôi la hét."

"Cô sẽ đi bao lâu vậy Annie?"

Lúc này người đàn bà đang mơ màng trôi về phía cửa. "Tôi chịu. Tôi mang thuốc cho ngài rồi. Ngài sẽ ổn cả thôi. Cứ sáu tiếng uống hai viên. Hoặc bốn tiếng uống sáu viên. Hoặc tống cả vào mồm một lần đi."

Nhưng tôi sẽ ăn gì? anh muốn hỏi ả, nhưng kìm lại. Anh không muốn người đàn bà đó lại dồn sự chú ý trở lại phía mình – hoàn toàn không muốn như thế. Anh muốn ả đi cho khuất. Ở đây với ả chẳng khác gì ở cạnh Thiên sứ Tử thần.

Anh nằm cứng đờ trên giường một lúc lâu, lắng tai nghe chuyển động của người đàn bà, đầu tiên là lên lầu, sau đó lên cầu thang, rồi vào bếp, sẵn sàng chờ đợi ả đổi ý và xách súng quay lại. Tận lúc

cửa hông đóng sầm và được khóa lại, rồi tiếng bước chân loạng choạng bên ngoài, anh cũng chưa thực sự thả lỏng. Khẩu súng dễ cũng ở trong chiếc Cherokee.

Động cơ của Old Bessie quay tít và bị kẹt. Annie nã súng liên hồi vào nó. Đèn pha bật lên, rọi sáng cả một bức màn mưa bàng bạc. Ánh đèn bắt đầu xuôi xuống đường đỗ xe. Chúng đảo quanh, mờ dần, và rồi Annie đi mất dạng. Lần này ả không chạy xuống dốc, về hướng Sidewinder, mà là đi ngược lên vùng cao.

“Đi đến Vùng Đất Cười của ả,” Paul nói nhỏ và bắt đầu cười một mình. Ả có chốn riêng của ả; còn anh đã ở sẵn trong chốn riêng của mình. Cuộc vui hoang dại chỉ kết thúc khi anh nhìn vào cái xác nát bươm của con chuột nằm trong góc.

Thế rồi một suy nghĩ chợt lóe lên.

“Ai nói ả đàn bà đó không để lại cho mình thứ gì ăn được?” anh hỏi căn phòng, rồi cười khoái trá hơn. Trong căn phòng trống, Vùng Đất Cười của Paul Sheldon nghe như buồng giam có tường lót đệm của một kẻ điên.

16

Hai giờ sau, Paul vặn khóa phòng ngủ lần nữa và lần thứ hai cố ép xe lăn qua khung cửa hẹp. *Lần cuối cùng*, anh mong là thế. Anh đặt một cái chăn trong lòng. Anh lấy tất cả số thuốc dưới đệm ra, cuộn trong một tờ giấy Kleenex và giấu trong quần lót. Anh định dù trời có mưa hay không thì cũng sẽ trốn ra ngoài; đây là cơ hội của anh và lần này anh muốn nắm lấy nó. Sidewinder ở dưới chân đồi, trời mưa sầm sì như hũ nút và đường trơn trượt; nhưng kể cả thế cũng không làm vơi bớt nhuệ khí của anh. Đời anh chẳng hùng dũng oai linh như người hùng hay thần thánh, nhưng anh cũng không định chết như một con chim lạ trong vườn bách thú.

Anh mơ hồ nhớ lại một buổi tối uống rượu Scotch với gã Bernstein chuyên viết bi kịch ở quán Lions Head dưới vùng Village (và nếu anh còn sống để thấy lại Village, anh sẽ quỳ xuống bằng tất cả những gì còn sót lại trên đầu gối mà hôn lên vỉa hè nứt nẻ phố Christopher). Có lúc, cuộc trò chuyện đã đến đoạn bốn hoặc năm gian khổ của người Do Thái ở Đức cho đến khi Wehrmacht[13E] lăn bánh đến Ba Lan và chính thức bắt đầu những tưng bừng khói lửa hân hoan. Paul nhớ đã nói với Bernstein, người mất ông nội và dì trong thảm họa diệt chủng người Do Thái, rằng anh không hiểu tại sao người Do Thái ở Đức – quỷ thần ơi, ở khắp châu Âu luôn nhưng đặc biệt là ở Đức – lại không chạy thoát thân khi vẫn còn thời gian. Nói một cách khái quát, họ đâu phải những kẻ ngốc, và nhiều người còn đích thân trải nghiệm những cuộc bức hại

như vậy. Chắc chắn họ đã lường trước được những gì sẽ xảy ra. Vậy tại sao họ còn ở lại?

Câu trả lời của Bernstein khiến anh cảm thấy phù phiếm, tàn nhẫn và hoàn toàn phi lý: Hầu như ai cũng có đàn piano. *Người Do Thái chúng tôi rất chuộng piano. Khi sở hữu một cây đàn piano, ông sẽ ít nghĩ đến chuyện di chuyển hơn.*

Giờ thì anh đã hiểu. Ừ. Ban đầu, nguyên nhân chính là đôi chân gãy nhừ và xương chậu dập nát. Về sau, với sự tương trợ của Chúa, cuốn sách đã được khai sinh. Theo một cách thật điên rồ, anh thậm chí còn rất vui vì nó. Sẽ thật dễ dàng – quá dễ dàng – để đổ lỗi mọi trách nhiệm cho đống xương gãy của anh, hoặc do nghiện thuốc, trong khi thực tế phần lớn là do chính cuốn sách. Chính nó và những ngày đều đặn trôi qua cùng mô hình nghỉ dưỡng đơn giản kèm theo. Những thứ đó – nhưng chủ yếu vẫn là cuốn sách ngu ngốc kia – chính là cây đàn piano của anh. Ả đàn bà đó sẽ làm gì khi trở về từ Vùng Đất Cười và thấy anh biến mất? Đốt bản thảo à?

“Mình cóc quan tâm,” anh nói, và đây gần như là sự thật. Nếu còn sống, anh có thể viết một cuốn sách khác – thậm chí là viết lại luôn cuốn này nếu anh thích. Nhưng người chết rồi thì không thể viết sách hay mua một cây đàn piano mới được.

Anh đi vào phòng khách. Trước đây trông nó ngăn nắp, nhưng giờ bát đĩa bẩn xếp chồng giăng khắp mọi bề mặt hở; Paul trông còn tưởng cả đại gia đình đã tụ tập ở đây. Annie rõ ràng không chỉ nhéo và tát mình khi xuống tinh thần. Có vẻ như ả còn ăn và chẳng màng dọn dẹp. Anh mang máng nhớ hơi gió hồi thối đã thổi qua cổ họng mình khi đang trên mây và thấy bụng mình quặn lại. Hầu hết đồ ăn sót lại đều là đồ ngọt. Kem – kem đã khô hoặc đang khô dần trong

nhiều bát và đĩa xúp. Trên đĩa có những mảnh vụn và vết ố của bánh nướng. Một đống Jell-O chanh tây phủ lớp kem đánh bông đã khô nứt nẻ nằm trên nóc TV, bên cạnh chai Pepsi nhựa 2 lít và một thùng nước thịt. Trông chai Pepsi to gần bằng đầu tên lửa Titan-II. Thành chai mờ và bẩn, gần như đục ngầu. Anh đoán ả đàn bà đã tu trực tiếp từ đó, cầm chiếc chai bằng đôi bàn tay dính đầy nước thịt hoặc kem. Anh đã không nghe thấy tiếng lách cách của đồ bạc, nên chẳng có gì ngạc nhiên nếu ở đây không có. Có thức ăn, nhiều bát và đĩa, nhưng không có dao nĩa. Anh thấy những những vệt nhỏ giọt hoặc bắn văng đã khô cong – một lần nữa, chủ yếu là kem – trên thảm và đi văng.

Đó là những gì mình thấy trên chiếc áo khoác của ả đàn bà. Thứ ả vừa ăn ngớt mồm. Và thứ trong hơi thở của ả. Hình ảnh Annie trong vai người phụ nữ Piltdown của anh lại tái diễn. Anh thấy ả đang ngồi ở đây và múc kem cho vào miệng, hoặc có thể là một đống nước cốt gà cô thịt gà đồng rối với ly Pepsi, chỉ đơn giản là ăn và uống trong tình trạng tê liệt do buồn nản sâu sắc.

Con chim cánh cụt vẫn đang ngồi trên khối băng của nó ở bàn nhỏ trưng bày, nhưng ả đàn bà đã ném nhiều đồ gốm khác vào góc đó, nơi phần xác vỡ của chúng còn nằm la liệt lại — sắc lẹm những lưỡi và mảnh vụn nhỏ.

Anh liên tục tưởng tượng ra những ngón tay của ả lún ngập vào cơ thể con chuột. Những vệt đỏ của ngón tay trên tấm khăn trải giường. Anh liên tục nhớ cảnh ả liếm máu trên ngón tay, một cách lơ đễnh như thể ăn kem, Jell-O và bánh thạch đen mềm. Những hình ảnh này thật khủng khiếp, nhưng chúng là một động lực tuyệt vời để anh nhanh nhẹn hơn.

Chai xịt hoa khô trên bàn cà phê nằm lật lăn lóc; bên dưới gầm bàn, hầu như nhìn là thấy ngay, có một đĩa bánh sữa trứng và một cuốn sách lớn. Tựa sách là NGÕ KÝ ỨC. *Xuôi theo Ngõ Ký Ức khi cô chán nản chẳng bao giờ là ý kiến hay đâu, Annie ạ... nhưng tôi nghĩ đến thời điểm này của cuộc đời rồi cô bắn phải biết điều đó.*

Anh lăn xe qua căn phòng. Ngay phía trước là nhà bếp. Ở bên phải có một hành lang rộng và ngắn dẫn xuống cửa trước nhà Annie. Ngay cạnh hành lang này là cầu thang đi lên tầng hai. Chỉ thoáng nhìn cầu thang (cùng kem vương vãi trên vài bậc trải thảm và các vết loang lổ trên lan can), Paul lăn xuống cửa. Anh nghĩ nếu có đường thoát nào cho anh, trong tình trạng bị trói vào cái xe lăn này, thì sẽ là lối cửa nhà bếp – cái cửa Annie sử dụng để ra ngoài cho gia súc ăn, cái cửa mà ả đàn bà đó đã phi nước đại ra khi ông Rancho Grande xuất hiện – nhưng anh phải kiểm tra cái này đã. Biết đâu anh lại gặp được bất ngờ gì thì sao.

Anh chẳng thấy bất ngờ nào.

Cầu thang ở hiên nhà dốc đúng như anh từng lo sợ, nhưng kể cả có đường cho xe lăn thật thì anh cũng không thể nào sử dụng nó được. Trên cửa có ba ổ khóa. Ổ khóa chốt ngang thì anh xử lý được. Hai cái còn lại là loại Kreigs, ổ khóa tốt nhất trên thế giới, theo như lời bạn cũ của anh, cảnh sát Tom Twyford. Còn chìa khóa ở đâu? Ừm... để tôi xem nào. Đang trên đường tới Vùng Đất Cười của Annie, chắc vậy? *Hẳn là như thế rồi! Đúng là thương chẳng thương cho trót, vót chẳng vót cho nhọn!*

Anh quay ngược trở lại hành lang, cố nén hoảng loạn, tự nhắc nhở mình rằng dù sao anh cũng chẳng mong đợi gì nhiều từ cửa trước. Từ phòng khách, anh xoay xe lăn và hướng vào bếp. Đây là

một căn phòng kiểu cũ với sàn trải vải sáng màu và trần nhà bằng thiếc ép. Tủ lạnh cũ nhưng êm ru. Có ba hoặc bốn nam châm gắn trên cửa tủ – không có gì bất ngờ, tất cả chúng trông đều như kẹo: một miếng kẹo cao su thổi bóng, một thanh Harshey, một cuộn Tootsie. Một cánh cửa tủ bếp đang mở và anh nhìn thấy những chiếc kệ được phủ gọn gàng bằng vải tẩm sáp. Trên bồn rửa có một cửa sổ lớn, đón được nhiều ánh sáng trong cả những ngày nhiều mây. Đây đáng lẽ phải là một căn bếp vui vẻ nhưng lại không phải vậy. Thùng rác mở tràn ra sàn và bốc mùi nồng nặc thức ăn ôi thiu, nhưng đó không phải điểm sai duy nhất, hay là mùi tồi tệ nhất. Có một thứ khác hầu như chỉ tồn tại trong tâm trí anh, nhưng không kém thực tế hơn là bao. Đó là *nước hoa Wilkes*; một thứ mùi hương tâm linh của nỗi ám ảnh.

Trong phòng có ba cánh cửa, hai cửa bên trái và một cửa dẫn thẳng ra phía trước, nằm giữa tủ lạnh và hốc đựng thức ăn.

Anh tiến đến mấy cánh cửa bên trái đầu tiên. Một cái là tủ bếp – anh biết điều đó trước cả khi thấy áo khoác, mũ, khăn quàng cổ và ủng. Tiếng rít chói và ngắn của bản lề là đủ. Annie từng ra ngoài theo lối cánh cửa còn lại. Ở đây cũng có một cái khóa chốt ngang và hai ổ Kreigs nữa. Người nhà Roydman, không vào được. Paul, không ra được. Anh tưởng tượng người đàn bà đang cười.

“Khốn kiếp!” Anh đập tay vào thành cửa. Đau điếng, anh ghì chặt một bên bàn tay lên miệng mình. Anh ghét những giọt nước mắt cay xè, khiến hình ảnh trước mặt cứ bị nhân đôi mỗi khi anh chớp mắt, nhưng không cách nào ngăn được. Sự hoảng loạn lúc này đã bùng lên lớn hơn, hỏi anh xem làm gì tiếp, anh sẽ làm gì tiếp bây giờ, vì Chúa, đây có thể là cơ hội cuối cùng của anh...

Điều trước tiên mà tao sẽ làm là cân nhắc kỹ lưỡng tình huống này, anh nói với chính mình một cách dứt khoát. *Mày bình tĩnh một lúc thôi là được. Mày nghĩ mày làm được không, đồ chết nhát?*

Anh lau mắt – khóc không giúp anh thoát ra được – đoạn nhìn ra cái ô kính phía nửa trên của cánh cửa. Nó không chỉ là một ô kính mà là mười sáu ô nhỏ. Anh có thể đập vỡ từng ô, nhưng anh cũng sẽ phải phá luôn mấy cái khung, và việc đó sẽ tốn hàng giờ nếu không có cưa – trông chúng rất chắc chắn. Rồi sau đó làm gì nữa? Lao như thần phong ra ngoài hiên sau à? Ý tưởng tuyệt vời đấy. Có thể anh sẽ bị gãy lưng, và điều đó sẽ khiến anh tạm quên đôi chân mình trong một khoảng thời gian. Và hẳn anh cũng sẽ chẳng mất bao lâu nằm ngoài đó trong cơn mưa tầm tã trước khi chết vì phơi nhiễm. Thế là giải quyết xong cho cả tiến trình phân hủy.

Không thể nào. Không đời nào. Có lẽ mình sẽ chiến đấu, nhưng thề có Chúa mình sẽ không làm vậy cho đến khi có cơ hội để chứng tỏ với người hâm mộ số một của mình rằng mình vui khi được biết ả ta thế nào. Và đó không chỉ là một lời hứa – đó là một lời thề thiêng liêng.

Ý tưởng đáp đền Annie khiến anh vẫn còn hoảng sợ hơn bất kỳ sự tự trách nào. Bình tĩnh hơn một chút, anh vặn công tắc bên cạnh cánh cửa đã khóa. Đèn bên ngoài bật sáng, và điều này rất hữu ích – tia sáng cuối cùng của ngày đã tắt kể từ khi anh rời khỏi phòng mình. Đường đỗ xe của Annie bị ngập, và sân nhà ả là một vũng bùn lầy với nước đọng và tuyết tan. Chỉnh xe lăn sang bên trái cánh cửa, lần đầu tiên anh trông thấy con đường chạy ngang qua nhà người đàn bà, dù điều đó thực sự chẳng có gì to tát, nhựa đường bị

rẽ thành hai làn giữa những đụn tuyết lún lở, sáng bóng như da hải cẩu và lõng bõng nước do mưa và tuyết tan.

Có khả năng ả khóa cửa để tránh người nhà Roydman vào, chứ không định khóa nhốt mình ở yên bên trong. Nếu mình thò ra đó trên chiếc xe lăn này, bước ra khỏi đó trên chiếc xe lăn này, mình sẽ lún ngập xe sau năm giây. Mày sẽ không đi đâu cả, Paul ạ. Không phải đêm nay và có lẽ cũng không phải trong vài tuần tới — cả tháng nữa mới đến mùa bóng chày khi đất đã đủ cứng để mày ra được con đường kia trên cái xe lăn này. Trừ phi mày muốn lao ra cửa sổ và di chuyển bằng cách trườn.

Không – anh không muốn làm điều đó. Quá dễ để tưởng tượng bộ xương tan nát của anh sẽ cảm thấy thế nào sau mười hay mười lăm phút luồn qua những vũng nước lạnh và tuyết tan, giống như một con nòng nọc sắp chết. Và cứ cho là anh ra được đường, liệu anh có cơ hội bắt được một chiếc ô tô? Hai phương tiện duy nhất anh từng nghe thấy ở đây, ngoài Bessie Già, là chiếc Bel Air của ông Rancho Grande và chiếc xe khiến anh sợ hãi khi đi ngang qua nhà trong lần đầu tiên anh trốn khỏi “phòng khách”.

Anh tắt đèn bên ngoài và lăn xe qua cánh cửa còn lại, cánh cửa nằm giữa tủ lạnh và tủ đựng thức ăn. Có ổ khóa trên chiếc này, và nó thậm chí không mở từ bên ngoài được – hoặc ít nhất là không mở được trực tiếp. Có một công tắc đèn khác bên cạnh cánh cửa này. Paul bật nó lên và thấy một cái kho bổ sung gọn gàng chạy dọc theo chiều dài của ngôi nhà theo phía hướng gió. Ở một đầu là đống gỗ, một cái thớt với một cái rìu cắm dựng đứng trên đó. Đầu còn lại là một bàn làm việc và dụng cụ được treo trên các chốt. Hồng trái cái khóa còn có một cánh cửa khác. Bóng đèn phía đó không sáng

chói, nhưng đủ để anh nhìn thấy một khóa chốt ngang với hai ổ khóa Kreig trên cánh cửa.

Người nhà Roydman... tất cả mọi người... ai cũng tìm cách để bắt tôi. . .

“Tôi chẳng biết mấy người đó thế nào,” anh nói với căn bếp trống, “nhưng tôi chắc chắn là tôi sẽ làm vậy.”

Từ bỏ cánh cửa, anh lăn xe vào phòng chứa thức ăn. Trước khi quan sát đống thực phẩm được cất trên kệ, anh nhìn thấy đám diêm. Có hai thùng giấy đựng sách và chừng hai chục hộp Diamond Blue Tips xếp ngay ngắn. Trong một khoảnh khắc, anh nghĩ cứ đốt rụi nơi này là dễ nhất, và bắt đầu bác bỏ ý tưởng quá đỗi nực cười ấy, rồi ngay sau đó nhác thấy thứ khiến anh phải xem xét lại. Trong đây có một cánh cửa nữa, và cánh cửa này không khóa.

Anh mở nó ra và thấy một dãy cầu thang dốc đứng, ọp ẹp và chông chênh dẫn xuống hầm. Từ bóng tối bốc lên mùi ẩm thấp và mùi rau thối rữa. Anh nghe thấy những âm thanh cót két và nghĩ đến lời người đàn bà: *Cứ mưa là bọn này lại chạy vào hầm. Tôi đã đặt bẫy đấy. Tôi phải đặt thôi.*

Anh vội vàng đóng sầm cửa lại. Một giọt mồ hôi từ thái dương rịn ra, chảy dài và lăn vào khỏe mắt phải, cay xè. Anh lau nó đi. Việc nhận ra cánh cửa ở đó dẫn xuống hầm và không bị khóa trong giây lát khiến ý tưởng đốt rụi nơi này có vẻ hợp lý hơn – anh có thể trú ẩn ở đó. Nhưng cầu thang quá dốc, khả năng bị thiêu sống nếu ngôi nhà rực lửa của Annie sập xuống lỗ cửa hầm trước khi xe cứu hỏa Sidewinder đến được đây là quá thật, chưa kể lũ chuột ở dưới đó... âm thanh của bọn chuột bằng cách nào đó là thứ âm thanh tồi tệ nhất.

Xem tim nó đập kìa! Thoát ra mới khó làm sao! Như chúng ta vậy, Paul ạ. Như chúng ta vậy.

“Châu Phi,” Paul nói, và không nghe thấy chính mình nói điều đó. Anh bắt đầu ngó nghiêng các lon và túi thức ăn trong tủ đựng thức ăn, cố gắng nghĩ xem mình có thể làm gì để ả ít có cơ hội nghi ngờ nhất trong lần tới vào đây. Một phần trong anh hiểu chính xác ý nghĩa của hành động này: anh đã từ bỏ ý định chạy trốn.

Chỉ là nhất thời, tâm tư rối rắm của anh còn phản kháng.

Không, một giọng nói trầm hơn đáp lại một cách không dứt khoát. Mãi mãi, Paul ạ. Mãi mãi.

“Tao sẽ không bao giờ bỏ cuộc đâu,” anh thì thầm. “Mày nghe thấy tao nói chứ? Không bao giờ.”

Ô không à? giọng nói của người giễu cợt thì thẩm đầy mỉa mai. Tốt... chúng ta cùng xem nhé, được không?

Ừ. Họ sẽ cùng xem.

17

Cái chạn của Annie trông giống hầm trú bom của những người có kỹ năng sinh tồn hơn là tủ đựng thức ăn. Theo anh, lượng tích trữ này đã phản ánh chính xác thực tế hoàn cảnh của ả: một người phụ nữ sống quạnh quẽ ở vùng cao, nơi mà người ta có thể dành một khoảng thời gian nhất định – chỉ một ngày, hoặc dài hơn chừng một hoặc hai tuần – cắt đứt sợi dây liên lạc với phần còn lại của thế giới. Có lẽ ngay cả mấy kẻ giẻ rách nhà Roydman cũng có một cái chạn thức ăn có thể khiến chủ nhà từ vùng khác trong cùng một đất nước phải nhíu mày... nhưng anh không nghĩ nhà Roydman hay bất cứ ai ở khu vực này có thứ gần giống với những gì đang ở trước mắt anh. Đây không phải là phòng chứa thức ăn; đây phải là cái siêu thị luôn rồi, mẹ kiếp. Anh cho rằng có một biểu tượng nào đó ẩn trong phòng chứa thức ăn của Annie – những thứ hàng hóa thể hiện điều gì đó về sự tàn khốc của đường biên giữa Nhà Nước Thực Tại Có Chủ Quyền và Cộng Hòa Nhân Dân Hoang Tưởng. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại của anh, những điều vụn vặt như vậy dường như chẳng đáng để xem xét. Chủ nghĩa tượng trưng là cái chết tiệt gì. Đi kiếm thức ăn thôi.

Ừ, nhưng phải cẩn thận đấy. Vấn đề không đơn giản là tìm thứ ả không để ý. Anh phải làm nhanh hơn mức kỳ vọng hợp lý về việc trốn kịp nếu ả quay lại đột ngột... và ả đàn bà đó còn có thể quay trở về bằng những cách nào nữa? Điện thoại của ả đã ngỏm và bằng cách nào đó anh nghi ngờ chuyện Annie có gửi cho anh một bức

điện tín hay điện hoa không. Nhưng nói cho cùng, thứ ả bỏ bằng ở đây hoặc tìm thấy trong phòng anh cũng chẳng phải vấn đề. Rốt cuộc thì anh cũng phải ăn. Anh bị nghiện cả ăn luôn.

Cá mòi. Có rất nhiều cá mòi trong những chiếc hộp hình chữ nhật phẳng cùng một chiếc chìa khóa dưới lớp giấy. Tốt. Anh sẽ ăn một số trong chúng. Mấy lon thịt nguội đóng hộp. Không có chìa khóa, nhưng anh có thể mở vài lon trong nhà bếp và ăn chúng trước. Vài hộp rỗng sâu trong đống rác ngập ngụa của chính ả. Một túi nho khô Sun-Maid đang mở có mấy hộp nhỏ hơn bên trong mà hình chụp bên ngoài vỏ bóng kính ghi là “đồ ăn nhẹ mini”. Paul đã nhặt thêm bốn phần ăn nhẹ mini vào số đồ đang ngày càng nhiều lên trong lòng anh, cùng với mấy hộp Corn Flakes và Wheaties ăn liền. Anh để ý thấy ngũ cốc ngọt không có hộp dành cho một khẩu phần. Nếu có, hẳn Annie đã ngấu nghiến chúng trong lần gần nhất ả ăn.

Trên kệ cao hơn là một chồng Slim Jims xếp ngay ngắn như đống mồi lửa trong nhà kho của Annie. Anh lấy bốn phần, cố không làm xáo trộn cấu trúc hình chóp của chồng đồ, rồi ăn một cái một cách thèm thuồng, thưởng thức vị mặn dầu mỡ. Anh nhét vỏ vào quần lót để vứt sau.

Chân anh bắt đầu đau. Anh cho rằng nếu không định trốn được hoặc đốt nhà, anh nên quay trở lại phòng. Mất hứng, nhưng mọi thứ có thể tồi tệ hơn. Anh có thể uống vài viên thuốc rồi viết cho đến khi buồn ngủ. Sau đó anh có thể chợp mắt. Anh không biết đêm nay ả có quay về không; cơn bão không hề dịu đi, nó còn đang mạnh lên. Ý tưởng ngồi viết lặng lẽ và rồi ngủ quên, biết rằng anh chỉ có một mình, rằng Annie sẽ không rồ lên với một ý tưởng ngông cuồng

hoặc thậm chí là nhu cầu hoang dã nào đó, có sức hấp dẫn lớn, dù mất hứng hay không.

Anh lùi ra khỏi phòng chứa thức ăn, dừng lại tắt đèn, tự nhắc mình rằng anh phải

(giữ sạch)

đặt mọi thứ trở lại như cũ khi bắt đầu rút lui. Nếu hết thức ăn trước khi ả đàn bà đó trở về, anh luôn có thể quay lại để kiếm thêm

(giống như một con chuột đói, phải không, Paulie?)

nhưng anh không được quên rằng mình phải cẩn thận. Sẽ không thể quên một sự thật đơn giản rằng anh đang liều mạng mỗi khi rời khỏi phòng mình. Không thể quên được điều đó.

18

Khi anh đang lăn qua phòng khách, cuốn sổ lưu niệm dưới bàn cà phê lại đập vào mắt anh. NGÕ KÝ ỨC. Nó to như tuyển tập kịch Shakespeare và dày cỡ một cuốn Kinh Thánh dùng cho cả gia đình.

Tò mò, anh cầm lên và mở ra xem.

Trang đầu tiên là một mục báo có tiêu đề LỄ CƯỚI WILKES – BERRYMAN, còn có một bức ảnh chụp một người đàn ông mặt quắt và xanh xao cùng một người phụ nữ mắt đen, miệng mím chặt. Paul liếc từ bức ảnh trên báo sang bức chân dung trên lò sưởi. Chẳng có gì băn khoăn nữa. Người phụ nữ trong mục báo là Crysilda Berryman (*Giờ mới có một cái tên xứng đáng với tiểu thuyết Misery*, anh nghĩ), mẹ của Annie. Bên dưới mẩu báo là dòng chữ được ghi ngay ngắn bằng mực đen: *Nhật báo Bakersfield, ngày 30 tháng Năm năm 1938.*

Trang thứ hai có một tờ giấy chứng sinh: Paul Emery Wilkes, sinh tại Bệnh viện Bakersfield Receiving, ngày 12 tháng Năm năm 1939. Cha, Carl Wilkes; mẹ, Crysilda Wilkes. Tên của anh trai Annie khiến anh bắt đầu suy nghĩ. Anh ta hẳn là người đã cùng ả đàn bà đó đi xem phim và xem kịch. Anh trai ả cũng là Paul.

Trang thứ ba tuyên bố sự ra đời của Anne Marie Wilkes, sinh ngày 1 tháng Tư năm 1943. Điều đó có nghĩa là Annie vừa mới sinh nhật lần thứ bốn mươi tư. Sự thật rằng ả sinh ra vào ngày Cá tháng Tư khiến Paul chú ý.

Bên ngoài, gió giật mạnh. Mưa xé toạc căn nhà.

Paul lật trang, xem mê mẩn, tạm thời quên đi cơn đau.

Mục báo tiếp theo cắt từ trang nhất của tờ Nhật báo Bakersfield. Bức ảnh chụp một người lính cứu hỏa đang leo thang cứu hộ, in bóng trên nền lửa cuồn cuộn từ cửa sổ một ngôi nhà được cất sơ sài.

NĂM NGƯỜI CHẾT TRONG CĂN HỘ CHÁY

Năm người, trong đó có bốn thành viên của cùng một gia đình, đã chết vào rạng sáng thứ Tư, họ đều là nạn nhân của một đám cháy khói mù báo động ba xảy ra tại một căn chung cư Bakersfield trên Đại lộ Watch Hill. Ba trong số những người thiệt mạng là trẻ em - Paul Krenmitz, 8 tuổi, Frederick Krenmitz, 6 tuổi, và Alison Krenmitz, 3 tuổi. Người thứ tư là cha chúng, Adrian Krenmitz, 41 tuổi. Ông Krenmitz đã cứu được tính mạng đứa bé nhất, Laurene Krenmitz, mười tám tháng tuổi. Theo lời kể của bà Jessica Krenmitz, chồng bà đã ôm đứa con út trong số bốn đứa con của họ vào lòng và nói với bà rằng: “Anh sẽ bế mấy đứa còn lại trở ra trong một hoặc hai phút nữa. Mình cầu nguyện cho cha con anh nhé.

“Tôi không bao giờ gặp lại chồng mình nữa, bà nói.

Nạn nhân thứ năm, Irving Thalman, 58 tuổi, là một người đàn ông độc thân sống trên tầng cao nhất của tòa nhà. Căn hộ ở tầng 3 không có người vào thời điểm xảy ra hỏa hoạn. Gia đình Carl Wilkes, mới đầu được liệt kê là mất tích, đã rời khỏi tòa nhà vào tối thứ Ba vì nước nhà bếp bị rò rỉ.

“Tôi vô cùng thương tiếc trước mất mát của bà Krenmitz" Crysilda Wilkes nói với một phóng viên của Nhật báo, "nhưng tôi

cảm ơn Chúa vì đã che chở cho chồng và hai đứa con tôi.

Cảnh sát trưởng Trung tâm Cứu hỏa Michael O'Whunn cho biết, đám chảy bắt đầu từ tầng hầm tòa chung cư. Khi được hỏi liệu có khả năng có kẻ cố tình phóng hỏa hay không, ông đáp: "Khả năng cao là một gã bợm rượu nào đó đã lẻn vào tầng hầm, uống vài ly rồi vô tình vảy tàn thuốc làm lửa bùng lên. Gã có lẽ đã bỏ chạy thay vì cố dập lửa và làm năm người thiệt mạng. Tôi hy vọng chúng tôi có thể bắt kẻ đó phải trả giá.

Trả lời cho câu hỏi về kẻ tình nghi, O'Whunn nói, “Phía cảnh sát đã có vài đối tượng, và chúng tôi đang theo dõi chặt chẽ và gắt gao, tôi có thể khẳng định như vậy.

Vẫn là vết mực đen viết nghiêm chỉnh dưới mẩu báo. *Ngày 28 tháng Mười năm 1954.*

Paul nhìn lên. Anh im bặt, nhưng mạch đập liên hồi trong cổ họng. Ruột gan anh lồng bồng và nóng hổi.

Bọn ranh con.

Ba trong số những người thiệt mạng là trẻ em.

Bốn đứa ranh con nhà bà Krenmitz ở tầng dưới.

Ôi không, ôi Chúa ơi, không.

Tôi đã từng rất ghét bọn quỷ yêu đó.

Ả ta chỉ là một đứa trẻ! Còn không có ở nhà!

Lúc đó ả mười một tuổi. Đủ lớn và đủ khôn, có lẽ vậy, để đổ ít dầu hỏa quanh một chai rượu rẻ tiền, sau đó thắp một ngọn nến, và đặt ngọn nến vào giữa vũng dầu hỏa. Có lẽ ả ta còn nghĩ có khi làm thế chẳng ăn thua gì. Có lẽ ả ta nghĩ dầu hỏa sẽ bốc hơi trước khi ngọn nến cháy hết. Có lẽ ả ta nghĩ rằng những người đó sẽ giữ được

cái mạng... chỉ định dọa họ sợ mà chuyển đi. Nhưng ả đàn bà đó đã làm được, Paul ả đã làm được, và mày biết điều đó.

Phải, anh nghĩ anh biết điều đó. Và ai lại đi nghi ngờ ả ta chứ?

Anh lật trang.

Tiếp tục là một mẩu báo cắt từ tờ Bakersfield, ghi ngày 19 tháng Bảy năm 1957. Mẩu này có ảnh Carl Wilkes, trông già hơn một chút. Có một điều rõ ràng: ông ta sẽ chỉ già đi được đến thế. Mẩu tin là cáo phó của ông ta.

KẾ TOÁN VÙNG BAKERSFIELD TỬ NẠN DO MỘT CÚ NGÃ KỲ QUÁI

Carl Wilkes, một cư dân Bakersfield suốt đời, đã không qua khỏi ngay sau khi được đưa vào Bệnh viện Đa khoa Hernandez vào đêm qua. Có vẻ như ông đã vấp phải đống quần áo lớn để trên cầu thang, khi đang bước xuống nghe điện thoại. Bác sĩ Frank Canley, chuyên viên giám định, nói rằng Wilkes chết vì nhiều vết nứt hộp sọ và gãy cổ. Ông 44 tuổi. Wilkes hiện đang sống cùng vợ, bà Crysilda, một con trai, Paul, 18 tuổi và một con gái, Anne, 14 tuổi.

Khi Paul lật sang trang tiếp theo, anh đã nghĩ việc Annie dán tận hai bản cáo phó của cha mình vào đây là do vô tình hay cảm tình (càng nghĩ anh càng thấy khả năng cao là do cả hai). Nhưng đây là một tai nạn khác, và lý do cho điểm tương đồng tự thân nó rất đơn giản: cả hai đều không thực sự là tai nạn.

Anh cảm nhận nỗi kinh hoàng đơn thuần và rõ rệt choán lấy mình.

Dòng viết tay ngay ngắn dưới mẩu báo này ghi *Los Angeles Call, ngày 29 tháng Một năm 1962.*

SINH VIÊN USC TỬ NẠN DO MỘT CÚ NGÃ KỲ QUÁI

Andrea Saint James, một sinh viên điều dưỡng của USC, được cho là đã không qua khỏi khi được đưa đến Bệnh viện Mercy ở Bắc Los Angeles vào đêm qua, rõ ràng là nạn nhân của một vụ tai nạn kỳ lạ.

Co Saint James đang thuê chung một căn hộ ngoài khuôn viên trường trên Phổ Delorme với một người chị em cũng là sinh viên điều dưỡng, cô Anne Wilkes, quê ở Bakersfield. Ngay trước mười một giờ tối, cô Wilkes nghe thấy một tiếng hét thất thanh sau đó là "những tiếng động kinh khủng". Đang ngồi học, cô Wilkes vội vàng chạy đến khu vực cầu thang tầng ba và nhìn thấy cô Saint James ngã sõng soài trên chiếu nghỉ bên dưới, “nằm đuồn đuỗn ở tư thế rất mất tự nhiên.

Cô Wilkes kể lại, trong quá trình cấp cứu, cô cũng suýt ngã theo. Chúng tôi có nuôi một con mèo tên là Peter Gunn, cô ấy nói, "chỉ có điều chúng tôi đã không trông thấy nó suốt nhiều ngày và chắc mẩm chuyến này nó đã đi hoang vì chúng tôi toàn quên sắm cho nó một cái thẻ tên. Con mèo nằm chết trên cầu thang. Cô ấy đã vấp phải con mèo. Tôi trùm áo len cho Andrea và gọi cấp cứu. Tôi biết cô ấy chết rồi, nhưng tôi không biết phải gọi cho ai khác.

Cô Saint James, người gốc Los Angeles, 21 tuổi.

“Lạy Chúa.”

Paul lầm bầm câu đó liên tục. Tay anh run run khi lật trang. Đến đây là mẩu tin trên tờ *Call* viết rằng con mèo hoang mà hai sinh viên điều dưỡng nhận nuôi đã bị đầu độc.

Peter Gunn. Quả là cái tên dễ thương để đặt cho một con mèo, Paul nghĩ.

Chủ nhà đã để chuột sống trong tầng hầm. Sau cả năm, lời phàn nàn của khách thuê nhà khiến thanh tra xây dựng phải vào cuộc nhắc nhở. Sau đó, chủ nhà đã gây náo loạn tại một cuộc họp Hội đồng Thành phố, đủ sốt dẻo để báo chí khắp nơi đưa tin. Annie hẳn đã biết chuyện đó. Đối mặt với án phạt gay gắt của các nghị viên không thích được gọi tên, chủ nhà đã giăng mới độc khắp căn hầm. Mèo ăn phải bả. Con mèo mòn mỏi trong hầm trong hai ngày. Sau đó, nó lê lết đến gần hai cô chủ nhất có thể trước khi vong mạng – và khiến một trong hai cô chủ phải bỏ mạng.

Một nghịch lý đúng tầm Paul Harvey[14E], Paul Sheldon nghĩ, rồi cười khùng khục. *Tôi cá là ông ấy cũng sẽ đưa tin này trong bản tin hằng ngày của mình.*

Gọn gàng. Gọn gàng lắm.

Ngoại trừ việc chúng ta biết rằng Annie đã nhặt một ít mồi độc trong hầm và tự tay nhét vào miệng con mèo, và nếu Peter Gunn già không chịu ăn, có lẽ ả đàn bà đó đã dùng một cái que để tọng chúng vào họng nó. Khi con mèo chỉ còn cái xác, ả đặt nó lên cầu thang và hy vọng nó sẽ làm nên chuyện. Có lẽ ả biết khá rõ bạn cùng phòng sẽ về nhà trong cơn ngà ngà say. Mình còn lạ gì nữa. Một con mèo chết, một đống quần áo. M.O[15E] *y hệt nhau, Tom Tuyford sẽ bảo*

vậy. Nhưng tại sao chứ, Annie? Những mẫu bảo này cho tôi biết mọi thứ ngoại trừ động cơ của cô. TẠI SAO?

Trong khi đang tự vệ, một phần trí tưởng tượng của anh, trong vài tuần qua, đã thực sự trở thành Annie, và giờ là lúc phần-Annie này lên tiếng bằng giọng khô khốc và khó hiểu. Và trong khi nó nói rặt những lời cuồng loạn, nó cũng giải thích hoàn toàn hợp lý.

Tôi đã giết con ả đó vì đêm muộn còn bật đài inh ỏi.

Tôi đã giết con ả đó vì cái tên ngu ngốc mà ả đặt cho con mèo.

Tôi đã giết con ả đó bởi tôi quá mệt mỏi khi ả hôn hít bạn trai trên chiếc ghế dài, còn gã kia dùng tay xới tung váy như thể đang đi đào vàng.

Tôi đã giết con ả đó vì tôi bắt được ả ăn gian nói dối.

Tôi đã giết con ả đó vì ả bắt được tôi ăn gian nói dối.

Nhưng mấy tiểu tiết đó quan trọng gì, nhỉ? Tôi đã giết con ả đó vì ả là con ranh con giẻ rách, và thế là đã đủ xứng đáng rồi.

"Và có lẽ vì con ả đó từng là Quý cô Sáng láng," Paul thì thầm. Anh quay đầu lại, cố phát ra một tiếng cười chói tai và đầy sợ hãi khác. Đây là Ngõ Ký Ức đấy hả? Ôi, có biết bao là loài hoa độc địa và cổ quái mọc trên phiên bản con đường cũ kỹ và kỳ quặc này của Annie!

Ai lại đặt hai cú ngã khó hiểu vào cùng với nhau bao giờ? Đầu tiên là cha ả, sau là bạn cùng phòng? Thật sự là như vậy ấy hả?

Đúng vậy, anh đang thực sự nói với bản thân mình điều đó. Hai vụ tai nạn xảy ra cách nhau gần năm năm, ở hai thị trấn khác nhau. Chúng được đưa tin bởi các tờ báo khác nhau trong một tiểu bang đông dân, nơi mọi người luôn có thể tự nhào khỏi bậc cầu thang và gãy cổ.

Và ả đàn bà đó rất, rất thông minh.

Thông minh gần đến bậc quỷ Satan, có vẻ là vậy. Chỉ là bây giờ ả đang đánh mất dần sự khôn ngoan đó. Tuy nhiên, đó sẽ là niềm an ủi nhỏ quý giá đối với Paul Sheldon, nếu cuối cùng Annie bị xử tử vì tội giết chết anh.

Anh lật trang và phát hiện ra một mẩu tin khác từ *Nhật báo Bakersfield* – trang cuối cùng, hóa ra là vậy. Tiêu đề viết CÔ WILKES TỐT NGHIỆP TRƯỜNG Y TÁ. Tấm gương cô gái quê có thành tích tốt. Ngày 17 tháng Năm năm 1966. Bức ảnh chụp một Annie Wilkes trẻ hơn, xinh đẹp đến ngỡ ngàng, mặc đồng phục y tá và đội mũ lưỡi trai, mỉm cười trước ống kính. Tất nhiên, đó là một bức ảnh tốt nghiệp. Ả tốt nghiệp loại xuất sắc. Paul nghĩ, *chỉ phải giết mỗi bạn cùng phòng để đạt được điều đó thôi mà,* đoạn rặn ra một tiếng cười chói tai và kinh hồn bạt vía. Gió quanh nhà thổi lồng lộng như đang đáp lại anh. Bức tranh bà mẹ thoáng xê dịch trên tường.

Mẩu báo tiếp theo được cắt từ tờ *Union-Leader*, vùng Manchester, New Hampshire. Ngày 2 tháng Ba năm 1969. Đây là một cáo phó đơn giản mà dường như chẳng có chút liên hệ nào với Annie Wilkes. Ernest Gonyar, bảy mươi chín tuổi, trút hơi thở cuối cùng tại Bệnh viện Saint Joseph. Không có nguyên nhân chính xác nào được đưa ra. Cáo phó chỉ vỏn vẹn ghi “Sau một thời gian dài chống chọi với bệnh tật.” Sống cùng với vợ, mười hai người con, và khoảng bốn trăm cháu chắt. Paul nghĩ, *chẳng gì sánh được với phương pháp điều độ để sản sinh ra con đàn cháu đống, đoạn lại rặn ra cười.*

Ả đàn bà đó đã giết ông ấy. Đó là những gì đã xảy ra với lão Ernie tốt bụng. Cớ gì lại có cáo phó của ông ấy ở đây? Đây chẳng phải là Tử Thư của Annie còn gì?

Vì sao, vì Chúa? TẠI SAO?

Với Annie Wilkes, đó là câu hỏi không dẫn tới bất kỳ câu trả lời tỉnh táo nào. Như mày đã biết rõ.

Trang tiếp theo, một cáo phó nữa trên tờ *Union-Leader*. Ngày 19 tháng Ba năm 1969. Người phụ nữ được xác định là Hester 'Queenie' Beaulifant, tám mươi tư tuổi. Trong bức ảnh, trông bà ấy như bộ xương được khai quật từ công viên – khu di tích khảo cổ La Brea Tar Pits. Thứ đã khiến cả ông Ernie và bà "Queenie" ra đi dường như đều là "sau thời gian dài chống chọi với bệnh tật." Giống như ông Ernie, bà trút hơi thở cuối cùng ở Bệnh viện Saint Joe. Lễ viếng diễn ra vào hồi 14 giờ đến 18 giờ ngày 20 tháng Ba tại Nhà tang lễ Foster. Lễ truy điệu diễn ra tại Nghĩa trang Mary Cyr vào 16 giờ ngày 21 tháng Ba.

Chắc hẳn phải có màn biểu diễn đặc biệt "Annie, sao cô không đến cạnh tôi" thể hiện bởi dàn hợp xướng Mormon Tabersnackle, Paul nghĩ, và rồi lại cười hắt ra mấy tiếng.

Các trang tiếp theo có thêm ba cáo phó khác từ tờ *Union-Leader.* Hai ông lão ra đi vì lý do lâu năm được yêu thích đó, Thời gian dài bệnh tật. Người thứ ba là một phụ nữ bốn mươi sáu tuổi tên Paulette Simeaux. Paulette từ trần vì thứ tật bệnh phổ biến hạng nhì, Ốm nặng chết nhanh. Dẫu bức ảnh đi kèm tờ cáo phó thậm chí còn mờ và nhiều sạn hơn bình thường, Paul vẫn nhận thấy Paulette Simeaux khiến bà "Queenie" Beaulifant trông nhỏ thỏ như cô bé từ truyện cổ tích Thumbelina. Anh nghĩ hẳn bệnh tật của cô phải thực

sự rất nhanh – ví như một trận sấm sét, trên chuyến đi tới viện Saint Joe, trên chuyến đi... chuyến đi đến đâu cơ? Chính xác là đến đâu vậy?

Anh thực sự không muốn nghĩ về tiểu tiết, nhưng cả ba cáo phó đều xác định Bệnh viện Saint Joseph là nơi an nghỉ cuối cùng.

Và nếu xem sổ đăng ký y tá vào tháng Ba năm 1969, liệu chúng ta có tìm thấy cái tên WILKES không? Các bạn ơi, có phải một con gấu đi bắt gà trong rừng không?

Cuốn sách này, Chúa ơi, cuốn sách này quá *lớn*.

Thế thôi, làm ơn. Tao không muốn xem thêm nữa. Tao có ý này. Tao sẽ đặt cuốn sách này về chính xác chỗ tao tìm thấy nó. Sau đó, về phòng. Tao đoán sau tất cả tao không muốn viết tiếp nữa; tao nghĩ mình sẽ uống thêm một viên nữa và đi ngủ. Gọi đó là liều bảo đảm cho cơn ác mộng. Miễn là đừng tiến sâu thêm vào Ngõ Ký Ức của Annie nữa, nếu mày vui lòng. Làm ơn, xin hãy làm ơn.

Nhưng đôi tay của anh dường như có trí óc và ý chí của riêng nó; nó tiếp tục lật các trang, mỗi lúc một nhanh hơn.

Thêm hai mẩu tin báo tử ngắn gọn trên tờ *Union-Leader* nữa, một vào cuối tháng Chín năm 1969, một vào đầu tháng Mười.

Ngày 19 tháng Ba năm 1970. Mẩu tin được đăng trên tờ *Herald*, Harrisburg, Pennsylvania. Một trang mặt sau, THÔNG BÁO NHÂN VIÊN MỚI CỦA BỆNH VIỆN. Bức ảnh chụp một người đàn ông hói, đeo kính cận, mà Paul trông như có vẻ sẽ bí mật ăn gỉ mũi. Bài báo viết rằng, ngoài vị giám đốc truyền thông mới (vị hói đầu, đeo kính cận), đội ngũ nhân viên của Bệnh viện Riverview đã được bổ sung thêm hai mươi người: hai bác sĩ, tám nhân viên y tá có chứng chỉ hành nghề, một số nhân viên phục vụ bếp, hộ lý và một bảo vệ.

Annie là một trong số những y tá có chứng chỉ hành nghề.

Ở trang tiếp theo, Paul nghĩ, *mình chắc chắn sẽ thấy một tin báo tử ngắn gọn của một ông già hay bà cả trút hơi thở cuối cùng tại Bệnh viện Riverview ở Harrisburg, Pennsylvania.*

Trúng phóc – một vị công tước luống tuổi đã chết vì lý do "sau thời gian dài chống chọi với bệnh tật" được yêu thích nhất mọi thời đại.

Tiếp theo đó là một người đàn ông lớn tuổi chết vì cô phù dâu kinh niên đó, Bệnh nặng chết nhanh.

Tiếp theo nữa là một đứa trẻ ba tuổi bị rơi xuống giếng, bị thương nặng ở đầu và được đưa đến Riverview trong tình trạng hôn mê.

Tê dại, Paul tiếp tục lật trang trong khi mưa gió tạt vào nhà. Lối hành sự đúng là không thể lẫn vào đâu được. Ả đàn bà đó tìm việc, giết vài mạng người, rồi lại như vậy.

Đột nhiên, một hình ảnh ập đến, hình ảnh từ giấc mơ mà tâm trí anh khi tỉnh táo đã quên đi, vì thế mà mang âm hưởng mơ hồ của *déjà vu*. Anh nhìn thấy Annie Wilkes trong một chiếc váy dài xẻ tà, tóc cuộn trong mũ lưỡi trai, một Annie trông như y tá tại Bệnh viện Bedlam ở London. Ả y tá cầm một cái giỏ trên một cánh tay. Ả nhúng tay vào. Lấy cát ra và ném nó vào khuôn mặt hênh hếch mà ả đi qua. Đây không phải là cát ngủ êm dịu mà là cát nhiễm độc. Nó đang giết họ. Khi thứ cát đó đập vào mặt họ, mặt họ trắng bệch và các đường dây trên máy theo dõi sinh hiệu của họ hóa ra đường thẳng.

Có lẽ ả đàn bà đó đã xuống tay với những đứa trẻ nhà Krenmitz vì chúng là bọn nít ranh... và bạn cùng phòng…. thậm chí có thể là

cha ruột của mình. Nhưng những người khác thì sao?

Nhưng anh hiểu. Annie trong anh hiểu. Già cả và ốm yếu. Tất cả họ đều đã già và ốm yếu, ngoại trừ bà Simeaux, và bà ấy hẳn chẳng khác gì một mớ rau khi ả bước vào. Bà Simeaux và đứa trẻ bị rơi xuống giếng. Annie đã giết họ bởi...

"... họ là những con chuột trong cái bẫy," anh thì thầm.

Sinh vật tội nghiệp. Những sinh vật cực kỳ tội nghiệp.

Chắc chắn rồi. Đúng nó rồi. Trong con mắt nhìn của Annie, tất cả mọi người trên thế giới được chia thành ba nhóm: bọn ranh con, những sinh vật cực kỳ tội nghiệp... và Annie.

Ả đã di chuyển từ từ về phía tây. Từ Harrisburg đến Pittsburgh, đến Duluth rồi đến Fargo. Sau đó, vào năm 1978, ả đến Denver. Đến những vùng đất mới, nhưng mô tuýp hành sự của ả vẫn luôn giống nhau: một bài báo "Chào mừng" trong đó tên Annie được nhắc cùng tên những người khác (ả đàn bà đã sưu tầm thiếu mục "chào đón nhân sự mới" của Manchester có lẽ bởi, Paul đoán, ả ta không biết rằng các tờ báo địa phương đã in những điều như vậy), sau đó là hai hoặc ba cái chết không đáng kể. Rồi chu kỳ sẽ cứ thế lặp lại.

Cho đến Denver, nó vẫn như vậy.

Mới đầu có vẻ chẳng có gì khác lạ. Có một bài báo VỪA CẬP BẾN, lần này được trích từ tờ báo nội bộ của Bệnh viện Denver Receiving, có đề cập đến tên Annie. Tên của tờ báo nội bộ được Annie ghi lại bằng nét chữ viết tay chỉn chu, ngay ngắn, tờ The Gurney. "Cái tên tuyệt vời cho tập san nội bộ bệnh viện," Paul nói với căn phòng trống. "Thật ngạc nhiên khi chẳng ai nghĩ đến việc gọi nó là *Tờ Mẫu Phân*. Hoàn toàn vô thức, tiếng cười kinh hãi lại lọt ra. Lật trang, và đây là cáo phó đầu tiên, được cắt từ tờ *Tin tức Rocky*

Mountain. Laura D. Rothberg. Bệnh tật kéo dài. Ngày 21 tháng Chín năm 1978. Bệnh viện Denver Receiving.

Rồi sau đó, mô thức hoạt động bị phá tan tành.

Trang tiếp theo thông báo một đám cưới thay vì một đám tang. Bức ảnh chụp Annie, không phải trong bộ đồng phục của ả mà là trong một chiếc váy ren trắng. Bên cạnh ả đàn bà là một người đàn ông đang nắm lấy tay ả tên Ralph Dugan. Dugan là một nhà vật lý trị liệu. ĐÁM CƯỚI DUGAN-WILKES, mẩu báo có tiêu đề như vậy. *Tin tức Rocky Mountain,* ngày 2 tháng Một năm 1979. Trông Dugan chẳng có gì đặc biệt ngoại trừ một điểm: anh ta trông giống bố của Annie. Paul nghĩ nếu cạo đi bộ ria mép đơn của Dugan – điều mà ả đàn bà đó hẳn sẽ bắt anh ta làm ngay sau khi tuần trăng mật kết thúc – nét tương đồng của hai người sẽ khiến bạn giật mình.

Paul đo độ dày của những trang còn lại trong cuốn sách của Annie và nghĩ Ralph Dugan lẽ ra nên đi xem bản đồ chiêm tinh, xem số mệnh mình – vào ngày anh ta cầu hôn Annie.

Tôi nghĩ nhiều khả năng trong những trang chưa được lật này, tôi sẽ tìm được một bài viết ngắn về ông bạn. Một vài người có hẹn ở Samarra; tôi nghĩ ông bạn cũng có thể từng vấp phải đống đồ giặt hoặc một con mèo chết trên cầu thang. Một con mèo chết với cái tên dễ thương.

Nhưng anh đã nhầm. Mẩu tin tiếp theo là NGƯỜI MỚI ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG từ tờ *Nederland*. Nederland là một thị trấn nhỏ nằm ngay phía tây Boulder. Paul nghĩ chắc không xa lắm. Trong một khoảnh khắc, anh không thể tìm thấy Annie trong đoạn trích ngắn đầy tên, và rồi nhận ra mình đang tìm nhầm tên. Ả đàn bà đó có ở đây,

nhưng đã trở thành một phần của sự hợp tác xã hội mang tên là "Ông bà Ralph Dugan".

Paul ngẩng đầu lên. Đó có phải là tiếng chiếc ô tô đang về không? Không... chỉ là gió. Chắc chắn là gió. Anh lại nhìn xuống cuốn sổ của Annie.

Ralph Dugan đã quay trở lại giúp đỡ người què quặt, tàn tật và người mù tại Bệnh viện Hạt Arapahoe; có lẽ Annie đã quay trở lại công việc của một y tá danh giá là giúp đỡ và an ủi những người bị thương đau khổ.

Giờ là lúc cuộc giết chóc bắt đầu, anh nghĩ. Chỉ có một câu hỏi duy nhất đáng hỏi về Ralph: anh ta sẽ xuất hiện ở giai đoạn đầu, giữa hay cuối?

Nhưng anh lại nhầm. Thay vì một bản cáo phó, mẩu tin tiếp theo là một tờ quảng cáo của một công ty môi giới bất động sản. Ở góc trên bên trái của quảng cáo là ảnh chụp một ngôi nhà. Paul chỉ nhận ra nó khi nhìn thấy cái nhà kho liền kề – dù sao anh cũng chưa bao giờ đứng từ ngoài mà nhìn ngôi nhà cả.

Bên dưới là nét chữ viết tay ngay ngắn của Annie: *Tiền nhà trả ngày 3 tháng Ba năm 1979. Chuyển giao giấy tờ ngày 18 tháng Ba năm 1979.*

Nhà dưỡng lão à? Paul nghi ngờ. *Địa điểm nghỉ mùa hè? Không, bọn họ không thể mua được những thứ xa xỉ. Cho nên...*

Chà, có lẽ đây chỉ là huyễn tưởng, nhưng thử cái này xem. Có lẽ người đàn bà này thực sự yêu ông bạn Ralph Dugan. Có lẽ đã một năm trôi qua ả không đánh hơi được mùi nhãi nhép trên người ông bạn. *Một điều gì đó* chắc chắn đã thay đổi; từ đó đến thời điểm này không có cáo phó nào...

Anh lật lại xem.

Suốt từ vụ Laura Rothberg vào tháng Chín năm 1978. Ả đã ngừng giết người từ thời điểm gặp Ralph. Nhưng quá khứ là quá khứ mà hiện tại là hiện tại; bây giờ áp lực lại bắt đầu tăng lên. Những cơn trầm cảm đang quay trở lại. Ả đàn bà nhìn những người già... những người chống chọi bệnh tật trong thời gian dài... và ả nghĩ về những điều tội nghiệp đáng thương của họ, rồi có thể ả nghĩ, *Chính môi trường này đang khiến mình chán nản. Hàng dặm hành lang lát gạch, mùi và tiếng loẹt quẹt của đôi giày để kếp cùng tiếng la hét của người đang đau đớn. Nếu có thể thoát khỏi nơi này, mình sẽ ổn thôi.*

Vậy là có vẻ như Ralph và Annie hay quay trở về khu đất.

Anh lật trang và chớp mắt.

Bị cắt xuống cuối trang là ngày 23 tháng Tám năm 1980 **MẸ KIẾP NHÀ MÀY**!

Tờ giấy, vẫn dày như cũ, nhưng có những đoạn bị bong ra bởi sự giận dữ của bàn tay đã điều khiển cây bút.

Đó là mẩu tin XÁC NHẬN LY HÔN trên tờ *Nederland*, nhưng anh phải lật lại để chắc chắn rằng Annie và Ralph là một phần của nó. Ả đã dán ngược nó.

Đúng vậy, có hai người họ ở đây. Ralph và Anne Dugan. Lý do: sự tra tấn tinh thần.

“Ly dị sau một trận ốm nặng chết nhanh,” Paul lẩm bẩm, và một lần nữa nhìn lên, tưởng rằng anh nghe thấy tiếng ô tô đang lao tới. Gió, chỉ là gió... Tuy nhiên, tốt hơn hết anh nên trở về phòng cho an toàn. Không chỉ mỗi chân anh cử mỗi lúc một đau hơn, anh đang tiến dần đến bờ vực của trạng thái tê dại.

Nhưng anh lại cúi xuống cuốn sổ lần nữa. Theo một cách thức kỳ lạ, nó hay đến mức không thể đặt xuống. Nó như một cuốn tiểu thuyết kinh tởm đến nỗi bạn phải cố đọc cho xong.

Cuộc hôn nhân của Annie đã tan vỡ một cách hợp pháp hơn nhiều so với dự đoán của Paul. Nói cuộc ly hôn thực sự đã ốm nặng chết nhanh cũng có phần hợp lý – một năm rưỡi hạnh phúc chung sống không phải là tất cả.

Họ đã mua một căn nhà vào tháng Ba, và đó không phải là bước đi dự định nếu người trong cuộc cảm thấy cuộc hôn nhân của mình đang đổ vỡ. Vậy chuyện gì đã xảy ra? Paul không biết nữa. Anh có thể bịa ra một câu chuyện, nhưng chuyện thì chỉ là chuyện. Sau khi đọc lại mẩu báo, anh nhận ra một chi tiết gợi mở: *Angela Ford ly hôn John Ford. Kirsten Frauley ly hôn Stanley Frauley. Danna McLaren ly hôn Lee McLaren.* Và...

Ralph Dugan ly hôn Anne Dugan.

Đây là phong tục của người Mỹ, phải không? Chẳng mấy ai nói về nó, nhưng nó có tồn tại. Đàn ông cầu hôn dưới ánh trăng; phụ nữ đệ đơn lên tòa án. Không phải trường hợp nào cũng vậy, nhưng phần lớn là vậy. Vậy cấu trúc ngữ pháp này đang kể câu chuyện nào? Angela bảo "Biến về quá khứ đi, Jack!" Kirsten bảo "Lên kế hoạch mới đi, Stan!" Danna thì bảo "Bỏ cái chìa khóa lại đi, Lee!" Và Ralph, người đàn ông duy nhất được liệt kê đầu tiên trong mẩu tin này, bảo gì? Mình nghĩ có lẽ ông bạn đó nói "Hãy để tôi được biến khỏi đây đi!"

"Có lẽ ông bạn đã nhìn thấy con mèo chết trên cầu thang" Paul nói.

Trang tiếp theo. Một bài báo NGƯỜI MỚI ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG khác. Mẩu tin này trích từ tờ *Camera*, khu vực Boulder, Colorado. Có một bức ảnh chụp hàng chục nhân viên mới đang đứng trên bãi cỏ của Bệnh viện Boulder. Annie ở hàng thứ hai, mặt ả là một vòng tròn trắng đờ đẫn dưới mũ sọc đen. Màn khai mạc tiếp theo cho buổi biểu diễn tiếp theo. Ngày bên dưới là ngày 9 tháng Ba năm 1981. Ả lấy lại tên thời con gái của mình.

Boulder. Đó là nơi Annie đã thực sự phát điên.

Anh lật trang ngày một nhanh hơn, nỗi kinh hoàng của anh cũng tăng lên, và hai ý nghĩ cứ lặp đi lặp lại mỗi lúc một nhanh là *Nhân danh Chúa sao không giở nhanh hơn được nhỉ? và Bằng cách quái nào mà nhân danh Chúa ả lại làm được trót lọt như vậy?*

Ngày 10 tháng Năm năm 1981 – bệnh nan y. Ngày 14 tháng Năm năm 1981 – bệnh dài ngày. Ngày 23 tháng Năm – bệnh dài lâu chết. Ngày 9 tháng Sáu – bệnh ngắn ngày. Ngày 15 tháng Sáu – bệnh nặng chết nhanh. Ngày 16 tháng Sáu – ra đi sau thời gian dài chống chọi với bệnh tật.

Ngắn. Dài. Dài. Ngắn. Dài. Dài. Ngắn.

Những trang giấy hấp tấp trượt qua kẽ tay anh. Anh có thể ngửi thấy mùi thoang thoảng của keo dán giấy khô.

“Chúa ơi, ả đàn bà đó đã giết bao nhiêu người.”

Nếu đánh đồng mỗi cáo phó được dán trong cuốn sách này với một vụ giết người, thì đến cuối năm 1981, con số đó phải trên ba mươi người... vậy mà không mảy may có lời xì xào nào từ các nhà chức trách. Tất nhiên hầu hết các nạn nhân đều đã già, số còn lại thì bị thương nặng, nhưng mà... bạn nghĩ mà xem...

Năm 1982, Annie cuối cùng đã vấp ngã. Mẩu tin cắt từ tờ *Camera* ngày 14 tháng Một có khuôn mặt trống rỗng như đá tảng của ả đàn bà xuất hiện trong mục báo dưới dòng tít viết: **Y TÁ HỘ SINH TRƯỞNG MỚI VỪA NHẬM CHỨC TẠI KHOA SẢN.**

Từ ngày 29 tháng Một, những cái chết trong phòng dưỡng nhi bắt đầu.

Annie đã ghi lại toàn bộ câu chuyện theo cách tỉ mỉ của riêng mình. Paul không gặp khó khăn gì khi theo dõi. *Nếu những người đang theo đuôi sau khi cô bỏ trốn mà tìm thấy cuốn sách này, thì Annie, cô sẽ phải ngồi tù — hoặc vào nhà thương điên – cho đến cùng đời mãn kiếp.*

Hai cái chết đầu tiên của trẻ sơ sinh không làm dấy lên chút nghi ngờ nào – một trong số đó đã đề cập đến dị tật bẩm sinh nghiêm trọng. Nhưng những đứa trẻ sơ sinh, dù khiếm khuyết hay không, đều không giống với người già chết vì suy thận hoặc nạn nhân tai nạn xe hơi bằng cách nào đó vẫn còn sống dù đầu chỉ còn một nửa hoặc ruột đã thủng một lỗ to bằng bánh lái. Và rồi ả đàn bà đó đã bắt đầu giết những người khỏe mạnh cùng những người bị thương. Anh đồ rằng, trong vòng xoáy tâm thần ngày càng sâu của mình, ả ta dần dà đã coi tất cả họ là *những sinh vật cực kỳ tội nghiệp.*

Vào giữa tháng Ba năm 1982, đã có năm trường hợp ấu nhi tử vong tại Bệnh viện Boulder. Một cuộc điều tra toàn diện đã được khởi động. Ngày 24 tháng Ba, *Camera* đã gọi kẻ có khả năng thủ ác là “thể thức ô trọc”. Một “nguồn bệnh viện đáng tin cậy” đã được trích dẫn, và Paul băn khoăn liệu có phải nguồn đó chính là Annie Wilkes hay không.

Một em bé khác chết vào tháng Tư. Hai bé chết trong tháng Năm.

Sau đó, trên trang nhất tờ *Post* của Denver ngày 1 tháng Sáu xuất hiện tin tức:

THẨM VẤN Y TÁ HỘ SINH TRƯỞNG KHOA SẢN VỀ CÁI CHẾT CỦA TRẺ SƠ SINH

Chưa một hình phạt nào được đưa ra "cho đến thời điểm này"
Người phát ngôn của Văn phòng Cảnh sát trưởng cho hay
Phóng viên Michael Leith

Anne Wilkes, y tá trưởng ba mươi chín tuổi của khoa sản tại Bệnh viện Boulder, hôm nay đang bị thẩm vấn về cái chết của tám trẻ sơ sinh - các trường hợp tử vong đã diễn ra trong khoảng thời gian vài tháng. Mọi trường hợp đều diễn ra sau cuộc hẹn với cô Wilkes.

Khi được hỏi liệu cố Wilkes có bị bắt hay không, phát ngôn viên của Văn phòng Cảnh sát trưởng Tamara Kinsolving trả lời rằng cô ta sẽ không. Khi được hỏi liệu cô Wilkes có chủ động cung cấp thông tin về vụ án hay không, cô Kinsolving trả lời: "Tôi phải nói là không. Mọi chuyện còn nghiêm trọng hơn thế một chút. Trước câu hỏi liệu Wilkes có bị buộc tội gì không, có Kinsolving trả lời: "Không. Cho đến thời điểm này thì chưa.

Phần còn lại của bài báo nói về tiến trình nghề nghiệp của Annie. Rõ ràng là người đàn bà này đã nhảy việc rất nhiều lần, nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy mọi người trong tất cả các bệnh

viện Annie từng làm, không riêng bệnh viện Boulder, có điều gì phàn nàn khi ả còn làm ở đó.

Anh nhìn bức ảnh đi kèm, mê mẩn.

Annie bị giam giữ. Lạy Chúa, Annie đang bị giam giữ; thánh tượng không gục ngã mà nghiêng ngả nghiêng ngả...

Ả đang lê những bước nặng như đá tảng theo một nữ cảnh sát vạm vỡ, với khuôn mặt đờ đẫn, không có biểu cảm. Ả còn đang mặc nguyên đồng phục y tá và đi giày trắng.

Trang tiếp theo: **WILKES ĐƯỢC THẢ, MỘT BÀ MẸ BỊ THẨM VẤN.**

Ả đàn bà đó đã thoát được. Bằng cách nào đó, ả đã thoát được. Đáng ra ả phải biến mất và xuất hiện ở một nơi khác – có thể là Idaho, Utah, California. Thế nhưng, ả đã trở lại làm việc. Và thay vì mục CHÀO ĐÓN NHÂN SỰ ở nơi nào đó xa hơn về phía tây, một dòng tít lớn xuất hiện trên trang nhất tờ *Tin tức Rocky Mountain* ngày 2 tháng Bảy năm 1982:

Nỗi kinh hoàng tiếp diễn:

THÊM BA TRẺ SƠ SINH tử vong ở bệnh viện Boulder

Hai ngày sau, các nhà chức trách bắt giữ một người Puerto Rico cho có lệ, chỉ để trả tự do cho anh ta chín giờ sau đó. Rồi vào ngày 19 tháng Bảy, cả *Denver Post* và *Tin tức Rocky Mountain* đều thông báo về việc bắt giữ Annie. Một cuộc điều trần sơ bộ đã diễn ra vào đầu tháng Tám. Ngày 9 tháng Chín, ả đàn bà hầu tòa vì tội giết Christopher, một bé gái mới một ngày tuổi. Sau bé Christopher là bảy tội danh khác về tội giết người cấp độ một. Bài báo còn nhấn mạnh rằng một số nạn nhân mà Annie bị cáo buộc ra tay sát hại thậm chí đã sống đủ lâu để được đặt tên thật.

Xen kẽ giữa các tội danh trong phiên tòa là Những bức thư gửi cho biên tập viên được in trên các tờ *Denver* và *Boulder*. Paul hiểu rằng Annie đã bị thôi thúc chỉ tiêu diệt những kẻ thù địch nhất – những kẻ đã củng cố quan điểm tồi tệ của ả về loài người như là *Người Linh trưởng* – nhưng chúng thực sự cay nghiệt dù xét theo bất kỳ tiêu chuẩn nào. Dường như có một sự đồng thuận: treo cổ là quá tử tế đối với Annie Wilkes. Một phóng viên gán cho ả cái tên Mụ Thằn Lằn Bay, và cái tên này được giữ nguyên trong suốt thời gian diễn ra phiên tòa. Hầu hết mọi người đều cảm thấy ả ta nên bị đâm chết bằng những chiếc nĩa nóng, và họ đều cho biết sẽ rất sẵn lòng tham gia đâm chọc cùng.

Bên cạnh một bức thư như vậy, Annie còn viết ra thứ kịch bản khô cằn run rẩy và thảm hại nào đó khác hoàn toàn với sự cứng rắn bình thường: *Đá và gậy sẽ làm gãy xương tôi, còn lời nói chẳng hề hấn gì đến tôi*[16E]

Rõ ràng sai lầm lớn nhất của Annie là đã không dừng lại khi mọi người nhận ra có điều gì đó đang xảy ra. Chuyện có tệ, nhưng thật không may, không đủ tệ. Thánh tượng chỉ bị ngả nghiêng. Toàn bộ vụ việc của công tố viên chỉ là suy diễn, và vỏn vẹn chỉ đủ đọc lướt như đọc một tờ báo. Ủy viên công tố quận (D.A) đã tìm thấy dấu vân tay trên mặt và cổ họng của bé gái Christopher có kích thước tương ứng với bàn tay của Annie, được hoàn thiện bằng dấu của chiếc nhẫn thạch anh tím mà ả đeo trên ngón tay thứ tư của bàn tay phải. D.A cũng có một mô hình quan sát được các lối vào ra nhà trẻ, tương ứng với nhau xuyên suốt các trường hợp tử vong ở trẻ sơ sinh. Nhưng dù sao thì Annie cũng là y tá trưởng phòng hộ sinh nên

ả luôn ra vào. Bên biện hộ có thể cho thấy hàng chục trường hợp khác Annie đã vào khu vực và không có gì bất ổn đã xảy ra. Paul nghĩ điều này giống như việc chứng minh rằng các thiên thạch không bao giờ va vào Trái đất bằng cách liệt kê ra năm ngày không có một thiên thạch nào rơi xuống cánh đồng phía bắc của Bác John, nhưng anh có thể hiểu sức nặng biện luận bên biện hộ và bồi thẩm đoàn phải gánh là như nhau.

Bên công tố cũng đệ lên mạng lưới của chính họ, nhưng dấu vân tay và vết chiếc nhẫn thực sự là bằng chứng đáng nguyền rủa nhất mà họ có thể đưa ra. Thực tế là Bang Colorado đã bất chấp quyết định đưa Annie ra xét xử chỉ với bằng chứng kết tội yếu như vậy, đã khiến Paul chỉ còn một giả thuyết và một điều chắc chắn. Giả thuyết là trong cuộc thẩm vấn đầu tiên, Annie đã khai ra những chi tiết cực kỳ gợi mở, thậm chí có thể là đáng nguyền rủa; luật sư của ả đã cố giữ bản ghi của cuộc thẩm vấn đó nằm ngoài hồ sơ phiên tòa. Chắc chắn là quyết định tự biện hộ tại phiên điều trần sơ bộ của Annie là một hành động cực kỳ thiếu khôn ngoan. Luật sư đã không thể giữ những lời khai đó nằm ngoài phiên tòa (dù anh ta đã cố gắng tận lực), và dù Annie chưa từng nhận tội gì trong muôn vàn lời khai suốt ba ngày dài của tháng Tám mà ả dành để đứng “ngay đó trên bục xét xử ở Denver”, anh nghĩ rằng ả đàn bà thực sự đã thú nhận tất cả.

Đoạn trích từ những mẩu tin dán trong cuốn sổ có chứa những chi tiết thực sự quý giá:

Họ có làm tôi buồn không? Tất nhiên, họ có làm tôi buồn, khi xem xét thế giới mà chúng tôi đang sống.

Tôi chẳng có gì phải xấu hổ. Tôi không bao giờ xấu hổ. Những thứ tôi làm, đó là điều cuối cùng, tôi không bao giờ nhìn lại những thứ kiểu đó.

Tôi có tham dự đám tang của ai trong số họ không? Tất nhiên là không. Tôi thấy đám tang rất nghiệt ngã và buồn bã. Ngoài ra, tôi không tin trẻ sơ sinh được bảo vệ.

Không, tôi chưa bao giờ khóc.

Tôi có thấy hối lỗi không? Tôi đoán đó là một câu hỏi triết học, phải không?

Tất nhiên tôi hiểu câu hỏi. Tôi hiểu tất cả các câu hỏi của ngài. Tôi biết ngài đang cố hết sức để bắt được tôi.

Nếu ả đàn bà đó khăng khăng đòi tự làm chứng thay mặt chính mình tại phiên tòa, Paul nghĩ, luật sư có lẽ đã bắn ả để ả câm miệng lại.

Vụ án được đưa ra bồi thẩm đoàn vào ngày 13 tháng Mười hai năm 1982. Và đây là một bức ảnh gây sửng sốt từ tờ *Tin tức Rocky Mountain*, bức ảnh chụp Annie đang ngồi bình tĩnh trong xà lim và đọc *Sứ mệnh của Misery*. ***TRONG MISERY À?*** chú thích bên dưới hỏi. ***KHÔNG PHẢI MỤ THẦN LẰN BAY***. Annie bình tĩnh đọc khi chờ phán quyết.

Và sau đó, vào ngày 16 tháng Mười hai, là biểu ngữ với tiêu đề: ***MỤ THẦN LẰN BAY VÔ TỘI***. Phần nội dung của câu chuyện có trích lời một bồi thẩm viên yêu cầu giấu tên. “Tôi đã rất nghi ngờ về sự vô tội của ả, vâng. Thật không may, tôi đã có những nghi ngờ rất hợp lý về tội lỗi của ả. Tôi hy vọng ả sẽ lại phải đối mặt với những lời

buộc tội khác. Có lẽ bên công tố nên đưa ra buộc tội mạnh hơn với một trong số các vụ án."

Tất cả đều biết ả đàn bà đã làm điều đó nhưng không ai có thể chứng minh được. Vì thế, ả đã trót lọt thoát tội.

Vụ án kéo dài trong ba hoặc bốn trang tiếp theo. D.A cho biết Annie chắc chắn sẽ bị xét xử về một trong những tội danh khác. Ba tuần sau, anh ta phủ nhận việc mình từng nói điều đó. Vào đầu tháng Hai năm 1983, văn phòng biện lý quận đã ra một tuyên bố nói rằng các vụ án giết người ở Bệnh viện Boulder vẫn còn tồn đọng nhiều, vụ kiện chống lại Anne Wilkes đã được khép lại.

Trót lọt thoát lưới pháp luật.

Chồng ả không bao giờ làm chứng cho bên nào. Tôi tự hỏi, tại sao lại vậy?

Cuốn sách còn dài, nhưng anh có thể nói, bằng một cách kín đáo ít phải giao tiếp qua lại nhất, anh gần như đã nắm được quá khứ của Annie cho đến giờ phút này. Cảm ơn Chúa.

Trang tiếp theo là từ tờ *Gazette* của Sidewinder, ngày 19 tháng Mười một năm 1984. Những người đi bộ đường dài đã tìm thấy hài cốt bị phanh thây của một thanh niên tại khu vực phía đông của Khu bảo tồn Động vật Hoang dã Grider. Tờ báo của tuần tiếp theo đã xác định anh ta là Andrew Pomeroy, hai mươi ba tuổi, đến từ Cảng Cold Stream, New York. Pomeroy đã rời New York đến LA vào tháng Chín năm ngoái, đi bộ đường trường. Cha mẹ anh ta nghe được tin tức từ anh ta lần cuối vào ngày 15 tháng Mười. Anh ta đã gọi cho họ từ Julesburg. Thi thể được tìm thấy trong lòng suối khô. Cảnh sát đưa ra giả thuyết rằng Pomeroy có thể đã thực sự bị giết gần Quốc lộ 9 và dạt vào Khu bảo tồn Động vật Hoang dã trong trận lũ do băng tan

vào mùa xuân. Báo cáo của nhân viên điều tra cho biết các vết thương là do một cái rìu gây ra.

Paul tự hỏi, không hoàn toàn lơ đãng, rằng Khu bảo tồn Động vật Hoang dã Grider cách đây bao xa.

Anh lật trang và xem đoạn cuối cùng – ít nhất là cho đến thời điểm hiện tại – rồi đột nhiên hơi thở của anh ngừng bặt. Cứ như thể, sau khi lội bì bõm qua những trang trước với tầng tầng lớp lớp sự hoại tử không cách nào kham nổi, anh đã phải đối mặt với bản cáo phó của chính mình. Không hẳn là một bản cáo phó, nhưng...

“Nhưng đủ gần để cơ quan chức năng làm việc,” anh nói với một giọng trầm khàn.

Đó là tin cắt từ tờ *Newsweek*. Mục “Chuyển đổi”. Xếp dưới vụ ly hôn của một nữ diễn viên truyền hình và trên cái chết của một người thợ thép miền Trung Tây là tin này:

MẤT TÍCH: Paul Sheldon, 42 tuổi, tiểu thuyết gia nổi tiếng với loạt truyện lãng mạn về nàng Misery Chastain mộng mơ, gợi cảm và không thể đánh bại; báo cáo bởi người đại diện của anh ấy, Bryce Bell. Bell nói: “Tôi nghĩ anh ấy vẫn ổn, nhưng tôi ước anh ấy sẽ liên lạc để tôi được an tâm. Những người vợ cũ của anh ấy cũng ước anh ấy liên lạc và giúp họ giải quyết vấn đề tài chính. Sheldon được nhìn thấy lần cuối cách đây bảy tuần tại Boulder, Colorado, nơi anh vừa hoàn thành một cuốn tiểu thuyết mới.

Mẩu báo đã được đăng trước đây hai tuần.

Báo cáo mất tích, chỉ vậy thôi. Chỉ báo mất tích. Tôi không chết, không giống đã chết.

Nhưng cảm giác chẳng khác gì đã chết, và đột nhiên anh cần thuốc không chỉ vì chân anh đang bị đau. *Mọi bộ phận* của anh đều đau. Anh cẩn thận đặt lại cuốn sổ vào vị trí vô vị của nó rồi bắt đầu lăn xe lăn về phía phòng khách.

Bên ngoài, gió thổi mạnh hơn bao giờ hết, mưa lạnh tạt vào nhà; Paul co người lại, rên rỉ và sợ hãi, cố hết sức để giữ mình lại và kìm nén không òa lên khóc.

19

Một tiếng sau, khi đã no thuốc và chìm dần vào giấc ngủ tiếng gió hú giờ nhẹ nhàng hơn là đáng sợ, anh nghĩ: *Mình sẽ không trốn thoát đâu. Làm gì có cách nào. Thomas Hardy nói gì trong Jude – Kẻ vô danh nhỉ "Ai đó đã có thể đến bên và xoa dịu nỗi kinh hoàng của cậu bé, nhưng không ai làm vậy... bởi chẳng ai làm vậy." Phải rồi. Đúng là như thế. Mày không đánh tàu vào khi chẳng có thuyền dư cho ai cả. Kỵ sĩ Cô độc còn đang bận làm quảng cáo ngũ cốc ăn sáng và làm phim Siêu nhân ở Thị trấn Tinsel. Mày phải dựa vào mày thôi, Paulie. Sống chết là ở mày. Nhưng có lẽ vậy cũng được. Bởi có lẽ mày cũng biết đáp án rốt cuộc là gì phải không?*

Dĩ nhiên là anh biết.

Nếu anh muốn thoát khỏi đây, anh sẽ phải giết ả đàn bà đó.

Ừ. Đó là câu trả lời – tao nghĩ đó là câu trả lời duy nhất. Vì vậy, quanh đi quẩn lại vẫn chỉ là trò cũ thôi, phải không? Paulie. Mày có thể không?

Anh trả lời không chút do dự. *Tôi có thể*.

Mắt anh nhắm nghiền. Anh chìm vào giấc ngủ.

20

Cơn bão kéo dài đến hết ngày hôm sau. Đêm xuống, mây rã ra và bị cuốn đi mất. Nhiệt độ cũng giảm mạnh từ 15 xuống âm 4 độ. Tất cả thế giới bên ngoài như đông cứng lại. Ngồi một mình bên cửa sổ phòng ngủ và nhìn ra thế giới buổi sáng lấp lánh như băng trong ngày thứ hai đó, Paul nghe được tiếng con lợn Misery kêu trong chuồng và một trong những con bò đang gầm gừ.

Anh cũng thường nghe thấy tiếng động vật; chúng là một phần trong bối cảnh chung không khác chiếc đồng hồ báo giờ trong phòng khách – nhưng anh chưa bao giờ nghe thấy tiếng lợn kêu như vậy. Anh nghĩ mình đã từng nghe được tiếng bò rống như vậy một lần, dưới dạng ác quỷ gầm gào đâu đó trong một giấc mơ đáng sợ, bởi sau đó anh chìm vào cơn đau. Đó là lần đầu tiên Annie bỏ đi, không để lại cho anh viên thuốc nào. Anh lớn lên ở ngoại ô Boston và sống phần lớn cuộc đời ở New York, nhưng anh nghĩ mình biết những tiếng bò rống đau đớn đó có nghĩa là gì. Một trong số những con bò cần được vắt sữa. Số còn lại hẳn là không cần, có thể thói quen vắt sữa thất thường của Annie đã khiến cô bò cạn sữa.

Thế còn con lợn?

Đói. Chỉ có thế thôi. Chỉ thế là đủ.

Chúng nó sẽ không nhận được bất kỳ sự cứu trợ nào trong ngày hôm nay. Anh ngờ rằng Annie có muốn cũng chưa thể quay về được. Khu vực này của thế giới đã biến thành một sân trượt băng lớn. Anh hơi ngạc nhiên về sự đồng cảm sâu sắc anh dành cho các

loài động vật, cũng như niềm giận dữ trước sự vị kỷ ngạo mạn không thể dung thứ của Annie khi ả bắt chúng phải chịu đựng trong chuồng.

Nếu bọn súc sinh này biết nói, thì Annie a, chúng sẽ cho cô biết ai mới THỰC SỰ là thứ chim bẩn thỉu quanh đây.

Bản thân anh thấy khá thoải mái suốt mấy ngày hôm đó. Anh ăn đồ hộp, uống nước từ chai có sẵn, uống thuốc đều đặn, chiều nào cũng chợp mắt. Câu chuyện về Misery với chứng mất trí nhớ cùng dòng máu trước đó chẳng ai nghi ngờ (và đặc biệt mục ruỗng) đã thẳng tiến đến châu Phi, hay là bối cảnh của nửa sau cuốn tiểu thuyết. Nghịch lý ở chỗ, chính người đàn bà đã ép anh viết ra tập truyện Misery mà rõ ràng là tập hay nhất bộ. Ian và Geoffrey đã rời Southampton, tuyển mộ thêm một người lái xe tên *Lorelei* để lên đường. Chính tại Lục địa đen tối, Misery, người liên tục rơi vào hôn mê do thuốc sát trùng trong những thời điểm ngặt nghèo nhất (và tất nhiên, nếu cô ta bị một con ong khác đốt — trong suốt cả đời mình – cô sẽ chết ngắc gần như ngay tức khắc), hoặc sẽ bị giết hoặc được chữa khỏi. Trong vòng một trăm năm mươi dặm đất liền từ Lawstown, một khu định cư nhỏ của người Anh – Hà Lan trên điểm cực bắc xa nhất của Bờ biển lưỡi liềm Barbary, là nơi sinh sống của người Bourka, những người châu Phi bản địa nguy hiểm nhất. Bourka đôi khi được biết đến với cái tên Tộc-Người-Ong. Rất ít người da trắng mạo hiểm đến vùng Bourka mà quay trở lại được, nhưng ai có đường về cũng mang theo câu chuyện huyền thoại về khuôn mặt của một người phụ nữ nhô lên từ núi mặt bàn, khuôn mặt không chút bao dung với cái miệng há hốc cùng một viên hồng ngọc đỉnh trên trán. Còn một câu chuyện khác – hẳn chỉ là lời đồn đại,

nhưng dai dẳng đến lạ lùng – rằng trong các hang động nơi ong làm tổ đằng sau vùng trán nạm đá quý của thánh tượng có một đàn ong bạch tạng khổng lồ, vây quanh bảo vệ nữ hoàng của chúng, một sinh vật cổ quái trong suốt như thạch với nọc kịch độc... và phép thuật vô hạn.

Suốt những ngày qua, anh đã đánh lạc hướng bản thân bằng sự ngốc nghếch dễ chịu này. Vào các buổi tối, anh ngồi yên lặng nghe tiếng lợn kêu và nghĩ cách giết Mụ Thằn Lằn Bay.

Chơi *Bạn có thể không?* trong đời thực hoàn toàn khác với việc chơi cùng đám trẻ con ngồi bắt tréo chân thành vòng tròn hay chơi cùng máy đánh chữ khi đã lớn. Khi nó chỉ là một trò chơi (kể cả người ta có cho bạn tiền để chơi, trò chơi vẫn chỉ là trò chơi), bạn có thể nghĩ ra một số điều thực hoang đường và khiến chúng có vẻ đáng tin như mối liên hệ giữa Misery Chastain và Quý cô Charlotte Evelyn-Hyde chẳng hạn (hóa ra họ là chị em cùng cha khác mẹ; sau này Misery phát hiện cha cô chơi với Tộc-Người-Ong Bourka ở châu Phi). Tuy nhiên, trong đời thực, những điều huyền nhiệm mất đi tính linh của nó.

Không phải Paul chưa thử. Có chừng đó thuốc gây nghiện trong phòng tắm ở tầng dưới – hẳn phải có cách nào đó anh có thể sử dụng chúng để tiễn ả đàn bà lên đường chứ nhỉ? Hay chỉ ít là cũng khiến ả bất lực đủ lâu để anh làm được điều đó? Lấy Novril. Có đủ thứ chết tiệt đó thì anh thậm chí còn chẳng cần tiễn, ả cũng sẽ tự nổi lềnh phềnh.

Ý tưởng hay lắm, Paul. Để tạo bày cách cho mày. Mày chỉ cần lấy toàn bộ số thuốc đó và dính chúng lên hộp kem nửa lít của ả. Ả sẽ tưởng chúng là hạt hồ trăn và ăn luôn ngấu nghiến.

Không, tất nhiên điều đó sẽ không hiệu quả. Anh cũng không thể dụ ngọt kiểu mở viên nang, rồi trộn bột vào kem đã được làm mềm từ trước. Anh đã nếm thử và biết. Novril ở dạng thô đắng một cách kỳ lạ. Giữa những vị phải có, ả sẽ nhận ra vị đắng đó ngay... *và thế là mày sẽ khốn khổ đấy, Paulie a. Khốn khổ đến cùng cực.*

Trong truyện, đó sẽ là một ý tưởng khá hay. Nhưng trong thực tế cuộc sống, nó chẳng ích gì. Anh không chắc mình sẽ nắm lấy cơ hội làm vậy ngay cả khi bột trắng bên trong viên nang chẳng có vị gì. Việc này không đủ an toàn, không đủ chắc chắn. Đây không phải là trò chơi; đây là tính mạng của anh.

Những ý tưởng khác lướt qua tâm trí anh và thậm chí bị bác bỏ nhanh chóng hơn. Một ý tưởng là cầm một vật gì đó (máy đánh chữ ngay lập tức hiện ra trong đầu) rình trước cửa, để ả đàn bà vừa đi vào thì bất thình lình đập bất tỉnh hoặc tèo đời luôn. Ý tưởng khác là chạy dây cáp quanh cầu thang. Nhưng cũng giống trò Bỏ-Novril-vào-kem: cả hai trường hợp đều không đủ chắc chắn. Anh không nghĩ nổi chuyện gì có thể xảy ra với mình nếu anh cố ám sát ả và thất bại.

Khi màn đêm của ngày thứ hai buông xuống, tiếng kêu của Misery vẫn tiếp tục đơn điệu như mọi khi – con lợn kêu như tiếng một cánh cửa không chốt với bản lề gỉ đóng mở liên hồi trong gió – nhưng Bossie số 1 đột ngột im lặng. Paul băn khoăn tự hỏi liệu có phải bầu vú của con vật tội nghiệp kia đã vỡ bụng, khiến nó ra ma vì nhiễm độc. Trong một khoảnh khắc, trí tưởng tượng của anh

thật sống động!

cố mang lại cho anh hình ảnh con bò nằm chết trong vũng máu pha lẫn sữa, rồi lại nhanh chóng gạt nó đi. Anh tự nhủ mình không

được như vậy – những con bò không chết theo cách đó. Nhưng tiếng nói kể chuyện lại thiếu sự thuyết phục. Anh không hề biết liệu bọn bò có chết như vậy hay không. Mà chưa kể, con bò có phải vấn đề của anh đâu, đúng chứ?

Mọi ý tưởng lạ lùng của mày chỉ quy về một mối – mày muốn lấy mạng ả đàn bà đó thông qua điều khiển từ xa, mày không muốn tay mày vấy máu ả. Mày là loại người mê nhất một miếng bít tết dày nhưng không chịu nổi nửa canh giờ trong lò mổ. Nhưng nghe này, Paulie, và hãy thẳng thắn: thời điểm này mày phải đối diện với sự thật hoặc không còn cơ hội nào. Không màu mè. Không vành vẻ. Được chứ?

Được rồi.

Anh quay trở lại bếp và mở các ngăn kéo cho đến khi tìm thấy những con dao. Anh chọn con dao chọc tiết dài nhất và quay trở lại phòng của mình, dừng lại chà sạch mấy vết bánh xe bên cửa ra vào. Dấu vết về sự ra vào của anh ngày một rõ ràng hơn.

Không quan trọng. Nếu ả ta không trông thấy một lần, ả sẽ bỏ qua nó mãi mãi.

Anh đặt con dao lên táp đầu giường, kéo người về phía đệm nằm và nhét nó xuống dưới. Khi Annie quay trở lại, anh định bụng xin một cốc nước lạnh ngon lành, và khi ả đàn bà nghiêng người đưa cho anh, anh sẽ đâm con dao vào cổ họng ả.

Không màu mè.

Paul nhắm mắt lại ngủ thiếp đi, và khi chiếc Cherokee lặng lẽ trở lại đường đỗ xe vào bốn giờ sáng hôm đó, động cơ và đèn đều không bật, anh đang nằm im không cựa quậy. Tận đến khi anh thấy làn da sần sùi trượt vào cánh tay anh châm chích, tỉnh lại và thấy

mặt ả đang nhổm về phía mặt anh, anh vẫn chẳng mảy may biết ả đã quay về.

21

Ban đầu anh nghĩ mình đang mơ về cuốn sách của chính mình, rằng bóng tối là bóng tối trong mơ của những hang động đằng sau đầu đá khổng lồ của Ong Chúa Bourka và cảm giác châm chích là do một con ong.

"Paul?"

Anh lầm bầm gì đó vô nghĩa – gì đó chỉ với mục đích tự làm mình tỉnh lại, tiếng nói trong mơ, *biến đi*.

"Paul à."

Thì ra không phải tiếng vọng của mộng mị; mà là giọng của Annie.

Anh cố mở mắt. Đúng, đúng là ả đàn bà đó, phút chốc sự hoảng sợ trỗi dậy còn mạnh mẽ hơn. Rồi nó cứ thế thấm ra ngoài, như chất lỏng chảy qua một cái cống tắc dở.

Cái quỷ gì thế này?

Anh hoàn toàn mất phương hướng. Ả đứng đó trong bóng tối như chưa hề có chuyến ra ngoài nào, mặc một trong những chiếc váy len và áo dệt kim của mình; anh nhìn thấy kim tiêm trên tay ả và hiểu ra đó không phải là ong chích, mà là một mũi tiêm. Mẹ kiếp – thể thì cũng có khác gì. Anh đã bị thần nữ bắt được. Nhưng ả vừa mới....

Nỗi hoang mang vừa định bập bùng thì lại đâm vào vòng quẩn quanh không lối thoát. Tất cả những gì anh cảm nhận được là một kiểu ngỡ ngàng về mặt học thuật. Chính thứ đó, cùng vài tò mò trí

tuệ về việc ả đàn bà này từ đâu đến, và sao lại là lúc này. Anh thử nhấc tay mình và nâng lên được một chút... nhưng chỉ một chút. Cảm giác như thể lơ lửng trên chúng là những trọng lượng vô hình. Hai tay rơi rụng trở lại tấm trải giường cùng tiếng đập khẽ.

Ả có kết liễu mình kiểu gì thì cũng vậy thôi. Như dòng mày viết ở trang cuối một cuốn sách ấy mà. HẾT TRUYỆN.

Ý nghĩ đó chẳng làm anh thấy sợ hãi gì. Ngược lại, anh còn cảm nhận được một loại hưng cảm bình thản.

Ít nhất ả đàn bà này đã cố gắng thực hiện một cách nhân đạo.. thực hiện một cách...

"À, ngài tỉnh rồi!" Annie nói, và tiếp lời với vẻ ve vãn ì ạch: "Tôi thấy ngài rồi, Paul... đôi mắt xanh da trời kia. Tôi đã bao giờ bày tỏ với ngài rằng ngài có cặp mắt xanh thực khả ái chưa? Mà tôi đoán các cô khác cũng nói với ngài rồi – mấy cô đỏm dáng hơn tôi, cũng táo bạo bày tỏ tình cảm hơn tôi nhiều."

Trở lại rồi. Lén trở lại trong đêm và giết tôi rồi, tiêm chọc hay ong đốt gì cũng vậy, hoặc con dao ở dưới giường cũng thế. Giờ tôi chỉ đơn giản là con số mới nhất trong quần thể tử thi của Annie. Thế rồi, khi cảm giác hưng phấn tê tái của mũi tiêm bắt đầu lan ra, anh hóm hỉnh nghĩ: *Mình đã thành ra một nàng Scheherazade tệ hại nào đó rồi.*

Anh nghĩ chỉ chốc lát thôi giấc ngủ sẽ kéo đến – một giấc ngàn thu – nhưng không phải vậy. Anh thấy người đàn bà đút ống tiêm vào túi vảy rồi ngồi xuống giường... chỉ là không phải chỗ cỗ ta vẫn hay ngồi; ả ngồi đoạn cuối giường và trong khoảnh khắc, anh chỉ nhìn thấy độc bờ lưng lãnh đạm và đặc khít lúc ả cúi xuống kiểm tra gì đó. Anh nghe được tiếng gỗ va chạm, rồi tiếng kim loại, sau đó

tiếng rung lắc từng lọt vào tai anh đâu đó trước đây. Sau một hồi, anh nhận ra đó là nơi nào. *Cầm lấy mấy que diêm đi, Paul.*

Diêm Diamond Blue Tip. Anh không biết liệu ả có còn gì khác dưới cuối giường không, nhưng một trong số đó là hộp diêm Diamond Blue Tip.

Annie quay sang anh và lại mỉm cười. Dù có từng xảy ra chuyện gì, cơn trầm cảm như tận thế của người đàn bà này cũng đã đi qua. Ả vén một lọn tóc bị bung ra khỏi vành tai về lại vị trí cũ bằng cử chỉ nữ tính. Hành động này chẳng ăn khớp chút nào với lọn tóc nửa bóng bẩy nửa bết bát ấy.

Nửa bóng bẩy nửa bết bát ôi nhóc ơi mày phải ghi nhớ cái này cái này hay quá ôi nhóc ơi tao phê quả, tất cả quá khứ đều là tiền đề cho thứ chết tiệt này bé à đây mới là thứ trọng yếu ôi mẹ nó tao thì bị kìm kẹp chứ thứ quỷ cao cấp lấp lánh pha lê này chuẩn bị vụt lên cao vun vút trong một chiếc Rolls chết tiệt thứ này...

“Ngài muốn gì trước, Paul?” Ả hỏi. “Tin tốt hay tin xấu?”

“Tin tốt trước đi.” Anh cố cười ngờ nghệch một chút. “Tôi đoán tin xấu đây là HẾT TRUYỆN, nhỉ? Tôi đoán cô không mê cuốn sách lắm, nhỉ? Tiếc quá tôi đã cố rồi. Truyện còn đang ra hồn nữa. Tôi chỉ vừa mới... cô biết đó... vào guồng viết.”

Ả nhìn anh đầy trách móc. “Tôi yêu cuốn sách, Paul ạ. Tôi đã bảo ngài rồi, và tôi không bao giờ nói dối. Tôi yêu nó nhiều đến mức tôi không muốn đọc thêm chút nào cho đến tận đoạn kết. Tôi rất tiếc vì để ngài phải tự điền chữ n, mà... như thế cứ giống đọc trộm ấy.”

Nụ cười ngờ nghệch của anh ngoác rộng thêm chút nữa và anh nghĩ chẳng mấy nữa nó sẽ ngoạc đến tận sau lưng, thắt nút ở đó và cả hàm những hạt đậu già nua tội nghiệp của anh sẽ bị bung ra. Có

lẽ nó sẽ rụng xuống cái bố đặt bên cạnh giường. Từ phần sâu và mờ của tâm trí anh, nơi thuốc mê chưa chạm tới, tiếng chuông báo thức đã vang lên. Ả đàn bà yêu cuốn sách, nghĩa là ả ta không cố ý giết anh. Dù chuyện gì đang xảy ra, ả ta cũng không định giết anh. Và trừ khi đánh giá của anh về Annie Wilkes là hoàn toàn sai lệch, điều này có nghĩa là ả còn có thứ gì đó tệ hơn cả cái chết.

Lúc này, ánh sáng trong phòng không còn ủ ê nữa; trông nó thuần khiết đến kỳ diệu, đầy ắp đến nhiệm màu vẻ quyến rũ của sắc xanh và xám; anh có thể tưởng tượng ra những con sếu đứng bằng nửa số chân, nửa thức nửa tỉnh, lặng thinh giữa màn sương giăng cạnh bờ hồ vùng cao trong ánh sáng đó; tưởng tượng ra những đốm sáng lấp lánh từ những tảng đá nhô lên giữa thảm cỏ xanh của vùng thảo nguyên núi cao, bừng lên qua một lớp áo sáng của kính cửa sổ mờ trong ánh sáng đó; có thể tưởng tượng ra những chú lùn mặc kệ công cán bận rộn để làm việc dưới lớp lớp dây thường xuân mơn mởn trong ánh sáng đó...

Ôi CƯNG ơi mày phê thuốc đấy à, Paul nghĩ, rồi khẽ khúc khích.

Annie mỉm cười đáp lại. “Còn tin tốt,” ả nói, “là xe của ngài đã mất dạng rồi. Tôi đã lo ngay ngáy cái xe của ngài đấy, Paul ạ. Tôi biết ngay cứ phải kinh qua một cơn giông tố cỡ này thì mới nhẹ nợ về nó được, mà có khi thế cũng chưa chắc đã xong. Lũ băng mùa xuân từng cuốn phăng con chim bẩn thỉu Pomeroy đó rồi, nhưng một cái ô tô thì nặng hơn một gã đàn ông, nhỉ? Kể cả là cái gã trên răng dưới giẻ rách như gã đó. Nhưng cả bão cả lũ băng cộng lại thì đủ để xong việc rồi. Xe của ngài đã biến mất. Tin tốt đấy.”

“Cái gì...” Thêm những tiếng chuông báo động. Pomeroy... anh biết cái tên đó, nhưng không nhớ rõ sao mình lại biết nó. Rồi nó tìm

đến anh. Pomeroy. Andrew Pomeroy quá cố, hai mươi ba tuổi, quê ở Cảng Cold Stream, New York. Thi thể được tìm thấy trong Khu bảo tồn Động vật Hoang dã Grider, bất kể khu đó ở đâu.

"Giờ thì Paul" ả đàn bà nói, bằng chất giọng tiết hạnh mà anh đã nghe nhờn tai. "Không việc gì phải bẽn lẽn. Tôi biết ngài biết Andy Pomeroy là ai, bởi tôi biết ngài đã đọc cuốn sổ của tôi. Tôi đồ là tôi đã khá hy vọng ngài sẽ đọc nó, ngài biết mà; chứ không thì sao tôi lại sểnh nó ra ngoài. Nhưng mà để cho chắc, ngài biết đó – tôi luôn muốn mọi thứ phải chắc chắn. Và chắc chắn rồi, mấy sợi chỉ đã bung ra."

"Mấy sợi chỉ," anh yếu ớt nói.

"Ô vâng. Tôi đã từng nghĩ cách để tìm hiểu xem có ai đang rình mò ngăn kéo của mình hay không. Tôi giăng một sợi chỉ thật mảnh ở mỗi ngăn, rồi khi quay trở lại và thấy một sợi bị đứt, tôi sẽ biết, phải không? Tôi biết là ai đã rình mò. Ngài thấy có dễ không chứ?"

"Ừ, Annie." Anh đang lắng nghe, nhưng điều anh thực sự muốn làm là du hành trên ánh sáng tuyệt diệu.

Lần nữa, ả đàn bà lại cúi xuống kiểm tra thứ ả có ở chân giường; lần nữa anh lại nghe thấy loáng thoáng tiếng *lách cách / lạch cạch*, tiếng gỗ đập vào một vật kim loại nào đó, rồi ả quay sang, lại lơ đãng chải đầu."

"Tôi đã làm việc tương tự với cuốn sách của mình – chỉ là tôi không dùng chỉ, ngài thấy đấy; tôi dùng tóc từ chính đầu mình. Tôi cuốn chúng trong ruột sách ở những mức dày mỏng khác nhau và sáng nay khi tôi trở lại – sớm tinh mơ, khẽ khàng như một chú chuột nhỏ để khỏi làm ngài thức giấc – cả ba sợi chỉ đều đã đứt, thế là tôi biết ngài đã xem cuốn sổ của tôi rồi." Ả đàn bà dừng lại, rồi mỉm

cười. Nụ cười đó, với Annie, là cái nhoẻn miệng chiến thắng, thế nhưng lại hàm chứa sự khó chịu mà anh không thể nào với tới được. “Tôi chẳng ngạc nhiên đậu. Tôi biết ngài từng rời khỏi phòng. Tin xấu đấy. Tôi biết lâu, lâu lắm rồi, Paul ạ”

Đáng ra tới đây anh nên thấy phẫn nộ và bần thần. Ả đã biết, biết ngay từ đầu rồi, có vẻ như thế... nhưng anh chỉ cảm nhận được mỗi cảm giác khoan khoái mơ màng, lửng lơ đó, và lời ả đang nói dường như chẳng quan trọng bằng sự huy hoàng của ánh sáng được cường điệu khi ngày tiến gần đến ngưỡng trôi tuột mất.

“Nhưng,” ả đàn bà nói bằng giọng của người quay lại chủ đề chính, “chúng ta đang nói về cái xe của ngài. Bánh xe tôi bị dính đinh, Paul ạ, và ở nơi tôi lui tới trên đồi, tôi để sẵn một bộ xích lốp 10X. Đầu giờ chiều hôm qua, tôi thấy tốt hơn nhiều rồi – tôi đã dành phần lớn thời gian ở đó để quỳ gối, lắng vào cầu nguyện, và lời hồi đáp đã tới, như thường lệ, và nó cũng thật đơn giản, như thường lệ luôn. Những gì ngài thỉnh đến Chúa bằng lời cầu nguyện, Paul à, Ngài sẽ trả lại gấp ngàn lần. Vì vậy, tôi đeo dây chuyền vào và tôi rón rén trở lại đây. Điều đó thật chẳng dễ dàng gì, tôi biết mình có thể bị tai nạn dù có định hay xích. Tôi cũng biết hiếm khi có thứ gọi là một *tai nạn nho nhỏ* trên những con đường ngoằn ngoèo như vậy. Nhưng tâm trí tôi lại cảm nhận được sự dễ dàng, bởi tôi an toàn trong ý muốn của Chúa.”

“Nghe rất hứng khởi đó, Annie,” Paul nói.

Ả nhìn anh thoáng chốc giật mình và hơi nghi ngờ... rồi lại giãn ra và mỉm cười. “Tôi có món quà này cho ngài, Paul a,” a đàn bà nhẹ nhàng nói, và trước khi anh kịp hỏi đó là gì – anh không chắc mình muốn bất kỳ loại quà cáp nào từ Annie – a tiếp tục: “Đường

đóng băng ghê lắm. Tôi suýt đo đường đến hai lần... Lần thứ hai Bessie già quay như gụ rồi cứ thế trượt xuống dốc!" Annie cười hớn hở. "Thế là tôi bị kẹt vào một đụn tuyết – lúc ấy chừng đã nửa đêm rồi – nhưng một đội đổ cát từ Sở Công trình Công cộng đã đến và giúp tôi thoát ra."

"Sở Công trình Công cộng đỉnh thế," Paul nói, nhưng thứ được cứu ra quá là phì nộn... *Chém cha cái Sở Công trình với chả Công cộng.*

"Cách tỉnh lộ chừng hai dặm, đấy là đoạn khó đi nhất. Tỉnh lộ là Đường số 9, ngài biết mà. Chính là con đường ngài gặp tai nạn đó. Bọn họ đã đổ cát lên con đường đó đến mức cha mẹ nó chẳng nhận ra rồi. Tôi dừng xe chỗ ngài ngã xuống và tìm xe của ngài. Xong tôi nghĩ giờ thấy nó tôi biết mình sẽ làm gì. Bởi thể nào cũng có những câu hỏi, và tôi sẽ là người đầu tiên họ lỗi ra hỏi những câu đó, vì lý do gì thì tôi nghĩ ngài thừa biết."

Tôi luôn đi trước cô, Annie ạ, anh nghĩ. *Tôi khảo nghiệm cảnh đó từ ba tuần trước rồi.*

"Một trong những lý do tôi đưa ngài trở lại là vì mọi sự có vẻ hơn cả ngẫu nhiên... nó đức hạnh như có bàn tay Chúa quan phòng."

"Cái gì giống như có bàn tay Chúa quan phòng cơ, Annie?" anh vặn lại.

"Xe ngài gặp nạn ở ngay gần nơi tôi thoát khỏi tên Pomeroy đó. Gã còn nói mình là một nghệ sĩ." Ả đàn bà vung một tay khinh thường, chân ngọ nguậy, và tiếp đó có tiếng gỗ lạch cạch khi một chân ả cọ vào bất-kể-thứ-gì ả để dưới sàn.

"Tôi cặp với hắn trên đường từ Công viên Estes về. Tôi vừa mới ở một buổi triển lãm gốm sứ tại đó. Tôi thích những bức tượng nhỏ

bằng gốm.

“Tôi có thấy,” Paul nói. Giọng anh dường như phát ra từ cách xa hàng năm ánh sáng. *Thuyền trưởng Kirk! Một tiếng nói vọng lên từ tầng sâu hồn phách,* anh nghĩ, rồi cười khì khì. Phần sâu thẳm đó trong anh – phần thuốc không thể chạm tới — đã cố cảnh báo anh hãy ngậm miệng lại, chỉ cần ngậm nó lại, nhưng thể có nghĩa gì? Ả đàn bà đó biết mà. *Tất nhiên ả biết – Nữ chúa Ong Bourka biết mọi thứ.* “Tôi đặc biệt thích chú chim cánh cụt trên khối băng.”

“Cảm ơn, Paul... chú ta thật dễ thương, phải không?”

“Pomeroy đang đi bộ đường trường. Hắn có một cái ba lô trên lưng. Hắn bảo hắn là một nghệ sĩ, dù về sau tôi mới vỡ ra hắn chỉ là con chim bẩn thỉu, khố rách áo ôm, nghiện lõ ra và đã rửa bát cho một nhà hàng ở Công viên Estes suốt vài tháng. Lúc tôi bảo tôi có nhà ở Sidewinder, hắn bảo ôi sao mà trùng hợp thế. Hắn bảo hắn cũng đang đến Sidewinder đây. Hắn bảo hắn mới nhận được nhiệm vụ từ một tạp chí ở New York. Hắn sẽ tới một khách sạn cũ và phác thảo những tàn tích. Hình ảnh của hắn sẽ được đưa lên cùng bài báo mà họ đang triển khai. Có một cái khách sạn cũ nổi tiếng tên là Overlook. Vài năm trước nó bị thiêu rụi. Chính người quản trang đã thiêu rụi nó. Gã đó bị điên. Trong thị trấn ai cũng bảo thế. Mà không phải lo đâu; gã chết rồi.”

“Tôi để Pomeroy ở lại đây với tôi. Chúng tôi là người yêu của nhau.”

Ả nhìn anh bằng đôi mắt đen cháy trên khuôn mặt nguyên khối nhưng trắng bệch và Paul nghĩ: *Nếu Andrew Pomeroy mà mê được cô, Annie ạ, chắc hắn đã phát rồ như gã quản trang thiêu rụi khách sạn rồi.*

“Sau đó, tôi phát hiện ra chẳng ai giao cho hắn vẽ tranh khách sạn. Hắn cứ thể tự làm, với hy vọng sẽ bán được chúng. Hắn thậm chí còn không biết liệu tờ tạp chí có đang triển khai một bài báo về Overlook hay không. Chẳng mấy mà tôi phát hiện ra! Rồi tôi lén xem bản phác thảo của hắn. Tôi thấy mình hoàn toàn có quyền làm điều đó. Rốt cuộc, hắn đã ăn thức ăn của tôi và ngủ trên giường của tôi cơ mà. Cả quyển đâu chỉ được có tám chín bức tranh và chúng đều xấu tệ.”

Mặt ả đàn bà nhăn lại, trong giây lát trông ả chẳng khác gì lúc đang bắt chước âm thanh của con lợn. “Tôi vẽ khéo còn đẹp hơn đấy! Hắn bước vào, thấy tôi đang xem và hắn nổi điên lên. Hắn bảo tôi rình mò. Tôi đã nói là, xem đồ trong nhà riêng của mình không gọi là rình mò. Tôi bảo, hắn mà là nghệ sĩ chắc tôi phải là Quý bà Curie. Hắn ta bắt đầu cười. Hắn cười nhạo tôi. Cho nên tôi…. tôi...”

“Cô giết anh ta,” Paul nói. Giọng anh nghe lờ mờ và cổ quái.

Ả đàn bà nhìn bức tường, cười bất an. “Chà, tôi đoán là đại loại vậy. Tôi không nhớ rõ lắm. Chỉ là khi hắn ta chết. Cái đó tôi nhớ. Tôi nhớ mình đã tắm cho hắn ta.”

Anh nhìn ả chằm chằm và cảm thấy một nỗi kinh hoàng khó chịu, buồn nôn. Hình ảnh hiện ra trong đầu anh – cơ thể trần truồng của Pomeroy lơ lửng trong bồn tắm tầng dưới như một cục bột thổ, đầu ngoẹo bên thành sứ, mắt mở trừng trừng nhìn trần nhà...

“Tôi phải làm vậy,” ả nói, răng cắn vào môi. “Có lẽ ngài không biết cảnh sát có thể làm gì chỉ với một sợi chỉ, hoặc bụi bẩn dưới móng tay của ai đó hoặc thậm chí là bụi trên tóc của một xác chết! Ngài không biết, chứ tôi đã làm việc trong bệnh viện cả đời rồi và tôi biết! Tôi biết! Tôi biết về *Pháp-y!*”

Ả đàn bà đang tự biến mình thành một trong những trò điên cuồng mà Annie Wilkes đã được cấp bằng sáng chế và anh biết mình nên cố nói gì đó để ít nhất cũng tạm thời xoa dịu ả, nhưng miệng lưỡi anh dường như tê liệt và vô dụng.

“Bọn họ túa đi bắt tôi, tất cả bọn họ! Ngài có nghĩ bọn họ sẽ lắng nghe khi tôi cố giải thích mọi chuyện không? Ngài nghĩ vậy không? Nghĩ vậy không hả? Ôi không! Hẳn họ sẽ có thể thở ra những thứ điên rồ như kiểu tôi xâm phạm hắn, rồi hắn cười vào mặt tôi thế là tôi giết hắn! Hẳn bọn họ sẽ thở ra mấy thứ như thế thôi!”

Thế cô biết sao không, Annie? Biết sao không? Tôi nghĩ như thế có lẽ còn gần với sự thật hơn một chút.

“Những con chim bẩn thỉu quanh đây sẽ không tiếc lời gì để đẩy tôi vào rắc rối hoặc bôi nhọ tên tôi.”

Ả dừng lại, chưa đến mức hổn hển nhưng cũng là thở gấp, nhìn chòng chọc vào anh, như thể thách anh dám nói ra cái gì khác ý. *Mày cứ thử nói xem!*

Về sau, ả đàn bà dường như đã tự kiềm chế được và tiếp tục nói với giọng bình tĩnh hơn.

“Tôi đã rửa... thật sạch... những thứ còn lại trên người gã... và cả quần áo của gã. Tôi biết mình cần làm gì. Ngoài trời tuyết đổ, trận tuyết đầu tiên của cả mùa, và bọn họ bảo sẽ tản qua vào sáng hôm sau. Tôi bỏ quần áo hắn ta vào một cái túi ni-lông và gói xác trong tấm ga giường, đợi trời tối đen thì mang đi giặt khô trên Đường số 9. Tôi đi bộ được chừng hơn cây số kể từ chỗ xe ngài gặp nạn. Tôi đi tới khi vào đến rừng và cứ thế vứt bỏ mọi thứ. Chắc ngài nghĩ tôi đã giấu xác hắn ta, nhưng tôi không làm thế. Tôi biết tuyết sẽ phủ kín hắn ta, và lũ tuyết mùa xuân sẽ cuốn phăng hắn đi nếu tôi đặt hắn

giữa lòng suối. Và chuyện xảy ra đúng như vậy, chỉ trừ việc tôi không dự liệu được là hắn bị cuốn xa đến thế. Bởi sao, mất cả năm họ mới tìm thấy hắn sau khi... sau khi hắn chết, và cách hơn bốn chục cây số. Thực ra nếu hắn không trôi xa vậy thì tốt hơn, bởi luôn có đám đi bộ đường dài và mấy người quan sát chim trong Khu bảo tồn Grider. Rừng quanh đây thì ít người đi lại hơn"

Ả đàn bà mỉm cười.

"Và giờ xe ngài nằm ở đó đấy, Paul ạ – đâu đó giữa Đường số 9 và Khu bảo tồn Động vật Hoang dã Grider, đâu đó trong rừng. Chỗ đó đủ xa để không thể đứng ở đường trông vào mà thấy được. Bên hông Bessie Già có đèn pha sáng trưng, nhưng lối vào rừng ngập trắng nước. Chắc nước xuống bớt thì tôi sẽ đi bộ vào kiểm tra xem, nhưng tôi có thể khẳng định là an toàn. Vài gã thợ săn sẽ tìm thấy nó sau hai, năm hay là bảy năm nữa, khi tất cả đã gỉ sét và bọn sóc chuột làm tổ trên ghế, hẳn lúc đó ngài đã hoàn thành cuốn sách của tôi, rồi trở lại New York hoặc Los Angeles hoặc bất cứ nơi nào ngài quyết định đi, còn tôi sẽ tiếp tục sống cuộc đời an tĩnh của mình ở nơi này. Khéo khi thỉnh thoảng chúng ta sẽ thư từ qua lại nữa."

Ả đàn bà cười khổ sở – nụ cười của người phụ nữ trông thấy một tòa lâu đài xinh đẹp trên trời – rồi nụ cười tắt ngấm và ả quay trở lại việc chính.

"Thế là tôi đi về đây và trên đường tôi nghĩ rất lung. Tôi phải như thế, bởi xe của ngài biến mất thì có nghĩa ngài sẽ thực sự ở lại đây, ngài có thể thực sự hoàn thành cuốn sách của tôi. Lúc trước tôi cứ không chắc lắm, ngài biết mà, dù tôi chẳng bao giờ nói vậy bởi tôi không muốn ngài buồn. Một phần tôi không muốn ngài phật lòng vì tôi biết ngài sẽ chẳng viết được hay nếu tôi làm như vậy, nhưng

nghe vậy thì quá lạnh nhạt so với cảm nhận thực sự của tôi, ngài thân mến. Ngài biết đấy, tôi đã phải lòng một phần của ngài, phần tạo nên những câu chuyện trác truyệt, bởi đấy là phần duy nhất tôi sở hữu – những phần còn lại của ngài thì tôi chưa hay biết gì, và tôi nghĩ chúng có lẽ cũng chẳng dễ ưa. Tôi có ngu đâu, ngài biết mà. Tôi đã từng đọc qua mấy gã gọi là *nhà văn có tiếng rồi,* và tôi biết họ thường khó ưa. Tại sao à, nào F. Scott Fitzgerald, nào Ernest Hemingway hay cái gã nhà quê vùng Mississippi – Faulkner hay gì đó đại loại thế – các vị đó có thể thắng giải Sách Pulitzer Quốc gia đủ kiểu, nhưng bản thân họ thì rặt một đám giẻ rách say xỉn như nhau. Mấy người khác cũng vậy – ngoài lúc sáng tác ra những câu chuyện tuyệt vời, họ rượu chè, gái gú, chơi thuốc và có trời mới biết còn trò gì khác."

"Nhưng ngài không phải như vậy, sau một thời gian tôi đã biết phần còn lại của Paul Sheldon, và tôi mong ngài không phiền khi tôi nói điều này, rằng tôi yêu luôn cả phần còn lại đó."

Cảm ơn cô, Annie," anh nói từ trên đỉnh làn sóng lấp lánh ánh vàng của mình, và anh nghĩ: *Nhưng có lẽ cô đọc sai vị tôi rồi, cô biết mà – ý tôi là những tình huống dẫn dụ đàn ông đến cảm dỗ đều đã bị hạn chế ngặt nghèo ở đây. Nhảy cao khi chân bạn đã quê cả cặp thì cũng khó đấy, Annie a. Còn về chơi thuốc, tôi đã được đích thân Nữ chúa Ong Bourka mớm cho còn gì.*

"Nhưng ngài có *muốn* ở lại hay không?" ả đàn bà lại tiếp tục. "Đó là câu hỏi tôi vẫn luôn phải tự hỏi mình, và dù tôi có muốn kéo vải thưa che kín mắt mình, tôi vẫn biết được câu trả lời cho câu hỏi đó – tôi biết được trước cả khi trông thấy dấu vết trên cánh cửa đằng kia."

Ả chỉ tay và Paul nghĩ bụng: *Mình đoán ả biết từ đầu rồi. Kéo vải thưa ấy hả? Không phải cô, Annie ạ. Cô không bao giờ làm thế. Nhưng tôi đã kéo đủ cho cả hai chúng ta rồi.*

"Ngài nhớ lần đầu tôi đi xa không? Sau khi chúng ta có một cuộc tranh cãi ngớ ngẩn về giấy đánh máy ấy?"

"Có, Annie."

"Đấy là lần đầu ngài ra khỏi phòng nhỉ?"

"Đúng rồi." Có chối cũng vậy.

"Tất nhiên rồi. Ngài cần những viên thuốc. Lẽ ra tôi phải biết ngài sẽ làm bất cứ thứ gì để có thuốc, nhưng mà khi tôi tức lên, tôi thành ra... ngài biết mà." Ả đàn bà cười khúc khích nhưng có phần lo lắng. Paul không hùa theo ả, thậm chí chẳng cười. Ký ức về cơn đau giằng xé, liên tục trộn cùng âm thanh ma mị của một bình luận viên thể thao theo từng diễn biến vẫn còn quá rõ ràng.

Vâng, tôi biết cô thành ra làm sao rồi, anh nghĩ. Cô bị chập mạch.

"Mới đầu tôi cũng không chắc đâu. Ồ, tôi trông thấy vài bức tượng gốm trên bàn trưng bày nhỏ trong phòng khách bị di dịch, mà tôi tưởng chắc tôi tự làm – có những lúc tự nhiên tôi hay quên hẳn. Ý nghĩ hay là ngài ra khỏi phòng cũng sượt qua đầu tôi thật, nhưng rồi tôi nghĩ, *Không, không thể nào. Ngài đang đau đớn lắm, mà chưa kể, tôi còn khóa trái cửa.* Thậm chí tôi còn kiểm tra lại xem chìa khóa còn ở trong túi váy không, và nó vẫn ở đó. Rồi tôi nhận ra ngài đang ngồi trên xe lăn. Nên cũng có lẽ..."

"Một trong những điều tôi học được sau mười năm làm y tá là khôn ngoan ra thì cứ kiểm tra lại tất cả mấy cái có lẽ. Thế nên, tôi đã xem lại một lượt những thứ tôi cất ở phòng tắm tầng dưới – hầu như chúng đều là những mẫu thuốc tôi mang đi mang lại nhà khi còn làm

việc; ngài phải trông thấy mấy thứ cứ la liệt trong bệnh viện, Paul ạ! Và vì thế nên thỉnh thoảng tôi cứ tự lấy cho mình một chút... chà… thêm *chút nữa*... mà cũng chả phải mỗi tôi làm vậy. Nhưng mà tôi đủ thông minh để không lấy tí thuốc gốc morphine nào. Họ kiểm soát chúng. Họ đếm chúng. Họ kiểm kê đàng hoàng. Và nếu họ nghi một y tá đang, ngài biết đấy, rút lõi – họ gọi như vậy – họ sẽ quan sát y tá đó cho đến khi đã rõ mười mươi. Và rồi, *bùm*!" Annie chặt mạnh tay xuống. "Họ biến luôn, và phần nhiều trong số đó chẳng bao giờ đội lên cái mũ trắng nữa."

"Tôi thông minh hơn thế."

"Nom mấy cái thùng các-tông ấy cũng giống như để ý đám tượng nhỏ trên bàn trưng bày thôi. Tôi nghĩ đồ đạc có bị xáo trộn chút, và tôi khá chắc một cái thùng lúc trước ở dưới mà giờ lại leo lên trên đầu mấy thùng khác, nhưng tôi không *chắc* được. Và *có thể* chính tôi đã làm ra như vậy khi tôi bị... chà... khi tôi bị rối trí."

"Rồi sau hai bữa, sau khi tôi dằn lòng là thôi không nghĩ nữa, tôi vào phòng để đưa ngài cữ thuốc chiều. Ngài vẫn đang ngủ. Tôi cố xoay nắm cửa, nhưng mất đến vài giây nó không quay – cứ như cửa đã bị khóa. Một chốc, nó lại quay được và tôi nghe thấy có gì đó lạch cạch bên trong ổ khóa. Rồi ngài bắt đầu ọ ẹ thế là tôi lại đưa ngài thuốc như bình thường. Kiểu tôi chẳng mảy may nghi ngờ gì. Tôi giỏi cái đó lắm, Paul ạ. Rồi tôi đỡ ngài lên ghế để ngài viết. Lúc tôi giúp ngài lên ghế tôi thấy mình như Thánh Paul trên đường đến Damacus. Mắt tôi sáng lên. Tôi thấy ngài đã hồng hào trở lại bao nhiêu. Tôi thấy ngài di chuyển được chân. Chúng làm ngài đau nên ngài chỉ xê dịch được chúng một chút thôi, nhưng vẫn là xê dịch. Và cánh tay ngài cũng đã có lực lại rồi."

“Tôi thấy ngài sắp khỏe lại rồi.”

“Đó là khi tôi bắt đầu nhận ra tôi có thể có chuyện với chính ngài chứ chưa cần ai ngoài kia nghi ngờ gì. Tôi nhìn ngài và nhận ra tôi có thể không phải người duy nhất giỏi giữ bí mật.”

“Tối hôm đó, tôi đã tăng liều thuốc cho ngài mạnh hơn chút, và khi tôi chắc chắn rằng, kể cả người ta có cho nổ lựu đạn dưới giường ngài thì ngài cũng không dậy nổi, tôi đã lấy bộ dụng cụ nhỏ dưới kệ gầm và tôi tháo rời tấm mặt khóa khỏi cánh cửa. Và xem tôi tìm thấy gì này!”

Ả đàn bà lấy ra từ một trong hai vạt áo sơ mi kiểu nam của mình thứ gì đó nhỏ và sẫm màu. Ả đặt nó vào bàn tay đang tê liệt của anh. Anh đưa nó lên gần mặt và nhìn chằm chằm đầy trịnh trọng. Đó là một đoạn ghim tăm kẹp tóc uốn cong và vặn xoắn.

Paul bắt đầu cười khúc khích. Anh không nhịn nổi.

“Có gì buồn cười ở đây thế Paul?”

“Hôm cô đi đóng thuế ấy. Tôi cần mở cửa lần nữa. Cái xe lăn ấy – nó quá to – nó để lại mấy vệt đen. Tôi đã muốn lau chúng đi nếu tôi có thể.”

“Để tôi đỡ nhìn thấy à.”

“Ừ. Nhưng cô thấy rồi, nhỉ?”

“Sau lúc tôi tìm thấy cái ghim kẹp tóc trong lỗ khóa ấy hả?” Ả đàn bà tự mỉm cười. “Ngài có thể chắc như ăn bắp là tôi thấy rồi.”

Paul gật đầu và cười to hơn. Anh cười quặn đến nỗi nước mắt trào ra. Tất cả những sự cố công của anh... mọi nỗi lo lắng trăn trở của anh... đều chẳng để làm gì. Điều này có vẻ quả sức nực cười.

Anh nói, “Tôi còn lo mảnh ghim tóc ấy sẽ phanh phui tôi đấy... mà nó không làm vậy. Tôi còn chưa bao giờ nghe thấy nó lạo xạo bên

trong. Và có cái lý quá tốt cho điều đó, nhỉ? Nó không lạo xạo là vì cô đã lấy nó ra mất rồi. Annie ạ, cô đúng là cái đồ lừa người."

"Vâng," ả đáp, rồi cười nhạt. "Tôi đúng là cái đồ lừa người."

Ả đàn bà di chuyển chân mình. Tiếng gỗ đập vào nhau ngột gạt từ phía chân giường lại vang lên.

22

“Ngài ra ngoài bao nhiêu lần rồi.”

Con dao. Ôi Chúa ơi, con dao.

“Hai lần. Không – đợi đã. Chiều qua tầm năm giờ tôi có ra thêm lần nữa. Để đổ đầy nước vào bình.” Cái này là sự thật; anh đã đổ nước đầy bình. Nhưng anh đã bỏ qua lý do thực sự của chuyến thứ ba này. Lý do thực sự nằm ở dưới đệm. Công chúa và Hạt đậu[17E]. Paulie và Con dao chọc lợn. “Ba lần, tính cả chuyến đi lấy nước.”

“Nói thật đi Paul.”

“Chỉ ba lần thôi, tôi thề. Và không lần nào tôi định chạy trốn cả. Vì Chúa tôi đang viết một cuốn sách ở đây, trong trường hợp cô không để ý.”

“Đừng sử dụng tên của Đấng Cứu Rỗi một cách vô ích, Paul.”

“Cô thôi mượn tay Đấng của tôi kiểu đó thì có lẽ tôi sẽ thôi. Lần đầu tiên tôi đã đau đến mức có ai nhúng tôi vào địa ngục đến ngập đầu gối. Và đã có người làm thế đấy. Cô làm thế đấy, Annie a.”

“Câm mồm đi Paul!”

“Lần thứ hai tôi chỉ muốn kiếm gì đó để ăn, và chắc chắn rằng tôi có ít đồ dự trữ ở đây phòng trường hợp cô đi lâu không về,” anh nói tiếp, phớt lờ ả đàn bà. “Sau đó tôi khát. Chỉ có thể thôi. Chẳng có âm mưu gì to tát đâu.”

“Chắc chẳng lần nào ngài thử gọi điện thoại đâu nhỉ, hoặc tôi cho rằng ngài cũng không thử điện thoại lần nào, hoặc tí toáy đến mấy

cái ổ khóa – bởi ngài là một cậu bé ngoan như thể cơ mà."

"Chắc chắn tôi đã xem thử điện thoại. Chắc chắn tôi đã nhìn vào mấy cái ổ khóa... mà tôi cũng đi được bao xa khỏi cái vũng bùn tuyết ngoài kia kể cả cửa của cô có mở toang" Từng đợt sóng mê man của liều thuốc cứ xô vào anh mỗi lúc một lớn, và giờ anh chỉ mong ả đàn bà câm mồm rồi biến đi. Ả đã đánh thuốc anh đến mức phải nói ra sự thật – anh sợ mình sẽ phải trả giá sớm thôi. Mà anh muốn ngủ cái đã.

"Ngài ra ngoài bao nhiêu lần rồi?"

"Tôi nói với cô rồi..."

"Bao nhiêu lần?" Ả đàn bà lên giọng. *"Nói thật đi!"*

" *Thật đấy còn gì!* Ba lần!"

"Bao nhiêu lần rồi, thứ chết tiệt này?"

Bất chấp lượng thuốc mê cỡ chất đầy một tàu tuần dương ả cho anh, Paul bắt đầu thấy kinh sợ.

Nếu ả đàn bà này có làm gì mình, ít ra nó sẽ không quá đau đâu... và ả muốn mình hoàn thiện cuốn sách mà... ả đã nói như thế.

"Ngài đang làm như tôi bị ngu đấy." Anh nhận thấy da ả sáng bóng đến mức nào, cứ như một loại nhựa polyme nào đó được kéo căng trên đá. Mặt ả tưởng như chẳng có cái lỗ chân lông nào.

"Annie, tôi thề đấy..."

"Ôi, quân dối trá thể thốt được mà! Bọn lừa phỉnh mê thể thốt lắm! Chà, cứ tiếp tục đối xử với bà đây như con ngốc đi, nếu đấy là điều ngài muốn. Ổn thôi mà. Hay hay hớm hớm cho ngài lắm đấy. Đối xử với một người phụ nữ không đần độn cứ như ả là kẻ đần độn, và người phụ nữ đó luôn đi trước một bước. Để tôi nói ngài biết nhé, Paul, tôi đã giăng tóc của mình khắp nhà này và rồi thấy rất

nhiều trong số chúng bị đứt. Đứt hoặc bay đi đâu luôn... cứ thế biến mất thôi... póc! Không chỉ có trong cuốn sổ đâu, còn cả trong hành lang này, trên các ngăn kéo tủ quần áo ở trên tầng… trong nhà kho... *mọi nơi luôn*.

Annie, làm sao tôi ra nhà kho được với ngần đó khóa trên cửa bếp? Anh muốn hỏi, nhưng ả đàn bà cứ thế sồn sồn lên, chẳng hở cho anh chút thời gian nào.

“Giờ ngài cứ thế mà lải nhải mới chỉ có ba lần đi, Quý ngài Thông minh ạ, và tôi sẽ cho ngài biết ở đây ai mới là ngu.”

Anh nhìn chằm chằm vào ả đàn bà, chuếnh choáng nhưng kinh hãi. Anh không biết phải trả lời ả thế nào. Thật là hoang tưởng... thật là điên rồ...

Chúa ơi, anh nghĩ, đột nhiên quên khuấy cái nhà kho, *trên tầng ấy hả? Ả bảo TRÊN TẦNG ấy hả?*

“Annie à, nhân danh Chúa, làm sao tôi có thể lên trên tầng được?”

“Ồ, ĐƯỢC RỒI!” ả đàn bà hét lên, giọng vỡ oét. “Ồ, PHẢI RỒI! Mấy hôm trước tôi vào đây ngài còn tự leo được lên xe lăn cơ mà! Nếu ngài làm được thể thì ngài cũng lên tầng được. *Ngài trườn được mà?*

“Vâng, trên đôi chân gãy dập và đầu gối vỡ nát của tôi,” anh nói.

Lại là ánh nhìn đen kịt như kẽ nứt; màu đen mịt mù nơi thảo nguyên. Annie Wilkes đi rồi. Nữ chúa Ong Bourka đang ngự trị.

“Ngài không cần ra vẻ thông minh với tôi đâu Paul,” ả đàn bà thầm thì.

“Chà, Annie, một trong hai người chúng ta ít ra cũng phải cố chứ, và cô đang không làm tốt lắm. Nếu cô chỉ đang thử xem làm thế nào

m...”

“Mấy lần?”

"Ba.”

“Lần đầu để lấy thuốc.”

“Đúng vậy. Mấy viên Novril.”

“Và lần thứ hai để kiếm đồ ăn.”

“Đúng rồi.”

“Lần thứ ba để đổ đầy bình nước.”

“Vâng. Annie ơi, tôi chóng mặt quá...”

“Ngài đổ nước trong phòng tắm phía hành lang à?”

“Vâng”

“Một lần lấy thuốc, một lần kiếm đồ ăn, và một lần để đổ nước.”

“Ừ, tôi đã bảo rồi!” Anh cố hét lên, nhưng những gì thoát ra lại là một tiếng kêu vô lực.

Ả đàn bà lại thò tay vào túi váy và lấy ra con dao đồ tể. Lưỡi dao lấp loáng trong ánh ban mai rực rỡ. Ả đột nhiên vặn người sang trái và phi con dao. Ả ném nó bằng vẻ duyên dáng đầy chết chóc và suồng sã một nửa của người biểu diễn lễ hội. Con dao mắc lại, run rẩy trong lớp thạch cao dưới bức tranh Khải Hoàn Môn.

“Tôi đã khua khoảng dưới đệm của ngài một chút trước khi đưa cho ngài liều tiền phẫu thuật. Tôi đinh ninh mình sẽ tìm thấy thuốc; con dao quả là một bất ngờ lớn đây. Suýt thì tôi bị đứt tay rồi. Nhưng mà *ngài* không nhét nó vào đấy đâu nhỉ?”

Anh không trả lời. Đầu óc anh quay vòng và lặn ngụp như một cái đu quay chệch ray trong công viên giải trí. *Liều tiền phẫu*. Ả nói thế phải ko nhỉ? Tiền phẫu? Đột nhiên anh chắc chắn rằng ả đàn bà đó sẽ rút con dao trên tường ra và dùng nó để thiến anh.

“Không. Ngài không để nó ở đấy đâu. Ngài ra ngoài một lần để lấy thuốc, một lần lấy đồ ăn, và một lần lấy nước mà. Chắc con dao này nó... sao nhỉ, chắc tự nó trôi vào đây rồi tự lách vào đó. Vàng, hẳn đấy là những gì đã xảy ra rồi!” Annie bật ra tiếng cười nhạo báng.

TIỀN PHẪU??? Lạy Chúa, ả nói thể có phải không?

“Đồ khốn nạn!” ả rống lên. “Thứ khốn kiếp! *Mấy lần rồi?*”

“Được rồi! Được rồi! Tôi lấy con dao khi đổ nước xong! Tôi thú tội! Nếu cô nghĩ như thế nghĩa là tôi ra thêm lần nữa, cứ việc điền vào chỗ trống đi! Nếu cô muốn là năm lần, thì nó là năm lần. Nếu cô muốn phải là hai chục hoặc năm chục hoặc một trăm lần, thì nó cũng là như vậy luôn. Tôi sẽ nhận luôn. Dù cô có nghĩ là bao nhiêu lần đi nữa, Annie ạ, đấy chính là số lần mà tôi ra ngoài.”

Trong một khoảnh khắc, giữa cơn giận dữ và mụ mị do thuốc, anh đánh mất sự nhìn nhận về ý niệm mơ hồ và đáng sợ gắn liền với cụm từ *tiền phẫu*. Anh muốn nói với ả đàn bà đó rất nhiều, muốn nói với ả mặc dù anh biết một kẻ hoang tưởng hay ăn vạ như Annie sẽ từ chối hiểu cả những gì đã rõ ràng rành rành. Trời đã ẩm ướt mà; băng dính Scotch không ưa trời ẩm ướt; rất có khả năng những chiếc bẫy nhỏ kiểu Ludlum[18E] của ả rõ ràng đã bong ra và bị cơn gió nào đó cuốn đi. Còn mấy con chuột. Bà chủ trang viên vắng nhà cùng nước lõng bõng trong hầm đã cho anh cơ hội nghe được âm thanh của chúng trong các bức tường. Tất nhiên. Chúng đã chạy khắp nhà – và bị thu hút bởi tất cả những thứ quái quỷ mà Annie để lại khắp nơi. Những con chuột có lẽ chính là bọn tiểu yêu đã phá hỏng hầu hết mấy sợi dây của Annie. Thế nhưng ả đàn bà đó sẽ đẩy

tiệt những ý tưởng đó ra xa. Trong tâm trí ả, anh thiếu nước sẵn sàng chạy giải New York Marathon đến nơi.

"Annie... Annie à, cô bảo cho tôi liều tiền phẫu là ý gì vậy?"

Nhưng Annie vẫn còn lấn cấn về vấn đề khác. "Tôi bảo là bảy lần," ả khẽ nói. "Ít cũng phải bảy lần. Phải bảy không?"

"Cô muốn là bảy thì nó là bảy. Cô bảo như thế ý là..."

"Biết ngài cố tình già mồm rồi," ả đàn bà nói. "Tôi đoán hạng người kiếm sống bằng mấy lời dối trá như ngài rồi cũng chẳng đừng được mà mang thói điêu toa ra ngoài đời sống thật. Nhưng mà thế cũng được, Paul ạ. Bởi ngài có ra ngoài bảy lần, bảy mươi hay bảy trăm lần thì *bản chất* vẫn chẳng hề thay đổi. *Bản chất* không đổi, và *sự đáp trả* cũng thế thôi."

Anh đang trôi, trôi, trôi đi thật xa. Anh nhắm mắt và nghe tiếng ả đàn bà như thể nó từ tận đâu vọng lại... như giọng thánh thần từ tận cao xanh. *Nữ thần*, anh nghĩ.

"Ngài đã bao giờ đọc về thuở đầu người ta khai thác kim cương ở mỏ Kimberley chưa Paul?"

"Tôi còn viết sách về nó cơ," anh vô cớ đáp, rồi cười.

(tiền phẫu? liều tiền phẫu?)

"Thỉnh thoảng, mấy công nhân bản địa lấy trộm kim cương. Họ gói chúng trong lá cây và nhét ngược chúng lên trực tràng. Nếu thoát Big Hole trót lọt mà không bị phát hiện, họ sẽ bỏ trốn. Và ngài có biết người Anh sẽ làm gì họ nếu họ bị tóm gáy trước khi kịp vượt qua sông Oranje đến quốc gia Boer[19E] không?

"Giết họ, tôi đoán thế," anh đáp, mắt vẫn nhắm nghiền.

“Ô không! Làm thế có khác nào giật tung một chiếc xe hơi đắt tiền chỉ vì cái lò xo hỏng. Nếu người ta bắt được họ, người ta sẽ đảm bảo họ vẫn trở lại làm việc được... nhưng cũng đảm bảo một điều họ sẽ không bao giờ chạy trốn nữa. Cách thức ở đây là buộc chẳng[20E], Paul ạ, và đó là những gì tôi sẽ làm với ngài. Vì sự an toàn của chính tôi và của cả ngài nữa. Tin tôi đi, ngài cần được bảo vệ khỏi chính mình. Chỉ cần nhớ cái này, đau một tí thôi là xong. Cố gắng giữ suy nghĩ đó nhé.”

Nỗi kinh hoàng sắc lẹm như cơn gió mang đầy lưỡi dao cạo thổi qua liều giảm đau và mắt Paul mở thao láo. Ả đàn bà đã đứng dậy, đoạn kéo chăn ra để lộ đôi chân vặn vẹo cùng bàn chân trần trụi của anh.

“Không” anh nói. “Không... Annie ơi... dù cô đang nghĩ gì trong đầu thì chúng ta cũng nói chuyện được mà, phải không?. làm ơn...”

Ả cúi người. Khi đứng thẳng dậy, một tay ả đàn bà cầm cái rìu lấy từ nhà kho và tay kia cầm một ngọn đèn xì. Lưỡi rìu lóe sáng. Trên thân ngọn đèn xì là dòng B*ernz-O-matiC*. Ả lại củi xuống và lần này là một lọ tối màu cùng một hộp diêm. Trên chai tối màu có dán nhãn. Trên nhãn dán có dòng chữ *Betadine*.

Anh không bao giờ quên được những thứ này, những từ này, những cái tên này.

“*Annie ơi, không*” anh gào lên. “*Annie ơi, tôi sẽ ở ngay đây mà! Tôi sẽ không cả ra khỏi giường! Làm ơn đi mà! Chúa ơi làm ơn đừng chặt chân tôi!*”

“Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi,” ả đàn bà đáp, và trên khuôn mặt ả cái vẻ ngẩn ngơ bị rút phích cắm – vẻ mặt của sự trống vắng đầy bối

rối – và trước khi tâm trí anh bị nuốt trọn trong trận hoảng loạn như trong hỏa hoạn, anh hiểu rằng khi mọi chuyện kết thúc, con ả đó sẽ chỉ nhớ được mang máng những gì mình đã làm, giống như ả chỉ lờ mờ nhớ mình đã giết trẻ con, người già, bệnh nhân giai đoạn cuối và Andrew Pomeroy. Rốt cuộc, đây là ả đàn bà, dù đội mũ trùm đầu năm 1966, nhưng chỉ vài phút trở lại đây còn bảo anh rằng mình đã là y tá được mười năm.

Ả giết Pomeroy bằng chính chiếc rìu đó. Mình biết con ả đó đã làm vậy.

Anh tiếp tục la hét cầu xin, nhưng lời từ miệng anh đã hóa ra lảm nhảm vô nghĩa. Anh cố trở mình, quay lưng về phía ả đàn bà, và chân anh gào thét. Anh cố nhấc chúng lên để chúng đỡ bị tổn thương, bớt trong tầm ngắm, và đầu gối anh kêu gào.

“Chỉ còn một phút nữa thôi, Paul ạ,” ả nói, tay vặn mở nắp Betadine. Ả đổ một giọt nâu đỏ lên mắt cá chân trái của anh. “Chỉ một phút nữa thôi là xong rồi.” Ả đàn bà nghiêng lưỡi rìu phẳng, tay phải rắn rỏi nổi cộm những đường gân, anh còn thấy chớp sáng từ cái nhẫn thạch anh tím mà ả vẫn đang đeo trên ngón út của bàn tay đó. Ả đàn bà đổ Betadine lên lưỡi rìu. Anh ngửi được mùi này, mùi của bệnh viện. Thứ mùi mang thông điệp bạn sắp được lên bàn.

“Đau tí thôi ấy mà Paul ơi. Không sao đâu mà. Ả lật cái rìu lại và làm lộ ra mặt bên kia của phần lưỡi. Anh trông thấy những đám hoa gỉ sét lốm đốm nở ở mặt này trước khi chúng bị che khuất bởi dung dịch tưới lên.

“Annie ơi Annie Annie ơi làm ơn làm ơn đừng làm ơn đừng Annie ơi tôi thề với cô tôi sẽ nghe lời mà tôi thề với Chúa tôi sẽ ngoan

ngoãn mà lạy cô cho tôi một cơ hội để sửa lỗi ÔI ANNIE ƠI LÀM ƠN CHO TÔI ĐƯỢC NGOAN NGOÃN...”

“Chỉ đau tí thôi nhé. Rồi chúng ta sẽ bỏ lại những thứ tồi tệ này mà ngoan ngoãn, Paul à.”

Ả đàn bà ném chai Betadine còn đang mở nắp qua vai, khuôn mặt vô hồn và trống rỗng nhưng lại rắn rỏi đến khó tin; ả lướt tay phải xuống cán rìu gần đầu thép, đoạn nắm tay cầm bằng tay trái và dang rộng hai chân như người đốn củi.

“ANNIE ÔI XIN CÔ XIN CÔ ĐỪNG LÀM ĐAU TÔI!”

Đôi mắt ả ta ôn hòa và buồn trôi. “Đừng có lo,” ả nói. “Tôi là y tá có nghề mà.”

Lưỡi rìu lao xuống và vùi vào ngay trên mắt chân trái của Paul Sheldon. Cơn đau bùng phát khắp cơ thể anh thành một tia sáng khổng lồ. Máu đỏ sẫm bắn tung tóe lên mặt ả đàn bà như sơn chiến đấu của người da đỏ. Máu văng tung tóe cả lên tường. Anh nghe thấy tiếng lưỡi rìu nghiến vào xương khi ả kéo nó ra. Anh không tin nổi mà nhìn xuống thân mình. Ga giường đã nhuốm đỏ. Anh thấy ngón chân mình ngọ nguậy. Rồi anh thấy ả ta lại vung lưỡi rìu còn đang nhỏ máu lên. Tóc tại ả xõa tứ tung khỏi chiếc kẹp và phất phơ trước khuôn mặt trống rỗng.

Anh cố thu người mặc cơn đau ở ống chân và đầu gối, rồi anh nhận ra chân anh có nhúc nhích nhưng bàn chân thì bất động. Tất cả những gì anh đang làm là mở rộng nhát rìu chém, làm nó hả ngoác ra như cái miệng. Anh chỉ có đủ thời gian để nhận ra bàn chân chỉ còn gắn với cẳng chân bằng phần thịt bắp chân thì nhát rìu thứ hai băm xuống, lao thẳng vào vết rạch, nghiến qua phần còn lại của chân anh và vùi sâu vào đệm. Lò xo đệm run lên bần bật.

Annie rút chiếc rìu ra và lơ đãng ném nó sang một bên. Ả lơ đãng nhìn vết chân cụt còn đang phụt máu, rồi nhặt hộp diêm lên. Ả đàn bà châm một que. Sau đó, ả cầm ngọn đèn xì có chữ *Bernz-O-matiC* và vặn van ở bên cạnh. Đèn xì rít lên. Máu đầm đìa ở chỗ anh từng nằm. Annie giữ chặt que diêm dưới vòi phun của *Bernz-O-matiC*. Có một tiếng *phụt*. Một ngọn lửa vàng phun dài. Annie điều chỉnh chúng thành một dải lửa xanh đậm.

“Không khâu được,” ả đàn bà nói. “Không còn thời gian. Dây thắt cầm máu không có tác dụng. Ấn động mạch cũng không. Phải

(rửa sạch)

đốt khử độc.”

Ả đàn bà củi xuống. Paul gào lên khi lửa liếm khắp vết chân cụt đang chảy máu. Khói bốc lên. Có mùi ngòn ngọt. Anh và người vợ đầu đã có tuần trăng mật ở Maui. Họ đã tham gia một *luau*[21E]. Thứ mùi này làm anh nhớ đến mùi thịt lợn khi người ta nhấc nó lên khỏi hố, sau khi đã nằm quay dưới đó cả ngày. Con lợn bị xiên que, chảy xệ, đen ngòm, rệu rã.

Cơn đau đang rít lên. *Anh* đang rít lên.

“Gần xong rồi,” ả đàn bà nói và vặn van, lúc này ga giường bén lửa quanh vết chặt đã ngưng bặt chảy máu, đoạn chân cụt giờ đen sì như da lợn khi người ta đem nó ra khỏi – Eileen quay đi nhưng Paul thì vẫn nhìn, còn thích chỉ khi họ lột những tảng da lợn giòn dễ như bạn lột áo len sau một trận bóng bầu dục.

"Gân xong rồi đây...”

Ả tắt ngọn đèn xì. Chân anh nằm trong một luồng lửa với bàn chân bị đứt lìa đang dập dìu trước đó. Ả cúi xuống và lần này ngẩng

lên với bạn cũ của anh – cái xô lau sàn màu vàng. Ả ụp nó lên ngọn lửa.

Anh gào lên, gào lên. Đau quá! Nữ thần ơi! Đau quá! Châu Phi ơi!

Ả đàn bà đứng nhìn anh, nhìn tấm trải giường máu me xám xịt với vẻ thảng thốt mơ hồ – đó là khuôn mặt của người đàn bà nghe tin trên đài rằng một trận động đất làm mười ngàn người chết ở Pakistan hay Thổ Nhĩ Kỳ.

“Ngài sẽ ổn thôi, Paul ạ,” ả đàn bà nói, nhưng giọng đột nhiên sợ hãi. Đôi mắt ả bắt đầu láo liên vô định y như lúc ngọn lửa đốt cuốn sách của anh có thể bùng lên mất kiểm soát. Bất thình lình chúng dừng tại một điểm, gần như nhẹ nhõm hẳn. “Tôi sẽ đi dọn rác.”

Ả nhặt bàn chân anh lên. Ngón chân vẫn còn đang giật giật. Ả cầm nó đi qua phòng. Đến cửa ngón chân đã bất động. Anh nhìn thấy một vết sẹo trên mu bàn chân và nhớ ra tại sao mình có nó, anh đã giẫm phải mảnh chai từ hồi còn nhỏ. Ở bãi biển Revere phải không nhỉ? Ừ, anh nghĩ vậy. Anh nhớ anh đã khóc khi bố anh bảo chỉ rách da tí thôi. Bố bảo anh hãy thôi bù lu bù loa như có ai cắt cụt mất cái chân vậy. Annie khựng lại ở cửa và ngoái lại nhìn Paul, người đang gào thét và quằn quại trên chiếc giường cháy đen và đẫm máu, mặt trắng bệch như xác chết.

“Giờ ngài được buộc chằng rồi đấy,” ả nói, “và đừng có trách tôi. Đấy là lỗi của ngài.”

Ả đàn bà mất dạng.

Paul cũng thế.

23

Đám mây đã trở lại. Paul lặn ngụp trong đó, chẳng màng đến chuyện có khi lần này mây có nghĩa là chết chứ không phải bất tỉnh như mọi lần. Anh gần như mong nó chính là vậy. Chỉ cần... đừng đau nữa, làm ơn. Không ký ức, không đau đớn, không thất kinh sợ sệt, không Annie Wilkes.

Anh lặn ngụp giữa vừng mây, lặn ngụp giữa vừng mây, mơ hồ nghe thấy tiếng chính mình rên rỉ và phảng phất ngửi mùi da thịt mình chín khét.

Khi mọi suy nghĩ trong đầu đã mờ phếch, anh nghĩ: *Nữ thần Giết mày! Nữ thần! Giết mày! Nữ thần*!

Sau đó chẳng còn gì ngoài không gì cả.

PHẦN III

PAUL

Chẳng có ích gì. Nửa giờ qua tôi đã cố chợp mắt, nhưng không thể. Viết văn ở đây gần như một loại thuốc iện. Nó là thứ duy nhất tôi trông chờ. Chiều nay tôi đọc những gì mình đã viết... Và chúng có vẻ sống động. Tôi biết chúng có vẻ sống động. Tôi biết chúng mang vẻ sống động bởi trí tưởng tượng của tôi chứa tất thảy những gì mà người khác không sao hiểu được. Ý tôi là, chúng phù phiếm. Nhưng đó dường như là một loại phép màu... Và tôi không thể cứ sống trong thực tại này. Tôi sẽ hóa điên nếu tôi làm thế.

JOHN FOWLES, The Collector

1

CHƯƠNG 32

"Ôi chúa Jesus ban phước," la rê rỉ rồi thoắt tiế về phía trước. Geoffrey đỡ lấy cá h tay bạ mì h. hịp trố g đều đặ dồ trong đầu a h hư trong cơ phố khích để rụ g rời. O g vo ve qua h gười họ, n ưng k ông co ào đậu lại; chú g chỉ bay vào khoảng trống hư bị hút vào một cái am châm - thứ mà Geoffrey dù hợ hạ , hế

2

Paul nhấc máy đánh chữ lên và lắc. Sau vài tiếng kêu lạch cạch, một mảnh thép nhỏ rơi ra tấm ván đặt ngang tay xe lăn. Anh nhặt nó lên và xem xét.

Đó là chữ t. Cái máy đánh chữ vừa tự nôn phím chữ t của nó ra.

Anh nghĩ: *Tôi sẽ phàn nàn với quản lý. Tôi sẽ không chỉ hỏi xin mà sẽ nằng nặc đòi một cái mới luôn. Ả đàn bà đó có tiền mà – mình biết ả có. Có thể ả nhồi tiền vào lọ hoa quả chôn dưới nhà kho hoặc biết đâu được nhét trong mấy bức tường ở Vùng Đất Cười, nhưng ả có tiền mà, và chữ t, ôi Chúa ơi, chữ cái phổ biến thứ nhì trong tiếng Anh!*

Tất nhiên anh sẽ không yêu cầu Annie gì cả, chưa nói đến đòi hỏi. Ngày xưa có một gã ít ra cũng đã hỏi. Một gã đàn ông đã phải chịu nhiều đau đớn hơn thế này, người chẳng có gì để bám víu, thậm chí là cuốn sách chết tiệt này cũng không có. Gã đó yêu cầu. Dù bị tổn thương hay không, người đàn ông đó ít nhất cũng có đủ can đảm để tỏ ra cứng cỏi trước Annie Wilkes.

Anh từng là gã đàn ông đó, và đáng ra anh nên xấu hổ, nhưng gã ta có hai lợi thế lớn hơn cả điều này: gã ta có hai bàn chân... và đủ hai ngón tay cái.

Paul ngồi trầm ngâm giây lát (tự động điền những phần còn thiếu trong đầu, rồi cứ thế quay lại làm việc.

Tốt hơn hết là như thế.

Không đòi hỏi thì hơn.

Không nên khiêu khích thì hơn.
Bên ngoài cửa sổ, ong vo ve.
Đó là ngày đầu tiên của mùa hạ.

3

đã từng.

"Buông tôi ra đi!" Ian gầm gừ, đoạn bất ngờ tấn công Geoffrey, tay phải của anh cuộn lại thành nắm đấm. Đôi mắt anh điên cuồng lồi ra trên khuôn mặt phờ phạc, và dường như anh hoàn toàn không biết ai đang cản mình đến với người anh yêu. Geoffrey nhận ra thứ gần như đã khiến Ian phát điên là khung cảnh hiện ra khi Hezekiah vén lớp tường rào cây sang một bên. Anh vẫn loạng choạng bên bờ vực, chỉ một cú hích nhỏ nhất cũng có thể khiến anh lao xuống. Nếu chuyện đó xảy ra, anh sẽ mang sinh mạng Misery đi cùng mình luôn.

"Ian..."

"Tôi nói buông tôi ra đi" Ian lùi mạnh về phía sau giận dữ, và Hezekiah sợ hãi rên rỉ. "Không được đâu ông chủ, làm bọn ong phát điên, ong đốt Mis'wess."

Ian dường như không nghe thấy gì. Đôi mắt hoang dại và trống rỗng, anh tấn công Geoffrey, đánh vào xương gò má của người bạn lâu năm. Những ngôi sao đen phóng vụt qua đầu Geoffrey.

Hoa mắt, anh vẫn kịp thấy Hezekiah vung thứ vũ khí gosha chết chóc - một túi đầy cát mà người Bourka sử dụng đầy điệu nghệ - anh kịp thời rít lên: "Không! Để ta xử lý!"

Hezekiah miễn cưỡng để chiếc gosha trượt xuống cuối sợi dây da của nó giống như một con lắc đang chậm dần.

Đoạn, đầu Geoffrey lại hứng trọn một cú đánh mới. Cú đánh lần này ghìm chặt môi anh vào răng anh, và anh cảm nhận được vị mặn

ngọt âm ấm của máu bắt đầu thấm vào miệng mình. Một tiếng gầm gừ thô bạo phát ra khi chiếc áo sơ mi vạt dài của Ian, giờ đã bạc màu và rách lung tung cả chục chỗ, bắt đầu toạc ra trong tầm tay Geoffrey. Chỉ tích tắc nữa thôi là anh thoát được. Geoffrey kinh ngạc nhận ra đó chính là chiếc áo Ian đã mặc trong bữa tiệc tối của Nam tước và Nữ nam tước ba đêm trước. tất nhiên là thế rồi. Kể từ đó đã làm gì có cơ hội nào để thay đồ, cả Ian hay bất kỳ ai trong số họ đều như vậy. Mới ba đêm trước thôi. mà cái áo trông như đã từng nằm trên người Ian ròng rã ba năm, và Ian cảm giác như từ bữa tiệc đến nay phải dài như ba thế kỷ. Mới ba đêm trước thôi, anh nghĩ lại với sự thắc mắc ngờ nghệch, rồi Ian lại táng tới tấp vào mặt anh.

"Buông tôi ra, chết tiệt!" Ian vung nắm đấm đẫm máu của mình liên tục vào mặt Geoffrey - người bạn mà khi tỉnh thần anh dám hy sinh cả thân mình vì anh ấy.

"Anh muốn chứng tỏ tình yêu dành cho cô ấy bằng cách lấy mạng cô ấy ư? Geoffrey khẽ hỏi. "Nếu anh muốn làm như thế, thì anh bạn già à anh muốn đánh tôi thế nào thì đánh đi”

Ian nắm tay do dự. Chút cảm giác phảng phất sự trở lại của thần trí hắt lên từ đáy mắt đầy nỗi kinh hãi và điên cuồng của anh.

"Tôi phải đi tìm cô ấy" anh thì thào như người nói mớ. "Xin lỗi đã đánh anh, Geoffrey - thực lòng xin lỗi anh bạn già khả kính của tôi, và tôi chắc anh cũng hiểu được tâm tư đó - nhưng tôi phải. Anh thấy cô ấy…" Anh nhìn lại như thể xác nhận sự đáng sợ của cảnh tượng, rồi lại thêm lần nữa như chực lao tới nơi Misery đang bị trói vào một cái cột, hai cánh tay vòng qua đầu. Còng tay màu xanh da trời của Nam tước sáng lấp loáng trên cổ tay cô, trói cô vào cành thấp của cây bạch đàn, loài cây duy nhất trong khu rừng thưa.

Lần này Hezekiah túm lấy Ian, nhưng bụi cây lại rung lên xào xạc và Geoffrey nhìn về phía bãi đất trống, hơi thở anh thoáng qua cổ họng, y như mảnh vải mắc vào một cái gai - anh tưởng như mình là người phải bước lên ngọn đồi lởm chởm đá, tay ôm đống chất nổ đã cũ mèm chỉ chực bùng ra. Chỉ một vết đốt thôi, anh nghĩ. Chỉ một thôi là coi như cô ấy xong đời.

Không, ông chủ nghe này" Hezekiah nói với vẻ kiên nhẫn đầy hoảng hốt. "Nó giống ông chủ nói nếu ông xuống đó, bọn ong đang ngủ sẽ tỉnh dậy. Và nếu ông tỉnh dậy chúng ta đều chết, nhưng cô ấy chết đầu tiên và đau đớn nhất"

Ian từ từ thả lỏng giữa hai người đàn ông, một người da đen, người còn lại da trắng. Đầu anh ngoặt về phía bãi đất trống với vẻ miễn cưỡng đáng sợ, như thể anh chẳng muốn nhìn nhưng không cách nào đừng được.

"Thế chúng ta làm sao đây? Chúng ta làm gì cho em yêu tội nghiệp của tôi đây?"

Tôi không biết đã ra đến vành mỗi Geoffrey, và giữa tình trạng đau khổ cùng cực của chính mình, anh khó mà nuốt ngược được nó vào trong. Đó không phải lần đầu chuyện Ian có được người phụ nữ mà Geoffrey nhất mực yêu (trong kín kẽ) cho Ian cái quyền được phát tiết quá trớn một thói ích kỷ chẳng giống ai cùng một cơn cuồng loạn như gà mái mẹ mà Geoffrey buộc lòng phải cho qua; sau cùng thì với cả thế giới này anh chỉ là bạn của Misery mà thôi.

Ừ, chỉ là bạn thôi, anh nghĩ với nỗi mỉa mai lưng lửng cuồng loạn, và rồi mắt anh lại bị hút về phía bãi đất trống. Về phía bạn của anh.

Trên người Misery không có lấy một manh áo quần, nhưng Geoffrey nghĩ kể cả một lão bà nông thôn nghiêm cẩn, tuần đến nhà thờ dăm bận cũng không thể nào quy cho cô là khiếm nhã. Người đứng đắn, chững chạc và đầy đạo hạnh đó có thể hét toáng lên khi nhìn thấy Misery, nhưng tiếng hét đó hẳn phải phát ra từ sự kinh hoàng và sợ hãi, hơn là bởi mực thước bị báng bổ. Misery không mặc quần áo gì, nhưng còn lâu mới gọi là lõa thể.

Cô ấy mặc những con ong. Từ đầu ngón chân đến tận đỉnh mái tóc màu hạt dẻ, cô đều mặc những con ong. Trông cô như đang mặc một thứ trang phục nữ tu lạ lùng nào đó - lạ vì nó di chuyển và nhấp nhô quanh những đoạn nổi lên của ngực và hông dù bốn bề không có lấy dù chỉ một thoáng gió. Chưa dừng ở đó, mặt cô ấy như đang bị bao bọc bởi chiếc khăn trùm đầu kiểu phục trang Hồi giáo - chỉ có đôi mắt xanh của cô còn thấp thoáng lộ ra khỏi chiếc mặt nạ ong đang trườn chầm chậm quanh mặt cô, che khuất tất cả miệng và mũi, cằm và lông mày. Nhiều ong hơn nữa, những con ong nâu châu Phi khổng lồ, loài ong độc và hung hãn nhất trên thế giới, bò tới bò lui trên cái vòng thép trước khi kết lại thành đôi găng tay sống trên tay Misery.

Geoffrey càng nhìn, ngày càng có nhiều ong bay đến bãi đất trống từ mọi hướng la bàn - nhưng anh thấy rõ ràng kể cả trong tình thế mê loạn hiện tại, phần lớn ong đến từ hướng Tây, phía tảng đá đen vĩ đại hình gương mặt nữ thần đang lờ mờ ẩn hiện.

Tiếng trống đều đều vang lên từng nhịp, nghe buồn ngủ như tiếng đập cánh rầm rì của đàn ong. Nhưng Geoffrey biết cảm giác buồn ngủ đó giả tạo đến thế nào khi chứng kiến những gì xảy ra với nữ Nam tước, và chỉ biết tạ ơn Chúa rằng Ian đã không phải chịu

đựng điều đó. rồi âm thanh của tiếng vo ve buồn ngủ đó đột nhiên vống lên thành tiếng ré lên chói tai và giận dữ. âm thanh thoạt đầu còn bị át đi, sau thì hoàn toàn bóp nghẹt tiếng thét đau đớn giãy chết của tời đàn bà. Cô ta từng là một sinh vật vô dụng và ngu ngốc, còn nguy hiểm - cô ta đã suýt khiến họ bị hành quyết khi thả gánh hát rong của Anh em nhà String ra - nhưng dù ngu ngốc hay không, vô dụng hay không, nguy hiểm hay không, chẳng có người đàn ông hay phụ nữ nào xứng đáng với cái chết như vậy.

Trong đầu Geoffrey văng vẳng câu hỏi của Ian: Thế chúng ta làm sao đây? Chúng ta làm gì cho em yêu tội nghiệp của tôi đây?

Hezekiah đáp: "Không làm được gì bây giờ, ông chủ - nhưng cô ấy không bị nguy hiểm. Chỉ cần trống còn phát tiếng, đàn ong sẽ ngủ tiếp. Còn Miswess, cô ấy cũng sẽ ngủ."

Lúc này những con ong đã cuốn quanh cô như một tấm chăn chuyển động dày cộm; mắt cô ấy, mở tròn như vô định, dường như bị thụt lại vào trong một cái hang ong sống đang bay lượn, loạng choạng, lổm ngổm.

"Còn nếu trống dừng?" Geoffrey hỏi với giọng trầm không ra hơi, vừa dứt lời, tiếng trống ngưng bặt.

Trong một khỏa h khắc cả ba gười đ u

4

Paul ngơ ngác nhìn dòng cuối cùng, rồi nâng bổng chiếc Royal lên – anh hay nâng nó lên như một cái tạ kỳ quặc khi ả đàn bà không ở trong phòng, Chúa mới biết vì sao – rồi lại lắc nó. Đám phím lục cục rồi nhả ra một miếng kim loại trên tấm ván đang kê ngang làm bàn.

Ở bên ngoài vọng lại âm thanh xe cắt cỏ màu xanh sáng của Annie đang gầm rít – ả đang ở phía trước lo cắt cỏ cho tươm tất để đám nhãi nhép nhà Roydman chẳng còn cớ gì mà vào thị trấn gièm pha.

Anh đặt máy đánh chữ xuống, đoạn dốc ngược nó lên mà tìm cho ra nỗi bất ngờ mới này. Anh quan sát nó trong ráng chiều muộn rực lên qua khung cửa sổ. Vẻ nghi hoặc đóng đinh trên mặt anh.

Trên đầu phím bằng kim loại in nổi và hơi phai màu là chữ:

E

e

Để đổ thêm dầu vào lửa, giờ cái Royal cổ lỗ sĩ còn rụng luôn phím chữ phổ biến nhất trong tiếng Anh.

Paul trông lên lịch treo tường. Ảnh lịch chụp một đồng cỏ đầy hoa và chỉ tháng Năm, nhưng giờ Paul tự theo dõi lịch bằng một mảnh giấy nháp, và theo lịch anh tự làm thì hôm nay là ngày 21 tháng Sáu.

Cuộn mình qua những ngày hè chuếnh choáng và cuồng loạn[22E], anh chua chát nghĩ, rồi quăng cái bệ phím đại loại về

hướng sọt rác.

Chà, thế giờ mình làm gì nhỉ? nghĩ vậy nhưng anh thừa biết tiếp theo là gì. Điền tay. Tiếp theo là điền tay.

Nhưng không phải bây giờ. Dẫu mới vài giây trước anh còn cuống quýt như cháy nhà, nôn nóng để Ian, Geoffrey và Hezekiah hài hước bị tóm gọn khi đang phục kích người Bourka, để toàn bộ cuộc vui sẽ được chuyển đến những hang động phía sau đầu thánh tượng cho một màn chung kết tưng bừng khói lửa, đột nhiên anh thấy mệt. Miệng hố trên trang giấy đã đóng lại bùng một tiếng nổ mạnh.

Để mai.

Để mai anh điền tay.

Điền tay cái quái gì. Phàn nàn với quản lý đi Paul.

Nhưng anh chẳng làm thế đâu. Annie đã thành ra quái gở lắm rồi.

Anh lắng tai nghe tiếng hằm hè đều đều của xe cắt cỏ, trông thấy bóng dáng ả đàn bà, và hễ cứ nghĩ đến chuyện Annie sẽ trở nên kỳ quái thế nào, tâm trí anh lại hiện ra hình ảnh lưỡi rìu dâng lên, rồi chặt xuống; hình ảnh khuôn mặt khủng khiếp, trơ trọi và chết chóc của ả loang lổ đầy vết máu anh. Từng chi tiết đều rõ nét. Từng lời ả nói, từng từ anh gào lên, tiếng rìu cọ ken két vào xương bị chặt đứt rồi rút ra, máu me hắt khắp tường. Tất cả đều rõ rành rành. Và cũng như mọi lần, anh cố chèn nén ký ức này; rồi nhận ra mình đã chậm một nhịp.

Vì nút thắt quan trọng của *Fast Cars* kể về vụ đột nhập ngàn cân treo sợi tóc của Tony Bonasaro khi hắn cố gắng đến tuyệt vọng để không bị cảnh sát tóm (và tình tiết này dẫn đến phần kết là một cuộc

thẩm vấn nảy lửa do đồng đội của Trung úy Grey quá cố thực hiện ngay trong phòng bệnh viện Tony đang nằm), Paul đã phải phỏng vấn một số nạn nhân của các vụ tai nạn. Anh nghe đến nhàm tại cùng một nội dung. Nhìn bề ngoài thì mỗi chuyện một khác, nhưng tựu chung chúng đều dẫn đến cùng một thứ: *Tôi nhớ được đến đoạn lên xe, rồi tôi tỉnh dậy ở đây. Những thứ ở giữa chỉ là một khoảng trắng.*

Sao đến chuyện của *anh* thì không như vậy?

Bởi nhà văn ghi vào đầu mọi thứ, Paul ạ. Đặc biệt là những điều đau đớn. Hãy lột trần một nhà văn ra, chỉ vào từng vết sẹo, và anh ta sẽ kể cho bạn nghe câu chuyện của từng đốm nhỏ. Tiểu thuyết được khơi ra từ những vết sẹo lớn, chứ không phải từ chứng mất trí. Nếu bạn muốn trở thành người cầm bút mà có tài năng thì cũng tốt đấy, nhưng điều kiện cốt tủy duy nhất là khả năng nằm lòng câu chuyện của từng vết dấu đau thương.

Nghệ thuật bao hàm khả năng ghi nhớ bền bỉ.

Ai từng bảo thế ấy nhỉ? Thomas Szasz? William Faulkner? Hay Cyndi Lauper?

Nhưng cái tên cuối cùng, tự nó lại kéo về một trường liên tưởng riêng, một ký ức đau khổ và bất hạnh trong tình cảnh này: ký ức Cyndi Lauper nấc lên hân hoan trong bài hát “Girls Just Want to Have Fun”, rõ ràng đến độ như ở ngay bên tai: rõ ràng đến mức gần như nghe rõ: *Oh daddy dear, you're still number one / But girls, they wanna have fuh-un / Oh when the workin day is done / Girls just wanna have fun.* (tạm dịch: Anh yêu ơi, anh vẫn là số một/ Nhưng chị em vẫn muốn được vui vẻ/ Khi ngày làm việc trôi qua/ Những cô gái chỉ muốn được vui vẻ).

Đột nhiên anh thèm một liều rock and roll còn hơn cả anh từng thèm một điếu thuốc. Không cần phải là Cyndi Lauper. Ai cũng được. Chúa ơi, Ted Nugent luôn còn được.

Lưỡi rìu bổ xuống.

Tiếng lưỡi rìu khe khẽ.

Đừng nghĩ về nó nữa.

Thế nhưng chuyện đó thật ngu ngốc. Anh cứ bảo mình đừng có nghĩ về nó nữa, dù vẫn biết nó vẫn luôn ở đó, như cục xương hóc trong cổ họng. Rồi anh phải để nó ở đó, hay anh sẽ cư xử như một người đàn ông và làm rối tung mọi thứ lên?

Một ký ức nữa bám đuôi đến, làm như đây là chương trình Vui Vẻ dành cho Paul Sheldon. Ký ức này là Oliver Reed trong vai nhà khoa học điên rồ nhưng đầy khả năng thuyết phục trong phim *The Brood* của David Cronenberg. Reed giục giã các bệnh nhân tại Viện Tâm Thần Sinh Lý Học (một cái tên mà Paul từng thấy cực kỳ hay ho) hãy "vượt qua đi! Làm một mẻ khỏe suốt đời!"

Chà... thỉnh thoảng đó có lẽ là một lời khuyên không đến nỗi nào.

Tôi đã vượt qua một lần rồi. Thế là đủ rồi.

Rác rưởi thì mãi là rác rưởi mà thôi. Nếu làm một mẻ mà khỏe suốt đời được, hẳn anh đã là thằng cha bán máy hút bụi giống y cha mình.

Thế thì vượt qua đi. Cắn răng mà vượt qua đi Paul. Bắt đầu bằng Misery ấy.

Không đấy.

Phải vậy thôi.

Biến đi.

Paul ngả người ra sau, đưa tay che mắt và dù muốn hay không, anh bắt đầu vượt qua.

Làm một mẻ để vượt qua.

5

Anh chưa chết, chưa lịm đi, nhưng một khoảng thời gian sau khi Annie buộc chằng anh, cơn đau biến mất. Anh chỉ cứ thế trôi dạt, cảm thấy không bị trói buộc vào cơ thể mình, một quả bóng của tư duy thuần túy đã tuột ra khỏi sợi dây của nó.

Ô khỉ thật, sao anh phải quan tâm nhỉ? Ả đó đã làm vậy rồi, và chẳng kể một phút giây nào, nỗi đau, niềm tẻ ngắt và từng cơn làm việc chập chờn cho cuốn sách chính kịch ngu ngốc của anh thoát khỏi được hai cuốn trước đó. Mọi thứ đều vô nghĩa.

Ồ, nhưng có khi là không đâu – có một đề tài xuyên suốt ở đây mà Paul. Có một sợi chỉ đi qua tất cả mọi thứ. Một thứ liên kết rất thật. Mày không thấy à?

Misery, tất nhiên. Đấy là sợi chỉ xuyên suốt tất cả mọi thứ, nhưng chỉ thật hay rởm thì cũng ngu ngốc như vậy cả.

Nếu ở dạng danh từ thông thường, *misery* có nghĩa là nỗi đau, vốn thường lê thế và vô nghĩa; Misery thì là một nhân vật trong cốt truyện chắc chắn là dài dòng và vô nghĩa bậc nhất, nhưng dù sao nó cũng sẽ kết thúc sớm thôi. Misery quanh quẩn trong đời anh suốt bốn tháng vừa rồi (hoặc có khi là năm), được rồi, cực kỳ nhiều Misery, ngày này Misery, ngày kia lại Misery nhưng chắc là nó đơn giản quá nhỉ, chắc vậy...

Ôi không Paul. Misery không hề đơn giản tí nào. Đơn cử chuyện mày nợ ả ta cái mạng đấy thôi, chỉ riêng cái đó thôi... bởi sau cùng mày đã hóa ra thành Scheherazade rồi, không phải sao?

Anh lại lần nữa cố thoát ra khỏi đám suy nghĩ này, nhưng bất lực. Khả năng ghi nhớ bền bỉ và thế là hết. Thợ bút chỉ cố vậy cho vui. Thế rồi một ý tưởng chợt đến, ý tưởng mở ra cả một hướng tư duy toàn toàn mới.

Thứ mày không thèm đếm xỉa, bởi nó quá hiển nhiên, rằng mày cũng đã – đang là Scheherazade của chính mày.

Anh chơm chớp mắt, hạ đầu xuống và ngày người trông ra cảnh mùa hè mà anh chưa bao giờ nghĩ mình sẽ nhìn thấy. Bóng Annie vụt qua rồi lại biến mất.

Có thật vậy không?

Scheherazade của chính mình. Anh lại nghĩ. Nếu đúng là thế thật thì anh đang phải đối mặt với thứ đần độn cực kỳ phì nộn: anh mắc nợ sự sinh tồn của chính mình vì anh muốn hoàn thành đống rác rưởi mà Annie ép uổng anh phải viết. Đảng ra anh nên chết rồi... mà không thể. Cho đến khi anh biết mọi thứ sẽ thành ra thế nào.

Ôi mày điên thật đấy.

Mày chắc không?

Không. Anh không chắc nổi nữa. Về bất cứ thứ gì. Chỉ trừ một ngoại lệ: cả cuộc đời anh đã bị gắn chặt và sẽ tiếp tục dai dẳng đeo bám Misery.

Anh để tâm trí trôi đi.

Đám mây, anh nghĩ. *Bắt đầu với những đám mây.*

6

Lần này đám mây đen hơn, đặc hơn, có phần mịn hơn. Có một cảm giác nó không trôi, mà là trượt đi. Thỉnh thoảng suy nghĩ ập đến, thỉnh thoảng là cơn đau, và thỉnh thoảng, lờ mờ, anh nghe giọng Annie vang lên giống như khi bản thảo cháy trong bình nướng chực bùng lên: “Uống cái này đi, Paul... ngài phải làm vậy thôi!”

Trượt đi?

Không.

Đó không phải động từ chính xác. Động từ chính xác phải là *lún xuống*. Anh nhớ lại một cuộc gọi đến lúc ba giờ sáng – khi anh còn học đại học. Giám thị tầng bốn ký túc xá ngái ngủ đập cửa rầm rầm kêu anh xuống gấp mà nghe cái máy chết tiệt này đi. Là mẹ anh. *Về nhà luôn đi Paulie. Bố con bị đột quỵ nặng lắm. Ông ấy đang lún đi rồi.* Và rồi anh về nhà luôn, nhấn ga chiếc Ford già cỗi của mình đến hơn bảy mươi dặm bất chấp phần đầu xe run bần bật chỉ chịu được tốc độ trên năm mươi, nhưng cuối cùng cũng chẳng để làm gì. Lúc anh về tới, bố anh đã không còn lún đi nữa, mà lún xuống hẳn rồi.

Anh đã lún đến mức nào vào cái đêm lưỡi rìu vung lên nhỉ? Anh không biết nữa, nhưng sự thật rằng suốt một tuần sau khi bị chặt cụt chân là một dấu hiệu rõ ràng về việc anh đã lún đến mức nào, có lẽ vậy. Điều đó, cùng giọng thảng thốt của ả đàn bà.

Anh đã chìm vào trạng thái bán hôn mê, khó thở vì thuốc có tác dụng phụ gây ức chế hô hấp, dịch truyền glucose lại nhỏ giọt vào

cánh tay anh. Thứ kéo anh ra khỏi trạng thái đó là tiếng trống rền và tiếng rầm rì của đàn ong.

Trống Bourka.

Ong Bourka.

Những giấc mộng về Bourka.

Màu sắc chảy tuôn chầm chậm và không ngừng vào một mảnh đất và một bộ lạc chưa từng nằm trên bốn viền giấy mà anh viết.

Một giấc mơ về nữ thần, gương mặt nữ thần, màu đen lờ mờ giữa nền rừng xanh, u ám và mỏi mòn. Nữ thần bóng tối, lục địa đen tối, một cái đầu đá đầy ong. Phủ lên trên tất cả là một bức tranh, cứ mỗi lúc một rõ ràng hơn (cứ như có một màn trình chiếu trên đám mây mà anh đang nằm). Đó là bức tranh về một bãi đất trống chỉ có độc một cội cây bạch đàn cổ thụ. Ở cành thấp nhất của cái cây là một đôi còng tay thép màu xanh dương kiểu cũ. Ong bò đầy trên đó. Đôi còng tay rỗng không. Chúng rỗng không bởi Misery đã... bỏ trốn?

Ả trốn rồi phải không nhỉ Chẳng phải câu chuyện nên đi theo hướng đó hay sao?

Đã từng là thế – nhưng giờ anh không còn chắc nữa. Cái còng rỗng không nghĩa là sao nhỉ Hay ả bị đưa đi nhỉ? Áp giải đến chỗ thánh tượng? Bị đưa đến chỗ ong chúa, Bé Bự của Bourka?

Mày cũng là Scheherazade của chính mày.

Mày đang kể câu chuyện này vì ai vậy Paul? Mày đang kể cho ai nghe vậy? Cho Annie à?

Tất nhiên là không. Anh không nhìn xuyên qua cái lỗ trên tờ giấy để thấy Annie, hay để vuốt ve Annie... anh làm thế để thoát khỏi Annie.

Cơn đau đã cuộn lên. Rồi cảm giác ngứa ngáy. Đám mây sáng trở lại, rồi tách ra. Anh bắt đầu nhìn quanh căn phòng, một nơi tệ hại, và Annie, điều còn tệ hại hơn thế. Anh vẫn quyết định phải sống. Vài phần trong anh cũng nghiện kịch chương hồi y như Annie hồi nhỏ đã quyết định rằng anh không thể chết cho đến khi thấy được câu chuyện sẽ ra sao.

Ả trốn, với sự trợ giúp của Ian và Geoffrey rồi à?

Hay ả đã bị đưa vào đầu nữ thần

Thật nực cười, nhưng những câu hỏi ngu ngốc này thường sẽ cần được trả lời.

7

Ả đàn bà không muốn anh trở lại làm việc – mới đầu là vậy. Anh thấy được trong đôi mắt lanh lợi của ả, rằng ả đã và vẫn đang sợ hãi thế nào. Anh đã lún đến mức nào. Ả ta dành cho anh sự săn sóc thái quá, cứ mỗi tám tiếng lại thay băng trên cái chân cụt của anh một lần (và mới đầu, ả còn thông báo cho anh với khi khái của kẻ biết rằng mình sẽ không bao giờ được trao huân chương cho những đóng góp của mình – dù ả ta xứng đáng – cứ bốn tiếng một lần), tắm cho anh bằng bọt biển và thoa cồn – như thể chối bay những gì mình từng làm. Làm việc, ả bảo, sẽ khiến anh bị đau. *Nó sẽ kìm hãm ngài, Paul ạ. Không phải vậy thì tôi cũng chẳng nói làm gì – tin tôi đi. Ít nhất ngài biết diễn biến tiếp theo là gì – tôi muốn biết chết đi được ấy.* Hóa ra ả đàn bà đã đọc mọi thứ mà anh viết – tất thảy chữ nghĩa tiền phẫu thuật của anh, có thể nói là vậy – trong khi anh lần lữa bên cửa tử.. phải hơn ba trăm trang bản thảo. Gần năm mươi trang cuối anh chưa kịp điền chữ n; Annie cũng đã điền rồi. Ả cho anh xem chúng với lối tự kiêu bất chấp một cách khó chịu. Chữ n ả điền gọn gàng và chuẩn chỉ, một trời một vực so với chữ anh tự điền vốn đã tha hóa thành một cái lưng gù nguệch ngoạc.

Dù Annie chưa bao giờ nói ra, anh tin rằng việc ả điền chữ n là một minh chứng khác của sự dỗ ngọt – *Làm sao ngài bảo tôi ác độc với ngài cho được Paul, khi ngài trông thấy tất cả những chữ n mà tôi đã điền?* — hoặc một hành động chuộc tội, hay có thể là một nghi thức gần như cuồng tín: cứ thay đủ băng, tắm đủ bằng bọt biển,

điền đủ chữ n, và Paul sẽ sống. *Người đàn bà ong Bourka tạo ra thứ pháp thuật nhịm mào, Buana, lấp hết mọi chữ n quái ác rồi tất cả đều khỏe lại.*

Đó là cách ả bắt đầu... nhưng rồi cưỡng chế bắt đầu chiếm chỗ. Paul biết hết tất cả triệu chứng. Khi ả đàn bà nói ả muốn biết chết đi được, ả không hề nói đùa.

Bởi vì mày sống tiếp để biết diễn biến tiếp theo, đấy chẳng phải những gì mày thực sự muốn nói hay sao?

Thật điên rồ nhưng đúng là như vậy – dù hổ thẹn, thậm chí là vô lý – anh nghĩ nó đúng là như vậy.

Sự *cưỡng chế*.

Đó là thứ anh tức tối nhận ra anh chỉ tạo ra được khi viết truyện về Misery như ý mình, hay những câu chuyện chạy theo xu hướng kiểu được chăng hay chớ, ngoài ra thì không có luôn. Bạn không biết chính xác tìm ở đâu thì ra được sự *cưỡng chế*, nhưng bạn luôn biết bạn đã thấy chúng khi nào. Nó khiến kim của mấy bộ đếm Geiger nội tại xoay hết cỡ đến cuối dãy số. Kể cả khi ngồi trước máy đánh chữ lúc ngà ngà say, uống hai cốc cà phê đen và cứ một hai tiếng lại lạo xạo nhai một hai viên Rolaid (biết là anh nên bỏ quách hút thuốc đi, ít nhất là buổi sáng, nhưng anh không quyết chỉ được), vài tháng kể từ khi hoàn thành bản thảo rồi mấy năm ánh sáng kể từ lúc xuất bản, bạn nhận ra *cưỡng chế* khi bạn có nó. Việc mang nó trong mình luôn khiến anh thấy hơi ngượng – thao túng. Nhưng nó cũng khiến anh thấy mình được trả lại sự trong sạch cho công sức lao động của mình. Chúa ơi, ngày trôi qua và cái hố trên giấy cứ hẹp miệng, ánh sáng hắt lên cử mù mờ, và những tiếng xì xào nghe lén được cứ vô tri. Bạn tiếp tục làm vì đó là tất cả những gì bạn có thể

làm. Khổng Tử dạy nếu một người muốn trồng được một luống ngô, trước đó phải nhọc công xúc cả tấn phân. Và rồi một ngày kia cái hố mở miệng rộng cỡ Vistavision và ánh sáng chói qua như bức xạ từ bom tấn của Cecil B. De Mille, bạn biết bạn đã có sự *cưỡng chế*, sinh động và huy hoàng.

Cưỡng chế, như ở trong câu này: “Anh nghĩ anh sẽ thức cỡ mười lăm hai mươi phút nữa, em à, anh cần phải xem chương này rồi sẽ thế nào.” Dù chính gã nói câu đó đã dành cả ngày làm việc để nghĩ xem bao giờ mới được ngả lưng, và biết rằng khả năng cao là vợ mình đã ngủ trước khi anh lê được lên phòng ngủ.

Cưỡng chế, chính là: “Tôi biết là đến giờ cơm tối rồi — anh sẽ cáu gắt nếu TV lại chiếu bữa tối – nhưng tôi phải xem kết thúc thế nào đã.”

Tôi phải biết được liệu ả có sống sót không.

Tôi không đừng được việc xem anh ta có bắt được kẻ giết cha mình hay không.

Tôi phải biết được liệu cô ấy có phát hiện ra người bạn thân nhất đang quện với chồng mình.

Sự *cưỡng chế*. Tục tĩu như màn xóc lọ trong một quán bar nhếch nhác, mỹ mãn như cuộc giao hoan với ả gái điểm thạo nghề nhất trần đời. Ôi trời tệ quá ôi trời mê quá và ôi trời thô bạo hay tục tằn bao nhiêu cũng có quan trọng gì, bởi cuối cùng nó giống như Jacksons nói trong bản thu – đừng dừng lại cho đến khi bạn nhận đủ.

8

Mày cũng là Scheherazade với chính mình.

Đó không phải một ý tưởng mà anh có thể nói ra hoặc thậm chí là hiểu được ngay lúc đó; anh đã bị ngập trong cơn đau. Nhưng anh biết điều tương tự, không phải sao?

Không phải mày. Là mấy gã ở xí nghiệp do dây dưới kia. Họ biết.

Ừ. Có vẻ đúng là thế.

Tiếng xe cắt cỏ càng lúc càng to. Ngay sau đó Annie xuất hiện trong tầm mắt. Ả đàn bà nhìn anh, nhìn anh giương mắt nhìn lại ả, và giơ tay chào anh. Anh giơ một tay – bên còn nguyên ngón cái – đáp lại. Ả lại biến mất khỏi tầm mắt. Phối hợp tốt.

Cuối cùng anh đã có thể thuyết phục được ả đàn bà rằng làm việc không kìm hãm anh mà giúp anh tiến bộ. Anh bị ám ảnh bởi tính đặc thù của những hình ảnh đã dụ anh ra khỏi đám mây, và *ám ảnh* là cách dùng từ chính xác: chúng sẽ mãi ẩn sau những bóng mờ vô định hình cho đến khi được viết ra.

Và cả khi ả đàn bà không tin tưởng anh – chưa tin – ả vẫn cho anh quay làm lại làm việc như thế. Không phải bởi anh đã thuyết phục được ả, mà chính bởi sự *cưỡng chế*.

Mới đầu anh chỉ có thể làm được trong những khoảng ngắn đầy đau đớn – mười lăm phút, thỉnh thoảng là nửa giờ nếu câu chuyện thực sự buộc anh phải vậy. Kể cả những đợt le lói ngắn ngủi đó cũng đau tê tái. Việc thay đổi tư thế khiến cái chân cụt trở nên rực rỡ sống động, giống như cành cây đang cháy âm ỉ bỗng bùng cháy

dữ dội khi có cơn gió nhẹ thổi qua. Khi anh viết, vết thương đau dữ dội, nhưng đó không phải điều tệ nhất – tồi tệ nhất là chỉ một hoặc hai giờ sau, vết chân cụt đang lành dần khiến anh ngứa ngáy đến chảy cả nước mắt, như cả đàn ong loạng choạng buồn ngủ.

Anh đã đúng, chứ không phải ả. Anh chưa bao giờ khỏe như vậy – có lẽ không phải trong tình cảnh này – nhưng sức khỏe của anh có cải thiện và chút sức lực của anh đã quay trở lại. Anh nhận thức được rằng tầm quan tâm của anh đã bị thu hẹp lại, nhưng anh chấp nhận đây là cái giá của việc sống còn. Anh còn sống đã là kỳ diệu lắm rồi.

Ngồi đây trước chiếc máy đánh chữ với hàm răng ngày càng xập xệ, nhìn lại quãng thời gian chỉ quanh quẩn công việc, không có sự vụ gì, Paul gật đầu. Đúng vậy, anh cho rằng mình đã là Scheherazade của bản thân, cũng như anh hóa thân thành người đàn bà trong mơ của chính mình khi túm lấy bản thân và thủ dâm theo nhịp như phát sốt với những ảo mộng trong anh. Không cần bác sĩ tâm lý phải bảo anh cũng biết việc viết lách có mặt thủ dâm của chính nó – bạn vẫn cái máy đánh chữ thay vì vần cục thịt của mình, nhưng cả hai hành động đều phụ thuộc vào sự nhanh trí, lẹ tay và một cam kết chân phương với nghệ thuật của những thứ viển vông.

Nhưng chẳng phải đó cũng là một kiểu giao hoan, dù là loại khô khan nhất à? Bởi một khi anh bắt đầu làm lần nữa... chà, ả đàn bà đó sẽ không làm phiền anh khi anh lo công chuyện, nhưng ả sẽ chực lấy thành quả mỗi ngày ngay khi anh vừa xong, ngoài mặt là để điền vào những chữ cái còn thiếu, nhưng thực ra − giờ anh đã biết, như một gã đàn ông nhanh nhạy với dục tình biết được cuộc

hẹn nào sẽ ra trò vào cuối buổi tối và cuộc hẹn nào không – để sửa chữa. Để thoả mãn sự *cưỡng chế* của ả.

Các vở kịch chương hồi. Phải. Quay trở lại với nó. Chỉ một vài tháng về đây ả đã đi xem mỗi ngày thay vì chỉ vào chiều thứ Bảy hằng tuần, và Paul đưa ả đi không phải anh trai mà là tay nhà văn ả đang chăm nuôi như thú cưng.

Thời gian anh làm việc cùng máy đánh chữ dần kéo dài khi cơn đau từ từ rút đi và chút sức chịu đựng của anh trở lại... nhưng rốt ráo mà nói anh không thể viết kịp để thỏa mãn yêu cầu của ả đàn bà. Thứ *cưỡng chế* đang giữ cho cả hai tồn tại trên đời – và nó đúng là vậy, bởi nếu không có nó thì chắc chắn ả đã giết cả anh và mình từ lâu rồi – cũng là thứ khiến ngón cái anh biến mất. Chuyện đó quá sức kinh hoàng, nhưng cũng khá hài hước. *Hơi mỉa mai nhưng, Paul ạ – việc đó tốt cho máu của mày.*

Và tưởng tượng xem nó có thể đã tệ hại đến mức nào.

Thứ rụng xuống, có thể là của quý của anh, chẳng hạn.

“Và mình có mỗi một cái đó,” anh nói, đoạn cười phá lên giữa căn phòng trống, trước chiếc Royal đáng ghét đang nhoẻn nụ cười bằng hàm răng nhấp nhổm. Anh cười cho đến khi cả ruột rà và cái cội chân cụt của anh đều nhức nhối. Cười đến khi thần trí anh nhức nhối. Ở một vài thời điểm, tiếng cười hóa ra thành tiếng nức nở khô khốc kinh tởm khiến cơn đau trỗi dậy ở cả ngón cái bên tay trái, và khi chuyện đó xảy ra anh cuối cùng cũng có thể ngừng lại được. Anh băn khoăn một cách ngán ngẩm chuyện anh đã suýt soát hóa rồ ra sao.

Cũng chẳng quan trọng lắm, anh nghĩ.

9

Một hôm không lâu trước ngày chặt ngón tay cái – có lẽ chưa tới một tuần – Annie đã đến với hai phần kem vani khổng lồ, một lon si-rô sô-cô-la của Hershey, một lon nén Reddi-Wip và một lọ đựng quả anh đào maraschino đỏ như màu máu đang lềnh phềnh như mẫu vật sinh học.

“Tôi nghĩ tôi sẽ làm kem mứt cho hai chúng ta, Paul ạ,” Annie nói. Giọng điệu ả đàn bà rất vui tươi. Paul không thích thể. Không phải chất giọng của ả, cũng không phải ánh nhìn hắn học trong mắt người đàn bà. *Em là một cô bé nghịch ngợm,* vẻ mặt ả thể hiện điều đó. Nó khiến anh phải cảnh giác, rợn hết cả người lên. Anh quá dễ tưởng tượng ra cảnh bản mặt ả đàn bà trông y hệt như thế khi ả xếp chồng quần áo trên một dãy cầu thang, và xác một con mèo bên dãy còn lại.

“Tại sao thế, cảm ơn cô, Annie,” anh nói, và nhìn theo tay ả ta đổ si-rô và nhấn hai cột mây kem đánh bông ra khỏi lon nén. Ả đàn bà thực hiện thao tác bằng bàn tay nặng trịch và điêu luyện của kẻ nghiện đường kinh niên.

“Không cần cảm ơn. Ngài xứng đáng với điều đó. Ngài đã làm việc rất chăm chỉ rồi.”

Ả đàn bà đưa anh ly kem mứt của anh. Vị ngọt trở nên ngấy gắt sau miếng thứ ba, nhưng anh không ngừng ăn. Như thế là khôn ngoan hơn cả. Một trong những quy tắc quan trọng để tồn tại ở đây trong phong cảnh Western Slope này là, phải khôn ra. *Khi Annie cho*

miếng ăn, tốt nhất là bạn nên cố ăn. Im lặng một hồi, Annie đặt thìa xuống, dùng mu bàn tay quẹt một đường hỗn hợp si-rô sô-cô-la và kem chảy dính trên cằm, đoạn thư thái bảo: “Kể cho tôi nghe phần còn lại đi.”

Paul đặt thìa xuống theo. “Cô làm ơn nhắc lại được không”

“Kể cho tôi nghe đoạn cuối của câu chuyện đi. Tôi không đợi được. Tôi không thể nào đợi được.”

Và lẽ nào anh lại không biết chuyện này rồi sẽ đến? Phải. Nếu ai đó giao một lúc hai mươi cuộn Rocket Man phần mới tới nhà Annie, liệu ả có nhịn nổi mà mở một cuộn mỗi tuần, thậm chí là mỗi ngày hay không?

Anh nhìn vào mõm kem mứt đã sạt lở một nửa trong cốc Annie, một quả anh đào gần như bị kem phủ kín, một quả phập phồng bơi trong si-rô sô-cô-la. Anh nhớ phòng khách của ả trông như thế nào, với chén đĩa nhơm nhớp đường la liệt khắp nơi.

Không. Annie không phải kiểu kiên nhẫn chờ đợi. Ả ta sẽ ngấu nghiến xem cả hai chục phần một đêm, bất chấp mắt có long lên hoặc đầu bị chẻ ra làm đôi.

Vì Annie mê những thứ ngọt ngào.

“Tôi không làm vậy được,” anh nói.

Trong một chốc mặt ả tối sầm lại, nhưng chẳng phải cũng lờ mờ có một chút nhẹ nhõm hay sao? “Ô? Sao lại không?”

Bởi mụ sẽ trở mặt với tôi ngay khi mặt trời mọc, anh nghĩ mà không nói, và cố gắng nén nó xuống. Nén thật chặt.

“Bởi tôi kể chuyện chán lắm,” thay vào đó anh trả lời.

Ả đàn bà húp nốt phần kem mứt còn lại bằng năm thìa đầy ú ụ, chừng đó đủ để cổ họng Paul xám ngoét vì tê cóng. Sau đó, a đặt ly

xuống và hằn học nhìn anh, cứ như anh không phải là Paul Sheldon vĩ đại mà là kẻ dám chê bôi Paul Sheldon vĩ đại.

“Nếu ngài kể chuyện chán, thì làm sao ngài trở thành tác giả ăn khách nhất và hàng triệu người yêu thích những cuốn sách của ngài?”

“Tôi không nói mình là người viết truyện chán. Thực ra tôi nghĩ tôi giỏi chuyện đó là đằng khác. Nhưng khi kể chuyện thì tôi làm dở tệ.”

“Ngài chỉ đang bịa ra một cái cớ cực kỳ nhãi nhép thôi.” Mặt ả đen lại. Hai tay ả đàn bà nắm chặt thành những quả đấm bóng nhẫy trên chất liệu thô dày của váy. Bão Annie đã trở lại căn phòng. Tất cả những gì từng bay đi giờ đã quay trở lại. Ngoại trừ những thứ không bao giờ còn vẹn nguyên nữa. Phải vậy không? Anh vẫn sợ ả như mọi khi, nhưng những gì ả kìm kẹp bên trong đã giảm bớt. Cái mạng anh không còn quan trọng đến vậy nữa, dù *cưỡng chế* hay là không *cưỡng chế*. Anh chỉ còn sợ mụ đàn bà làm đau anh.

“Đấy không phải lấy cớ đâu,” anh đáp. “Đó là hai việc hoàn toàn khác nhau, Annie ạ. Người kể chuyện hay thường không viết truyện giỏi. Nếu cô thực sự cho là người cầm được bút có thể mồm mép y như vậy, chắc cô chưa bao giờ xem một tay tiểu thuyết gia tội nghiệp đang khổ sở lê lết qua một cuộc phỏng vấn trên chương trình *Today*.”

“Trời ơi, tôi không muốn đợi,” ả đàn bà hờn dỗi. “Tôi đã làm cho ngài phần kem mứt ngon như thế thì chí ít ngài nên hé ra với tôi một chút chứ. Có phải là kể hết cả chuyện đâu, tôi đoán vậy, nhưng mà... Nam tước đã giết Calthorpe có phải không?” Đôi mắt ả long lanh. “Điều chí ít đó chính tôi cũng muốn biết. Và nếu đúng là hắn ta

giết, hắn ta sẽ xử lý cái xác ra sao? Có phải chặt nhỏ rồi bỏ trong cái hòm nào đó mà vợ hắn không cách nào tìm được không? Tôi nghĩ vậy đấy."

Paul lắc đầu – không phải để nói rằng ả đàn bà đã đoán sai, mà rằng anh sẽ không tiết lộ.

Mặt ả sa sầm. Nhưng giọng thì vẫn thế thọt. "Ngài đang làm tôi tức giận lắm đấy – ngài biết là vậy mà, phải không Paul"

"Tất nhiên là tôi biết vậy. Nhưng tôi không thể làm khác được."

"Tôi có thể khiến ngài. Tôi có thể khiến ngài làm khác được. Tôi có thể khiến ngài phải kể ra." Nhưng trông ả kiệt quệ như thể biết rằng mình không thể. Ả có thể ép anh nói gì đó, nhưng ả không thể bắt anh kể.

"Annie à, cô có nhớ đã nói với tôi về lời đứa trẻ nhỏ bảo mẹ nó lúc bà ấy bắt được nó vày dung dịch tẩy rửa dưới bồn rửa và cấm nó chơi tiếp không? *Mẹ ơi, mẹ thật xấu tính!* Đấy chẳng phải là những gì cô đang nói hay sao? *Paul, ngài thật xấu tính?*"

"Nếu ngài làm tôi điền tiết hơn, tôi không hứa mình sẽ chịu trách nhiệm đâu," ả đàn bà nói, nhưng anh biết cơn khủng hoảng đã đi qua – ả mong manh một cách lạ lùng trước những khái niệm về kỷ luật và hành vi.

"Chà, tôi phải liều thôi," anh nói, "bởi tôi cũng như người mẹ đó – tôi không nói không vì tôi xấu tính hay muốn làm cô thất vọng – tôi từ chối vì tôi thực lòng muốn cô yêu mến câu chuyện... và nếu tôi cho cô điều cô muốn, cô sẽ không còn thích nó nữa đâu, à cô cũng không còn mong chờ nó nữa." *Rồi thứ gì sẽ xảy ra với tôi hả Annie?* Anh nghĩ bụng và không nói ra.

“Ít nhất thì cũng cho tôi biết gã da đen Hezekiah đấy có thực sự biết cha của Misery ở đâu không! Cho tôi biết cái đó thôi!”

“Cô muốn cuốn tiểu thuyết, hay cô muốn tôi giúp cô trả lời những câu hỏi?”

“Đừng có nói cái giọng mỉa mai đấy với tôi.”

“Thế thì cô cũng đừng vờ vịt không hiểu tôi đang nói gì!” anh gào lại. Ả đàn bà giật lùi khỏi anh trong sự ngạc nhiên và khó chịu, chút màu đen cuối cùng tuột luôn khỏi mặt ả, và tất cả những gì còn lại là dáng vẻ của một cô bé thẫn thờ, vẻ mặt mình-đã-nghịch-hư-rồi. “Cô muốn mổ bụng con ngỗng đẻ trứng vàng Nói cho cùng là thế! Nhưng cuối truyện khi lão nông dân làm thế thật, tất cả những gì lão ta nhận được là một con ngỗng chết queo và đống ruột gan bèo nhèo vô giá trị!”

“Được rồi,” ả đáp. “Được rồi Paul ạ. Ngài đã ăn xong kem mứt chưa?”

“Tôi không ăn nổi nữa,” anh đáp.

“Tôi thấy rồi. Tôi đã làm ngài thất vọng. Tôi xin lỗi. Ngài nói đúng rồi. Tôi không nên hỏi thế.” Ả đàn bà lại bình tĩnh tuyệt đối. Anh nửa mong một đợt trầm cảm sâu, nửa mong một cơn cuồng nộ theo sau, nhưng không có gì xảy ra. Hai người họ chỉ đơn giản là quay về nếp sống cũ, Paul viết, Annie đọc kết quả làm việc của từng ngày, và một quãng thời gian đủ dài đã trôi qua từ trận tranh cãi đến ngày chặt ngón tay đến mức Paul không thấy mối tương liên giữa chúng. Cho đến tận bây giờ.

Mình từng càm ràm về cái máy đánh chữ, anh nghĩ, nhìn vào nó và lắng nghe tiếng è è của xe cắt cỏ. Giờ âm thanh đó đã mờ nhạt hơn, và anh lờ mờ nhận thức được không phải vì Annie đang tiến về

phía xa mà chính là anh. Anh đang ngủ gật. Dạo gần đây anh rất hay như vậy, cứ gà gật như một gã héo hon trong viện dưỡng lão.

Có nhiều nhặn gì; mình chỉ mới càm ràm về nó một lần. Nhưng một lần là đủ rồi phải không? Quả đủ. Lúc đó là – cái gì nhỉ? — một tuần sau khi mụ đàn bà mang đến mấy ly kem mứt chập mạch đó. Chỉ khoảng vậy thôi. Chỉ một tuần và một lần kêu ca. Về việc cải nút chết đã khiến mình tức giận thế nào. Mình thậm chí còn không ý kiến với ả ta chuyện mua một cái máy đánh chữ đã qua sử dụng khác ở chỗ Nancy Đĩmonger hay bất kỳ con ả nào, miễn còn đủ phím. Mình mới chỉ bảo việc phím rụng làm mình tức điên, và rồi, vật đổi sao dời, nói đến ngón cái tay trái của Paul thì, thoảng còn thấy giờ đã biến mất rồi. Duy một việc là ả đàn bà đó không thực sự làm vậy vì mình ý kiến ý cò về cái máy đánh chữ, phải không? Ả làm vậy vì mình đã nói không và ả phải chấp nhận điều đó. Đó là phát nộ. Phát nộ là kết quả của việc mắt đã sáng ra. Tại bởi, hóa ra mụ đàn bà đó cũng không nắm hết được mọi quân bài – rằng mình còn một lá chặn được ả. Sức mạnh của sự cưỡng chế. Hóa ra mình cũng khá tròn vai Scheherazade.

Thật điên rồ. Thật hài hước. Và cũng rất thật. Chán vạn người có thể buông lời chế giễu, nhưng đó là bởi họ không nhận ra tác động của nghệ thuật – kể cả những dạng nghệ thuật thấp kém như tiểu thuyết thị trường – có thể có tác động mạnh mẽ đến thế nào. Các bà nội trợ sắp xếp công việc nhà theo lịch chiếu phim truyền hình buổi chiều. Nếu bận bịu không thể ở nhà xem, việc đầu tiên họ làm sẽ là mua một cuộn băng VCR để đêm về xem lại. Khi Arthur Conan Doyle ban chết cho Sherlock Holmes tại thác Reichenbach, toàn bộ nước Anh thời Victoria bỗng hòa làm một và đòi ông đưa anh trở lại.

Luận điệu phản đối của họ khi đó y hệt như của Annie bây giờ – phẫn nộ chứ không phải thương tiếc. Khi viết thư cho mẹ về ý định đặt dấu chấm hết cho Holmes, Doyle đã bị bà quở trách. Bà thể hiện sự phẫn nộ qua bức thư trả lời: “Giết Holmes tốt bụng ấy hả? Đồ ngu ngốc này! *Sao mày dám làm vậy chứ!*”

Hoặc như trường hợp của Gary Ruddman, người bạn làm việc cho Thư viện Công cộng Boulder của anh. Một ngày nọ, khi Paul ghé chơi, anh thấy phòng của Gary cửa đóng then cài kín mít với một tấm nhiễu đen treo trên cánh cửa. Lo lắng nên Paul đập cửa rầm rầm cho đến khi Gary trả lời. *Đi về đi*, Gary bảo anh. *Hôm nay tôi buồn lắm. Có người vừa chết. Một người vô cùng quan trọng với tôi.* Khi Paul hỏi đó là ai, Gary uể oải đáp: Van der Valk. Paul nghe thấy tiếng ông bạn trở lại vào trong, và dù anh có tiếp tục gõ cửa, Gary cũng chẳng buồn quay lại. Van der Valk hóa ra lại là nhân vật thám tử hư cấu được tạo ra... và rồi kết thúc bởi một nhà văn tên Nicolas Freeling.

Paul từng cho rằng phản ứng của Gary là cực kỳ phi lý, rằng anh ta đang diễn quá đà, hay nói toẹt ra thì là chỉ đang làm màu. Anh tiếp tục cảm thấy như vậy cho đến năm 1983, khi anh đọc cuốn *The World According to Garp* (Thế giới dưới mắt Garp). Anh đã sai khi đọc cố cảnh cậu con trai nhỏ của Garp qua đời — bị xiên vào cần số xe – trước giờ đi ngủ. Mất vài tiếng anh mới ngủ nổi. Hình ảnh đó không chịu rời tâm trí anh. Giữa những lần trở mình trằn trọc, anh liên tục nghĩ rằng chuyện mình buồn đau cho cái chết của một nhân vật hư cấu thật là ngớ ngẩn. Bởi buồn đau đích xác là cảm giác của anh lúc ấy. Thế nhưng nhận ra được vậy cũng chẳng giúp gì nhiều, và điều này khiến anh băn khoăn liệu có phải Gary Ruddman cũng

chẳng tâm huyết với Van der Valk hơn mức Paul mặn mà với nhân vật này vào thời điểm đó. Rồi câu chuyện lại gợi lên một ký ức khác: mười hai tuổi, đọc xong cuốn *Lord of the Flies* (Chúa ruồi) của William Golding vào một ngày hè nóng nực, bước đến tủ lạnh lấy một ly nước chanh đá... để rồi đột ngột đổi hướng và chuyển từ việc bước đi thong thả sang lao hết tốc lực vào nhà vệ sinh. Tại đó, anh đã chúc mặt xuống bồn cầu mà nôn mửa.

Paul đột nhiên nhớ ra những ví dụ khác về sự cuồng nhiệt kỳ quặc này: mỗi tháng, đám đông xô đẩy nhau trên các bến tàu ở Baltimore. Họ đón con tàu chở hàng mang tới phần mới nhất từ những *Little Dorrit* hoặc *Oliver Twist* của Ngài Dickens (có vài người chết đuối, nhưng cũng chẳng khiến ai thối chí); bà lão một trăm lẻ năm tuổi đã tuyên bố rằng mình nên sống đến khi Galsworthy hoàn thành cuốn *The Forsyte Saga* (Biên niên sử Forsyte) − và đã qua đời chưa đầy một giờ sau khi nghe xong trang cuối cùng của tập cuối cùng; vận động viên leo núi trẻ tuổi nhập viện sau khi rơi vào trạng thái nguy kịch do hạ thân nhiệt được bạn bè thay nhau đọc cho nghe cuốn *The Lord of the Rings* (Chúa tể của những chiếc nhẫn), suốt ngày suốt đêm, cho đến khi anh ta tỉnh dậy khỏi cơn hôn mê... cùng hàng trăm trường hợp tương tự.

Anh đoán, cây bút hư cấu "ăn khách nhất" nào cũng sẽ có một hoặc nhiều ví dụ về việc độc giả nhập tâm triệt để vào thế giới giả tưởng mà họ tạo ra... *những ví dụ về phức cảm Scheherazade,* lúc này Paul nghĩ, nửa tỉnh nửa mơ khi âm thanh xe cắt cỏ của Annie vang lên và rồi dội lại từ một khoảng vang rất xa nào đó. Anh nhớ mình từng nhận được hai lá thư gợi ý về việc mở công viên chủ đề Misery, theo sau những Disney World hay là Great Adventure. Một

trong số đó còn kèm cả một bản thiết kế sơ. Nhưng người về đích đầu tiên (ít nhất là cho đến khi Annie Wilkes bước vào đời anh) là bà Roman D. Sandpiper III, ở Ink Beach, Florida. Bà Roman D. Sandpiper, với nhũ danh là Virginia, đã biến một căn phòng ở lầu hai trong nhà mình thành Sảnh Misery. Bà ta thêm ảnh polaroid chiếc Đu quay của Misery, Bút tích của Misery (hoàn thiện bằng một mẩu ghi chú cảm ơn vì đã mời cơm viết dở gửi ông Favery, nói rằng bà sẽ tham dự Lễ tưởng niệm Hội trường vào ngày 20 tháng Mười một. *học viện* – được viết ra bằng bàn tay mà Paul cho là phù hợp một cách kỳ lạ với nữ anh hùng của anh, không phải nét chữ tròn trịa và bay bổng của phái nữ mà là dáng chữ copperplate nữ-tính-một-nửa), Đi-văng của Misery, Mẫu Vải Thêu của Misery (*Hãy để tình yêu dẫn lối bạn, đừng mạo muội chỉ bảo tình yêu*), vân vân và ' mây. Về nội thất, thư của bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper viết rằng tất cả đều là đồ chính hiệu, không phải làm nhái lại, mà Paul cũng không nói chắc được, nên anh đoán là đúng vậy thật. Nếu thế, chút đồ như thật này chắc đã ngốn của bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper hàng nghìn đô-la. Bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper hấp tấp đảm bảo với anh rằng bà không phải đang đem nhân vật của anh ra để kiếm lời, cũng không có kế hoạch sẽ làm thế cho tương lai – có trời cấm được! – nhưng bà ta muốn anh xem những bức ảnh chụp, và nói lại nếu có sai sót ở đâu (bà ta đinh ninh là sai rất nhiều). Bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper cũng mong anh cho ý kiến. Nhìn mấy bức ảnh đó, anh có cảm giác lạ lùng nhưng cũng mơ hồ kỳ lạ – cảm giác như anh đang nhìn ảnh chụp chính tưởng tượng của mình, và từ khoảnh khắc đó anh biết, mỗi khi anh thử mường tượng ra tổ hợp phòng khách và phòng học nhỏ của Misery, các bức

ảnh polaroid của bà Roman D. (“Virginia”) sẽ ngay lập tức nhảy bổ vào tâm trí anh, che khuất trí tưởng tượng bằng sự kiên cố đầy vui tươi nhưng một chiều của chúng. Bảo bà ta nếu có sai sót ở đâu ấy à? Điên mới thế. Từ giờ phút đó chỉ có anh mới phải băn khoăn về chuyện đó. Anh đã biên thư lại, một ghi chú ngắn gọn bày tỏ sự ngưỡng mộ và chúc mừng một ghi chú không hé ra chút nào những điều lấn cấn về bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper đã nảy ra trong đầu anh: bà ta cư xử quái gở thế nào nhỉ? ví dụ vậy – và rồi nhận lại một bức thư trả lời khác nữa, cùng một loạt ảnh polaroid mới toanh. Lần liên lạc đầu tiên của bà Roman D. (“Virginia”) bao gồm một thu tay dài hai trang giấy cùng bảy tấm polaroid. Lần thứ hai là mười trang thu tay đặc chữ kèm *bốn chục* tấm polaroid. Bức thư là bản hướng dẫn sử dụng cặn kẽ (và cực kỳ kiệt sức) về nơi bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper tìm thấy từng món đồ, số tiền bà đã trả cũng như các quy trình phục chế liên quan. Bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper kể với anh rằng bà tìm được người đàn ông tên McKibbon đang sở hữu một khẩu súng trường cũ, và đã bắt ông ta tạo lỗ đạn trên tường cạnh ghế ngồi khi bà không thể tuyên thệ về tính xác tin lịch sử của cây súng, bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper thừa nhận, bà biết cỡ nòng là đúng. Các bức ảnh chủ yếu chụp cận vào chi tiết. Nhưng đối với chú thích viết tay ở mặt sau, chúng đáng ra phải trở thành ảnh trong mấy BỨC ẢNH NÀY LÀ GÌ trên tạp chí giải đố, nơi kiểu chụp siêu cận biến trục thẳng của cái kẹp giấy thành cả tòa tháp còn phần nắp lon bia trông như tác phẩm điêu khắc của Picasso. Paul không hồi âm những thư này, nhưng điều đó chẳng ngăn nổi bà Roman D. (“Virginia”) Sandpiper gửi thêm năm

bức thư nữa (bốn thư đầu có gửi kèm ảnh polaroid) trước khi chìm vào quãng im bặt đầy khó hiểu và khá gây tổn thương.

Bức thư cuối cùng chỉ được ký tên vỏn vẹn và cứng nhắc là bà Roman D. Sandpiper. Lời đề nghị được gọi bằng tên “Virginia” (dù là trong ngoặc) đã được rút lại.

Tâm tư của người đàn bà này, dù có vẻ đầy ám ảnh, nhưng chưa hề tiến hóa thành bệnh hoang tưởng như của Annie, dù giờ đây Paul đã hiểu mạch nguồn của cả hai là một. *Phức cảm Scheherazade.* Sức mạnh điều khiển từ tầng sâu xa và cốt yếu của cưỡng chế.

Lơ lửng sâu dần. Anh ngủ.

10

Mấy ngày này, anh gà gật như một ông cụ, cứ bất chợt và lắm khi vào những thời điểm không phù hợp, và anh ngủ như một ông già – tức chỉ cách thế giới tỉnh táo có một lớp màng mỏng như tơ. Anh chưa bao giờ thôi nghe tiếng xe cắt cỏ, nhưng âm thanh đó trầm hơn, thô ráp hơn, chói tai hơn: tiếng dao điện.

Anh đã chọn sai ngày để cất lời phàn nàn về chiếc Royal cùng phím n bị sún của nó. Và, tất nhiên, chẳng có khi nào gọi là đúng ngày để nói không với Annie Wilkes. Án có thể treo... chứ không bao giờ trắng được.

Úi chà, nếu ngài mãi bận tâm vì phím n đến vậy, tôi sẽ cho ngài thứ gì đó để khỏi phải nghĩ đến nó nữa. Anh nghe thấy tiếng ả đàn bà lục tung trong bếp, ném đồ đạc, rủa sả bằng thứ ngôn ngữ Annie Wilkes kỳ quặc của mình. Mười phút sau, ả bước vào cùng ống tiêm, Betadine và con dao điện. Paul lập tức hét toáng lên. Anh, theo một cách nào đó, giống những con chó của Pavlov. Khi Pavlov rung chuông, đàn chó chảy nước miếng. Khi Annie vào phòng ngủ cho khách với một cái ống tiêm, một lọ Betadine và một vật cắt sắc lẹm, Paul hét. Ả đàn bà cắm con dao vào ống cắm cạnh xe lăn và không gian có thêm nhiều tiếng van vỉ ỉ ôi, tiếng hét thất thanh, cùng nhiều lời cam đoan từ giờ sẽ ngoan ngoãn. Khi anh cố né cái kim tiêm ả bảo anh khôn hồn ngồi xuống và trật tự đi, nếu không điều sắp diễn ra sẽ diễn ra mà không có chút phù hộ nào từ thuốc gây mê nhẹ. Khi anh cố tình rướn người, rên rỉ và cầu xin, Annie đề nghị rằng nếu

anh cảm thấy cần phải thế, có lẽ ả ta nên cầm dao cửa ngang họng anh một nhát cho xong chuyện.

Thế là anh ngồi im và để yên cho ả tiêm. Lần này Betadine đã chảy qua ngón cái tay trái của anh và lưỡi dao cũng thế (khi ả đàn bà rút nó lên và lưỡi dao bắt đầu xẻ thoăn thoắt qua lại trong không khí Betadine phụt ra thành tia nhỏ giọt màu hạt dẻ mà có vẻ ả không để ý) rồi cuối cùng tất nhiên có nhiều giọt đỏ thẫm hơn nhiều phun trong không khí. Bởi Annie quyết được phương án rồi, ả sẽ làm đến nơi đến chốn. Annie không bị mủi lòng bởi mấy lời van xin. Annie không hề thối chí với vài tiếng la hét. Annie kiên trung với niềm tin của chính ả. Khi lưỡi dao è è rung rung gặm vào lớp da mỏng thịt nhũn giữa phần ngón sắp-rụng và ngón tay cái của anh, ả đàn bà trấn an anh bằng giọng nói kiểu làm-Paulie-đau-chính-mẹ-còn-đau-hơn-nhiều rằng ả yêu anh.

Và rồi, đêm đó...

Mày không mơ đâu Paul. Mày đang nghĩ đến thứ lúc tỉnh mày không dám nghĩ. Nên tỉnh lại đi. Vì Chúa, TỈNH LẠI đi!

Anh *không* tỉnh được.

Ả đàn bà đã chặt ngón tay anh vào buổi sáng và đến tối ả hân hoan đi vào căn phòng nơi anh đang ngồi trong cơn mơ màng quánh đặc của thuốc và đau, tay trái băng bó treo trên ngực, kèm một cái bánh và ả đang rú lên bằng chất giọng đúng cao độ nhưng chối tại "Chúc mừng sinh nhật" dù không phải sinh nhật anh, trên đó còn có nến và chồm hỗm chính giữa là ngón tay đứt lìa của anh, móng tay còn lởm chởm bởi thi thoảng khi bí từ anh hay cắn móng tay. Rồi ả đàn bà bảo anh *Nếu ngài mà biết điều thì ngài sẽ được ăn một miếng bánh thay vì phải ăn bất kỳ cây nến đặc biệt nào* thế là

anh hứa sẽ ngoan không chỉ bởi anh không muốn bị ép phải ăn cây nến đặc biệt mà chủ yếu là vì Annie thật vĩ Annie thật tốt đẹp. Hãy để chúng ta tạ ơn ả vì thức ăn bao gồm cả những thứ chúng ta không phải ăn các cô gái chỉ muốn vui vẻ một chút thế mà một thứ ác nghiệt chừng này lại xuất hiện làm ơn đừng bắt con gặm ngón cái của mình thưa đức mẹ Annie thưa nữ thần Annie khi Annie ở đó tốt nhất nên nói những điều thật tâm mẹ thấu tỏ khi ngươi đang say ngủ mẹ thấu tỏ khi người đang thức giấc mẹ thấu tỏ khi ngươi ngoan hay hư cho nên hãy nghiêm cẩn vì nữ thần tốt nhất ngươi đừng có khóc ngươi đừng rên rỉ nhưng hơn cả ngươi đừng có hét đừng hét đừng hét đừng

Anh đã không hét.

Và bây giờ, khi choàng tỉnh, anh choàng tỉnh với một cú giật làm anh đau đớn khắp người, gần như không nhận thức được môi mình đã mím chặt vào nhau để giam tiếng hét bên trong, dù cuộc phẫu thuật chặt ngón tay đã xảy ra từ cả tháng trước.

Anh quá bận tâm với việc không la hét đến mức trong khoảnh khắc anh thậm chí còn không nhận ra có gì đó đang tiến vào đường lái xe, và khi anh trông thấy nó, mới đầu anh còn tưởng là ảo ảnh.

Nó là một chiếc xe Cảnh sát Bang Colorado.

11

Sau thời điểm ngón cái bị đốn cụt là khoảng thời gian Paul mơ màng đến độ thay vì viết nốt cuốn tiểu thuyết, thành tựu duy nhất của anh là theo dõi được ngày tháng. Anh đã ám ảnh đến biến thái về việc này, cứ ngơ ngác được chừng năm phút anh lại đếm lại, để chắc chắn rằng mình không sót ngày nào.

Mình đang trở nên rồi tệ như ả đàn bà đó, có lần anh nghĩ.

Tâm trí anh mệt mỏi đáp trả: *Thế thì sao?*

Sau khi bị mất bàn chân, anh đã viết sách khá tốt – trong giai đoạn mà Annie đã cực thô thiển gọi là thời kỳ dưỡng bệnh. Không – khá tốt ở đây nếu có gọi là khiêm tốn thì cũng là khiêm tốn giả tạo. Anh đã viết cực kỳ tốt nếu so với một người đàn ông từng không thể viết nếu hết thuốc lá hoặc đau lưng hoặc đau đầu hoặc âm ẩm đau cả hai. Thật tốt nếu có thể tin rằng anh đã thể hiện như một người hùng, nhưng anh đồ rằng đó cũng chỉ là một hình thức trốn tránh, bởi cơn đau lúc ấy thực sự khủng khiếp. Cuối cùng khi chân bắt đầu lành, anh nghĩ "cơn ngứa ma quái" nơi bàn chân không còn ở đó còn kinh hoàng hơn là đau. Vòm tròn nơi chân cụt là thứ làm anh khó chịu nhất. Anh thức giấc không biết bao nhiêu lần giữa đêm, dùng ngón chân cái của bàn chân phải để gãi gãi vào không khí ở bên còn lại, cách điểm cuối mới của cơ thể anh khoảng chục phân.

Nhưng anh vẫn làm việc y như thế.

Mãi đến khi ngón tay anh cũng lìa cành và cái bánh sinh nhật quái đản cứ như phần sót lại từ *Whatever Happened to Baby Jane*,

những cục giấy vò mới bắt đầu sinh sôi trong thùng rác. Mất bàn chân, suýt chết, vẫn làm việc bình thường. Mất ngón tay cái và phải đối mặt với một số loại rắc rối kỳ lạ. Không phải ngược lại mới đúng sao?

Chà, có một cơn sốt – anh đã dành cả tuần trên giường với nó. Nhưng đấy chỉ là chuyện khá vụn vặt thôi; anh sốt cao nhất cũng đến hơn 38 độ, và đó chính xác không phải là thứ tạo ra được cao trào chính kịch. Có lẽ anh sốt là do cơ thể suy kiệt chung chung chứ không phải vì bất kỳ bệnh nhiễm trùng cụ thể nào, và dăm ba cơn sốt kiểu này chẳng làm khó được Annie; trong kho tàng quà lưu niệm của mình, ả đàn bà có Keflex và Ampicillin nằm cùng cái còi sáo cũ. Ả cho anh một liều và anh khá hơn... khá nhất có thể để rơi vào tình trạng kỳ quái này, bằng mọi giá. Có gì đó chẳng lành. Dường như anh đã mất đi vài nguyên liệu thiết yếu nào đó, và theo lẽ tự nhiên thành phẩm tạo ra trở nên kém hiệu quả hơn rất nhiều. Anh cố đổ lỗi cho phím n bị mất, nhưng anh đã sống chung với nó từ trước đó rồi, và thật sự đấy, mất phím n có là cái thá gì so với mất một bàn chân rồi giờ đây, càng hấp dẫn bội phần, mất một ngón tay cái?

Dù lý do là gì đi nữa, có thứ gì đó đã làm xáo trộn giấc mơ, có thứ gì đó đang đục khoét chu vi của cái lỗ trên tờ giấy mà anh nhìn thấy. Có lần – anh đã thể là như vậy – cái lỗ đó to ngang cửa hầm Lincoln. Giờ nó còn chẳng nhỉnh hơn cái hốc mắt để một vị thanh tra vỉa hè khom người rình mò chút thú vị của việc xây dựng công trình. Bạn phải căng mắt ra để nhìn thấy bất kỳ thứ gì, và những thứ quan trọng thường sẽ xảy ra ngoài tầm mắt bạn... chẳng bất ngờ lắm, khi phạm vi tầm nhìn hạn hẹp đến vậy.

Về mặt thực tế, những gì đã xảy ra sau khi chặt ngón tay và tiếp diễn sau cơn sốt là chuyện đương nhiên. Văn chương trong cuốn sách lại trở nên hoa mỹ và quá sức khoa trương – dù chưa đến mức tự giễu nhại, chưa hẳn là vậy, nhưng chữ nghĩa không ngừng lơ lửng theo chiều hướng đó và có vẻ anh bất lực trong việc ngăn nó lại. Sự đãng trí liên tục xuất hiện nhiều cùng sự lén lút của những con chuột sinh sản trong các góc hầm: trong khoảng ba mươi trang, Nam tước đã trở thành Tử tước trong phần *Nhiệm vụ của Misery.* Anh đã phải dượt lại xé hết.

Không sao cả, Paul ạ, anh đã nói đi nói lại với chính mình trong vài ngày trước khi chiếc Royal khạc ra phím t trước rồi đến phím e, thứ quái quỷ đó gần như đã hỏng hẳn. Và nó hỏng thật. Làm việc với nó là một cực hình, nhưng làm hỏng nó đồng nghĩa với việc cuộc đời anh cũng chấm hết. Về sau nghe có vẻ hơi hấp dẫn hơn về trước nếu kể đến mọi thứ cần kể liên quan tới việc cơ thể, tâm trí và tinh thần anh đang ở trong tình trạng tệ đi. Việc nhớ nhớ quên quên có gây khó chịu nhưng không đáng kể. Anh gặp nhiều vấn đề với việc mường tượng một cách chân thực hơn bất kỳ thời điểm nào trước đây – trò chơi *Bạn có thể không?* nay trở thành một phận sự nặng nề hơn là một niềm vui nhẹ nhàng. Nhưng cuốn sách vẫn tiếp tục được viết ra bất chấp tất thảy những thứ kinh hoàng mà Annie đã tiêu trừ khỏi anh, và anh có thể phàn nàn cách mà – nhuệ khí của anh, có lẽ vậy – đã bị rút cạn cùng đâu đó nửa lít máu khi ả đàn bà đó chặt ngón tay anh, nhưng cuốn tiểu thuyết vẫn là một sợi dây liên kết tuyệt vời, tập *Misery* hay nhất cho đến thời điểm đó. Cốt truyện cường điệu như kịch mê-lô nhưng được xây dựng hợp lý, bằng cách thức khiêm tốn nhất nhưng vẫn đầy tính tiêu khiển. Nếu nó được

phát hành dưới dạng nào đó thay vì chỉ là một phiên bản Annie Wilkes giới hạn tuyệt đối (lượt in đầu: một bản), anh đoán nó sẽ bán chạy như điên. Đúng vậy, anh đồ là mình sẽ được thôi, nếu cái máy đánh chữ quái quỷ này hợp tác một chút.

Đúng ra mày phải chắc chắn lắm chứ, anh từng nghĩ vậy, sau một hôm tập nâng cơ đầy cưỡng bách. Cánh tay gầy guộc của anh run lên, ngón cái đau nhói, trán lấm tấm lớp mồ hôi dầu mỏng. *Mày là gã sát thủ trẻ trung rắn rỏi đang đợi thời cơ lật đổ gã cảnh sát trưởng già nua mỏi mệt mà, phải không? Chỉ có điều mày vừa nhả ra một phím và tạo thấy mấy phím khác – chữ t, chữ e và chữ n chẳng hạn, đang trông có vẻ hài hước rồi đấy... thỉnh thoảng nghiêng về phía này, thỉnh thoảng ngả về phía nọ, lắm lúc trồi lên dòng trên, lắm lúc cọ vào dòng dưới. Tao nghĩ gã cảnh sát trưởng già sẽ thắng kèo này, chú em ạ. Và tao nghĩ có khi gã sẽ nện mày một trận nhừ tử... và có lẽ ả điểm kia biết điều đó. Đó có lẽ là lý do ả chặt mất ngón tay cái của tạo. Đã nói rồi, ả đàn bà đó có thể điên, nhưng chắc chắn ả không ngu.*

Anh nhìn cái máy đánh chữ với vẻ dữ dội đầy mỏi mệt.

Tiếp đi. Vỡ tiếp đi. Dù thế nào tạo cũng sẽ hoàn thành thôi. Nếu ả đàn bà đó thay cho tao, tao sẽ nồng hậu cảm ơn ả, nhưng nếu không thì tao cũng sẽ viết nốt bằng giấy ghi chép.

Điều duy nhất tạo khước từ là la hét.

Tao sẽ không hét lên.

Tao.

Tao sẽ không.

12

Tao sẽ không hét lên!

Anh ngồi bên cửa sổ, hoàn toàn tỉnh táo, hoàn toàn nhận thức được rằng chiếc xe cảnh sát mà anh đang nhìn thấy trên đường lái xe của Annie chân thực như bàn chân trái của anh đã từng.

Hét lên! Khốn kiếp, hét đi!

Anh muốn làm thế, nhưng mệnh lệnh dứt khoát quá – mạnh mẽ quá. Thậm chí anh còn không thể mở miệng. Anh cố gắng và trông thấy những giọt Betadine màu nâu bay ra từ lưỡi dao điện. Anh cố gắng và nghe được tiếng rìu va vào xương, tiếng kêu nhẹ khi que diêm trên tay ả đàn bà thắp sáng chiếc Bernz-O-matiC.

Anh cố gắng mở miệng và không thể.

Cố gắng giơ tay. Không thể.

Một âm thanh rên rỉ khủng khiếp truyền qua giữa môi anh đang mím chặt, hai tay anh tạo ra những tiếng đập hỗn độn và khe khẽ ở hai bên chiếc Royal, nhưng đó là tất cả những gì anh có thể làm, tất thảy những gì anh có thể can thiệp vào số phận của chính mình. Không có gì từng xảy ra – có lẽ ngoại trừ khoảnh khắc anh nhận ra dù di chuyển cẳng chân trái nhưng bàn chân vẫn bất động – chạm đến ngưỡng kinh khủng như cái địa ngục của sự bất động này. Trong thời gian thực, trạng thái này không tồn tại lâu; có lẽ chỉ cỡ năm giây và chắc chắn không lâu hơn mười. Thế nhưng trong đầu Paul Sheldon, ngỡ phải kéo dài như vài năm ròng.

Ở đó, trong cảnh trống trải, là sự cứu rỗi: tất cả những gì anh phải làm là phá cửa sổ, giật tung cái xích chó ả đàn bà thông ngang lưỡi anh rồi hét lên *Cứu tôi, Cứu tôi với, đưa tôi thoát khỏi Annie! Cứu tôi khỏi bàn tay nữ thần!*

Cùng lúc đó, một giọng nói khác gào lên: *Tôi sẽ ngoan mà Annie! Tôi sẽ không la hét! Tôi sẽ ngoan, vì nữ thần. Tôi sẽ ngoan! Tôi hứa sẽ không la hét, chỉ cần cô đừng chặt cái gì trên người tôi nữa!* Liệu anh có biết, trước khi điều này xảy ra, anh có thực sự biết ả đàn bà đó đã dắt mũi anh mức nào, hay bao nhiêu phần bản chất của anh – lá gan và ánh sáng tinh thần anh — đã bị ả làm cho băng hoại? Anh biết mình đã liên tục bị khủng bố, nhưng anh có biết cảm thức chủ quan của anh về thực tại, thứ từng mạnh mẽ đến mức anh coi là đương nhiên, nay đã bị xóa sạch bách?

Anh biết chắc một điều – có gì đó trong anh rất không ổn chứ không đơn thuần là liệt lưỡi, cũng như vấn đề với việc viết của anh nằm ở anh nhiều hơn là mấy phím chữ bị rụng, cơn sốt, chứng suy giảm trí nhớ hay cạn kiệt cả nhuệ khí. Sự thật lý giải cho chừng ấy thứ giản đơn đến khốc liệt, dễ hiểu đến khủng khiếp. Anh đang chết dần trên từng xăng-ti-mét, nhưng chết theo cách đó không tệ như anh từng sợ. Có điều anh cũng đang lụi tàn, và điều đó khủng khiếp vì nó thật mỉa mai.

Đừng có hét lên! giọng nói hoảng sợ gào lên ngay khi viên cảnh sát mở cửa xe tuần tra và bước ra, vừa đi vừa chỉnh lại chiếc mũ Gấu Smokey. Anh ta còn trẻ, chỉ cỡ hai mươi hai hay ba, đeo cặp kính râm đen và lấp loáng như những giọt dầu thô. Anh ta dừng lại để chỉnh nếp gấp trên chiếc quần kaki quân phục, và cách đó chưa đầy ba chục mét, một người đàn ông với đôi mắt xanh lồi lên trên

khuôn mặt trắng bủng cùng râu ria già khọm đang nhìn chằm chằm vào anh ta từ phía sau cửa sổ, rên rỉ sau đổi môi ngậm chặt, tay khua khoắng vô dụng trên tấm ván đặt ngang hai bên tay vịn của xe lăn.

đừng la lên

(La lên đi)

la lên là xong và hét lên là hết

(không bao giờ không bao giờ hết cho đến khi mình chết cậu trai kia ăn thua gì với nữ thần)

Paul ơi, ôi Chúa ơi ngài đã chết rồi sao? *Hét lên đi*, thứ rùa rụt cổ này! *GÀO TOÁNG CẢ LÊN ĐI!*"

Mỗi anh tách ra cùng tiếng rách khe khẽ. Anh hít một hơi đầy phổi rồi nhắm mắt lại. Anh không biết điều gì sẽ ập đến hay liệu có cơ sự gì hay không... cho đến khi nó xảy ra.

"CHÂU PHI!" Paul gào lên. Lúc này đôi tay run rẩy của anh bổng lên như những con chim bị giật mình và đập vào hai bên đầu, như để giữ cho bộ não đang chực nổ tung trong đầu.

"Châu Phi! Cứu tôi với! Cứu tôi! Châu Phi ơi!"

13

Mắt anh mở trừng trừng. Viên cảnh sát đang nhìn về phía ngôi nhà. Paul không nhìn được đôi mắt của Smokey vì cặp kính râm, nhưng cái nghiêng đầu của anh ta thể hiện chút bối rối chừng mực. Anh ta tiến lại gần một bước, rồi dừng lại.

Paul nhìn xuống tấm ván. Bên trái chiếc máy đánh chữ là một cái gạt tàn bằng gốm đặc. Ngày xửa ngày xưa, có khi nó đã từng chứa đầy những mẩu thịt vụn; giờ đây trong đó không có gì nguy hại cho sức khỏe của anh ngoài kẹp giấy và một cục tẩy dành cho máy đánh chữ. Anh túm lấy nó và ném thẳng vào cửa sổ. Kính vỡ bung ra phía ngoài. Đối với Paul, đó là âm thanh khai phóng nhất anh từng nghe. *Các bức tường đổ sập xuống,* anh khấp khởi nghĩ, rồi gào lên: *"Ở đây! Cứu tôi với! Hãy cẩn thận ả đàn bà! Ả bị điên đấy!"*

Viên cảnh sát bang nhìn chằm chằm vào anh. Miệng anh ta há hốc. Anh ta thò tay vào túi áo ngực và lấy ra một thứ mà không thể là gì khác ngoài một bức ảnh. Anh ta dò dò nó đoạn tiến ra rìa đường lái xe. Ở đó, anh ta thốt ra bốn từ duy nhất mà Paul từng nghe từ miệng anh ta, cũng là bốn từ cuối cùng mà bất ai trên đời từng nghe anh ta nói. Từ đó về sau, viên cảnh sát chỉ tạo ra những âm thanh ú ở vô nghĩa.

"Ôi không!" anh ta kêu lên. "Chính là ngài!"

Paul tập trung vào viên cảnh sát đến nỗi không nhận ra Annie cho đến khi quá muộn. Khi anh trông thấy ả đàn bà, anh điên đảo thần hồn trước nỗi kinh hoàng nhuốm màu dị đoan. Annie đã trở

thành một nữ thần, một thực thể nửa đàn bà nửa xe cắt cỏ Lawnboy, một nữ nhân mã kỳ quái. Mũ bóng chày của ả đã rơi xuống. Khuôn mặt ả xoắn lại trong tiếng gầm gừ ớn lạnh. Một tay ả đàn bà cầm cây thánh giá bằng gỗ. Nó từng được dùng để đánh dấu ngôi mộ của Bossie – Paul không nhớ là số 1 hay số 2, con vật cuối cùng đã ngừng ồn ào.

Con Bossie đó đích thực là đã chết, và khi mùa xuân làm mặt đất đủ mềm xốp, Paul đã ngồi từ cửa sổ phòng mình mà trông ra, đôi khi chết lặng vì kinh hãi và đôi khi thất thần trước sự đả kích ghê tai bởi những tiếng cười khùng khục, khi ả đàn bà đầu tiên là đào hố (mất gần như cả ngày) rồi lỗi con Bossie (cơ thể cũng đã mềm xốp đáng kể) ra từ phía sau nhà kho. Ả làm vậy bằng cách dùng một sợi dây xích gắn vào đầu kéo của Cherokee. Ả vòng đầu kia của sợi dây xích vào ngang thân con Bossie. Paul tự cược trong đầu rằng con Bossie sẽ bị phanh thây trước khi Annie đưa nó vào trong mồ, nhưng kèo này anh đã thua. Annie ủn Bossie vào, rồi thản nhiên lấp cái lỗ lại, công đoạn mà phải mãi khuya ả ta mới hoàn thành.

Paul đã quan sát ả cắm cây thánh giá rồi đọc Kinh Thánh trên mộ dưới ánh trăng non mùa xuân. Bây giờ ả đàn bà đang cầm cây thánh giá như một ngọn giáo, phần đất sẫm màu bám trên trụ đứng của nó chĩa thẳng vào lưng viên cảnh sát.

“Sau lưng cậu! Cẩn thận!” Paul hét lên, dù biết không kịp nữa nhưng vẫn cứ gào lên đã.

Nội trong một tiếng la mảnh thánh thót, Annie bập thẳng cây thánh giá của Bossie vào lưng anh cảnh sát.

“*A!*” anh ta kêu lên, rồi loạng choạng bước lên bãi cỏ, lưng bị đâm thủng còn ruột thì lòi ra. Khuôn mặt anh ta mang biểu cảm của

một người, hoặc đang cố gắng cầm cự một viên sỏi thận, hoặc đang trải qua một vụ tấn công bằng khí gas kinh hoàng. Cây thánh giá bắt đầu chúi xuống mặt đất khi viên cảnh sát tiến đến cửa sổ nơi Paul đang ngồi, khuôn mặt xám ngoét thất thần của anh ta nằm gọn trong khung tạo bởi những mảnh kính vỡ. Viên cảnh sát từ từ vươn cả hai tay quá vai. Anh ta nhìn Paul với ánh mắt của một người đang ra sức gãi đúng chỗ ngứa mà bản thân sẽ chẳng bao giờ với tới được.

Annie đã nhảy xuống khỏi chiếc Lawnboy và đứng đơ ra, ngón tay úp lên phần xương ức. Đoạn ả đàn bà lao về phía trước và rút lấy cây thánh giá từ lưng viên cảnh sát. Anh xoay người về phía ả, mò mẫm tìm khẩu súng lục công vụ của mình, nhưng Annie kịp lái cây thánh giá nện vào điểm đã có vết trên bụng anh.

"*Hự*!" lần này viên cảnh sát kêu lên, rồi khuỵu gối xuống ôm bụng. Khi anh ta gục xuống, Paul nhìn thấy đường xẻ trên chiếc áo sơ mi đồng phục màu nâu của anh ta, nơi cú đánh đã hạ cánh. Annie lại rút cây thánh giá ra lần nữa – phần nhọn của nó đã bị gãy, để lại một cái hốc lởm chởm, sắc mảnh – rồi đậm tiếp vào phần lưng giữa xương bả vai. Trông ả đàn bà giống như đang cố hạ gục một con ma cà rồng. Hai nhát đâm đầu tiên có lẽ chưa xuống sâu hẳn để gây ra nhiều sát thương, nhưng lần này trụ đỡ cây thánh giá đã găm ít nhất chục phân vào lưng viên cảnh sát đang phủ phục, khiến anh ta gục hẳn.

"*ĐẤY*!" Annie vừa la ó vừa xoay xở rút cột mốc tưởng niệm của Bossie ra khỏi lưng anh ta. "*MÀY THÍCH THẾ NÀY CHỨ CON CHIM GIÀ BẨN THỈU KIA*"

"*Annie, dừng lại đi*!" Paul hét lớn.

Ả đàn bà ngước nhìn anh, đôi mắt đen trong khoảnh khắc lóe lên như đồng xu, mái tóc lòa xòa khắp mặt, khóe miệng nhếch lên tạo thành nụ cười vui vẻ của kẻ mất trí, ít nhất là trong lúc này, đã gạt sang một bên mọi sự kiềm chế. Sau đó, ả quay lại nhìn viên cảnh sát.

"*ĐẤY*!" Ả đàn bà gào lên, rồi lại cắm cây thánh giá vào lưng anh lần nữa. Và vào mông. Vào đùi trên của một chân. Vào cổ. Và rồi vào đũng quần. Ả giáng xuống cơ thể anh nửa chục nhát, cứ mỗi lần xuống tay lại lên giọng "*ĐẤY*!" Sau đó, cây thánh giá chẻ ra làm đôi.

"Đây," ả đàn bà nói giọng gần như trò chuyện thông thường, rồi bỏ đi theo hướng mà ả từng đến. Ngay trước khi biến khỏi tầm mắt của Paul, ả ném cây thánh giá đẫm máu sang một bên như thể đã chơi chán rồi.

14

Paul đặt tay lên bánh xe lăn, hoàn toàn không biết mình định đi đâu hoặc có việc gì, nếu có, mà anh dự định làm – chắc là vào bếp để lấy một con dao nhỉ? Không phải dùng nó để cố gắng giết ả đàn bà đó, ồ không; ả sẽ nhìn vào con dao trên tay anh một cái và ra nhà kho lấy khẩu súng trường. Không để giết ả mà để tự vệ trước sự trả thù của ả đàn bà bằng cách cắt cổ tay anh. Anh không biết đó có phải là ý định ban đầu của mình hay không, nhưng nó chắc chắn là một ý kiến hay, bởi nếu có thời khắc nào để xếp hàng rời sân khấu, thì chính là lúc này. Anh thấy mệt mỏi với việc nướng dần từng mảnh của mình trong cơn giận dữ của ả đàn bà đó.

Sau đó, anh nhìn thấy một thứ gì đó khiến anh cứng đờ người tại chỗ.

Viên cảnh sát.

Viên cảnh sát vẫn còn sống.

Anh ta ngẩng đầu. Cặp kính râm đã rơi ra. Bây giờ Paul có thể nhìn thấy đôi mắt của anh ta. Bây giờ anh thấy được viên cảnh sát trẻ thế nào, non nớt, đớn đau và sợ hãi ra sao. Máu xối xả thành suối trên mặt. Anh ta gắng gượng dậy bằng tay và đầu gối, bổ nhào về phía trước, rồi lại đau đớn gượng lại thêm lần nữa. Anh ta bắt đầu bò về phía xe tuần tra của mình.

Anh ta lao được nửa đường xuống dốc cỏ mọc giữa nhà và đường lái xe, sau đó mất thăng bằng và ngã ngửa. Trong giây lát, anh ta nằm đó với hai chân co lên, trông bất lực như một con rùa bị

lật mai. Đoạn, anh ta từ từ lăn người sang một bên và bắt đầu hành động khủng khiếp là quỳ xuống một lần nữa. Chiếc áo sơ mi và quần đồng phục của anh ta sẫm lại vì máu – từng mảng nhỏ đang dần lan ra, chạm mặt những mảng khác, tạo thành mảng lớn. Smokey đã tới được đường lái xe.

Đột nhiên tiếng xe cắt cỏ trở nên ngày một rõ ràng hơn.

"*Coi chừng*!" Paul hét lên. "*Coi chừng, ả ta đang đến đấy!*"

Viên cảnh sát quay đầu. Cơn chấn động loạng choạng hiển hiện trên mặt, anh ta loay hoay tìm cây súng thêm lần nữa. Anh ta lấy ra thứ gì đó màu đen cỡ lớn với nòng dài và báng gỗ nâu – rồi Annie tái xuất, ngồi trên yên cao và lái chiếc Lawnboy phóng hết tốc.

"*BẮN Ả ĐI!*" Paul hét lên, và thay vì bắn Annie Wilkes bằng khẩu *(con chim bẩn thu)*

Harry cũ cỡ đại của mình, anh ta mò mẫm, rồi đánh rơi nó.

Anh ta đưa tay ra đón lấy. Annie đổi hướng và cán qua cả bàn tay lẫn cẳng tay của anh ta. Máu phun phè phè từ ống xả cỏ phản lực của chiếc Lawnboy. Đứa trẻ mặc quân phục hét lên. Có tiếng leng keng sắc nhọn khi lưỡi dao quay của máy cắt cỏ va vào khẩu súng lục. Đoạn, Annie tiến lên bãi cỏ bên cạnh, lấy không gian để quay xe, ánh mắt của ả ta đã chạm trúng Paul trong một giây, và Paul cảm thấy chắc chắn mình biết ánh mắt chớp nhoáng đó có nghĩa là gì. Đầu tiên là Smokey, sau đó sẽ là anh.

Đứa trẻ lại lật được người lên. Khi trông thấy xe cắt cỏ sắp cán qua mình, anh ta lăn người bằng lưng và dùng gót chân đào điên cuồng xuống bãi đất trên đường lái xe, cố gắng đẩy thân người khuất sau xe tuần tra nơi ả đàn bà không túm được mình. Anh ta

còn không tiến nổi lại gần đó. Annie tăng tốc xe cắt cỏ, để nó gầm lên rồi cán qua đầu anh ta.

Paul chứng kiến lần cuối đôi mắt nâu ngập nỗi kinh hoàng, thấy chiếc sơ mi đồng phục kaki màu nâu rách nát còn nằm trên một cánh tay đang giơ lên trong nỗ lực bảo vệ yếu ớt, và khi đôi mắt ấy không còn nữa, Paul quay đi.

Động cơ chiếc Lawnboy đột nhiên bị chùng xuống, cùng một loạt âm thanh va đập nhanh, ùng ục của chất lỏng.

Paul nhắm mắt nôn mửa ngay cạnh xe lăn.

15

Anh chỉ mở mắt khi nghe thấy tiếng ả đàn bà lạch cạch mở khóa cửa bếp. Cánh cửa cho riêng anh đã mở; anh nhìn ả đi xuống hành lang trong đôi giày cao bồi màu nâu cũ và chiếc quần jeans màu xanh lam với móc khóa lủng lẳng trên đỉa thắt lưng cùng chiếc áo phông dáng nam giờ đã lốm đốm máu. Anh thu mình né ả đàn bà. Anh muốn nói: *Nếu cô cắt đứt bất cứ thứ gì khác của tôi, Annie ạ, tôi sẽ chết. Không phải sốc phản vệ khi bị cắt cụt chi nữa. Tôi sẽ tự chết.* Nhưng không lời nào lọt được ra ngoài – chỉ độc những tiếng phì phò sợ sệt làm anh còn tự kinh tởm.

Dù sao thì ả đàn bà cũng không để anh kịp nói gì.

“Tôi sẽ xử lý ngài sau,” ả nói, và kéo cánh cửa của anh đóng lại. Một trong số những chiếc chìa khóa của ả lạo xạo trong ổ khóa – một chiếc Kreig mới mà có cho thì Tom Twyford cũng phải bó tay, Paul nghĩ – và rồi ả đàn bà lại sải bước xuống hành lang, tiếng va chạm của gót đôi giày nhỏ dần.

Anh quay đầu lại và thẫn thờ nhìn ra ngoài cửa sổ. Anh chỉ có thể nhìn thấy một phần thi thể của viên cảnh sát. Đầu anh ta còn nằm dưới máy cắt cỏ, ngoặt sang, lảo đảo tạo thành góc nghiêng hướng về xe tuần tra. Xe cắt cỏ là loại xe giống máy kéo cỡ nhỏ dùng để duy trì sự gọn gàng cho những bãi cỏ rộng trên-trung-bình. Nó không được thiết kế để giữ thăng bằng khi cán qua những tảng đá nhấp nhô, những cành khô rơi rụng hoặc thủ cấp của các viên cảnh sát. Nếu xe tuần tra không ở đúng chỗ đó, và nếu viên cảnh

sát không cách nó ở cự ly chính xác như trước khi Annie tấn công anh ta, xe cắt cỏ gần như sẽ bổ nhào, làm ả đàn bay ra cả quãng. Cú ngã này có thể không nguy hiểm gì đến tính mạng, nhưng cũng đủ khiến ả bị thương nặng.

Ả đàn bà này được ma quỷ phù hộ, Paul trầm ngâm nghĩ, đoạn nhìn ả đặt xe cắt cỏ thăng bằng lại rồi huých mạnh để lùi khỏi viên cảnh sát. Mặt bên của xe cắt cỏ cọ dọc vào thân xe tuần tra làm tróc một ít sơn.

Lúc này anh ta đã chết, Paul có thể nhìn thấy anh ta. Viên cảnh sát trông như một con búp bê cỡ đại từng bị cả đám trẻ con xấu tính xúm vào đối xử tệ bạc. Paul nhức nhối một niềm cảm thương với người đàn ông trẻ mà anh chưa từng biết tên này, nhưng còn một loại cảm xúc khác đang len lỏi theo đó. Anh nhìn nhận nó và không hề ngạc nhiên khi gọi được tên nỗi hiềm tị. Viên cảnh sát đó sẽ không bao giờ có thể trở về với vợ và con mình, nếu anh ta đã có gia đình, nhưng ở khía cạnh khác, anh ta đã trốn thoát được Annie Wilkes.

Ả đàn bà túm bàn tay đẫm máu của anh ta, kéo lê thi thể trên đường lái xe, qua cửa nhà kho đang đứng thẳng trên ray trượt. Khi trở ra, ả mở cửa kịch đường ray trượt. Rồi ả quay lại chiếc xe tuần tra. Ả đàn bà di chuyển với sự bình thản gần như vô tư lự. Ả nổ máy xe tuần tra rồi lái vào nhà kho. Khi trở ra lần nữa, ả không đóng hẳn cửa mà để lại một khoảng trống vừa đủ rộng để ra vào.

Ả đàn bà đi được nửa đường và nhìn quanh, tay chống nạnh. Một lần nữa Paul lại thấy biểu cảm thanh thản đáng chú ý đó.

Đáy máy cắt cỏ vấy máu, đoạn quanh ống xả còn tong tong nhỏ giọt. Những mảnh đồng phục kaki vụn vương vãi khắp đường lái xe

hoặc bay tung tóe trong đám cỏ mới cắt ở bãi bên cạnh. Khắp thân xe đầy vết xước và vệt máu hắt. Khẩu súng của viên cảnh sát nằm im trong bụi với một vết cắt dài đã thành sẹo ở nòng súng, lộ lõi kim loại màu sáng. Một mảnh vuông bằng giấy trắng cứng mắc vào gai của một cây xương rồng nhỏ mà Annie trồng hồi tháng Năm. Cây thánh giá trên mộ Bossie bị nghiền nát nằm trên đường lái xe như một lời phê bình về toàn bộ mớ hỗn độn bẩn thỉu này.

Ả đàn bà ra khỏi tầm nhìn của anh, đi về phía nhà bếp. Khi ả bước vào, anh nghe thấy tiếng ả hát. *"Cô ấy sẽ cưỡi sáu con ngựa trắng khi cô ấy ĐẾN... cô ấy sẽ cưỡi sáu con ngựa trắng khi cô ấy ĐẾN! Cô ấy sẽ cưỡi sáu con NGỰA màu trắng, cưỡi sáu con NGỰA màu trắng... cô ấy sẽ cưỡi sáu con NGỰA màu trắng khi cô ấy ĐẾN!"*

Khi anh nhìn thấy ả đàn bà lần nữa, trên tay ả cầm một túi rác lớn màu xanh lá cây và ba hoặc bốn túi nữa thò ra từ túi sau quần jeans. Những vết mồ hôi lớn làm thẫm vùng quanh nách và cổ chiếc áo phông. Khi ả xoay người, anh thấy một vệt mồ hôi trông mờ mờ giống như cái cây trồi lên lưng ả.

Có vài mảnh vải vụn mà lấy nhiều túi thế, Paul nghĩ, nhưng anh biết ả còn có nhiều thứ phải bỏ vào chúng thì mới xong xuôi được.

Ả đàn bà nhặt những mảnh đồng phục và sau đó là cây thánh giá. Ả bẻ nó thành hai mảnh, và bỏ vào túi nhựa. Thật kinh ngạc, mặt ả đã biến sắc sau khi làm việc này. Ả nhặt khẩu súng lên, lăn ống trụ, đổ sên, nhét viền vào một bên túi hông, vặn chặt ống trụ lại bằng một cái vẩy cổ tay thành thạo, đoạn cắm khẩu súng vào cạp quần jeans. Ả gỡ mảnh giấy ra khỏi cây xương rồng và trầm ngâm

nhìn nó. Ả nhét nó vào túi hông bên kia. Ả tiến về phía nhà kho, ném túi rác vào bên trong cửa ra vào, rồi quay trở lại nhà.

Ả đi lên bãi cỏ bên cạnh vách ngăn hầm rượu ở ngay gần phía dưới cửa sổ của Paul. Có gì đó đã đập vào mắt ả đàn bà. Chính là cái gạt tàn của anh. Ả nhặt nó lên và lịch sự đưa nó cho anh qua khung cửa sổ vỡ.

“Đây, Paul.”

Cứng người, anh đưa tay đón lấy.

“Tôi sẽ lấy kẹp giấy sau,” ả nói, như thể anh đã hỏi câu đó rồi. Trong một khoảnh khắc, anh nghĩ đến việc thả cái gạt tàn bằng gốm đặc vào đầu ả đàn bà khi ả cúi xuống, dùng nó nện vào hộp sọ để giải trừ căn bệnh đã truyền qua não ả.

Rồi anh nghĩ về những gì sẽ xảy ra với mình – những gì *có thể* xảy ra với anh – nếu anh chỉ khiến ả đàn bà đó bị thương, và đặt cái gạt tàn vào chỗ cũ bằng bàn tay với ngón cái đang run rẩy của mình.

Ả ngước lên nhìn anh. “Tôi không giết gã đó, ngài biết đấy.”

“Annie...”

“*Chính ngài* đã giết hắn ta. Nếu ngài giữ mồm giữ miệng, tôi đã tiễn gã đi khỏi đây. Giờ chắc gã sẽ còn sống nhăn và chẳng có mớ hỗn độn quái quỷ này để phải dọn dẹp.”

“Đúng vậy,” Paul nói. “Lẽ ra anh ta sẽ lên đường đi khỏi đây, còn tôi thì sao, Annie?”

Ả đàn bà đang kéo vòi nước ra khỏi vách ngăn và vòng nó qua cánh tay của mình. “Tôi không hiểu ngài đang nói gì?”

“Cô biết mà.” Giữa nơi cùng cốc của cú sốc, anh đã chạm tới sự thanh thản của chính mình. “Anh ta có hình ảnh của tôi. Giờ nó đang ở trong túi cô, phải không?”

“Đừng hỏi gì để tôi phải nói dối.” Có một cái yếm vòi ở bên hông nhà, bên trái cửa sổ của anh. Ả bắt đầu vặn phần cuối của cái vòi vào nó.

“Một cảnh sát tiểu bang có hình ảnh của tôi có nghĩa là ai đó đã tìm thấy xe của tôi. Cả hai chúng ta đều biết sẽ có ai đó tìm thấy thôi. Tôi chỉ ngạc nhiên đến giờ mới có. Trong tiểu thuyết, một chiếc ô tô có thể trôi ngay ra khỏi câu chuyện – tôi đoán tôi có thể khiến mọi người tin vào điều đó nếu tôi phải làm vậy – nhưng trong đời thực thì không. Nhưng hai chúng ta lừa phỉnh như nhau thôi, phải không, Annie? Cô vì cuốn sách, tôi vì mạng sống của tôi, và nhiều sự đày đọa đã đến với tôi.”

“Tôi không hiểu ngài đang nói gì.” Ả đàn bà bật vòi nước. “Tôi chỉ biết ngài đã giết đứa trẻ tội nghiệp đó khi ngài ném cái gạt tàn qua cửa sổ. Ngài đang chuẩn bị lãnh nhận những thứ gã đó đã lãnh nhận.” Ả cười toe toét với anh. Có một tia cuồng loạn đằng sau nụ cười đó, nhưng anh cũng nhìn thấy thứ gì đó khác trong đó, một thứ khiến anh thực sự sợ hãi. Anh nhìn thấy cái ác có ý thức bên một con quỷ đang âm thầm ngự trị sau ánh mắt ả đàn bà.

“Đồ chó,” anh ta nói.

“Con chó điên mới phải chứ?” ả hỏi, vẫn mỉm cười.

“Ồ đúng rồi – cô là loại thần kinh,” anh đáp.

“Chà, chúng ta sẽ phải nói về chuyện đó, phải không? Khi tôi có nhiều thời gian hơn chút. Chúng ta sẽ phải nói kỹ càng về chuyện đó. Nhưng hiện tại tôi đang rất bận, như tôi nghĩ ngài cũng thấy thôi.”

Ả đàn bà mở vòi và bật nó lên. Ả đã dành gần nửa giờ để xối máu khỏi xe cắt cỏ, đường lái xe và bãi cỏ bên cạnh, với chiếc vòi

phun hắt lên ảnh cầu vồng lấp lánh.

Sau đó, ả vặn vòi ra và đi ngược chiều dài của vòi, vòng qua cánh tay. Trời còn sáng nhưng bóng dáng ả vẫn kéo dài sau lưng. Bây giờ đã là sáu giờ.

Ả vặn vòi, mở vách ngăn và thả con rắn nhựa xanh vào bên trong. Ả đóng vách ngăn, cài then, và đứng lại, quan sát con đường lái xe và bãi cỏ sũng nước, trông như thể một lớp sương dày đã hạ đầy mặt đất.

Annie quay lại chiếc xe cắt cỏ, lên xe, nổ máy và lái nó quay lại. Paul mỉm cười một chút. Ả đàn bà đó được ma quỷ phù hộ, và khi bị dồn nén, ả gần như sở hữu sự thông minh của ma quỷ — nhưng *gần như* chính là từ khóa ở đây. Ả ta đã sa chân vào Boulder và lươn lẹo thoát được phần lớn là do may mắn. Bây giờ ả lại sơ sẩy lần nữa. Ả đàn bà đã rửa sạch vết máu trên máy cắt cỏ nhưng lại bỏ qua phần lưỡi dao bên dưới – cụ thể là toàn bộ phần vỏ của lưỡi dao. Sau này ả có thể nhớ ra, nhưng Paul không nghĩ vậy. Mọi thứ sẽ lũ lượt thoát ra khỏi tâm trí của Annie một khi khoảnh khắc trước mắt đã qua. Anh chợt nhận ra rằng trí óc và chiếc máy cắt cỏ có rất nhiều điểm chung – những gì bạn có thể nhìn thấy đều ổn cả. Nhưng nếu lật ngược lại để xem cách vận hành, bạn sẽ thấy một cỗ máy giết người đẫm máu với lưỡi dao rất sắc bén.

Ả đàn bà quay trở lại cửa bếp và vào nhà một lần nữa. Ả đi lên lầu và anh nghe thấy tiếng ả lục lọi ở đó một lúc. Rồi ả đàn bà lại đi xuống, chậm rãi hơn, kéo theo một thứ gì đó nghe nhẹ nhàng và nặng nề. Sau một lúc cân nhắc, Paul lăn xe lăn tới cửa và tựa tai vào gỗ.

Những tiếng bước chân mờ, nhỏ dần – hơi trống rỗng. Và vẫn là âm thanh văng vẳng của một thứ gì đó đang bị kéo lê. Ngay lập tức tâm trí anh bừng sáng với ánh đèn pha hoảng loạn và da anh đỏ bừng vì kinh hãi.

Ả ta đang đến nhà kho để lấy cái rìu! Lại là cái rìu!

Nhưng đây chỉ là sự suy sụp nhất thời, và anh xua đuổi chúng đi một cách thô bạo. Ả đàn bà không ra nhà kho; ả xuống hầm. Lỗi thứ đó xuống hầm.

Anh nghe thấy ả đi ngược lên và lăn xe lăn về lại cửa sổ. Khi gót giày của ả đàn bà bước tới cửa phòng anh, và chìa khóa lại tra vào cửa, anh nghĩ, *Ả ta đến để giết mình*.

Và cảm xúc duy nhất mà suy nghĩ này mang lại là sự nhẹ nhõm mệt nhoài.

16

Cánh cửa mở ra và Annie đứng đó, trầm ngâm nhìn anh. Ả đã thay một cái áo phông trắng mới và một chiếc quần chinos. Một chiếc túi kaki cỡ lỡ, để làm ví thì quá to mà làm ba lô thì quá nhỏ, được đeo chéo qua một bên vai.

Khi ả bước vào, anh đã rất ngạc nhiên khi thấy mình có thể nói điều đó, và nói điều đó với một chút phẩm giá nhất định: “Hãy giết tôi đi, Annie, nếu cô định làm như thế, nhưng ít nhất hãy lịch sự chút và làm nó nhanh lên. Đừng cắt xẻo cái gì trên người tôi nữa.”

“Tôi sẽ không giết ngài đâu Paul.” Ả đàn bà dứt lời. “Ít nhất sẽ không làm thế nếu tôi chỉ có chút may mắn. Tôi nên giết ngài – tôi biết chứ – nhưng tôi bị điên mà, phải không? Và những người điên thường đâu quan tâm đến điều có lợi nhất cho họ, phải không?”

Ả đi ra sau lưng anh và đẩy anh qua phòng, ra khỏi cửa và xuống hành lang. Anh có thể nghe thấy tiếng cái túi đập vào bên mạng sườn ả ta, chợt anh nhận ra mình chưa bao giờ thấy ả mang một chiếc túi như vậy. Nếu vào thị trấn trong một bộ váy, ả sẽ đeo một cái ví lùn và to – loại các bà cô nội trợ thường dùng để bán hàng trong nhà thờ. Nếu ả mặc quần dài, ả sẽ mang một cái ví nhét trong túi hông như đàn ông.

Ánh nắng xiên vào bếp vàng rực rỡ. Bóng từ chân bàn bếp trải khắp tấm vải sơn lót sàn thành các sọc ngang như bóng của song sắt nhà tù. Đồng hồ khu vực đó chỉ sáu giờ rưỡi, và mặc dù không có lý do gì để tin rằng ả đàn bà đó sẽ ít cẩu thả về đồng hồ hơn là

những quyển lịch (lịch ở ngoài này mới chỉ tới tháng Năm), có vẻ lúc đó là sáu giờ thật. Anh nghe thấy tiếng dế kêu vào buổi tối đầu tiên trên cánh đồng của Annie. Anh nghĩ, *mình đã nghe thấy âm thanh đó hồi còn là một cậu nhóc bé nhỏ chưa bị ai phương hại gì,* và trong giây lát, anh gần như bật khóc.

Ả đàn bà đẩy anh vào phòng chứa thức ăn, nơi cánh cửa tầng hầm đang mở. Ánh sáng vàng loạng choạng bước lên cầu thang và ngã bỏ mạng trên sàn phòng thức ăn. Mùi của cơn mưa cuối đông tràn về vẫn còn vương vấn.

Dưới đó có nhện, anh nghĩ. *Dưới đó có chuột chù. Dưới đó có chuột cống.*

"Ừm ừm," anh bảo ả. "Tôi không chơi cái này đâu."

Ả ta nhìn anh với vẻ thiếu kiên nhẫn nhất định, và anh nhận ra rằng kể từ khi giết viên cảnh sát, ả có vẻ gần như bình thường. Khuôn mặt ả mang vẻ đăm chiêu của người phụ nữ đang tất bật chuẩn bị cho một bữa tiệc tối lớn.

"Ngài sẽ xuống đó," ả nói. "Điều băn khoăn duy nhất là ngài sẽ lăn tròn xuống hay được cõng xuống thôi. Tôi sẽ cho ngài năm giây để quyết định."

"Cõng xuống," anh đáp gọn gàng.

"Thông minh đấy." Ả quay người để anh có thể vòng tay qua cổ. "Đừng có làm gì dại dột kiểu định chọc mắt tôi Paul ạ. Tôi học karate ở Harrisburg. Tôi giỏi môn đó đấy. Tôi sẽ quật ngài. Sàn nhà bẩn thỉu nhưng cứng lắm. Ngài sẽ gãy lưng đấy."

Ả đàn bà xốc anh lên nhẹ bẫng. Chân anh, giờ không có khớp nhưng cong queo và xấu xí như có thứ gì lòi ra, rủ xuống từ một vết rách trên tấm bạt của căn lều biểu diễn chương trình kinh dị. Bên

chân trái, với vòm muối nơi đầu gối, ngắn hơn bên phải khoảng mười xăng-ti-mét. Anh đã thử đứng bằng chân phải và nhận thấy mình đứng được, một lúc, nhưng cơn đau đớn trầm trọng sau đó phải kéo dài hàng giờ. Thuốc mê cũng không thể chạm tới nỗi đau đó, nó giống như là tiếng nức nở xác thịt từ tận những tầng sâu.

Ả đàn bà cõng anh xuống và bước vào một vùng quánh đặc những mùi đá và gỗ cũ, nước dềnh cùng rau củ thối rữa. Có ba bóng đèn trần. Giữa những thanh xà ngang trần, mạng nhện giăng thành những cái võng vắt vẻo và mục nát. Mấy bức tường đá sứt mẻ lôm côm – trông như những bức vẽ tường đá của một đứa trẻ. Ở đây mát mẻ, nhưng không phải là kiểu mát mẻ dễ chịu.

Anh chưa bao giờ gần ả ta như lúc đó, khi ả cõng anh xuống cầu thang dốc. Anh chỉ mới ở gần sát như thế này một lần. Đó không phải là một trải nghiệm thú vị. Anh có thể ngửi thấy mùi mồ hôi từ những lần ráng sức gần đây của ả, và trong khi anh thực sự thích mùi mồ hôi vừa lăn khỏi cơ thể – anh liên kết chúng với lao động, nỗ lực chăm chỉ, những thứ anh tôn trọng – mùi này bí bách và khó chịu, giống như những tấm khăn cũ dày được sấy khô. Và bên dưới mùi mồ hôi là một mùi đất rất cũ. Anh đoán, Annie chỉ họa hoằn coi việc đi tắm là có-cũng-được-không-thì-thôi cũng như việc phải thay những tờ lịch. Anh có thể nhìn thấy chất sáp màu nâu sẫm đang bịt chặt một bên tai và tự hỏi với vẻ mơ hồ kinh tởm rằng làm thế quái nào mà ả có thể nghe thấy bất cứ điều gì.

Ở đây, cạnh một trong những bức tường đá, là nguồn gốc của âm thanh rung chuyển và kéo lê vừa nãy: một tấm đệm. Bên cạnh đó, ả đàn bà đã đặt một cái bàn cá nhân gấp gọn. Có một vài lon và chai trên đó. Ả đến gần tấm đệm, xoay người và ngồi xổm xuống.

“Xuống đi, Paul.”

Anh thận trọng thả tay ra và thả mình xuống đệm. Anh cảnh giác nhìn ả đàn bà khi ả đứng và thò tay vào chiếc túi kaki nhỏ.

“Không,” anh nói ngay lập tức khi nhìn thấy ánh sáng màu vàng kim mệt mỏi lấp lánh trên cây kim tiêm. “Không. Không.”

17

“Ôi cưng ơi,” ả nói. “Chắc ngài nghĩ hôm nay tâm trạng Annie như cái đít vậy. Tôi mong ngài được *thư giãn*, Paul ạ.” Ả đàn bà đặt kim tiêm lên bàn cá nhân. “Scopolamine đấy, thuốc gốc morphine. May cho ngài là tôi có đủ loại morphine. Tôi đã kể cho ngài người ta trông coi thuốc trong bệnh viện cẩn thận thế nào rồi. Tôi để ở đây vì dưới này ẩm ướt và chân ngài có thể sẽ đau đớn khủng khiếp trước khi tôi quay lại đấy.”

“Đợi chút thôi.” Ả đàn bà dành cho anh một cái nháy mắt mang âm hưởng đáng lo ngại đến kỳ lạ, cái nháy mắt của những kẻ đang ủ mưu. “Ngài ném cái gạt tàn và tôi tất bật như phải dán giấy dán tường bằng một tay. Tôi sẽ quay lại ngay.”

Ả đàn bà lên lầu và quay lại ngay sau đó cùng đệm ghế sô-pha trong phòng khách và chăn từ giường của anh. Ả sắp xếp những chiếc đệm phía sau anh để anh có thể ngồi dậy mà không quá khó chịu – nhưng anh cảm nhận được cái lạnh âm ỉ của những tảng đá xuyên qua đệm, chực chờ lao ra và đóng băng anh.

Có ba chai Pepsi trên bàn cá nhân đã gấp gọn. Ả mở hai trong số chúng, sử dụng dụng cụ mở trên chùm chìa khóa của mình, và đưa cho anh một chai. Ả mở chai của mình và uống liền một nửa; rồi cố gắng ợ lên một cách nhẹ nhàng.

“Chúng ta phải nói chuyện,” ả nói. “Hay đúng hơn là tôi phải nói và ngài phải lắng nghe.”

“Annie, khi tôi nói cô bị điên...”

“Suỵt! Đừng nói gì về chuyện đó. Chúng ta sẽ bàn chuyện đó sau. Không phải tôi định cố gắng thay đổi suy nghĩ của ngài về bất cứ điều gì ngài chọn để nghĩ – một Quý Ngài Thông Minh như ngài, người luôn suy tư về cuộc đời. Tất cả những gì tôi từng làm là kéo ngài ra khỏi chiếc xe vùi dưới tuyết trước khi ngài chết cóng, nẹp đôi chân bị gãy đáng thương của ngài, cho ngài thuốc để giảm đau, chăm sóc ngài, khuyên ngài từ bỏ một cuốn sách tồi và động viên ngài tạo ra cuốn sách hay nhất ngài từng viết. Nếu thế mà gọi là điên, cứ đưa tôi đến trại thương điên đi.”

Ôi, Annie, giả như có ai đó làm thế, anh nghĩ, và trước khi anh kịp ngăn mình lại, anh đã quát: “Cô cũng chặt mẹ nó chân tôi còn gì!”

Ả đàn bà vung nhanh tay, bẻ cổ anh sang một bên với tiếng rắc rắc mỏng.

“Đừng có nói bậy bạ trước mặt tôi” Annie nói. “Kể cả ngài có không được dạy dỗ đàng hoàng thì tôi cũng được dạy dỗ đàng hoàng. May cho ngài là tôi chưa cắt cái vòi đàn ông của ngài đấy. Tôi đã nghĩ đến rồi, ngài biết đấy.”

Anh nhìn ả đàn bà. Bụng anh như bên trong một cái máy làm đá. “Tôi biết cô nghĩ đến rồi, Annie a,” anh nói nhẹ nhàng. Đôi mắt ả mở to và chỉ trong giây lát, ả trông vừa giật mình vừa tội lỗi – Annie Nghịch Ngợm thế chỗ cho Annie Cáu Kinh.

“Nghe tôi nói đây. Nghe cho kỹ này. Chúng ta sẽ ổn nếu trời tối trước khi có người đến tìm kiếm gã đó. Trời sẽ tối hẳn trong một tiếng rưỡi nữa. Nếu có ai đó đến sớm hơn...”

Ả đàn bà lại thò tay vào chiếc túi kaki và lấy ra khẩu 44 ly của viên cảnh sát. Đèn hầm chiếu vào tia chớp ngoằn ngoèo mà lưỡi hái

của Lawnboy đã cắt vào nòng súng.

“Nếu có ai đó đến sớm hơn,” ả nói, “thứ này sẽ để dành cho bất kỳ kẻ nào đến trước khi trời tối, rồi cho ngài, và sau đó là cho tôi.”

18

Khi trời tối, ả đàn bà bảo, ả sẽ lái chiếc xe tuần tra đến Vùng Đất Cười của ả. Có một chỗ dựa bên cạnh cabin để ả có thể đậu nó một cách an toàn khi khuất tầm nhìn. Ả nghĩ rằng nguy cơ bị chú ý duy nhất là khi đi trên Đường số 9, nhưng ngay cả ở đó rủi cũng rất nhỏ — ả chỉ cần lái xe qua đó chừng bốn dặm. Một khi ra được khỏi Đường số 9, đường vào khu vực đồi là đường đồng cỏ ít ai qua lại, một số đoạn hầu như bỏ hoang vì việc chăn thả gia súc ở khu vực này rất hiếm thấy. Ả còn nói rằng một vài trong số những con đường này vẫn bị cấm – ả và Ralph đã lấy được chìa khóa khi họ mua đất. Họ không cần phải hỏi; những người chủ của khu đất giữa đường và cabin đã tự đưa họ chìa khóa. Đây gọi là *láng giềng*, ả nói với Paul, cố ý nhét vào từ có nghĩa dễ chịu một nét nghĩa thâm sâu và không thể nghi ngờ: nghi hoặc, khinh thường và thích thú cay đắng.

“Tôi sẽ đưa ngài theo chỉ để theo dõi ngài, vì giờ ngài đã thể hiện mình không hề đáng tin, nhưng thế cũng không ổn. Bê ngài vào thùng xe cảnh sát hoặc đưa ngài ra và xuống xe là điều không thể. Tôi sẽ phải đi xe đạp đường mòn của Ralph. Chắc tôi sẽ ngã bổ nhào và gãy luôn cái cổ nhãi nhép của mình.”

Ả đàn bà cười vui vẻ để thể hiện rằng với ả đó cũng chỉ là trò đùa thôi, nhưng Paul không cười hùa.

“Nếu điều đó xảy ra, Annie à, chuyện gì sẽ xảy ra với tôi?”

“Ngài sẽ ổn thôi, Paul,” ả thanh thản đáp. “Chúa ơi, ngài đúng là lo bò trắng răng!” Ả đàn bà bước tới một trong những cửa sổ hầm

và đứng đó một lúc, nhìn ra ngoài, xem trời sắp tối chưa. Paul nhìn ả ta một cách đầy tâm trạng. Nếu ả bổ nhào khỏi cái xe đạp của chồng hoặc không thể lái xe ra khỏi một trong những con đường không trải nhựa đó – thì anh thực sự không tin rằng mình sẽ ổn. Điều anh thực sự tin anh sẽ chết như một con chó ở dưới này, và sau đó, xác anh sẽ làm thức ăn cho lũ chuột mà chắc chắn là giờ đây đang dò xét hai vị khách không mời đang xâm nhập vào lãnh địa của chúng. Bây giờ có một cái khóa Kreig trên cửa phòng chứa thức ăn, và một cái chốt trên vách ngăn dày gần bằng cổ tay anh. Cửa sổ hầm, như thể phản ánh sự hoang tưởng của Annie (và chẳng có gì bất ngờ về điều đó, anh nghĩ; chẳng phải tất cả các ngôi nhà đều phản ánh tính cách của chủ nhà trong một thời gian sao?), không có gì hơn ngoài những vết súng rạch bẩn thỉu, dài khoảng nửa mét, rộng khoảng 35 xăng-ti-mét. Anh không nghĩ mình có thể lách được qua những cái khe đó ngay cả khi khỏe mạnh nhất, chưa kể đến tình trạng hiện tại. Anh có thể sẽ phá được một cái và gào lên xin trợ giúp nếu có ai đi qua trước khi anh chết đói, nhưng như thế cũng không dễ chịu gì.

Những cơn đau quặn thắt đầu tiên tuột xuống chân như nước độc. Và cơn đói thuốc. Cơ thể của anh gào thét vì Novril. Đó là sự *cưỡng chế*, không phải sao? Tất nhiên rồi.

Annie quay lại và lấy chai Pepsi thứ ba. “Tôi sẽ mang xuống một vài thứ nữa trước khi tôi đi,” ả đàn bà nói. “Ngay bây giờ tôi cần đường. Chắc ngài không phiền đâu nhỉ?”

“Chắc chắn là không. Pepsi của tôi là Pepsi của cô.”

Ả xoắn nắp chai và uống một hơi thật sâu. Paul nghĩ: *Làm một ngụm, làm một ngụm, khiến bạn muốn hô lên hi-de-ho*. Đó là nhạc

của ai nhỉ? Roger Miller, phải không? Nực cười thật, đó là thứ mà tâm trí mày họ được ra.

Nực cười.

“Tôi sẽ đưa gã đó vào xe của gã và lái đến Vùng Đất Cười của tôi. Tôi sẽ lấy tất cả tư trang của gã. Tôi sẽ cho xe vào nhà kho ở đó và chôn gã cùng những thứ mà gã biết, những mảnh vụn của gã… trong khu rừng trên đó.”

Anh không nói gì. Anh cứ nghĩ mãi về Bossie, ùm bò, ùm bò, ùm bò cho đến khi không thể ùm bò nổi nữa vì nó đã tèo đời, và một trong những tiêu đề tuyệt vời khác cho chương trình Cuộc sống ở Dốc phía Tây sẽ là thế này: *Bò chết là bò không kêu.*

“Tôi có xích chặn đường lái xe. Tôi sẽ sử dụng chúng. Nếu cảnh sát tới, họ có thể nghi ngờ, nhưng tôi thà để họ nghi ngờ còn hơn để họ lái thẳng xe vào cửa nhà và nghe thấy tiếng ồn ã nhãi nhép của ngài. Tôi đã nghĩ tới chuyện bịt miệng ngài, nhưng bịt miệng khá nguy hiểm, nhất là sau khi ngài sử dụng thuốc gây ức chế hô hấp. Hoặc ngài sẽ nôn, hoặc xoang ngài sẽ đóng lại vì dưới này ẩm ướt quá. Nếu xoang đóng chặt quá ngài sẽ không thể nào thở bằng miệng được...”

Ả đàn bà nhìn đi chỗ khác, sập nguồn, im lặng như một trong những viên đá ở bức tường hầm rượu, trống rỗng như chai Pepsi đầu tiên ả ta uống. *Khiến bạn muốn bộ lên hi-de-ho*. Và hôm nay Annie có hô lên hi-de-ho không? Dám cá là có. Annie đã hò reo hi-de-ho cho đến khi cái sân trở nên nhầy nhụa. Anh cười. Ả không tỏ ra vẻ gì là nghe thấy anh.

Sau đó, dần dần, ả đàn bà bắt đầu quay trở lại.

Ả nhìn anh, chơm chớp mắt.

“Tôi sẽ dán một mảnh giấy ghi chú trên một trong những đường dẫn trong hàng rào,” ả nói chậm rãi, thu thập lại suy nghĩ của mình. “Có một thị trấn cách đây khoảng 35 dặm. Nó tên là Steamboat Heaven, một cái tên vui nhộn cho một thị trấn nhỉ? Họ đang tổ chức cái gì mà Chợ trời Lớn nhất Thế giới vào tuần này. Mùa hè năm nào cũng có. Tôi sẽ viết lên ghi chú rằng tôi đang ở đó, trên Steamboat Heaven, để xem đồ gốm. Tôi sẽ nói rằng tôi ở lại đó qua đêm. Và nếu sau này có ai hỏi tôi đã ở đâu để họ kiểm tra số đăng ký, tôi sẽ nói rằng không có đồ gốm tốt nên tôi quay về. Tôi thấy mệt. Đó là những gì tôi sẽ nói. Tôi sẽ nói rằng tôi tấp vào lề để chợp mắt vì tôi sợ rằng mình có thể ngủ quên sau tay lái. Tôi sẽ nói rằng tôi chỉ định chợp mắt một chút thôi nhưng tôi quá mệt mỏi vì mấy việc quanh quẩn đến nỗi tôi đã ngủ cả đêm.

Paul bị nhụt chỉ bởi chiều sâu của sự ranh mãnh này. Anh chợt nhận ra Annie đang làm chính xác những gì anh không thể làm: mụ đàn bà đó đang chơi Bạn Có Thể Không? trong đời thực. *Có lẽ,* anh nghĩ, *đó là lý do tại sao ả ta không viết sách. Ả ta không cần làm thế.*

“Tôi sẽ quay lại ngay khi có thể, vì cảnh sát sẽ đến đây,” a tiếp lời. Viễn cảnh đó dường như không phiền nhiễu sự thanh thản kỳ lạ của Annie dù chỉ là một chút, dẫu Paul không thể tin rằng, ở một phần nào đó trong tâm trí ả đàn bà, ả không nhận ra cái kết của trò chơi này đã đến gần thế nào. “Tôi không nghĩ họ sẽ đến tối nay đâu – trừ trường hợp đi tuần qua – nhưng họ sẽ đến. Ngay khi họ biết chắc gã cảnh sát kia thực sự mất tích. Họ sẽ xuôi theo đường gã đi, tìm kiếm gã và phát hiện ra nơi gã dừng lại, ngài biết đấy, lần cuối xuất hiện. Ngài có nghĩ vậy không Paul?”

“Có”

“Tôi *nên* quay lại trước khi họ đến. Nếu tôi bắt đầu đạp vào lúc sáng sớm, tôi thậm chí có thể về kịp trước buổi trưa. Tôi nên nhanh hơn họ. Bởi nếu gã đó bắt đầu đi từ Sidewinder, hẳn hắn ta đã dừng đỗ ở rất nhiều điểm trước khi tới đây.”

“Vào lúc họ tới, ngài nên được trở lại phòng, nằm ngoan ngoãn trong chăn. Tôi sẽ không trói ngài hay bịt miệng ngài hay bất kể thứ gì tương tự, Paul ạ. Ngài thậm chí có thể nhìn trộm khi tôi ra ngoài nói chuyện với họ. Bởi vì lần tới có thể sẽ là hai người, tôi nghĩ vậy. Ít nhất là hai người, ngài có nghĩ vậy không?”

Paul cũng nghĩ vậy.

Ả gật đầu, có vẻ hài lòng. “Nhưng tôi vẫn đủ sức xử lý cả hai, nếu tôi buộc phải làm vậy.” Ả vỗ vào cái túi kaki. “Tôi muốn ngài nhớ kỹ khẩu súng của tên trẻ ranh này trong khi nhìn trộm, Paul ạ. Tôi muốn ngài nhớ rằng nó sẽ luôn ở đây khi tôi nói chuyện với đám cảnh sát vào ngày mai hoặc ngày kia. Cái túi sẽ không bị kéo khóa. *Ngài* được phép *nhìn họ*, nhưng nếu *họ trông thấy ngài,* Paul ạ, bất kể là ngài cố tình hay vô ý làm ra chuyện như hôm nay — nếu điều đó xảy ra, tôi sẽ rút súng khỏi túi và bắt đầu bắn. Ngài đã phải chịu trách nhiệm cho cái chết của gã cảnh sát trẻ rồi đấy.”

“Nhảm nhí,” Paul nói, biết rằng ả đàn bà có thể làm đau anh vì lời đó nhưng không quan tâm.

Nhưng ả không. Ả chỉ mỉm cười thanh thản và đượm tình mẫu tử.

“Ồ, ngài biết đấy,” ả nói. “Tôi không đùa với mình rằng ngài quan tâm, tôi không bao giờ tự huyễn hoặc mình chuyện đó, nhưng ngài biết mà. Tôi không tự huyễn rằng ngài sẽ quan tâm đến chuyện hai người nữa bị giết, nếu nó khiến ngài ngừng lại... nhưng mà không

nhỉ, Paul. Bởi nếu tôi phải xuống tay với hai mạng, nó sẽ thành bốn mạng. Họ... và chúng ta. Và ngài biết không? Tôi nghĩ ngài vẫn còn màng đến tính mạng của chính mình."

"Không nhiều lắm," anh đáp. "Tôi sẽ nói cho cô sự thật, Annie – mỗi ngày trôi qua, thể xác này càng lúc càng trở thành thứ tôi muốn trút bỏ."

Ả đàn bà cười.

"Ôi, tôi từng nghe *cái này* rồi. Nhưng cứ để họ nhìn thấy ngài đặt một tay lên cái mặt nạ phòng độc giẻ rách của họ mà xem. Sau đấy lại là câu chuyện khác! Thật đấy! Họ mà thấy, họ sẽ gào thét khóc lóc và hóa ra một lũ *chuột kẹp*!"

Không phải cô chưa từng để những điều đó cản chân mình, phải không, Annie?

"Dù sao đi nữa," ả nói, "Tôi chỉ muốn cho ngài biết tất cả mọi thứ. Nếu ngài thực sự không quan tâm, cứ việc hét toáng lên khi họ đến. Điều đó phụ thuộc hành động của ngài."

Paul không nói gì.

"Khi họ đến, tôi sẽ đứng ngay trên đường lái xe và nói có, có một viên cảnh sát đã đến đây. Tôi sẽ nói anh ta đến ngay khi tôi chuẩn bị lên đường đến Steamboat Heaven để xem đồ gốm. Tôi sẽ nói rằng anh ta đã cho tôi xem ảnh của ngài. Tôi sẽ nói rằng tôi đã không nhìn thấy ngài. Sau đó, một trong số họ sẽ hỏi tôi, *Cái này từ mùa đông năm ngoái, cô Wilkes, sao cô có thể nói chắc như vậy? Và tôi sẽ đáp, Nếu Elvis Presley còn sống và ngài nhìn thấy ông ấy vào mùa đông năm ngoái, ngài có nhớ đã gặp ông ấy không?* Rồi anh ta sẽ nói có, có lẽ vậy, nhưng điều đó liên quan gì đến giá cà phê ở Borneo, và tôi sẽ nói Paul Sheldon là nhà văn yêu thích của tôi và tôi

đã xem ảnh của ngài ấy rất nhiều lần. Tôi phải nói điều đó, Paul ạ. Ngài biết tại sao không?”

Anh biết. Sự ranh mãnh của ả đàn bà tiếp tục khiến anh kinh ngạc. Anh vốn cho rằng anh không nên tiếp tục kinh ngạc, nhưng anh vẫn làm vậy. Anh nhớ chú thích bên dưới bức ảnh chụp Annie ở nơi tạm giam, bức ảnh được chụp trong phiên nghỉ đợi phán quyết của bồi thẩm đoàn trước khi phiên tòa kết thúc. Anh nhớ đến từng con chữ. *TRONG MISERY À. KHÔNG PHẢI MỤ THẦN LẦN BAY. Annie bình tĩnh đọc sách trong khi chờ phán quyết.*

“Rồi sau đó,” ả đàn bà tiếp tục, “tôi sẽ nói rằng viên cảnh sát đã ghi chép tất cả vào sổ tay của ngài ấy và cảm ơn tôi. Tôi sẽ nói rằng tôi đã mời ngài ấy một tách cà phê dù tôi đang rất vội lên đường và họ sẽ hỏi tôi tại sao. Tôi sẽ đáp rằng ngài ấy có thể đã biết về rắc rối của tôi trước đây, và tôi muốn ngài ấy yên tâm rằng mọi thứ ở đây vẫn diễn ra tốt đẹp. Nhưng ngài ấy từ chối vì phải đi tiếp. Rồi tôi hỏi ngài ấy có muốn mang một lon Pepsi lạnh đi đường không vì trời nóng quá thì ngài ấy nói có, cảm ơn, cô thật là tốt bụng”

Ả đàn bà uống cạn lon Pepsi thứ hai và giữ chai nhựa rỗng giữa ả và anh. Nhìn qua lớp nhựa, mắt của ả bị phóng đại và dao động, như mắt một con Cyclops. Một bên đầu của ả có một gợn sóng và phình ra.

“Tôi sẽ dừng lại và bỏ cái chai này xuống mương cách đường khoảng hai dặm,” ả đàn bà nói. “Nhưng trước tiên, tôi sẽ đặt ngón tay của gã đó vào nó, tất nhiên.”

Ả cười với anh – một nụ cười khô khốc, không chút nước miếng.

“Dấu vân tay,” ả nói. “Rồi họ sẽ biết gã đó đã đi ngang qua nhà tôi. Hoặc sẽ nghĩ rằng họ đã điều tra xong nhà tôi rồi, và điều đó

cũng tốt, phải không, Paul?”

Sự thất vọng của anh ngày càng sâu sắc.

“Vì vậy, họ sẽ thẳng tiến lên đường và không tìm thấy gã cảnh sát. Gã đó chỉ đơn giản là biến mất. Giống như các bậc Chân sư Ấn Độ thổi sáo cho đến khi dây thừng ngẩng dậy khỏi những chiếc giỏ, và họ cưỡi sợi dây biến mất. Phụt!

“Phụt,” Paul nói.

“Họ sẽ quay lại sớm thôi. Tôi biết điều đó chứ. Sau tất cả, nếu họ không tìm thấy dấu vết gì ngoài lon nước từ đây trở đi, họ sẽ quyết rằng mình cần nghĩ kỹ hơn chút về tôi. Sau tất cả, tôi bị điên phải vậy không? Mọi loại giấy tờ đều viết vậy. Điên nặng luôn!”

“Nhưng ban đầu họ sẽ tin tôi. Tôi không nghĩ họ sẽ thực sự vào nhà và khám – mới đầu là vậy. Họ sẽ tìm kiếm những địa điểm khác và gắng nghĩ đến những điểm khác trước khi quay trở lại. Chúng ta sẽ có chút thời gian. Có lẽ phải đến cả tuần.”

Ả đàn bà điềm đạm nhìn anh.

“Ngài sẽ phải viết nhanh hơn thôi, Paul ạ,” ả nói.

19

Bóng tối sà xuống và không có cảnh sát nào đến. Tuy nhiên, Annie đã không dành thời gian trước khi họ tới để ở cùng Paul; a muốn tráng lại cửa sổ phòng ngủ của anh, nhặt những chiếc kẹp giấy và mảnh kính vỡ vương vãi trên bãi cỏ. Khi cảnh sát đến vào ngày mai để tìm kiếm con cừu mất tích của họ, ả nói, chúng ta không muốn họ phát giác ra điều gì bất thường, phải không Paul?

Cứ để cho họ nhìn dưới gầm xe cắt cỏ, ranh con ạ. Chỉ cần để họ nhìn dưới đó và họ sẽ thấy nhiều điều khác thường.

Nhưng dù có cố gắng hết mức để huy động trí trưởng tượng sống động của mình, anh cũng không thể nghĩ ra một kịch bản dẫn đến điều đó.

“Ngài có thắc mắc tại sao tôi lại nói với ngài tất cả những điều này không, Paul?” ả đàn bà hỏi trước khi lên lầu xem sửa chữa cửa sổ như thế nào. “Tại sao tôi lại lên kế hoạch giải quyết chuyện này một cách chi tiết đến vậy?”

“Không” anh thận trọng đáp.

“Phần vì tôi muốn ngài biết chính xác cái giá phải trả là gì, và chính xác ngài sẽ phải làm gì để sống sót. Tôi cũng muốn ngài biết rằng tôi sẽ kết thúc tất cả ngay bây giờ. Ngoại trừ cuốn sách. Tôi vẫn còn hứng thú với cuốn sách.” Ả cười. Đó là một nụ cười vừa rạng rỡ vừa đăm chiêu đến lạ lùng. “Đó thực sự là câu chuyện *Misery* hay nhất trong số tất cả những cuốn đã được viết ra, và tôi cực kỳ muốn biết nó sẽ đi đến đâu.”

“Tôi cũng vậy, Annie,” anh nói.

Ả đàn bà ngẩn người nhìn anh. “Nhưng tại sao... ngài biết chứ phải không?”

“Khi tôi bắt đầu một cuốn sách, tôi luôn nghĩ rằng mình biết mọi thứ sẽ diễn ra như thế nào, nhưng thực ra tôi chưa bao giờ kết truyện đúng như vậy. Chuyện này thực ra không có gì đáng ngạc nhiên, nếu cô dừng lại để nghĩ về nó. Viết một cuốn sách giống như bắn ICBM... cứ để nó đi theo thời gian thay vì không gian. Thời gian trong sách mà các nhân vật sống trong câu chuyện và thời gian thực mà nhà văn dành để viết ra tất cả. Viết ra một cái kết giống y tưởng tượng của bạn lúc ban đầu giống như bắt một tên lửa Titan bay nửa vòng Trái đất và rồi căn sao cho nó đáp đất sau khi vừa vặn lọt qua một cái vòng bóng rổ. Trên giấy thì trông có vẻ hay đấy, và có những người biết xây dựng những thứ như vậy sẽ kể được vanh vách cho chúng ta nghe, dễ như ăn kẹo – và thậm chí tỉnh bơ khi họ làm thế – nhưng sự phần còn lại luôn phản đối điều đó.”

“Vâng” Annie nói. “Tôi thấy rồi!”

“Thiết bị của tôi có một hệ thống định vị loại khá tốt, bởi tôi thường sẽ tiến gần đến đó, nhưng nếu cô có đủ chất kích nổ dạng cao gói trong chóp tên lửa, chỉ cần đến gần thôi là đủ tốt rồi. Ngay bây giờ tôi đang có hai cái kết khả thi cho cuốn sách này. Một cái buồn thê lương. Cái còn lại, dù không phải kiểu có hậu tiêu chuẩn của Hollywood, nhưng ít nhất cũng giữ lại chút hy vọng cho tương lai.”

Annie trông có vẻ hoảng hốt... rồi đột nhiên phát nộ. “Ngài không tính chuyện giết cô ấy lần nữa đấy chứ Paul?”

Anh hơi mỉm cười. “Nếu tôi làm vậy thì cô làm gì tôi? Giết tôi à? Điều đó chẳng làm tôi sợ hãi chút nào. Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra với Misery, nhưng tôi biết thứ gì đang chờ đợi tôi... và cả cô nữa. Tôi sẽ viết HẾT TRUYỆN, và cô sẽ đọc, rồi cô sẽ tự viết HẾT TRUYỆN, phải không? Cái kết cho cả tôi và cô. Cái đấy tôi còn chẳng cần phải đoán. Sự thật vốn không thể lạ lùng hơn truyện hư cấu, dù gì thì gì. Cô luôn biết tất cả sẽ thành ra thế nào mà.”

“Nhưng…”

“Tôi nghĩ tôi biết kết thúc của nó sẽ như thế nào. Tôi chắc chắn khoảng 80%. Nếu truyện kết như vậy, cô sẽ thích nó. Nhưng ngay cả khi nó diễn ra theo cách tôi nghĩ, không ai trong chúng ta sẽ biết rõ ràng đến từng chi tiết cho đến khi tôi viết ra, phải không?”

“Đúng vậy – tôi đoán là vậy.”

“Cô có nhớ các quảng cáo Greyhound Bus cũ thường nói gì không? Đến được nơi đã là một nửa niềm vui.”

“Dù bằng cách nào, thì cuốn sách sắp hoàn thành rồi phải không?”

“Ừ,” Paul đáp. “Sắp kết thúc rồi.”

20

Trước khi đi, ả đàn bà mang cho anh một chai Pepsi khác, một hộp bánh quy giòn Ritz, cá mòi, phô mai... và tấm trải giường.

“Nếu cô mang cho tôi bản thảo của tôi và một tập giấy ghi chú màu vàng, tôi sẽ viết bằng tay,” anh nói. “Chúng sẽ khiến thời gian trôi nhanh hơn.”

Ả cân nhắc rồi lắc đầu tiếc nuối. “Tôi ước tôi có thể làm vậy, Paul ạ. Nhưng làm thế nghĩa là phải bật ít nhất một cái đèn, và tôi không thể mạo hiểm điều đó được.”

Anh nghĩ đến việc bị bỏ lại một mình dưới đây, trong căn hầm và cảm thấy nỗi hoảng sợ bừng nóng dưới da lần nữa, nhưng chỉ sau chốc lát. Rồi nó lạnh ngắt. Anh thấy da gà đâm lên lãm tấm. Anh nghĩ đến những con chuột trốn trong ổ và đang luồn lách trong những bức tường đá. Có cảm giác chúng sẽ mò ra khi căn hầm chìm vào bóng tối. Nghĩ tới chuyện chúng đánh hơi được sự bất lực của anh, có lẽ nào.

“Đừng bỏ tôi trong bóng tối, Annie. Xin đừng làm thế.”

“Tôi buộc lòng phải làm thế. Nếu ai đó thấy ánh sáng dưới hầm, họ có thể sẽ dừng lại để điều tra, dù tôi có chặn hay không chặn đường lái xe, có viết hoặc không viết ghi chú. Tôi mà đưa ngài cái đèn pin, ngài sẽ cố dùng nó để ra hiệu. Tôi mà đưa ngài cây nến, ngài sẽ cố gắng phóng hỏa cả căn nhà. Ngài thấy tôi hiểu ngài quá không?”

Anh hầu như không dám nhắc đến những lần anh ra khỏi phòng, bởi điều đó luôn khiến ả đàn bà tức giận; giờ đây nỗi sợ hãi bị bỏ lại một mình dưới đây trong bóng tối đã thúc đẩy anh đến với nó. “Nếu tôi muốn thiêu rụi ngôi nhà, Annie, tôi đã làm từ lâu rồi.”

“Chuyện bây giờ khác rồi,” ả đáp ngắn gọn. “Tôi rất tiếc nếu ngài không thích bị bỏ lại trong bóng tối. Tôi biết chứ, tôi rất tiếc khi ngài bị như thế. Nhưng đó là lỗi của chính ngài, vì vậy hãy thôi cái trò chuột kẹp đó đi. Tôi phải đi rồi. Nếu ngài cảm thấy cần mũi tiêm kia, cứ việc tự cắm vào chân mình.”

Ả nhìn anh.

“Hoặc cắm vào mông mình.”

Ả bắt đầu đi lên cầu thang.

“Hãy che cửa sổ lại!” anh hét với theo. “Dùng ga trải giường... hoặc... hoặc... sơn đen luôn đi... hoặc... hoặc... Chúa ơi, Annie ơi, lũ chuột! *Lũ chuột!*”

Ả đàn bà đang ở bậc thang thứ ba. Ả ném cho anh một ánh nhìn chán nản. “Tôi không có thời gian làm mấy thứ đó đâu,” ả nói, “dù sao thì bọn chuột cũng không gây phiền hà gì cho ngài đâu. Có khi bọn nó còn nhận ra đồng loại đấy Paul ạ. Biết đâu bọn nó sẽ nhận nuôi ngài luôn.”

Annie bật cười. Ả leo lên cầu thang, mỗi lúc cười một ngặt nghẽo. Có tiếng lách cách khi đèn tắt, Annie vẫn cười và anh tự dặn mình đừng hét, đừng cầu xin; rằng anh sẽ vượt qua tất cả. Nhưng sự hoang sơ ẩm ướt của bóng tối và tiếng cười bắn đá phá mìn của ả đàn bà là quá sức chịu đựng, anh gào lên bảo ả ta đừng làm vậy với anh, đừng bỏ anh lại đó, thế mà ả chỉ tiếp tục cười ha hả rồi đến tiếng cạch khi cánh cửa đóng lại và tiếng cười đã im bặt nhưng tiếng

cười vẫn còn vất vưởng quanh đây, ở bên kia cánh cửa, nơi có ánh sáng, rồi một tiếng cạch khi khóa được bập lại, rồi lại một cánh cửa tiếp theo đóng lại và tiếng cười thậm chí còn im bặt hơn (nhưng vẫn ở đó), một chiếc khóa khác được bấm vào và một chiếc chốt đóng sầm, rồi tiếng cười của ả đàn bà đang xa dần, tiếng cười của ả ta ở bên ngoài, và ngay cả khi ả đã khởi động chiếc xe tuần tra, lùi lại, đặt dây xích chặn đường lái xe và lái đi, anh vẫn nghĩ rằng anh có thể nghe thấy tiếng ả. Anh tưởng vẫn có thể nghe thấy ả cười, cười, và cười.

21

Lò nung là một đống mờ mịt ở giữa phòng. Trông nó giống như một con bạch tuộc. Anh nghĩ mình sẽ có thể nghe thấy tiếng chuông đồng hồ trong phòng khách nếu trời đêm tĩnh lặng, nhưng một cơn gió mùa hè mạnh đã thổi tới, như nó hay tới vào những ngày này, và chỉ có một lần đó, lan ra đến mãi mãi. Anh nghe thấy tiếng dế hát ngay bên ngoài ngôi nhà khi cơn gió ghé qua và sau đó, một lúc sau, anh nghe thấy những tiếng động lén lút mà anh sợ hãi: tiếng rả rích, xôn xao chớp nhoáng của lũ chuột.

Nhưng anh không chỉ sợ những con chuột, phải không? Còn viên cảnh sát nữa. Trí tưởng tượng sinh-động-khốn-kiếp của anh hiếm khi làm anh sợ, nhưng một khi đã sợ thì có Chúa mới cứu được. Chúa mới cứu được anh khi nó được khai hỏa. Lúc này không chỉ là khai hỏa mà là đã nóng máy và chạy phăm phăm. Rằng những gì anh đang nghĩ chẳng có nghĩa lý gì, chẳng tạo nên sự khác biệt gì trong bóng tối. Trong bóng tối, lý trí có vẻ ngu ngốc và logic là một giấc mơ. Trong bóng tối, anh tư duy bằng ruột để ngoài da. Anh cứ nhìn thấy viên cảnh sát sống lại – một kiểu sống nào đó – ở ngoài nhà kho, ngồi dậy, cỏ khô Annie dùng để phủ thây rơi xuống người và hai bên anh ta, khuông mặt anh ta trở nên vô tri đẫm máu bởi lưỡi hái của máy cắt cỏ. Thấy anh ta bò ra khỏi nhà kho, đi xuôi đường lái xe đến vách ngăn, áo đồng phục rách rưới của anh còn đung đưa phấp phới. Thấy anh ta hóa lỏng một cách kỳ diệu rồi chảy qua vách ngăn và thành lại hình người khi xuống đây. Thấy

anh ta đang trườn qua sàn đất bụi bặm chật cứng, và những tiếng động nhỏ mà Paul nghe thấy không phải là tiếng chuột mà là tiếng anh ta đang đến gần, và trong bộ não đã chết đầy đất sét lạnh của viên cảnh sát chỉ có một suy nghĩ duy nhất: *Mày đã giết tao. Mày mở mồm và mày giết tao. Mày ném cái gạt tàn và mày giết tao. Mày là thứ chó đẻ nhãi nhép, mày đã giết chết tao.*

Có lần Paul cảm thấy ngón tay tử thi của viên cảnh sát trượt xuống, cù nhẹ, dọc trên má mình, Paul gào thảm thiết, giật mạnh chân mình khiến chúng rống lên đau đớn. Anh điên cuồng vuốt mạnh mình và hất ra không phải những ngón tay mà là một con nhện lớn.

Phong trào đã kết thúc cuộc đình chiến không mấy dễ dàng bằng cơn đau dưới chân anh và cơn đói thuốc trong đầu anh, nhưng chúng cũng khiến anh bớt sợ. Tầm nhìn ban đêm của anh đang trở nên mạnh hơn, anh có thể nhìn rõ hơn, và điều đó giúp anh đỡ hơn. Chẳng có nhiều thứ để nhìn – cái lò, một đống than tàn, một cái bàn với một đống lon và ít dụng cụ lờ mờ nằm bên phải anh, phía trên có cái gì đó được dựng lên... hình dạng đó là gì nhỉ? Cái bên cạnh cái kệ. Anh biết hình dạng đó. Có thứ gì đó đã khiến nó mang một hình dạng tồi tệ. Nó đứng trên ba chân. Cái đầu nó được bo tròn. Trông nó như một trong số những cỗ máy tử thần của Wells trong *The War of the Worlds,* chỉ là kích cỡ nhỏ hơn. Paul lúng túng một chút, mơ màng một chút, tỉnh người, nhìn lại, rồi nghĩ: *Tất nhiên rồi, mình phải nhận ra nó đầu tiên mới phải. Nó là một cỗ máy tử thần. Và nếu có ai là người sao Hỏa lạc trên địa cầu, thì đó là Annie-con-mẹ-nó-Wilkes. Đây là cái bình nướng của ả. Đây là lò hỏa táng nơi ả bắt mình đốt bỏ Fast Cars.*

Anh hơi cựa mình vì mông anh sắp ngủ quên, và rên rỉ. Cơn đau ở chân – đặc biệt ở phần gốc cụt nơi đầu gối trái – và đau ở xương chậu. Điều này có thể có nghĩa là anh đang ở trong một đêm thực sự tồi tệ, bởi xương chậu của anh gần như đã không đau đớn gì trong suốt hai tháng vừa qua.

Anh gieo người về phía bơm tiêm, nhặt nó lên, rồi đặt trở lại. Một liều rất nhẹ nhàng thôi, ả đàn bà kia đã nói như vậy. Tốt nhất là nên để dành cho một lúc nữa.

Anh nghe thấy tiếng xào xạc nhẹ và nhanh chóng nhìn vào trong góc, chờ để trông thấy viên cảnh sát lồm cồm bò về phía mình, một con mắt nâu trồi ra từ giữa vệt băm vằm trên khuôn mặt. *Nếu không phải vì mày, giờ này hằn tao đang nằm đặt tay lên đùi vợ mà xem TV.*

Chẳng có viên cảnh sát nào. Bóng mờ đó có thể chỉ là tưởng tượng nhưng có vẻ giống một con chuột hơn. Paul mong bản thân mình được thư giãn. Ôi, một đêm dài như thế này rồi sẽ ra sao.

22

Anh gà gật một chút rồi tỉnh dậy, ngã người ra xa bên trái, gục đầu xuống như kẻ say rượu trong một con hẻm. Anh đứng thẳng dậy và hai chân anh nguyền rủa anh một cách tròn trịa. Anh đã sử dụng tấm trải giường, đi tiểu đau rát làm anh hoảng hốt nhận ra rằng có lẽ mình đang nhiễm trùng tiết niệu. Bây giờ anh rất dễ bị tổn thương. Thật dễ bị tổn thương trước mọi thứ. Anh đặt cái bô sang một bên và nhặt bơm tiềm lên.

Một liều nhẹ scopolamine, ả đàn bà nói vậy – chà, có lẽ là vậy thật. Hoặc có lẽ ả đã nhồi vào đây một liều đậm đặc của thứ gì đó. Cái thứ ả đã sử dụng cho những kẻ như Ernie Gonyar và "Queenie" Beaulifant.

Đoạn anh khẽ cười. Điều đó có thực sự tồi tệ đến vậy không? Câu trả lời là một tiếng vang *ĐỊA NGỤC ƠI, KHÔNG!* Có lẽ lại tốt. Những viên thuốc sẽ biến mất vĩnh viễn. Không còn những đợt sóng thấp. Vĩnh viễn.

Với suy nghĩ đó, anh tìm ven trên đùi trái, và dù chưa từng tự tiêm lần nào trong đời, anh đã thực hiện rất hiệu quả, thậm chí còn đầy háo hức.

23

Anh không ngủ mà cũng chẳng chết. Cơn đau biến mất và anh trôi đi, cảm thấy gần như không bị trói buộc khỏi cơ thể, một quả bóng suy nghĩ trôi ở đầu cuối một sợi dây dài.

Mày cũng là Scheherazade của chính mày, anh nghĩ và nhìn vào cái bình nước thịt. Anh nghĩ về chùm tia tử thần sao Hỏa đã thiêu rụi London trong biển lửa.

Anh chợt nghĩ đến một bài hát, một giai điệu disco, một thứ gì đó của nhóm nhạc có tên là Trammps: *Đốt đi con, con ơi, đốt đi con, hãy thiêu chảy mẹ đi...*

Một thứ gì đó chập chờn.

Một ý tưởng nào đó.

Hãy thiêu cháy mẹ đi...

Paul Sheldon thiếp đi.

24

Khi anh tỉnh dậy, căn hầm ngập tràn ánh bình minh. Một con chuột rất lớn ngồi trên cái khay mà Annie đã để lại cho anh, đang gặm phô mai với chiếc đuôi cuộn tròn gọn gàng quanh thân.

Paul hét lên, giật bắn người, rồi lại hét lên khi cơn đau chảy dọc hai chân. Con chuột bỏ chạy.

Ả đàn bà đã để lại cho anh vài viên thuốc. Anh biết Novril không giúp anh hết đau, nhưng có còn hơn không.

Hơn nữa, đau hay không, thì cũng đến lúc làm việc ưa thích vào buổi sáng rồi, phải không Paul?

Anh rửa sạch hai miếng bảo vệ đầu gối bằng Pepsi rồi ngả người ra sau, cảm nhận cơn nhói đau từ hai bên thận. Anh đang nuôi một cái gì dưới đó, được thôi. Tuyệt.

Người sao Hỏa, anh nghĩ. Những cỗ máy tử thần sao Hỏa.

Anh nhìn về phía cái bình nướng thịt, mong đợi nó vẫn trông giống cái bình nướng thịt trong ánh sáng ban ngày: một cái bình nướng thịt chứ không phải thứ gì khác. Anh ngạc nhiên khi thấy trông nó vẫn giống như một trong các cỗ máy hủy diệt của Welles.

Mày đã có một ý tưởng – đó là gì?

Bài hát lại vang lên, bài hát của Trammps:

Đốt đi con, con ơi, đốt đi con, hãy thiêu chảy mẹ đi...

Ừ? Và rồi đấy là mẹ gì thế? Mụ đàn bà còn không để lại cho mày nổi ngọn nến. Thắp cái rắm cũng không nổi luôn.

Lời nhắn từ mấy gã ở xí nghiệp dưới kia.

Mày không cần đốt cái gì bây giờ cả. Hãy ở đây.

Chúng mày đang nói cái gì đấy? Có thể cho tạo vào...

Rồi nó đến, nó đến ngay lập tức, cách mà tất cả những ý tưởng thực sự đến, tròn trịa, mượt mà và hoàn toàn thuyết phục trong sự hoàn hảo đến kỳ lạ của nó.

Hãy thiêu cháy mẹ đi...

Anh nhìn bình nướng thịt, mong đợi nỗi đau từ những gì anh đã làm – điều mà ả đàn bà ép anh phải làm – quay trở lại. Chúng có trở lại, nhưng buồn tẻ và mờ nhạt; cơn đau ở thận của anh đang nhức nhối hơn. Hôm qua ả ta đã nói cái gì nhỉ? *Tất cả những gì tôi từng làm là... khuyên ngài từ bỏ một cuốn sách tôi và động viên ngài tạo ra cuốn sách hay nhất ngài từng viết...*

Có một sự thật quái lạ trong đó. Có lẽ anh đã đánh giá cao quá thể độ hay của *Fast Cars.*

Đó chỉ là phương pháp thắng lợi tinh thần thôi, một phần trong anh thì thầm. *Nếu mày không tự thoát ra khỏi điều này sẽ có ngày tư duy mày diễn tiến theo hướng dù sao mình cũng chẳng cần dùng đến cái chân trái của mình – quỷ thần ơi, còn tận năm cái ngón chân nữa cần phải cắt bớt đi. Và chúng là tuyệt tác với độc giả ngày nay. Không, Paul, một bên là cuốn sách cực hay và một bên là cái chân cực tốt. Đừng có tự huyễn nữa.*

Tuy nhiên, một phần sâu hơn trong anh nghi ngờ rằng có khi nghĩ vậy mới là đang tự huyễn.

Đừng tự huyễn nữa, Paul. Nói thật đi. Đừng tự lừa dối chính mình nữa. Một gã hư cấu ra những câu chuyện, một gã như vậy đang nói dối tất cả mọi người, vậy nên gã đó không bao giờ có thể tự dối mình. Thật nực cười, nhưng lại là sự thật. Một khi mày đã bắt

đầu thứ đó, mày cũng sẽ phải che máy đánh chữ lại và bắt đầu học lấy giấy phép môi giới hay gì đó, bởi mày đang đi thẳng vào lòng đất.

Vậy sự thật là gì? Sự thật, anh nên nhấn mạnh, là các tác phẩm của anh ngày càng xuất hiện qua loa trên báo chí phê bình, vì chúng được viết ra bởi một "tác giả ăn khách" (điều mà, theo anh hiểu là một bậc – một bậc nhỏ – trên khái niệm "bồi bút") đã khiến anh cực kỳ tổn thương. Nó không phù hợp với hình ảnh anh tự nhìn nhận là Cây viết Nghiêm Túc, người chỉ viết những chuyện tình lãng mạn vớ vẩn để có nguồn lực viết (một sự phô trương lòe loẹt, làm ơn) các TÁC PHẨM THỰC THỤ của mình. Anh có ghét Misery không? Anh có thực lòng không? Nếu có, thì tại sao việc quay trở lại thế giới của cô ta lại dễ dàng như vậy? Không, còn hơn cả dễ dàng; hân hoan, giống như được thả mình vào bồn nước ấm, một tay cầm cuốn sách hay và tay kia uống cốc bia lạnh. Có lẽ tất cả những gì anh ghét thực ra là việc khuôn mặt trên bìa áo cuốn sách đã làm lu mờ các bức ảnh tác giả của anh, ngăn không cho các nhà phê bình thấy rằng họ đang đối phó với một Mailer hay Cheever trẻ – rằng họ đang đối phó với một đối thủ nặng ký. Kết quả là, chẳng phải những "tiểu thuyết nghiêm túc của anh" đã trở nên chín chắn hơn về nhận thức cá nhân, một loại tiếng hét hay sao? *Nhìn tôi đây này! Nhìn xem cái này hay tới thế nào này! Này các anh ơi! Thứ này có điểm nhìn kể chuyện từ xa đến gần này! Thứ này có dòng chảy tâm thức đan xen này! Đây là TÁC PHẨM THỰC THỤ của tôi đấy mấy gã tôi. Các người DÁM quay lưng với tôi à! Các người DÁM ư, bọn ranh con nhãi nhép này! Các người DÁM quay lưng với TÁC PHẨM THỰC THỤ của tôi mà! Các người DÁM làm thế thì tôi sẽ...*

Làm gì? Anh sẽ làm gì cơ? Chặt chân họ chắc? Cắt ngón tay cái của họ chắc?

Paul bị co giật bởi một cơn rùng mình đột ngột. Anh buồn tiểu. Anh nắm lấy chiếc ga trải giường và cuối cùng cũng xoay xở được, mặc dù còn đau hơn trước. Anh vừa tiểu vừa rên rỉ, xong xuôi hồi lâu vẫn không ngừng rên rỉ.

Cuối cùng, thật may mắn, Novril bắt đầu ngấm – một chút – và anh lơ mơ.

Anh nhìn bình nướng thịt với đôi mắt nặng trĩu.

Mày sẽ cảm thấy thế nào nếu ả đàn bà đó ép mày đốt cuốn Sự trở lại của Misery? giọng nói bên trong thì thào, và anh giật nảy mình. Giữa cơn mơ màng, anh nhận ra rằng điều đó sẽ gây tổn thương, đúng vậy, sẽ đau lòng khủng khiếp, sẽ khiến nỗi đau khi trông thấy *Fast Cars* bốc cháy thành ra chỉ như cơn đau bệnh nhiễm trùng thận so với những gì anh đã phải chịu khi ả ta hạ rìu, chặt phăng chân anh, thực hiện quyền biên tập trên cơ thể anh.

Anh cũng nhận ra đó không phải là câu hỏi thực sự.

Câu hỏi ở đây là điều đó sẽ khiến Annie cảm thấy thế nào.

Có một cái bàn gần bình nướng thịt. Trông phải có đến nửa tá lọ và lon trên đó.

Một trong số đó là lon chất lỏng bật lửa than.

Điều gì sẽ xảy ra nếu Annie là người hét lên trong đau đớn. Mày có tò mò về âm thanh đó chút nào không? Mày có tò mò chút nào không? Tục ngữ nói trả thù là món ăn ngon nhất khi ăn nguội, nhưng Ronson Fast-Lite chưa được phát minh ra khi người ta nói câu đó.

Paul nghĩ: *Hãy thiêu cháy mẹ đi,* rồi chìm vào giấc ngủ. Có một nụ cười nho nhỏ trên khuôn mặt xanh xao và nhợt nhạt của anh.

25

Khi Annie trở lại vào lúc ba giờ mười lăm chiều hôm đó, mái tóc bình thường vẫn xoăn bồng bềnh quanh đầu như chiếc mũ bảo hiểm mà ả hay đội, ả đang chìm trong tâm trạng im lặng gần với sự mệt mỏi và suy tư hơn là trầm cảm. Khi Paul hỏi ả đàn bà ấy liệu mọi thứ đã ổn chưa, ả gật đầu.

“Ừ, tôi nghĩ vậy. Tôi gặp trục trặc lúc vừa ngồi lên xe đạp, chứ không đã về đến nhà cả tiếng trước rồi. Mấy cái chốt bẩn quá.

Chân ngài sao rồi, Paul? Ngài có muốn tiêm thêm một liều trước khi tôi đưa ngài lên lầu không?”

Sau gần hai mươi giờ trong sự ẩm ướt, chân anh như thể bị ai đó đóng bằng những chiếc đinh gỉ. Anh muốn một liều thật nặng, chỉ là không phải ở đây. Làm vậy chẳng giúp ích gì cả.

“Tôi nghĩ là tôi ổn.” Ả đàn bà quay lưng về phía anh và ngồi xổm. “Được rồi, bám vào. Nhưng đừng có quên những gì tôi từng nói về mấy trò kẹp cổ hay mấy trò tương tự. Tôi đang rất mệt, và tôi không chắc mình sẽ phản ứng tử tế được với những trò đùa vui đâu.”

“Chắc tôi hết trò đùa giỡn rồi.”

“Tốt.”

Ả đàn bà nâng anh lên cùng một tiếng rên rỉ ẩm ướt, và Paul phải cắn lại một tiếng hét đau đớn. Ả bước qua sàn nhà về phía cầu thang, đầu hơi quay lại, và anh nhận ra ả đã – hoặc có lẽ – đang nhìn vào cái bàn đầy lon. Cái nhìn của ả rất ngắn, có vẻ bình thường, nhưng đối với Paul, dường như nó diễn ra trong một thời

gian rất dài, và anh chắc chắn rằng ả sẽ nhận ra lon chất lỏng bật lửa than đã biến mất. Thay vào đó, nó được nhét vào lưng quần lót của anh. Nhiều tháng dài sau những thất bại trước đó, cuối cùng anh đã lấy hết can đảm để đánh cắp thêm một thứ khác... và nếu tay ả đàn bà trượt lên chân anh khi ả leo lên cầu thang, ả sẽ túm được không chỉ là cặp mông gầy guộc của anh.

Sau đó, ả đánh mắt khỏi cái bàn mà không thay đổi biểu cảm, và sự nhẹ nhõm của anh lớn đến nỗi tiếng nghiến lớn khi lên tới đoạn cầu thang gần phòng chứa thức ăn thành ra có thể chấp nhận được. Ả đàn bà giữ khuôn mặt không cảm xúc rất tốt khi ả muốn thế, nhưng anh nghĩ – hy vọng – mình đã lừa được ả.

Rằng lần đó anh thực sự đã lừa được ả.

26

“Tôi đoán sau cùng tôi vẫn cần liều đó, Annie ạ,” anh bảo khi ả đàn bà vừa đưa anh trở lại giường.

Ả nhìn khuôn mặt trắng bệch, vã mồ hôi của anh một lúc, rồi gật đầu và rời khỏi phòng. Ngay sau khi ả đi, anh trượt chiếc lon ra khỏi quần lót và giấu dưới đệm. Anh đã không nhét bất cứ thứ gì xuống đó kể từ hồi giấu con dao, và anh không có ý định để lon than lỏng ở đó quá lâu, nhưng nó sẽ phải ở đó cho đến hết ngày. Đêm nay anh định cất nó vào một nơi khác an toàn hơn.

Ả đàn bà quay lại và tiêm cho anh. Sau đó, ả đặt một tập giấy ghi chú và vài chiếc bút chì mới mài trên bệ cửa sổ và lăn chiếc xe lăn của anh lại để nó nằm cạnh giường.

“Đây,” ả nói. “Tôi đi ngủ đây. Nếu có ô tô chạy tới, tôi sẽ nghe thấy. Nếu không ai làm phiền chúng ta, có lẽ tôi sẽ ngủ cho đến sáng mai. Nếu ngài muốn đứng dậy và viết tay, đây là xe lăn của ngài. Bản thảo của ngài ở đằng kia, trên sàn nhà. Tuy nhiên, tôi thành thật khuyên ngài không nên làm thế cho đến khi chân ngài bắt đầu ấm lên một chút.”

“Giờ tôi chưa làm được, nhưng tôi đoán có thể tôi sẽ khổ luyện một chút trong đêm. Tôi hiểu ý cô về việc thời gian không còn nhiều nữa”

“Tôi mừng vì ngài hiểu, Paul. Ngài nghĩ ngài cần bao nhiêu thời gian nữa?”

“Ở điều kiện bình thường, tôi sẽ trả lời là một tháng nữa. Với cách làm việc dạo gần đây, chỉ cần hai tuần thôi là đủ. Nếu tôi chạm được mạch viết, năm hôm. Hoặc có thể là một tuần. Nó có thể hơi tả tơi, nhưng nó sẽ xong”

Ả đàn bà thở dài và tẻ nhạt tập trung vào tay mình. “Tôi biết là không cần đến hai tuần.”

“Mong cô có thể hứa với tôi một chuyện.”

Ả nhìn anh không chút giận dữ hay nghi ngờ, chỉ hơi tò mò. “Gì thế?”

“Đừng đọc nữa cho đến khi tôi viết xong... hoặc khi tôi phải viết xong... cô biết mà...”

“Đừng á?”

“Ừ. Hoặc cho đến khi tôi buộc lòng phải dừng lại. Như thế cô có thể tiến gần đến cái kết mà không bị phân tâm. Như thế cô sẽ thấy hay hơn rất nhiều.”

“Nó sẽ hay, phải không?”

“Đúng vậy.” Paul mỉm cười. “Nó sẽ là một thứ nóng bỏng tay.”

27

Đêm đó, khoảng tám giờ, anh cẩn thận ngồi trên xe lăn. Anh lắng tai nghe và không nghe thấy âm thanh gì từ trên lầu. Anh đã không nghe thấy gì giống như vậy kể từ khi tiếng rít của ga trải giường thông báo ả đàn bà nằm xuống lúc bốn giờ chiều. Hẳn ả đã cực kỳ mệt mỏi.

Paul lấy lon than lỏng và lăn qua bậu cửa sổ, nơi có trại văn nhỏ bình dân của anh: ở đây có cái máy đánh chữ với ba chiếc răng bị sún cùng nụ cười khó chịu, ở đây có cái sọt rác, có cái bút chì, giấy ghi chú và giấy đánh máy cùng hàng đống giấy viết lại, một số trong số đó anh sẽ tái sử dụng và một số trong đó sẽ bị bỏ vào sọt rác.

Hoặc từng bị bỏ đi, trước đây.

Ở đây, hoàn toàn không thể thấy bằng mắt thường, là cánh cửa dẫn đến một thế giới khác.

Ở đây, anh nghĩ, là bóng ma của chính anh trong một loạt các lớp phủ, giống như những bức ảnh tĩnh mà khi được lật liên tục sẽ tạo ra ảo giác chuyển động. Anh lăn xe lăn vào giữa những chồng giấy và những tấm đệm xếp chồng lên nhau một cách dễ dàng sau một khoảng thời gian dài luyện tập, lắng nghe một lần nữa, sau đó với tay xuống và kéo tấm ván chân tường ra khoảng hơn 20 xăng-ti-mét. Anh đã phát hiện ra nó không khít khoảng một tháng trước, và anh thấy nó nhờ một vệt bụi mỏng (*Tiếp theo, bạn sẽ tự mình dán những sợi tóc ngang qua nó để chắc chắn,* anh nghĩ) mà Annie đã

không nhận ra sự tồn tại của mảnh ván này. Đằng sau nó là một khoảng trống hẹp chứa đầy bụi bặm và rải đầy phân chuột.

Anh cất lon than lỏng vào chỗ trống và đẩy tấm ván về vị trí cũ. Đã có khoảnh khắc anh lo rằng nó không còn khít với đồng loại của nó nữa (và Chúa ơi! đôi mắt của ả đàn bà đó cực kỳ sắc bén!), và rồi nó trượt gọn gàng vào vị trí ban đầu.

Paul xem xét nó một lúc, sau đó mở tập giấy của mình, nhặt một cây bút chì và tìm cái lỗ trên tờ giấy.

Anh viết không ngừng trong bốn giờ tiếp theo – cho đến khi các đầu nhọn của cả ba chiếc bút chì mà ả đàn bà mài cho anh đều được mài phẳng – rồi anh lăn mình trở lại giường, lên giường và dễ dàng chìm vào giấc ngủ.

28

Chương 37

Cánh tay của Geoffrey bắt đầu có cảm giác như sắt trắng. Anh đã đứng trong bóng tối thẳm sâu bên ngoài túp lều thuộc về Michibi "Beautiful One trong năm phút qua, trông giống như một phiên bản quá gầy gò của người đàn ông mạnh mẽ trong rạp xiếc với thân cây Nam tước hiên ngang trên đầu.

Ngay khi anh tin rằng Hezekiah có nói gì cũng không thể thuyết phục MChibi rời khỏi túp lều của mình, anh nghe thấy âm thanh của chuyển động ~~nhanh~~. Geoffrey thậm chí còn quay lại xa hơn, các cơ trên cánh tay của anh giờ đang co giật dữ dội. Thủ lĩnh M Chibi Beautiful One là Người Giữ Lửa, và bên trong túp lều của anh ta có hơn một trăm ngọn đuốc, đầu của mỗi ngọn đuốc đều được phủ một lớp nhựa đặc, dẻo. Loại nhựa này rỉ ra từ những cây thấp trong khu vực, và Bourka gọi nó là Dầu hỏa hay Dầu huyết hỏa. Về cơ bản, giống như hầu hết các ngôn ngữ đơn giản, tiếng của người Bourka đôi khi có thể khó nắm bắt một cách kỳ lạ. Nhưng dù bạn có gọi nó là gì thì ở đó cũng có đủ đuốc để đốt cháy cả ngôi làng nó sẽ bùng cháy như hình nộm Guy Fawkes, Geoffrey nghĩ nếu cháy thật, Michibi có thể sẽ phải bước ra.

Đừng sợ bị tấn công, ông chủ Ge'ffy, Hezekiah từng nói M'chibi sẽ đi đầu, bởi ông ta là người lửa Hezekiah, ông ta sẽ đi thứ hai, nên là mày sẽ không phải đợi để được thấy hàm răng vàng của tao lấp lánh đâu. Đập vỡ đầu thằng nhãi đó đi, nhanh vào!

Nhưng khi anh thực sự nghe thấy tiếng chúng đang đến, Geoffrey cảm thấy thoáng chút nghi ngờ bất chấp việc hai tay anh đang đau đớn. Cứ cho là chỉ lần này thôi, cái

29

Cây bút chì của anh dừng lại giữa chừng khi nghe thấy tiếng động cơ đang lao tới. Anh ngạc nhiên trước cảm giác bình tĩnh của mình – cảm xúc mạnh nhất trong anh lúc này là chút khó chịu vì bị gián đoạn ngay khi bắt đầu vào guồng văn tuôn nhuần nhị. Tiếng giày cao gót của Annie lạch cạch trên hành lang.

“Núp vào đi.” Khuôn mặt ả đàn bà căng thẳng và dữ tợn. Cái túi kaki, không kéo khóa, ở trên vai ả. “Núp vào đ...”

Ả dừng lại và thấy anh đã lăn xe lăn về phía xa cửa sổ. Ả nhìn thêm lần nữa để chắc chắn không còn thứ gì của anh còn nằm trên bậu cửa, rồi gật đầu.

“Đó là Cảnh sát Tiểu bang” ả đàn bà nói. Trông ả có vẻ căng thẳng nhưng trong tầm kiểm soát. Cái túi đeo vai vừa tầm với tay phải của ả. “Ngài sẽ ngoan chứ Paul?”

“Đúng vậy,” anh đáp.

Đôi mắt ả đàn bà dò xét trên khuôn mặt anh.

“Tôi sẽ tin ngài,” cuối cùng ả nói và quay đi, đóng cửa nhưng không thèm khóa lại.

Chiếc xe rẽ vào đường lái xe, nhịp đập êm ái như buồn ngủ của động cơ 442 Plymouth to lớn đó gần như là một đặc trưng thương hiệu. Anh nghe thấy tiếng cửa phòng bếp đóng sầm lại và lăn xe lăn tới đủ gần cửa sổ để có thể ở trong một góc khuất nhưng vẫn trông được ra ngoài. Xe tuần tra tấp vào chỗ Annie đứng thì chết máy. Người lái xe đã ra ngoài và đứng gần như chính xác nơi viên cảnh

sát trẻ đã đứng khi anh ta nói bốn từ cuối cùng của đời mình... nhưng tất cả sự trùng hợp chỉ dừng ở đó. Viên cảnh sát đó là một chàng trai trẻ đầy hoang dại, gần như chưa qua tuổi thanh thiếu niên, một cảnh sát tân binh điều tra một vụ tồi tệ, điều tra dấu vết của một tên nhà văn dấm dớ nào đó đã làm hỏng xe của mình rồi sau đó lảo đảo tiến sâu hơn vào rừng để chết hoặc bỏ đi một cách vô ích khỏi toàn bộ mớ hỗn độn với ngón tay cái nhếch lên.

Người cảnh sát hiện đang bước ra từ sau tay lái của chiếc xe tuần tra khoảng bốn mươi tuổi, với đôi vai rộng như một thanh xà cừ. Khuôn mặt anh ta là một khối vuông bằng đá granit với vài đường nét nhỏ được khắc ở mắt và khóe miệng. Annie là một người đàn bà vạm vỡ, nhưng người sĩ quan này khiến ả trông có vẻ nhỏ bé.

Còn một sự khác biệt nữa. Viên cảnh sát bị Annie giết chỉ có một mình. Ra khỏi chỗ ngồi phía sau của chiếc xe tuần tra này là một người mặc quần áo dài tay, vai dốc với mái tóc vàng dài ngang lưng. *David và Goliath*, Paul nghĩ. *Mutt và Jeff. Lạy Chúa.*

Người mặc thường phục không đi lại nhiều quanh chiếc xe tuần tra như băm nát xung quanh nó. Khuôn mặt anh ta già nua và mệt mỏi, khuôn mặt của một người đàn ông đang ngái ngủ, ngoại trừ đôi mắt xanh nhạt của anh ta. Đôi mắt mở to tỉnh táo, nhìn bao quát mọi nơi. Paul nghĩ rằng anh ta sẽ nhanh nhẹn.

Họ vây hỏi Annie và ả đàn bà đang nói điều gì đó với họ, đầu tiên nhìn lên để nói chuyện với Goliath, sau đó quay lưng lại và nhìn xuống để trả lời David. Paul tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu anh lại phá vỡ cửa sổ và la hét để được giúp đỡ một lần nữa. Anh nghĩ rằng tỷ lệ cược có lẽ là tám phần mười rằng họ sẽ bắt được ả ta. Ô, ả rất

nhanh, nhưng viên cảnh sát to lớn trông như thể anh ta có thể nhanh hơn bất chấp kích thước của anh ta, và đủ mạnh để nhổ những cái cây cỡ trung bình bằng tay không. Việc đi lại có ý thức của người mặc thường phục có thể là cố tình đánh lạc hướng, dáng vẻ ngái ngủ của anh ta cũng vậy. Anh nghĩ rằng họ nhiên sẽ bắt được ả đàn bà... ngoại trừ những gì khiến họ ngạc sẽ không làm ả ta ngạc nhiên, và dù sao thì điều đó dù sao cũng cho ả một cơ hội mong manh.

Áo khoác của người thường phục. Nó được cài nút bất chấp cái nóng chói chang. Nếu ả đàn bà bắn Goliath trước, rất có thể ả sẽ bổ một viên đạn vào mặt David trước khi anh ta kịp cởi chiếc áo khoác chết tiệt đó và rút súng ra. Hơn bất cứ điều gì khác, chiếc áo khoác có cúc đó cho thấy rằng Annie đã đúng: cho đến giờ phút này, đây vẫn chỉ là một cuộc kiểm tra lại thông thường.

Cho đến giờ phút này.

Tôi không giết gã đó, ngài biết đấy. Ngài đã giết gã. Nếu ngài câm miệng lại, có thể tôi đã để gã đi. Giờ gã vẫn đang còn sống...

Anh có tin điều đó không? Không, dĩ nhiên là không. Nhưng vẫn có một khoảnh khắc tội lỗi mạnh mẽ và đau đớn – như một vết đâm sâu nhanh chóng. Anh sẽ giữ miệng vì có hai phần mười cơ hội là ả đàn bà sẽ giết nốt cả hai người này nếu anh mở miệng? Cảm giác tội lỗi trở lại chớp nhoáng rồi biến mất. Câu trả lời cho điều đó cũng là không. Thật tuyệt khi ghi công cho bản thân bằng những động cơ vị tha như vậy, nhưng đó không phải là sự thật. Thực tế rất đơn giản: anh muốn tự mình chăm sóc Annie Wilkes. *Bọn họ chỉ có thể tống cô vào khám, đồ chó cái ạ, anh nghĩ. Tôi biết cách cho cô nếm mùi đau khổ.*

30

Tất nhiên, luôn có khả năng họ đánh hơi thấy mùi của một con chuột. Rốt cuộc, bắt chuột là công việc của họ, và họ sẽ biết được lý lịch của Annie. Nếu đó là cách mọi thứ diễn ra, hãy cứ để như vậy... nhưng anh nghĩ Annie có thể sẽ lách được luật thêm một lần này nữa.

Giờ đây Paul đã biết nhiều câu chuyện mà anh cần biết, anh nghĩ vậy. Annie đã nghe đài liên tục kể từ giấc ngủ dài, và viên cảnh sát tiểu bang mất tích, tên là Duane Kushner, là một tin lớn. Việc anh ta tìm kiếm dấu vết của một nhà văn ăn khách tên là Paul Sheldon có được đưa tin, nhưng bản thân việc Kushner mất tích lại không có liên hệ gì với anh, dù chỉ là suy đoán. Ít nhất là chưa.

Dòng lũ mùa xuân đã khiến chiếc Camaro của anh lăn lộn và lộn nhào năm dặm xuống vực. Nếu không vì một sự ngẫu nhiên, có thể phải đến cả tháng hoặc cả năm nữa người ta mới tìm thấy nó. Một vài chiếc chopper-jockey của Lực lượng Vệ binh Quốc gia được cử đi như một phần của đợt truy quét kiểm soát ma túy ngẫu nhiên (nói cách khác là tìm kiếm những người nông dân quê mùa) đã thấy một tia hắt sáng từ những gì còn lại trên kính chắn gió của chiếc Camaro và đỗ xuống một khu vực gần đó để xem xét kỹ hơn. Bản thân mức độ nghiêm trọng của vụ tai nạn đã bị che lấp bởi những cú đâm dã man mà chiếc Camaro gặp phải, tiễn nó đi về nơi an nghỉ cuối cùng. Nếu chiếc xe có đưa ra dấu vết máu để phân tích pháp y (nếu thực sự là đã có phân tích pháp y), thì đài phát thanh đã không nói như

vậy. Paul biết rằng ngay cả một cuộc phân tích tổng thể cũng sẽ giúp tìm ra một vài dấu vết máu quý giá – chiếc xe của anh đã trải qua phần lớn mùa xuân với băng tuyết tràn qua nó với tốc độ như vũ bão.

Và ở Colorado, hầu hết sự chú ý và quan tâm đều tập trung vào Cảnh sát Duane Kushner – như anh cho rằng hai vị khách này đã chứng minh cho điều đó. Cho đến nay mọi suy đoán đều tập trung vào ba chất bất hợp pháp: moonshine, cần sa và cocaine. Có vẻ như Kushner đã tình cờ bắt gặp việc trồng, chưng cất hoặc tích trữ một trong những chất này trong quá trình tìm kiếm dấu vết của nhà văn vừa chân ướt chân ráo đến vùng. Và khi hy vọng tìm thấy Kushner còn sống bắt đầu tan biến, những câu hỏi về lý do tại sao anh ta thực hiện chuyến đi bắt đầu được quan tâm hơn – và trong khi Paul nghi ngờ liệu Bang Colorado có đủ tiền tài trợ cho một hệ thống định vị cho xe cảnh sát hay không, rõ ràng họ đang chia nhau theo cặp rà soát toàn bộ khu vực để tìm Kushner. Không có cơ hội.

Giờ đây, Goliath đang ra hiệu về phía ngôi nhà. Annie nhún vai và lắc đầu. David nói gì đó. Sau một lúc, ả đàn bà gật đầu và đưa họ lên con đường dẫn đến cửa bếp. Paul nghe thấy tiếng bản lề tấm chắn sáng và sau đó họ đã ở trong nhà. Âm thanh của rất nhiều tiếng bước chân ngoài kia cứ thắt lại, gần như là một tiếng chửi tục.

“Anh ấy đến lúc mấy giờ?” Goliath hỏi — đó phải là Goliath. Anh ta có giọng miền Trung Tây ầm ầm, thô ráp bởi thuốc lá.

Khoảng bốn giờ, Annie nói. Khoảng đó. Ả vừa mới cắt cỏ xong và ả không đeo đồng hồ. Trời nóng kinh khủng, ả còn nhớ điều đó đủ rõ.

“Anh ấy đã ở lại bao lâu, bà Wilkes?” David hỏi.

“Cô Wilkes mới đúng, nếu ngài không phiền.”

“Thứ lỗi cho tôi.”

Annie nói ả không thể biết chắc chắn là bao lâu, chỉ nhớ là không quá lâu. Có thể là năm phút.

“Anh ấy cho cô xem một bức ảnh ư?”

Vâng, Annie nói, đó là lý do tại sao ngài ấy đến. Paul ngạc nhiên về cách ả nói nghe có vẻ điềm tĩnh, dễ chịu.

“Thế cô từng nhìn thấy người đàn ông trong bức ảnh chưa?”

Annie nói chắc chắn rồi, đó là Paul Sheldon, ả lập tức nhận ra ngay. “Tôi có tất cả sách của ngài ấy,” ả nói. “Tôi thích chúng lắm. Sĩ quan Kushner trông thất vọng đó. Cậu ấy nói nếu đúng như vậy thì cậu ấy đoán có lẽ tôi biết tôi đang nói về điều gì. Trông cậu ấy rất nản. Trời cũng nóng nực nữa.”

“Ừ, đúng là một ngày nắng nóng, được rồi,” Goliath nói, và Paul hoảng hốt vì giọng nói của anh ta ở gần như thế. Trong phòng khách? Ừ, gần như chắc chắn là trong phòng khách. Dù cơ thể to lớn hay không, anh ta di chuyển thoăn thoắt như một con linh miêu chết tiệt. Khi Annie đáp lại, giọng nói của chính ả đàn bà gần hơn. Cảnh sát đã di chuyển vào phòng khách. Ả đang đi theo. Ả chưa hỏi họ, nhưng dù sao họ cũng đã vào đó. Nhìn khắp nơi.

Dù nhà văn thú cưng của ả lúc này cách đó chưa đầy ba mươi lăm thước, giọng nói của Annie vẫn trầm lắng. Ả đã hỏi viên cảnh sát có muốn vào uống cà phê đá không; anh ta nói anh ta không thể. Vì vậy, ả đã hỏi liệu anh ta có muốn mang theo một chai lạnh không.

“Xin đừng làm vỡ cái đó,” Annie tự ngắt lời, giọng ả đanh lại. “Tôi thích đồ của mình, và một số trong số chủng khá dễ vỡ.”

“Xin lỗi cô.” Đó hẳn là David, giọng anh ta trầm và thì thầm, vừa khiêm cung vừa lùng bùng lỗ tai. Giọng điệu đó phát ra từ một viên cảnh sát có thể khiến người ta cười phá lên trong các trường hợp khác, nhưng đây không phải trường hợp khác, và Paul không hề thấy vui. Anh ngồi cứng đờ, nghe được âm thanh khe khẽ của thứ gì đó đang được đặt cẩn thận xuống phía sau (có lẽ là chú chim cánh cụt trên khối băng), hai tay ôm chặt vào tay xe lăn. Anh tưởng tượng ả đàn bà đang loay hoay với chiếc túi đeo vai. Anh đợi một trong số những cảnh sát – hẳn phải là Goliath – hỏi ả xem trong đó có cái quái quỷ gì.

Sau đó, cảnh nổ súng sẽ diễn ra.

“Cô vừa nói gì ấy nhỉ?” David hỏi.

“Tôi đã hỏi cậu ấy liệu có muốn mang theo một chai Pepsi lạnh không vì hôm đó nóng thế mà. Tôi để chúng ngay bên cạnh ngăn đá, và làm thế sẽ giúp chúng lạnh nhất có thể mà không bị đóng băng. Cậu ấy nói như thế thì tốt quá. Đó quả là một cậu trai trẻ cực kỳ lịch sự. Tại sao họ lại để một cậu trai trẻ như vậy ra ngoài một mình, ngài có biết không?”

“Cậu ấy uống soda ở đây à?” David hỏi, phớt lờ câu hỏi của ả đàn bà. Giọng anh ta vẫn tiếp tục tiến lại gần. Anh ta đã băng qua phòng khách. Paul không cần phải nhắm mắt lại mới tưởng tượng ra hình ảnh anh ta đang đứng đó, nhìn xuống hành lang ngắn đi qua phòng tắm nhỏ ở tầng dưới và kết thúc bằng cánh cửa phòng khách đóng kín. Paul ngồi thẳng lưng, trong cổ họng chai sần mạch anh đập liên hồi.

“Không” Annie đáp, vẫn điềm tĩnh như vậy. “Cậu ấy đã mang nó đi. Cậu ấy bảo phải đi tiếp đã.”

“Ở dưới này là gì thể?” Goliath hỏi. Có tiếng gót giày cổ cao, âm thanh nghe hơi không thật khi anh ta bước ra khỏi thảm phòng khách và bước lên tấm ván trần của hành lang.

“Một phòng tắm và một phòng ngủ dự phòng. Thỉnh thoảng nóng quá tôi cũng ngủ dưới đó. Ngài muốn xuống xem cũng được, nhưng tôi hứa với ngài là tôi không trói lính của ngài vào thành giường đâu.”

“Không, thưa cô, chắc chắn là không rồi,” David nói, và thật ngạc nhiên, tiếng bước chân và giọng nói của họ lại bắt đầu nhỏ dần về phía bếp. “Cậu ấy tỏ ra đang hứng thú với điều gì khi cậu ấy ở đây không?”

“Không hề,” Annie đáp. “Vừa bức bối vừa nản.” Paul đã bắt đầu thở trở lại.

“Bận tâm về thứ gì đó?”

“Không!”

“Cậu ấy có nói sẽ đi đâu tiếp không?”

Mặc dù cảnh sát gần như chắc chắn đã bỏ qua, nhưng đôi tai lão luyện của Paul đã cảm nhận được những sự do dự dù là nhỏ nhất – có thể có một cái bẫy ở đây, một cái bẫy có thể xuất hiện ngay tức khắc hoặc chỉ trong chốc lát. Không, cuối cùng ả đáp, nhưng anh ta đã đi về hướng tây, vì vậy ả cho rằng có thể viên cảnh sát đã đi về phía Đường Springer và một vài trang trại ở phía đó.

“Cảm ơn, thưa cô, vì sự hợp tác của cô,” David nói. “Chúng tôi có thể sẽ phải quay lại kiểm tra.”

“Được rồi,” Annie đáp. “Xin cứ thoải mái, đợt này tôi cũng không bận gì lắm.”

“Cô có phiền nếu tôi xem nhà kho một chút không?” Goliath hỏi đột ngột.

“Ồ không. Chỉ cần ngài chào một câu khi bước vào là được.”

“Chào ai cơ, thưa cô?” David hỏi.

“Sao vậy, chào Misery,” Annie đáp. “Con lợn của tôi.”

31

Ả đàn bà đứng ở ngưỡng cửa chăm chú nhìn anh – lì lợm đến mức anh bắt đầu thấy mặt mình nóng lên và anh cho rằng anh đang đỏ mặt. Hai viên cảnh sát đã rời đi mười lăm phút trước.

“Cô trông thấy cái gì màu xanh lá cây không?” cuối cùng anh lên tiếng.

“Sao ngài không kêu lên?” Cả hai viên cảnh sát đều ngả mũ chào ả ta khi lên xe tuần tra, nhưng cả hai đều không mỉm cười, và mắt họ ánh lên điều gì đó mà Paul có thể nhìn thấy ngay cả từ góc hẹp của cửa sổ. Họ biết ả đàn bà này là ai, được rồi. “Tôi cứ ngóng ngài hét lên. Bọn họ chắc sẽ lao vào tôi như tuyết lở.

“Có thể là vậy. Có thể là không.”

“Nhưng tại sao ngài lại không hét lên?”

“Annie ạ, nếu cô dành cả cuộc đời mình để nghĩ về những điều tồi tệ nhất mà cô có thể tưởng tượng ra, thì hẳn cô đã sai ở đâu đó rồi.”

“Đừng ra vẻ thông minh ở đây!” Anh nhìn thấu dưới vẻ mặt có vẻ lạnh như băng của ả là nét bối rối dữ dội. Sự im lặng của anh không phù hợp với quan điểm của ả về tất cả sự tồn tại như một trận Đấu vật có tính quyết định: Annie Thật thà đấu với Đội có hai thẻ cảnh cáo là Ranh con Nhãi nhép.

“Ai thông minh gì đâu? Tôi đã bảo với cô là tôi sẽ giữ miệng và tôi đã làm như đã hứa. Tôi chỉ muốn được yên thân để hoàn thành cuốn sách của mình. Và tôi muốn hoàn thành nó để dành tặng cô.”

Ả đàn bà ngờ vực nhìn anh, rất muốn tin nhưng lại không dám tin... và cuối cùng là cứ tin đi đã. Và ả đã đúng khi chọn tin, bởi anh đang nói thật.

“Thế thì làm luôn đi,” ả nói nhẹ nhàng. “Tất bật luôn bây giờ đi. Ngài thấy cách họ nhìn tôi rồi đấy.”

32

Trong hai ngày tiếp theo, cuộc sống vẫn tiếp diễn giống như trước khi chuyện Duane Kushner xảy ra; đến mức có thể tin rằng Duane Kushner chưa từng xuất hiện. Paul viết gần như liên tục. Anh tạm thời bỏ qua việc sử dụng máy đánh chữ. Annie đã đặt nó trên lò sưởi bên dưới bức tranh Khải Hoàn Môn mà không nói năng gì. Anh đã viết kín ba tập giấy ghi chú vàng trong hai ngày đó. Chỉ còn sót lại một tập. Khi viết hết, anh sẽ chuyển sang dùng sổ tay. Ả đàn bà đã chuốt sắc năm sáu chiếc bút chì Berol Black Warrior của anh, anh viết cùn cả, và Annie lại gọt thêm lần nữa. Chúng mòn dần khi anh ngồi dưới ánh nắng bên cửa sổ, cúi xuống, đôi khi gãi ngứa bằng ngón chân cái của bàn chân phải vào khoảng không nơi lòng bàn chân trái của anh, nhìn qua lỗ trên tờ giấy. Cái lỗ lại ngáp cái miệng rộng ngoác, và cuốn sách lao về đoạn cao trào theo cách những cuốn hay nhất vẫn triển khai, như thể đang đi bằng xe trượt hỏa tiễn. Anh nhìn thấy mọi thứ với độ rõ ràng hoàn hảo … tất thảy ba nhóm người đều sẵn sàng giao tranh vì Misery sau vầng trán của thánh tượng, hai trong số đó muốn lấy mạng cô, nhóm thứ ba – bao gồm Ian, Geoffrey và Hezekiah – cố gắng cứu mạng cô... trong khi đó bên dưới, ngôi làng của người Bourka bị thiêu rụi những người sống sót tập trung đông đảo tại một điểm đầu ra – tại trái của thánh tượng – để tàn sát bất cứ ai tình cờ chạy trốn thoát.

Trạng thái thăng hoa sáng tác này bị lung lay đầy thô bạo nhưng không bị phá vỡ khi, vào ngày thứ ba sau chuyến viếng thăm của

David và Goliath, một chiếc xe wagon hãng Ford màu kem với chữ *KTKA/Grand Junction* bên mạng sườn tấp vào đường lái xe nhà Annie. Phần sau xe có đầy đủ các thiết bị quay phim.

“Ôi Chúa ơi,” Paul nói, cứng người ở đâu đó giữa hài hước, hứng khởi và sợ hãi. “Cái gì thế này?”

Chiếc wagon dừng lại trước khi một trong những cánh cửa phía sau bật mở và một anh chàng mặc quần chiến đấu cùng áo sơ mi Deadhead nhảy ra ngoài. Trên tay anh ta có một thứ gì đó to lớn màu đen mà trong một chốc hoang mang, Paul đã nghĩ là một khẩu súng hơi cay. Sau đó, anh ta nâng nó lên vai và quét nó về phía ngôi nhà, và Paul nhận ra đó là một chiếc minicam. Một phụ nữ khá trẻ đang bước ra khỏi ghế hành khách phía trước, xõa mái tóc đã sấy khô và dừng lại để xem xét lớp trang điểm của cô trong gương chiếu hậu bên ngoài trước khi tham gia với người quay phim.

Con mắt của thế giới bên ngoài mà vài năm qua đã khuất khỏi Mụ Thằn Lằn Bay, nay quay lại cùng sự thù hằn.

Paul nhanh chóng lùi lại, hy vọng anh đã kịp làm vậy.

Chà, nếu các người muốn biết chắc chắn, chỉ cần xem tin tức sáu giờ, anh nghĩ, đoạn đưa cả hai tay lên miệng mà bụm chặt những tiếng khúc khích.

Cửa chắn sáng mở ra rồi đóng lại ngay.

“Cút ngay khỏi đây!” Annie gào lên. “Cút ngay khỏi đất nhà tao.”

Lờ mờ có tiếng: “Thưa cô Wilkes, chúng tôi chỉ xin vài...”

“Chúng mày sẽ nhận được vài viên kẹo đồng vào hai cái lỗ mông nhãi nhép của chúng mày nếu còn không biến khỏi đây!”

“Cô Wilkes, tôi là Glenna Roberts đến từ KTKA...”

“Kể cả mày là John O. Jesus Johnnycake Christ đến từ sao Hỏa tạo cũng cóc quan tâm! Cút khỏi đất của tao, nếu không mày không còn sống mà đi được đâu!”

“Nhưng…”

ĐOÀNG!

Ôi Annie ơi ôi Jesus Annie của tôi đã ban chết cho bọn ngu ngốc đó...

Anh lăn ngược ra sau và nhìn trộm qua cửa sổ. Anh không có lựa chọn nào khác – anh phải nhìn thôi. Sự nhẹ nhõm tràn qua người anh. Annie đã bắn lên không trung. Cú bắn dường như đã hiệu quả. Glenna Roberts lao vào chiếc xe đưa tin của KTKA trước tiên. Người quay phim vung ống kính về phía Annie, Annie vung khẩu súng ngắn về phía tay quay phim; tay quay phim, quyết định giữ lại cái mạng để còn xem *Greatful Dead* thay vì chọc ngoáy vào cuộn băng của Mụ Thằn Lằn Bay, ngay lập tức ngồi lại xuống ghế sau. Chiếc wagon quay ngược lại đường lái xe trước khi anh ta kịp đóng hết cửa.

Annie đứng nhìn họ rời đi, một tay cầm khẩu súng, rồi ả đàn bà từ từ trở vào nhà. Anh nghe thấy tiếng lách cách khi ả đặt khẩu súng lên bàn. Ả xuống phòng Paul. Trông cô ả tệ hơn những gì anh từng thấy, khuôn mặt lõng bõng và hốc hác, mắt đảo liên hồi.

“Bọn chúng trở lại rồi,” ả thì thầm.

“Đừng lo lắng quá.”

“Tôi biết ngay bọn ranh này sẽ trở lại mà. Và giờ đúng thế thật.”

“Họ đi rồi mà Annie. Cô đuổi đi rồi còn gì?”

“Bọn chúng không bao giờ đi. Có ai nói với chúng là gã cớm từng ở nhà Mụ Thằn Lằn Bay trước khi mất tích. Nên chúng mới tới

đây.”

"Annie à..."

“Ngài biết chúng muốn cái gì à?” ả đàn bà hỏi gặng.

“Tất nhiên rồi. Tôi đối phó với đám báo chí này rồi. Bọn họ chỉ muốn duy nhất hai thứ mà họ luôn muốn – muốn cô loạn cào cào khi sự đã sắp thành, và muốn ai đó xuống tiền mua martini trong Giờ vàng Giảm giá. Nhưng mà Annie ạ, cô cần phải ổn đi...”

“*Đây* là thứ chúng muốn phải không, ả đàn bà nói, đoạn đưa một bàn tay ngoặc hình lưỡi liềm lên trán. Ả đột ngột giật xuống, cào thành bốn rãnh máu. Máu chảy vào lông mày, xuống má, dọc hai bên mũi.

“Annie! Dừng lại đi!”

“*Đây* nữa!” Ả tự tát vào má trái bằng tay trái, đủ mạnh để trên mặt còn hiện vết. “*Đây* nữa này!” đến má phải, thậm chí còn mạnh hơn, mạnh đến mức máu từ các khoen móng văng cả ra không trung.

“DỪNG LẠI đi!” anh gào lên.

“*Chúng muốn như thế đấy!*” Ả đàn bà gào lại. Ả đưa tay lên trán và ấn vào các vết thương, cầm bớt chúng lại. Ả ta chìa lòng bàn tay đẫm máu về phía anh trong giây lát. Sau đó, ả đàn bà lao ra khỏi phòng.

Sau một thời gian dài, Paul bắt đầu viết lại. Lúc đầu mọi chuyện diễn ra chậm rãi – hình ảnh Annie ấn những cái rãnh đó vào da mình len lỏi vào gây xao lặng – và anh nghĩ như vậy không ổn lắm, anh chỉ nên nghĩ về nó trong một ngày thôi, cho tới khi câu chuyện cuốn lấy anh và anh ngã vào cái lỗ trên tờ giấy một lần nữa.

Như mọi khi trong những ngày tháng này, anh đi du hành với tâm trạng nhẹ nhõm và được cứu rỗi.

33

Nhiều cảnh sát đến vào ngày hôm sau: lần này là những kẻ thô lậu trong khu vực đó. Đi cùng với họ là người đàn ông gầy gò mang theo chiếc hộp chỉ đủ chứa một cái máy tốc ký. Annie đứng trên đường lái xe với họ, lắng nghe, mặt vô cảm. Sau đó ả đàn bà dẫn họ vào bếp.

Paul ngồi yên lặng, trên đùi anh đặt một tập tốc ký của riêng mình (anh đã viết hết tập giấy ghi chú cuối cùng vào buổi tối hôm trước), và lắng nghe giọng nói của Annie khi ả đưa ra lời khẳng định bao gồm tất cả những điều ả ta đã nói với David và Goliath bốn ngày trước. Paul nghĩ, điều này không khác gì một sự quấy rối trắng trợn. Anh vừa thích thú vừa kinh hãi khi bản thân cảm thấy hơi tiếc cho Annie Wilkes.

Viên cảnh sát Sidewinder, người đã hỏi hầu hết các câu hỏi bắt đầu bằng cách nói với Annie rằng ả có thể mời luật sư nếu muốn. Annie từ chối và chỉ đơn giản kể lại câu chuyện của mình. Paul không thể phát hiện ra sự sai lệch nào.

Họ đã ở trong bếp trong nửa giờ. Gần cuối, một người trong số họ hỏi tại sao ả lại có những vết xước trông xấu xí thế kia trên trán.

“Tôi làm mặt mình ra thế này vào buổi đêm,” ả đàn bà nói. “Tôi đã mơ ác mộng”

“Cô mơ gì vậy?” viên cảnh sát hỏi.

“Tôi mơ rằng người ta còn nhớ tôi là ai sau ngần ấy thời gian và bắt đầu quay lại đây một lần nữa,” Annie nói.

Khi họ đi khuất, Annie về phòng. Khuôn mặt ả tiều tụy, xa cách và ốm yếu.

Paul nói: “Nơi này đang biến thành Grand Central.”

Ả đàn bà không cười. “Bao nhiêu lâu nữa thì xong?”

Anh do dự, nhìn đống bản đánh máy với chồng trang viết tay rách rưới phía trên, rồi quay lại nhìn Annie. “Hai ngày,” anh nói. Có thể là ba?

“Lần sau khi họ đến, họ sẽ có lệnh khám xét,” ả nói, và rời đi trước khi anh kịp trả lời.

34

Buổi tối hôm đó khoảng mười hai giờ mười lăm, ả đàn bà bước vào và nói: “Lẽ ra ngài nên đi ngủ một giờ trước rồi, Paul.”

Anh nhìn lên, giật mình thoát ra khỏi giấc mơ sâu thẳm của câu chuyện Geoffrey – người hóa ra cực kỳ anh hùng trong câu chuyện này – vừa phải đối mặt với con ong chúa gớm ghiếc, đối thủ mà anh sẽ phải chiến đấu đến chết vì mạng sống của Misery.

“Không sao đâu,” anh nói. “Một lát nữa tôi nghỉ. Đôi khi phải viết ra ngay không thì sẽ đứt mạch mất.” Anh nắm lấy tay mình, bàn tay đang đau và nhói. Một cục cứng lớn, nửa chai và nửa phồng rộp, đã nổi lên ở trên ngón tay trỏ của anh, đoạn bút chì ấn mạnh nhất. Anh có thuốc, và chúng sẽ xoa dịu cơn đau, nhưng chúng cũng sẽ khiến đầu óc của anh lú lẫn.

“Ngài thấy nó hay mà, phải không?” ả đàn bà nhẹ nhàng hỏi. “Hay lắm. Ngài không viết nó chỉ cho riêng tôi nữa đúng không?

“Ồ không” anh nói. Trong một khoảnh khắc, anh run lên khi chực nói thêm điều này: *Nó chưa bao giờ dành cho cô, Annie, hoặc tất cả những “Người hâm mộ số một” tự phong ngoài kia. Thời điểm cô bắt đầu viết, tất cả những người đó đang ở đầu bên kia của thiên hà, hoặc ở đâu xa tương tự như thế. Những cuốn sách không bao giờ dành cho những người vợ cũ của tôi, mẹ tôi, hay cho cha tôi. Lý do mà các tác giả hay viết lời đề từ trong một cuốn sách, Annie a, là cho đến cuối cùng sự ích kỷ của họ thậm chí còn khiến chính họ kinh hoàng.*

Nhưng sẽ không khôn ngoan nếu nói những điều như vậy với ả đàn bà. Anh viết cho đến khi bình minh ló rạng ở phía đông và sau đó lăn ra giường ngủ bốn tiếng đồng hồ. Những giấc mơ của anh thật rối rắm và khó chịu. Trong một giấc mơ, cha của Annie đang leo một quãng dài cầu thang. Ông ta có một giỏ những thứ có vẻ như là những mẩu báo trên tay. Paul đã cố gắng; để đánh động ông ta, để cảnh báo ông ta, nhưng mỗi khi anh mở miệng, không có âm thanh gì thoát ra ngoài một tin tường thuật được lập luận gọn gàng – luôn là đoạn văn này dù mỗi lần anh lại cố gắng hét lên những câu khác nhau, nhưng nó đều thành ra: “Một hôm, chừng một tuần sau đó...” Và lúc này là Annie Wilkes, hét lên, lao xuống hành lang, dang tay ra để tặng cho cha mình cú đẩy cầu thang chết chóc... chỉ có tiếng la hét của ả đàn bà là trở thành những tiếng ồn kỳ lạ, cơ thể ả gợn sóng, co quắp và thay đổi dưới váy và áo len cardigan, bởi Annie đang biến hình thành một con ong.

35

Không một sĩ quan nào đến vào ngày hôm sau, nhưng rất nhiều người không chính thức đã xuất hiện. Designated Gawkers. Một trong cả đoàn xe chở đầy thanh thiếu niên. Khi họ rẽ vào đường lái xe để đi ngược chiều, Annie lao ra và hét lên yêu cầu họ rời khỏi vùng đất của mình trước khi ả bắn họ như những con chó bẩn thỉu.

“Mụ Thằn Lằn Bay cút đi!” một trong số chúng hét lên.

“Mụ chôn anh ấy ở đâu?” một đứa khác hét lên khi chiếc xe lùi lại trong một làn khói bụi.

Người thứ ba ném một chai bia. Khi chiếc xe lao đi, Paul nhận ra một miếng dán cản xe ở cửa sổ phía sau có nội dung: ỦNG HỘ BLUE DEVILS VÙNG SIDEWINDER.

Một giờ sau, anh nhìn thấy Annie đeo một đôi găng tay lao động khi ả đi về phía nhà kho, mắt nhìn chăm chăm qua cửa sổ của anh. Lát sau, ả quay lại với cái dây xích chặn. Ả đã dành thời gian để đan bồi dây thép gai lên những vòng thép cứng cáp của nó. Khi sợi dây đan đầy gai này được khóa trên đường lái xe, ả thò tay vào túi áo ngực và lấy ra một số mảnh vải màu đỏ. Ả đàn bà buộc vài mảnh lên sợi dây để làm nó nổi bật hơn.

“Cái này không giữ chân đội cớm được,” ả nói khi quay trở lại vào nhà, “nhưng nó sẽ khiến tất thảy đám ranh đó ở ngoài.”

“Đúng vậy.”

“Tay của ngài… trông có vẻ sưng.”

“Ừ.”

“Tôi ghét phải làm kẻ quấy rầy giẻ rách, nhưng mà...”

“Ngày mai,” anh đáp.

“Ngày mai ư? Thật sao?” Ả đàn bà ngay lập tức rạng rỡ hẳn.

“Ừ tôi nghĩ vậy. Chừng sáu giờ.”

“Thật tuyệt vời! Vậy tôi có thể bắt đầu đọc luôn, hay là...”

“Tôi muốn cô đợi.”

“Vậy tôi sẽ đợi.” Cái nhìn dịu dàng, tan chảy đó lại len vào mắt ả đàn bà. Anh ghét nhất khi ả mang ánh nhìn như vậy. “Tôi yêu ngài, Paul à. Ngài biết vậy mà, phải không?”

“Đúng vậy,” anh đáp. “Tôi biết.” Và cúi xuống tập giấy của mình lần nữa.

36

Tối hôm đó, ả đàn bà mang cho anh mấy viên Keflex – tình trạng nhiễm trùng tiết niệu của anh đang được cải thiện, nhưng rất chậm – cùng một xô đá. Ả đặt một chiếc khăn tắm được gấp gọn gàng bên cạnh nó và rời đi mà không nói một lời.

Paul đặt bút chì sang một bên – anh phải sử dụng các ngón của bàn tay trái để tháo các ngón tay bên phải − và luồn tay vào trong xô đá. Anh để nó ở đó cho đến khi nó gần như hoàn toàn tê liệt. Khi rút tay ra, vết sưng dường như đã giảm bớt một chút. Anh quấn chiếc khăn quanh người và ngồi nhìn ra bóng tối, cho đến khi nó bắt đầu râm ran. Anh đặt chiếc khăn sang một bên, uốn cong bàn tay một lúc (vài lần đầu khiến anh nhăn nhó vì đau, nhưng sau đó tay bắt đầu giãn cơ) và bắt đầu viết lại.

Vào lúc bình minh, anh từ từ lăn xuống giường, chìm vào giấc ngủ ngay lập tức. Anh mơ thấy mình bị lạc trong một cơn bão tuyết, chỉ có điều đó không phải là tuyết thường; đó là những trang giấy bay khắp thế giới, bất kể phương hướng; mỗi trang đều được đánh máy, tất cả chữ n, chữ t và chữ e đều bị thiếu mất, và anh hiểu rằng nếu anh vẫn còn sống khi trận bão tuyết kết thúc, anh sẽ phải tự điền tất cả chúng bằng tay, giải mã những từ gần như còn không có ở đó.

37

Anh thức dậy vào khoảng mười một giờ, và gần như ngay khi Annie nghe thấy tiếng anh lạo xạo, ả đàn bà bước vào với nước cam, thuốc và một bát xúp gà nóng. Ả hân hoan trong phấn khích. “Quả là một ngày rất đặc biệt, có phải không Paul”

“Đúng vậy.” Anh cố gắng lấy thìa bằng tay phải nhưng không thể. Nó sưng húp và đỏ, tấy đến nỗi da căng bóng. Khi anh cố gắng bẻ tay thành một nắm đấm, anh cảm giác như những thanh kim loại dài đã được đẩy qua nó một cách ngẫu nhiên. Anh nghĩ những ngày vừa qua giống như một buổi ký tặng ác mộng không hồi kết.

“Ôi, bàn tay tội nghiệp của ngài!” Ả đàn bà hét lên. “Tôi sẽ lấy thêm cho ngài một viên thuốc nữa! Tôi đi luôn đây!”

“Không. Đây là thứ thôi thúc tôi. Tôi muốn đầu óc mình sáng suốt.”

“Nhưng ngài không thể viết bằng tay như vậy được!”

“Ừ không được,” anh đồng ý. “Tay tôi chịu hẳn rồi. Tôi sẽ hoàn thành đứa bé này theo cách mà tôi đã bắt đầu — với chiếc Royal đó. Chỉ còn cỡ tám hay mười trang thôi. Tôi đoán rằng tôi có thể xử lý mấy chữ n, t và e theo cách của mình.”

“Lẽ ra tôi nên mua cho ngài một cái máy khác,” ả nói. Trông ả thành thật xin lỗi; nước mắt giàn giụa. Paul nghĩ những khoảnh khắc chớp nhoáng như thế này là kinh khủng nhất, bởi ở đó, anh nhìn thấy người phụ nữ mà ả đàn bà này có thể đã trở thành nếu được nuôi dạy đúng cách.

“Tôi đúng là ngốc nghếch. Thật khó để tôi thừa nhận điều đó, nhưng đó là sự thật. Đó là bởi vì tôi không muốn thừa nhận rằng mụ Dartmonger thông minh hơn tôi. Tôi xin lỗi, Paul. Bàn tay tội nghiệp của ngài.

Ả đàn bà nâng nó lên, nhẹ nhàng như Niobe ở hồ bơi, và hôn nó.

“Không sao đâu,” anh nói. “Chúng tôi sẽ xử lý được, Vịt Daddles và tôi. Tôi ghét nó, nhưng tôi có cảm giác nó cũng ghét tôi, thế nên tôi đoán chúng tôi có cùng quan điểm”.

“Ngài nói về ai vậy?”

“Chiếc Royal, tôi đã đặt biệt danh cho nó theo tên một nhân vật hoạt hình.”

“Ồ...” Ả lảng đi. Sập nguồn. Anh kiên nhẫn đợi ả quay lại, vừa ăn xúp vừa cầm thìa một cách vụng về bằng ngón trỏ và ngón giữa của bàn tay trái.

Cuối cùng ả cũng quay lại và nhìn anh, mỉm cười rạng rỡ như một người phụ nữ vừa tỉnh giấc và nhận ra rằng sẽ có một ngày đẹp trời. “Sắp hết xúp rồi à? Nếu vậy tôi có một thứ rất đặc biệt.”

Anh đưa cho ả xem cái bát trống, ngoại trừ vài sợi mì bị dính dưới đáy. “Xem tôi là một con ong chăm chỉ này, Annie?” anh nói mà không hề hé lấy một nụ cười.

“Ngài là con ong chăm chỉ giỏi nhất từng có, Paul à, và ngài nhận tất cả các ngôi sao vàng! Thực ra là... đợi đã! Đợi rồi ngài sẽ thấy!”

Ả rời đi, để lại Paul nhìn từ cuốn lịch sang Khải Hoàn Môn. Anh nhìn lên trần nhà và thấy chữ W xen kẽ đang nhảy một cách say sưa trên tấm thạch cao. Cuối cùng, anh nhìn qua chiếc máy đánh chữ và đống bản thảo khổng lồ, bừa bộn. *Xin tạm biệt tất cả*, anh ngẫu nhiên nghĩ, và sau đó Annie lại trở lại với một khay khác.

Trên đó có bốn món: miếng chanh ở một ô, trứng bào ở ô thứ hai, bánh mì nướng ở ô thứ ba. Chính giữa là một cái đĩa lớn hơn, và trên đó có trứng cá muối.

“Tôi không biết ngài có thích những thứ này hay không” a nói một cách ngượng ngùng. “Tôi còn không biết tôi có thích chúng không. Tôi chưa ăn bao giờ.”

Paul bắt đầu cười. Cơn cười làm anh đau phần thân giữa, phần chân và thậm chí là cả tay; anh có thể sẽ còn phải đau hơn nữa, bởi Annie đủ hoang tưởng để nghĩ rằng nếu ai đó đang cười thì đó là ả. Nhưng anh vẫn không thể dừng lại. Anh cười cho đến khi ho sặc sụa, hai má đỏ bừng, nước mắt ứa ra từ khóe mắt. Mụ đàn bà đã chặt chân anh bằng rìu và cắt ngón tay cái của anh bằng dao điện, giờ ả ở đây với một đống trứng cá muối đủ lớn để làm nghẹt thở một con nhím. Và thật ngạc nhiên, cái nhìn đen kịt đó không hề hiện rõ trên khuôn mặt ả. Thay vào đó, ả bắt đầu cười với anh.

38

Trứng cá muối thường được cho là loại thức ăn bạn sẽ rất thích hoặc cực ghét, nhưng Paul chưa bao giờ cảm thấy như vậy. Nếu anh đang bay khoang hạng nhất và một tiếp viên đặt một đĩa trước mặt anh, anh sẽ ăn nó và sau đó quên mất có một thứ như trứng cá muối cho đến lần tiếp theo một tiếp viên mang thêm một đĩa nữa đến trước mặt anh. Nhưng giờ đây anh ăn nó một cách thèm thuồng, với tất cả những thứ vụn vặt, như thể lần đầu tiên trong đời khám phá ra nguyên tắc tuyệt vời của thực phẩm.

Annie không quan tâm đến nó chút nào. Ả nhấm nháp một muỗng cà phê nhỏ xinh mà mình đã chấm vào bánh mì nướng, nhăn mặt lại vì kinh tởm, và đặt nó sang một bên. Tuy nhiên, Paul vẫn tiếp tục ăn với sự nhiệt tình vô hạn. Trong khoảng thời gian mười lăm phút, anh đã ăn hết một nửa Núi Beluga. Anh ở hơi, che miệng và nhìn Annie đầy tội lỗi, người đang bật ra một tràng cười như điên khác.

Tôi nghĩ tôi sẽ giết cô, Annie, anh nghĩ và mỉm cười ấm áp với ả. *Tôi sẽ làm thật. Tôi có thể đi cùng cô luôn – có thể là sẽ, thực ra là vậy – nhưng tôi sẽ đi với một cái bụng đầy nhóc trứng cá muối. Mọi chuyện có thể tồi tệ hơn.*

“Cái này ngon quá, nhưng tôi không thể ăn thêm được nữa,” anh nói.

“Ngài mà ăn nữa chắc ngài sẽ nôn đấy,” ả nói. “Thứ đó giàu dinh dưỡng lắm.” Ả cười đáp lại. “Còn một điều ngạc nhiên nữa. Tôi có

một chai sâm-panh. Để về sau... khi ngài hoàn thành cuốn sách. Chai đó tên là Dom Pérignon. Nó có giá bảy mươi lăm đô-la! Cho *một chai*. Nhưng Chuckie Yoder ở cửa hàng rượu nói rằng đó là loại tốt nhất ở đó."

"Chuckie Yoder nói đúng đó," Paul nói, nghĩ rằng rượu Dom có một phần lỗi khi anh đưa mình vào địa ngục này ngay từ đầu. Anh dừng lại một lúc rồi nói: "Tôi cũng muốn một thứ khác nữa. Cho lúc tôi hoàn thành."

"Ô? Gì vậy nhỉ?"

"Cô từng bảo cô còn giữ tất cả tư trang của tôi nhỉ?"

"Đúng vậy."

"Chà... có một thùng thuốc lá trong vali của tôi. Tôi muốn hút một hơi khi tôi hoàn thành."

Nụ cười của ả dần tắt. "Ngài biết những điều đó không tốt cho ngài mà Paul. Chúng gây ung thư đó."

"Annie, cô định bảo tôi cần lo lắng về việc bị ung thư bây giờ ư?"

Ả không trả lời.

"Tôi chỉ muốn có một điếu thuốc duy nhất. Tôi luôn ngả người ra sau và hút một điều khi xong việc. Đó luôn là điếu thuốc ngon nhất, tin tôi đi – thậm chí còn ngon hơn điều cô được hút sau một bữa ăn ngon. Ít nhất thì nó từng là như vậy. Tôi cho rằng lần này nó sẽ khiến tôi cảm thấy chóng mặt và dễ là nôn mửa, nhưng tôi muốn liên kết nhỏ đó với quá khứ. Cô nói xem có được không, Annie? Xin hãy giúp tôi. Tôi đã từng…"

"Được rồi... nhưng trước khi dùng rượu sâm panh. Tôi sẽ không uống một chai bia có ga trị giá bảy mươi lăm đô-la trong cùng một căn phòng mà ngài phả chất độc đó ra xung quanh."

“Không sao. Nếu cô mang nó cho tôi vào khoảng giữa trưa, tôi sẽ đặt nó trên bậu cửa sổ, để thỉnh thoảng tôi có thể trông thấy nó. Tôi sẽ viết nốt, rồi sẽ điền vào các chữ cái thiếu, rồi sau đó tôi sẽ hút nó cho đến khi tôi cảm thấy như mình sắp ngã xuống bất tỉnh, rồi tôi dập nó. Xong tôi sẽ gọi cô.”

“Được rồi,” ả nói. “Nhưng tôi vẫn không hài lòng về điều đó. Ngay cả khi ngài không bị ung thư phổi chỉ vì một điếu thuốc, tôi vẫn không hài lòng về nó. Và ngài có biết tại sao không, Paul?”

“Không”

“Vì chỉ có Ong không ngoan mới hút thuốc,” ả đáp và bắt đầu dọn dẹp chén đĩa.

39

"Quý ngài ông chủ Ian, có phải bà ấy...?”

"Shhhhh" Ian rít lên dữ dội, và Hezekiah lắng xuống. Geoffrey cảm thấy mạch đập dồn dập trong cổ họng. Từ bên ngoài vọng vào tiếng kẽo kẹt mềm mại và đều đặn của những chiếc cọc và dây cột, tiếng cánh buồm vỗ cánh chậm rãi trong hơi thở yếu ớt đầu tiên của những cơn gió mậu dịch trong lành, thỉnh thoảng xung quanh vang lên tiếng chim. Từ phía sau boong tàu, Geoffrey loáng thoáng nghe thấy một nhóm đàn ông đang hò một đoạn hò bằng những giọng trầm bổng, lạc điệu. Nhưng ở đây tất cả chỉ có sự im lặng khi ba người đàn ông, hai người da trắng và một người da đen, chờ xem liệu Misery còn sống... hay là...

Ian khàn giọng rên rỉ, Hezekiah nắm chặt cánh tay anh. Geoffrey chỉ đơn thuần là siết chặt lấy bản thân vốn đã cuồng loạn của chính mình. Sau tất cả những điều này, liệu ông trời có thực sự đủ tàn nhẫn để cô ấy chết hay không? Đã có lần anh từ chối khả năng đó đầy tự tin, cùng sự hài hước thay vì phẫn nộ. Những ngày đó, ý niệm rằng Đức Chúa Trời có thể tàn nhẫn ra sao, với anh là điều phi lý.

Nhưng ý niệm của anh về Chúa - cũng như những ý niệm của anh về rất nhiều thứ, đã thay đổi. Chúng đã không còn là chúng ở châu Phi. Ở châu Phi, anh đã phát hiện ra rằng không chỉ có một Chúa mà có rất nhiều và vài vị trong số đó còn hơn cả tàn nhẫn - họ bị loạn thần, và hiểu biết đó đã làm đổi thay tất cả. Sự tàn độc, cho

đến sau cùng, là có thể hiểu được. Với sự cuồng loạn, dù thế, sẽ chẳng có gì phải bàn cãi cả.

Những suy nghĩ khốn khổ này bị gián đoạn bởi một tiếng thở hổn hển, gay gắt và mê-tín-một-nửa của Hezekiah.

"Quý Ông Chủ Ian! Quý ông Chủ Geoffrey! Nhìn kìa! Mắt lệnh bà! Nhìn mắt lệnh bà đi!"

Đôi mắt của Misery, đôi mắt biếc xanh màu hoa thanh cúc vô cùng tinh tế, đã bừng mở. Chúng lướt nhìn từ Ian đến Geoffrey, rồi trở lại với Ian. Trong một khoảnh khắc, Geoffrey chỉ nhìn thấy sự bối rối trong đôi mắt đó và rồi từ đáy mắt ánh lên chút nhận thức, khiến anh cảm thấy niềm vui rạo rực khắp tâm hồn mình.

"Em đang ở đâu vậy?" cô ấy hỏi, ngáp dài và vươn vai. "Ian. Geoffrey. chúng ta đang ở trên biển à? Tại sao em lại đói thế này nhỉ?"

Vừa cười vừa khóc, Ian cúi xuống ôm cô, gọi mãi tên cô.

Không hiểu chuyện gì nhưng đầy hài lòng, cô đáp lại cái ôm của anh - và bởi Geoffrey biết cô không sao cả, anh thấy mình có thể tiếp tục ủng hộ tình yêu của họ, bây giờ và mãi mãi. Anh sẽ sống một mình, có thể sẽ sống một mình, trong sự bình yên trọn vẹn.

Rốt cuộc, có lẽ không phải mọi vị Chúa đều loạn thần hay ít nhất, không phải tất cả họ đều như thế.

Anh chạm vào vai Hezekiah. "Tôi nghĩ chúng ta nên để họ có không gian riêng, đúng chứ ông bạn già?"

"Tôi đoán điều đó đúng, Quý ngài Ông Chủ Geoffrey" Hezekiah đáp. Anh ta cười toe toét, tất cả bảy chiếc răng vàng đều sáng lấp lánh.

Geoffrey nhìn trộm cô lần cuối, và chỉ trong chốc lát, đôi mắt hoa thanh cúc đó vụt sáng về phía anh sưởi ấm anh, lấp đầy anh. Làm viên mãn anh.

Anh yêu em, em yêu của anh, anh nghĩ. Em có nghe thấy không?

Có lẽ câu trả lời đã trở lại chỉ là tiếng gọi bâng quơ của chính tâm trí anh, nhưng anh nghĩ không phải - nó quá rõ ràng, mang quá nhiều thanh âm của chính cô.

Em nghe thấy... và em cũng yêu anh.

Geoffrey đóng cửa và đi lên boong tàu. Thay vì ném mình qua lan can như anh có thể đã làm, anh châm thuốc và hút một bát thuốc từ từ nhìn ngắm mặt trời lặn sau đám mây xa xăm, khuất dần trên đường chân trời - đám mây đó là bờ biển châu Phi.

Và sau đó, vì không thể làm khác, Paul Sheldon đã lăn trang cuối cùng ra khỏi máy đánh chữ và dùng bút viết nguệch ngoạc cụm từ mà mọi nhà văn yêu nhất cũng như ghét nhất trong vốn từ vựng của mình bằng một cây bút:

HẾT TRUYỆN

40

Bàn tay phải sưng tấy của anh không muốn điền vào những chữ cái còn thiếu, nhưng anh ép nó dù sao cũng vẫn phải làm cho xong việc. Nếu anh không tìm được cách di chuyển ít đau đớn nhất, anh sẽ không thể vượt qua điều này.

Sau khi xong, anh đặt bút sang một bên. Anh xem xét tác phẩm của mình trong giây lát. Anh cảm giác giống như mọi khi anh hoàn thành một cuốn sách – trống rỗng một cách kỳ lạ, buông xuống, nhận thức rằng đối với mỗi thành công nhỏ anh đều phải trả giá một cách vô lý.

Cảm giác ấy luôn giống nhau, luôn luôn như vậy – giống như vượt dốc qua rừng rậm và lao ra bãi đất trống trên đỉnh sau nhiều tháng địa ngục : chỉ để khám phá ra không gì có giá trị hơn là quang cảnh xa lộ – với một vài trạm xăng và sân chơi bowling với đường ném đẹp hơn một chút hay đại loại vậy.

Tuy nhiên, hoàn thành được là tốt – hoàn thành được luôn tốt. Tốt ở chỗ đã tạo ra, đã cho một thứ gì đó được tồn tại trên đời. Theo một cách chết lặng nào đó, anh hiểu và đánh giá cao sự dũng cảm của hành động tạo ra những sinh mạng nhỏ bé chưa từng được tạo ra, kiến tạo lên sự xuất hiện của chuyển động và ảo giác về sự ấm áp. Cuối cùng thì anh cũng hiểu – giờ anh đã hơi ngu ngốc khi làm trò này, nhưng đó là chiêu duy nhất anh biết, và nếu cuối cùng anh luôn làm điều đó một cách vụng về, thì ít nhất anh cũng không bao

giờ thất bại trong việc viết vì tình yêu. Anh chạm vào đống bản thảo và hơi mỉm cười.

Tay anh rời khỏi đống giấy lớn và lấy một điếu Marlboro mà ả đã đặt trên bậu cửa sổ cho anh. Bên cạnh đó là một chiếc gạt tàn bằng gốm in hình chiếc thuyền du ngoạn có bánh guồng ở phía dưới với dòng chữ QUÀ LƯU NIỆM CỦA HANNIBAL, MISSOURI – NGÔI NHÀ CỦA NHỮNG TIỂU THUYẾT GIA NƯỚC MỸ!

Trong cái gạt tàn là một hộp diêm, nhưng chỉ có một que diêm trong đó – tất cả những gì ả đàn bà cho phép anh. Tuy nhiên, cũng chỉ cần một que là đủ.

Anh có thể nghe thấy tiếng ả di chuyển trên lầu. Tuyệt lắm. Anh sẽ có nhiều thời gian để chuẩn bị một vài thứ nhỏ nhặt của mình, có rất nhiều cảnh báo nếu ả quyết định xuống trước khi anh sẵn sàng cho ả.

Đây mới là một mảnh ra trò đây, Annie. Hãy xem tôi có làm được không nhé. Xem nào – Tôi có thể không?

Anh cúi xuống, phớt lờ cơn đau ở chân, và bắt đầu dùng ngón tay nắn phần ván chân tường lỏng lẻo.

41

Năm phút sau, anh gọi ả đàn bà, và lắng nghe tiếng bước chân nặng nề, vô cảm của ả trên cầu thang. Anh từng đoán mình sẽ cảm thấy kinh hãi khi mọi thứ đến thời điểm này, và nhẹ nhõm khi thấy bản thân mình khá bình tĩnh. Căn phòng tràn ngập mùi tanh của bật lửa than. Nó nhỏ giọt đều đặn từ một bên của tấm ván nằm trên tay của xe lăn.

“Paul, ngài *đã thực sự* xong chưa?” Ả gọi theo chiều dài của hành lang.

Paul nhìn đống giấy nằm trên tấm phản bên cạnh chiếc máy đánh chữ Royal đáng ghét. Than lỏng thấm đẫm xấp giấy. “Chà,” anh nói với lại, “Tôi đã làm hết sức mình có thể, Annie ạ.”

“Chà, thật tuyệt! Trời ạ, tôi không thể tin nổi đó! Sau chừng đó thời gian! Xin đợi một chút! Tôi sẽ lấy sâm-panh!”

“Được rồi!”

Anh nghe thấy tiếng ả băng qua tấm vải sơn nhà bếp, biết từng tiếng rít sẽ phát ra ở đâu ngay trước khi nó phát ra. *Mình đang nghe thấy tất cả những âm thanh này lần cuối,* anh nghĩ, và suy nghĩ này mang lại cảm giác kinh ngạc phá vỡ sự bình tĩnh dễ như vỏ trứng mỏng. Nỗi sợ hãi ở bên trong... nhưng còn một thứ khác nữa ở bên trong đó. Anh cho rằng đó là bờ biển nước rút của châu Phi.

Cửa tủ lạnh mở ra, sau đó bị đóng sập lại. Ả lại đi ngang qua nhà bếp. Ả đã đến đây.

Tất nhiên, anh đã không hút thuốc; nó vẫn nằm trên bậu cửa sổ. Đó là que diêm mà anh cần. Đó là một que diêm duy nhất.

Điều gì sẽ xảy ra nếu mày quẹt diêm mà nó không cháy?

Nhưng đã quá muộn cho những cân nhắc như vậy.

Anh đưa tay với chiếc gạt tàn và lấy que diêm. Anh xé toạc que diêm đơn. Lúc này ả đang đi xuống hành lang. Paul quẹt que diêm, và hẳn rồi, nó không cháy.

Bình tĩnh! Làm bình tĩnh!

Anh quẹt lần nữa. Vẫn không có gì cả.

Bình tĩnh... bình tĩnh...

Anh cào nó dọc theo dải màu nâu sẫm thô ráp trên vỏ bao diêm lần thứ ba và một ngọn lửa màu vàng nhạt nở ra ở cuối que.

42

“Tôi chỉ mong cái này...

Ả dừng lại, từ tiếp theo chui ngược lại vào bên trong ả, ả hít vào một hơi.

Paul ngồi trên chiếc xe lăn của mình sau một rào chắn được dựng lên từ giấy chất đống và chiếc máy tốc ký hiệu Royal cổ lỗ sĩ. Anh cố tình lật tờ trên cùng để ả có thể đọc được:

SỰ TRỞ LẠI CỦA MISERY
Tác giả Paul Sheldon

Phía trên đống giấy ướt át này, bàn tay phải sưng tấy của Paul lơ lửng, giữa ngón cái và ngón trỏ là một que diêm đang cháy.

Ả đứng ở ngưỡng cửa, tay cầm một chai sâm-panh được quấn trong một dải khăn. Miệng ả hả hốc ra, rồi khép lại trong tích tắc.

“Paul ơi?” Một cách cẩn trọng. “Ngài đang làm gì vậy?”

“Xong rồi,” anh đáp. “Và nó hay lắm Annie a. Cô đã đúng. Cuốn truyện *Misery* hay nhất và có thể là tuyệt tác lớn nhất tôi từng viết ra, dù thuần chủng hay không. Bây giờ tôi sẽ chơi một trò nhỏ với nó, đây sẽ là trò vui đấy. Học từ cô cả.”

“Paul, không!” ả gào lên. Giọng ả đầy đau khổ và cảm thông. Hai tay ả vung ra, chai sâm-panh rơi xuống mà ả chẳng thèm đỡ lấy. Nó rơi xuống sàn và phát nổ như một quả ngư lôi. Những cuộn bọt bay khắp nơi. *“Không. Không! XIN ĐỪNG...”*

“Thật tệ là cô sẽ không bao giờ được đọc nó,” Paul nói và mỉm cười với ả. Đó là nụ cười thực sự đầu tiên của anh trong nhiều tháng, rạng rỡ và chân thật. “Bỏ sự khiêm tốn giả tạo sang một bên, tôi phải nói rằng nó còn hay hơn cả mức hay. Nó *tuyệt vời*, Annie ạ.”

Que diêm chảy ra, in ra hơi nóng nhỏ trên đầu ngón tay anh. Anh thả nó xuống. Trong một khoảnh khắc khủng khiếp, anh nghĩ rằng nó đã tắt, và sau đó ngọn lửa màu xanh nhạt phát ra trên trang tiêu đề với một âm thanh dễ nghe – *bụp*! Lửa chạy dọc theo hai bên, liếm chất lỏng đọng dọc theo mép ngoài của đống giấy, và chuyển sang màu vàng.

“ÔI CHÚA ƠI KHÔNG!” Annie gắn giọng. *“KHÔNG PHẢI MISERY! KHÔNG PHẢI MISERY KHÔNG PHẢI CÔ ẤY! KHÔNG! KHÔNG!”*

Bây giờ khuôn mặt ả đã bắt đầu lung linh ở phía xa của ngọn lửa. “Muốn ước một điều ước không, Annie?” anh hét vào mặt ả. “Muốn thực hiện một điều ước không, đồ yêu tinh quý quái?”

“ÔI CHÚA ƠI ÔI PAUL ƠI NGÀI ĐANG LÀM GÌ THẾ” Ả loạng choạng về phía trước, hai tay dang rộng. Bây giờ đống giấy không chỉ đơn thuần là cháy nữa; nó đã bùng lên. Mặt màu xám của chiếc Royal đã bắt đầu chuyển sang màu đen. Than lỏng đã đọng lại dưới nó và giờ đây những lưỡi lửa màu xanh nhạt liếm dọc theo các phím. Paul có thể cảm thấy mặt mình đang được nướng phồng lên, da thịt căng lại.

“KHÔNG PHẢI LÀ MISERY!” ả bật khóc. *“NGÀI KHÔNG ĐƯỢC ĐỐT MISERY, ĐỒ RANH CON NHÃI NHÉP NÀY, NGÀI KHÔNG ĐƯỢC ĐỐT MISERY!”*

Và sau đó ả đã làm chính xác những gì anh gần như biết chắc ả sẽ làm. Ả nắm lấy đống giấy đang cháy và nhấc lên, định chạy về phía nhà tắm, định bụng ngâm chúng vào bồn.

Khi ả quay lại, Paul túm lấy chiếc Royal, không quan tâm đến những vết phồng rộp nóng hổi bên phải của nó đang in trên bàn tay phải đã sưng tấy của anh. Anh nâng nó qua đầu. Những đốm lửa nhỏ màu xanh lam vẫn rơi ra từ gầm của nó. Anh không để tâm đến chúng hay những cơn đau chói lên từ vùng lưng khi anh kéo căng nó lên. Khuôn mặt anh nhăn nhỏ điên cuồng vì nỗ lực và tập trung. Anh đưa hai cánh tay về phía trước và hạ xuống, để máy đánh chữ bay ra khỏi tay mình. Nó đập thẳng vào chính giữa tấm lưng rộng rắn chắc của ả.

"*HỰ*!" Đó không phải là một tiếng hét mà là một tiếng giật mình gầm gừ. Annie bị đẩy về phía trước, ngã đè lên xấp giấy đang cháy trên sàn.

Mấy ngọn lửa nhỏ màu xanh nhạt như những chiếc đèn lồng tinh linh rải rác trên bề mặt tấm phản được dùng làm bàn làm việc của anh. Thở hổn hển, từng hơi thở êm như sắt nóng trong cổ họng, Paul gạt nó sang một bên. Anh đứng dậy thẳng người trên bàn chân phải của mình.

qua khe Annie đang quằn quại và rên rỉ. Một tia lửa bắn lên hở giữa cánh tay trái và một bên cơ thể ả. Ả gào thét. Paul có thể ngửi thấy mùi da rán, mỡ cháy.

Ả ta lăn lộn, khuỵu xuống. Bây giờ hầu hết các tờ giấy đều nằm trên sàn nhà, vẫn cháy hoặc rít lên để lụi tàn trong những vũng sâm-panh, nhưng Annie vẫn cầm một ít, và nó vẫn đang cháy. Chiếc áo len cardigan của ả cũng bắt lửa. Anh nhìn thấy những móc thủy tinh

màu xanh lá cây trên cẳng tay ả. Một mảnh vỡ lớn hơn thò ra khỏi má phải của ả như lưỡi kiếm của một chiếc rìu tomahawk.

“Tao sẽ giết mày, tên khốn dối trá,” ả nói, và loạng choạng về phía anh. Ả đi bằng đầu gối được ba “bước” thì ngã đè lên cái máy đánh chữ. Ả xoay xở quần quại để lật người lên. Rồi Paul đổ người lên ả. Anh thậm chí còn cảm nhận được những góc nhọn của chiếc máy đánh chữ bên dưới như chực xuyên qua cơ thể ả. Ả hét lên như một con mèo, quần quại như một con mèo, và cố gắng cào cấu từ bên dưới anh như một con mèo. Ngọn lửa đang bùng lên xung quanh họ nhưng anh vẫn có thể cảm thấy sức nóng man rợ tỏa ra từ gò đất đang phập phồng bên dưới mình và biết rằng ít nhất áo len và áo lót của ả phải được nấu chín trên cơ thể ả. Anh không thấy có chút thương cảm nào.

Ả cố gắng để đẩy anh ra. Anh nằm lỳ trên đó, và giờ anh chồm hỗm trên người ả như một kẻ cưỡng dâm, mặt anh gần như dán luôn vào mặt ả; tay phải của anh mò mẫm, biết chính xác thứ mà nó đang tìm kiếm.

“Cút xuống khỏi người tao!”

Anh tìm thấy một nắm giấy nóng còn đang cháy.

“Cút xuống đi!”

Anh vò nát tờ giấy, lửa lọt ra giữa các ngón tay anh. Anh ngửi được mùi của ả – da thịt cháy xém, mồ hôi, sự căm ghét, sự điên cuồng.

“THẢ TAO RA!” ả hét lên, miệng ngoác rộng, và đột nhiên anh nhìn vào cái hố được lót đỏ của nữ thần. *“THẢ TAO RA ĐI ĐỒ NHÃI NH... ”*

Anh nhét giấy, cả giấy còn trắng lẫn đã cháy đen như vỏ hành khô, vào cái miệng đang há hốc và hét toáng đó. Đôi mắt ả sáng rực lại đột nhiên mở to hơn nữa, lần này là vì ngạc nhiên, kinh hoàng và đau đớn.

“Sách của cô đây, Annie,” anh thở hổn hển, tay không ngừng nhồi thêm giấy. Một cục đã lăn ra ngoài, ướt sũng, có mùi chua của rượu đổ. Mụ đàn bà oằn người và quằn quại bên dưới anh. Đầu gối trái với vòm muối của anh đập vào sàn nhà và đau dữ dội, nhưng anh vẫn ở lỳ trên người ả. *Tôi sẽ cưỡng hiếp cô, được chứ, Annie. Tôi sẽ cưỡng hiếp cô bởi vì tất cả những gì tôi có thể làm là điều tồi tệ nhất tôi có thể làm. Vì vậy, búp cuốn sách của tôi đi. Húp sách của tôi đi. Húp đến khi nào cô hựa mẹ nó ra ấy.* Anh vò nát tờ giấy ướt bằng một cú giật khép tay và đập nó vào miệng ả, đẩy cục giấy đang chảy dở đầu tiên xuống sâu hơn.

“Đây rồi, Annie, cô có thích nó không? Đây là phiên bản chính hiệu đầu tiên, là phiên bản Annie Wilkes, có thích nó không? Ăn đi Annie, húp đi, tiếp tục ăn nào, làm một Con ong ngoan và nuốt cho trọn cuốn sách của mình đi.”

Anh nhồi tiếp lần thứ ba, thứ tư. Viên giấy thứ năm vẫn còn đang cháy; anh dùng phần đệm bàn tay phải đã phồng rộp để nhét nó vào.

Vài tiếng ồn kỳ lạ bị bóp nghẹt đang phát ra từ ả. Ả giật một cái thật mạnh và lần này Paul bị hất tung. Ả vùng vẫy và khuỵu xuống. Hai tay ả vuốt vuốt cổ họng thâm đen, giờ trông sưng tấy đầy ghê tởm. Áo len của ả chẳng còn lại bao nhiêu ngoài một vòng cháy ở cổ. Phần thịt ở bụng và cơ hoành nổi đầy những vết phồng rộp. Rượu sâm-panh rỉ ra từ mảnh giấy đang nhô lên từ miệng ả.

“Hục! Hắc! Hắc!” Annie cựa quậy. Bằng cách nào đó, ả đứng dậy, vẫn không ngừng cào cấu cổ họng mình. Paul đẩy người về phía sau, hai chân thò tùy tiện ra trước mặt, cảnh giác nhìn ả. “Hắt xì? Ợ? Hục hục?”

Ả tiến một bước về phía anh. Rồi hai bước. Rồi ả lại vấp phải máy đánh chữ. Cú ngã lần này làm đầu ả ngoẹo sang một bên, và anh trông thấy ả đang nhìn anh với vẻ mặt thắc mắc khủng khiếp: *Có chuyện gì vậy Paul? Tôi còn đang mang sâm-panh cho ngài cơ mà?*

Phần đầu bên trái của ả nối với mép của lò sưởi và ả gục xuống như một bao tải gạch rời, dội xuống nền nhà sau một cú nhào lộn làm rung chuyển cả ngôi nhà.

43

Annie gục trên đống giấy đang cháy; cơ thể của ả đã nhả nó ra ngoài. Nó là một cục đen bốc khói giữa sàn nhà. Các vũng rượu sâm-panh tràn ra hầu hết tất cả các trang giấy. Thế nhưng hai hoặc ba trang đã dựa vào bức tường bên trái cánh cửa trong khi vẫn còn cháy sáng. Giấy dán tường đã lấm tấm cháy thành từng đốm... nhưng không bừng lên dữ dội.

Paul bò lên giường, chống khuỷu tay lên và nắm lấy tấm trải giường. Đoạn anh lao vào tường, đẩy những mảnh chai vỡ ra khỏi lối đi bằng hai tay. Anh căng cứng lưng. Anh đã bị bỏng tay phải rất nặng. Đầu anh nhức nhối. Bụng anh sôi trào với mùi thịt nướng thơm đến buồn nôn. Nhưng anh đã tự do. Nữ thần đã chết và anh đã được tự do.

Anh kê đầu gối phải xuống dưới, vụng về dùng tấm phủ giường (đã thấm ẩm rượu sâm-panh và lấm lem những mảng tro đen bẩn thỉu), bắt đầu đập vào ngọn lửa. Khi anh để tấm phủ rơi vào đống thuốc lá ở chân tường, giữa bức tường có một vết khói lớn bốc lên, nhưng giấy đã cháy hết. Trang dưới cùng của lịch đã xoắn lại, nhưng đó là tất cả.

Anh bắt đầu bò lại về phía xe lăn. Anh đi được nửa đường thì Annie mở mắt.

44

Paul nhìn chằm chằm, không thể tin nổi, khi ả dần dần quỳ lên bằng hai đầu gối. Bản thân Paul đang chống lên bằng tay, hai chân dạng ra phía sau. Trông anh giống phiên bản người lớn lạ lùng của cháu trai thủy thủ Popeyes, Swee Pea.

Không... không... mày chết chắc rồi.

Mày sai rồi Paul ơi. Mày không giết được nữ thần đâu. Nữ thần là bất tử. Bây giờ tôi phải giũ đã.

Đôi mắt ả nhìn chằm chằm, kinh khủng. Một vết thương lớn, màu đỏ hồng, xuyên qua mái tóc bên trái của ả. Máu loang trên mặt ả.

"*BỬN*!" Annie gào lên bằng cổ họng bị nhét kín giấy. Ả bắt đầu trườn về phía anh, hai tay dang ra, uốn éo. "Òoo bửn!"

Paul xoay người theo nửa vòng tròn và bắt đầu bò ra cửa. Anh có thể nghe thấy tiếng ả ở phía sau anh. Và sau đó, khi bước vào vùng kính vỡ, anh cảm thấy bàn tay ả túm lấy mắt cá chân trái và bóp chặt phần chân cụt của mình. Anh hét lên.

"*BẨN*!" Annie gào đắc thắng.

Mặt ả dần thành ra tím tái, có vẻ như bị sưng tấy. Anh nhận ra ả thực sự đang trở thành thánh tượng của người Bourka.

Anh dùng hết sức giật mạnh và chân anh trượt ra khỏi tay ả, chỉ để lại cho ả duy nhất chiếc vòng da mà ả đã buộc vào hốc chân anh.

Anh lồm cồm bò lên, bắt đầu khóc, mồ hôi túa ra trên má. Anh chống khuỷu tay vào như một người lính đang tiến quân dưới làn đạn súng máy hạng nặng. Anh nghe thấy tiếng đầu gối đập xuống từ

phía sau, rồi lại một tiếng đầu gối nữa. Mụ đàn bà đó vẫn đang đến. Ả ta vững chắc như anh đã luôn lo sợ. Anh đã đốt ả đánh ả gãy lưng nhồi bông cổ họng ả với giấy và ả vẫn vẫn vẫn đang tới.

"*CHIM*!" Đến lúc này Annie gào lên. *"THỨ CHIM... BẨN THỈU!"*

Một trong hai cùi chỏ của anh hạ xuống cái móc thủy tinh và nó đâm thẳng vào cánh tay anh. Dù sao thì anh vẫn sẽ trườn về phía trước nhưng nó nhô ra từ người anh như một cái đinh ghim. Tay ả về lấy bắp chân trái của anh.

"Ò! GÀO... 000... ÀO!"

Anh quay lại lần nữa và đúng vậy, khuôn mặt ả đã đen kịt lại, màu đen như quả mơ thối mà trên đó đôi mắt chảy máu của ả lồi ra một cách điên cuồng. Cổ họng không ngừng chuyển động của ả đã sưng lên như nhét cả cái ống nước bên trong, còn miệng không ngừng quằn quại. Ả đang, anh nhận ra, cố gắng cười toe toét.

Cửa vừa lọt tầm với. Paul duỗi người ra và giữ rầm cửa ở một góc chết.

"Ò! GÀO...000... ÀO!"

Tay phải của ả trên đùi phải của anh.

Uỵch. Một đầu gối. *Uỵch*. Một đầu gối nữa.

Gần hơn. Bóng của ả. Bóng ả đổ xuống anh.

"Không," anh thút thít. Anh cảm thấy ả đang lôi lôi, kéo kéo. Anh dứt khoát giữ lấy cái rầm, đôi mắt giờ đã nhắm nghiền lại.

"Ò! GÀO...000... ÀO!"

Đổ lên đầu anh. Sấm sét. Sấm sét của nữ thần.

Lúc này tay ả lướt trên lưng anh như những con nhện và đặt trên cổ anh.

"Ò! GÀO...000... CON CHIM... BẨN THỈU!"

Không khí của anh dần bị rút cạn. Anh cầm cái rầm. Anh giữ cái nút và cảm nhận được ả trên người anh cảm thấy tay ả đang thọc vào cổ anh và anh hét lên *Chết đi mày không thể chết được à mày không chết à mày không thể à....*

"GÀ... O... G...”

Áp lực giảm dần. Trong giây lát anh đã có thể thở trở lại. Đoạn, Annie gục xuống trên người anh, một núi thịt nhão nhoét, và anh không thể thở được một chút nào.

45

Anh tìm cách thoát khỏi ả như một người đàn ông chui ra khỏi hố tuyết. Anh đã làm điều đó bằng chút sức lực cuối cùng của mình.

Anh trườn qua cửa, chỉ lo bàn tay ả sẽ lại túm lấy mắt cá chân anh bất cứ lúc nào, nhưng điều đó đã không xảy ra. Annie nằm im lặng, úp mặt xuống vũng máu, vũng sâm-panh và cả những mảnh thủy tinh màu xanh. Ả ta chết rồi à? Chắc ả chết rồi. Paul không tin rằng ả đã chết.

Anh đóng sầm cửa lại. Tay nắm cửa trước đó ả lắp lên trông cứ như một thứ gì đó ở lưng chừng vách núi cao, nhưng anh đã cố gắng leo tới chỗ nó, chốt nó, và rồi gục xuống trong cơn rùng mình dưới chân cánh cửa.

Anh nằm trong trạng thái sững sờ suốt một khoảng thời gian không xác định. Thử đánh thức anh khỏi trạng thái đó là âm thanh cào nhè nhẹ. *Bọn chuột,* anh nghĩ. *Là bọn ch...*

Rồi những ngón tay đầy máu của Annie thò qua phần dưới cửa và vô tình giật mạnh áo anh.

Anh hét lên và giật mình lùi khỏi chúng, chân trái như gãy siết lên vì đau. Thay vì kéo lại, chúng giật một chút và nằm im.

Hãy để đó là dấu chấm hết của mụ đàn bà đó. Xin Chúa để đó là cái kết của ả.

Lúc này trong cơn đau kinh khủng, Paul bắt đầu bò chậm rãi về phía phòng tắm. Anh đi được nửa đường và nhìn lại. Những ngón tay của ả vẫn đang thò ra từ dưới khe cửa. Đau đớn đến tột cùng,

anh không thể đứng nhìn hoặc thậm chí nghĩ về điều đó, và vì vậy anh đảo ngược hướng, quay lại và đẩy chúng vào trong. Anh phải tự căng não mình để làm việc này; anh chắc chắn rằng khoảnh khắc anh chạm vào chúng, chúng sẽ túm lấy anh.

Cuối cùng anh cũng đến được phòng tắm, từng bộ phận trên người anh nhói lên. Anh chui vào trong và đóng cửa lại.

Chúa ơi, điều gì sẽ xảy ra nếu ả đó đổi chỗ cất những viên thuốc?

Nhưng ả đã không làm thế. Những chiếc hộp bừa bộn vẫn còn đó, bao gồm cả mấy hộp đựng các gói mẫu của Novril. Anh lấy ba hộp rồi bò lại cửa nằm dựa vào đó, dùng sức nặng của cơ thể mà chặn lại.

Paul đã ngủ.

46

Khi anh tỉnh lại thì trời đã tối, và lúc đầu anh không biết mình đang ở đâu – sao phòng ngủ của anh lại nhỏ đến vậy? Rồi anh nhớ lại mọi thứ, và đến cùng với ký ức của anh là một điều chắc chắn đến lạ lùng: ả chưa chết, thậm chí bây giờ vẫn chưa chết. Ả đang đứng ngay bên ngoài cánh cửa này, cầm sẵn chiếc rìu, chỉ cần anh bò ra, ả sẽ cắt cụt đầu anh ngay. Thủ cấp anh sẽ lăn dọc hành lang như một quả bóng bowling trong tràng cười của ả.

Điên thật, anh tự nhủ, và rồi anh nghe thấy những gì anh nghĩ mình sẽ nghe thấy – một âm thanh sột soạt nhỏ, có lẽ là tiếng váy của một người đàn bà, lướt nhẹ vào tường.

Mày chỉ đang bịa ra thôi. Trí tưởng tượng của mày... rất sống động.

Tao không bịa. Tao nghe thấy.

Anh không nghe thấy. Anh biết điều đó. Tay anh với tới nắm đấm cửa, rồi rơi bất định về phía sau. Phải, anh biết mình đã không nghe thấy gì... nhưng lỡ anh nghe thấy thật thì sao?

Ả đó có thể đã đi ra ngoài cửa sổ.

Paul, ả ĐÃ CHẾT rồi!

Lời đáp trả, khắt khe theo nghĩa phi logic của nó: Nữ thần không bao giờ chết.

Anh nhận ra mình đang điên cuồng cắn môi và khiến bản thân dừng lại. Bị điên có phải là như thế này không nhỉ? Đúng vậy. Anh đã gần với điều đó lắm rồi, và ai có cái quyền cao cả đó hơn anh cơ

chứ. Nhưng nếu anh chịu thua, nếu cuối cùng cảnh sát quay lại vào ngày mai hoặc ngày kia để tìm thấy Annie đã chết trong phòng khách cùng một quả cầu nguyên sinh chất đang khóc sướt mướt trong phòng tắm ở tầng dưới, quả cầu nguyên sinh chất đã từng mang tên nhà văn Paul Sheldon, đó chẳng phải là chiến thắng của Annie sao?

Mày đoán xem. Và bây giờ, Paulie, mày sẽ trở thành một Con Ong chăm chỉ và làm theo kịch bản. Đúng chứ?

Đúng vậy.

Tay anh lại tìm đến cái nắm cửa... và lại rụt rè. Anh không thể làm theo kịch bản ban đầu. Trong đó, anh đã thấy mình châm lửa vào tờ giấy và ả nhặt nó lên, và điều đó đã xảy ra. Chỉ có điều anh mới dùng cái máy đánh chữ chết tiệt để nện vào não ả đàn bà thay vì dùng nó đánh vào lưng ả. Sau đó, anh định tìm cách đi vào phòng khách và phóng hỏa cả căn nhà. Theo kịch bản thì anh phải đào thoát qua một trong những cửa sổ phòng khách. Có thể anh sẽ ăn đòn nhừ tử, nhưng anh đã thấy Annie kỹ tính như thế nào trong việc khóa cửa. Thà chết đứng còn hơn sống quỳ, như lời mà anh tin là Thánh John Tẩy Giả từng nói.

Trong một cuốn sách, tất cả sẽ diễn ra theo đúng kế hoạch... nhưng cuộc sống này lếch thếch quá – bạn có thể nói gì cho sự tồn tại mà một vài cuộc trò chuyện quan trọng nhất của cuộc đời bạn diễn ra khi bạn cần phải đi ị hay làm gì đó? Một sự tồn tại mà thậm chí không có bất kỳ *chương hồi* nào?

“Thật là lếch thếch,” Paul nói. “Thật tốt khi có những người như mình, chỉ để giữ cho mọi thứ được rửa sạch.” Anh lảm nhảm.

Chai sâm-panh không có trong kịch bản, nhưng đó là chuyện nhỏ so với sức sống ghê tởm của ả đàn bà và sự bất định đau đớn hiện tại của anh.

Và cho đến khi anh biết liệu ả đã chết hẳn hay chưa, anh không thể thiêu rụi ngôi nhà, tạo ra một ngọn hải đăng giúp tìm kiếm sự giúp đỡ khi chạy trốn. Không phải vì Annie biết đâu vẫn còn sống; anh có thể nướng sống ả đàn bà đó mà không có một chút lợn cợn.

Không phải Annie đang giữ anh lại; mà là bản thảo. Bản thảo *thực sự*. Những gì anh đốt cháy chẳng qua chỉ là một ảo ảnh với trang tiêu đề ở trên cùng – những trang giấy trống xen kẽ cùng giấy viết lỗi và bỏ đi. Bản thảo thực sự của *Sự trở lại của Misery* đã được cất giữ an toàn dưới gầm giường, và nó vẫn ở đó.

Trừ khi ả đó vẫn còn sống. Nếu vẫn còn sống, lẽ ả ta đang ở trong đó đọc nó.

Thế mày định làm gì nào?

Đợi ở đây thôi, một phần trong anh cho lời khuyên. *Ở ngay đây, chỗ này ổn và an toàn mà*.

Nhưng một phần khác, dũng cảm hơn, thôi thúc anh phải vượt qua kịch bản – nhiều nhất trong khả năng của anh. Đến phòng khách, phá cửa sổ, ra khỏi căn nhà tồi tệ này. Đi tới mép đường và cắm cờ xuống một chiếc ô tô. Trong các trường hợp trước đây, điều này có thể có nghĩa là phải chờ đợi nhiều ngày, nhưng giờ thì không phải vậy nữa. Ngôi nhà của Annie đã trở thành địa điểm thu hút nhiều người qua lại.

Thu hết can đảm, anh với lấy tay nắm cửa và xoay nó. Cánh cửa từ từ mở ra trong bóng tối, và vâng, có Annie, có nữ thần, đứng đó trong bóng tối, một hình dạng màu trắng trong bộ đồng phục y tá...

Anh nhắm chặt mắt rồi mở chúng ra. Bóng thì có. Annie, thì không! Ngoại trừ những bức ảnh chụp trên báo, anh chưa bao giờ thấy ả đàn bà đó mặc đồng phục y tá. Chỉ có bóng tối. Bóng tối và trí tưởng tượng

(thật sống động)

Anh chậm rãi bò vào sảnh và nhìn xuống phòng ngủ dành cho khách. Cửa đóng im lìm và trống rỗng, đoạn anh bắt đầu bò về phía phòng khách.

Đó là một cái hố đen kịt. Annie có thể ẩn mình ở bất kỳ đâu trong đó; Annie có thể là bất kỳ ai trong số họ. Và ả có thể cầm rìu.

Anh lồm cồm bò.

Có một chiếc ghế sô-pha bị nhồi quá căng, và Annie đang trốn phía sau nó. Có một cánh cửa nhà bếp đang mở, và Annie đang đứng nấp ngay sau. Ván sàn kêu cót két sau lưng anh... Đương nhiên! Annie đã ở ngay sau anh rồi!

Anh quay lại, tim đập thình thịch, não căng cứng hai bên thái dương, và Annie ở đó, được rồi, chiếc rìu dựng lên, nhưng chỉ trong giây lát. Ả đàn bà lại mất dạng vào bóng tối. Anh chui vào phòng khách và đó là lúc anh nghe thấy tiếng máy bay không người lái của một động cơ đang đến gần. Một ánh đèn pha mờ nhạt rọi vào cửa sổ, sáng bừng lên. Anh nghe thấy tiếng lốp xe trượt trong đất và hiểu rằng họ đã nhìn thấy sợi xích mà ả đàn bà đã giăng ngang đường lái xe.

Cửa xe mở ra rồi đóng lại.

“Chết tiệt! Nhìn đây này!”

Anh bò nhanh hơn, trông ra ngoài thì thấy một bóng người đang tiến vào nhà. Hình dạng của chiếc mũ của hình bóng không thể

nhầm lẫn. Đó là một cảnh sát tiểu bang.

Paul mò mẫm trên bàn trưng mẫu vật, xô đổ bức tượng. Một vài cái rơi xuống sàn và vỡ tan. Tay anh kịp giữ được một cái, và điều này ít nhất cũng giống như một cuốn sách; nó giữ cho sự tròn trịa của tiểu thuyết được truyền tải chính xác, vì cuộc sống không mấy khi như vậy.

Đó là con chim cánh cụt đang ngồi trên khối băng.

GIỜ LÀ LÚC CÂU CHUYỆN CỦA TÔI ĐƯỢC KỂ! truyền thuyết trên bức tượng viết như thế, và Paul nghĩ: *Đúng! Cảm ơn Chúa!*

Chống trên cánh tay trái của mình, anh đặt tay phải của mình gần xung quanh chủ chim cánh cụt. Mụn nước thi nhau vỡ ra, chảy mủ. Anh rụt tay lại và ôm con chim cánh cụt qua cửa sổ phòng khách, giống như anh vừa ném cái gạt tàn qua cửa sổ phòng ngủ phụ cách đây không lâu.

"*Đây*" Paul Sheldon gào lên như mê sảng. "*Đây, ở đây làm ơn. Tôi ở trong này!*"

47

Còn có một điểm tròn trịa đầy tính tiểu thuyết khác trong luận điểm này: người ngoài kia chính là hai viên cảnh sát đã đến để hỏi Annie về Kushner hôm trước, David và Goliath. Chỉ là đêm nay, áo khoác thể thao của David không những không cài cúc, mà súng của anh ta cũng lộ ra ngoài. David hóa ra là Wicks. Goliath là McKnight. Họ đã đến với một lệnh khám xét. Cuối cùng, khi họ đột nhập vào ngôi nhà trước những tiếng la hét điên cuồng phát ra từ phòng khách, họ tìm thấy một người đàn ông trông giống như một cơn ác mộng đang trỗi dậy.

“Có một cuốn sách anh đọc hồi còn học trung học,” Wicks nói với vợ vào sáng sớm hôm sau. “Anh nghĩ là *Bá tước Monte Cristo*, hoặc có thể đó là *Tù nhân của Zenda*. Dù sao thì, trong cuốn sách có một gã kia đã trải qua bốn mươi năm biệt giam. Anh ta không được gặp ai trong bốn mươi năm. Trông ông này giống y như vậy luôn.” Wicks dừng lại một lúc, như muốn thể hiện rõ hơn những cảm xúc hỗn độn mà anh đã trải qua – kinh hoàng, thương hại, buồn bã và ghê tởm – hơn hết là tự hỏi rằng liệu một người đàn ông trông tồi tệ đến mức này có còn sống hay không. Anh không tìm được từ ngữ nào cho đủ. “Lúc ông ta trông thấy bọn anh, ông ta đã òa lên nức nở,” anh kể, và cuối cùng tiếp lời: “Ông ta cứ gọi anh là David. Anh không hiểu tại sao luôn.”

“Chắc trông anh giống ai đó mà ông ta biết, cô đáp.

“Có lẽ là vậy.”

48

Da dẻ Paul xám xịt, thân hình gầy guộc. Anh co ro bên táp đầu giường, toàn thân run rẩy, tròn xoe mắt nhìn họ.

“Ai...” McKnight bắt đầu.

“Nữ thần” người đàn ông gầy gò trên sàn nhà cắt ngang. Anh liếm môi. “Cậu phải cẩn thận với ả. Phòng ngủ. Ả ta giữ tôi trong đó. Nhà văn thú cưng. Phòng ngủ. Ả ta ở trong đó.”

“Annie Wilkes?” Wicks hỏi. “Trong cái phòng ngủ đó hả?” Anh gật đầu hướng về phía đại sảnh.

“Đúng. Đúng rồi. Khóa bên trong. Nhưng tất nhiên. Có một cái cửa sổ.”

“Ai cơ...” McKnight bắt đầu lần thứ hai.

“Chúa ơi, anh không thấy sao?’ Wicks hỏi. “Đó là người đàn ông mà Kushner đang tìm kiếm. Ông nhà văn đó. Tôi không thể nhớ tên ông ấy, nhưng đó là ông ấy.”

“Cảm ơn Chúa,” người đàn ông gầy gò nói.

“Cái gì?” Wicks cúi người về phía anh, cau mày.

“Cảm ơn Chúa, vì ngài không thể nhớ tên tôi.”

“Tôi không theo dõi ngài đâu, ông bạn.”

“Ổn cả rồi. Đừng bận tâm. Chỉ là ngài phải cẩn thận đấy. Tôi nghĩ ả chết rồi. Nhưng vẫn phải cẩn thận. Nếu ả chưa chết... nguy hiểm... như một con rắn đuôi chuông” Với nỗ lực to lớn, anh di chuyển thẳng chân trái vặn vẹo của mình vào chùm đèn pin của McKnight. “Chặt chân tôi. Rìu.”

Họ nhìn chằm chằm vào nơi không có chân anh trong vài giây dài, rồi McKnight thì thầm:

“Chúa ơi.”

“Nào,” Wicks nói. Anh ta rút súng và cả hai bắt đầu từ từ chuyển dọc hành lang đến cánh cửa phòng ngủ đã đóng của Paul.

“ *Hãy cẩn thận với mụ ta!*” Paul gằn xuống bằng chất giọng vỡ vụn và đứt quãng. “*Cẩn thận đó!*”

Họ mở chốt cửa và đi vào. Paul dựa người vào tường và ngả đầu ra sau, mắt nhắm nghiền. Anh lạnh quá. Anh không khỏi rùng mình. Họ sẽ hét lên hoặc ả đó sẽ hét lên. Có thể xảy ra xô xát. Có thể có nổ súng. Anh cố gắng chuẩn bị tâm trí cho cả hai. Thời gian trôi qua, và nó thực sự là một khoảng thời gian rất dài.

Cuối cùng, anh nghe thấy tiếng chân bắt đầu trở lại hành lang. Anh mở mắt ra. Đó là Wicks.

“ Ả ta đã chết,” Paul nói. “Tôi biết điều đó mà – phần tỉnh táo trong đầu tôi biết – nhưng tôi vẫn không thể.”

Wicks nói: “Có máu, kính vỡ và giấy cháy trong đó... nhưng không có ai trong phòng cả.”

Paul Sheldon nhìn Wicks, và sau đó anh bắt đầu hét lên. Anh vẫn không ngừng la hét khi anh dần ngất đi.

PHẦN IV
NỮ THẦN

“Sẽ có một người lạ cao lớn, tăm tối viếng thăm cô,” một người đàn bà Di gan bảo Misery, và Misery giật mình nhận ra hai điều cùng một lúc: không có người Di gan nào và hai người họ không còn ở riêng trong lều. Cô có thể ngửi thấy mùi nước hoa của Guendolyn Chastain ngay trước khi bàn tay của người đàn bà điên khùng túm lấy cổ họng cô.

“Thực tế,” người Di gan đã nhưng thực chất không phải người Di ĩ quan sát được, “Tôi nghĩ cô ta đang ở sẵn đây rồi.”

Misery cố gắng hét lên, nhưng cô đã không còn thở nổi.

ĐỨA CON CỦA MISERY.

“Trông nó luôn như vậy, thưa Ông chủ lan,” Hezekiah nói. “Dù ông có nhìn bà ấy như thế nào, bà ấy luôn có vẻ như đang nhìn ông. Tôi không biết điều đó có đúng không, nhưng người Bourka, họ nói kể cả ông có đứng sau lưng bà ấy, nữ thần ấy, bà ấy vẫn có vẻ đang nhìn chằm chằm vào ông.

“Nhưng rốt cuộc thì bà ta cũng chỉ là một cục đá,” lan nhận xét.

“Vâng, Ông chủ lan,” Hezekiah đồng ý. “Đó là thứ ban cho bà ấy sức mạnh của bà ấy. ""

SỰ TRỞ LẠI CỦA MISERY

1

uỳnh uỳnh

két uỳnhhh

uỳnhhhh.

Vẫn là những âm thanh ấy: ngay cả trong cơn mê man.

2

Bây giờ tôi phải giũ đã, ả nói, và sau đây là cách chúng được giũ:

3

Sau khi Wicks và McKnight đưa Paul Sheldon trở ra khỏi nhà Annie trên một cái cáng, anh đang phân chia thời gian của mình giữa Bệnh viện Doctors ở Queens và một căn hộ mới ở phía Đông vùng Manhattan. Chân của anh đã bị gãy lần nữa. Chân trái của anh vẫn còn bỏ bột từ đầu gối trở xuống. Các bác sĩ đã nói, anh sẽ đi tập tễnh trong suốt quãng đời còn lại của mình, nhưng anh sẽ đi bộ, và cuối cùng anh sẽ có thể đi lại mà không bị đau. Sự tập tễnh trông sẽ rõ ràng và khó khăn hơn nếu anh tự đi bằng chân mình thay vì một bộ phận giả được đặt làm riêng. Theo một cách mỉa mai, Annie đã cho anh một ân huệ.

Anh đã uống quá nhiều và không viết gì cả. Những giấc mơ của anh thật tồi tệ.

Khi bước ra khỏi thang máy ở tầng chín vào một buổi chiều tháng Năm, anh đã thay đổi suy nghĩ không phải về Annie mà là về gói hàng cồng kềnh được giấu một cách vụng về dưới cánh tay – nó chứa hai tấm bìa cuốn *Sự Trở Lại của Misery*. Các đại diện xuất bản của anh đã đưa cuốn sách đi rất nhanh, và nếu xem xét mọi tựa sách trên đời được viết ra dưới những điều kiện kỳ lạ như cuốn này, việc đó hầu như chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Hastings House đã đặt hàng một triệu bản in đầu tiên như chưa từng có tiền lệ. “Và đó mới chỉ là khởi đầu,” Charlie Merrill, biên tập viên của anh đã nói với anh vào bữa trưa ngày hôm đó – bữa trưa mà từ đó Paul trở về với phiên bản in mẫu của mình. “Cuốn sách này sẽ bán chạy hơn tất

thảy sách báo trên đời, bạn của tôi. Tất cả chúng ta chỉ nên quỳ xuống cảm ơn Chúa rằng câu chuyện trong cuốn sách cũng hay như câu chuyện đằng sau cuốn sách."

Paul không biết điều đó có đúng không, và cũng không thực sự quan tâm. Anh chỉ muốn bỏ nó lại sau lưng để bắt tay vào cuốn sách tiếp theo. Nhưng ngày cạn kiệt trở thành tuần, rồi tháng cạn kiệt, đến mức anh bắt đầu tự hỏi liệu có bao giờ có cuốn sách tiếp theo hay không.

Charlie đã cầu xin anh cho một bản miêu tả phi hư cấu về thử thách mà anh đã phải trải qua. Ông ta nói, cuốn sách đó sẽ bán chạy hơn cả *Sự trở lại của Misery*. Mà thực ra, có khi còn bán chạy hơn *Iacocca*. Khi Paul hỏi ông ta, vì tò mò vu vơ, rằng ông ta nghĩ chi phí bản quyền cho bản bìa mềm của cuốn sách như vậy có thể đạt tối đa bao nhiêu, Charlie đã vuốt mái tóc dài ra khỏi trán, đốt một điếu Camel và đáp: "Tôi tin rằng chúng ta có thể đặt mức sàn là mười triệu đô và rồi mở một cuộc đấu giá." Ông ta không chớp mắt sau khi nói điều đó; và sau một hoặc hai tích tắc, Paul nhận ra rằng ông ta đang nghiêm túc hoặc nghĩ rằng mình đang nghiêm túc.

Nhưng không thể nào anh viết được một cuốn sách như vậy, chưa, có lẽ là không bao giờ. Công việc của anh là viết tiểu thuyết. Anh có thể viết một bài mô tả như Charlie muốn, nhưng làm như vậy sẽ tương đương với việc thừa nhận với bản thân rằng anh sẽ không bao giờ viết một cuốn tiểu thuyết nào khác.

Và trò đùa ở đây là nó có thể là một cuốn tiểu thuyết, anh suýt đã nói với Charlie Merrill... nhưng kìm lại được. Trò đùa ở đây là Charlie sẽ không quan tâm.

Mới đầu nó sẽ là chuyện thật, rồi tôi bắt đầu tinh chỉnh nó. chỉ một chút ban đầu thôi... rồi thêm một chút nữa... rồi thêm một chút nữa. Không phải để chính tôi trông đàng hoàng hơn (dù có vẻ tôi sẽ như vậy), càng không phải để bôi xấu thêm hình ảnh Annie (ả ta không thể xấu xa hơn được nữa). Chỉ đơn giản là để tạo ra những góc tròn trịa. Tôi không muốn hư cấu hóa chính mình. Viết lách có thể là phương pháp thủ dâm tinh thần, nhưng Chúa ơi ngăn cấm nó là hành vi ăn thịt người.

Căn hộ của anh ở số 9E, xa thang máy nhất, và hôm nay hành lang trông dài hai dặm. Anh bắt đầu loạng choạng bước dọc hành lang, mỗi tay cầm một chiếc gậy chống hình chữ T. *Lạch cạch... lách cách... lách cách... lách cách*. Chúa ơi, anh ghét âm thanh đó.

Chân anh đau nhức dữ dội và anh khao khát có được Novril. Đôi khi anh nghĩ chỉ cần có thuốc thì quay lại với Annie cũng đáng. Các bác sĩ đã cố cai thuốc cho anh. Rượu là giải pháp thay thế, và khi vào trong, anh sẽ uống một ly rượu bourbon kép.

Sau đó, anh sẽ nhìn vào màn hình trống của trình xử lý văn bản của mình một lúc. Vui cực kỳ! Chặn giấy mười lăm nghìn đô-la của Paul Sheldon.

Lạch cạch... lách cách... lách cách... lách cách.

Bây giờ phải lấy chìa khóa ra khỏi túi mà không làm rơi phong bì manila chứa bản in mẫu hay các cây gậy chống. Anh chống gậy vào tường. Trong khi anh đang làm điều đó, các bản in lọt khỏi cánh tay anh và rơi xuống thảm. Phong bì mở tung.

“Chết tiệt!” anh gầm gừ, và sau ngay đó những chiếc gậy rơi xuống cùng âm thanh lách cách, làm tăng thêm phần thú vị.

Paul nhắm mắt lại, loạng choạng lắc lư trên đôi chân đang vặn vẹo, đau nhức của mình, chờ xem anh sắp nổi điên hay sẽ khóc. Anh hy vọng mình sẽ nổi điên. Anh không muốn khóc ở giữa sảnh thế này, nhưng anh có thể. Anh đã khóc. Chân anh lúc nào cũng đau và anh muốn dùng thuốc mê chứ không phải thuốc aspirin hạng nặng mà họ cho anh ở trạm y tế của bệnh viện. Anh muốn thuốc mê xịn của mình, liều Annie. Và ôi anh đã rất mệt mỏi trong suốt thời gian qua. Những gì anh cần để nâng đỡ anh không phải là những cây gậy tồi tệ đó mà là những trò chơi và câu chuyện đáng tin cậy của anh. Chúng là liều thuốc tốt, là phương án sửa chữa bất bại, nhưng tất cả đều đã bỏ trốn. Có vẻ như giờ chơi cuối cùng đã kết thúc.

Sau tất cả, đây là những gì xảy ra, anh nghĩ, mở cửa và lảo đảo bước vào căn hộ. *Đây là lý do tại sao không ai viết nó. Nó quả thế lương. Đảng ra ả nên chết ngúm sau khi mình nhét đầy giấy trắng và giấy chảy vào đầu ả và mình cũng nên chết luôn lúc đó. Vào thời điểm đó, nếu không có ai khác, chúng tôi thực sự giống các nhân vật trong một trong những vở kịch chương hồi của Annie – không có màu xám, chỉ có da đen và da trắng, tốt và xấu. Mình là Geoffrey và ả đó là Nữ thần Ong Bourka. Điều này... Chà, mình đã nghe nói về đoạn kết, nhưng điều này thật nực cười. Đừng bận tâm đến mớ hỗn độn trên sàn nhà. Uống rượu trước đã, dọn dẹp để sau. Làm Con ong Không ngoan trước đã rồi làm...*

Anh dừng lại. Anh có thời gian để nhận ra căn hộ đã tối. Và phảng phất một thứ mùi. Anh biết mùi đó là hỗn hợp chết người của bụi bẩn và phấn phủ.

Annie đứng dậy từ phía sau ghế sô-pha như một bóng ma trắng mặc đồng phục y tá và đội mũ lưỡi trai. Với chiếc rìu trên tay, ả hét lên: *Đã đến lúc giũ sạch rồi, Paul! Đã đến lúc giũ sạch!*

Anh ré lên, cố gắng bật đôi chân đau của mình. Ả nhảy lên ghế sô-pha với sức mạnh vụng về, trông giống như một con ếch bạch tạng. Bộ đồng phục của ả khô sột soạt. Củ quét đầu tiên của chiếc rìu không hơn gì đánh bay cơn gió từ anh – đây thực sự là những gì anh nghĩ cho đến khi anh đáp xuống tấm thảm có mùi máu của chính mình. Anh nhìn xuống và thấy mình đã bị cắt gần một nửa.

"*Giũ*" Ả rẻ lên, và tay phải anh bay ra.

"*Giũ*" Ả lại gào lên và rồi bàn tay trái anh đi mất; anh trườn về phía cánh cửa đang mở trên những đoạn cụt khẳng khiu ở cổ tay, và thật lạ kỳ những bản in mẫu vẫn còn ở đó, những bản in mà Charlie đưa anh trong bữa cơm với ông Lee, bằng cách trượt phong bì manila cho anh qua chiếc khăn ăn trắng lấp lánh trong khi Muzak trôi xuống từ cái loa trên cao.

"Annie, cô có thể đọc nó ngay bây giờ!" anh cố gắng hét lên, nhưng chỉ kịp thoát khỏi Annie trước khi đầu anh ra và lặn vào tường. Cái nhìn lờ mờ cuối cùng của anh về thế giới là cơ thể đang gục xuống của chính mình và đôi giày trắng của Annie đứng sừng sững trước nó:

Nữ thần, anh nghĩ, và chết.

4

Kịch bản: Một dàn ý hoặc tóm tắt. Một phác thảo cốt truyện.
Webster's New Collegiate
Tác giả: một người viết, đặc biệt như một nghề nghiệp.
Webster's New Collegiate
Hư cấu: Giả cách hoặc giả vờ.
Webster's New Collegiate

5

Paulie, Bạn có thể không?

6

Có; tất nhiên anh có thể. “*Kịch bản của nhà văn* là Annie vẫn còn sống, mặc dù anh hiểu điều này chỉ là *hư cấu*.

7

Anh thực sự đã đi ăn trưa với Charlie Merrill. Tất cả các cuộc trò chuyện đều giống nhau. Chỉ khi anh vào căn hộ của mình, anh mới biết người phụ nữ quét dọn đã kéo màn, và mặc dù anh ngã xuống và phải hét lên vì sợ hãi khi Annie đứng dậy như Cain từ phía sau ghế sô-pha, đó chỉ là một con mèo, một con mèo Xiêm mắt chéo tên là Dumpster mà anh nhận nuôi tháng trước với giá một đồng bảng Anh.

Không có Annie bởi Annie hoàn toàn không phải là một nữ thần, đó chỉ là một ả điên đã làm tổn thương Paul vì những lý do của riêng mình. Annie đã rút được hầu hết các cục giấy từ miệng và cổ họng của mình ra và đã thoát ra qua cửa sổ phòng Paul trong khi Paul đang say ngủ vì phê thuốc. Ả đến được nhà kho và đã gục ở đó. Ả đã chết khi Wicks và McKnight tìm thấy ả, nhưng không phải vì bị siết cổ. Ả đã thực sự chết vì nứt hộp sọ khi ngã đập đầu vào lò sưởi, và ả đập đầu vào lò sưởi vì đã trượt chân ngã. Vì vậy, theo một cách nào đó ả đã bị giết bởi chính chiếc máy đánh chữ mà Paul ghét cay ghét đắng.

Nhưng ả đã có kế hoạch cho anh, được rồi. Lần này, ngay cả chiếc rìu cũng không đủ.

Họ đã tìm thấy ả bên ngoài chuồng lợn Misery, một tay còn ôm khư khư cái của máy.

Dù sao thì tất cả đều đã thuộc về quá khứ. Annie Wilkes đã nằm gọn trong mồ. Nhưng giống như Misery Chastain, ả ta yên nghỉ

không được thoải mái. Trong những giấc mơ khi ngủ và những tưởng tượng khi thức, anh đã quật mả lên hết lần này đến lần khác. Mày không thể giết nữ thần. Có thể tạm thời đánh lừa mụ ta bằng rượu bourbon, nhưng đó là tất cả.

Anh đi đến quầy bar, nhìn vào chai rượu, rồi nhìn lại nơi đặt bản in mẫu và gậy chống của mình. Anh nhìn cái chai, chào tạm biệt và quay lại với đồ của mình.

8

Giũ sạch.

9

Nửa giờ sau, anh đang ngồi trước màn hình trống, nghĩ rằng mình phải là một kẻ tham ăn để bị trừng phạt. Anh đã uống aspirin thay vì rượu, nhưng điều đó không thay đổi những gì sẽ xảy ra bây giờ; anh sẽ ngồi đây trong mười lăm phút hoặc có thể nửa giờ, không nhìn gì ngoài một con trỏ nhấp nháy trong bóng tối; sau đó anh sẽ tắt máy và uống đồ uống đó.

Ngoại trừ...

Ngoại trừ việc anh đã nhìn thấy điều gì đó vui nhộn trên đường đi ăn trưa với Charlie về, và nó đã cho anh một ý tưởng. Không phải to tát gì. Chỉ là một cái nhỏ thôi. Rốt cuộc, đó chỉ là một sự tình cờ nho nhỏ. Chỉ là một đứa trẻ đẩy xe hàng lên Đường số 48, vậy thôi, nhưng có một cái lồng trong xe, và trong đó là một con vật khá lớn đầy lông lá mà thoạt đầu Paul tưởng là một con mèo. Nhìn kỹ hơn thì thấy có một sọc trắng rộng trên lưng nó.

“Sonny,” anh gọi, “đó có phải là một con chồn hôi không?”

“Vầng” đứa trẻ đáp, và đẩy xe hàng nhanh hơn một chút. Bạn sẽ không dừng lại chuyện trò lâu la với người lạ trên phố, đặc biệt là mấy gã có vẻ ngoài kỳ lạ với bọng mắt dày như túi Samsonite loại kép, còn đang lúi húi trên những chiếc gậy đi bộ bằng kim loại. Đứa trẻ rẽ vào góc và đi mất.

Paul tiếp tục đi, muốn bắt taxi, nhưng anh phải đi bộ ít nhất một dặm mỗi ngày. Đây là một dặm đó của anh, nó đau đớn như địa ngục và để đánh lạc hướng suy nghĩ của mình khỏi một dặm đó,

anh bắt đầu tự hỏi đứa trẻ đó đến từ đâu, xe đẩy hàng đến từ đâu, và hơn hết là con chồn hội đến từ đâu.

Anh nghe thấy tiếng động sau lưng và quay lại từ phía màn hình trống rỗng để trông thấy Annie từ trong bếp đi ra với chiếc quần jeans, áo sơ mi nhung tăm màu đỏ và một cái của tay trên tay.

Anh nhắm mắt lại, mở ra, lại nhìn thấy những thứ vốn đã ở đó và đột nhiên tức giận. Anh quay lại trình xử lý văn bản và viết thật nhanh, cứ như muốn phá tan bàn phím:

-1

Thằng nhóc nghe thấy âm thanh ở phía sau tòa nhà và dù nó nghĩ rằng chỉ là mấy con chuột, nó vẫn rẽ vào góc - về nhà bây giờ thì sớm quá, vì một tiếng rưỡi nữa mới tan học và nó đã trốn giờ ăn trưa.

Thằng nhóc thấy thứ đang thu mình lại trong một trục ánh sáng mặt trời đầy bụi không phải là một con chuột mà là một con mèo đen to lớn với chiếc đuôi rậm rạp nhất mà nó từng biết.

10

Anh dừng lại, tim bỗng đập thình thịch.

Paulie, bạn có thể không?

Đây là câu hỏi mà anh không dám trả lời. Anh lại cúi xuống bàn phím, và sau một lúc bắt đầu gõ phím... nhưng nhẹ nhàng hơn bây giờ.

11

Đó không phải là một con mèo. Eddie Desmond đã sống ở Thành phố New York từ bé tới lớn, nhưng thằng nhóc đã từng đến Sở thú Bronx, và Chúa ơi, có sách tranh ở đó không? Nó biết thứ đó là gì, mặc dù nó không hiểu nổi làm thế nào mà một thứ như vậy lại có thể lọt vào khu tập thể Đường số 105 vắng vẻ ở phía Đông này, nhưng sọc trắng dài ở lưng nó là một món quà chết chóc. Đó là một con chồn hôi.

Eddie bắt đầu chậm rãi tiến về phía nó, chân nghiến trong bụi thạch cao

12

Anh có thể. Anh *có thể*.

Vì thế, trong lòng biết ơn và trong nỗi kinh hoàng, anh đã viết được. Cái lỗ mở ra và Paul nhìn chằm chằm vào thứ ở đó, không biết rằng những ngón tay của anh đang tăng tốc, không biết rằng đôi chân đau nhức của anh ở cùng một thành phố nhưng cách đó năm mươi dãy phố, không biết rằng nước mắt anh đang rơi trên từng nhịp gõ phím.

Lovell, Maine: 23 tháng Chín năm 1984/ Bangor, Maine: ngày 7 tháng Mười năm 1986: *Giờ là lúc câu chuyện của tôi được kể.*

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

[1E]Tên gọi vùng khai thác phía Tây nước Mỹ cuối thế kỷ 19; khi Nội chiến, vùng này còn chưa thuộc lãnh thổ chính thức của bang nào và vì thế cũng vô pháp vô thiên.

[2E] Dẫn xuất của thuốc phiện dùng để giảm đau, một dạng thuốc ho, và thuốc trị tiêu chảy.

[3E] Curve ball: đường bóng xoáy trong môn bóng chày. Khi được ném theo kiểu này, trái bóng sẽ không đi theo một đường thẳng mà nó lắc lư theo mọi hướng nên khó bị đánh trúng.

[4E] Áo xmô-king, áo khoác ngoài mặc ở phòng hút thuốc (cho khỏi ám khói thuốc vào quần áo trong).

[5E]Công tước đầu tiên của Wellington, lãnh đạo chủ chốt của Anh trong trận đánh với Napoleon.

[6E]Người lai giữa người châu Âu và người cổ Khoikhoi.

[7E]Chứng bắt thế hay là Chứng giữ nguyên thế (tiếng Anh là Catalepsy) là một trạng thái thần kinh đặc trưng bởi sự cứng cơ và tư thế bất động bất kể kích thích từ bên ngoài cũng như sự giảm cảm giác đau.

[8E]Tên hãng sản xuất chất tẩy rửa.

[9E]Tên hãng sản xuất chất đánh bóng đồ đạc.

[10E] Brownie point: điểm dành cho các brownie – hay hướng đạo sinh nữ từ 8-11 tuổi. Các brownie sẽ nhận được điểm thưởng khi làm một việc tốt nên từ thập niên 50, điểm brownie được dùng như hệ thống quy đổi xã hội tưởng tượng thể hiện điểm tốt cho hành động tốt, về sau còn được sử dụng chỉ phần thưởng khi giúp đỡ hoặc làm điều tốt đẹp cho vợ/chồng.

[11E]Trang phục phổ biến thời Victoria, tất cả tùng phồng tập trung ở phần mông do quan niệm thân hình người phụ nữ phải là hình chữ S mới đẹp

[12E] Catatonia hay còn gọi là hội chứng căng trương lực, là một rối loạn tâm thần ảnh hưởng đến khả năng di chuyển bình thường của một người. Những người mắc chứng này có triệu chứng phổ biến nhất là sững sờ (người bệnh không thể di chuyển, nói chuyện hoặc phản ứng với kích thích).

[13E] Lực lượng vũ trang của Đức Quốc xã.

[14E] Một phát thanh viên nổi tiếng người Mỹ, dẫn cho đài ABC News.

[15E] Viết tắt của Modus Operandi: thủ pháp hành sự

[16E] Nguyên văn: Sticks and stones may break my bones, ý chỉ người khác có nói hay viết điều xấu gì về bạn thì cũng không làm bạn tổn thương hay buồn phiền.

[17E] Truyện cổ tích Andersen. Công chúa được coi là thập toàn thập mỹ và cưới được hoàng tử vì nàng nhận ra hạt đậu dưới 20 lớp đệm.

[18E] Robert Ludlum, tác giả kinh dị ăn khách nhưng lối viết thường bị đánh giá là ngô nghê, lỏng lẻo.

[19E] Các nước cộng hòa Boer là các nước cộng hòa độc lập, tự quản được thành lập bởi những cư dân nói tiếng Hà Lan của Thuộc địa Cape và con cháu của họ.

[20E] Hành động thắt đai vào chân để ngựa không đi xa. Từ gốc hobbling còn có nghĩa là đi tập tễnh.

[21E]Luau là một bữa tiệc mang phong cách truyền thống của người Hawaii với thực đơn phong phú và tiết mục ca nhạc dân gian sôi động.

[22E] Nguyên văn: *Roll out those lazy, hazy, crazy days of summer* – câu đầu tiên trong bài hát *Those Lazy, Hazy, Crazy Days of Summer* của Nat King Cole

Table of Contents

1. PHẦN I: Annie
    1. 1
    2. 2
    3. 3
    4. 4
    5. 5
    6. 6
    7. 7
    8. 8
    9. 9
    10. 10
    11. 11
    12. 12
    13. 13
    14. 14
    15. 15
    16. 16
    17. 17
    18. 18
    19. 19
    20. 20
    21. 21
    22. 22
    23. 16
    24. 24
    25. 25
    26. 26
    27. 27
    28. 28
    29. 29
    30. 30
    31. 31

    32. 32
    33. 33
    34. 34
    35. 35
    36. 36
2. PHẦN II MISERY
    1. 1
    2. 2
    3. 3
    4. 4
    5. 5
    6. 6
    7. 7
    8. 8
    9. 9
    10. 10
    11. 11
    12. 12
    13. 13
    14. 14
    15. 15
    16. 16
    17. 17
    18. 18
    19. 19
    20. 20
    21. 21
    22. 22
    23. 23
3. PHẦN III
    1. 1
    2. 2
    3. 3
    4. 4
    5. 5
    6. 6

7. 7
8. 8
9. 9
10. 10
11. 11
12. 12
13. 13
14. 14
15. 15
16. 16
17. 17
18. 18
19. 19
20. 20
21. 21
22. 22
23. 23
24. 24
25. 25
26. 26
27. 27
28. 28
29. 29
30. 30
31. 31
32. 32
33. 33
34. 34
35. 35
36. 36
37. 37
38. 38
39. 39
40. 40
41. 41
42. 42

43. 43
44. 44
45. 45
46. 46
47. 47
48. 48
4. PHẦN IV NỮ THẦN
    1. 1
    2. 2
    3. 3
    4. 4
    5. 5
    6. 6
    7. 7
    8. 8
    9. 9
    10. 10
    11. 11
    12. 12